

ĐẬU QUANG TUẤN  
Cử nhân Toán - Kỹ sư Tin Học

# TỰ HỌC LẬP TRÌNH CƠ SỞ DỮ LIỆU SQL SERVER 2000 & Visual Basic .NET

MỘT CÁCH NHANH CHÓNG VÀ CÓ HIỆU QUẢ NHẤT

- ▣ Lập trình cơ sở dữ liệu sử dụng DataGrid
- ▣ Phân phối ứng dụng qua Setup Wizard
- ▣ Báo cáo qua Crystal Report

DÙNG CHO KỸ THUẬT VIÊN & SINH VIÊN NGÀNH TIN HỌC

## ***CUNG CÁCH TRÌNH BÀY :***

- Ngắn gọn và dễ hiểu.
- Hướng dẫn chi tiết và rõ ràng.
- Các ví dụ mẫu thực tế & đa dạng.



NHÀ XUẤT BẢN GIAO THÔNG VẬN TẢI 2005



**Đậu Quang Tuấn**

Cử nhân toán - Kỹ sư tin học

# Tự học lập trình cơ sở dữ liệu **SQL SERVER 2000** và **VISUAL BASIC.NET**

MỘT CÁCH NHANH CHÓNG VÀ CÓ HIỆU QUẢ NHẤT

*Qua các chương trình mẫu*

- ☒ Lập trình cơ sở dữ liệu sử dụng DataGrid
- ☒ Phân phối ứng dụng qua Setup Wizard

*(Dùng cho kỹ thuật viên và sinh viên ngành tin học)*

*Cung cách trình bày:*

- Ngắn gọn và dễ hiểu
- Hướng dẫn chi tiết và rõ ràng
- Các chương trình mẫu thực tế và đa dạng

**NHÀ XUẤT BẢN GIAO THÔNG VẬN TẢI - 2005**

## LỜI NÓI ĐẦU

Xin chào các bạn học sinh, sinh viên và quý độc giả yêu thích bộ môn tin học. Lời đầu tiên, chúng tôi xin chân thành cảm ơn các bạn vì trong thời gian qua đã đón đọc những tập sách về ứng dụng và lập trình của chúng tôi biên soạn. Những ý kiến đóng góp và nhận xét của các bạn sinh viên và quý độc giả xa gần, đã khích lệ vô cùng to lớn và động viên chúng tôi tiếp tục nghiên cứu những khía cạnh mới trong bộ môn tin học này. Sau cuốn "Tự học lập trình Visual Basic.NET" và "Tự học lập trình cơ sở dữ liệu Access 2003 và Visual Basic.NET" đã được xuất bản. Hôm nay chúng tôi hoàn thành tập sách "Tự học lập trình cơ sở dữ liệu SQL Server 2000 và Visual Basic.NET" qua các chương trình mẫu sao cho thật ngắn gọn và dễ hiểu. Trong nội dung của tập sách, chúng tôi có hướng dẫn thêm cách thực hiện để phân phối ứng dụng khi đã hoàn thành xong chương trình. Nghiên cứu tập sách này, chắc chắn các bạn sẽ cảm thấy hài lòng, những kiến thức hướng dẫn trong các chương trình mẫu sẽ giúp các bạn tự thiết kế những chương trình khác một cách dễ dàng và các bạn có thể nghiên cứu thêm để viết tiểu luận hoặc đồ án ra trường. Hy vọng tập sách này sẽ là động cơ thúc đẩy các bạn yêu thích lập trình và sẽ đưa các bạn tiến sâu hơn trên con đường tin học của mình.

Mặc dầu đã có nhiều cố gắng khi biên soạn, nhưng cũng không tránh khỏi thiếu sót, chúng tôi mong được sự đóng góp ý kiến của quý độc giả xa gần, để lần tái bản sau sẽ hoàn chỉnh hơn. Chúc các bạn học giỏi và đóng góp trí tuệ mình cho đất nước thân yêu của chúng ta.

*Chúng tôi thiết nghĩ, đây là một cuốn sách không thể thiếu được trong tủ sách tin học của bạn. Nếu cảm nhận dễ hiểu xin giới thiệu với quý độc giả khác để cùng đón đọc.*

Tháng 5 năm 2005

Tác giả

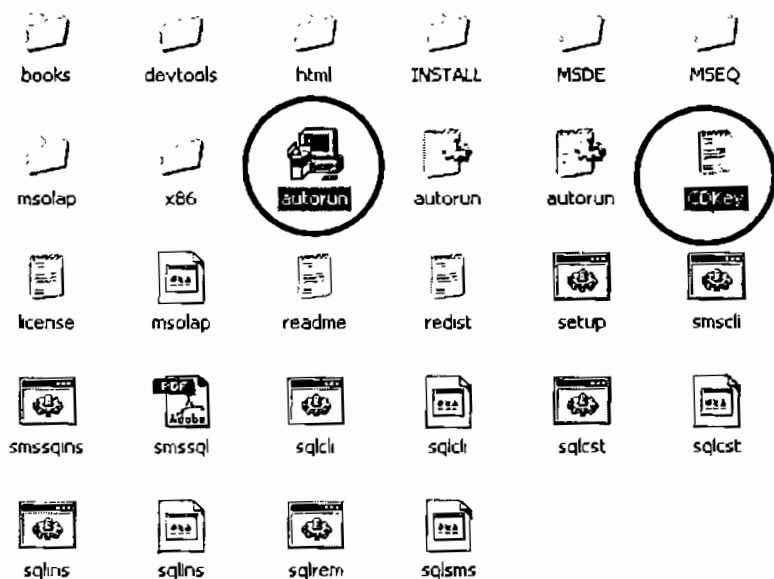
Đậu Quang Tuấn

# Bài 1

## Cách cài đặt SQL SERVER 2000

- ☑ Cho đĩa CD **SQL SERVER 2000** vào ổ đĩa
- ☑ Click nút phải chuột tại nút **Start**, chọn **Explorer**
- ☑ Trong cửa sổ click chọn tên ổ đĩa, bạn sẽ thấy các tập tin có trong đĩa CD như hình sau:

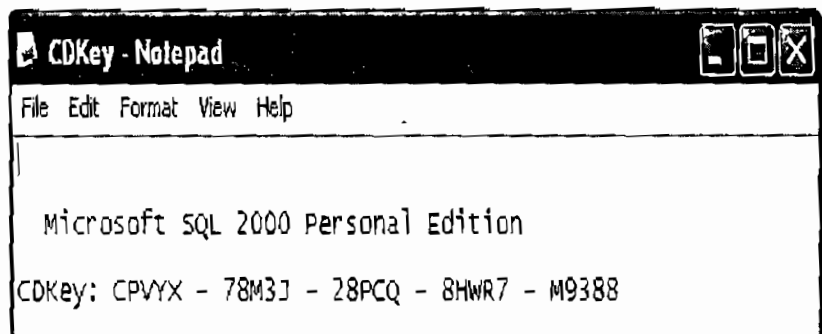
### Files Currently on the CD



B1H1

Nhìn trong các danh sách các mục, bạn thấy có tập tin **CDKey** và tập tin **Autorun.exe**

☑ Click nút *phải chuột* trên tập tin **CDKey**, chọn **Open**, bạn sẽ thấy hình sau:



B1H2

Bạn ghi CDKey ra giấy để khi cài đặt sẽ điền vào hộp thoại. Đó là **CPVYX - 78M3J - 28PCQ - 8HWR7 - M9388**

☑ Click nút *phải chuột* trên tập tin **autorun.exe**, click **Open** trong menu hiện ra. Bạn thấy hình như sau:



## Microsoft **SQL Server 2000** Personal Edition



SQL Server 2000 Components



SQL Server 2000 Prerequisites



Browse Setup/Upgrade Help



Read the Release Notes



Visit Our Web Site

B1H3

Trong trường hợp này bạn chọn **SQL Server 2000 Components**. Bạn thấy hình sau hiện ra



Install Components

# Microsoft SQL Server 2000 Personal Edition



Install Database Server



Install Analysis Services



Install English Query

Back

Exit

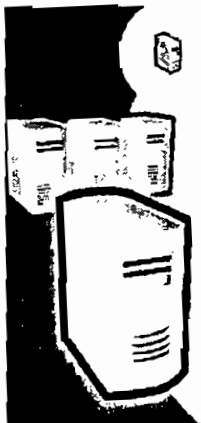
B1H4

Trong hình có ba mục:

- Cài đặt cơ sở dữ liệu SQL Server 2000
- Cài đặt dịch vụ phân tích
- Cài đặt dịch vụ truy vấn anh ngữ

Bạn chọn mục **Install Database Server** (cài đặt CSDL SQL Server 2000). Bạn thấy hình sau hiện ra

## Welcome



Welcome to the Microsoft SQL Server Installation Wizard

The Installation Wizard allows you to install a new instance of SQL Server or modify an existing instance

Next >

Cancel

B1H5

Click nút **Next**, bạn có hình như sau:

## Computer Name



Enter the name of the computer on which you want to create a new instance of SQL Server or modify an existing instance of SQL Server.

To create the name of a new instance of Virtual SQL Server, click **Virtual**.

Computer Name

- Local Computer
- Remote Computer
- Virtual Instance

Instance Name

Help

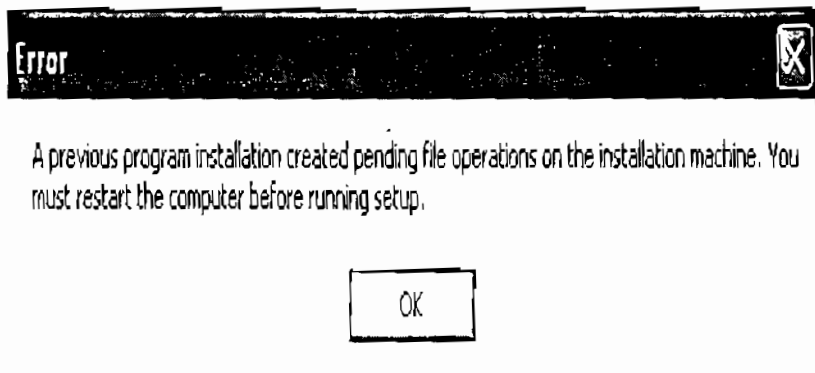
< Back

Next >

Cancel

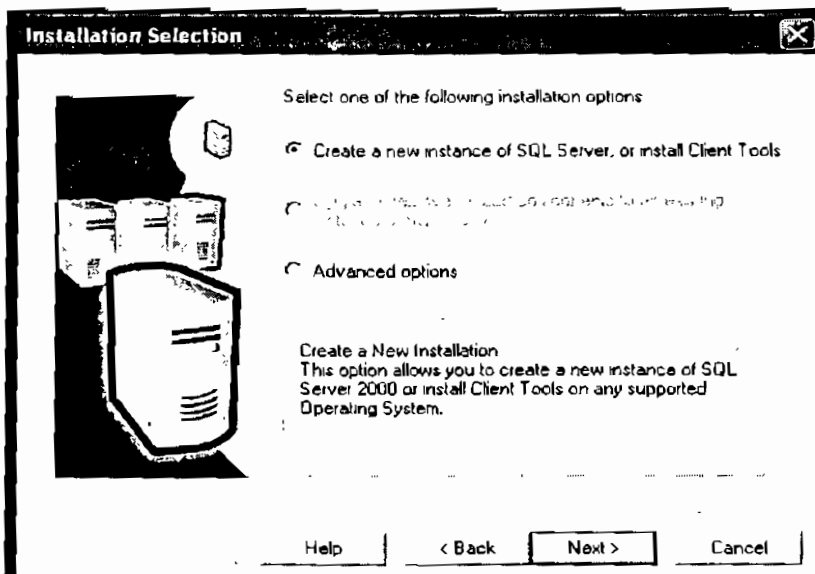
B1H6

☑ Click nút **Next**, hộp thoại kế tiếp hiện ra (nếu có hộp thoại báo lỗi hiện ra vì một lý do nào đó, yêu cầu bạn khởi động lại rồi mới chạy chương trình cài đặt, click OK và khởi động lại máy)



B1H7

☑ Khởi động lại máy tính và thực hiện cài đặt lại, khi cài đặt tới hình H5, Click nút **Next**, bạn sẽ thấy hình như sau:




B1H8

☑ Click nút **Next**, bạn thấy hình sau hiện ra



**User Information** [X]

Enter your name below. It is not necessary to enter a company name.



Name:


Company:

< Back    Next >    Cancel

B1H9

Do máy chúng tôi mua ở Phong Vũ khi cài đặt Windows nên có tên như vậy, Click nút **Next**, bạn thấy hộp thoại sau:

**Software License Agreement** [X]

 Please read the following License Agreement. Press the PAGE DOWN key to see the rest of the agreement.

---

**ADDENDUM TO THE MICROSOFT END USER LICENSE AGREEMENT FOR MICROSOFT SQL SERVER 2000**

The software accompanying this Addendum, Microsoft SQL Server Personal Edition (the "Client Software") is provided to you for use under the terms and conditions of the end user license agreement you acquired with Microsoft SQL Server (Standard or Enterprise Edition) (the "EULA"). Please refer to the EULA for license rights and requirements associated with Client Software. The Client Software is deemed part of the Product (as defined in the EULA), and as such, if you do not have a validly licensed copy of the Product, you are not authorized to use the Client Software. Any capitalized terms used in this Addendum shall have the same meaning as set forth in the EULA, unless otherwise set forth in this Addendum. All terms and conditions of the EULA remain in full force and effect.

Do you accept all the terms of the preceding License Agreement? If you choose No, Setup will close. To install Microsoft SQL Server 2000, you must accept this agreement.

< Back    Yes    No

B1H10

☑ Click nút **Yes**, bạn sẽ có hộp thoại như hình sau:

## CD-Key

Enter your 25-digit CD-Key

CPVYX -78M3J -28PCQ -8HWR7 -M9388

You can find this number on the yellow sticker in the CD liner notes or the CD sleeve.

< Back

Next >

Cancel

B1H11

☑ Bạn nhập CDKey mà bạn ghi ngoài giấy vào trong các ô, click nút **Next** bạn có hình như sau:

## Installation Definition



You can select one of the following types of installations.

- Client Tools Only
- Server and Client Tools
- Connectivity Only

This option allows you to install a server and the client tools. Use this option if you want to set up a server with administration capabilities.

Help

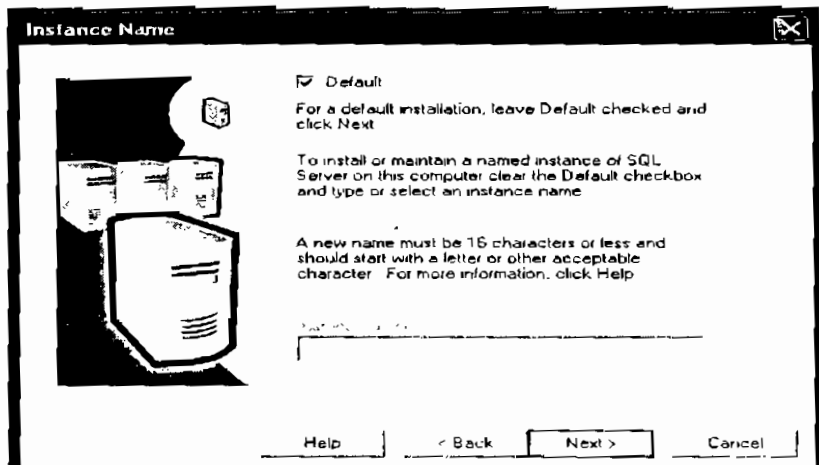
< Back

Next >

Cancel

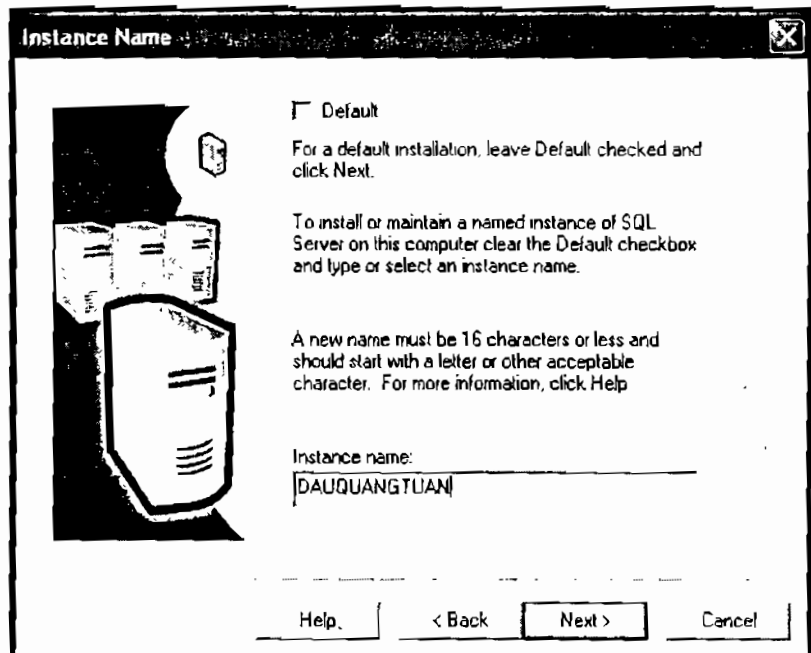
B1H12

▪ Click nút **Next**, bạn có hình như sau:



B1H13

Click bỏ dấu chọn mục **Default**. Trong khung **Instance name** giả sử chúng tôi nhập **DAUQUANGTUAN**



B1H14

Click nút **Next**, bạn sẽ thấy hình như sau:



Click the type of Setup you prefer, then click Next.

- Typical**      Installed with the most common options. Recommended for most users.
- Minimum**      Installed with minimum required options.
- Custom**      You may choose the options you want to install. Recommended for advanced users.

Destination Folder

Program Files            C:\Program Files\Microsoft SQL Server

Data Files            C:\Program Files\Microsoft SQL Server

	Required:	Available:
Space on program files drive:	34657 K	2882672 K
Space on system drive:	107945 K	2882672 K
Space on data files drive:	34432 K	2882672 K

B1H15

Nếu ổ đĩa C:\ còn dung lượng ít, bạn có thể chọn cài đặt tập tin SQL Server 2000 vào đĩa C:\ và lưu trữ cơ sở dữ liệu của SQL Server 2000 và cơ sở dữ liệu của người dùng vào một ổ đĩa khác. Nếu cần thay đổi vị trí cài đặt hay lưu trữ dữ liệu, chúng ta chọn nút **Browse**. Nếu dung lượng ổ đĩa C:\ còn trống, bạn có thể cài đặt chung cả hai phần này trên cùng một ổ đĩa.

Click nút **Next**, click chọn mục **Use the Local System account** như hình sau:

## Services Accounts

- Use the same account for each service. Auto start SQL Server Service
- Customize the settings for each service.

### Services

SQL Server

SQL Server Agent

### Service Settings

Use the Local System account

Use a Domain User account

Username:

Password:

Domain:

Allow service to be controlled by the user

Help

< Back

Next >

Cancel

B1H16

Click nút **Next**, bạn thấy hình sau:

## Authentication Mode

Choose the authentication mode

- Windows Authentication Mode
- Mixed Mode (Windows Authentication and SQL Server Authentication)

Enter password for the sa login.

Enter password:

Confirm password:

Blank Password (not recommended)

Help

< Back

Next >

Cancel

B1H17

## Start Copying Files



Setup has enough information to start copying the program files. If you want to review or change any settings, click Back. If you are satisfied with the settings, click Next to begin copying files.

< Back

Next >

Cancel

B1H18

☐ Click nút **Next** quá trình chép các files bắt đầu, bạn chờ một thời gian là hoàn tất việc cài đặt SQL Server 2000. Khi cài đặt xong, bạn thấy hộp thoại sau hiện ra

## Setup Complete



Setup has finished installing an instance of Microsoft SQL Server 2000 on your computer.

Click Finish to complete Setup.

Finish

B1H19

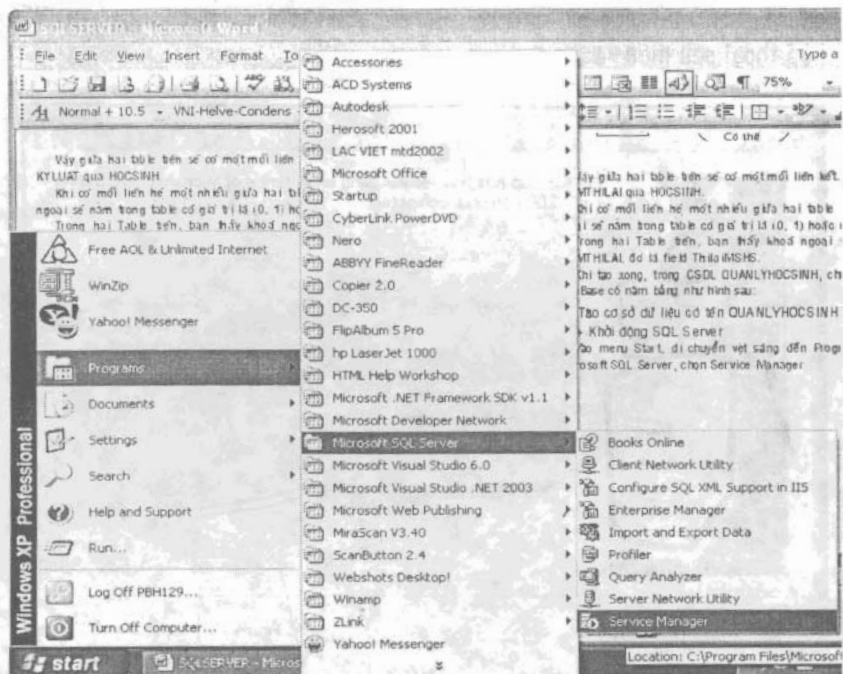
☐ Click nút **Finish** để hoàn tất việc cài đặt

# Bài 2

## Tạo cơ sở dữ liệu, bảng Và mối liên hệ giữa các bảng trong SQL Server 2000

Khởi động SQL Server

◆ Vào menu **Start**, di chuyển vệt sáng đến **Programs**, di chuyển đến **Microsoft SQL Server**, chọn **Service Manager**



Bạn sẽ thấy cửa sổ SQL Server Service Manager hiện ra như hình sau:



The screenshot shows the SQL Server Service Manager window. The title bar reads "SQL Server Service Manager". The "Server:" dropdown is set to "COMPUTER\DAUQUANGTUAN" and the "Services:" dropdown is set to "SQL Server". A "Refresh services..." button is visible. Below the service list, there are three control buttons: "Start/Continue" (a play button icon), "Pause" (a double vertical bar icon), and "Stop" (a square icon). The "Start/Continue" button is circled in red. To the left of these buttons is a server icon with a play button overlaid on it. Below the buttons, the checkbox "Auto-start service when OS starts" is checked. At the bottom, the status bar shows "Stopped - \\COMPUTER\DAUQUANGTUAN - MSSQLSer" and "B2H2".

Server: COMPUTER\DAUQUANGTUAN

Services: SQL Server

Refresh services...

Start/Continue

Pause

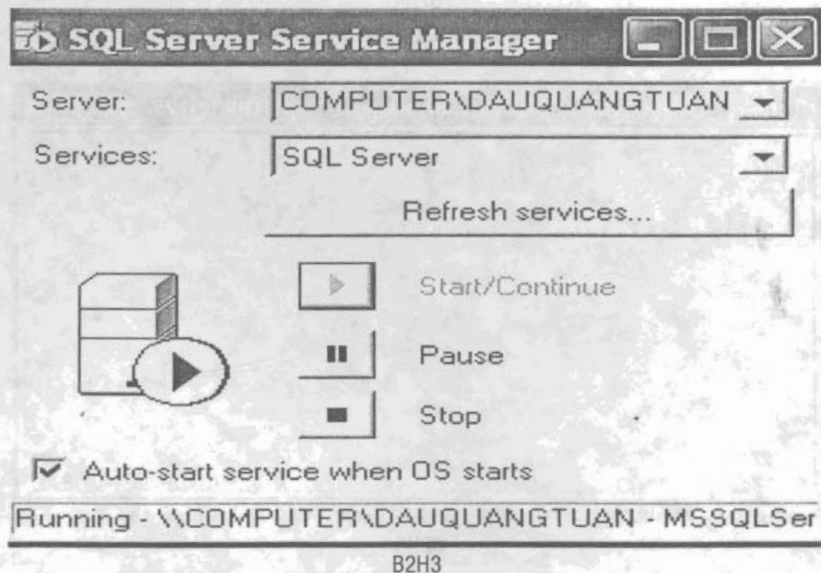
Stop

Auto-start service when OS starts

Stopped - \\COMPUTER\DAUQUANGTUAN - MSSQLSer

B2H2

Click nút đầu mũi tên có tên **Start/Continue**



The screenshot shows the SQL Server Service Manager window after the service has been started. The title bar reads "SQL Server Service Manager". The "Server:" dropdown is set to "COMPUTER\DAUQUANGTUAN" and the "Services:" dropdown is set to "SQL Server". A "Refresh services..." button is visible. Below the service list, there are three control buttons: "Start/Continue" (a play button icon), "Pause" (a double vertical bar icon), and "Stop" (a square icon). The "Start/Continue" button is circled in red. To the left of these buttons is a server icon with a play button overlaid on it. Below the buttons, the checkbox "Auto-start service when OS starts" is checked. At the bottom, the status bar shows "Running - \\COMPUTER\DAUQUANGTUAN - MSSQLSer" and "B2H3".

Server: COMPUTER\DAUQUANGTUAN

Services: SQL Server

Refresh services...

Start/Continue

Pause

Stop

Auto-start service when OS starts

Running - \\COMPUTER\DAUQUANGTUAN - MSSQLSer

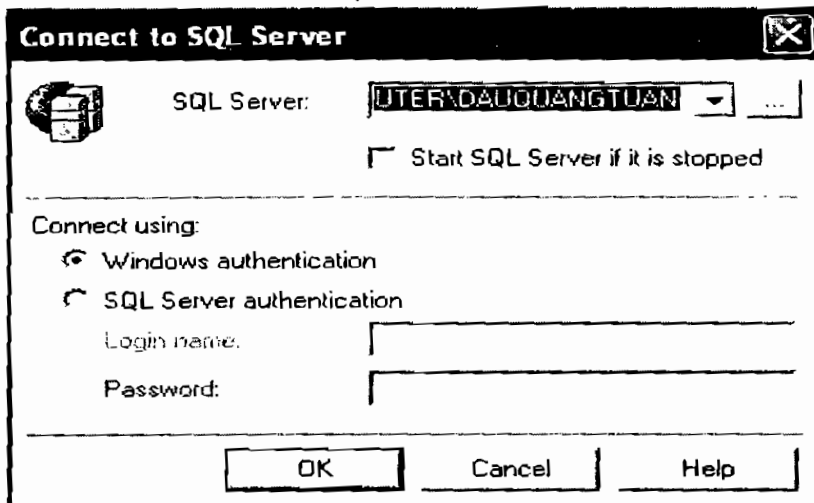
B2H3



Đôi khi cài đặt chúng tôi đặt tên **DAUQUANGTUAN** trong hộp thoại hiện ra, nên bây giờ các bạn thấy tên hiện ra trong khung Server.

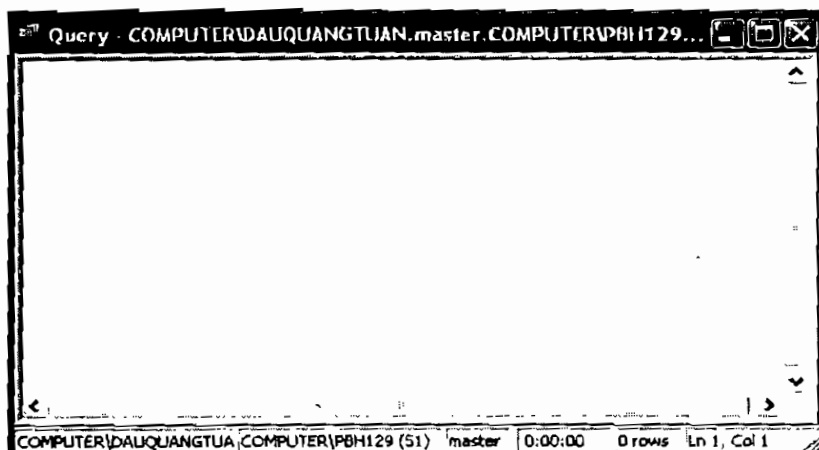
### ☛ Khởi động Query Analyzer

◆ Vào menu **Start**, di chuyển vật sáng đến **Programs**, di chuyển đến **Microsoft SQL Server**, chọn **Query Analyzer**



B2H4

◆ Click nút OK, bạn thấy hình sau:

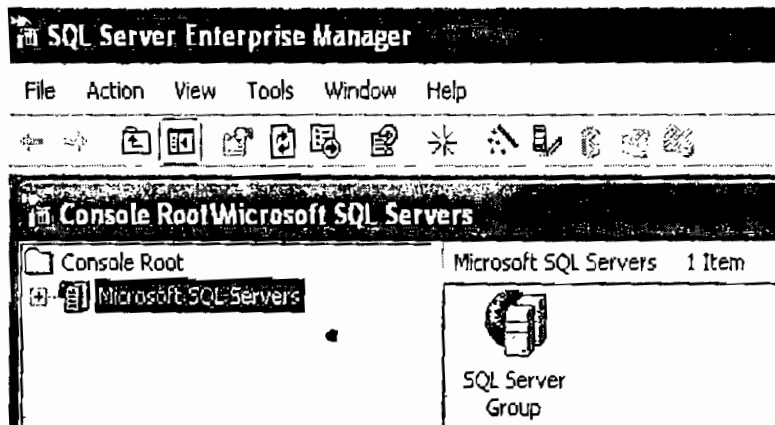


B2H5

## Tạo cơ sở dữ liệu

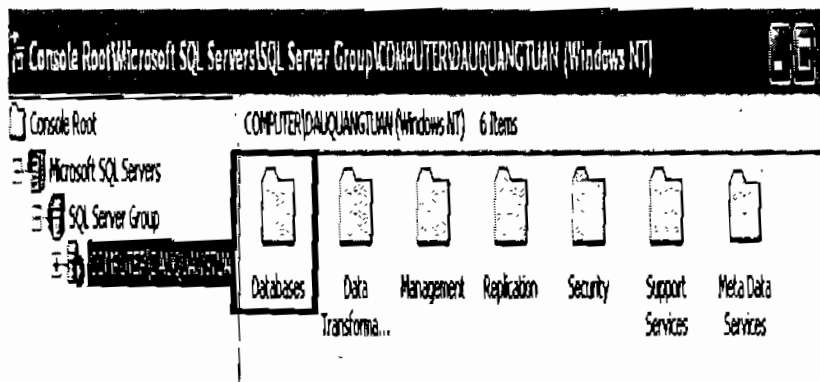
Có ba cách tạo CSDL trong SQL Server 2000, đó là dùng trình điều khiển Enterprise Manager (EM), bằng Wizards hoặc bằng phát biểu SQL. Trong bài này, chúng tôi hướng dẫn các bạn dùng cách thứ nhất, đó là dùng trình điều khiển Enterprise Manager.

◆ Vào menu **Start**, di chuyển vệt sáng đến **Programs**, đến **Microsoft Server 2000**, click chọn **Enterprise Manager**



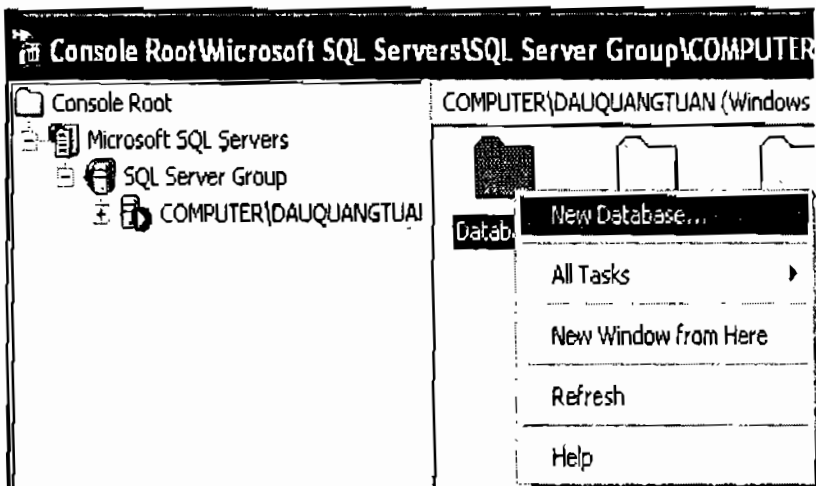
B2H6

◆ Click dấu cộng (+) trước **Microsoft SQL Server**, click chọn tên **COMPUTER\DAUQUANGTUAN**, bạn thấy hình như sau:



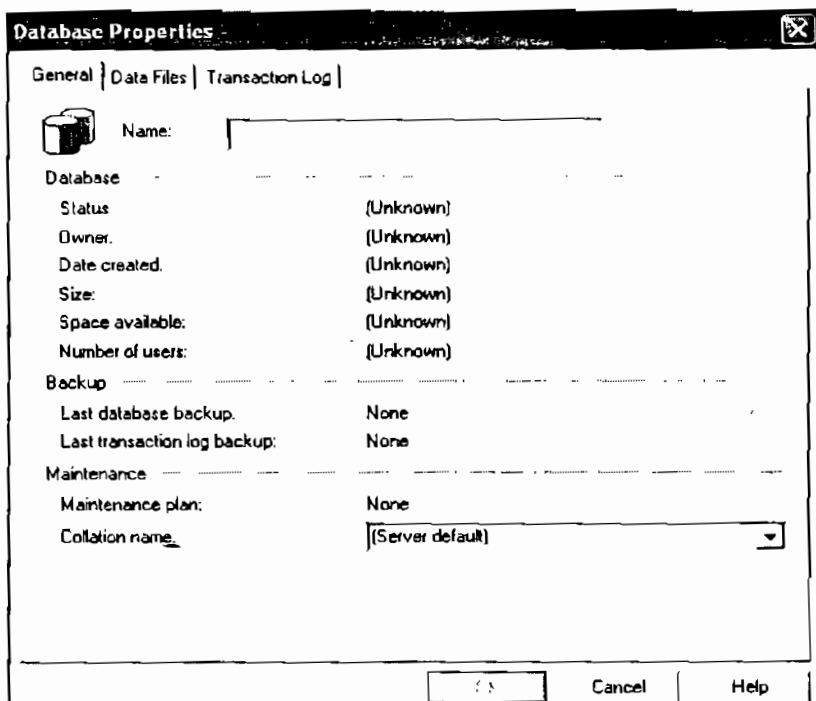
B2H7

◆ Click nút phải chuột tại **Databases**



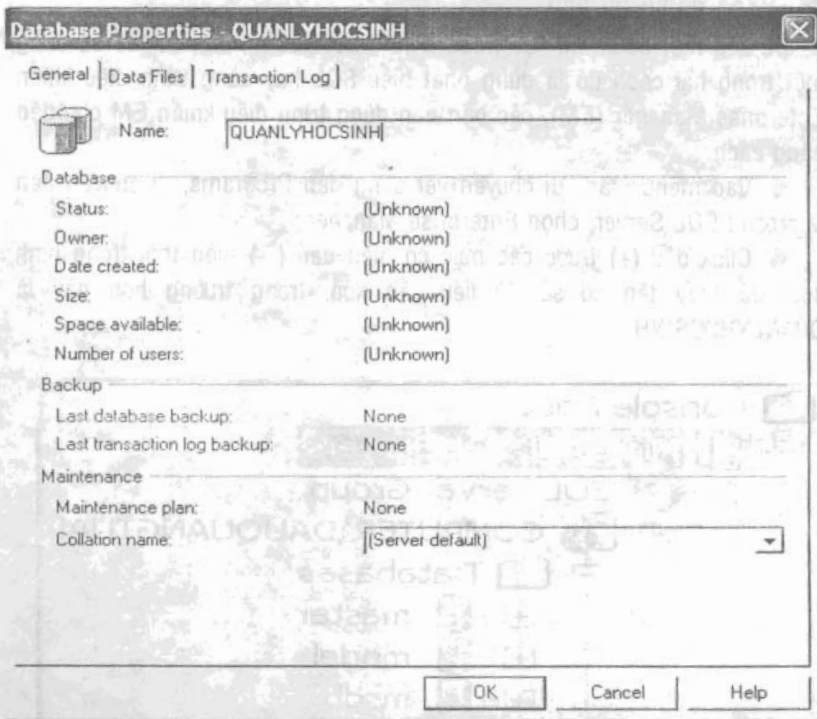
B2H8

◆ Chọn New Database bạn sẽ thấy hình như sau:



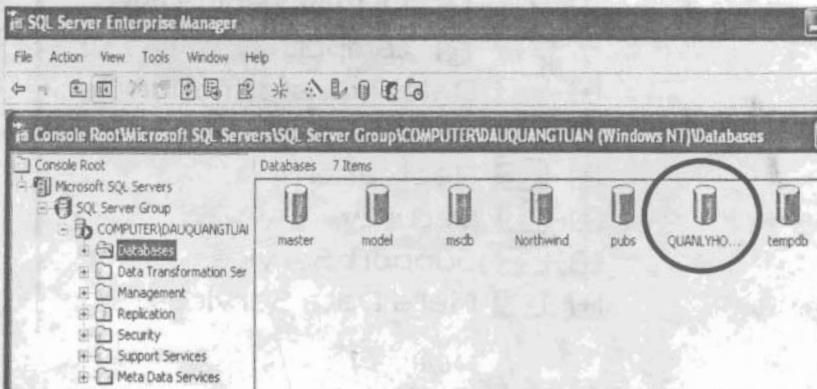
B2H9

◆ Nhập tên **QUANLYHOCSINH** trong khung Name như hình sau:



B2H10

◆ Click OK bạn thấy hình như sau:



B2H11

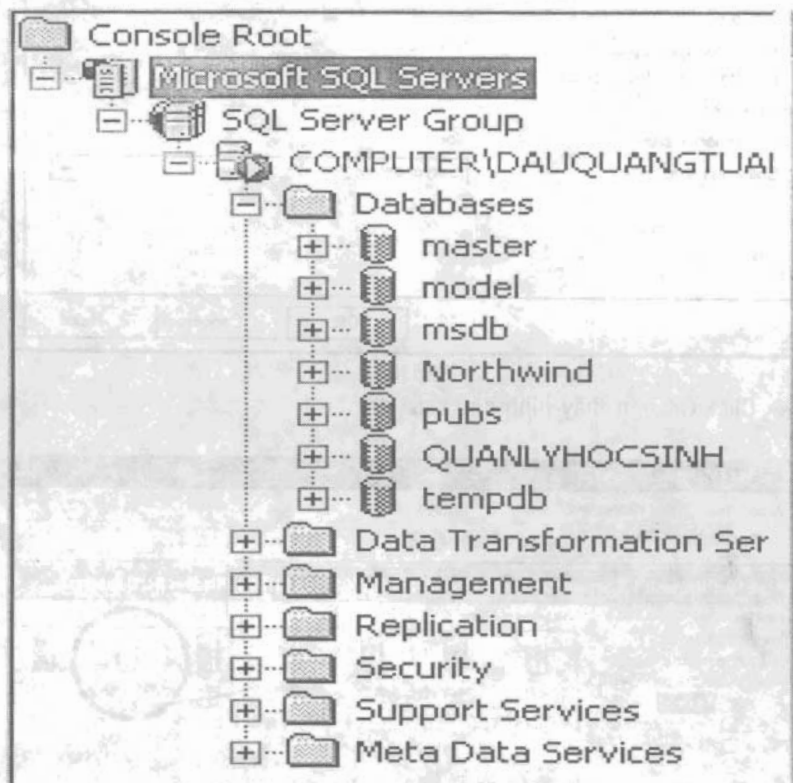
Bạn thấy có CSDL QUANLYHOCSINH như hình trên.

### Xóa cơ sở dữ liệu

Để xóa một cơ sở dữ liệu trong SQL Server 2000, bạn có thể sử dụng một trong hai cách đó là dùng phát biểu SQL hay dùng trình điều khiển Enterprise Manager (EM), các bạn nên dùng trình điều khiển EM cho tiện bằng cách:

◆ Vào menu Start, di chuyển vệt sáng đến Programs, di chuyển đến Microsoft SQL Server, chọn Enterprise Manager.

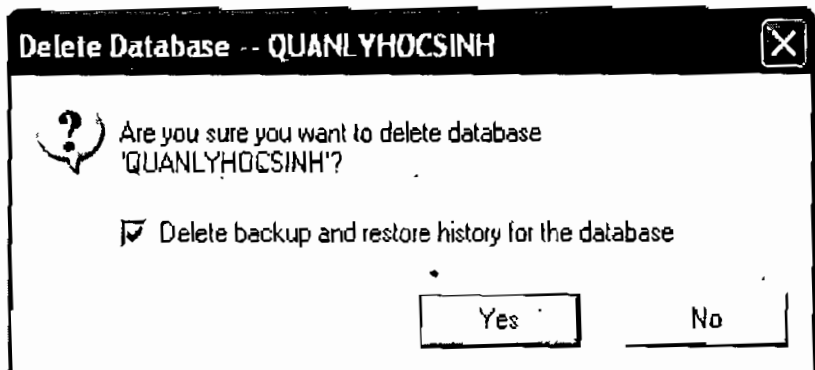
◆ Click dấu (+) trước các mục có hiện dấu (-) hiện thời trong hình dưới để thấy tên cơ sở dữ liệu cần xóa, trong trường hợp này là QUANLYHOCSINH



B2H12

◆ Click nút phải chuột trên tên CSDL

- ◆ Chọn Delete trong menu hiện ra, bạn thấy hộp thoại sau:



B2H13

- ◆ Chọn Yes để xóa tất cả những tập tin dự phòng của CSDL

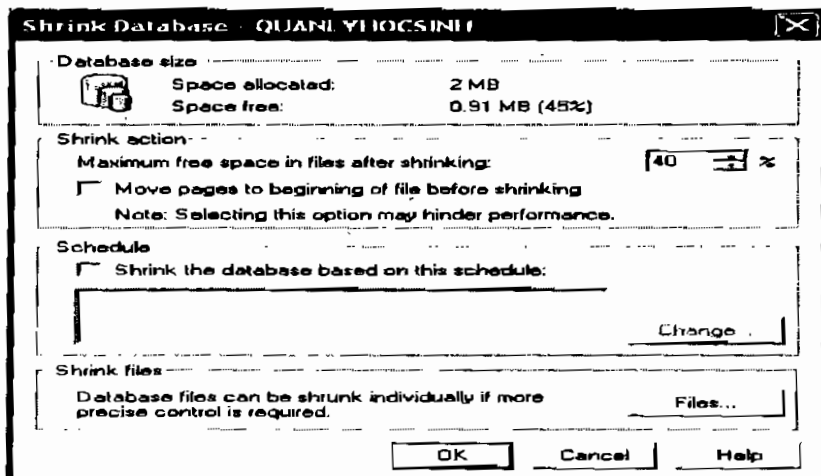
### Giảm dung lượng dư thừa của cơ sở dữ liệu

◆ Vào menu **Start**, di chuyển vệt sáng đến **Programs**, di chuyển đến **Microsoft SQL Server**, chọn **Enterprise Manager**.

- ◆ Chọn tên CSDL cần xóa

- ◆ Click nút phải chuột trên tên CSDL

◆ Di chuyển vệt sáng đến mục **All Tasks**, click chọn **Shrink Database**, bạn sẽ thấy hình sau:



B2H14

Bạn nhập giá trị phần trăm dung lượng lớn nhất cho phép sau khi giảm dung lượng trong phần Shrink action như hình trên.

## ☛ Tạo bảng dữ liệu

Khi tạo một bảng, các bạn cần xác định:

- ◆ Tên bảng
- ◆ Kiểu dữ liệu của các vùng, vùng nào chấp nhận giá trị Null
- ◆ Khóa chính
- ◆ Khóa ngoại
- ◆ Các ràng buộc

Trước khi tạo bảng các bạn cần biết những điều sau đây:

① SQL Server 2000 gồm một số kiểu dữ liệu như sau:

● **Dữ liệu ký tự (character):** lưu trữ các chữ, kí hiệu và các ký tự số

*Ví dụ:*

"Laptrinh", "Tinhoc123", "234", T\*A145"

Thường dùng ba loại đó là Kiểu char, varchar và text

◆ Kiểu dữ liệu **char**: Kích thước tính bằng byte không quá 8.000 byte, chiều dài khai báo là cố định, bộ nhớ luôn cấp đúng dung lượng như khi bạn khai báo, dù khi nhập ít hơn, nó vẫn cung cấp đủ. Ví dụ bạn khai báo là 50, nhưng nhập 6 thì bộ nhớ vẫn cấp là 50 byte. Do đó khi xử lý dữ liệu bạn cần loại bỏ những ký tự trắng phía bên phải.

◆ Kiểu dữ liệu **varchar**: chiều dài thay đổi cũng tính bằng byte, không vượt quá 8.000 byte. Khác với kiểu char là bộ nhớ sẽ cấp đúng như giá trị bạn nhập. Ví dụ bạn khai báo là 50, nhưng nhập 6 thì bộ nhớ chỉ cấp 6 byte.

◆ Kiểu dữ liệu **text**: Nếu dữ liệu lớn vượt quá hai loại trên, bạn dùng kiểu này.

● **Dữ liệu kiểu nhị phân (binary):** gồm các số hệ thập lục phân (hệ 16) còn gọi là hệ hexadecimal

*Ví dụ:*

Số 118 hệ 10 là 76 hệ thập lục phân

$76 \text{ (Hệ 16)} = 7 \cdot 16^1 + 6 \cdot 16^0 = 112 + 6 = 118 \text{ (hệ 10)}$

Dữ liệu kiểu binary gồm binary, varbinary và image

◆ Kiểu dữ liệu **Binary**: có chiều dài cố định là 8KB

◆ Kiểu dữ liệu **varbinary**: lưu trữ con số hệ 16 có chiều dài cố định là

8KB

◆ Kiểu dữ liệu **image**: lưu trữ chiều dài thay đổi 8KB, như văn bản Word, bảng tính Excel và các tập tin hình, đồ họa.

● Dữ liệu **Date** và **Time**: gồm dữ liệu kiểu Date hoặc kết hợp cả hai Date và Time.

Ví dụ:

"12/12/04 10:14:00:00:00 AM", "10/24/04"

Gồm hai kiểu **datetime** và **smalldatetime**

◆ Kiểu **datetime**: lưu trữ dữ liệu date từ January 1, 1753 đến December 31, 9999 (phải nhập đủ 8 byte)

◆ Kiểu **smalldatetime**: lưu trữ dữ liệu từ January 1, 1900 đến June 6, 2079 (yêu cầu 4 byte cho mỗi giá trị)

● Dữ liệu số (Numeric): chỉ bao gồm số âm và số dương, số lẻ, thập phân và số nguyên

◆ Dữ liệu kiểu **integer** bao gồm số nguyên âm và dương và được lưu trữ dạng: **bigint**, **int**, **smallint**, **tinyint** (xếp theo thứ tự giảm dần)

▪ Kiểu **bigint**: từ -9,223,372,036,854,775,808

đến 9,223,372,036,854,775,808 (trong 8 byte)

▪ Kiểu **int**: từ -2,147,483,648 đến 2,147,483,647 (trong 4 byte)

▪ Kiểu **smallint**: từ -32,768 đến 32,767 (trong 2 byte)

▪ Kiểu **tinyint**: từ 0 đến 255 (trong 1 byte)

◆ Dữ liệu **Decimal**: bao gồm phần nguyên và phần các số lẻ. Số bytes yêu cầu để lưu trữ số decimal hay numeric phụ thuộc vào tổng số con số trước và sau dấu phân cách số lẻ.

● Dữ liệu kiểu **Unicode**: lưu trữ các chữ, ký hiệu và ký tự số dạng Unicode với các kiểu **nchar**, **nvarchar** và **ntext** (n viết tắt chữ National)

◆ Kiểu dữ liệu **nchar**: kích thước tính bằng ký tự không quá 4.000 ký tự, chiều dài khai báo là cố định, bộ nhớ luôn cấp đúng dung lượng như khi bạn khai báo, dù khi nhập ít hơn, nó vẫn cung cấp đủ. Ví dụ bạn khai báo là 50, nhưng nhập 6 thì bộ nhớ vẫn cấp là 50 ký tự. Do đó khi xử lý dữ liệu bạn cần loại bỏ những ký tự trắng phía bên phải.

◆ Kiểu dữ liệu **nvarchar**: chiều dài thay đổi cũng tính bằng ký tự, không vượt quá 4.000 ký tự. Khác với kiểu **nchar** là bộ nhớ sẽ cấp đúng như giá trị bạn nhập. Ví dụ bạn khai báo là 50, nhưng nhập 6 thì bộ nhớ chỉ cấp 6 ký tự.

◆ Kiểu dữ liệu **ntext**: Nếu dữ liệu lớn vượt quá hai loại trên, bạn dùng kiểu này.



### **Ghi chú:**

Mỗi ký tự Unicode cần 2 bytes để mã hóa.

● Dữ liệu kiểu tiền tệ (Monetary): Dùng để trình bày số dạng tiền tệ với số âm hay dương bao gồm hai kiểu dữ liệu là money và smallmoney

◆ Kiểu dữ liệu money: lưu trữ số tiền tệ từ -922,337,203,685,477.5808 đến +922,337,203,685,477.5807 (8 byte cho mỗi giá trị)

◆ Kiểu dữ liệu smallmoney: Dùng để lưu trữ số tiền tệ khoảng từ -214,748.3648 đến 214,748.3647 (4 byte cho mỗi giá trị)

## ② Số tự động trong SQL Server 2000

Trong một bảng, chúng ta có thể khai báo một cột duy nhất có giá trị là số tự động (identity), tăng dần theo số mẫu tin thêm vào.

### **Ghi chú:**

Cần quan tâm đến số bắt đầu (identity seed) và mỗi lần nhảy bao nhiêu giá trị (identity increament), giá trị mặc nhiên, giá trị ban đầu là 1 và giá trị nhảy là 1. Khi khai báo cột tự động bạn cần lưu ý những điều sau:

◆ Kiểu dữ liệu cho cột này phải thuộc một trong các kiểu: decimal, int, numeric, smallint, bigint hay tinyint.

◆ Phải chỉ định seed, increment và giá trị mặc định của hai tham số này là 1

◆ Cột khai báo số tự động không cho phép Null

◆ Hàm Objectproperty có thể sử dụng trong quá trình lập trình nếu bảng có khai báo cột Identity và hàm Columnproperty có thể sử dụng để biết tên của cột khai báo Identity

## ③ Khóa và các ràng buộc

### **Ràng buộc toàn vẹn**

Ràng buộc toàn vẹn là điều kiện ràng buộc trên dữ liệu trong các bảng tham chiếu của CSDL và tất cả các ràng buộc toàn vẹn phải được thỏa mãn ở bất kỳ thời điểm nào. Việc kiểm tra các ràng buộc toàn vẹn thường được tiến hành sau các thao tác cập nhật dữ liệu (thêm, sửa, xóa) và có thể được thông qua các thủ tục kiểm tra do ta thiết kế, hoặc do Visual Basic sẽ tự động kiểm tra các ràng buộc toàn vẹn dựa trên những xác lập của chúng ta khi thiết kế CSDL.

Thông thường người ta thường ràng buộc toàn vẹn trên vùng và trên mẫu tin. Trong đó ràng buộc vùng sẽ được kiểm tra trước các ràng buộc trên mẫu tin.

Việc ràng buộc toàn vẹn trên các bảng tham chiếu nếu thiếu sót sẽ gây ra những hiệu quả nghiêm trọng, chúng ta thử nghiên cứu các ràng buộc toàn vẹn.

### ■ Ràng buộc toàn vẹn về giá trị của một vùng

Chỉ dựa vào một vùng trong bảng.

Ví dụ:

Vandongvien.Tuoi >=15

Sinhvien.Hocbong >=0

0 <= Ketqua.diem AND Ketqua.diem <=10

### ■ Ràng buộc toàn vẹn liên vùng

Mô tả mối quan hệ giữa các vùng trong một bảng.

Ví dụ:

Dondathang.Ngaydathang <= Dondathang.Ngayxuathang

Thanh tien = Soluong \* Dongia

Ghi chú:

Chúng ta nên hạn chế việc một vùng được tính toán từ các vùng khác.

### ■ Ràng buộc toàn vẹn giữa các mẫu tin trong một bảng

Loại ví dụ này cũng thường thấy trong thực tế, ví dụ một vận động viên đến đăng ký thi thể thao phải ghi đầy đủ 5 chi tiết.

Một dạng đặc biệt của ràng buộc toàn vẹn loại này là các ràng buộc về khóa gồm các khái niệm: *siêu khóa*, *khóa nội* và *khóa chính*

⇒ **Siêu khóa (super key) – Khóa chính (primary key)**

Trong một bảng, các mẫu tin có thể phân biệt với nhau về lưu trữ thông qua số thứ tự của mẫu tin. Tuy nhiên, trong quá trình khai thác một bảng, sự phân biệt này không đóng vai trò quan trọng, nhất là trong trường hợp hai mẫu tin có số thứ tự khác nhau vẫn có thể giống nhau hoàn toàn về dữ liệu. Do đó cần thiết phải có một khái niệm khác có thể dùng để phân biệt về mặt dữ liệu giữa các mẫu tin trong một bảng.

Một siêu khóa SK của bảng B là một tập hợp gồm một số vùng (hoặc toàn bộ vùng) của bảng B mà hai mẫu tin bất kỳ trong bảng B sẽ không lấy cùng giá trị trên các vùng này. Nói cách khác, một siêu khóa của một bảng dùng để phân biệt hai bộ bất kỳ trong bảng.

Ví dụ:

(MSVDV, Hoten, Nuoc) là một siêu khóa của bảng Vandongvien

Với giả thiết một bảng B không chứa những mẫu tin hoàn toàn trùng nhau, ta nói bảng B luôn có ít nhất một siêu khóa chứa tất cả các vùng của bảng T và có thể có nhiều siêu khóa.

*Ví dụ:*

(MSVDV, Hoten, Nuoc), (MSVDV, MaMT), ... là những siêu khóa của bảng Vandongvien.

Vậy siêu khóa dùng để nhận diện các mẫu tin trong bảng, nghĩa là, khi cần truy tìm một mẫu tin x nào đó, ta chỉ cần biết các giá trị của các vùng siêu khóa của x là đủ để dò tìm. Vậy nếu một bảng có nhiều siêu khóa, ta nên chọn một siêu khóa nhỏ nhất (chứa ít vùng nhất), để giảm thời gian dò tìm. Một siêu khóa nhỏ nhất được gọi là một khóa hay khóa nội của một bảng.

*Ví dụ:* MSVDV là khóa nội của bảng Vandongvien.

Đối với các thực thể tồn tại khách quan như sinh viên, học sinh, nhân viên, vận động viên, hàng hoá ... ta hay dùng mã số để làm khóa, đối với khóa nội của các bảng biểu diễn cho trừu tượng hóa (kết quả thi ...) thường là một tập hợp của hai hay nhiều vùng của bảng. Khi có nhiều khóa nội, ta chọn một trong các khóa nội để điều khiển chính cho việc truy cập các mẫu tin. Khóa nội này được gọi là khóa chính. Khóa chính chỉ có ý nghĩa khi truy tìm, không có vai trò gì khác so với các khóa nội còn lại.

Khi nhập mẫu tin mới có giá trị khóa chính trùng với khóa chính của một vận động viên đã có, VB sẽ báo lỗi.

### ■ Ràng buộc toàn vẹn về khóa ngoại

Ràng buộc toàn vẹn về khóa ngoại còn được gọi là ràng buộc về phụ thuộc tồn tại. Cũng giống như ràng buộc toàn vẹn về khóa, ràng buộc khóa ngoại rất phổ biến trong CSDL.

Ta xem ví dụ một sinh viên V đang đang theo học khoa Tin học. Mẫu tin tương ứng với sinh viên này trong bảng Sinhvien sẽ có giá trị vùng makh là "TINHOC". Sự tồn tại của mẫu tin này trong bảng Sinhvien hoàn toàn phụ thuộc vào sự tồn tại của một mẫu tin trong bảng Khoa có giá trị vùng makhoa là "TINHOC". Nếu trong bảng Khoa không có mẫu tin nào có giá trị vùng makhoa là "TINHOC" thì mẫu tin của sinh viên V trong bảng Sinhvien không thể tồn tại. Điều đó có nghĩa là khoa Tin học phải có trước khi sinh viên V đăng ký theo học. Trong trường hợp này, ta nhận thấy rằng khóa makhoa của bảng chính(Khoa) là có mối liên kết với vùng

makh của bảng phụ thuộc(Sinhvien). Vùng makh còn được gọi là khóa ngoại.

### ■ Ràng buộc toàn vẹn giữa các mẫu tin của nhiều bảng

Một ví dụ của loại ràng buộc toàn vẹn này: mỗi chi tiết đặt hàng hoặc không được đáp ứng hoặc được giao tối đa một lần.

### ■ Ràng buộc toàn vẹn giữa các vùng của nhiều bảng

*Ví dụ:* Ngày giao hàng cho một đơn đặt hàng phải sau ngày đặt hàng.

### ■ Ràng buộc toàn vẹn phức tạp trong nhiều bảng

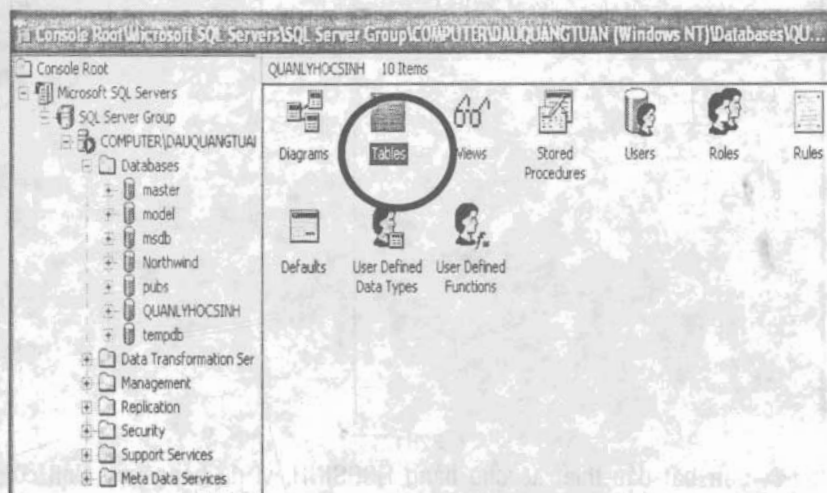
*Ví dụ:* Chỉ giao những mặt hàng mà khách đã đặt với số lượng không vượt quá số lượng đặt hàng.

☐ Đến đây bạn có thể bắt tay vào tạo bảng dữ liệu, chúng tôi hướng dẫn các bạn tạo bảng bằng cách dùng trình điều khiển Enterprise Manager.

☐ Vào menu Start, di chuyển vệt sáng đến Programs, di chuyển vệt sáng đến Microsoft SQL Server 2000, click chọn Enterprise Manager.

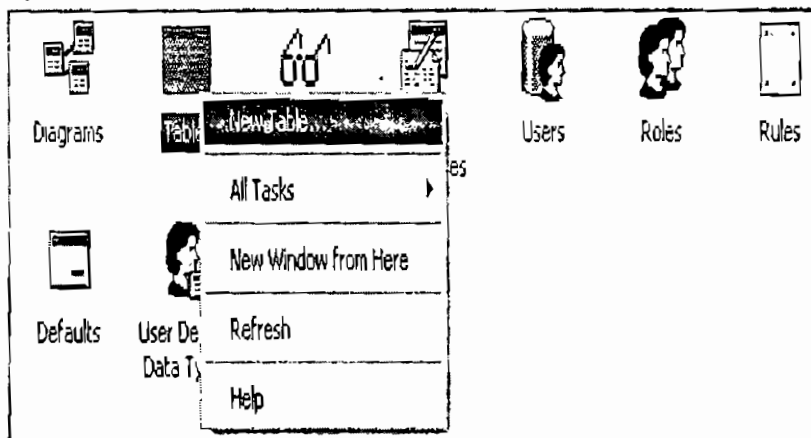
☐ Trong cửa sổ hiện ra, nhìn phía bên trái, bạn click dấu "+" lần lượt trước các mục có dấu "-" như hình bên (các mục có dấu "-" khi chưa click sẽ là dấu "+") cho đến khi thấy tên cơ sở dữ liệu QUANLYHOCSINH mà bạn đã tạo ở trên.

☐ Click chọn tên SCDL QUANLYHOCSINH, bạn thấy thông tin có sẵn như hình sau:



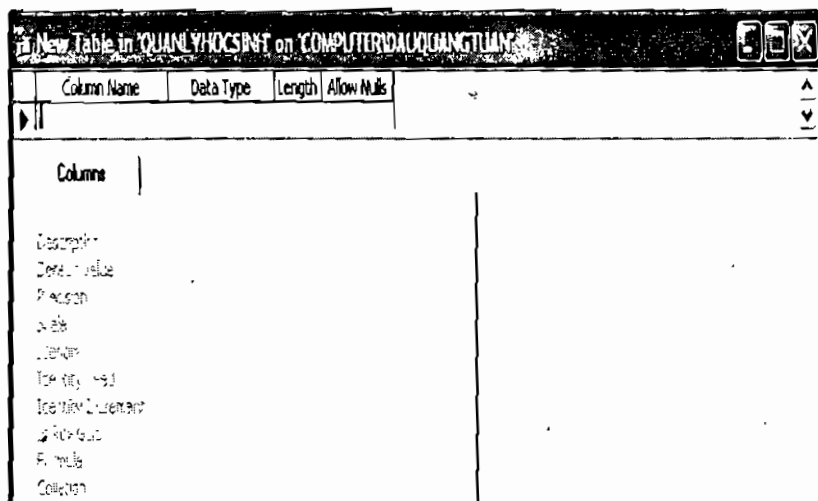
☐ Trong các đối tượng có bên trong CSDL QUANLYHOCSINH, có Tables. Click nút phải chuột trên đối tượng này

QUANLYHOCSINH 10 Items



B2H16

☐ Click chọn New Table, các bạn sẽ thấy cửa sổ thiết kế bảng như hình sau:



B2H17

◆ Bạn bắt đầu thiết kế cho bảng HOCSINH, ví dụ bảng học sinh có cấu trúc như sau:

## Cấu trúc của bảng HOSINH

Column Name	Data type	Length	Allow Nulls
<b>MSHS</b>	Char	5	
Holot	Varchar	30	
Ten	Char	7	
Lop	Char	4	
Nam	Char	3	✓
Ngaysinh	Datetime	8	✓
Noisinh	Varchar	40	✓
Diachi	Varchar	40	✓
Tencha	Varchar	40	✓
Tenme	Varchar	40	✓
DT	Char	12	✓

Bạn nhập giá trị tương ứng trong các cột vào bảng để có như hình sau:

Design Table 'HOSINH' in 'QUANLYHOCSINH' on 'COMPUTER\DAUQUANGTUAN'

Column Name	Data Type	Length	Allow Nulls
MSHS	char	5	
Holot	varchar	30	
Ten	char	7	
Lop	char	4	
Nam	char	3	
Ngaysinh	datetime	8	
Noisinh	varchar	40	
Diachi	varchar	40	
Tencha	varchar	40	
Tenme	varchar	40	
DT	char	12	

B2H18

◆ Trong bảng này vùng khóa là MSHS, bạn click chuột tại ô bên trái của MSHS để chọn dòng này

Design Table 'HOCSINH' in 'QUANLYHOCSINH' on 'COMPUTERDAUQUANGTUAN'

Column Name	Data Type	Length	Allow Nulls
MSHS	char	5	
Holot	varchar	30	
Ten	char	7	
Lop	char	4	
Nam	char	3	
Ngaysinh	datetime	8	
Noisinh	varchar	40	
Diachi	varchar	40	
Tencha	varchar	40	
Tenme	varchar	40	
DT	char	12	

B2H19

Click chọn icon có hình chiếc chìa khóa trên thanh công cụ, bạn sẽ được như hình sau:

Design Table 'HOCSINH' in 'QUANLYHOCSINH' on 'COMPUTERDAUQUANGTUAN'

Column Name	Data Type	Length	Allow Nulls
MSHS	char	5	
Holot	varchar	30	
Ten	char	7	
Lop	char	4	
Nam	char	3	
Ngaysinh	datetime	8	
Noisinh	varchar	40	
Diachi	varchar	40	
Tencha	varchar	40	
Tenme	varchar	40	
DT	char	12	

B2H20

Bạn thấy hình chiếc chìa khóa xuất hiện bên cạnh MSHS, nếu cột Allow Nulls của vùng MSHS có dấu chọn thì bây giờ sẽ biến mất. Ngoài những cột bắt buộc có giá trị như vùng khóa chính, vùng khóa ngoại, ...

những vùng khác có thể cho phép giá trị Null mỗi khi mẫu tin được thêm vào.

Nếu bạn muốn diễn giải cho vùng này, bạn có thể nhập vào khung có tiêu đề Description ở bên dưới., bạn có thể nhập giá trị mặc định cho vùng trong khung Default Value. Nếu muốn khai báo vùng dữ liệu là số tự động, bạn chọn Yes cho ô Identity và giá trị khởi tạo, giá trị tăng cho ô Identity Seed và Identity Increment. Bạn có thể dùng kết quả của các vùng khác qua công thức tính toán trong ô Formula.

Lưu ý:

- ◆ Những vùng khai báo Identity thì không cho phép nhập liệu
- ◆ Vùng khai báo giá trị mặc định Default, bạn có thể nhập hoặc không
- ◆ Nếu khóa chính là tổ hợp của nhiều vùng, bạn nhấn phím Shift và click chọn trước các vùng, sau đó click chọn hình chiếc chìa khóa trên thanh công cụ.

Để bỏ khóa, bạn click chọn vùng chứa hình chiếc chìa khóa, click icon chứa hình chiếc chìa khóa trên thanh công cụ.

Giả sử bạn click chọn vùng MSHS, click hình chiếc chìa khóa trên thanh công cụ để bỏ vùng khóa. Nhấn phím Shift và click chuột chọn ba vùng MSHS, Holot và Ten như hình sau:

Column Name	Data Type	Length	Allow Nulls
MSHS	char	5	
Holot	varchar	30	
Ten	char	7	
Lop	char	4	
Nam	char	3	
Ngaysinh	datetime	8	
Noisinh	varchar	40	
Diachi	varchar	40	
Tenme	varchar	40	
DT	char	12	

B2H21

◆ Click hình chiếc chìa khóa trên thanh công cụ, bạn sẽ có hình như sau:



Design Table 'HOCSINH' in 'QUANLYHOCSINH' on 'COMPUTER\DAUQUANGTUAN'



	Column Name	Data Type	Length	Allow Nulls
<input checked="" type="checkbox"/>	MSHS	char	5	
<input type="checkbox"/>	Hobt	varchar	30	
<input type="checkbox"/>	Ten	char	7	
<input type="checkbox"/>	Lop	char	4	
<input type="checkbox"/>	Nam	char	3	
<input type="checkbox"/>	Ngaysinh	datetime	8	
<input type="checkbox"/>	Noisinh	varchar	40	
<input type="checkbox"/>	Diachi	varchar	40	
<input type="checkbox"/>	Tenzia	varchar	40	
<input type="checkbox"/>	Terime	varchar	40	
<input type="checkbox"/>	DT	char	12	

B2H22

◆ Bạn đổi lại vì bảng HOCSINH này có khóa chính là MSHS. Khi hoàn thành việc thiết kế, bạn click nút X để đóng cửa sổ thiết kế, hộp thoại hiện ra hỏi bạn, click nút Yes

SQL Server Enterprise Manager



Do you want to save changes to table 'Table.1'?

Yes

No

Help

B2H23

☑ Nhập vào HOCSINH trong khung

## Choose Name



Enter a name for the table:

HOCSINH

OK

Cancel

Help

B2H24

◆ Click nút OK

◆ Bạn vào lại CSDL QUANLYHOCSINH, click dấu + phía trước, chọn Tables, bạn sẽ thấy có bảng HOCSINH như hình sau:

Console Root | Microsoft SQL Servers | SQL Server Group | COMPUTER\DAUQUANGTUAN (Windows NT) | Databases | QUANLYHOCSINH | Tables (21 Items)

Name	Owner	Type	Create Date
dtproperties	dbo	System	4/22/2005 5:23:55 PM
<b>HOCSINH</b>	dbo	User	4/22/2005 6:11:40 PM
syscolumns	dbo	System	8/6/2000 1:29:12 AM
syscomments	dbo	System	8/6/2000 1:29:12 AM
sysdepends	dbo	System	8/6/2000 1:29:12 AM
sysfilegroups	dbo	System	8/6/2000 1:29:12 AM
sysfiles	dbo	System	8/6/2000 1:29:12 AM
sysfiles1	dbo	System	8/6/2000 1:29:12 AM
sysforeignkeys	dbo	System	8/6/2000 1:29:12 AM
sysfulltextcatalogs	dbo	System	8/6/2000 1:29:12 AM
sysfulltextnotify	dbo	System	8/6/2000 1:29:12 AM
sysindexes	dbo	System	8/6/2000 1:29:12 AM
sysindexkeys	dbo	System	8/6/2000 1:29:12 AM
sysmembers	dbo	System	8/6/2000 1:29:12 AM
sysobjects	dbo	System	8/6/2000 1:29:12 AM
syspermissions	dbo	System	8/6/2000 1:29:12 AM
sysproperties	dbo	System	8/6/2000 1:29:12 AM
sysprotects	dbo	System	8/6/2000 1:29:12 AM

B2H25

## Sửa cấu trúc của bảng

Muốn sửa lại cấu trúc của bảng HOCSINH, bạn vào để thấy bảng HOCSINH như hình trên, click nút phải chuột trên tên HOCSINH, chọn Design Table trong menu hiện ra



B2H26

Cửa sổ thiết kế hiện ra, bạn chỉnh sửa, thực hiện xong, bạn click dấu X để đóng cửa sổ thiết kế lại, bạn sẽ thấy hộp thoại hiện ra hỏi chúng ta có muốn lưu những gì vừa thay đổi không, nếu click Yes thì sẽ lưu với nội dung mới, nếu click No thì vẫn giữ những giá trị cũ trước đó.

## SQL Server Enterprise Manager



Do you want to save changes to table 'HOCSINH'?

Yes

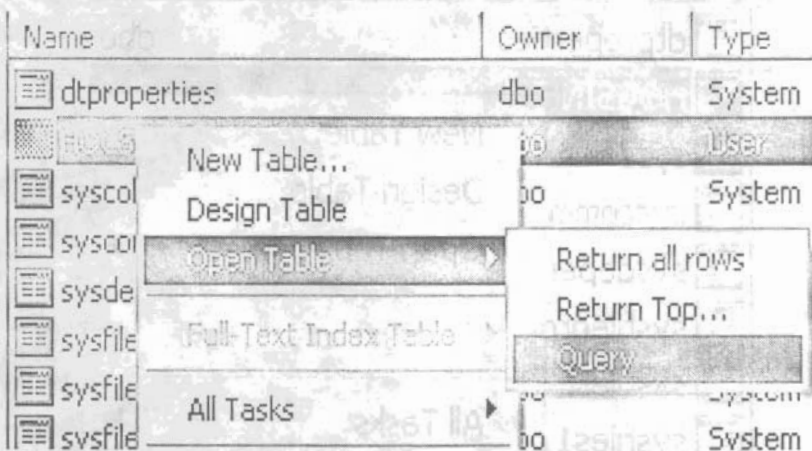
No

Help

B2H27

## Nhập dữ liệu cho bảng

Để nhập dữ liệu vào cho bảng HOCSINH, bạn cho tên bảng hiện ra như hình trên, click nút phải chuột tại tên HOCSINH, đưa vệt sáng đến Open Table có ba lựa chọn hiện ra, đó là **Return all rows**, **Return Top** hoặc **Query**



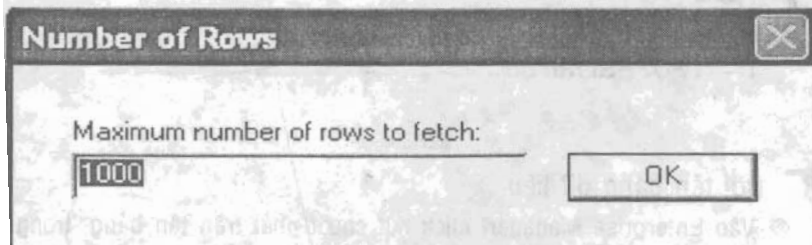
B2H28

◆ **Return all rows:** Chọn mục này sẽ mở bảng với tất cả mẫu tin đang có

◆ **Return Top:** Nếu bảng có số mẫu tin nhiều, bạn có thể chọn mục này để trình bày một số mẫu tin chỉ định

◆ **Query:** Sử dụng khung nhìn truy vấn để lọc một số mẫu tin theo tiêu chuẩn cho trước.

Nếu bạn nhập mục thứ hai Return Top, hộp thoại hiện ra với giá trị mặc nhiên là 1000, bạn nhập số mẫu tin cần xuất hiện trong khung này



B2H29

## Xóa bảng dữ liệu

◆ Vào Enterprise Manager, click nút chuột phải trên tên bảng, trong menu hiện ra chọn Delete



B2H30

## Đổi tên bảng dữ liệu

◆ Vào Enterprise Manager, click nút chuột phải trên tên bảng, trong menu hiện ra chọn Rename (xem hình trên)

## Tạo chỉ mục (Indexes)

Trong CSDL, một chỉ mục cho phép chương trình CSDL tìm kiếm dữ liệu trong bảng mà không cần duyệt qua các mẫu tin đang có, cách tạo index bằng Enterprise Manager như sau:

◆ Vào cửa sổ thiết kế (Design view) của bảng, click nút phải chuột trên vùng cần tạo chỉ mục, trong menu hiện ra chọn Indexes/Keys như hình sau:

The screenshot shows the 'Design Table HOCSINH in QUANLY' window. The table has columns: MSHS (Primary Key), Holot, Ten, Lop, Nam, and Ngaysinh. A context menu is open over the MSHS column, with 'Indexes/Keys...' selected. The menu options are: Set Primary Key, Insert Column, Delete Column, Task, Select All, Save, Indexes/Keys..., Relationships..., Check Constraints..., and Properties.

Column Name	Data Type	Length
MSHS		
Holot		
Ten		
Lop		
Nam		
Ngaysinh		

- Set Primary Key
- Insert Column
- Delete Column
- Task
- Select All
- Save
- Indexes/Keys...**
- Relationships...
- Check Constraints...
- Properties

B2H31

◆ Click xong bạn sẽ thấy hộp thoại hiện ra như hình sau:

Tables | Relationships | Indexes/Keys | Check Constraints

Table name: HOCSINH

Selected index: PK\_HOCSINH

Type: Primary key [New] [Delete]

Index name: PK\_HOCSINH

Column name	Order
MSHS	Ascending

Index Filegroup: PRIMARY

Create UNIQUE  
 Constraint  
 [ ]  
 Create as CLUSTERED  
 Do not automatically recompute statistics

Fill factor: 0 %  
 Pack index

[Close] [Help]

B2H32 Chọn Index cho MSHS

◆ Tương tự như vậy, các bạn tạo các bảng KHENTHUONG, KYLUAT, DIEMTB và DIEMTHILAI cho CSDL QUANLYHOCSINH như cấu trúc sau:

**Cấu trúc của bảng KHENTHUONG**

Column Name	Data type	Length	Allow Nulls
<u>MSKT</u>	Char	5	
Ndkhen	Varchar	50	
NgKhen	DateTime	8	
Phanthuong	Varchar	50	
KTMSHS	Char	5	





- ◆ Click nút OK
- ◆ Tiếp tục tạo bảng KYLUAT theo cấu trúc sau:

### Cấu trúc của bảng KYLUAT

Column Name	Data type	Length	Allow Nulls
MSKL	Char	5	
Vipham	Varchar	50	
Ngvipham	DateTime	8	
Xuly	Varchar	50	
KyluatMSHS	Char	5	

The screenshot shows the Microsoft Access interface. At the top, the title bar reads "Microsoft Access - KYLUAT.accdb". Below the title bar, there are icons for Save, Undo, and Redo. The main window displays the table structure for "KYLuat".

Column Name	Data Type	Length	Allow Nulls
MSKL	char	5	
Vipham	varchar	50	
Ngvipham	datetime	8	
Xuly	varchar	50	
KyluatMSHS	char	5	

Below the table structure, there is a "Columns" section with the following properties:

Description	
Default Value	
Precision	0
Scale	0
Identity	No
Identity Seed	
Identity Increment	
Is ReadOnly	No
Formula	

B2H36

- ◆ Click dấu X đóng bảng, đặt tên cho bảng là KYLUAT như hình sau:

**Choose Name**

Enter a name for the table:

KYLUAU|

OK

Cancel

Help

B2H37

**Cấu trúc của bảng DIEMTB**

Column Name	Data type	Length	Allow Nulls
<b>MSKQ</b>	Char	5	
Van1	Real	4	
Van2	Real	4	
Vancn	Real	4	
Toan1	Real	4	
Toan2	Real	4	
Toancn	Real	4	
Ngoaingu1	Real	4	
Ngoaingu2	Real	4	
Ngoaingucn	Real	4	
Vatly1	Real	4	
Vatly2	Real	4	
Vatlycn	Real	4	
Hoa1	Real	4	
Hoa2	Real	4	
Hoacn	Real	4	
Sinh1	Real	4	
Sinh2	Real	4	
Sinhcn	Real	4	
Congnghe1	Real	4	
Congnghe2	Real	4	
Congnghecn	Real	4	

Su1	Real	4	
Su2	Real	4	
Sucn	Real	4	
Dia1	Real	4	
Dia2	Real	4	
Diacn	Real	4	
GDCD1	Real	4	
GDCD2	Real	4	
GDCDcn	Real	4	
Theduc1	Real	4	
Theduc2	Char	2	
Theduccn	Char	2	
Nhac1	Char	2	
Nhac2	Char	2	
Nhaccn	Char	2	
Mythuat1	Char	2	
Mythuat2	Char	2	
Mythuacn	Char	2	
HoclucHK1	Char	10	
HoclucHK2	Char	10	
Hocluccn	Char	10	
HanhkiemHK1	Char	10	
HanhkiemHK2	Char	10	
Hanhkiemcn	Char	10	
SongayngiHK1	Tinyint	1	
SongayngiHK2	Tinyint	1	
Songayngicn	Tinyint	1	
DanhhiuHK1	Char	10	
DanhhiuHK2	Char	10	
Danhhiucn	Char	10	
Ketquacuoinam	Char	20	
DiemMSHS	Char	5	

Design Table 'DIEMTB' in 'QUANLYHOCSINH' on 'COMPUTERDAUQUANGTUAN'

Column Name	Data Type	Length	Allow Nulls
MSKQ	char	5	
Van1	real	4	
Van2	real	4	
Vancn	real	4	
Toan1	real	4	
Toan2	real	4	
Toancn	real	4	
Ngoaingu1	real	4	
Ngoaingu2	real	4	
Ngoaingucn	real	4	
Vatly1	real	4	
Vatly2	real	4	
Vatlycn	real	4	
Hoa1	real	4	
Hoa2	real	4	

B2H38

Click nút đóng bảng và lưu với tên DIEMTB như hình sau:

**Choose Name**

Enter a name for the table:

DIEMTB

OK

Cancel

Help

B2H39

### Cấu trúc của bảng DIEMTHILAI

Column Name	Data type	Length	Allow Nulls
MSTL	Char	5	

VanT	Real	4	
VanS	Real	4	
ToanT	Real	4	
ToanS	Real	4	
NgoainguT	Real	4	
NgoainguS	Real	4	
VatlyT	Real	4	
VatlyS	Real	4	
HoaT	Real	4	
HoaS	Real	4	
SinhT	Real	4	
SinhS	Real	4	
CongngheT	Real	4	
CongngheS	Real	4	
SuT	Real	4	
SuS	Real	4	
DjaT	Real	4	
DjaS	Real	4	
GDCDT	Real	4	
GDCDS	Real	4	
TheducT	Char	2	
TheducS	Char	2	
NhacT	Char	2	
NhacS	Char	2	
MythuatT	Char	2	
MythuatS	Char	2	
HoclucT	Char	10	
HanhkiemT	Char	10	
HoclucS	Char	10	
HanhkiemS	Char	10	
ThilaiMSHS	Char	5	

New Table in 'QUANLYHOCSINH' on 'COMPUTERDAUQUANGTUAN'

Column Name	Data Type	Length	Allow Nulls
MSTL	char	5	
VanT	real	4	
VanS	real	4	
ToanT	real	4	
ToanS	real	4	
NgoaingiT	real	4	
NgoaingoS	real	4	
VadyT	real	4	
VadyS	real	4	
...	...	...	...

Columns

Description

Default Value

Precision 0

Scale 0

...

B2H40

Choose Name

Enter a name for the table:

DIEMTHILAI

OK

Cancel

Help

B2H41

◆ Khi tạo xong, trong CSDL QUANLYHOCSINH, chúng ta sẽ thấy trong DataBase có năm bảng như hình sau:

# Console Root Microsoft SQL Servers \ SQL Server

The screenshot shows the SQL Server Enterprise Manager interface. On the left, the tree view is expanded to show the 'Databases' folder under the 'COMPUTER\DAUQUANGTUI' server. The databases listed are master, model, msdb, Northwind, pubs, and QUANLYHOCSINH. Below the databases are 'Diagrams' and 'Tables' folders. On the right, a pane titled 'Tables 25 Items' displays a list of tables from the selected database. The table list has a header 'Name /' and contains the following entries:

Name /
DIEMTB
DIEMTHILAI
dtproperties
HOCSINH
KHENTHUONG
KYLUAT
syscolumns
syscomments
sysdepends
sysfilegroups

B2H42

## 👉 Đối tượng DIAGRAM

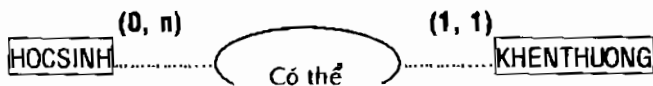
Dùng để tạo mối quan hệ giữa các bảng trong cơ sở dữ liệu, trước hết bạn cần xét mối quan hệ giữa các bảng hiện có trong CSDL QUANLYHOCSINH

### ☐ Xét hai bảng HOCSINH và KHENTHUONG

👉 Một học sinh có thể không được khen thưởng lần nào hoặc được khen thưởng nhiều lần.

👉 Một khen thưởng nào đó thì chỉ thuộc một học sinh nào đó được nhận mà thôi.

Bạn sẽ thấy có mối liên hệ giữa hai Table như sau:



Vậy giữa hai table trên sẽ có một mối liên kết. Liên kết là  $n-1$  từ KHENTHUONG qua HOCSINH.

Khi có mối liên hệ một nhiều giữa hai table thì bạn nhớ là khoá ngoại sẽ nằm trong table có giá trị là  $(0, 1)$  hoặc  $(1, 1)$ .

Trong hai Table trên, bạn thấy khoá ngoại sẽ nằm trong table KHENTHUONG, đó là field KTMSHS.

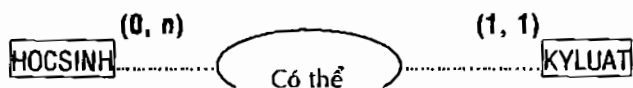
Bạn có thể tìm hiểu thêm trong các sách phân tích thiết kế hệ thống và cơ sở dữ liệu.

#### ☐ Xét hai bảng HOCSINH và KYLUAT

☞ Một học sinh có thể không bị kỷ luật lần nào hoặc bị kỷ luật nhiều lần.

☞ Một vi phạm kỷ luật nào đó thì chỉ thuộc một học sinh nào đó mà thôi.

Bạn sẽ thấy có mối liên hệ giữa hai Table như sau:



Vậy giữa hai table trên sẽ có một mối liên kết. Liên kết là  $n-1$  từ KYLUAT qua HOCSINH.

Khi có mối liên hệ một nhiều giữa hai table thì bạn nhớ là khoá ngoại sẽ nằm trong table có giá trị là  $(0, 1)$  hoặc  $(1, 1)$ .

Trong hai Table trên, bạn thấy khoá ngoại sẽ nằm trong table KYLUAT, đó là field KyluatMSHS.

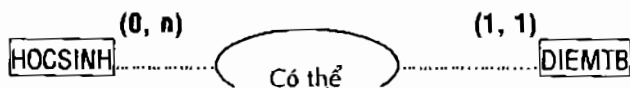
#### ☐ Xét hai bảng HOCSINH và DIEMTB

☞ Một học sinh có thể có điểm trung bình của một hoặc nhiều môn.



☞ Một điểm trung bình môn nào đó thì chỉ thuộc một học sinh nào đó mà thôi.

Bạn sẽ thấy có mối liên hệ giữa hai Table như sau:



Vậy giữa hai table trên sẽ có một mối liên kết. Liên kết là  $n-1$  từ DIEMTB qua HOCSINH.

Khi có mối liên hệ một nhiều giữa hai table thì bạn nhớ là khoá ngoại sẽ nằm trong table có giá trị là (0, 1) hoặc (1, 1).

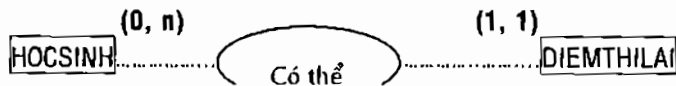
Trong hai Table trên, bạn thấy khoá ngoại sẽ nằm trong table DIEMTB, đó là field DiemMSHS.

#### ☐ Xét hai bảng HOCSINH và DIEMTHILAI

☞ Một học sinh có thể thi lại một hoặc nhiều môn.

☞ Điểm một môn thi lại nào đó thì chỉ thuộc một học sinh nào đó mà thôi.

Bạn sẽ thấy có mối liên hệ giữa hai Table như sau:



Vậy giữa hai table trên sẽ có một mối liên kết. Liên kết là  $n-1$  từ DIEMTHILAI qua HOCSINH.

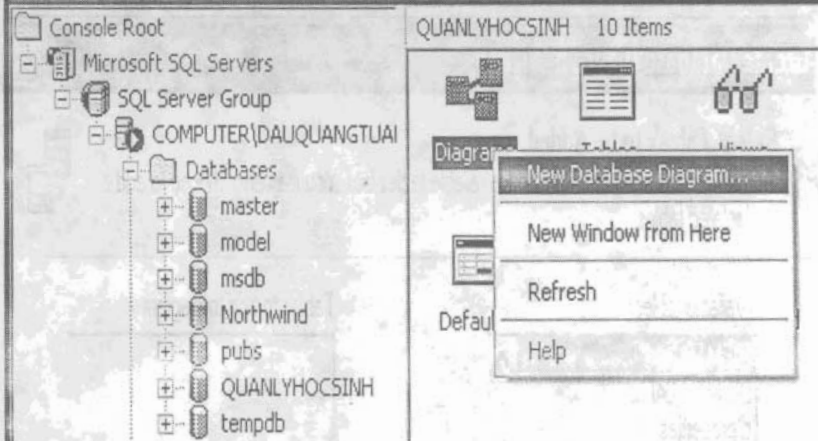
Khi có mối liên hệ một nhiều giữa hai table thì bạn nhớ là khoá ngoại sẽ nằm trong table có giá trị là (0, 1) hoặc (1, 1).

Trong hai Table trên, bạn thấy khoá ngoại sẽ nằm trong table DIEMTHILAI, đó là field ThilaiMSHS.

Bây giờ chúng ta bắt đầu vào Diagram như sau:

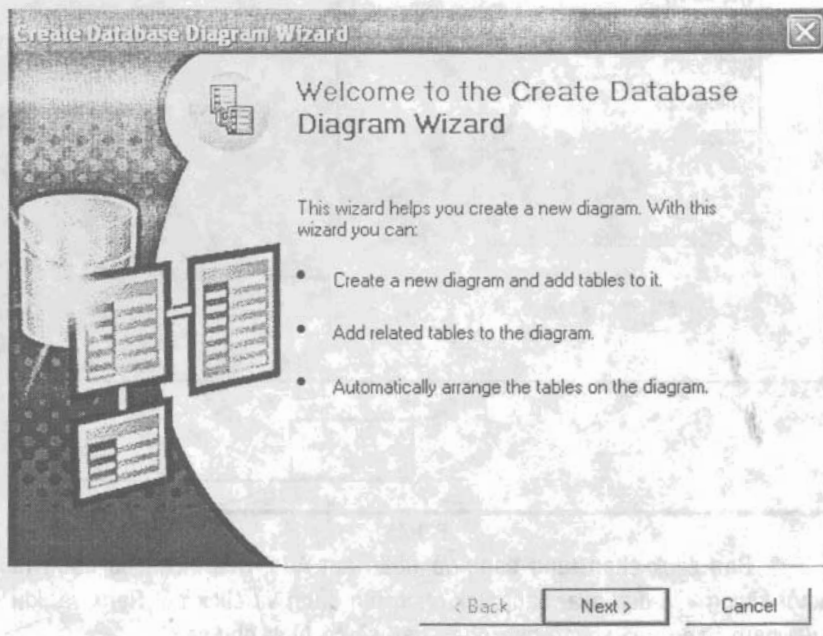
☑ Click chọn tên CSDL QUANLYHOCSINH

☑ Trong các đối tượng của CSDL có đối tượng Diagram, click nút phải chuột trên đối tượng này



B2H43

◆ Chọn mục **New Database Diagram** trong menu hiện ra, bạn sẽ có hình như sau:



B2H44

◆ Click nút Next, ta có cửa sổ sau hiện ra

## Create Database Diagram Wizard



### Select Tables to be Added

Select one or more tables from available tables box. You may also choose to add related tables.



Available tables

- DIEMTB
- DIEMTHILAI
- dtproperties
- HOC SINH
- KHENTHUONG
- KYLUAT
- syscolumns
- syscomments
- sysdepends
- sysfilegroups
- sysfiles

Add >

< Remove

Tables to add to diagram

Add related tables automatically

How many levels of related tables?



< Back

Next >

Cancel

B2H45

◆ Bạn click chọn từng bảng và nhấn nút Add, nếu muốn bỏ bảng ra khỏi khung vừa đưa qua, bạn click chọn tên bảng và click nút Remove, khi đưa năm bảng qua khung bên phải, bạn sẽ có hình như sau:

## Create Database Diagram Wizard

### Select Tables to be Added

Select one or more tables from available tables box. You may also choose to add related tables.

Available tables

dtproperties  
syscolumns  
syscomments  
sysdepends  
sysfilegroups  
sysfiles  
sysfiles1  
sysforeignkeys  
sysfulltextcatalogs  
sysfulltextnotify  
sysindexes

Add >

< Remove

Tables to add to diagram

DIEMTB  
DIEMTHILAI  
HOCSINH  
KHENTHUONG  
KYLUAU

Add related tables automatically

How many levels of related tables?

< Back

Next >

Cancel

B2H46

Click nút Next, bạn sẽ có hình như sau:

## Create Database Diagram Wizard

### Completing the Create Database Diagram Wizard

You have completed the steps required to create a database diagram. You have chosen the following tables to be added and automatically arranged on the diagram:

DIEMTB  
DIEMTHILAI  
HOCSINH  
KHENTHUONG  
KYLUAU

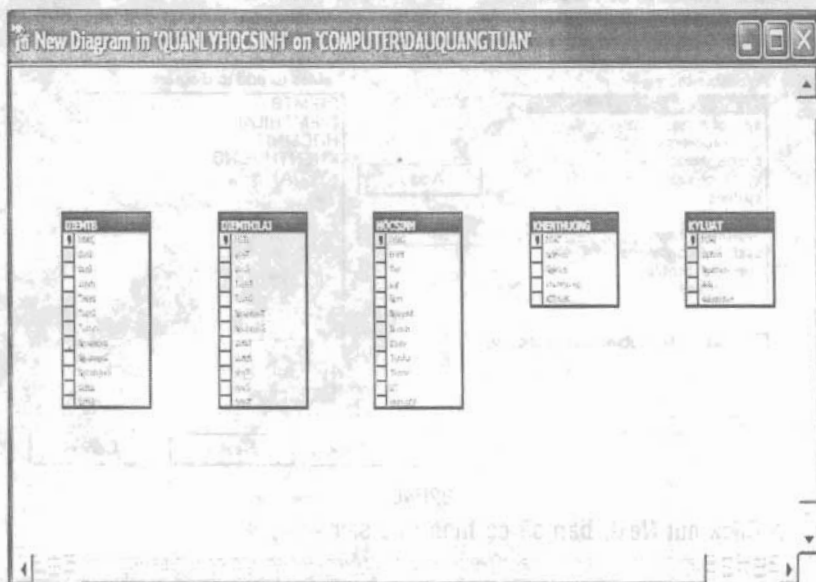
< Back

Finish

Cancel

B2H47

◆ Click nút Finish để kết thúc, bạn sẽ có kết quả như sau:



B2H48

◆ Click và drag chuột tại tiêu đề của mỗi bảng để kéo đến vị trí thích hợp, bạn nhớ để bảng HOCSINH nằm ở vị trí trung tâm.

**Chú ý:**

Khi vùng khóa của các bảng đang được chọn trong cửa sổ Diagram, nếu click chuột trong bảng, bạn sẽ thấy vùng này biến mất, bạn click bên ngoài bảng thì không mất.

Khi tạo mối liên hệ từ vùng của bảng này đến một vùng của bảng khác, các bạn phải làm sao để thấy được vùng này. Trong bài trên vì hai bảng DIEMTB và DIEMTHILAI có nhiều vùng, mà khóa ngoại của hai bảng này để phía sau cùng, nên hơi bất tiện, khi thực hiện, các bạn phải kéo cửa sổ Diagram lớn ra, kéo hai bảng này dài ra về phía bên-dưới để thấy được vùng cần liên kết. Trong thực tế, bạn có thể tạo mục cần liên kết lên phía trên để thuận tiện cho công việc này.

### ① Tạo mối liên hệ cho hai bảng HOCSINH và KHENTHUONG

Bạn cho thấy cả hai vùng cần liên hệ. Trong bảng HOCSINH là vùng MSHS, trong bảng KHENTHUONG là vùng KTMSHS. Thực hiện như sau:

◆ Bạn click chọn vùng MSHS là khóa chính của bảng HOCSINH, Drag và kéo sang vùng KTMSHS khi biến thành hình chữ nhật nhỏ, thả nút chuột, bạn sẽ có bảng sau:

**Create Relationship**

Relationship name:

Primary key table:  Foreign key table:

Check existing data on creation

Enforce relationship for replication

Enforce relationship for INSERTs and UPDATEs

Cascade Update Related Fields

Cascade Delete Related Records

B2H49

Bạn thấy khung trên cùng (Relationship name) có ghi tên của quan hệ mà SQL Server 2000 sẽ quản lý (tên này không được lặp lại trong CSDL), chúng ta có thể thay đổi tên khác

Phía dưới ghi chú MSHS của bảng HOCSINH là khóa chính (Primary key table) và KTMSHS của bảng KHENTHUONG là khóa ngoại (Foreign key table)

◆ Mục **Check existing data on creation**: Kiểm tra dữ liệu trong hai bảng có đúng với ràng buộc này không, nếu không đúng thì quan hệ này sẽ không được thiết lập khi bạn chọn và thông báo sẽ xuất hiện

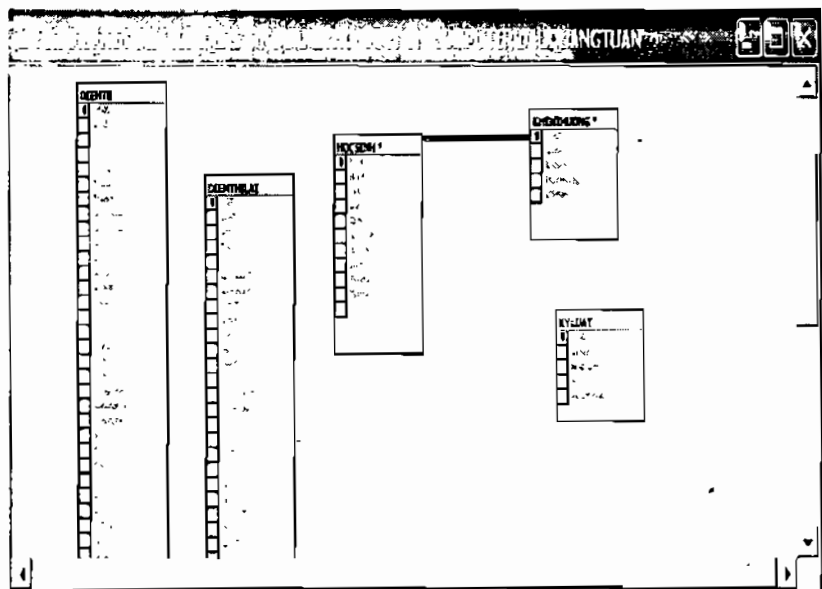
◆ Mục **Enforce relationship for replication**: Ràng buộc trọn vẹn với bảng dữ liệu được replication trong CSDL khác.

◆ Mục **Enforce relationship for INSERTs and UPDATEs**: Ràng buộc trọn vẹn dữ liệu với bảng dữ liệu mỗi khi phát biểu Insert hay Update xảy ra.

◆ Mục **Cascade Update Related Fields**: Sẽ cập nhật giá trị trong cột khóa ngoại (foreign key) trong bảng KHENTHUONG mỗi khi giá trị trong cột khóa chính (primary key) của bảng HOCSINH thay đổi.

◆ Mục **Cascade delete related fields**: Xóa tất cả các mẫu tin trong bảng quan hệ foreign key mỗi khi mẫu tin trong bảng có quan hệ primary key bị xóa.

Trong bài này, giả sử chúng ta không chọn hai mục này. Click nút OK, bạn thấy có mối quan hệ giữa hai bảng

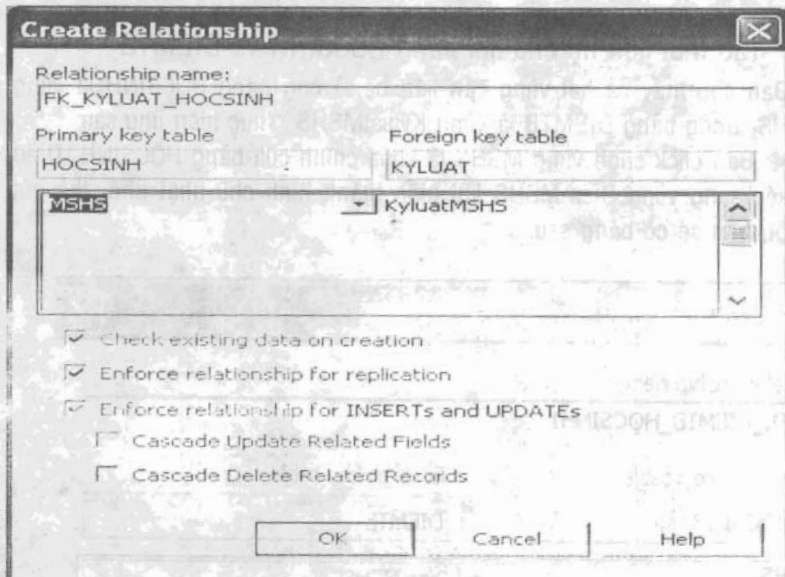


B2H50

## ② Tạo mối liên hệ cho hai bảng HOCSINH và KYLUAT

Bạn cho thấy cả hai vùng cần liên hệ. Trong bảng HOCSINH là vùng MSHS, trong bảng KYLUAT là vùng KyluatMSHS. Thực hiện như sau:

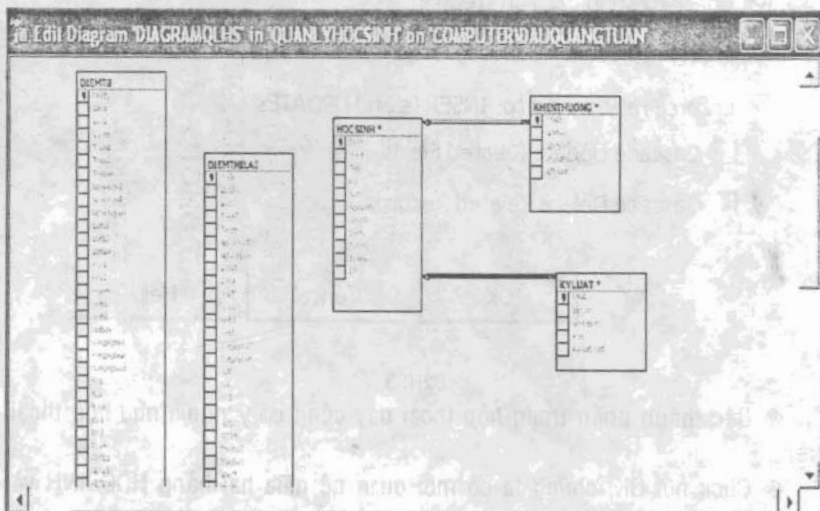
◆ Bạn click chọn vùng MSHS là khóa chính của bảng HOCSINH, Drag và kéo sang vùng KyluatMSHS khi biến thành hình chữ nhật nhỏ, thả nút chuột, bạn sẽ có bảng sau:



B2H51

◆ Các thành phần trong hộp thoại này cũng có ý nghĩa như hộp thoại trên.

◆ Click nút OK, chúng ta có mối quan hệ giữa hai bảng HOCSINH và KYLUAT



B2H52



### ③ Tạo mối liên hệ cho hai bảng HOCSINH và DIEMTB

Bạn cho thấy cả hai vùng cần liên hệ. Trong bảng HOCSINH là vùng MSHS, trong bảng DIEMTB là vùng KyluatMSHS. Thực hiện như sau:

◆ Bạn click chọn vùng MSHS là khóa chính của bảng HOCSINH, Drag và kéo sang vùng DiemMSHS khi biến thành hình chữ nhật nhỏ, thả nút chuột, bạn sẽ có bảng sau:

Relationship name:  
FK\_DIEMTB\_HOCSINH1

Primary key table: HOCSINH Foreign key table: DIEMTB

DiemMSHS

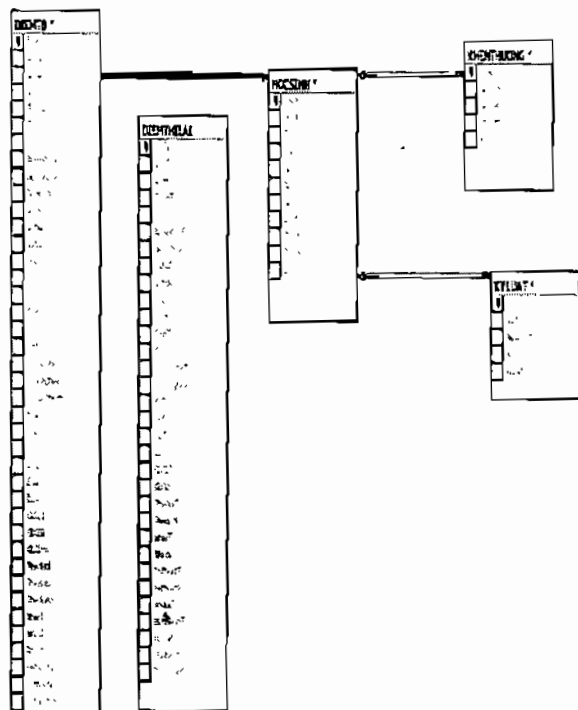
Check existing data on creation  
 Enforce relationship for replication  
 Enforce relationship for INSERTs and UPDATEs  
 Cascade Update Related Fields  
 Cascade Delete Related Records

OK Cancel Help

B2H53

◆ Các thành phần trong hộp thoại này cũng có ý nghĩa như hộp thoại trên.

◆ Click nút OK, chúng ta có mối quan hệ giữa hai bảng HOCSINH và DIEMTB



B2H54

Chúng tôi phải kéo khung Diagram lớn ra, kéo bảng DIEMTB lớn ra cho đến khi thấy được vùng DiemMSHS (điều này chúng tôi đã ghi chú ở trên, nên khi thiết kế, các bạn có thể tạo vùng DiemMSHS ở phía trên để dễ tạo mối quan hệ). Mặc dầu nổi đúng vùng nhưng khi click nút OK, bạn thấy đường nối có thể nằm ở vị trí khác, bạn kiểm tra khi hộp thoại kết nối hiện ra, kiểm tra tên các vùng kết nối có đúng không?

#### ④ Tạo mối liên hệ cho hai bảng HOCSINH và DIEMTHILAI

Bạn cho thấy cả hai vùng cần liên hệ. Trong bảng HOCSINH là vùng MSHS, trong bảng DIEMTHILAI là vùng ThilaiMSHS. Thực hiện như sau:

Bạn click chọn vùng MSHS là khóa chính của bảng HOCSINH, Drag và kéo sang vùng ThilaiMSHS khi biến thành hình chữ nhật nhỏ, thả nút chuột, bạn sẽ có bảng sau:

## Create Relationship

Relationship name:

FK\_DIEMTHILAI\_HOCSINH

Primary key table

HOCSINH

Foreign key table

DIEMTHILAI

MSHS ThilaiMSHS

- Check existing data on creation
- Enforce relationship for replication
- Enforce relationship for INSERTs and UPDATEs
  - Cascade Update Related Fields
  - Cascade Delete Related Records

OK

Cancel

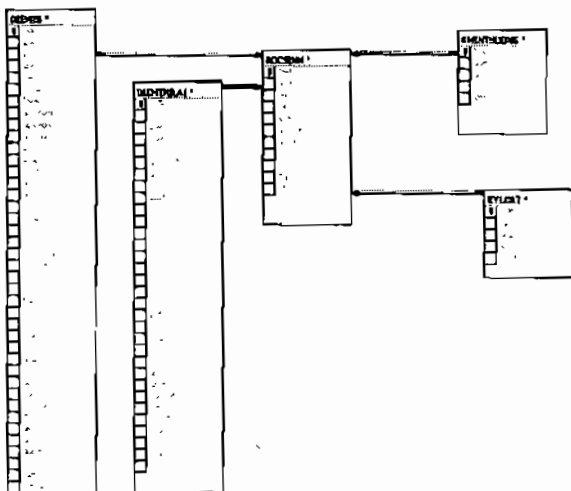
Help

B2H55

◆ Các thành phần trong hộp thoại này cũng có ý nghĩa như hộp thoại trên.

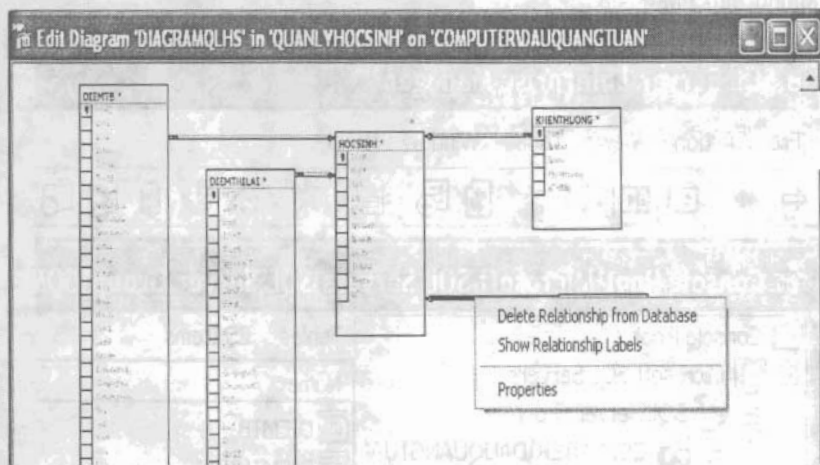
◆ Click nút OK, chúng ta có mối quan hệ giữa hai bảng HOCSINH và DIEMTHILAI

Edit Diagram 'DIAGRAMQLHS' in 'QUANLYHOCSINH' on 'COMPUTER\DAIQUANG\TUAN'



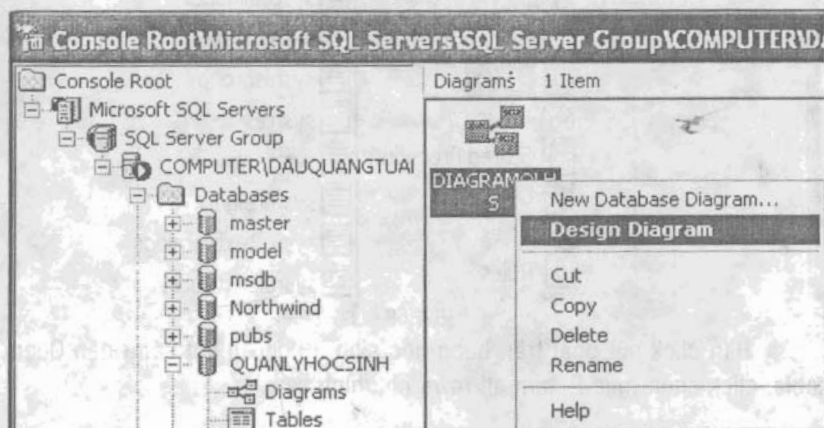
B2H56

◆ Nếu tạo mối liên hệ nhầm lẫn, hoặc nối sai, chúng ta có thể cắt bỏ kết nối bằng cách click nút chuột phải trên đường nối quan hệ giữa hai bảng, chọn Delete Relationship from Database



B2H57

◆ Nếu cửa sổ Diagram chưa có, bạn click các dấu "+" trước các mục để hiện mục Diagram trong Tables, click chọn tên Diagram bạn thấy mục Diagram hiện ra trong khung bên phải. Click nút phải chuột tại biểu tượng Diagram, chọn Design Diagram như hình sau:



B2H58

## Nhập thông tin cho các bảng

◆ Bạn vào Enterprise Manager, click các dấu "+" trước các mục, sao cho Tables hiện ra, click chọn Tables, bạn thấy tên các bảng hiện ra bên khung bên phải

The screenshot shows the SQL Server Enterprise Manager interface. The console tree on the left is expanded to show the 'Tables' folder under the 'COMPUTER\DAUQUANGTUAI' server. The right pane displays a list of 25 tables.

Console Root	
Microsoft SQL Servers	Tables 25 Items
SQL Server Group	Name /
COMPUTER\DAUQUANGTUAI	
Databases	
+	DIEMTB
+	DIEMTHILAI
+	dtproperties
+	HOC SINH
+	KHENTHUONG
+	KYLUAT
+	syscolumns
+	syscomments
+	sysdepends
+	sysfilegroups
+	sysfiles
+	sysfiles1
+	sysforeignkeys
+	sysfulltextcatalogs
+	sysfulltextnotify
+	master
+	model
+	msdb
+	Northwind
+	pubs
+	QUANLYHOC SINH
+	Diagrams
+	Tables
+	Views
+	Stored Procedure
+	Users
+	Roles
+	Rules

B2H59

◆ Bạn click nút phải trên bảng học sinh, di chuột vệt sáng đến Open table, click chọn mục Return all rows như hình sau:

Console Root

- Microsoft SQL Servers
  - SQL Server Group
    - COMPUTER\DAUQUANGTUAN
      - Databases
        - master
        - model
        - msdb
        - Northwind
        - pubs
        - QUANLYHOCSINH
          - Diagrams
          - Tables
          - Cut
          - Views
          - Stored Procedures
          - Users
          - Roles
          - Rules
          - Defaults
          - User Defined Data
          - User Defined Functions

Tables 25 Items

Name	Owner	Type
DIEMTB	dbo	User
DIEMTHILAI	dbo	User
dtproperties	dbo	System
HOCSINH	dbo	User
KHENTH	dbo	User
KYLUAT	dbo	User
syscolumns	dbo	System
syscomments	dbo	System
sysdatabases	dbo	System
sysfilegroups	dbo	System
sysfiles	dbo	System
sysfiles1	dbo	System
sysforeignkeys	dbo	System
sysfulltextcatalogs	dbo	System
sysfulltextindexes	dbo	System
sysindexes	dbo	System
sysindexes2	dbo	System
sysmaster	dbo	System
sysobjects	dbo	System
sysreferences	dbo	System
sysrules	dbo	System
sysrules2	dbo	System
sysusers	dbo	System
sysusers2	dbo	System
sysconstraints	dbo	System
sysconstraints2	dbo	System
sysconstraints3	dbo	System
sysconstraints4	dbo	System
sysconstraints5	dbo	System
sysconstraints6	dbo	System
sysconstraints7	dbo	System
sysconstraints8	dbo	System
sysconstraints9	dbo	System
sysconstraints10	dbo	System
sysconstraints11	dbo	System
sysconstraints12	dbo	System
sysconstraints13	dbo	System
sysconstraints14	dbo	System
sysconstraints15	dbo	System
sysconstraints16	dbo	System
sysconstraints17	dbo	System
sysconstraints18	dbo	System
sysconstraints19	dbo	System
sysconstraints20	dbo	System
sysconstraints21	dbo	System
sysconstraints22	dbo	System
sysconstraints23	dbo	System
sysconstraints24	dbo	System
sysconstraints25	dbo	System

Context menu for HOCSINH table:

- New Table...
- Design Table
- Open Table
  - Return all rows
  - Return Top...
  - Query
- Full-Text Index Table
- All Tasks
- Cut
- Copy
- Delete
- Rename
- Properties
- Help

B2H60

Click xong bạn thấy bảng hiện ra cho chúng ta nhập thông tin

Data in Table 'HOCSINH' in 'QUANLYHOCSINH' on 'COMPUTER\DAUQUANGTUAN'

MSHS	Họ	Tên	Lớp	Năm	Ngaysinh	Noisinh
0						
*						

B2H61

Bạn nhập thông tin cho bảng HOCSINH, tiếp theo là cho các bảng KHENTHƯƠNG, KYLUAT, DIEMTB và DIEMTHILAI. Bạn nhớ nhập đúng cho khóa ngoại của các bảng sau, thông tin này (MSHS) phải có trong bảng HOCSINH. Giả sử bạn dựa vào quy tắc như sau:

Trước khi nhập thông tin cho các bảng để viết thủ chương trình, các bạn cần lưu ý để thực hiện đúng.

#### ◆ Đối với bảng HOCSINH

Trong bảng HOCSINH, **MSHS** là khóa và có kiểu **Text** (chiều dài tối đa là 5 kí tự), học sinh đầu tiên sẽ là **00001**, học sinh thứ hai sẽ có **MSHS** là **00002**, và tiếp tục như vậy cho đến hết, nếu bạn nhập dài quá 5 kí tự, hoặc nhập trùng với mã số đã có thì sẽ nhận thông báo là không được.

#### ◆ Đối với bảng KHENTHUONG

Trong bảng KHENTHUONG, **MSKT** sẽ là khóa và có kiểu **Text** (chiều dài tối đa là 5 kí tự), học sinh khen thưởng đầu tiên sẽ là **KT001**, học sinh kế tiếp là **KT002** ... và cứ tiếp tục như vậy cho đến hết. Quy định nhập cũng như trên, nếu trùng hoặc nhập quá dài, SQL Server 2000 sẽ báo lỗi.

#### ◆ Đối với bảng KYLUAT

Trong bảng KYLUAT, **MSKL** sẽ là khóa và có kiểu **Text** (chiều dài tối đa là 5 kí tự), học sinh vi phạm kỷ luật đầu tiên sẽ là **KL001**, học sinh kế tiếp là **KL002** ... và cứ tiếp tục như vậy cho đến hết. Quy định nhập cũng như trên, nếu trùng hoặc nhập quá dài, SQL Server 2000 sẽ báo lỗi.

#### ◆ Đối với bảng DIEMTB

Trong bảng DIEMTB, **MSKQ** sẽ là khóa và có kiểu **Text** (chiều dài tối đa là 7 kí tự), học sinh đầu tiên sẽ là **KQ00001**, học sinh kế tiếp là **KQ00002** ... và cứ tiếp tục như vậy cho đến hết. Quy định nhập cũng như trên, nếu trùng hoặc nhập quá dài, SQL Server 2000 sẽ báo lỗi.

#### ◆ Đối với bảng DIEMTHILAI

Trong bảng DIEMTHILAI, **MSTL** sẽ là khóa và có kiểu **Text** (chiều dài tối đa là 5 kí tự), học sinh đầu tiên sẽ là **TL001**, học sinh kế tiếp là **TL002** ... và cứ tiếp tục như vậy cho đến hết. Quy định nhập cũng như trên, nếu trùng hoặc nhập quá dài, SQL Server 2000 sẽ báo lỗi.

Vi trong một số bảng có nhiều vùng nên chúng tôi không thể giới thiệu đến các bạn được, chúng tôi sẽ nhập một số thông tin cho các bảng, khi thực tập bài này, các bạn đọc kỹ các kiểu của vùng, kích thước của vùng, nhất là lưu ý vùng mã số để nhập cho đúng. Chỉ cần chú ý một chút, các bạn sẽ hiểu và nhập đúng ngay.

Chúng tôi tạm ngừng giới thiệu SQL Server 2000 ở đây, từng này cũng đủ để các bạn viết chương trình, sau đây chúng tôi giới thiệu về Visual Basic .NET.

# Bài 3

## Cách vào để viết chương trình bằng

# Visual Basic .NET

### I/ Giới thiệu về Visual Basic .NET

Visual Basic .NET là thế hệ tiếp theo của Visual Basic, nhưng nó cũng xuất phát từ các thế hệ trước. Để có một ngôn ngữ tốt hơn và đủ mạnh trong thế giới .NET. Các thay đổi này bao gồm bổ sung một từ khóa **Class** để định nghĩa các lớp và một từ khóa **Inherits** cho việc thừa kế giữa các đối tượng... Mã nguồn Visual Basic 6.0 không thể được biên dịch bởi trình biên dịch Visual Basic .NET mà không có sự sửa đổi đáng kể. Hiện nay Microsoft đã cung cấp một công cụ chuyển mã để chúng ta có thể thực hiện chuyển mã một cách dễ dàng hơn.

Trong phiên bản phát hành cho nền .NET, ngôn ngữ Visual Basic có những thay đổi nhiều so với trước đây

- ☐ Ngôn ngữ bây giờ hoàn toàn là ngôn ngữ hướng đối tượng.
- ☐ Các ứng dụng và các thành phần được viết trong Visual Basic .NET truy xuất hoàn toàn tới .NET Framework, một thư viện lớp mở rộng cung cấp các dịch vụ hệ thống và các dịch vụ ứng dụng.
- ☐ Tất cả các ứng dụng được phát triển bằng cách sử dụng Visual Basic .NET đều chạy trong một môi trường thi hành được quản lý (managed runtime environment), đó là sự thi hành ngôn ngữ chung của môi trường .NET.

### II/ Tìm hiểu một chút về Microsoft .NET Framework

Môi trường .NET Framework chứa đựng các vấn đề sau:

- ☐ Giới thiệu hệ điều hành và các hàm API theo một cách mới. Trong những năm qua, các nhà phát triển đã sử dụng các hàm có sẵn của Windows tùy thuộc vào môi trường mà ngôn ngữ sử dụng. Ví dụ hệ



điều hành Windows cung cấp khả năng tạo ra các cửa sổ. Song các tính năng này được gọi từ một chương trình C++ khác hẳn với cách mà nó được gọi từ một chương trình Visual Basic .NET, cách mà các dịch vụ của hệ điều hành được gọi là giống nhau trên tất cả các ngôn ngữ. Phần .NET này được gọi là thư viện lớp .NET Framework.

☐ **Một cơ sở hạ tầng mới để quản lý sự thi hành ứng dụng.** Để cung cấp một số các dịch vụ hệ điều hành mới và tinh vi, bao gồm việc bảo mật cấp mã nguồn, kế thừa lớp giữa các ngôn ngữ (cross-language), tương thích kiểu giữa các ngôn ngữ, sự độc lập giữa phần cứng và hệ điều hành. Microsoft đã phát triển một môi trường thi hành mới có tên là Common Language Runtime (CLR). CLR bao gồm Common Type System (CTS) cho tương thích kiểu giữa các ngôn ngữ và Common Language Specification (CLS) đảm bảo các thư viện của nhà cung cấp thứ ba có thể được sử dụng từ tất cả các ngôn ngữ chạy trên môi trường .NET. Để hỗ trợ sự độc lập giữa các phần cứng và hệ điều hành, Microsoft đã phát triển Microsoft Intermediate Language (MSIL, hoặc chỉ viết IL). IL là một kiểu ngôn ngữ máy độc lập với CPU mà tập lệnh trong đó các chương trình .NET Framework được biên dịch. Các chương trình IL được biên dịch thành ngôn ngữ máy thực hiện trên nền đích trước khi thi hành. IL không bao giờ được thông dịch.

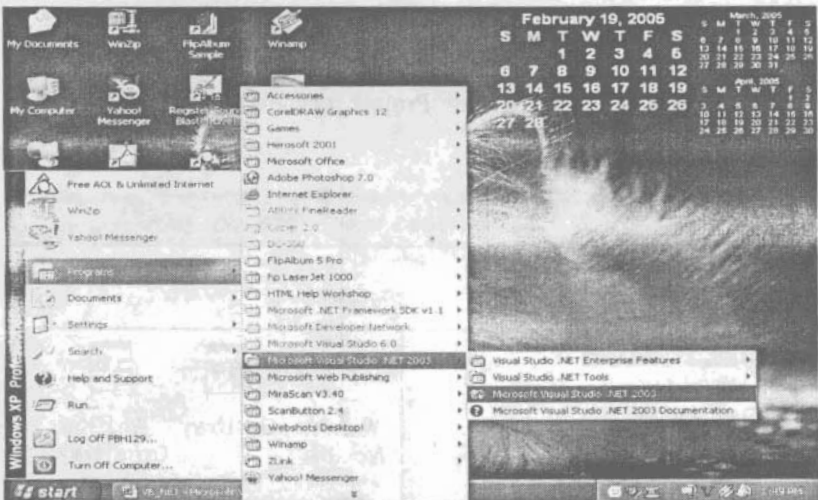
☐ **Một mô hình Web Server mới.** Để hỗ trợ các Web site dung lượng lớn, Microsoft đã thay thế công nghệ Active Server Pages (ASP) bằng công nghệ ASP.NET. nó sẽ làm tăng rất lớn tốc độ thi hành của các trang Web.

☐ **Một sự tập trung mới vào kiến trúc ứng dụng phân bố.** Visual Studio .NET cung cấp các công cụ cao cấp để tạo ra và dùng các dịch vụ Web. Các dịch vụ phần mềm độc lập với nhà phân phối có thể lấy được trên Internet. Môi trường .NET Framework được thiết kế từ trên xuống. Ví dụ ADO.NET là bước tiến tiếp theo của Microsoft trong việc phát triển "truy xuất dữ liệu toàn cầu" và tăng sự hữu dụng của chúng trong môi trường phân bố.

### III/ Cách vào Visual Studio .NET

☐ Vào menu **Start**, di chuyển vệt sáng tới **Microsoft Visual Studio .NET 2003**

☐ Chọn **Microsoft Visual Studio .NET 2003**.



B3H1 Cách vào Microsoft Visual Studio .NET 2003

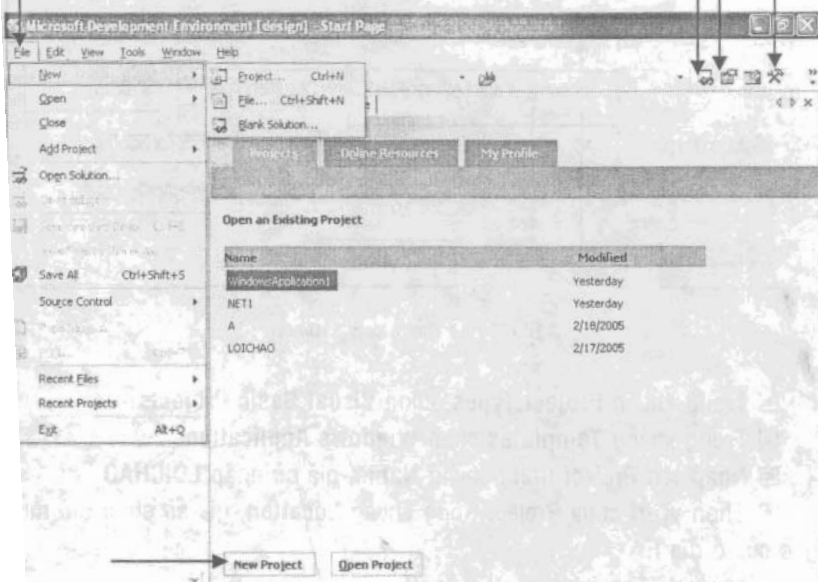
Menu Start

Menu File

Properties Window

Toolbox

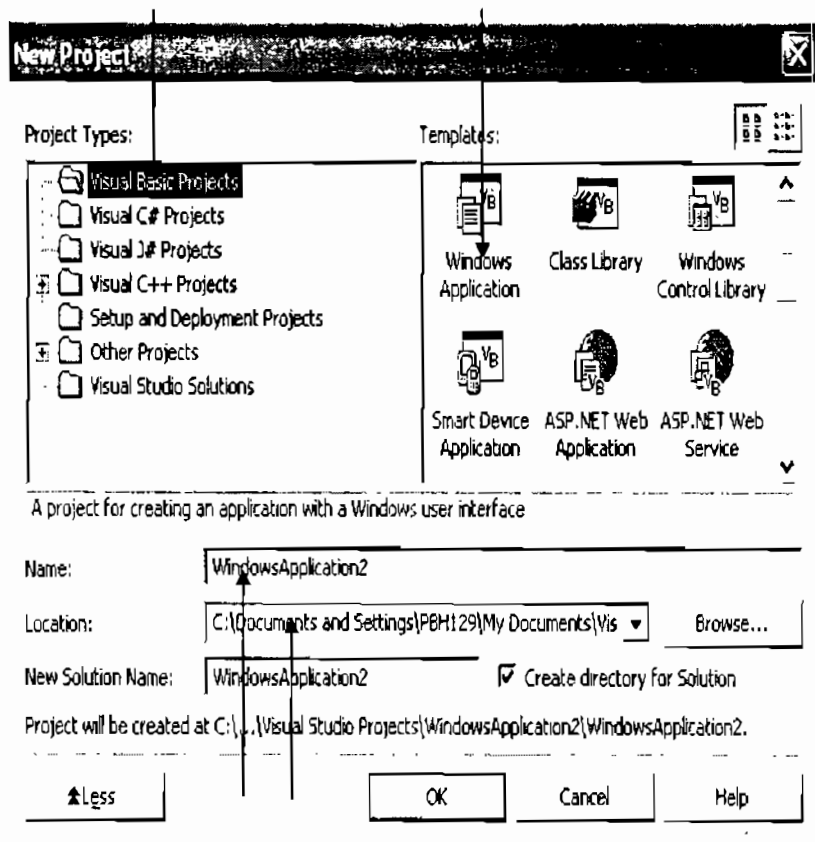
Solution Explorer



B3H2

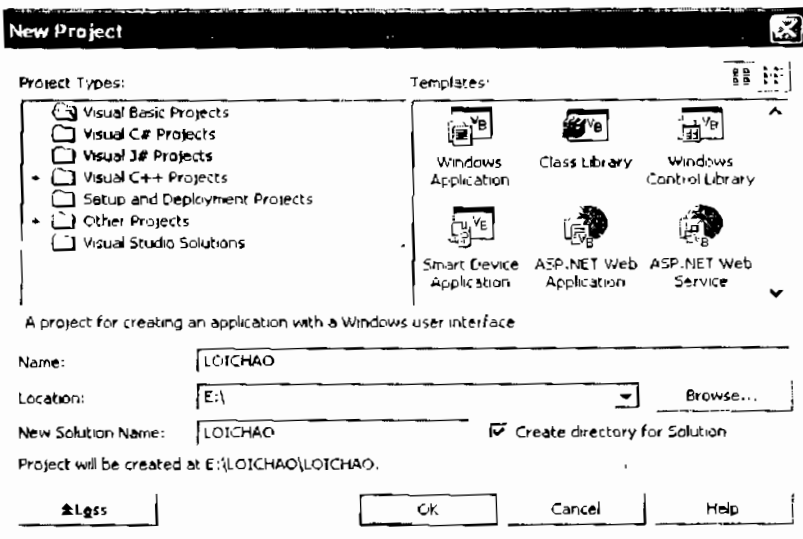
## IV/ Tạo Project mới từ Visual studio .NET

Trong cửa sổ hiện ra, chọn menu **File**, di chuyển vệt sáng tới **New**, chọn **Project** hoặc click nút **New Project**, chúng ta thấy hộp thoại New Project hiện ra như hình sau



B3H3 Hộp thoại New Project

- ▣ Trong khung **Project Types**, chọn **Visual Basic Projects**
- ▣ Trong khung **Templates** chọn **Windows Application**
- ▣ Nhập tên Project trong khung **Name**, giả sử nhập **LOICHAO**
- ▣ Chọn vị trí chứa Project trong khung **Location**, giả sử chọn thư mục gốc của ổ đĩa E:\

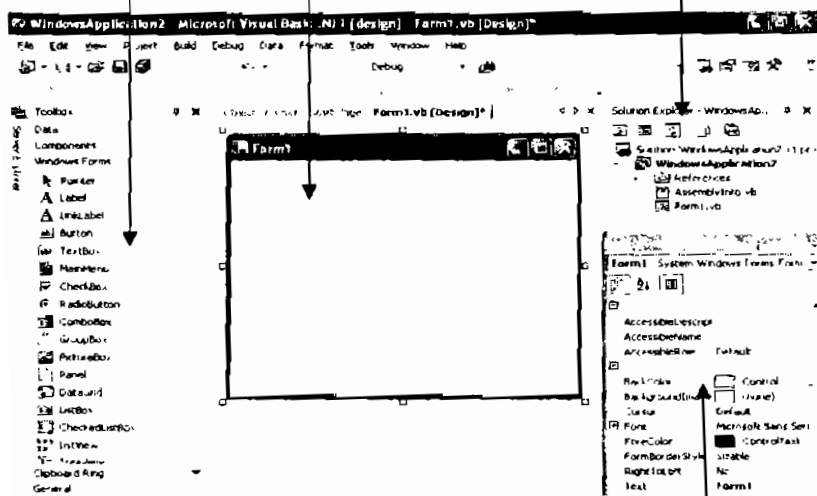


B3H4 Giả sử chọn tên Project là LOI CHAO, lưu tại thư mục gốc của ổ đĩa E:\

Click nút OK. Visual Studio .NET tạo ra một dự án với một form cho chúng ta thiết kế như hình sau

### Hộp công cụ (Toolbox) Form thiết kế

### Solution Explorer





































B3H5

### Properties Window

## ☑ Hộp công cụ Toolbox

Chứa các điều khiển cần thiết kế

Toolbox	Toolbox
Data	Data
Components	Components
Windows Forms	Windows Forms ▲
 Pointer	 TreeView
 Label	 TabControl
 LinkLabel	 DateTimePicker
 Button	 MonthCalendar
 TextBox	 HScrollBar
 MainMenu	 VScrollBar
 CheckBox	 Timer
 RadioButton	 Splitter
 ComboBox	 DomainUpDown
 GroupBox	 NumericUpDown
 PictureBox	 TrackBar
 Panel	 ProgressBar
 DataGrid	 RichTextBox
 ListBox	 ImageList
 CheckedListBox	 HelpProvider
 ListView	 ToolTip
 TreeView	 ContextMenu
Clipboard Ring ▼	Clipboard Ring ▼

B3H6

**Toolbox**

Data

Components

Windows Forms ▲



ContextMenu



ToolBar



StatusBar



NotifyIcon



OpenFileDialog



SaveFileDialog



FolderBrowserDialog



FontDialog



ColorDialog



PrintDialog



PrintPreviewDialog



PrintPreviewControl



ErrorProvider



PrintDocument



PageSetupDialog



CrystalReportViewer

Clipboard Ring ▼

B3H7


Click vào đầu mũi tên quay xuống phía dưới bên phải của hộp công cụ để thấy hết các điều khiển có trong nó. Nếu đã biết Visual Basic 6.0, các bạn thấy trong hộp công cụ của Visual Basic .NET có nhiều điều khiển hơn. Phần các điều khiển các bạn sẽ biết công dụng của nó trong các bài tập thực hành.

**Để đưa điều khiển vào trong Form thiết kế:**

☑ Click chọn tại biểu tượng bên trái của điều khiển

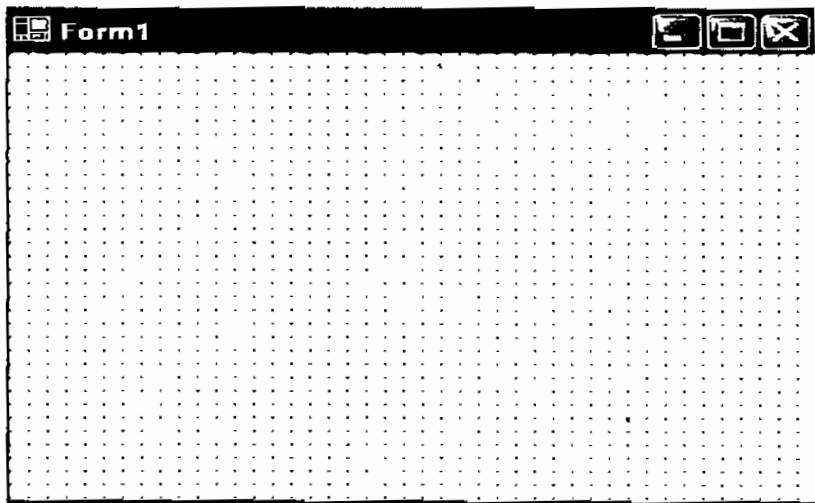
☑ Di chuyển vào Form, drag chuột để vẽ (nếu muốn chuyển điều khiển vừa vẽ đến vị trí khác, click chọn và di chuyển khi xuất hiện mũi tên 4 hướng)

Ghi nhớ:

Nếu chưa thấy hộp công cụ trên màn hình thiết kế, bạn click nút Toolbox  trên thanh công cụ hoặc vào menu View, chọn Toolbox hoặc nhấn tổ hợp phím Ctrl+Alt+X

### Form cho ta thiết kế

Chứa các điều khiển cần thiết để cho chương trình, các nút trên Form giống như bao cửa sổ Window bình thường. Khi không thấy Form thiết kế trên màn hình, click nút **View Designer** trong cửa sổ **Solution Explorer**.



B3H8

### Cửa sổ Solution Explorer

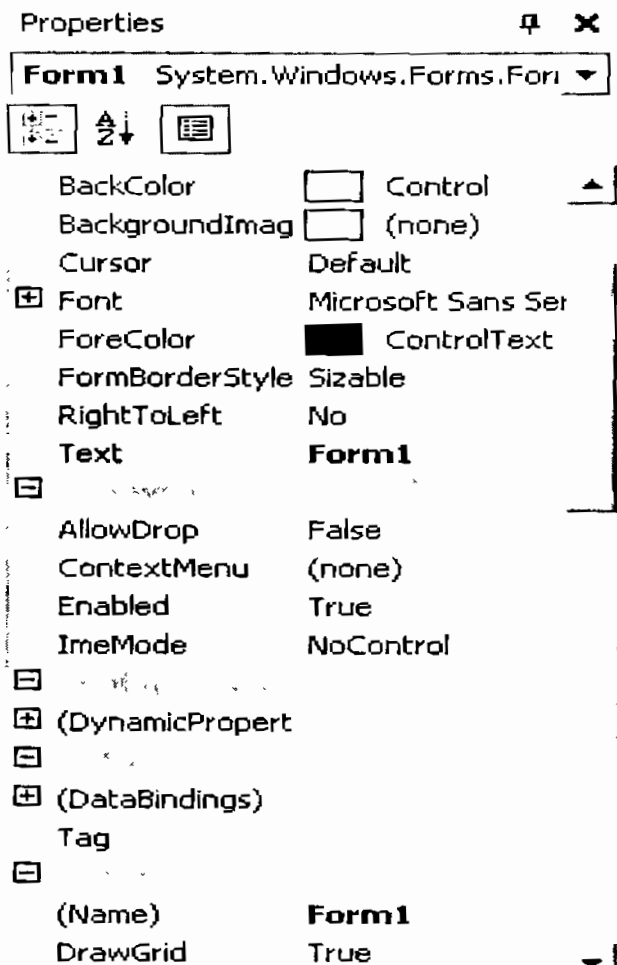
Cửa sổ Solution Explorer (trước đây là cửa sổ Project Explorer). Chứa tên Project, các lớp tham chiếu đến, các tập tin... Phía trên chứa các nút từ trái qua phải: nút View Code, View Designer, Refresh, Show All Files, Properties. Công dụng khi click những nút này



B3H9

- ⊗ Nút **View Code**: Xuất hiện cửa sổ viết code
- ⊗ Nút **View Designer**: Xuất hiện Form thiết kế
- ⊗ Nút **Show All Files**: Hiện tất cả các tập tin
- ⊗ Nút **Properties**: Hiện cửa sổ Properties
- ☑ **Properties Window**

Chứa các thuộc tính của đối tượng hoặc điều khiển đang được chọn



B3H10 Bảng Properties của Form

☑ Click vào đầu mũi tên quay xuống của thanh trượt dọc để thấy hết các thuộc tính của Form. Click vào đầu mũi tên quay xuống bên trên, bạn



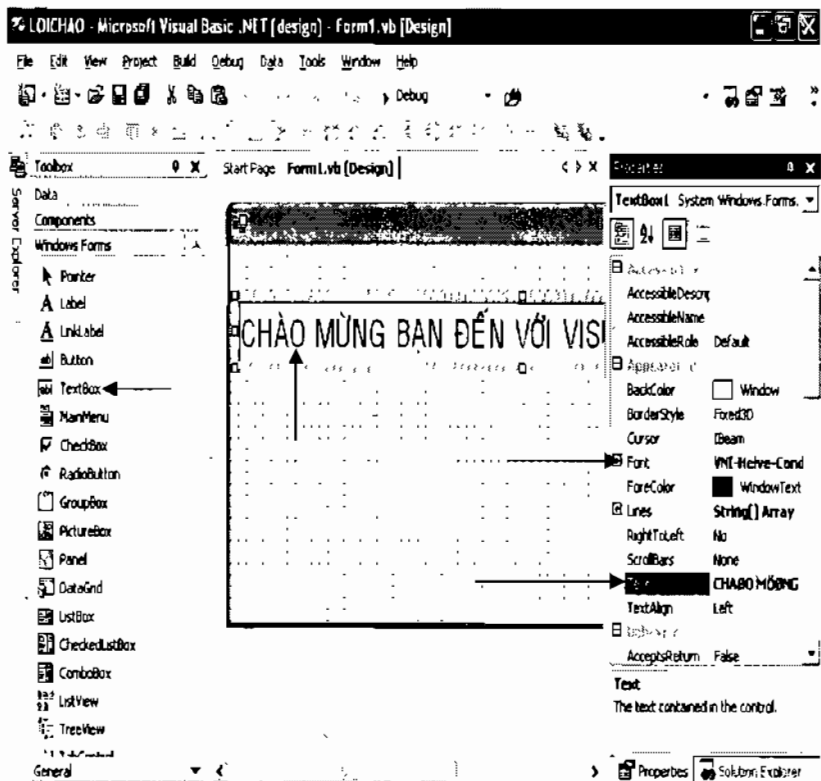
sẽ thấy tên Form và các điều khiển có trong nó. Chọn tên điều khiển trong khung này tương đương với khi chúng ta click chọn điều khiển đó trên Form. Nút bên trái là xếp các thuộc tính theo loại, nút kế là xếp các thuộc tính theo thứ tự Alphabet, nút kế là nút Properties.

Thực tập viết một chương trình nhỏ như hướng dẫn sau

① Giả sử bạn click chọn điều khiển có tên TextBox trong hộp công cụ, di chuyển con trỏ chuột vào form và vẽ TextBox

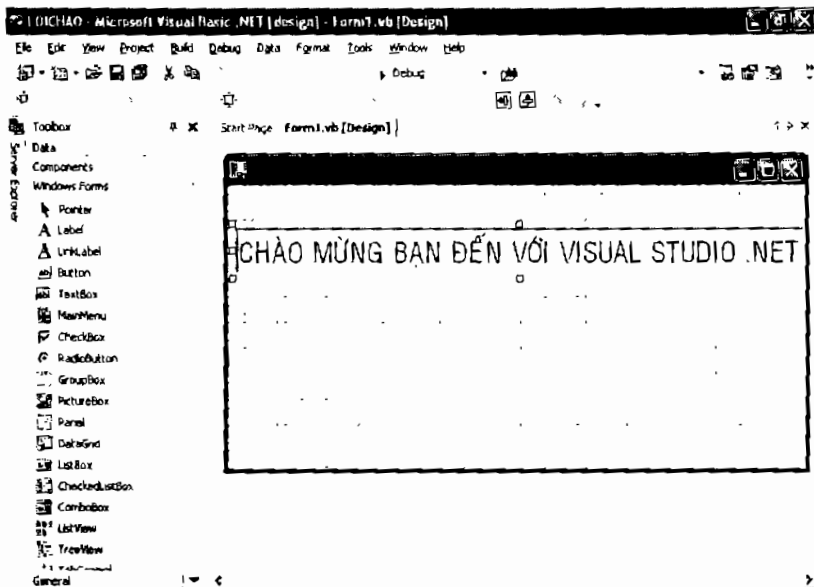
② Bảng Properties bên phải bây giờ là bảng chứa các thuộc tính của TextBox, chọn thuộc tính Font, click vào dấu ba chấm (...) bên phải, chọn font VNI-Helve-Condense, size 20

③ Trong thuộc tính Text, nhập câu "CHÀO MỪNG BẠN ĐẾN VỚI VISUAL STUDIO .NET"



B3H11 Chọn Font và thuộc tính Text trong bảng Properties

☒ Click dấu X trên góc phải của bảng Properties để đóng bảng này, bạn thấy form như hình sau

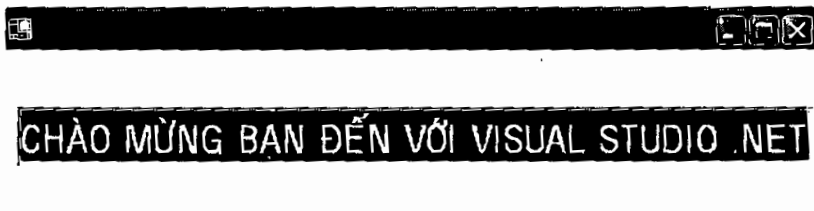


B3H12 Khi đóng bảng Properties

### Ghi chú:

Để xuất hiện bảng Properties của TextBox, click nút *phải chuột* trên TextBox, chọn Properties trong menu hiện ra. Tóm lại, muốn xem thuộc tính của điều khiển nào, click nút *phải chuột* trên điều khiển đó, chọn Properties.

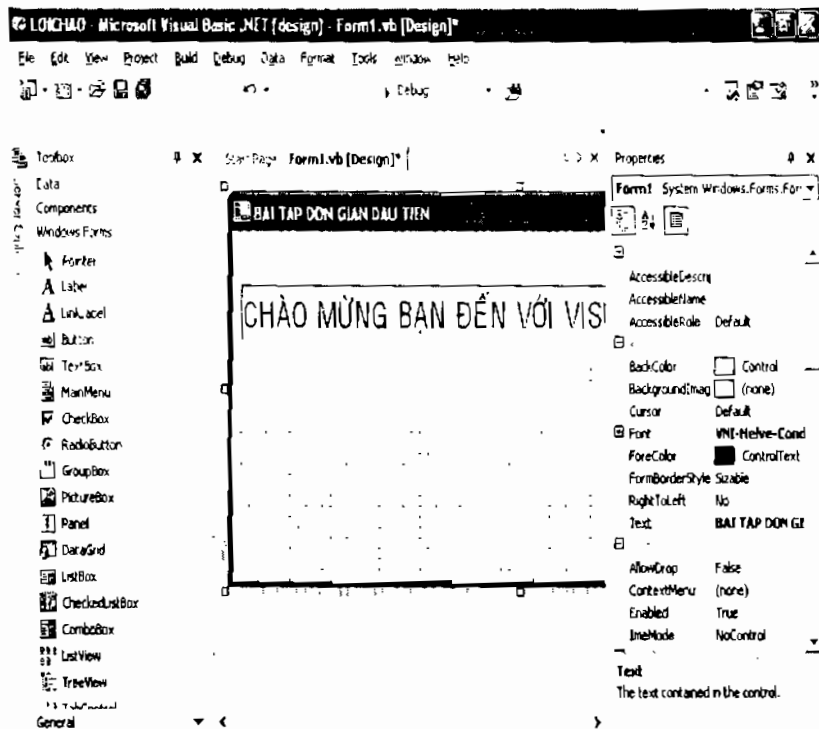
☒ Nhấn phím F5 để xây dựng và chạy chương trình, chúng ta sẽ thấy hình như sau:



B3H13

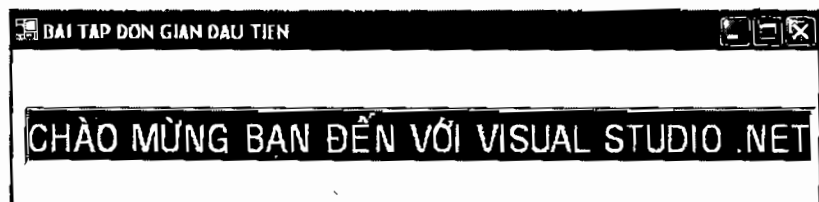
☒ Click nút X trên form chương trình để đóng và trở về cửa sổ thiết kế

Trên **thanh tiêu đề** của form chưa có gì hết, muốn thể hiện câu gì, bạn *click nút phải chuột trên form*, chọn **Properties**, trong thuộc tính **Text**, giả sử nhập **"BAI TAP DON GIAN DAU TIEN"**, *tiêu đề của form không thể xuất hiện dấu của tiếng Việt*. Nhập xong gõ phím Enter, bạn sẽ thấy tiêu đề xuất hiện



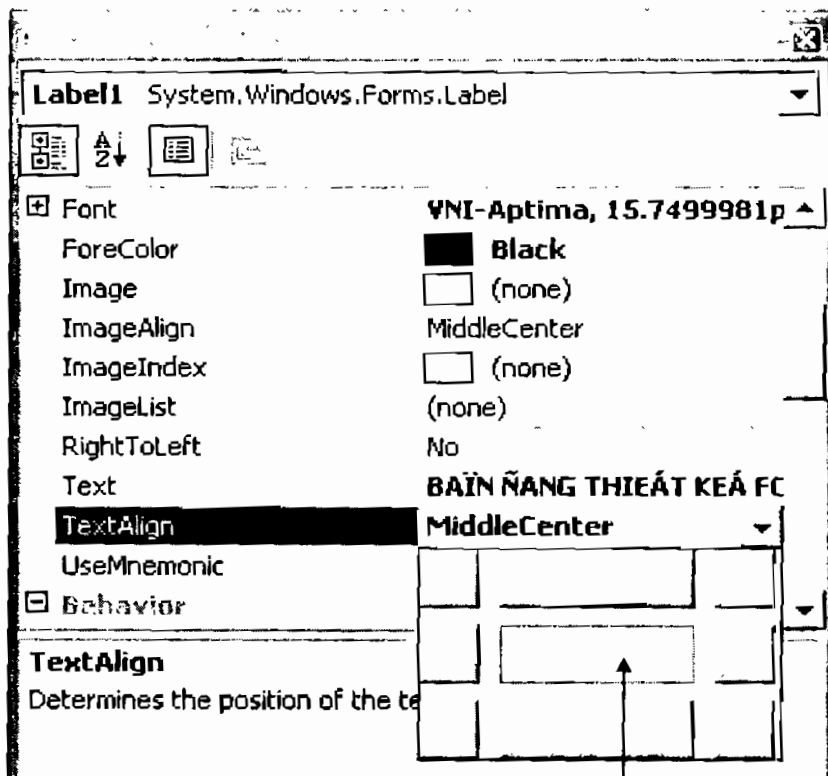
B3H14 Khi nhập thuộc tính Text của form

⊗ Nhấn phím F5, chúng ta có hình như sau



B3H15

Giả sử bạn click chọn điều khiển **Label** trên hộp công cụ, di chuyển con trỏ chuột vào **form** và vẽ, trong bảng **Properties** của điều khiển này, ở thuộc tính **Font**, chọn font **VNI-Aptima**, size 16. Tại thuộc tính **Text**, nhập "**BẠN ĐANG THIẾT KẾ FORM TRÊN VISUAL BASIC .NET**". Với thuộc tính **TextAlign** chọn khối hình chữ nhật nằm ở giữa (**MiddleCenter**) sẽ canh chữ nằm giữa **Label**, thuộc tính **BackColor** (màu nền) có màu xanh dương, thuộc tính **ForeColor** (màu chữ). Bạn sẽ thấy bảng **Properties** và **form** thiết kế như các hình sau:



B3H16 Bảng Properties của điều khiển Label

**MiddleCenter**

*Ghi chú:*

Một số thuộc tính khi click chuột vào khung sẽ xuất hiện mũi tên bên phải, click vào nút mũi tên để chọn mục cần thể hiện trong khung hiện ra

CHÀO MỪNG BẠN ĐẾN VỚI VISUAL STUDIO .NET

BẠN ĐANG THIẾT KẾ FORM TRÊN VISUAL BASIC .NET

B3H17 Điều khiển Label mới thêm vào với các thuộc tính như trên

☑ Nhấn phím F5, bạn sẽ thấy form chương trình như hình sau

CHÀO MỪNG BẠN ĐẾN VỚI VISUAL STUDIO .NET

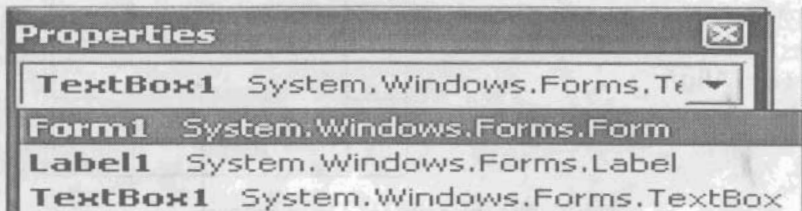
BẠN ĐANG THIẾT KẾ FORM TRÊN VISUAL BASIC .NET

B3H18 Khi chạy chương trình

*Nhận xét:*

Thông tin thể hiện trong điều khiển TextBox và Label khi chạy chương trình vì chúng ta đã *xác lập ngay trong thuộc tính Text của 2 điều khiển này.*

Bạn nhìn vào bảng **Properties** dưới đây



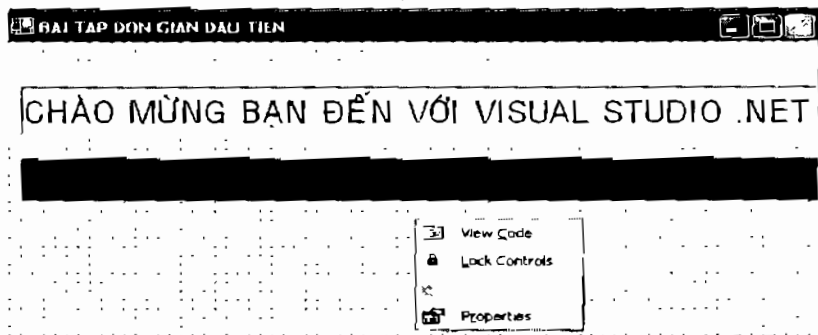
B3H19 Click nút mũi tên trong khung trên cùng

Vì trong **form** có 3 *đối tượng* đó là **form**, một **TextBox** và một **Label** nên khi click vào nút mũi tên bên phải của khung trên cùng, bạn sẽ thấy 3 đối tượng hiện ra, click chọn đối tượng nào, thì các thuộc tính của đối tượng đó sẽ hiện ra trong bảng. Vậy ngoài cách click nút phải chuột trên

đối tượng để chọn **Properties**, chúng ta có thể chọn bằng cách vừa giới thiệu ở trên. Các đối tượng trên kế thừa từ lớp **Form**

Để xem mã nguồn được tạo ra bởi **Windows Forms Designer** của form khi thiết kế như trên (chưa viết code gì cả). Bạn thực hiện như sau:

- \* Click nút **phải chuột** tại form
- \* Chọn **View Code** trong menu hiện ra



B3H20 Click nút phải chuột trên form

Chúng ta sẽ thấy mã nguồn như sau:

#### - **Public Class Form1**

**Inherits System.Windows.Forms.Form**

**+ Windows Form Designer generated code**

**End Class**

Nhìn vào đoạn code trên, bạn thấy Visual Basic .NET bổ sung một từ khóa **Class** để định nghĩa các lớp và từ khóa **Inherits** cho việc thừa kế giữa các đối tượng mà trong Visual Basic 6.0 không có.

*Ghi chú:*

Mã nguồn này định nghĩa một lớp có tên là Form1 kế thừa lớp Form. Windows Forms Designer cũng sinh ra nhiều mã nguồn soạn sẵn và sẽ không bị thay đổi bởi người phát triển. Để *xem mã nguồn*, hãy click chuột vào dấu "+" xuất hiện bên trái dòng "**Windows Form Designer generated code**"

Public Class Form1

Inherits System.Windows.Forms.Form

#Region "Windows Form Designer generated code"

```

Public Sub New()
    MyBase.New()
    'This call is required by the Windows Form Designer
    InitializeComponent()
    'Add any initialization after the InitializeComponent() call
End Sub
'Form overrides dispose to clean up the component list.
Protected Overloads Overrides Sub Dispose(ByVal disposing As Boolean)
    If disposing Then
        If Not (components Is Nothing) Then
            components.Dispose()
        End If
    End If
    MyBase.Dispose(disposing)
End Sub
'Required by the Windows Form Designer
Private components As System.ComponentModel.IContainer
'NOTE: The following procedure is required by the Windows Form
Designer
'It can be modified using the Windows Form Designer.
'Do not modify it using the code editor.
Friend WithEvents TextBox1 As System.Windows.Forms.TextBox
Friend WithEvents Label1 As System.Windows.Forms.Label
<System.Diagnostics.DebuggerStepThrough()> Private Sub
InitializeComponent()
    Me.TextBox1 = New System.Windows.Forms.TextBox
    Me.Label1 = New System.Windows.Forms.Label
    Me.SuspendLayout()
    'TextBox1
    Me.TextBox1.Font = New System.Drawing.Font("VNI-Helve-Condense",
20.25!, System.Drawing.FontStyle.Regular, System.Drawing.GraphicsUnit.Point,
CType(0, Byte))
    Me.TextBox1.Location = New System.Drawing.Point(8, 40)
    Me.TextBox1.Name = "TextBox1"
    Me.TextBox1.Size = New System.Drawing.Size(560, 44)
    Me.TextBox1.TabIndex = 0
    Me.TextBox1.Text = "CHÀO MỪNG BẠN ĐẾN VỚI VISUAL STUDIO .NET"
    'Label1
    Me.Label1.BackColor = System.Drawing.SystemColors.ActiveCaption

```

```

Me.Label1.BorderStyle = System.Windows.Forms.BorderStyle.Fixed3D
Me.Label1.Font = New System.Drawing.Font("VNI-Aptima", 15.75!,
System.Drawing.FontStyle.Regular, System.Drawing.GraphicsUnit.Point,
CType(0, Byte))
Me.Label1.ForeColor = System.Drawing.Color.Black
Me.Label1.Location = New System.Drawing.Point(8, 104)
Me.Label1.Name = "Label1"
Me.Label1.Size = New System.Drawing.Size(560, 40)
Me.Label1.TabIndex = 1
Me.Label1.Text = "BẠN ĐANG THIẾT KẾ FORM TRÊN VISUAL BASIC
.NET"
Me.Label1.TextAlign = System.Drawing.ContentAlignment.MiddleCenter
'Form1
Me.AutoScaleBaseSize = New System.Drawing.Size(12, 37)
Me.BackColor = System.Drawing.SystemColors.Control
Me.ClientSize = New System.Drawing.Size(568, 266)
Me.Controls.Add(Me.Label1)
Me.Controls.Add(Me.TextBox1)
Me.Font = New System.Drawing.Font("VNI-Helve-Condense", 20.25!,
System.Drawing.FontStyle.Regular, System.Drawing.GraphicsUnit.Point,
CType(0, Byte))
Me.Name = "Form1"
Me.Text = "BAI TAP DON GIAN DAU TIEN"
Me.ResumeLayout(False)
End Sub
#End Region
End Class

```

Với những thao tác nhẹ nhàng để thiết kế các điều khiển cho form, nhưng Visual Basic .NET đã sinh code như trên. Các bạn không cần bận tâm về đoạn code này, nhưng cũng nên hiểu qua về các lệnh, các phương thức... để có thể khai triển và phát triển thêm khi cần.

### **□ Phương thức New (thiết lập lớp)**

Phương thức thiết lập gọi phương thức thiết lập của cơ sở **MyBase.New()** và sau đó gọi phương thức **InitializeComponent()**, mã nguồn phát triển sẽ theo sau lệnh gọi tới **InitializeComponent()**. Khi phương thức thiết lập được sinh ra, trình thiết kế sẽ không đung chạm đến nó nữa.



## ❑ Phương thức Dispose

Phương thức này là nơi đối tượng nhận *giải phóng* bất cứ nguồn tài nguyên nào. Sau đó gọi phương thức **Dispose** của trường **Components**

## ❑ Trường Components

Trường **Components** là một đối tượng thuộc kiểu **IContainer** (được định nghĩa trong tập kiểu **System.ComponentModel**). Mã nguồn được tạo bởi trình thiết kế sử dụng trường **Components** để quản lý sự hoàn tất của các thành phần có thể được thêm vào một **form**, trong trường hợp trên là thành phần **TextBox** và thành phần **Label**.

## ❑ Phương thức InitializeComponent

Mã nguồn trong phương thức này sẽ không bị sửa đổi hoặc được bổ sung vào bởi người phát triển theo bất kỳ cách nào. **Windows Forms Designer** sẽ tự động cập nhật nó khi cần thiết. Khi các *điều khiển* được thêm vào **form** do ta thiết kế thì mã nguồn được thêm vào phương thức này để khởi tạo các điều khiển lúc thi hành và thiết lập các thuộc tính khởi tạo của chúng như **Font**, **Location** (vị trí), **Size**, **Text...** của **TextBox**, các thuộc tính của **Label** và **form** như trong đoạn code ở trên, các thuộc tính này trùng khớp với các thuộc tính của các điều khiển trong bảng **Properties**

*Chú ý:*

Trình thiết kế đã tạo ra các sửa đổi sau cho mã nguồn

Hai trường **Friend** đã được thêm vào lớp, mỗi trường cho một điều khiển đã được thêm vào **form** (điều khiển **TextBox** và điều khiển **Label**)

**Friend WithEvents TextBox1 As System.Windows.Forms.TextBox**

**Friend WithEvents Label1 As System.Windows.Forms.Label**

Từ khóa **Friend** làm cho các thành phần có thể nhìn thấy mã nguồn khác trong dự án, nhưng nó che chúng khỏi mã nguồn đang chạy trong bộ lắp ráp khác.

Từ khóa **WithEvents** cho phép lớp **Form1** xử lý các sự kiện được tạo ra bởi các điều khiển. Mã nguồn đã được thêm vào phương thức **InitializeComponent** để khởi tạo hai điều khiển **TextBox** và **Label** và gán các tham khảo của chúng cho các thuộc tính thành phần

```
Me.TextBox1 = New System.Windows.Forms.TextBox
```

```
Me.Label1 = New System.Windows.Forms.Label
```

**TextBox1**

```
Me.TextBox1.Font = New System.Drawing.Font("VNI-Helve-Condense",  
20.25!, System.Drawing.FontStyle.Regular, System.Drawing.GraphicsUnit.Point,  
CType(0, Byte))
```

```
Me.TextBox1.Location = New System.Drawing.Point(8, 40)
```

```
Me.TextBox1.Name = "TextBox1"
```

```
Me.TextBox1.Size = New System.Drawing.Size(560, 44)
```

```
Me.TextBox1.TabIndex = 0
```

```
Me.TextBox1.Text = "CHÀO MỪNG BẠN ĐẾN VỚI VISUAL STUDIO .NET"
```

```
'Label1
```

```
Me.Label1.BackColor = System.Drawing.SystemColors.ActiveCaption
```

```
Me.Label1.BorderStyle = System.Windows.Forms.BorderStyle.Fixed3D
```

```
Me.Label1.Font = New System.Drawing.Font("VNI-Aptima", 15.75!,
```

```
System.Drawing.FontStyle.Regular, System.Drawing.GraphicsUnit.Point,  
CType(0, Byte))
```

```
Me.Label1.ForeColor = System.Drawing.Color.Black
```

```
Me.Label1.Location = New System.Drawing.Point(8, 104)
```

```
Me.Label1.Name = "Label1"
```

```
Me.Label1.Size = New System.Drawing.Size(560, 40)
```

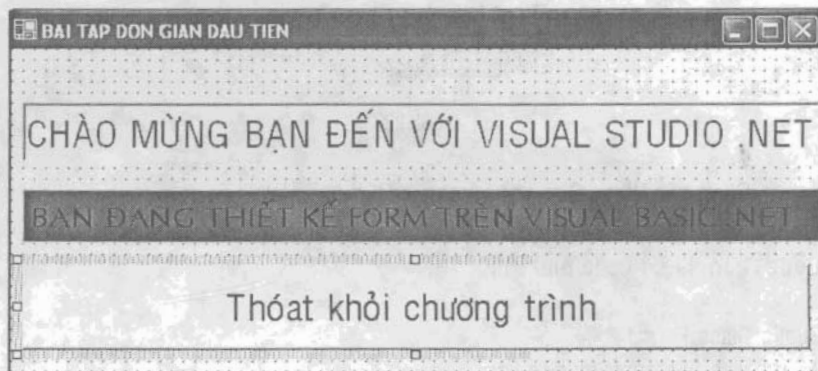
```
Me.Label1.TabIndex = 1
```

```
Me.Label1.Text = "BẠN ĐANG THIẾT KẾ FORM TRÊN VISUAL BASIC
```

```
.NET"
```

```
Me.Label1.TextAlign = System.Drawing.ContentAlignment.MiddleCenter
```

Khai triển tiếp chương trình. Nếu bây giờ chúng ta thêm một **Button** vào **form** như hình sau:




B3H21 Thêm một Button có tiêu đề "Thoát khỏi chương trình"

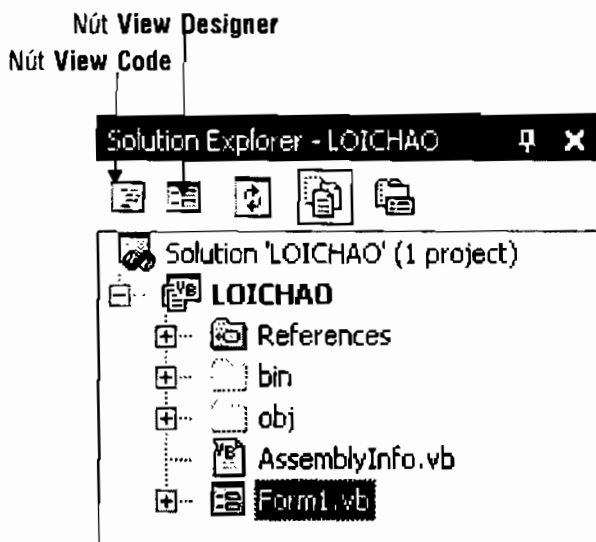
Khi *click* vào nút này thì sẽ thoát khỏi chương trình. Ta thực hiện như sau:

- ☑ Click điều khiển **Button** trong hộp công cụ bên trái
- ☑ Vẽ điều khiển trong **form** tại vị trí như trong hình
- ☑ Trong bảng **Properties** của điều khiển **Button** nhập vào khung của thuộc tính **Name** từ "Thoát", thuộc tính **Text** câu "Thoát khỏi chương trình". Nhớ đặt thuộc tính **Font** và **size** chữ cho phù hợp

*Ghi chú:*

Nếu trên màn hình chưa có form thiết kế, các bạn tiến hành như sau:

- \* Click vào nút có tên **Solution Explorer**  trên thanh công cụ, hộp thoại Solution Explorer hiện ra bên phải màn hình



B3H22

- \* Click nút **View Designer** trong hộp thoại này
- Giả sử bạn đã thiết kế xong, click nút phải chuột trên form, chọn **View Code**, bạn sẽ có code như sau

```
Public Class Form1
    Inherits System.Windows.Forms.Form
    #Region " Windows Form Designer generated code "
    Public Sub New()
        MyBase.New()
```

*'This call is required by the Windows Form Designer.*

InitializeComponent()

*'Add any initialization after the InitializeComponent() call*

End Sub

*'Form overrides dispose to clean up the component list.*

Protected Overloads Overrides Sub Dispose(ByVal disposing As Boolean)

If disposing Then

If Not (components Is Nothing) Then  
    components.Dispose()

End If

End If

MyBase.Dispose(disposing)

End Sub

*'Required by the Windows Form Designer*

Private components As System.ComponentModel.IContainer

*'NOTE: The following procedure is required by the Windows Form Designer*

*'It can be modified using the Windows Form Designer.*

*'Do not modify it using the code editor.*

Friend WithEvents TextBox1 As System.Windows.Forms.TextBox

Friend WithEvents Label1 As System.Windows.Forms.Label

**Friend WithEvents Thoat As System.Windows.Forms.Button**

<System.Diagnostics.DebuggerStepThrough(> Private Sub

InitializeComponent()

    Me.TextBox1 = New System.Windows.Forms.TextBox

    Me.Label1 = New System.Windows.Forms.Label

**Me.Thoat = New System.Windows.Forms.Button**

    Me.SuspendLayout()

    'TextBox1

    Me.TextBox1.Font = New System.Drawing.Font("VNI-Helve-Condense",  
20.25!, System.Drawing.FontStyle.Regular, System.Drawing.GraphicsUnit.Point,  
CType(0, Byte))

    Me.TextBox1.Location = New System.Drawing.Point(8, 40)

    Me.TextBox1.Name = "TextBox1"

    Me.TextBox1.Size = New System.Drawing.Size(560, 44)

    Me.TextBox1.TabIndex = 0

    Me.TextBox1.Text = "CHÀO MỪNG BẠN ĐẾN VỚI VISUAL STUDIO .NET"

    'Label1

    Me.Label1.BackColor = System.Drawing.SystemColors.ActiveCaption

```

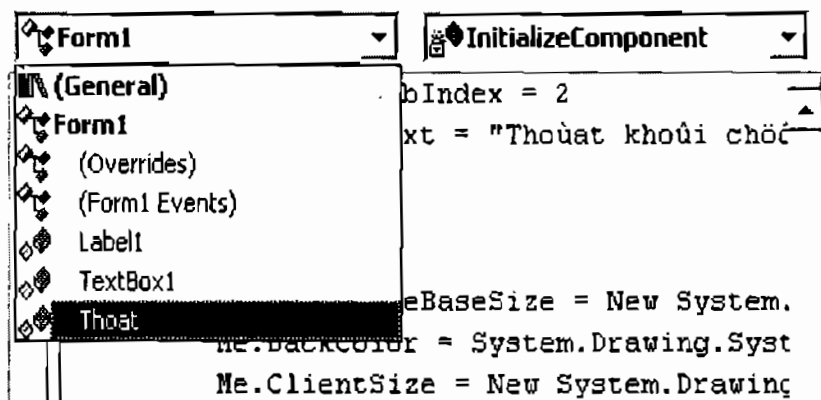
Me.Label1.BorderStyle = System.Windows.Forms.BorderStyle.Fixed3D
Me.Label1.Font = New System.Drawing.Font("VNI-Aptima", 15.75!,
System.Drawing.FontStyle.Regular, System.Drawing.GraphicsUnit.Point,
CType(0, Byte))
Me.Label1.ForeColor = System.Drawing.Color.Black
Me.Label1.Location = New System.Drawing.Point(8, 104)
Me.Label1.Name = "Label1"
Me.Label1.Size = New System.Drawing.Size(560, 40)
Me.Label1.TabIndex = 1
Me.Label1.Text = "BẠN ĐANG THIẾT KẾ FORM TRÊN VISUAL BASIC
.NET"
Me.Label1.TextAlign = System.Drawing.ContentAlignment.MiddleCenter
'Thoat
Me.Thoat.Location = New System.Drawing.Point(8, 160)
Me.Thoat.Name = "Thoat"
Me.Thoat.Size = New System.Drawing.Size(552, 64)
Me.Thoat.TabIndex = 2
Me.Thoat.Text = "Thoát khỏi chương trình"
'Form1
Me.AutoScaleBaseSize = New System.Drawing.Size(12, 37)
Me.BackColor = System.Drawing.SystemColors.Control
Me.ClientSize = New System.Drawing.Size(568, 266)
Me.Controls.Add(Me.Thoat)
Me.Controls.Add(Me.Label1)
Me.Controls.Add(Me.TextBox1)
Me.Font = New System.Drawing.Font("VNI-Helve-Condense", 20.25!,
System.Drawing.FontStyle.Regular, System.Drawing.GraphicsUnit.Point,
CType(0, Byte))
Me.Name = "Form1"
Me.Text = "BAI TAP DON GIAN DAU TIEN"
Me.ResumeLayout(False)
End Sub
#End Region
End Class

```

Những chữ tô đậm là mới được thêm vào (do Windows Forms Designer sinh ra), bạn xem có chỗ nào khác nữa không?

Để click vào Button sẽ thoát khỏi chương trình, bạn thực hiện theo hướng dẫn sau:

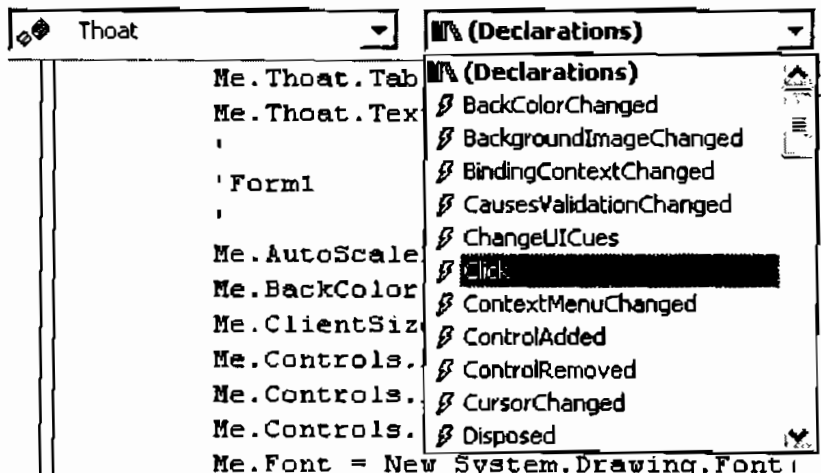
☑ Click nút **View Code**, trong cửa sổ *View Code*, click đầu mũi tên quay xuống của khung (**General**) bên trái, một khung bùng xuống như hình sau:



N18 Click đầu mũi tên của khung bên trái

☑ Click chọn điều khiển có tên **Thoat** (tên đã đặt cho thuộc tính Name của điều khiển Button)

☑ Click *đầu mũi tên quay xuống* của khung bên phải (**Declarations**), chọn *sự kiện* có tên **Click**



B3H23 Chọn biến cố Click cho điều khiển có tên Thoat

Chọn xong sẽ có cặp lệnh đầu và cuối của thủ tục hiện ra cuối đoạn code trước từ khóa End Class như sau:

```
Private Sub Thoat_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As
    System.EventArgs) Handles Thoat.Click
```

```
End Sub
```

Chúng ta sẽ nhập các lệnh giữa hai cặp lệnh này, chúng ta sẽ dùng hai phương thức **Close()** và **Dispose()**, phương thức **Close()** sẽ đóng form, phương thức **Dispose()** giải phóng các nguồn tài nguyên

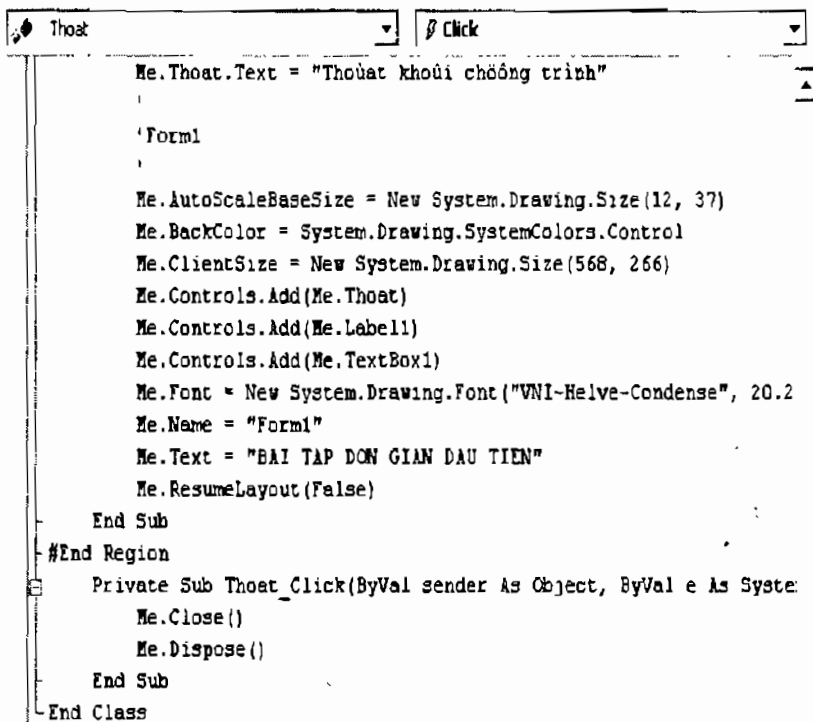
```
Private Sub Thoat_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As
    System.EventArgs) Handles Thoat.Click
```

```
    Me.Close()
```

```
    Me.Dispose()
```

```
End Sub
```

Chúng ta sẽ thấy khúc cuối của đoạn code như sau



```
Me.Thoat.Text = "Thoát khỏi chương trình"
'Form1
Me.AutoScaleBaseSize = New System.Drawing.Size(12, 37)
Me.BackColor = System.Drawing.SystemColors.Control
Me.ClientSize = New System.Drawing.Size(568, 266)
Me.Controls.Add(Me.Thoat)
Me.Controls.Add(Me.Label1)
Me.Controls.Add(Me.TextBox1)
Me.Font = New System.Drawing.Font("VNI-Helve-Condense", 20.2)
Me.Name = "Form1"
Me.Text = "BAI TAP DON GIAN DAU TIEN"
Me.ResumeLayout(False)
End Sub
#End Region
Private Sub Thoat_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As System
    Me.Close()
    Me.Dispose()
End Sub
End Class
```

B3H24 Thủ tục của điều khiển Button có tên Thoat với sự kiện Click

☑ Nhấn phím F5, click vào nút có tiêu đề “Thoát khỏi chương trình” bạn sẽ được như ý

*Tóm lại:*

Qua bài này, bạn thấy khi tạo một Project với một form mới, từ form rỗng này, chúng ta đã có code của nó, chúng được thiết kế tự động sẵn ngay từ ban đầu. Khi thiết kế cho form với các điều khiển lấy từ hộp công cụ, tùy theo vị trí, kích thước và các thuộc tính mà bạn xác lập khi thiết kế, chúng sẽ được Windows Forms Designer sinh ra các đoạn code tương ứng với cách thiết kế và xác lập của chúng ta. Các bạn có thể thay đổi lại vị trí hoặc những thuộc tính của các điều khiển, so sánh code khi chưa thay đổi, các bạn sẽ thấy. Khi thêm một điều khiển mới, chúng ta sẽ thấy đoạn code phát sinh. Khi có một sự kiện tác động đến điều khiển để thực hiện một điều gì đó, các bạn chọn điều khiển đó, chọn sự kiện thì sẽ có một thủ tục sinh ra cho chúng ta viết code. Bạn có thể thấy qua điều khiển Button mà chúng ta vừa thêm vào trong bài tập trên.

Các bạn đã biết cách sử dụng các điều khiển Label và TextBox. Lưu ý trong Visual Basic .NET, để thể hiện thông tin trong Label hoặc TextBox, chúng ta phải có `.Text` đi sau thuộc tính Name (tên) của điều khiển

*Ví dụ:*

`TxtThongbao.Text`

`LblKetqua.Text`

Để biết thêm về ứng dụng của một số điều khiển trong Visual Basic .NET các bạn có thể tham khảo thêm cuốn “Tự học lập trình Visual Basic .NET một cách nhanh chóng và có hiệu quả”, muốn biết lập trình Visual Basic .NET với cơ sở dữ liệu Access 2003, các bạn tìm đọc cuốn “Lập trình cơ sở dữ liệu Access 2003 và Visual Basic .NET một cách nhanh chóng và có hiệu quả” của chúng tôi biên soạn.

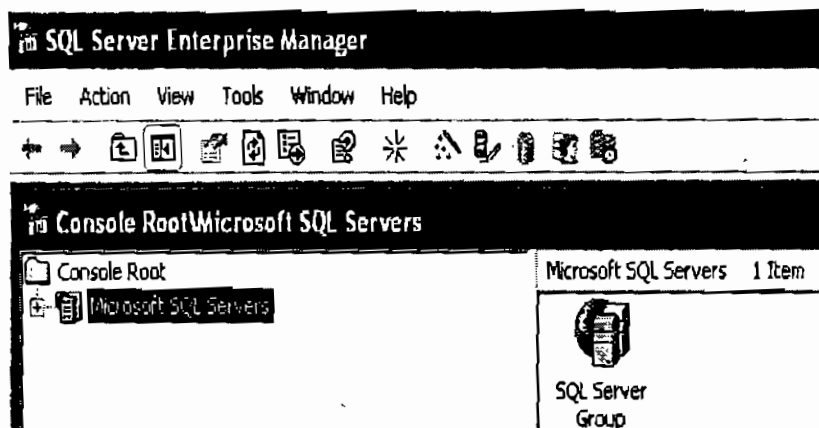


# Bài 4

## Chương trình Quản lý học sinh dùng SQL Server 2000 và Visual Basic .NET

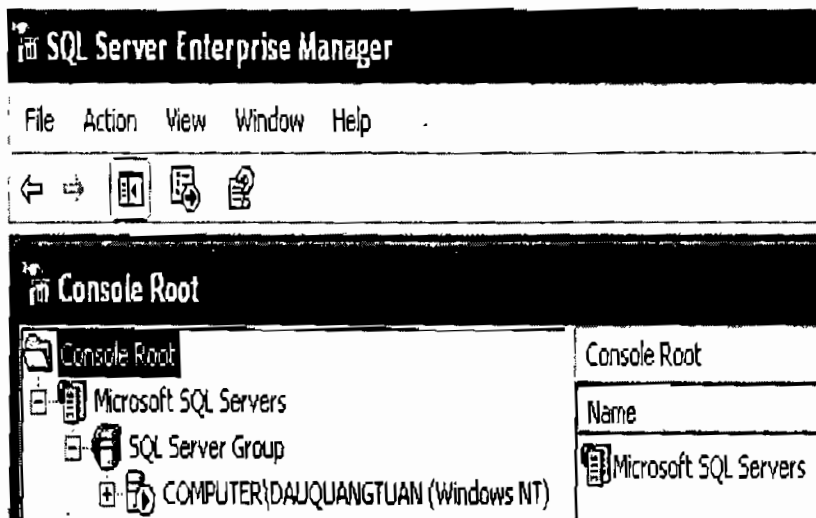
Qua bài trên, các bạn đã biết tạo cơ sở dữ liệu, tạo bảng, tạo các mối liên hệ giữa các bảng có liên quan với nhau, chúng tôi đã hướng dẫn bạn tạo một cơ sở dữ liệu có tên QUANLYHOCSINH trong SQL Server 2000. Bạn chú ý khi cài đặt SQL Server 2000, bạn đặt tên server là gì, các bạn cần nhớ, nếu quên, bạn có thể xem bằng cách:

☐ Click menu Start, di chuyển vật sáng đến Programs, di chuyển vật sáng đến Microsoft SQL Server 2000, chọn Enterprise Manager. Bạn sẽ thấy như hình sau:



B4H1

Bạn click dấu "+" trước Microsoft SQL Server, sau đó click vào dấu "+" trước Microsoft SQL Group trong cây bung ra, bạn sẽ thấy tên Server



B4H2

Bạn thấy tên là COMPUTER\DAUQUANGTUAN, bạn đối chiếu ở bài 1 khi cài đặt, lúc nào chúng tôi đặt tên DAUQUANGTUAN. Sở dĩ chúng tôi nói điều này vì khi viết chương trình trên Visual Basic .NET, trước tiên chúng ta phải kết nối với CSDL và trong bước kết nối này nó đòi hỏi chúng ta phải khai báo tên của Server.

Để viết một chương trình quản lý nào đó, trước hết các bạn phải tạo một cơ sở dữ liệu, sau đó tạo các bảng, xây dựng các mối liên hệ giữa các bảng có liên quan, nhập thông tin cho các bảng sau đó các bạn vào Visual Basic .NET bắt đầu thiết kế chương trình.

Trong bài 2, chúng ta đã thiết kế cơ sở dữ liệu có tên QUANLYHOCSINH, trong CSDL này có năm bảng, và chúng ta cũng đã tạo các mối liên hệ, nếu chưa nhập thông tin, các bạn nhập thử, không cần nhiều, mỗi bảng nhập vài mẫu tin, nhớ nhập cho chính xác.

Với bài này, giả sử chúng ta phải dùng nhiều Form, một Form cha sẽ có menu

Có 4 Form con như sau:

① Form con thứ nhất có tên **FormKHENTHUONG.vb** sẽ chứa hai điều khiển **DataGrid**, mỗi **DataGrid** sẽ thể hiện thông tin của từng bảng

**HOCSINH** và **KHENTHUONG**. Trên khay công cụ của Form này sẽ có 5 đối tượng

◆ Các đối tượng **OleDbDataAdapter1** và **DatasetHOCSINH1** dùng cho bảng **HOCSINH**.

◆ Các đối tượng **OleDbDataAdapter2** và **DatasetKHENTHUONG** dùng cho bảng **KHENTHUONG**.

◆ Đối tượng **OleDbConnection1** dùng chung cho cả hai bảng.

② Form con thứ hai có tên **FormKYLUAU.vb** sẽ chứa *hai điều khiển* **DataGrid**, mỗi **DataGrid** sẽ thể hiện thông tin của từng bảng **HOCSINH** và **KYLUAU**. Trên khay công cụ của Form này sẽ có 5 đối tượng

◆ Các đối tượng **OleDbDataAdapter1** và **DatasetHOCSINHKYLUAU1** dùng cho bảng **HOCSINH**.

◆ Các đối tượng **OleDbDataAdapter2** và **DatasetKYLUAU** dùng cho bảng **KYLUAU**.

◆ Đối tượng **OleDbConnection1** dùng chung cho cả hai bảng.

③ Form con thứ ba có tên **FormKETQUA** sẽ chứa *hai điều khiển* **DataGrid**, mỗi **DataGrid** sẽ thể hiện thông tin của từng bảng **HOCSINH** và **DIEMTB**. Trên khay công cụ của Form này sẽ có 5 đối tượng

◆ Các đối tượng **OleDbDataAdapter1** và **DatasetHOCSINHKETQUA1** dùng cho bảng **HOCSINH**.

◆ Các đối tượng **OleDbDataAdapter2** và **DatasetDIEMTB** dùng cho bảng **DIEMTB**.

◆ Đối tượng **OleDbConnection1** dùng chung cho cả hai bảng.

④ Form con thứ tư có tên **FormDIEMTHILAI.vb** sẽ chứa *hai điều khiển* **DataGrid**, mỗi **DataGrid** sẽ thể hiện thông tin của từng bảng **HOCSINH** và **DIEMTHILAI**. Trên khay công cụ của Form này sẽ có 5 đối tượng

◆ Các đối tượng **OleDbDataAdapter1** và **DatasetHOCSINHTHILAI1** dùng cho bảng **HOCSINH**.

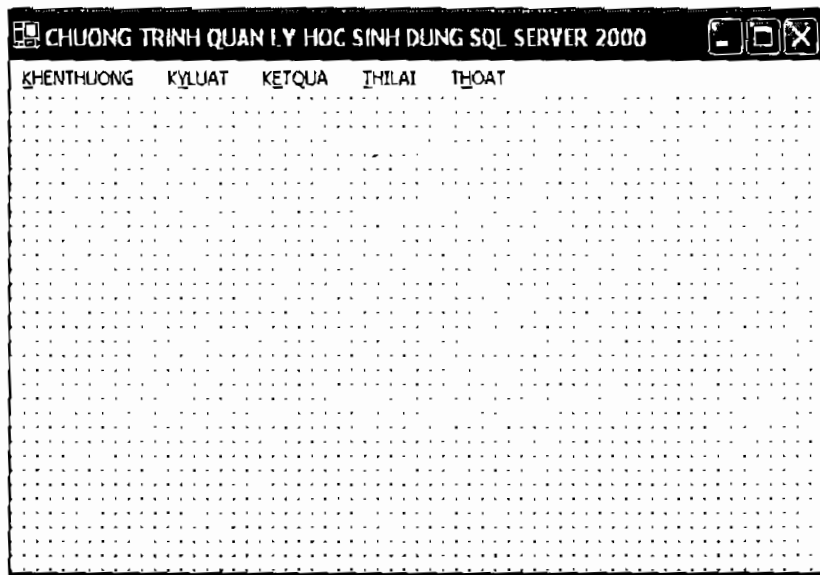
◆ Các đối tượng **OleDbDataAdapter2** và **DatasetDIEMTHILAI** dùng cho bảng **DIEMTHILAI**.

◆ Đối tượng **OleDbConnection1** dùng chung cho cả hai bảng.

\* Yêu cầu

\* Các Form cần thiết kế

## ☐ Form cha cần thiết kế



MainMenu1

B4H3

## ☐ Phần Form cha

**Bảng các thuộc tính của Form cha**

TT	Đối tượng	Các thuộc tính	Giá trị
1	Form MDI	Name BackColor Caption  IsMdiContainer WindowState	Form1 Màu xanh CHƯƠNG TRÌNH QUẢN LÝ HỌC SINH DÙNG SQL SERVER 2000 True Maximized

*Ghi chú:*

Thuộc tính **IsMdiContainer** phải đặt là **True**.

## Hệ thống menu của Form cha

Caption	Name
&KHENTHUONG	MenuKHENTHUONG
K&YLUAT	MenuKYLUA
K&ETQUA	MenuKETQUA
&THILAI	MenuTHILAI
T&HOAT	MenuTHOAT

☐ Dấu & đặt trước chữ nào khi thiết lập các mục của menu thì khi thiết lập xong, chữ đó sẽ được gạch dưới, bạn có thể nhấn phím ALT+với chữ gạch dưới sẽ tác động đến mục đó.

\* Form hiển thị khi chọn mục KHENTHUONG

**XEM HOC SINH DUOC KHEN THUONG**

MSHS	Holot	Ten	Lop	Nam	Ngaysinh	Noisinh
*						

MSKT	Ndkhen	Ngkhen	Phanthuo	KTMSH
*				

**XEM THÔNG TIN**      **CẬP NHẬT**      **THOÁT**

OleDbDataAdapter1

OleDbConnection1

DataSetHOCSINH1

OleDbDataAdapter2

DataSetKHENTHUONG1

**Bảng thuộc tính của những điều khiển trong  
FormKHENTHUONG**

<b>STT</b>	<b>Đối tượng</b>	<b>Thuộc tính</b>	<b>Giá trị thiết đặt</b>
1	Form	Name BackColor Text  WindowState	FormKHENTHUONG Màu vàng XEM HOC SINH DUOC KHEN THUONG Maximized
2	DataGrid	Name BackColor BackgroundColor ForeColor GridLineColor Font Anchor Datasource Datamember	DataGrid1 Màu cam nhạt Màu hồng nhạt Màu xanh dương Màu đỏ VNI-Times, size 12, bold Top, Left, Right, Bottom DatasetHOCSINH1 HOCSINH
3	DataGrid	Name BackColor BackgroundColor ForeColor GridLineColor Font Anchor Datasource Datamember	DataGrid2 Màu xanh nhạt Màu cam nhạt Màu xanh dương Màu đỏ VNI-Times, size 12, bold Top, Left, Right, Bottom DatasetKHENTHUONG1 KHENTHUONG
4	Button	Name BackColor Font Text	ButtonXem Màu xám VNI-Times, size 12, Bold XEM THÔNG TIN
5	Button	Name BackColor Font Text	ButtonCapnhát Màu xám VNI-Times, size 12, Bold CẬP NHẬT
6	Button	Name	ButtonThoát

	BackColor	Màu xám
	Font	VNI-Times, size 12, Bold
	Text	THOÁT

\* Form hiển thị khi chọn mục KYLUAT

**XEM HỌC SINH VI PHẠM KỶ LUẬT**

MSHS	Holot	Ten	Lop	Nam	Ngaysinh	Noisi
*						

MSKL	Vipham	Ngvipha	Xuly	KyluatM
*				

XEM THÔNG TIN      CẬP NHẬT      THOÁT



B4H5

### Bảng thuộc tính của những điều khiển trong FormKYLUAT

STT	Đối tượng	Thuộc tính	Giá trị thiết đặt
1	Form	Name	FormKYLUAT
		BackColor	Màu hồng
		Text	XEM HỌC SINH VI PHẠM KỶ LUẬT
		WindowState	Maximized

2	DataGrid	Name BackColor BackgroundColor ForeColor GridLineColor Font Anchor Datasource Datamember	DataGrid1 Màu cam nhạt Màu hồng nhạt Màu xanh dương Màu đỏ VNI-Times, size 12, bold Top, Left, Right, Bottom DatasetHOCSINH1 HOCSINH
3	DataGrid	Name BackColor BackgroundColor ForeColor GridLineColor Font Anchor Datasource Datamember	DataGrid2 Màu xanh nhạt Màu cam nhạt Màu xanh dương Màu đỏ VNI-Times, size 12, bold Top, Left, Right, Bottom DatasetKYLUA1 KYLUA1
4	Button	Name BackColor Font Text	ButtonXem Màu xám VNI-Times, size 12, Bold XEM THÔNG TIN
5	Button	Name BackColor Font Text	ButtonCapnhat Màu xám VNI-Times, size 12, Bold CẬP NHẬT
6	Button	Name BackColor Font Text	ButtonThoat Màu xám VNI-Times, size 12, Bold THOÁT

\* Form hiển thị khi chọn mục KẾTQUA



MSHS	Họt	Ten	Lop	Nam	Ngaysinh	Noisin
*						

MSKQ	Vau1	Van2	Vancn	Toau1	Toan2	Toa
*						

XEM THÔNG TIN      CẬP NHẬT      THOÁT

OleDbDataAdapter1

OleDbConnection1

DataSetHOCSINHKETQUA1

OleDbDataAdapter2

DataSetDIEMTB1

B4H6

### Bảng thuộc tính của những điều khiển trong FormKETQUA

STT	Đối tượng	Thuộc tính	Giá trị thiết đặt
1	Form	Name BackColor Text WindowState	FormKETQUA Màu xanh lá XEM KET QUẢ CỦA HỌC SINH Maximized
2	DataGrid	Name BackColor BackgroundColor ForeColor GridLineColor Font Anchor Datasource Datamember	DataGrid1 Màu cam nhạt Màu hồng nhạt Màu xanh dương Màu đỏ VNI-Times, size 12, bold Top, Left, Right, Bottom DatasetHOCSINH1 HOCSINH
3	DataGrid	Name BackColor	DataGrid2 Màu xanh nhạt

		BackColor ForeColor GridLineColor Font Anchor Datasource Datamember	Màu cam nhạt Màu xanh dương Màu đỏ VNI-Times, size 12, bold Top, Left, Right, Bottom DatasetDIEMTB1 DIEMTB
4	Button	Name BackColor Font Text	ButtonXem Màu xám VNI-Times, size 12, Bold XEM THỐNG TIN
5	Button	Name BackColor Font Text	ButtonCapnhat Màu xám VNI-Times, size 12, Bold CẬP NHẬT
6	Button	Name BackColor Font Text	ButtonThoat Màu xám VNI-Times, size 12, Bold THOÁT

\* Form hiển thị khi chọn mục THILAI

XEM KẾT QUẢ THI LẠI

MSHS	Holot	Ten	Lop	Nam	Ngaysinh	N
*						

MSTL	VanT	VanS	ToanT	ToanS	Ngoaingiu	Ngo
*						

XEM THỐNG TIN      CẬP NHẬT      THOÁT

OleDbDataAdapter1

OleDbConnection1

DataSetHOCSINHTHILAI1

OleDbDataAdapter2

DataSetDIEMTHILAI1

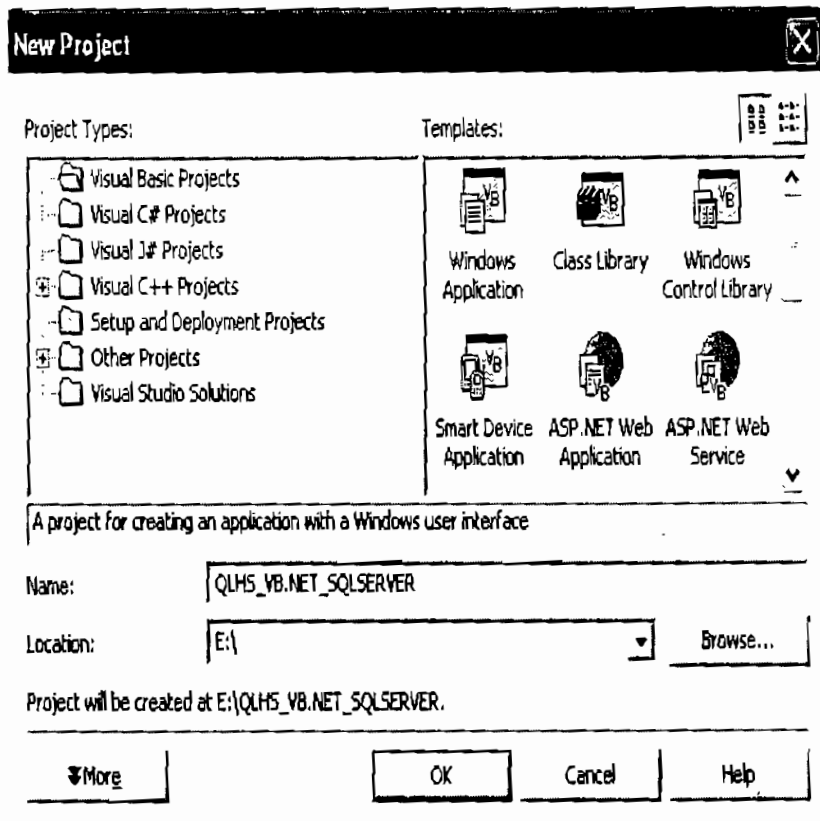
## Bảng thuộc tính của những điều khiển trong FormDIEMTHILAI

STT	Đối tượng	Thuộc tính	Giá trị thiết đặt
1	Form	Name BackColor Text WindowState	FormDIEMTHILAI Màu vàng XEM KET QUA THI LAI Maximized
2	DataGrid	Name BackColor BackgroundColor ForeColor GridLineColor Font Anchor Datasource Datamember	DataGrid1 Màu cam nhạt Màu hồng nhạt Màu xanh dương Màu đỏ VNI-Times, size 12, bold Top, Left, Right, Bottom DatasetHOCSINH1 HOCSINH
3	DataGrid	Name BackColor BackgroundColor ForeColor GridLineColor Font Anchor Datasource Datamember	DataGrid2 Màu xanh nhạt Màu cam nhạt Màu xanh dương Màu đỏ VNI-Times, size 12, bold Top, Left, Right, Bottom DatasetTHILAI1 THILAI
4	Button	Name BackColor Font Text	ButtonXem Màu xám VNI-Times, size 12, Bold XEM THÔNG TIN
5	Button	Name BackColor Font Text	ButtonCapnhathat Màu xám VNI-Times, size 12, Bold CẬP NHẬT
6	Button	Name BackColor Font Text	ButtonThoathat Màu xám VNI-Times, size 12, Bold THOÁT

## ① Thiết kế Form của chương trình

### 🔧 Thiết kế Form cha

Tạo Project mới với tên QLHS\_VB.NET\_SQLSERVER nằm trong thư mục gốc của ổ đĩa E:\



B4H8

☑ Click nút OK, Form hiện ra, thiết kế như hình đã cho ở trên. Trong Form có các mục của menu, bạn dùng điều khiển **MainMenu** trong hộp công cụ, khi đưa điều khiển này vào trong Form và vẽ tại một điểm bất kỳ, điều khiển sẽ xuất hiện trên khay công cụ phía dưới Form, nhập trực tiếp các mục ngay trên Form, khi đến mục nào, nó sẽ hiện mục nằm ngang bên cạnh và mục nằm dưới. Bạn có thể tham khảo cuốn "Tự học lập trình Visual Basic .NET một cách nhanh chóng và có hiệu quả"

## Toolbox



Data

Components

Windows Forms



Pointer



Label



LinkLabel



Button



TextBox



MainMenu



CheckBox



RadioButton



ComboBox



GroupBox



PictureBox



Panel



DataGrid



ListBox



CheckedListBox

...

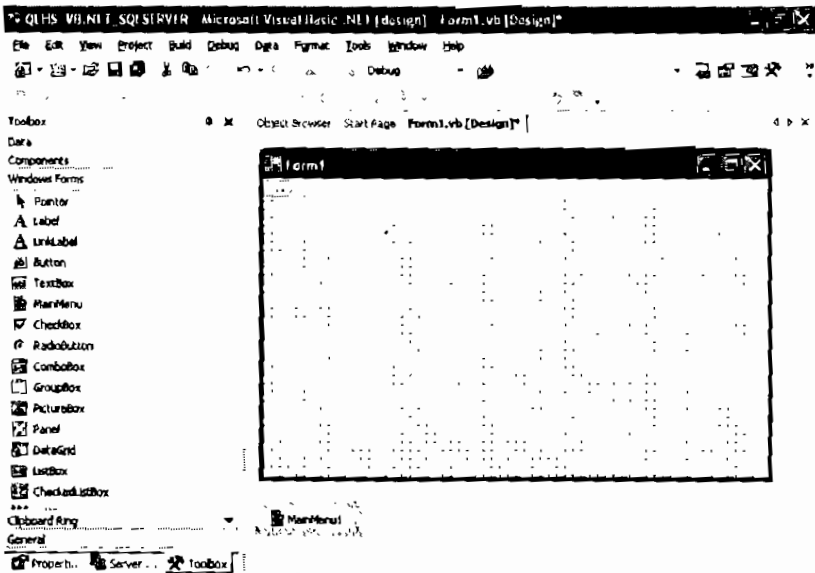
Clipboard Ring



General

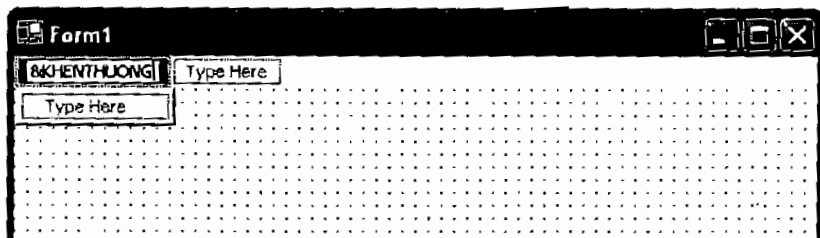
B4H9 Hộp công cụ

Khi đưa điều khiển MainMenu vào Form, bạn sẽ thấy như hình sau:

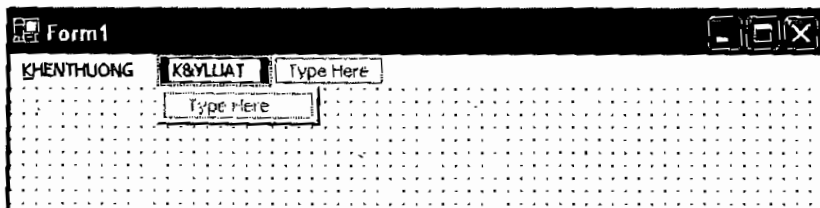


B4H10

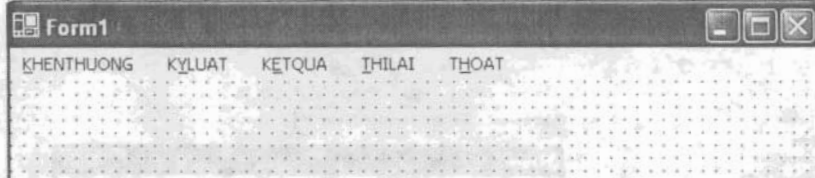
☐ Bạn nhập **&KHENTHUONG**, sau đó click vào khung **Type Here** kế bên phải, nhập **K&YLUAT**, tiếp tục click vào khung **Type Here** kế bên phải, nhập **K&ETQUA**, tương tự nhập **&THILAI**, sau cùng nhập **T&HOAT** cho mục bên phải cuối cùng.



B4H11



B4H12



B4H13

☐ Khi tạo xong các mục, bạn click *nút phải chuột* trên từng mục của menu, chọn **Properties** trong menu hiện ra, xác lập thuộc tính **Name** cho từng mục với tên như trong bảng hệ thống menu đã cho ở trên.

Ví dụ:

Đối với mục KHENTHUONG



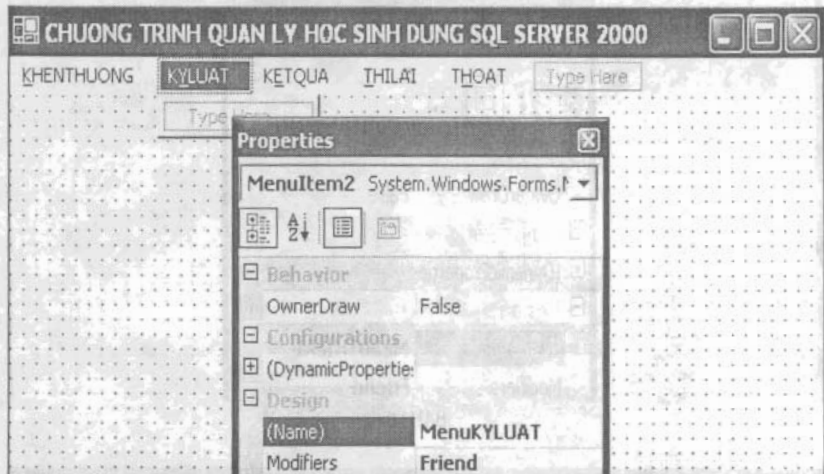
B4H14

☐ Bạn thấy thuộc tính Name có giá trị mặc nhiên là MenuItem1, bạn sửa lại thành MenuKHENTHUONG



B4H15

⊗ Khi bảng Properties đang xuất hiện trên màn hình, bạn click chọn lần lượt từng mục của menu, bạn thấy khi chọn mục nào thì thông tin trong bảng Properties là của mục đó. Bạn đặt MenuKYLUA, MenuKETQUA, MenuTHILAI và MenuTHOAT



B4H16



B4H17



KHENTHUONG

KYLUAT

KETQUA

**THILAI**

THOAT

Type Here

**Properties**

MenuItem4 System.Windows.Forms.I

Behavior

OwnerDraw False

Configurations

(DynamicPropertie:

Design

(Name) **MenuTHILAI**

Modifiers **Friend**

B4H18

KHENTHUONG

KYLUAT

KETQUA

THILAI

**THOAT**

Type Here

**Properties**

MenuItem5 System.Windows.Forms.I

Behavior

OwnerDraw False

Configurations

(DynamicPropertie:

Design

(Name) **MenuTHOAT**

Modifiers **Friend**

B4H19

## Thiết kế FormKHENTHUONG

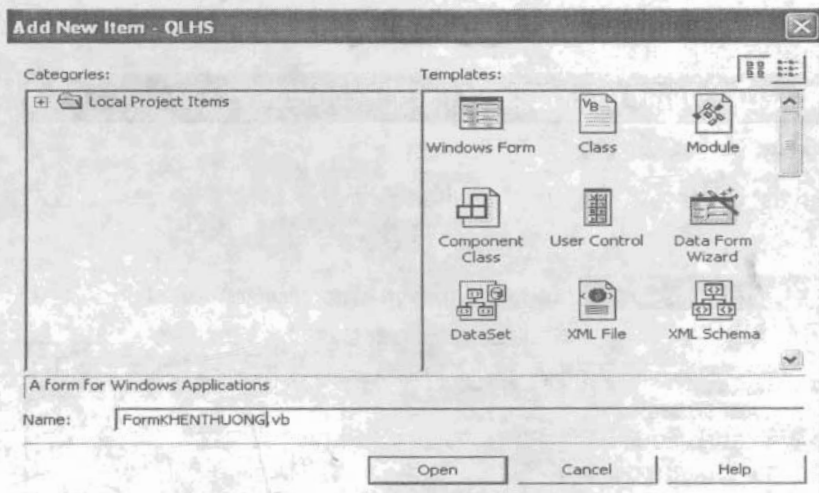
Ⓜ Vào menu **Project**, chọn **Add Windows Form...** như hình sau



B4H20

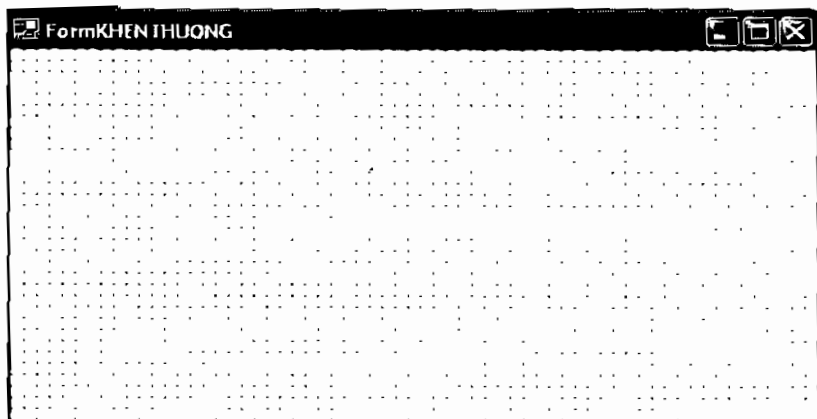
B5H19

Ⓜ Hộp thoại sau hiện ra, nhập **FormKHENTHUONG.vb** trong khung **Name**



B4H21

☑ Click nút **Open**, bạn sẽ có Form con như hình sau:



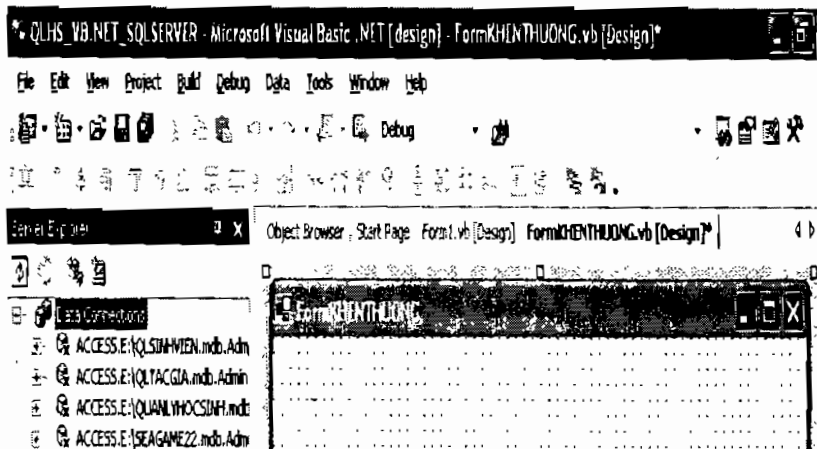
B4H22

☑ Bạn thiết kế cho **FormKHENTHUONG** với những điều khiển như hình trên

☑ Vì trong Form sẽ nối đến **CSDL QUANLYHOCSINH** trong server có tên **COMPUTER\DAUQUANTUAN** của **SQL Server 2000** nên chúng ta phải kết nối Form này với **CSDL** nằm trong **SQL Server 2000**. Bạn thực hiện kết nối như sau:

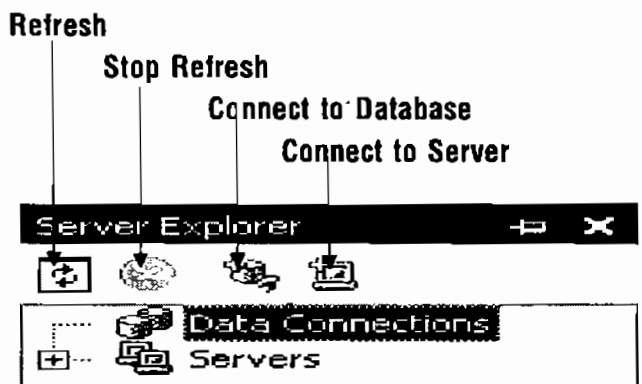
☑ Click chọn **FormKHENTHUONG**

☑ Vào menu **View**, chọn **Server Explorer**, bạn thấy hình sau:



B4H23

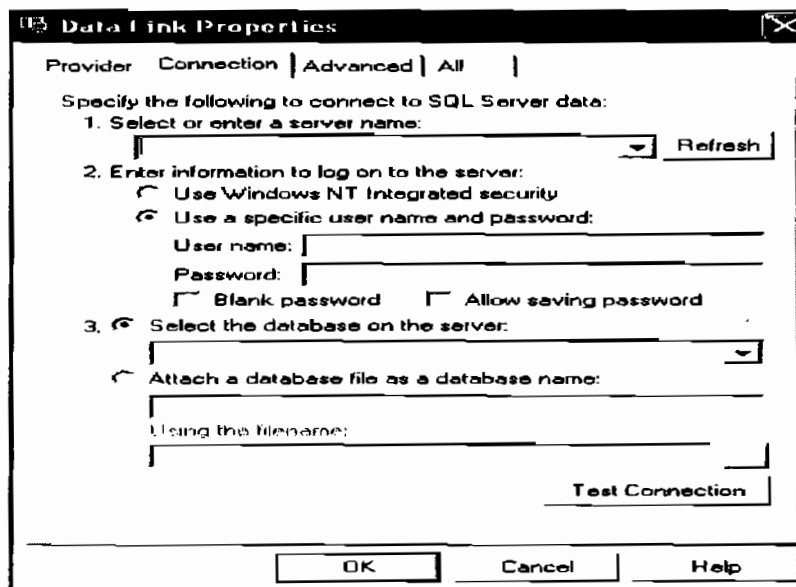
Chú ý phía bên trái của hình, bạn thấy cửa sổ **Server Explorer** hiện ra. Trong cửa sổ đã có kết nối đến một số như **CSDL QLSINHVIENT.mdb**, **CSDL QLTAGGIA.mdb**, **CSDL QUANLYHOCSINH**, **CSDL SEAGAME22.mdb**



B4H24

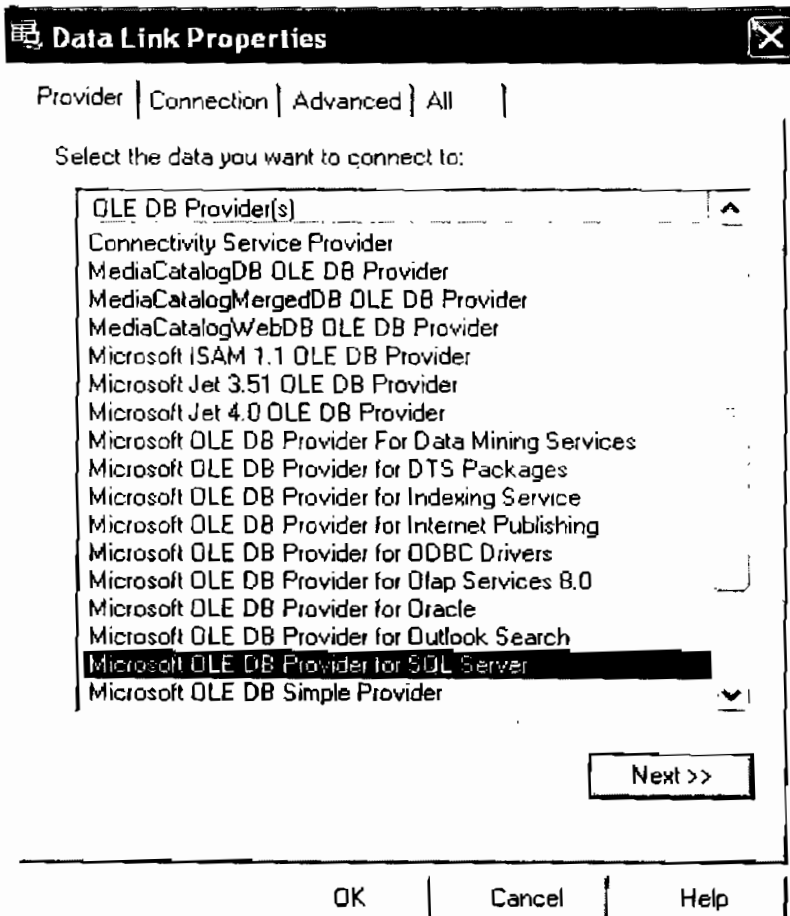
Đây là công cụ cho phép bạn thiết lập kết nối đến CSDL.

☑ Click nút **Connect to Database** trong cửa sổ **Server Explorer**, hộp thoại kết nối hiện ra (hộp thoại **Data Link Properties**).



B4H25

☑ Chọn tab **Provider**, có dạng như hình sau:



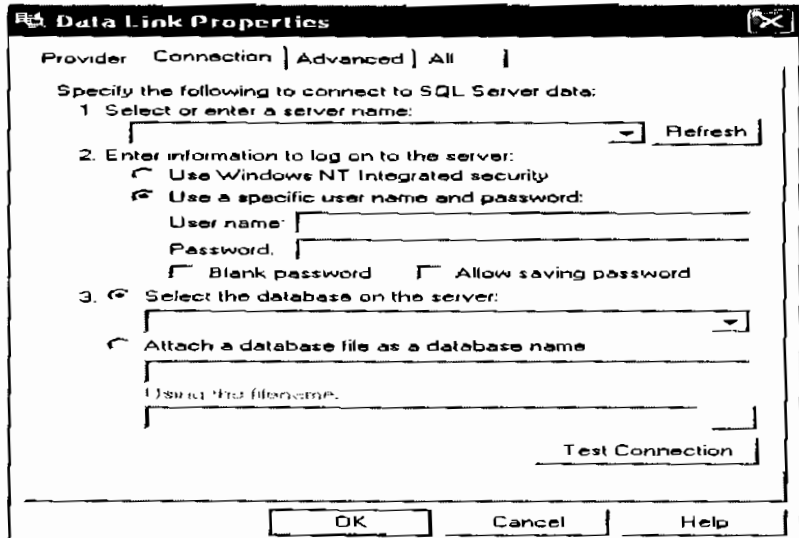
B4H26 Tab Provider, chọn Microsoft OLE DB Provider for SQL Server

☑ Click chọn **Microsoft OLE DB Provider for SQL Server**

*Ghi chú:*

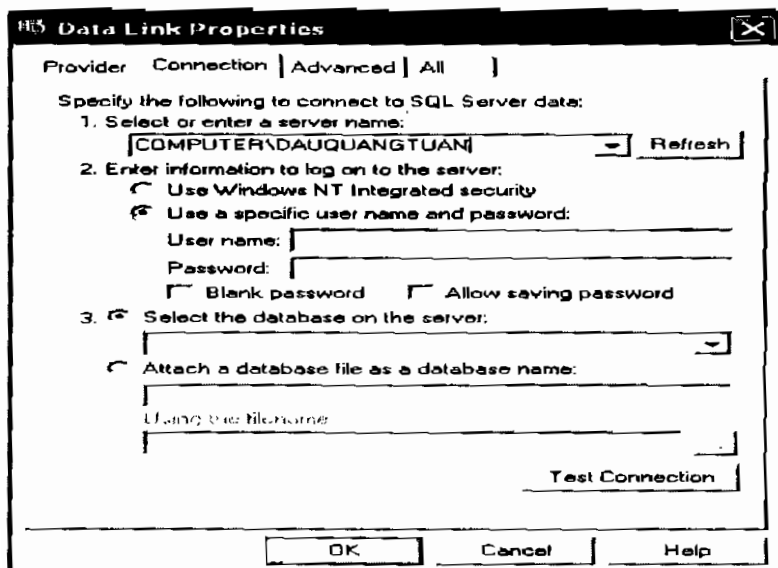
**Microsoft OLE DB Provider for SQL Server** là bộ máy cho phép truy xuất đến CSDL của **Microsoft SQL Server**. Nếu bạn dùng CSDL **Oracle** thì bạn sẽ chọn **Microsoft OLE DB Provider for Oracle**. Nếu bạn dùng **Access** thì bạn sẽ chọn **Microsoft jet 4.0 OLE DB Provider**

☑ Click nút **Next**, sẽ chuyển sang tab **Connection** và hộp thoại như hình sau hiện ra



B4H27 Hộp thoại khai báo Database cần kết nối

Ⓜ Nhập COMPUTER\DAUQUANGTUAN trong khung Select or enter a server name như hình sau:



B4H28

☑ Click chọn ô Blank password và Attach a database file as a database name, bạn sẽ thấy có khung mờ ra, có khung sáng ra, nhập QUANLYHOCSINH trong khung Attach a database file as a database name như hình sau:

**Data Link Properties**

Provider Connection | **Advanced** | All |

Specify the following to connect to SQL Server data:

1. Select or enter a server name:  
COMPUTER\DAUQUANGTUAN Refresh
2. Enter information to log on to the server:  
 Use Windows NT Integrated security  
 Use a specific user name and password:  
User name: \_\_\_\_\_  
Password: \_\_\_\_\_  
 Blank password  Allow saving password
3.  Select the database on the server:  
 Attach a database file as a database name:  
QUANLYHOCSINH  
Using the filename: \_\_\_\_\_  
Test Connection

OK Cancel Help

B4H29

☑ Click nút OK, bạn sẽ thấy hình như sau:

**SQL Server Login**

Server: COMPUTER\DAUQUAN OK

Use Trusted Connection Cancel

Login ID: PBH129 Help

Password: Options >

B4H30

☑ Click chọn ô Use Trusted Connection như hình sau:

## SQL Server Login



Server:

COMPUTER\DAUQUAN

OK

Use Trusted Connection

Cancel

Login ID:

PBH129

Help

Password:

Options >>

B4H31

☐ Click nút OK trên hộp thoại, Visual Studio sẽ thêm kết nối vừa rồi vào **Server Explorer**.

☐ Click dấu + trước dòng Servers

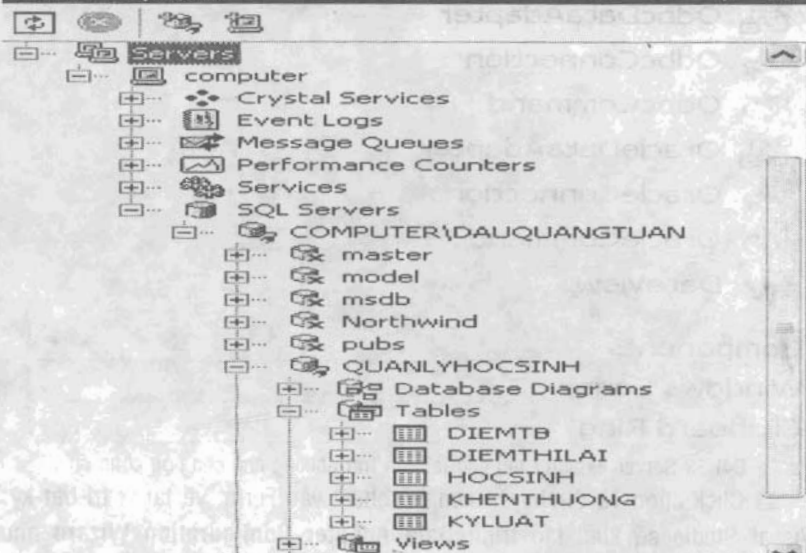
☐ Click dấu + trước computer

☐ Click dấu + trước dòng SQL Servers

☐ Click dấu + trước COMPUTER\DAUQUANGTUAN


☐ Click dấu + trước Tables, bạn sẽ có hình như sau:

Server Explorer

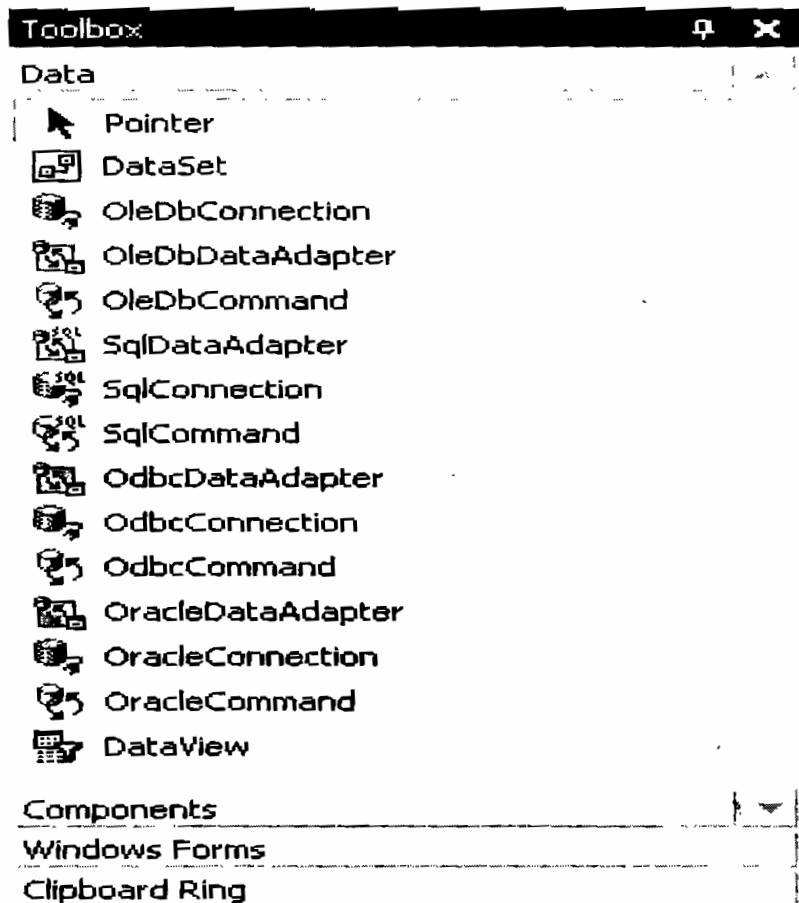


B4H32



Các bước trên chúng ta đã kết nối đến CSDL có tên QUANLYHOCSINH. Để lấy thông tin trong CSDL trên, chúng ta phải thêm một bộ điều phối dữ liệu (Data Adapter). Ở đây chúng ta sẽ sử dụng điều khiển OleDbDataAdapter có sẵn trong hộp công cụ (Toolbox). Nếu cửa sổ Toolbox chưa có, bạn click vào biểu tượng  trên thanh công cụ.

☑ Click chọn tab **Data** nằm phía trên trong hộp công cụ



B4H33 Server Explorer thu nhỏ lại bên trái nhường chỗ cho hộp công cụ

☑ Click chọn và di chuyển con trỏ chuột vào Form, vẽ tại vị trí bất kỳ. Visual Studio sẽ khởi tạo trình **Data Adapter Configuration Wizard** như hình sau:

*OleDbDataAdapter*



## Welcome to the Data Adapter Configuration Wizard

This wizard helps you specify the connection and database commands that the data adapter uses to select records and handle changes to the database. You need to provide connection information and make decisions about how you want the database commands stored and executed. Your ability to complete this wizard may depend on the permissions you have in the database.

Click Next to continue.

Cancel

&lt; Back

Next &gt;

Finish

B4H34

Click nút **Next**, chúng ta có hình sau:

### Choose Your Data Connection

The data adapter will execute queries using this connection to load and update data.



Choose from the list of data connections currently in Server Explorer or add a new connection if the one you want is not listed.

Which data connection should the data adapter use?

ACCESS\_EWU\_LCIBUWEN.mdb, Admin

New Connection...

Cancel

&lt; Back

Next &gt;

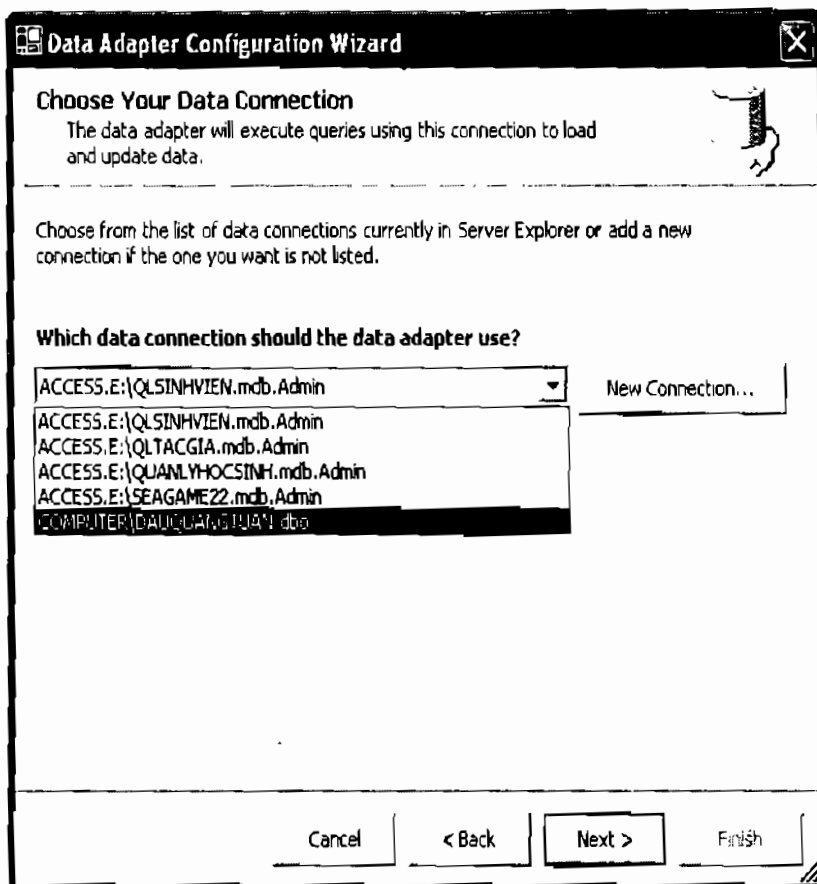
Finish

B4H35

### Ghi chú:

Vì trước đây chúng tôi đã kết nối với một số CSDL trong đó có CSDL QLSINHVIEN.mdb nên các bạn thấy như vậy.

☑ Click đầu mũi tên quay xuống phía bên phải, bạn sẽ thấy hình sau:



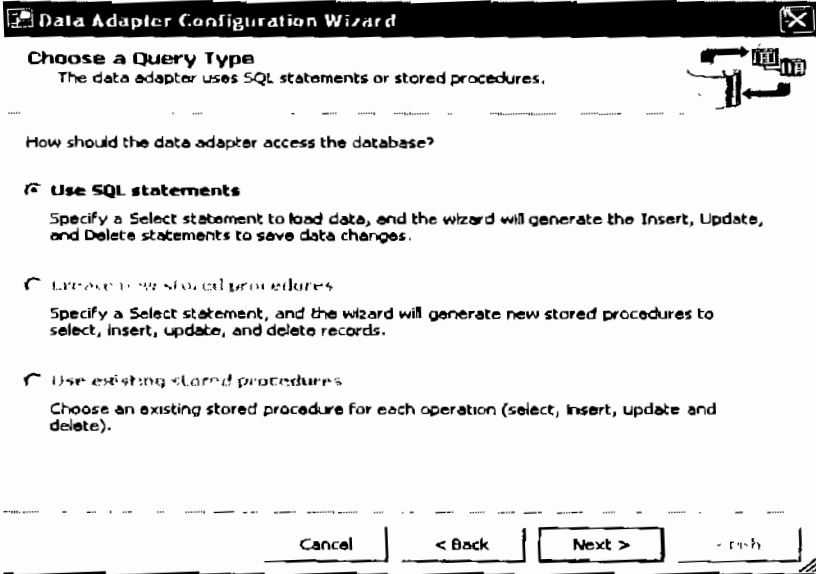
B4H36

☑ Click chọn COMPUTER\DAUQUANGTUAN.dbo

### Ghi chú:

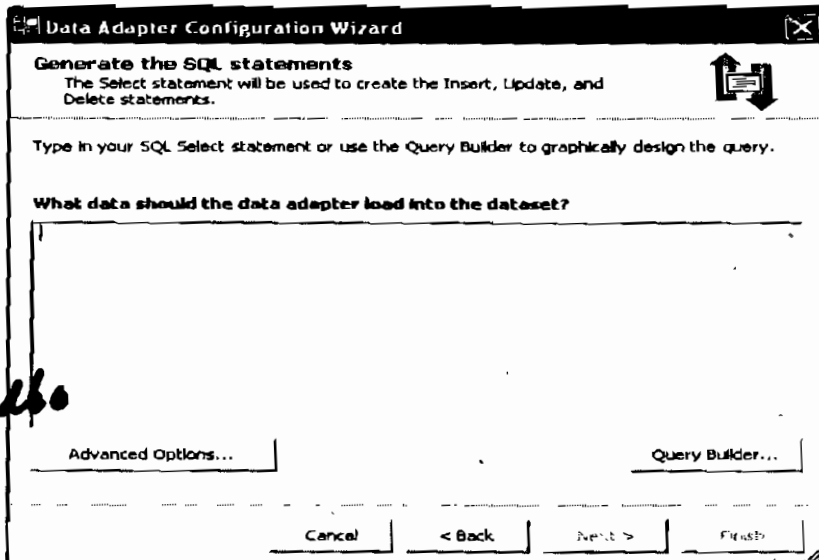
**BANG PC \ 241135 \ LAN BANG. QUANLY**  
Nếu lúc đầu chưa nối đến server này, bạn click nút New Connection và thực hiện các thao tác trên các hộp thoại hiện ra giống như trong phần kết nối ở trên.

☑ Click nút Next, hộp thoại sau hiện ra



B4H37

☑ Chúng ta chọn **Use SQL statements** như trên, click nút **Next** ta có hộp thoại sau:



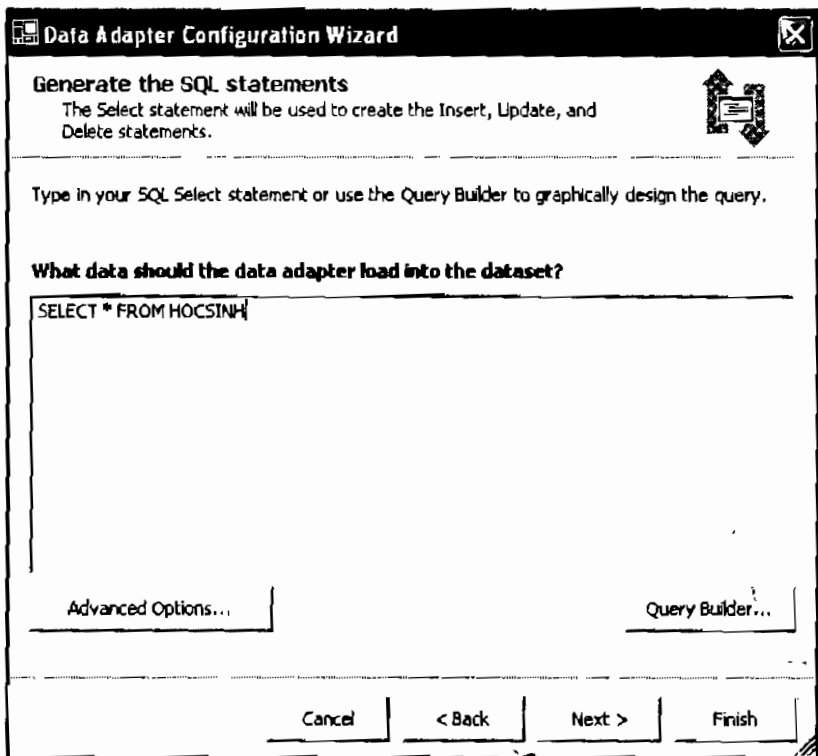
B4H38

☐ Hộp thoại này cho bạn nhập câu lệnh SQL vào, Bạn nhập câu lệnh sau vào nơi dấu nháy:

**SELECT \* FROM HOCSINH**

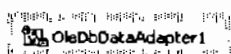
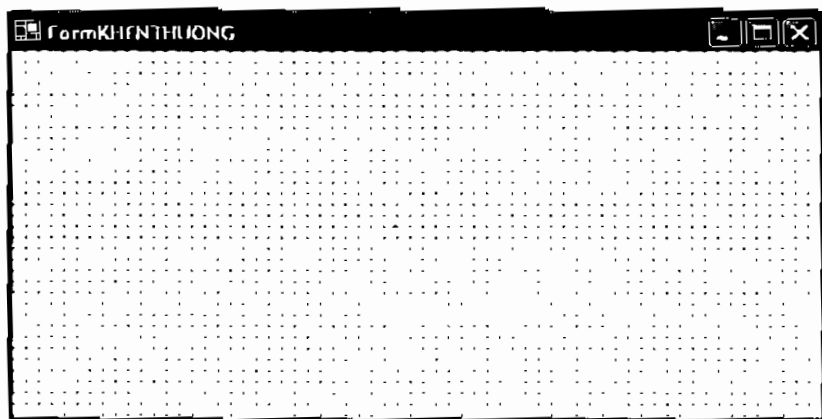
*Ghi chú:*

Nếu dùng cơ sở dữ liệu của Access, khi nhập câu lệnh SQL như trên, khi dùng điều khiển lưới DataGrid để kết nối với bảng HOCSINH, bạn thấy các vùng trong bảng không hiện theo thứ tự khi bạn thiết kế cho bảng mà sẽ hiện theo thứ tự Alphabet. Muốn hiện theo thứ tự nào, bạn thay dấu "\*" sau mệnh đề SELECT bằng tên các vùng theo thứ tự mà bạn muốn. Trong cơ sở dữ liệu SQL Server 2000 bạn nhập dấu "\*" nhưng thông tin thể hiện trong điều khiển lưới DataGrid khi kết nối sẽ hiện theo trình tự mà bạn đã thiết kế cho bảng.



B4H39

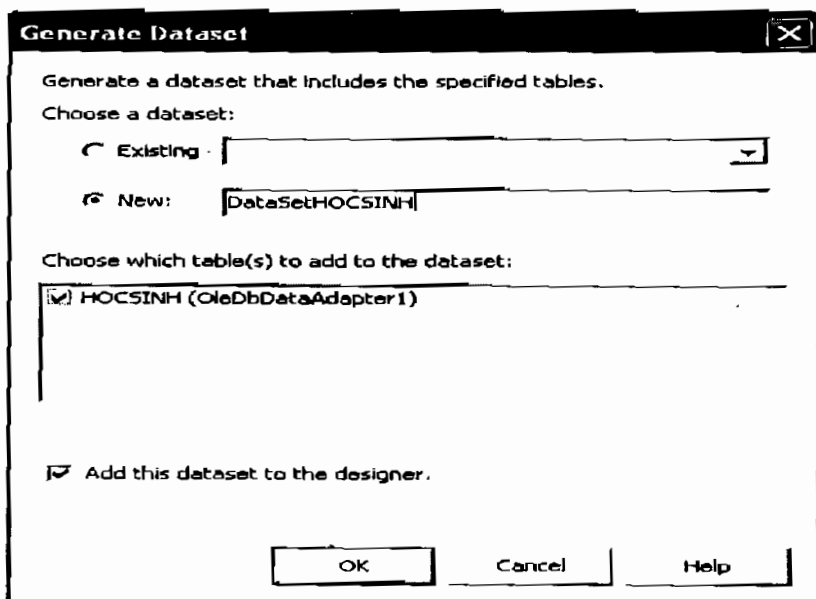
- ☐ Click nút **Finish**, nếu có hộp thoại hiện ra, click nút **OK** để kết thúc
- ☐ Nhìn vào khay công cụ, bạn sẽ thấy có đối tượng kết nối xuất hiện



B4H40

☐ Click chọn **FormKHENTHUONG**

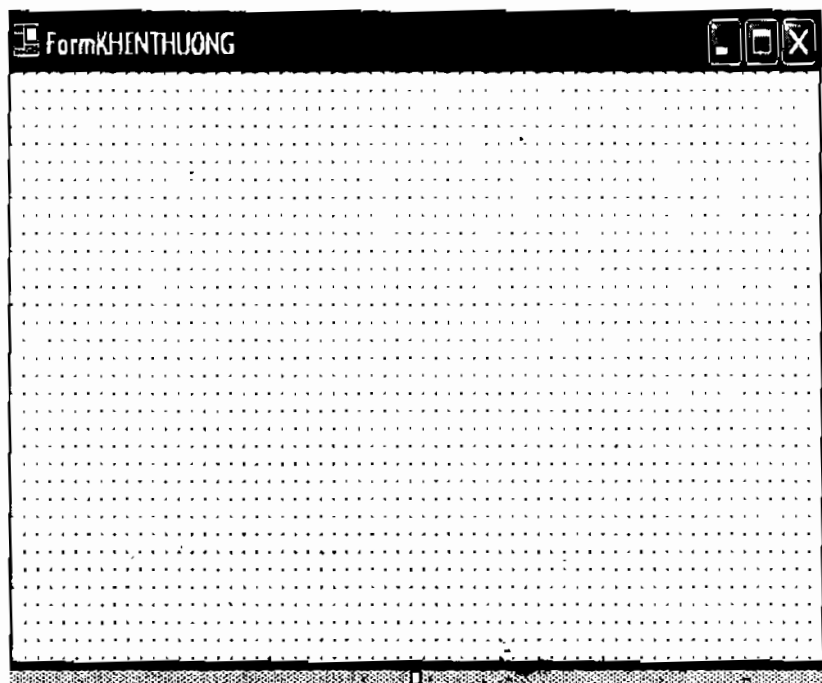
☐ Vào menu Data chọn **Generate Dataset**, hộp thoại hiện ra, click chọn mục **New**, nhập **DataSetHOCSINH** như hình sau:



B4H41

Click chọn **Add this dataset to the designer** để đưa Dataset vào khay công cụ

Click nút **OK**, bạn có thêm đối tượng Dataset trên khay công cụ như hình sau:



OleDbDataAdapter1

OleDbConnection1

DataSetHOCSTINH1

B4H42

**Ghi chú:**

Visual Basic .NET tự động thêm số 1 vào sau các đối tượng

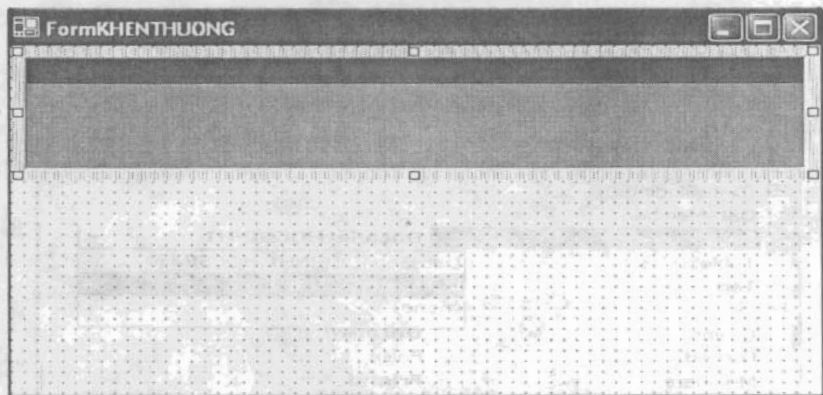
Click tab **Windows Forms** trên hộp công cụ

Click chọn điều khiển **DataGrid** và đưa vào Form, bạn sẽ có

**FormKHENTHUONG** như sau:

**Ghi chú:**

Vì trên FormKHENTHUONG sẽ có hai điều khiển DataGrid nên các bạn vẽ nhỏ như hình sau:



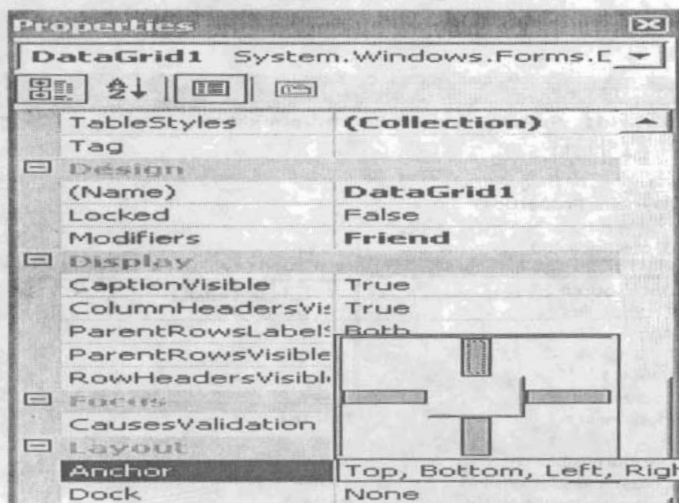
OleDbDataAdapter1

OleDbConnection1

DataSetHOCSINH1

B4H43

Click nút *phải chuột* trên điều khiển **DataGrid**, chọn **Properties** trong menu hiện ra

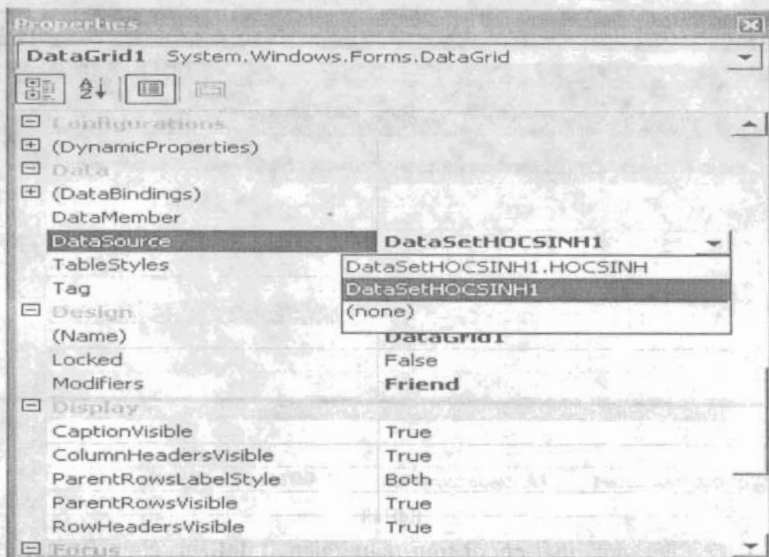


B4H44 Click chọn 4 cạnh của dấu thập

Chọn 4 cạnh **Top**, **Left**, **Right** và **Bottom** để neo **DataGrid** về cả 4 phía.

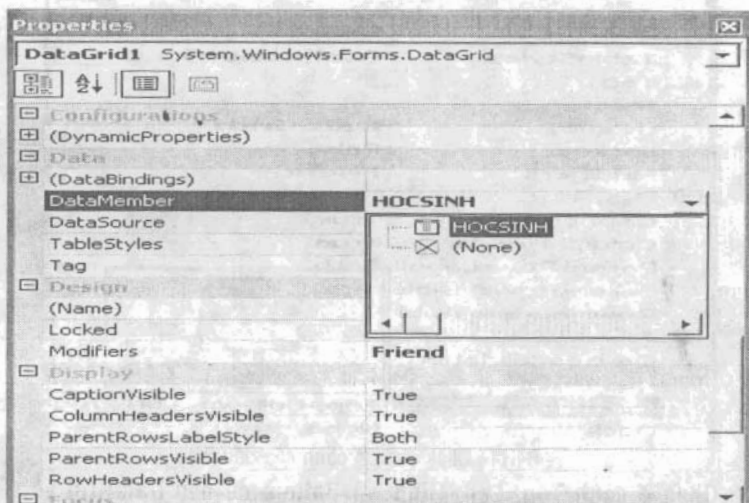
Click chọn *khung bên phải* của thuộc tính **DataSource**, click vào dấu mũi tên quay xuống, chọn **DataSetHOCSINH1**





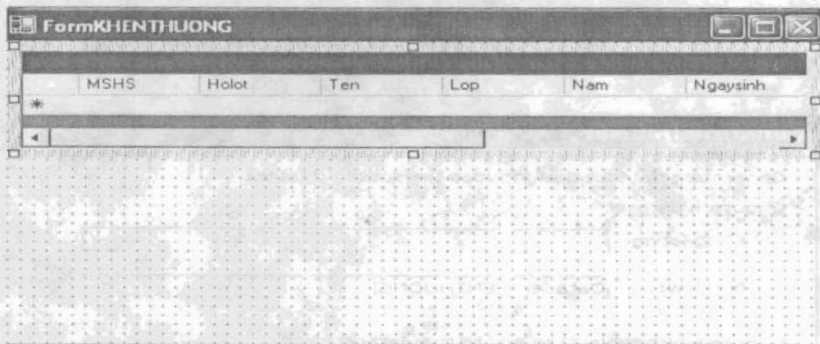
B4H45

Click chọn *khung bên phải* của thuộc tính **DataMember**, click vào đầu mũi tên quay xuống, chọn bảng **HOCSINH**



B4H46

Đóng hộp thoại **Properties**, bạn thấy **FormKHENTHUONG** lúc này có dạng như sau:

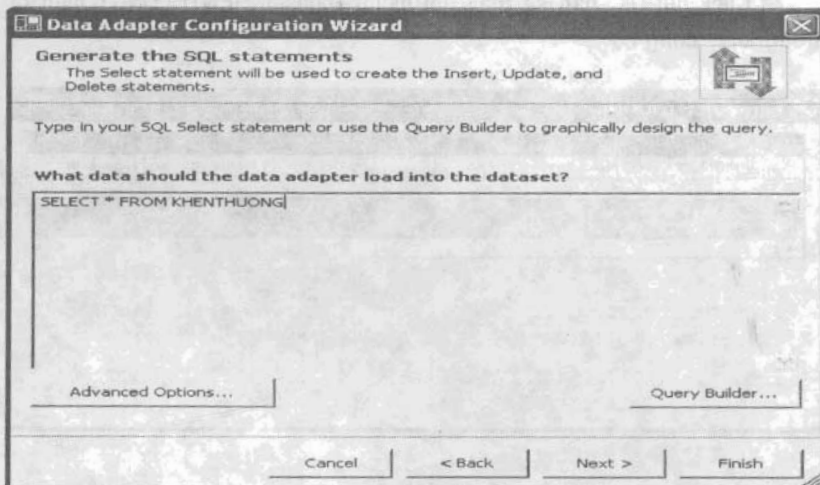


B4H47

☐ Bây giờ chúng ta sẽ đưa điều khiển OleDbDataAdapter thứ hai vào khay công cụ. Bạn tiến hành các bước như khi đưa điều khiển này vào khay công cụ cho câu lệnh SQL của bảng HOCSINH. Chúng tôi chỉ dùng những hình chính, các bước khác chúng tôi sẽ lướt qua vì các bạn đã biết.

☐ Bạn nhập vào câu lệnh SQL khi hộp thoại này hiện ra như sau:

**SELECT \* FROM KHENTHUONG**



B4H48

☐ Click nút Finish

☐ Click chọn FormKHENTHUONG

☑ Vào menu Data, chọn Generate Dataset, trong hộp thoại hiện nhập tên DataSetKHENTHUONG trong khung New

**Generate Dataset**

Generate a dataset that includes the specified tables.

Choose a dataset:

Existing

New:

Choose which table(s) to add to the dataset:

HOCSINH (OleDbDataAdapter1)

KHENTHUONG (OleDbDataAdapter2)

Add this dataset to the designer.

B4H49

☑ Click nút OK, bạn sẽ thấy đối tượng DataSetKHENTHUONG1 hiện ra trong khay công cụ

FormKHENTHUONG

MSHS	Hoiot	Ten	Lop	Nam	Ngaysinh
*					

OleDbDataAdapter1

OleDbConnection1

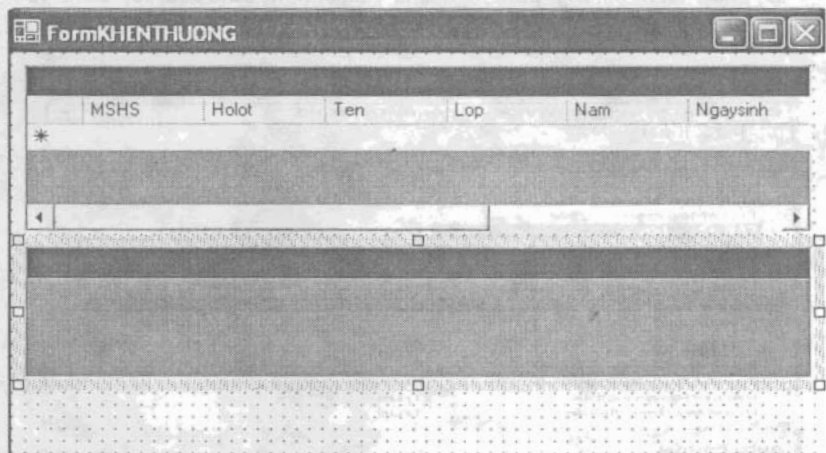
DataSetHOCSINH1

OleDbDataAdapter2

DataSetKHENTHUONG1

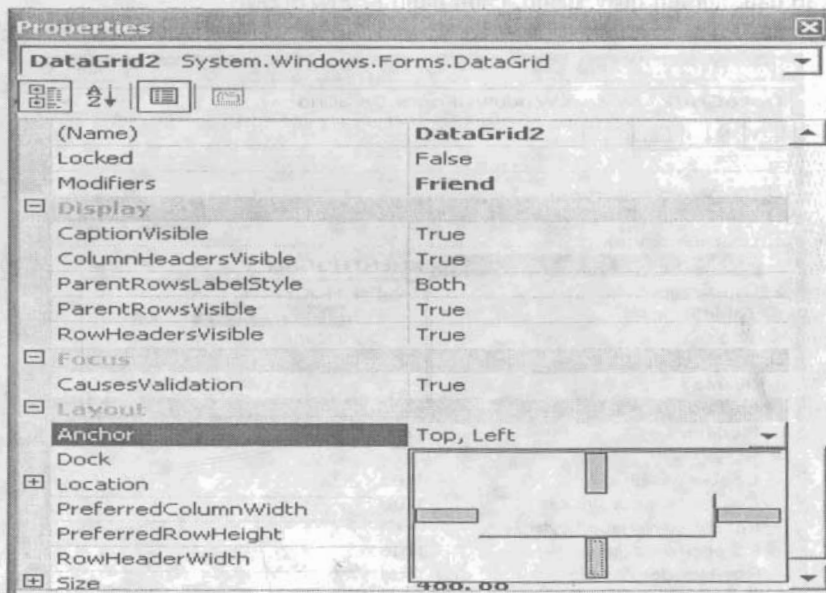
B4H50

Click chọn điều khiển **DataGrid** một lần nữa và đưa vào **Form**, bạn sẽ có **FormKHENTHUONG** như sau:



B4H51

Click nút *phải chuột* trên điều khiển **DataGrid**, chọn **Properties** trong menu hiện ra



B4H52

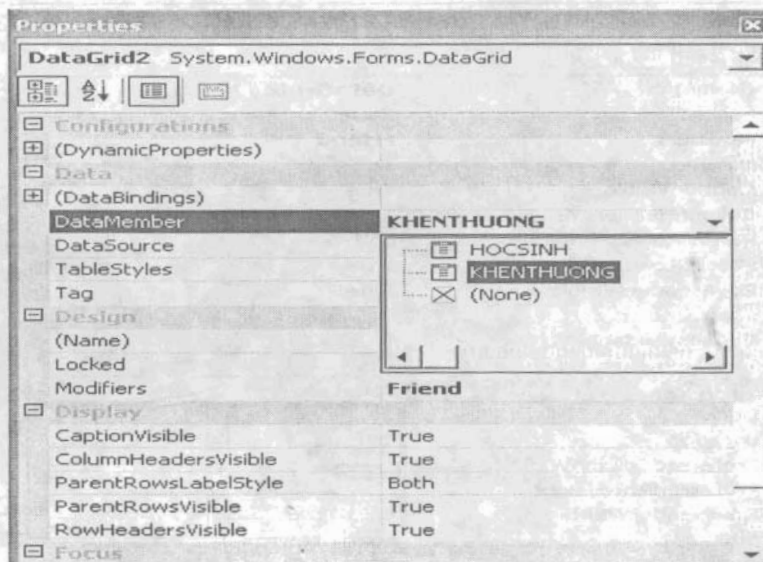
⊗ Chọn 4 cạnh **Top**, **Left**, **Right** và **Bottom** để neo **DataGrid** về cả 4 phía.

⊗ Click chọn *khung bên phải* của thuộc tính **DataSource**, click vào đầu mũi tên quay xuống, chọn **DataSetKHENTHUONG1**



B4H53

⊗ Click chọn *khung bên phải* của thuộc tính **DataMember**, click vào đầu mũi tên quay xuống, chọn bảng **KHENTHUONG**



B4H54

📌 Đóng hộp thoại **Properties**, bạn thấy **FormKHENTHUONG** lúc này có dạng như sau:

FormKHENTHUONG

MSKS	Holot	Ten	Lop	Nam	Ngaysinh
*					

Search: [ ]

MSKT	NDKHEN	NGAYKHEN	PHANTHUO	KTMSHS
*				

OleDbDataAdapter1

OleDbConnection1

DataSetHOCSTINH1

OleDbDataAdapter2

DataSetKHENTHUONG1

B4H55

📌 Thêm các **Button** vào cho **Form** và xác lập các thuộc tính cho chúng, bạn sẽ có hình sau:

FormKHENTHUONG

MSKS	Holot	Ten	Lop	Nam	Ngaysinh
*					

Search: [ ]

MSKT	NDKHE	NGAYK	PHANT	KTMSH
*				

XEM THÔNG TIN      CẬP NHẬT      THOÁT

OleDbDataAdapter1

OleDbConnection1

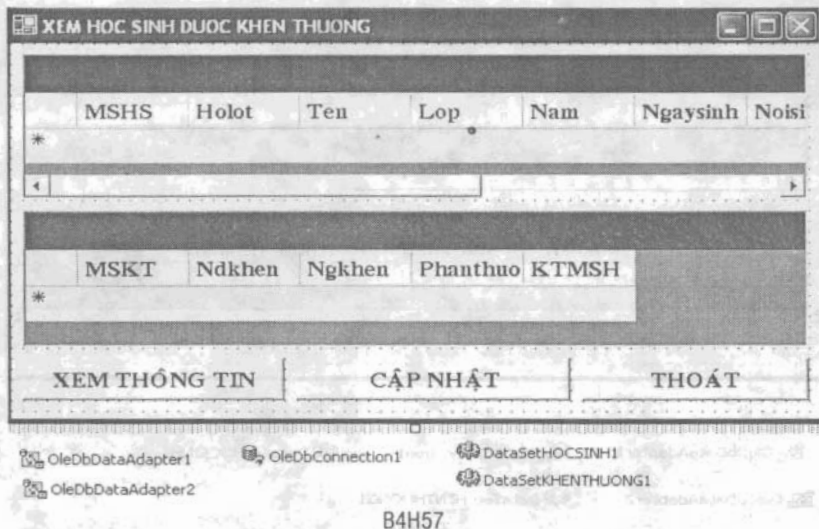
DataSetHOCSTINH1

OleDbDataAdapter2

DataSetKHENTHUONG1

B4H56

☑ Chọn Form, Click nút phải chuột trên nó, xác lập các thuộc tính như đã cho ở trên, bạn thấy Form như hình sau:

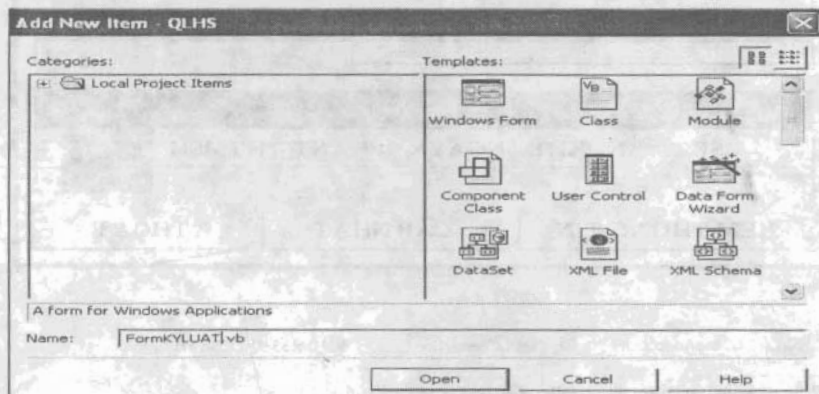


### ☎ Thiết kế FormKYLUAU

Tương tự như thiết kế FormKHENTHUONG, bạn tiến hành tạo FormKYLUAU như sau

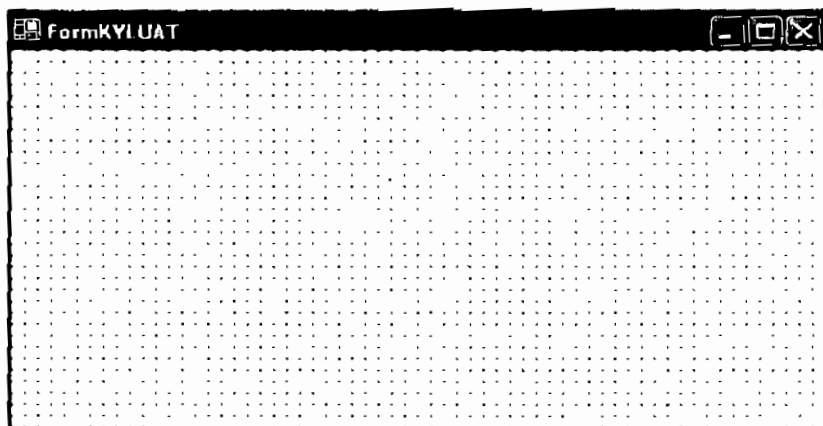
☑ Vào menu **Project**, chọn **Add Windows Form...**

☑ Hộp thoại sau hiện ra, nhập **FormKYLUAU.vb** trong khung **Name** như hình sau:



B4H58

☑ Click nút **Open**, bạn sẽ có Form con như hình sau:

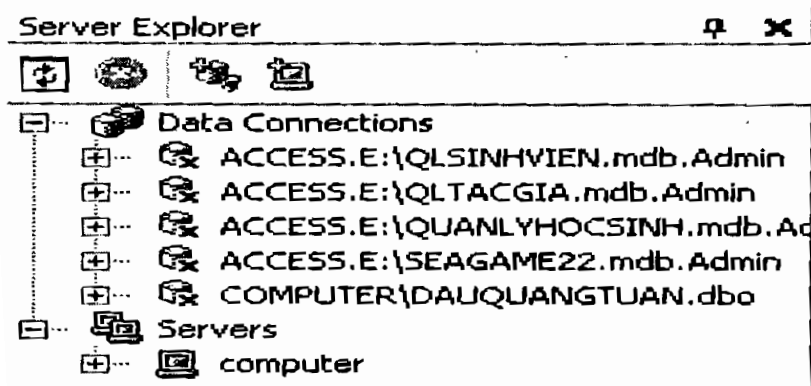


B4H59

☑ Bạn thiết kế cho **FormKYL UAT** với những điều khiển như hình trên

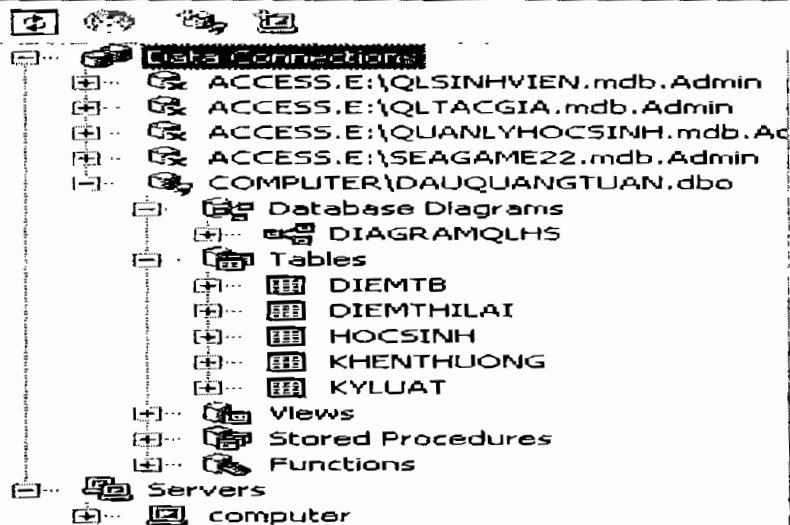
☑ Vì trong Form sẽ nối đến **GSDL QUANLYHOCSINH** nên chúng ta phải kết nối Form này với **CSDL**. Nhưng vì chúng ta đã kết nối vào **CSDL** này rồi, do đó không cần phải kết nối nữa

Nhưng vì lý do nào đó, chẳng hạn khi thiết kế xong **FormKHENTHUONG**, bạn tắt máy để nghỉ, khi mở máy lại để thiết kế cho **FormKYL UAT** này, bạn sẽ thấy trước tên **COMPUTER\DAUQUANGTUAN** và **GSDL QUANLYHOCSINH** có dấu gạch chéo màu đỏ, bạn chỉ cần click dấu "+" trước các mục này thì sẽ được kết nối lại.



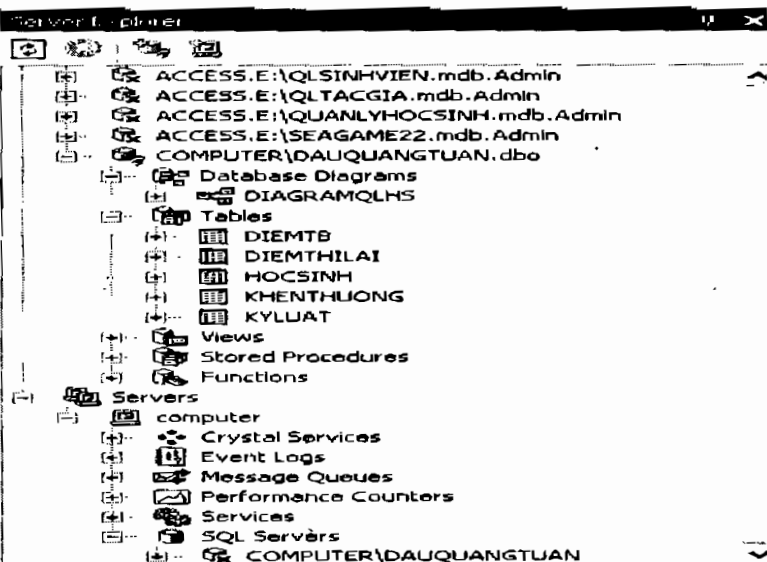
B4H60 Kết nối với dữ liệu





B4H61

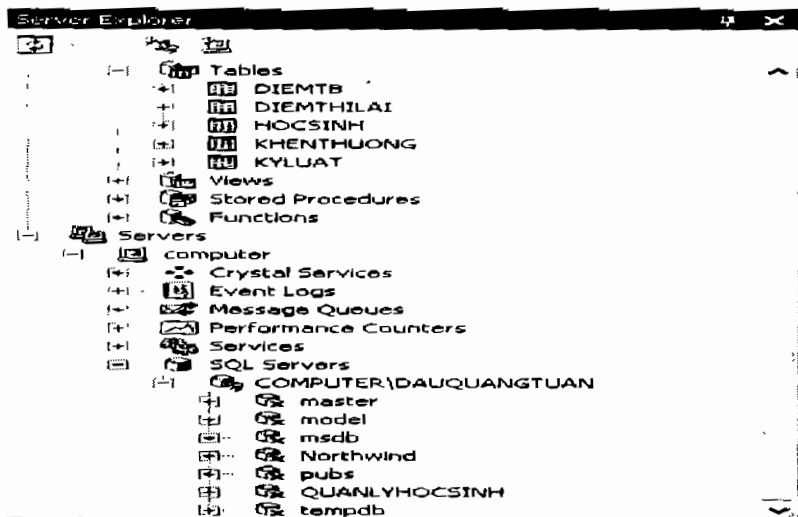
Click dấu "+" trước Computer, sau đó click dấu "+" trước SQL Server, bạn thấy hình như sau:



B4H62 Kết nối với Server

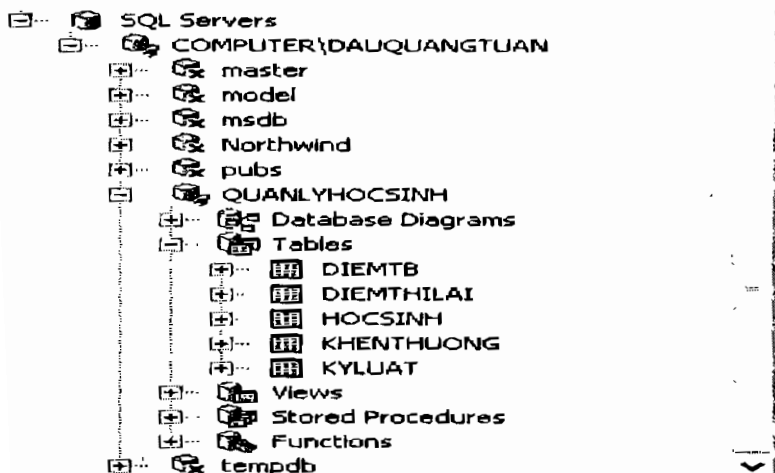
Bạn thấy trước mục COMPUTER\DAUQUANGTUAN có gạch chéo màu đỏ.

Click dấu "+" trước COMPUTER\DAUQUANGTUAN, bạn thấy như hình sau:




B4H63

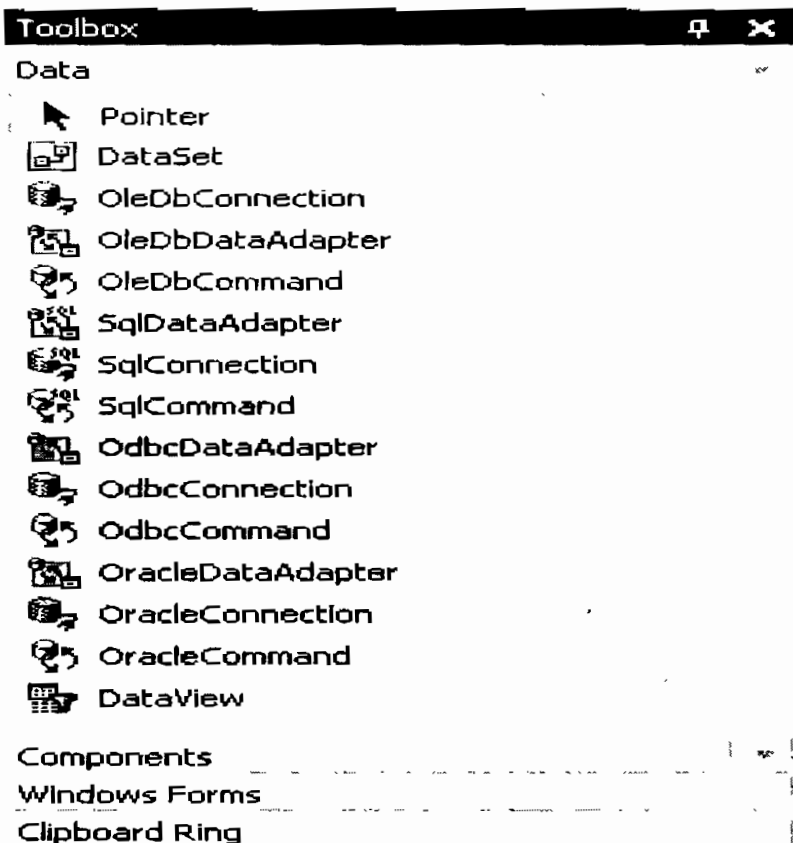
Bạn thấy trước QUANLYHOCSINH có dấu gạch chéo màu đỏ, bạn click dấu "+" trước mục này



B4H64

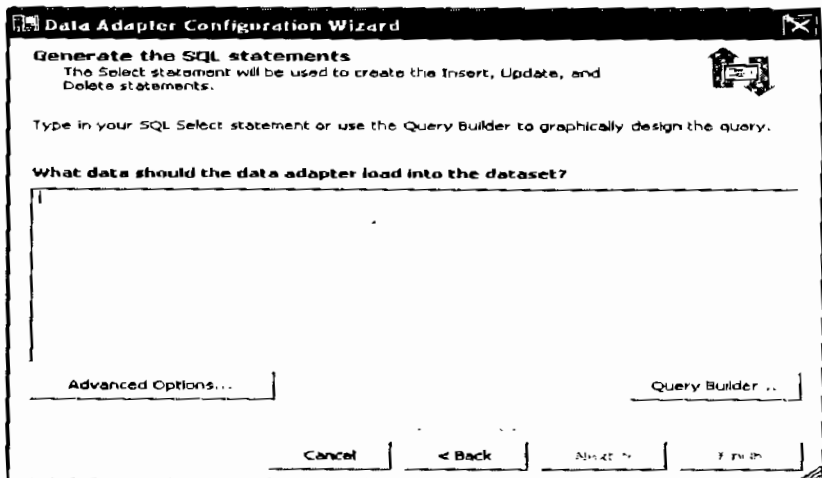
Cách thực hiện như trên chúng ta đã kết nối FormKYLUAU đến CSDL có tên QUANLYHOCSINH.. Để lấy thông tin trong CSDL trên, chúng ta phải thêm một bộ điều phối dữ liệu (Data Adapter). Ở đây chúng ta sẽ sử dụng điều khiển OleDbDataAdapter có sẵn trong hộp công cụ (Toolbox). Nếu cửa sổ Toolbox chưa có, bạn click vào biểu tượng  trên thanh công cụ.

☑ Click chọn tab **Data** nằm phía trên trong hộp công cụ



B4H65 Server Explorer thu nhỏ lại bên trái nhường chỗ cho hộp công cụ

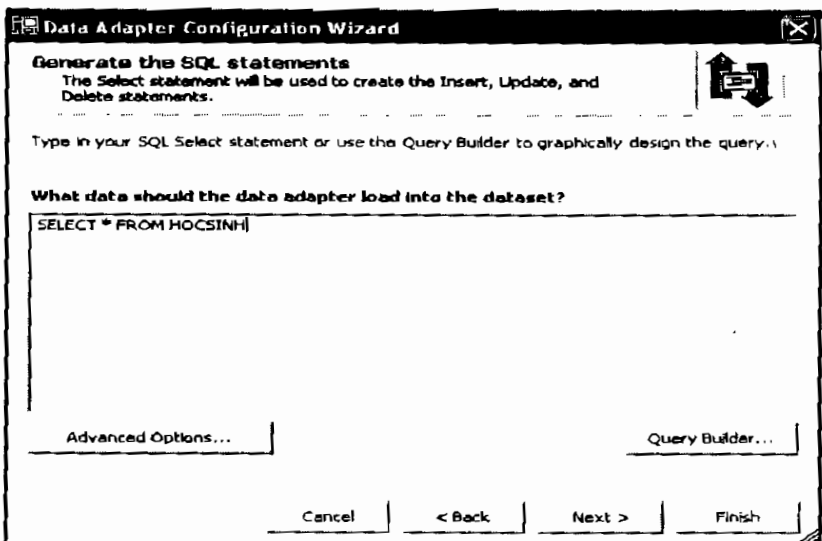
☑ Click chọn và kéo đối tượng **OleDbDataAdapter** từ hộp công cụ vào trong Form. Visual Studio sẽ khởi tạo trình **Data Adapter Configuration Wizard** như khi bạn thực hiện tạo FormKHENTHUONG ở trên. Bạn thực hiện các thao tác cho đến khi hộp thoại yêu cầu nhập câu lệnh SQL



B4H66

☒ Hộp thoại này cho bạn nhập câu lệnh SQL vào, Bạn nhập câu lệnh sau vào nơi dấu nháy:

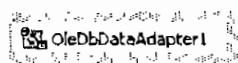
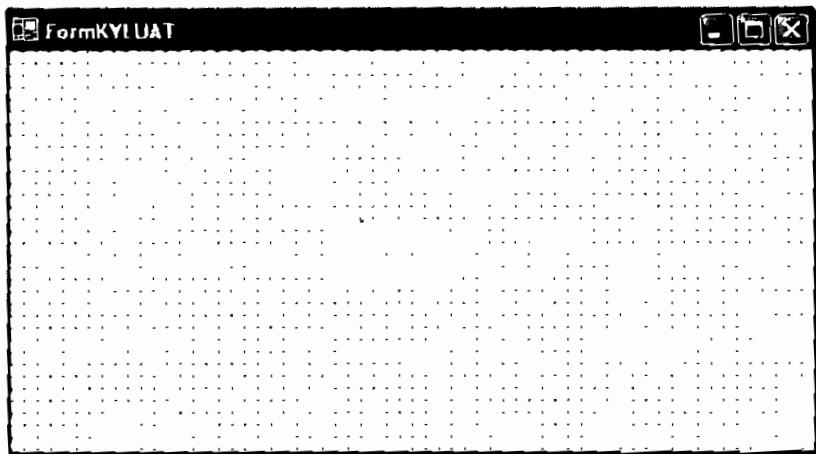
**SELECT \* FROM HOCSINH**



B4H67

☒ Click nút **Finish** để kết thúc

☒ Nhìn vào khay công cụ, bạn sẽ thấy có đối tượng kết nối xuất hiện

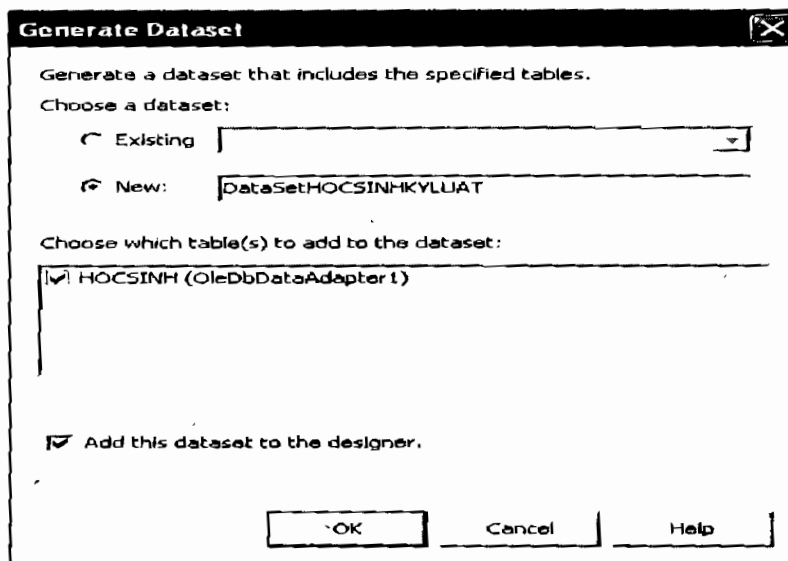


OleDbConnection1

B4H68

☑ Click chọn **FormKYLUAT**

☑ Vào menu **Data** chọn **Generate Dataset**, hộp thoại hiện ra như sau

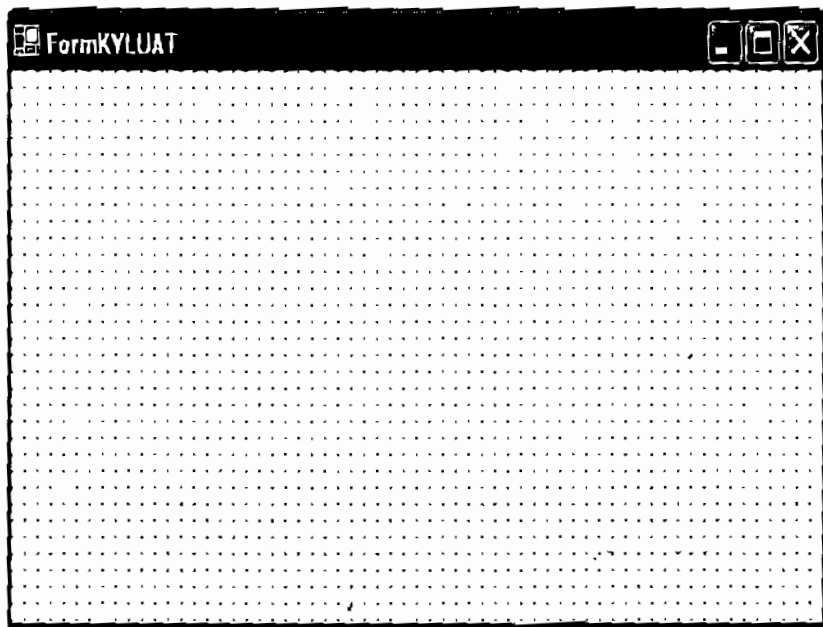


B4H69

☑ Đặt tên cho **Dataset** trong khung **New** là **DataSetHOCSINHKYLUAT**

☑ Click chọn **Add this dataset to the designer** để đưa Dataset vào khay công cụ

☑ Click nút **OK**, bạn có thêm đối tượng Dataset trên khay công cụ như hình sau:



OleDbDataAdapter1

OleDbConnection1

DataSetHOCSINHLYUAT1

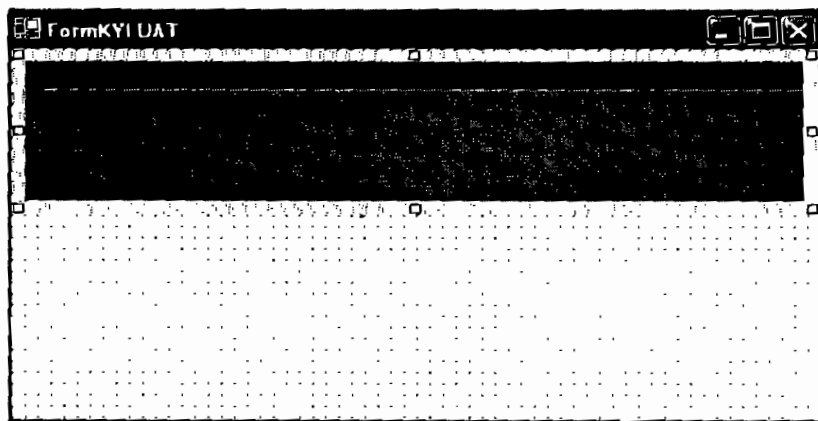
B4H70

☑ Click tab **Windows Forms** trên hộp công cụ

☑ Click chọn điều khiển **DataGrid** và đưa vào **Form**, bạn sẽ có **FormKYLUAAT** như sau:

*Ghi chú:*

Vì trên **FormKYLUAAT** sẽ có hai điều khiển **DataGrid** nên các bạn vẽ nhỏ như hình sau:



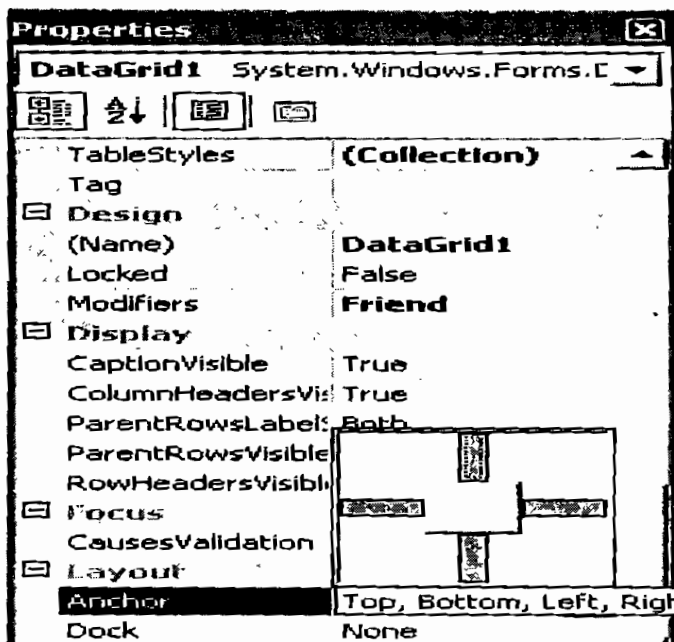
OleDbDataAdapter1

OleDbConnection1

DataSetHOC SINHKYLUAT1

B4H71

☐ Click nút *phải chuột* trên điều khiển DataGrid, chọn Properties trong menu hiện ra



B4H72 Click chọn 4 cạnh của dấu thập

☑ Chọn 4 cạnh **Top, Left, Right** và **Bottom** để neo **DataGrid** về cả 4 phía.

☑ Click chọn *khung bên phải* của thuộc tính **DataSource**, click vào đầu mũi tên quay xuống, chọn **DataSetHOCSINHKYLUAT1**

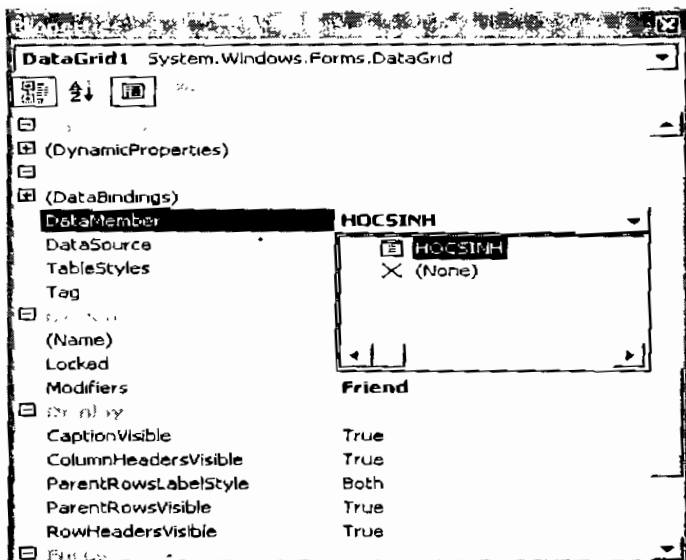
The screenshot shows the Visual Studio Properties window for a **DataGrid1** control. The window title is "Properties" and the control type is "System.Windows.Forms.DataGrid". The **DataSource** property is expanded, showing a list of data sources. The selected item is **DataSetHOCSINHKYLUAT1.HOCSINH**. Other visible properties include **SelectionForeColor**, **ActiveCaptionText**, **TableStyles**, **Tag**, **(Name)**, **Locked**, **Modifiers**, **Display**, **CaptionVisible**, **ColumnHeadersVisible**, **ParentRowsLabelStyle**, and **ParentRowsVisible**.

SelectionForeColor	<input type="checkbox"/>	ActiveCaptionText	
Configurations	<input type="checkbox"/>		
(DynamicProperties)	<input type="checkbox"/>		
Data	<input type="checkbox"/>		
(DataBindings)	<input type="checkbox"/>		
DataMember			
DataSource		DataSetHOCSINHKYLUAT1	DataSetHOCSINHKYLUAT1.HOCSINH
TableStyles			DataSetHOCSINHKYLUAT1.HOCSINH
Tag			DataSetHOCSINHKYLUAT1
Design	<input type="checkbox"/>		(none)
(Name)			DataGrid1
Locked			False
Modifiers			Friend
Display	<input type="checkbox"/>		
CaptionVisible			True
ColumnHeadersVisible			True
ParentRowsLabelStyle			Both
ParentRowsVisible			True

B4H73

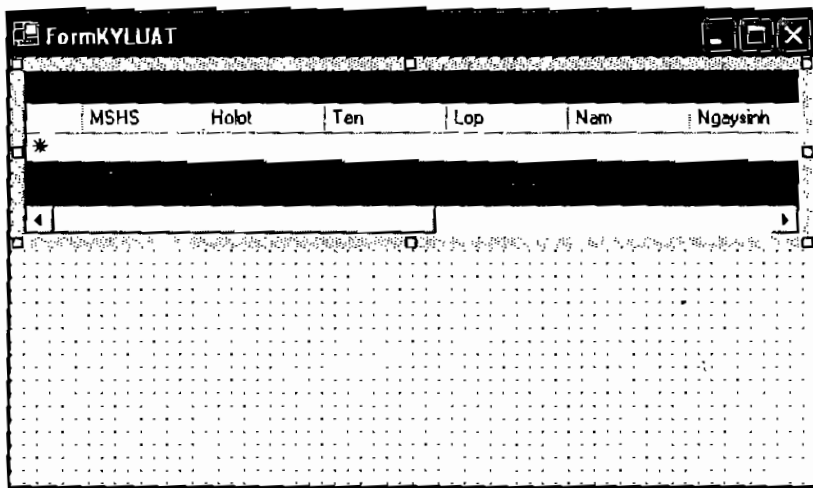
☑ Click chọn *khung bên phải* của thuộc tính **DataMember**, click vào đầu mũi tên quay xuống, chọn bảng **HOCSINH**





B4H74

☑ Đóng hộp thoại **Properties**, bạn thấy **FormKYLUA** lúc này có dạng như sau:



OleDbDataAdapter1

OleDbConnection1

DataSetHOCSINHKYLUA1

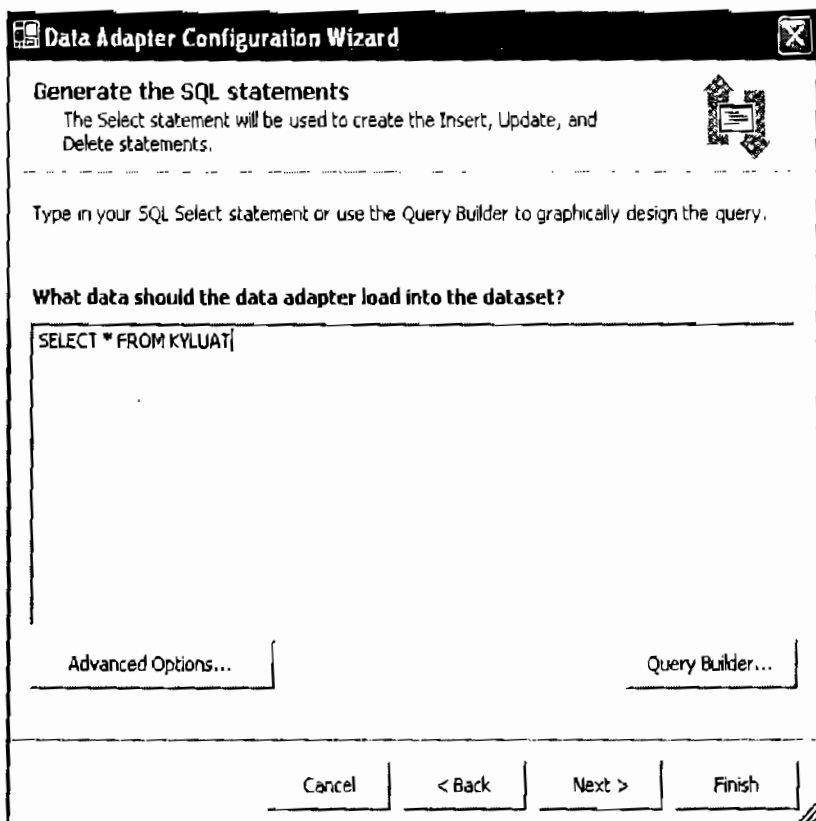
B4H75

Bạn thấy các vùng trong điều khiển lưới hiện ra theo thứ tự mà bạn đã nhập sau mệnh đề SELECT của câu lệnh SQL.

Bây giờ chúng ta sẽ đưa điều khiển OleDbDataAdapter thứ hai vào khay công cụ. Bạn tiến hành các bước như khi đưa điều khiển này vào khay công cụ cho câu lệnh SQL của bảng HOCSINH. Chúng tôi chỉ dùng những hình chính, các bước khác chúng tôi sẽ lướt qua vì các bạn đã biết.

Bạn nhập vào câu lệnh SQL khi hộp thoại này hiện ra như sau:

**SELECT \* FROM KYLUAT**



B4H76

- ☑ Click nút Finish
- ☑ Click chọn FormKYLUA
- ☑ Vào menu Data, chọn Generate Dataset, trong hộp thoại hiện ra, nhập tên DatasetKYLUA trong khung New

## Generate Dataset

Generate a dataset that includes the specified tables.

Choose a dataset:

- Existing
- New:

Choose which table(s) to add to the dataset:

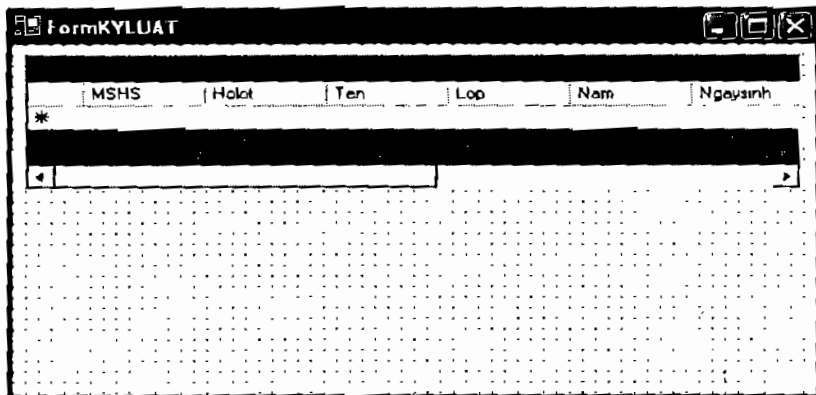
- HOCSINH (OleDbDataAdapter1)
- KYLUAT (OleDbDataAdapter2)

Add this dataset to the designer.

OK Cancel Help

B4H77

Click nút OK, bạn sẽ thấy đối tượng DataSetKYLUAT1 hiện ra trong khay công cụ



OleDbDataAdapter1

OleDbConnection1

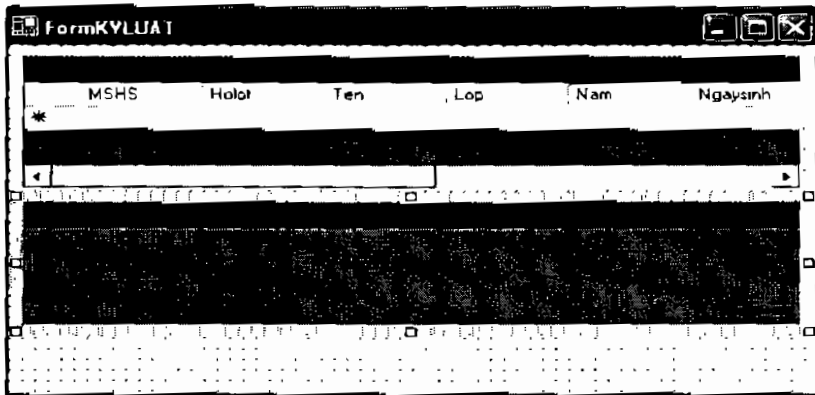
DataSetHOCSINHKYLUAT1

OleDbDataAdapter2

DataSetKYLUAT1

B4H78

Click chọn điều khiển DataGrid một lần nữa và đưa vào Form, bạn sẽ có FormKYLUAT như sau:

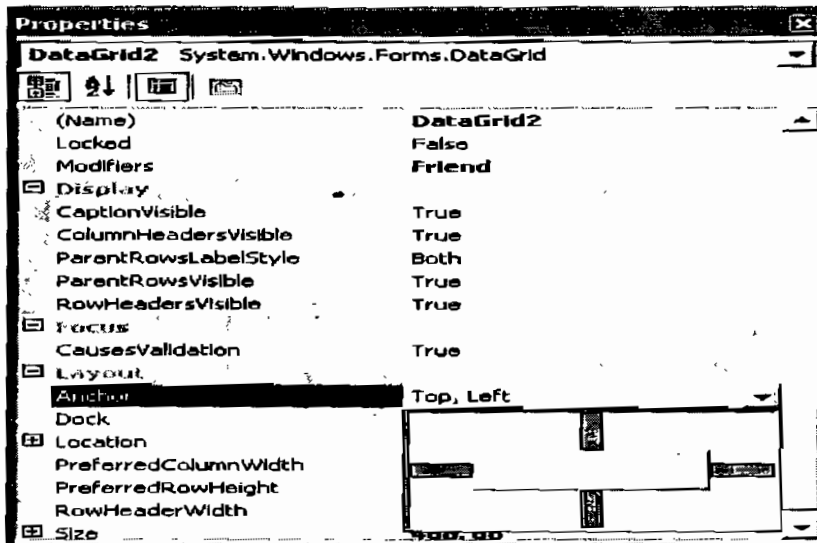


OleDbDataAdapter1 OleDbConnection1 DataSetHOCSINHXYLUAT1

OleDbDataAdapter2 DataSetKYLUAU1

B4H79

☑ Click nút *phải chuột* trên điều khiển DataGrid, chọn Properties trong menu hiện ra



B4H80

☑ Chọn 4 cạnh Top, Left, Right và Bottom để neo DataGrid về cả 4 phía.

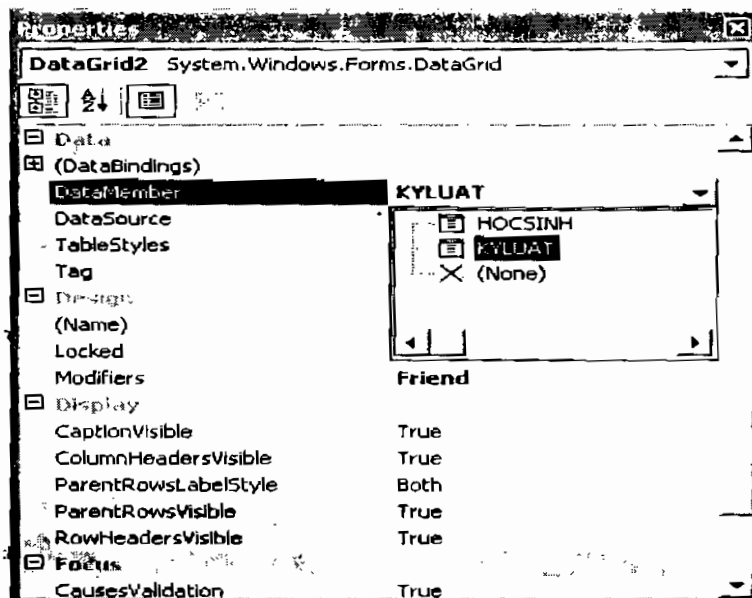
☐ Click chọn *khung bên phải* của thuộc tính **DataSource**, click vào đầu mũi tên quay xuống, chọn **DataSetKYLUA1**

The screenshot shows the Properties window for a **DataGrid2** control. The **DataSource** property is set to **DataSetKYLUA1**. The **Design** section shows the table structure with columns for **HOC SINH** and **KY LUAT**.

Property	Value
DataSource	DataSetKYLUA1
TableStyles	DataSetKYLUA1.HOC SINH
Tag	DataSetKYLUA1.KY LUAT
(Name)	DataSetHOC SINH KY LUAT1
Locked	DataSetKYLUA1
Modifiers	(none)
CaptionVisible	True
ColumnHeadersVisible	True
ParentRowsLabelStyle	Both
ParentRowsVisible	True
RowHeadersVisible	True
CausesValidation	True

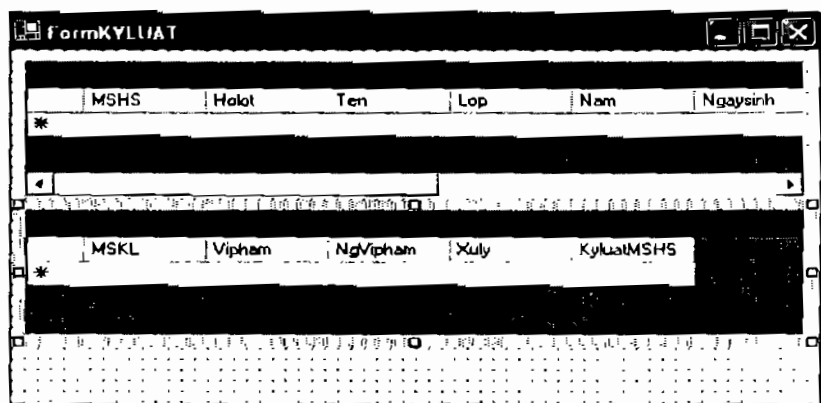
B4H81

☐ Click chọn *khung bên phải* của thuộc tính **DataMember**, click vào đầu mũi tên quay xuống, chọn bảng **KYLUA1**



B4H82

☑ Đóng hộp thoại Properties, bạn thấy FormKYLUAT lúc này có dạng như sau:



OleDbDataAdapter1

OleDbConnection1

DataSetHOCSINHKYLUAT1

OleDbDataAdapter2

DataSetKYLUAT1

B4H83

☑ Thêm các **Button** vào cho **Form** và xác lập các thuộc tính cho chúng, bạn sẽ có hình sau:

The screenshot shows a Windows application window titled "FormKYLUA1". It contains two data entry forms. The first form has columns for "MSHS", "Holot", "Ten", "Lop", "Nam", and "Ngaysinh". Below it is a text box with an asterisk and a scrollable list box. The second form has columns for "MSKL", "Vipham", "NgVipha", "Xuly", and "KyluatM". Below it is another text box with an asterisk. At the bottom, there are three buttons: "XEM THÔNG TIN", "CẬP NHẬT", and "THOÁT".

OleDbDataAdapter1

OleDbConnection1

DataSetHOC SINH KYLUAT1

OleDbDataAdapter2

DataSetKYLUA1

B4H84

☑ Click chọn Form, click nút phải chuột tại vị trí trống trên Form, chọn Properties, xác lập các thuộc tính cho Form như bảng đã cho, bạn sẽ có kết quả như hình sau:



MSHS	Holot	Ten	Lop	Nam	Ngaysinh	Noisi
------	-------	-----	-----	-----	----------	-------

\*

← [ ] →



MSKL	Vipham	Ngvipha	Xuly	KyluatM
------	--------	---------	------	---------

\*

XEM THÔNG TIN	CẬP NHẬT	THOÁT
---------------	----------	-------

OleDbDataAdapter1

OleDbConnection1

DataSetKYLUA1

OleDbDataAdapter2

DataSetHOC SINH KYLUAT1

B4H85

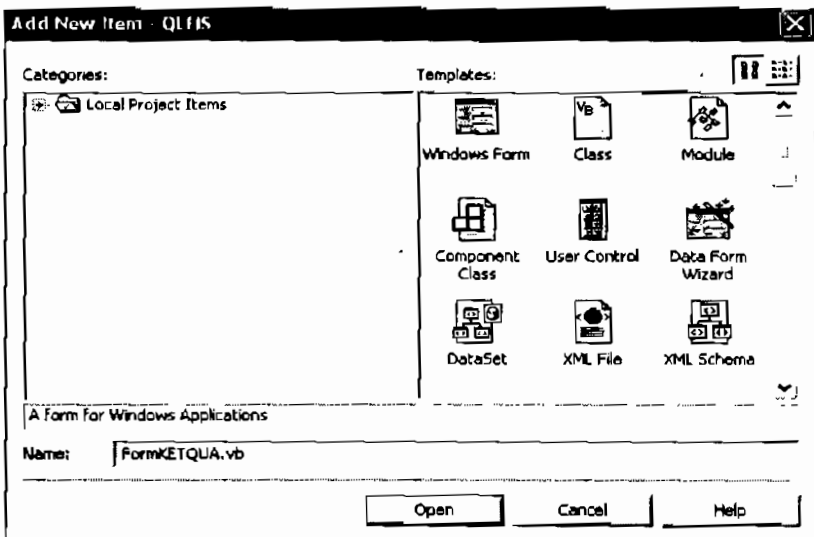
### Thiết kế FormKETQUA

Tương tự như thiết kế FormKYLUA, bạn tiến hành tạo FormKETQUA như sau

☑ Vào menu **Project**, chọn **Add Windows Form...**

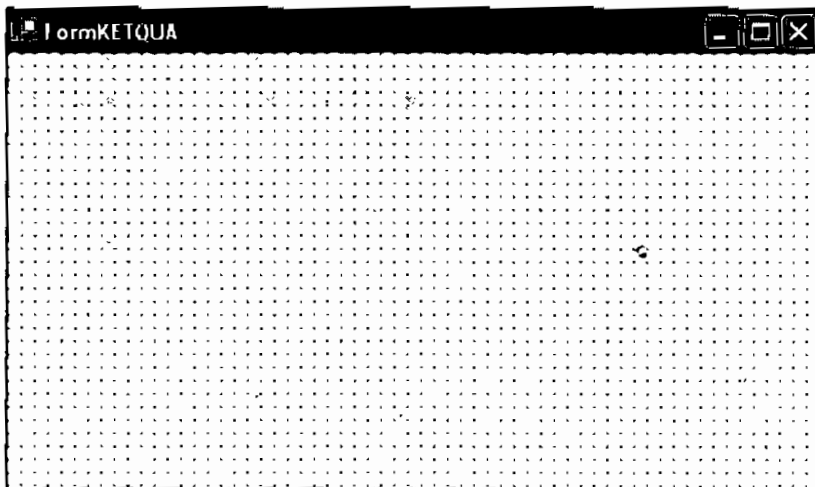
☑ Hộp thoại sau hiện ra, nhập **FormKETQUA.vb** trong khung **Name** như hình sau:






B4H86

Click nút **Open**, bạn sẽ có Form con như hình sau:

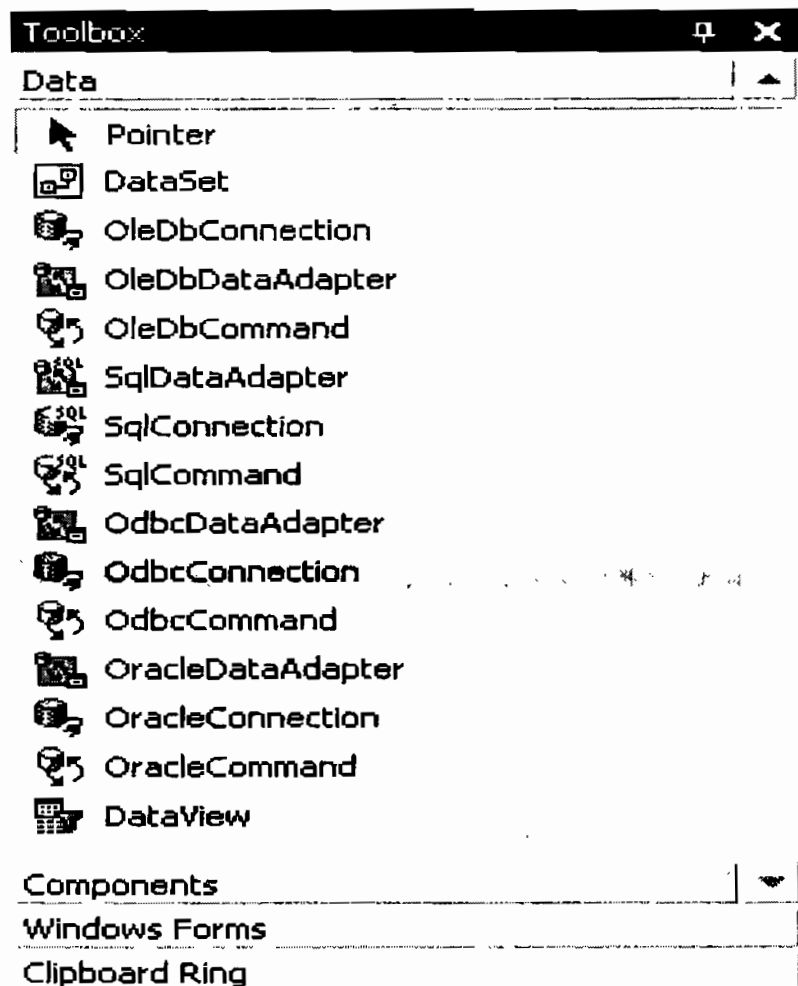


B4H87

Bạn thiết kế cho **FormKETQUA** với những điều khiển như hình trên. Để lấy thông tin trong CSDL trên, chúng ta phải thêm một bộ điều phối dữ liệu (Data Adapter). Ở đây chúng ta sẽ sử dụng điều khiển

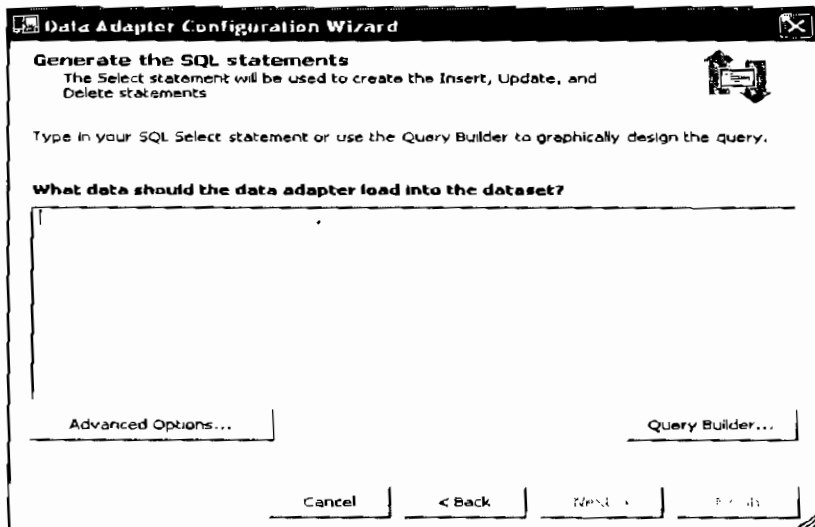
OleDbDataAdapter có sẵn trong hộp công cụ (Toolbox). Nếu cửa sổ Toolbox chưa có, bạn click vào biểu tượng  trên thanh công cụ.

☑ Click chọn tab **Data** nằm phía trên trong hộp công cụ



B4H88 Server Explorer thu nhỏ lại bên trái nhường chỗ cho hộp công cụ

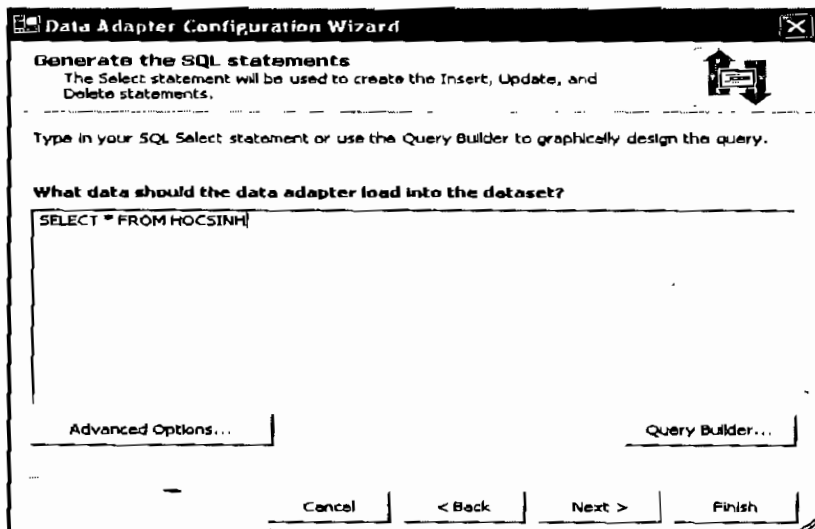
☑ Click chọn và kéo đối tượng **OleDbDataAdapter** từ hộp công cụ vào trong Form. Visual Studio sẽ khởi tạo trình **Data Adapter Configuration Wizard**. Bạn thực hiện các thao tác như FormKHENTHUONG cho đến khi hộp thoại nhập câu lệnh SQL hiện ra.



B4H89

☑ Hộp thoại này cho bạn nhập câu lệnh SQL vào, Bạn nhập câu lệnh sau vào nơi dấu nháy:

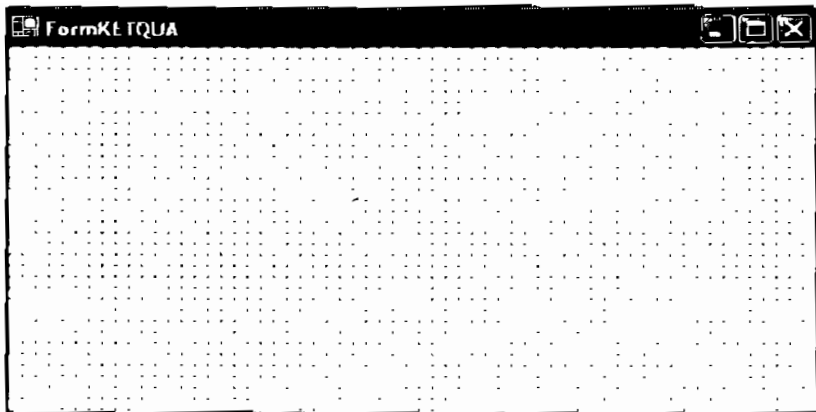
**SELECT \* FROM HOCSINH**



B4H90

☑ Click nút **Finish** để kết thúc

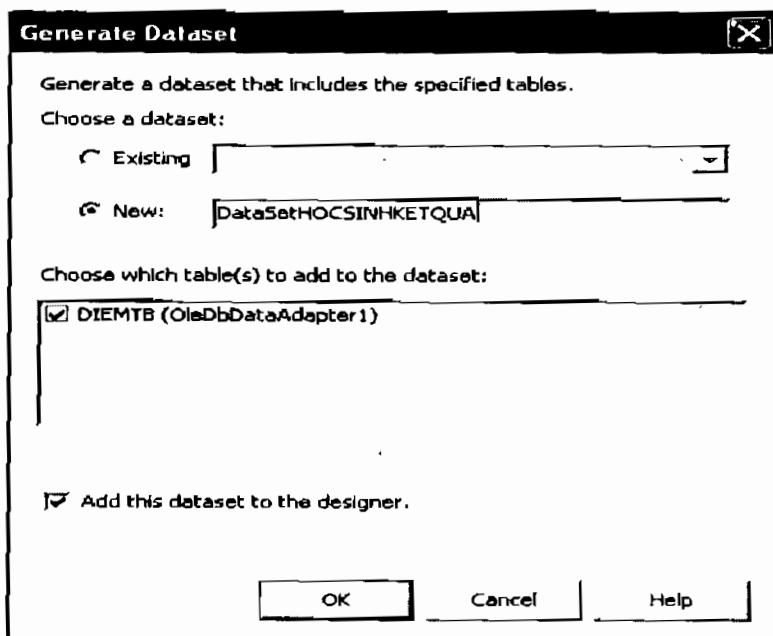
☑ Nhìn vào khay công cụ, bạn sẽ thấy có đối tượng kết nối xuất hiện



B4H91

ⓐ Click chọn **FormKETQUA**

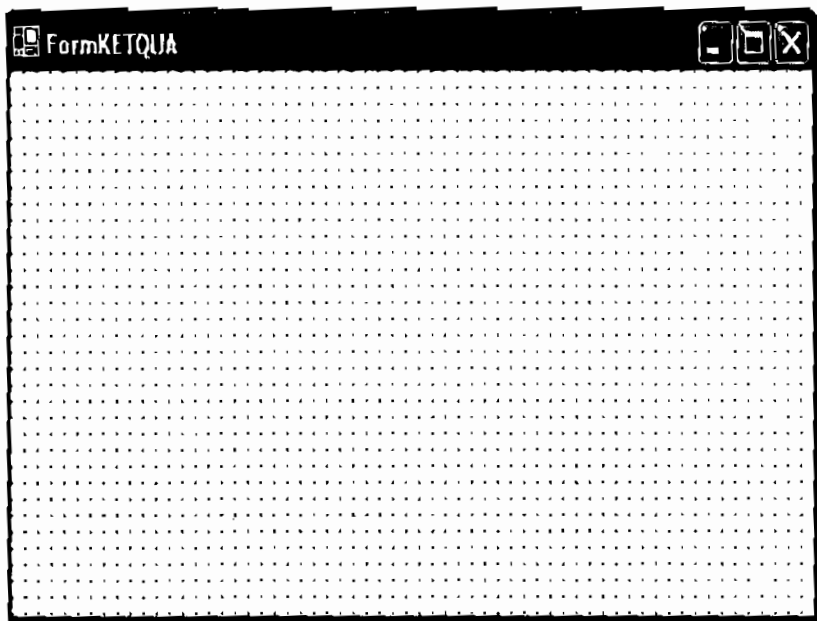
ⓐ Vào menu **Data** chọn **Generate Dataset**, hộp thoại hiện ra như sau



☑ Đặt tên cho **Dataset** trong khung **New** là **DataSetHOCSINHKETQUA**

☑ Click chọn **Add this dataset to the designer** để đưa **Dataset** vào khay công cụ

☑ Click nút **OK**, bạn có thêm đối tượng **Dataset** trên khay công cụ như hình sau:



 OleDbDataAdapter1

 OleDbConnection1



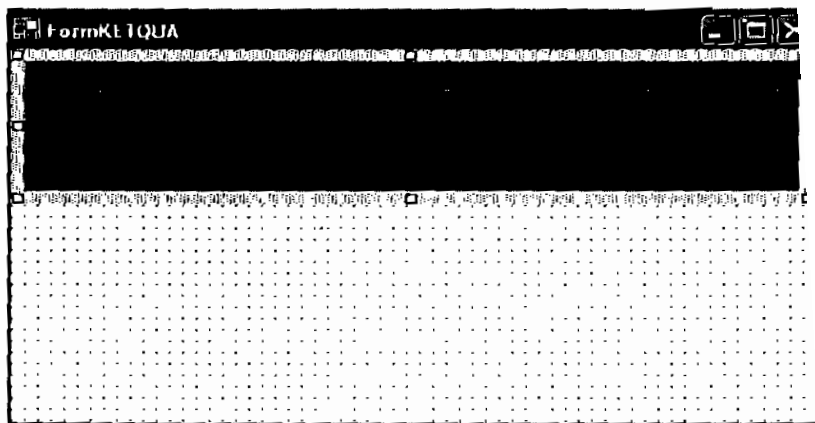
84H93

☑ Click tab **Windows Forms** trên hộp công cụ

☑ Click chọn điều khiển **DataGrid** và đưa vào **Form**, bạn sẽ có **FormKETQUA** như sau:

*Ghi chú:*

Vì trên **FormKETQUA** sẽ có hai điều khiển **DataGrid** nên các bạn vẽ nhỏ như hình sau:



OleDbDataAdapter1

OleDbConnection1

DataSetHOCSINHKETQUA1

B4H94

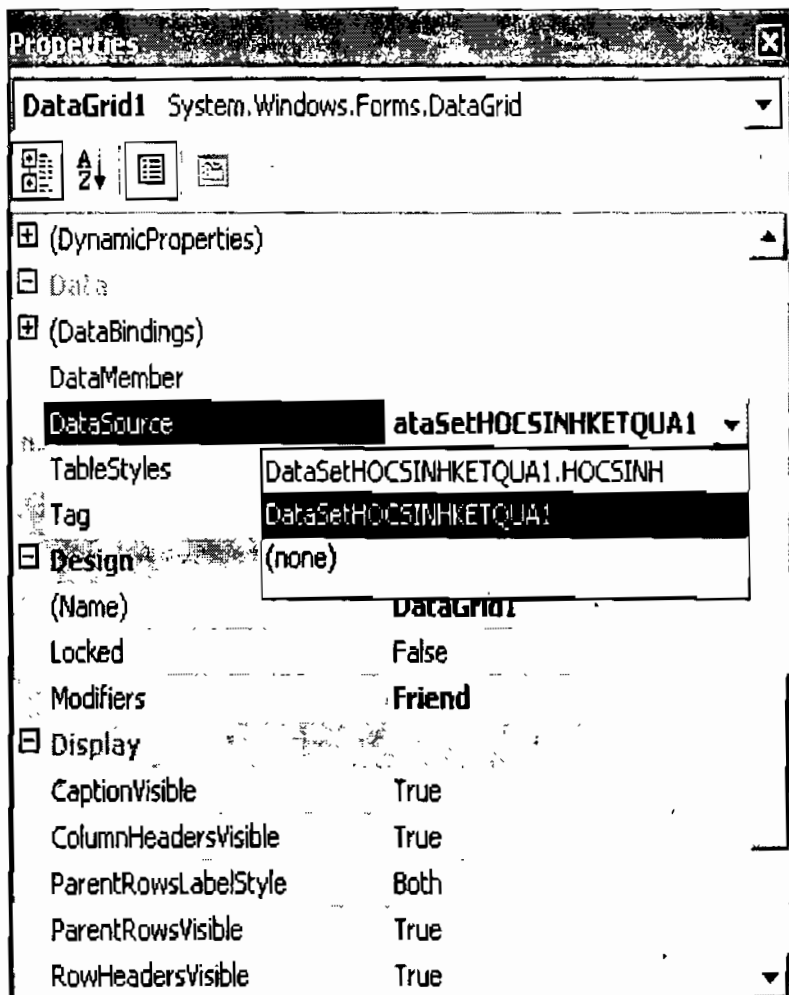
Click nút *phải chuột* trên điều khiển DataGrid, chọn Properties trong menu hiện ra



B4H95 Click chọn 4 cạnh của dấu thập

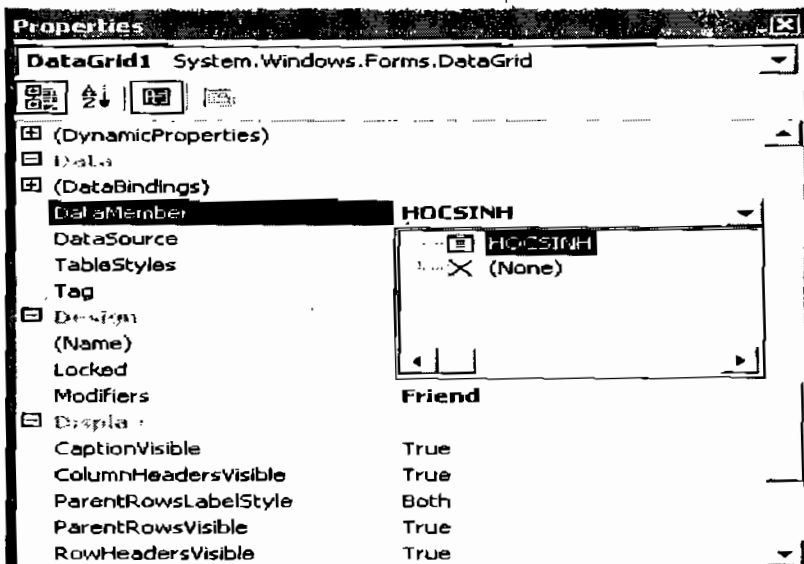
☑ Chọn 4 cạnh **Top**, **Left**, **Right** và **Bottom** để neo **DataGrid** về cả 4 phía.

☑ Click chọn *khung bên phải* của thuộc tính **DataSource**, click vào đầu mũi tên quay xuống, chọn **DataSetHOCSINHKETQUA1**



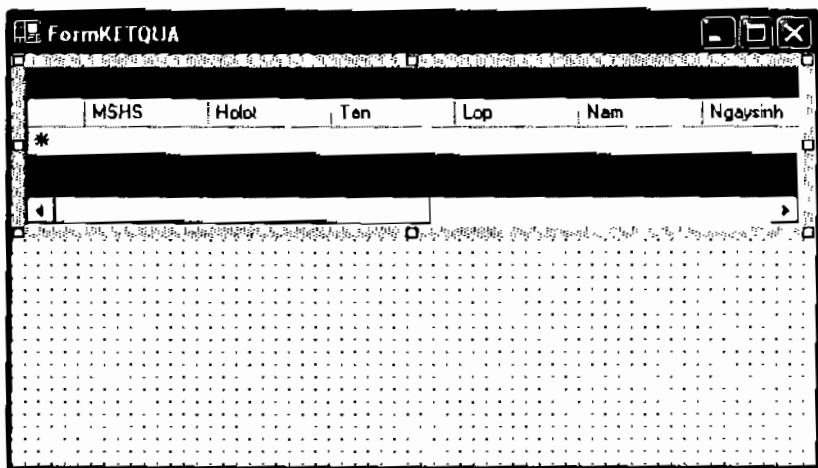
B4H96

☑ Click chọn *khung bên phải* của thuộc tính **DataMember**, click vào đầu mũi tên quay xuống, chọn bảng **HOCSINH**



B4H97

📌 Đóng hộp thoại **Properties**, bạn thấy **FormKETQUA** lúc này có dạng như sau:

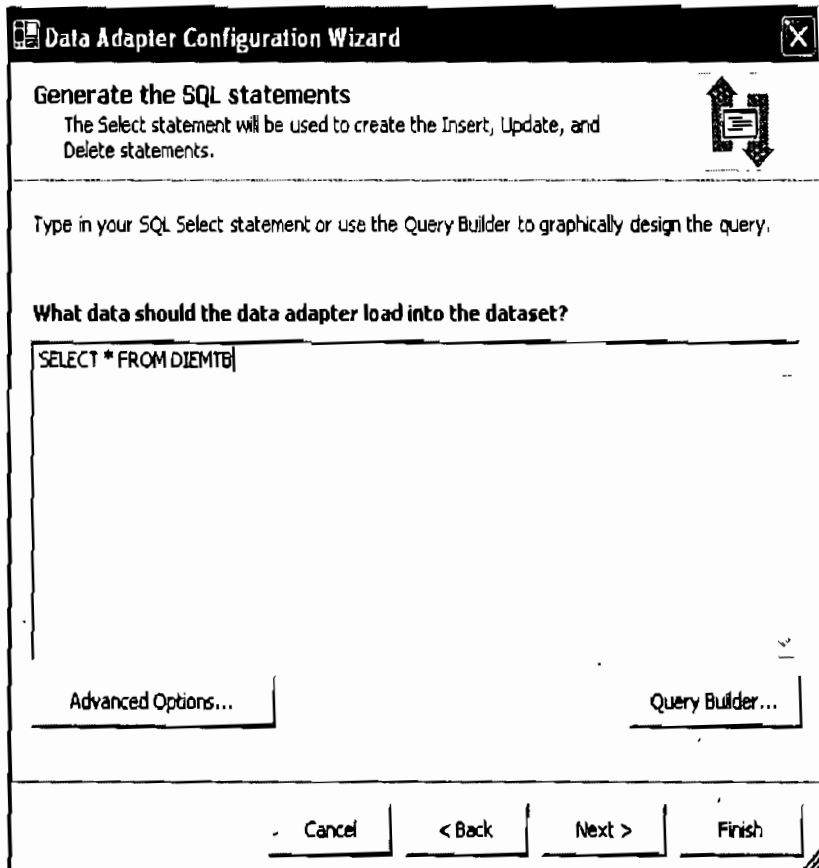




Bây giờ chúng ta sẽ đưa điều khiển OleDbDataAdapter thứ hai vào khay công cụ. Bạn tiến hành các bước như khi đưa điều khiển này vào khay công cụ cho câu lệnh SQL của bảng HOCSINH. Chúng tôi chỉ dùng những hình chính, các bước khác chúng tôi sẽ lướt qua vì các bạn đã biết.

Bạn nhập vào câu lệnh SQL khi hộp thoại này hiện ra như sau:

**SELECT \* FROM DIEMTB**



B4H99

☑ Click nút **Finish**

☑ Click chọn FormKETQUA

☑ Vào menu Data, chọn Generate Dataset, trong hộp thoại hiện ra, nhập tên DatasetDIEMTB trong khung New

## Generate Dataset

Generate a dataset that includes the specified tables.

Choose a dataset:

Existing

New:

Choose which table(s) to add to the dataset:

- DIEMTB (OleDbDataAdapter2)
- HOCSINH (OleDbDataAdapter1)

Add this dataset to the designer.

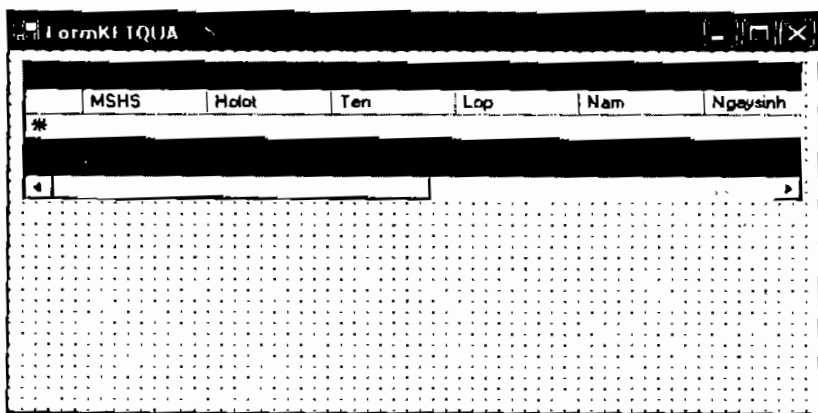
OK

Cancel

Help

B4H100

Click nút OK, bạn sẽ thấy đối tượng DataSetDIEMTB1 hiện ra trong khay công cụ



OleDbDataAdapter1

OleDbConnection1

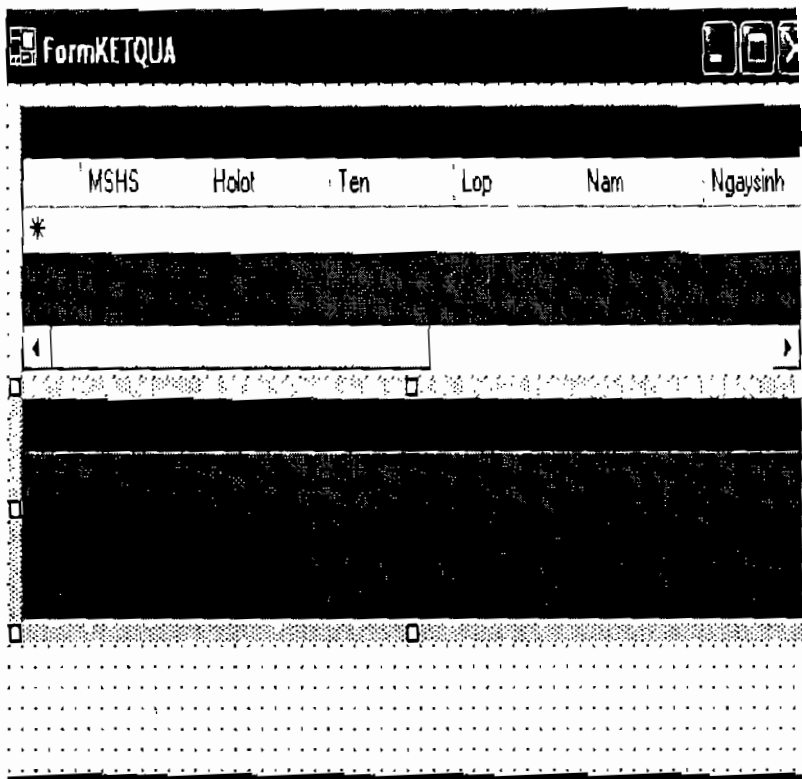
DataSetHOCSINHKETQUA1

OleDbDataAdapter2

DataSetDIEMTB1

B4H101

Click chọn điều khiển **DataGrid** một lần nữa và đưa vào **Form**, b. sẽ có **FormKETQUA** như sau:



OleDbDataAdapter1

OleDbConnection1

DataSetHOCSINHKETQUA1

OleDbDataAdapter2

DataSetDIEMTB1

B4H102

Click nút *phải chuột* trên điều khiển **DataGrid**, chọn **Properties** trong menu hiện ra

**Properties** ✕

**DataGrid2** System.Windows.Forms.DataGrid ▼

(Name)	DataGrid2
Locked	False
Modifiers	Friend
<input type="checkbox"/> Display	
CaptionVisible	True
ColumnHeadersVisible	True
ParentRowsLabelStyle	Both
ParentRowsVisible	True
RowHeadersVisible	True
<input type="checkbox"/> Focus	
CausesValidation	True
<input type="checkbox"/> Layout	
Anchor	Top, Left
Dock	
<input type="checkbox"/> Location	
PreferredColumnWidth	
PreferredRowHeight	
RowHeaderWidth	
<input type="checkbox"/> Size	400, 00





B4H103

☑ Chọn 4 cạnh **Top**, **Left**, **Right** và **Bottom** để neo **DataGrid** về cả 4 phía.

☑ Click chọn *khung bên phải* của thuộc tính **DataSource**, click vào dấu mũi tên quay xuống, chọn **DatasetDIEMTB1**

Properties

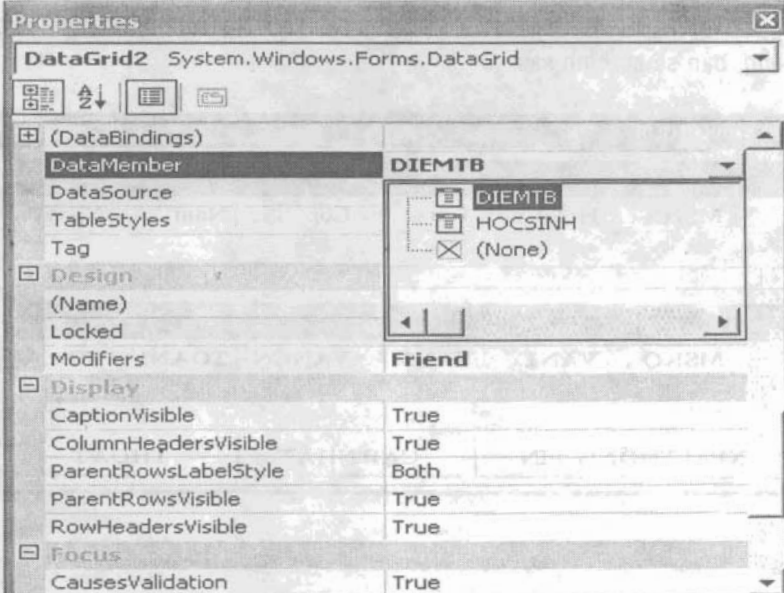
DataGrid2 System.Windows.Forms.DataGrid

+ (DataBindings)	
DataMember	
DataSource	DataSetDIEMTB1
TableStyles	DataSetDIEMTB1.DIEMTB
Tag	DataSetDIEMTB1.HOCSINH
- Design	DataSetHOCSINHKETQUA1.HOCSINH
(Name)	DataSetDIEMTB1
Locked	DataSetHOCSINHKETQUA1
Modifiers	(none)
- Display	
CaptionVisible	True
ColumnHeadersVisible	True
ParentRowsLabelStyle	Both
ParentRowsVisible	True
RowHeadersVisible	True
- Focus	
CausesValidation	True

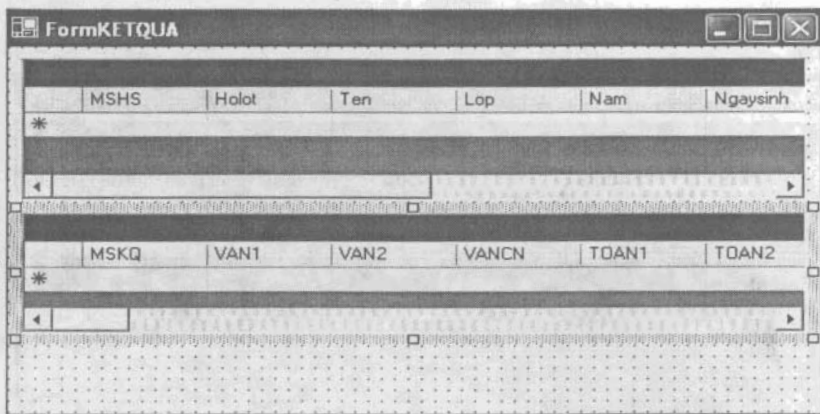
B4H104

☑ Click chọn *khung bên phải* của thuộc tính **DataMember**, click vào đầu mũi tên quay xuống, chọn bảng DIEMTB



B4H105

☐ Đồng hợp thoại **Properties**, bạn thấy **FormKETQUA** lúc này có dạng như sau:



OleDbDataAdapter1

OleDbConnection1

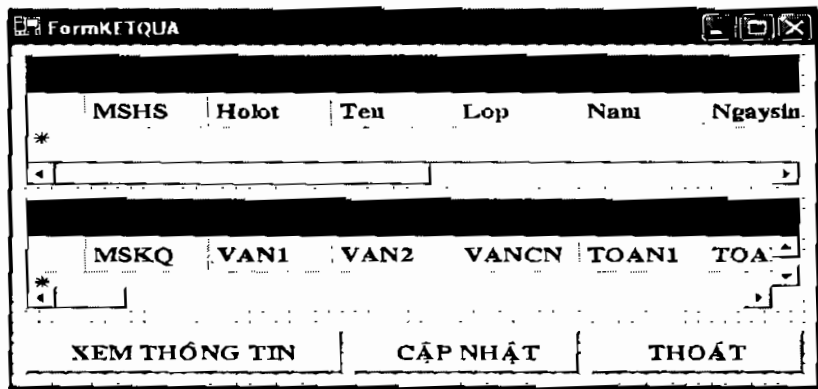
DataSetHOCSINHKETQUA1

OleDbDataAdapter2

DataSetDIEMTB1

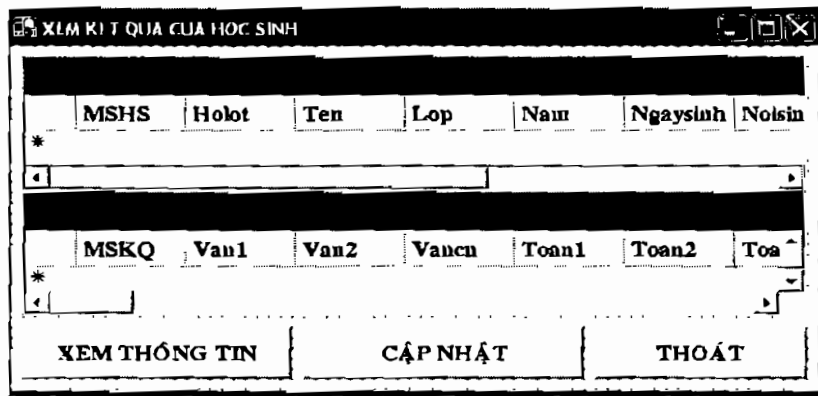
B4H106

⊞ Thêm các **Button** vào cho **Form** và xác lập các thuộc tính cho chúng, bạn sẽ có hình sau:



B4H107

⊞ Click chọn Form, click nút phải chuột tại một chỗ trống trên Form, chọn Properties, xác lập các thuộc tính cho Form như đã cho ở trên, cuối cùng bạn sẽ có Form như hình sau:



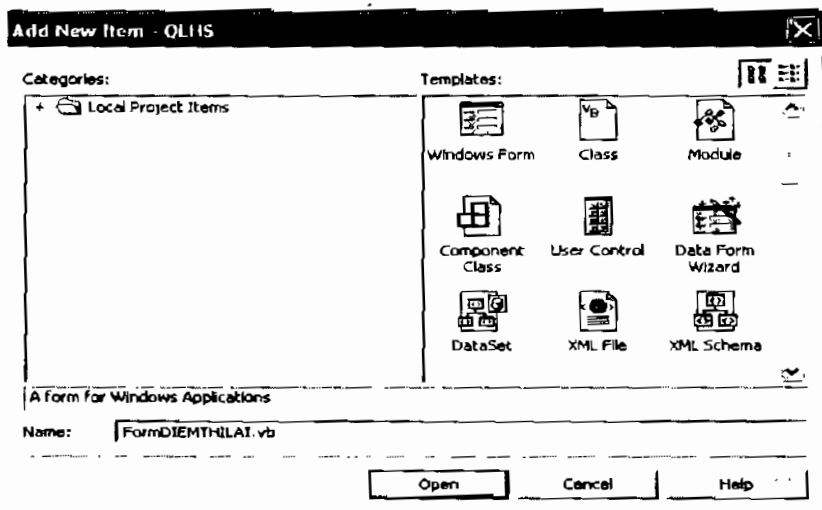
B4H108

## Thiết kế FormDIEMTHILAI

Tương tự như thiết kế FormKETQUA, bạn tiến hành tạo FormDIEMTHILAI như sau

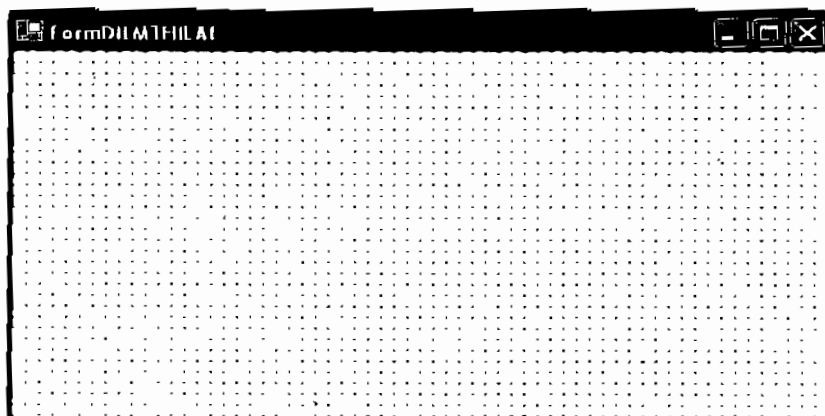
Vào menu **Project**, chọn **Add Windows Form...**

Hộp thoại sau hiện ra, nhập **FormDIEMTHILAI.vb** trong khung **Name** như hình sau:



B4H109


Click nút **Open**, bạn sẽ có Form con như hình sau:



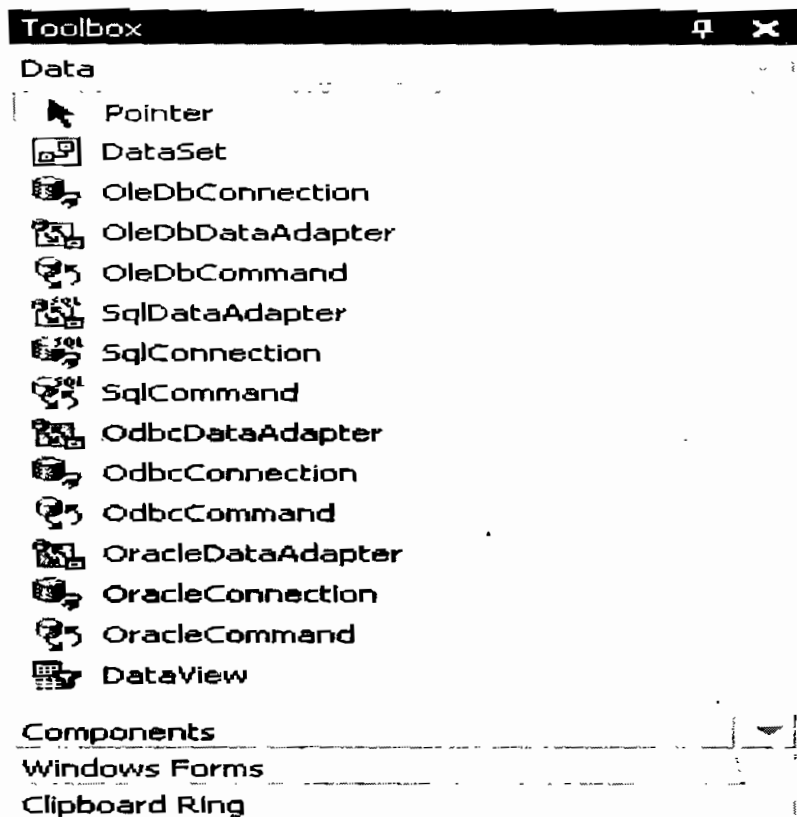
B4H110



☐ Bạn thiết kế cho **FormDIEMTHILAI** với những điều khiển như hình trên

Để lấy thông tin trong CSDL trên, chúng ta phải thêm một bộ điều phối dữ liệu (Data Adapter). Ở đây chúng ta sẽ sử dụng điều khiển **OleDbDataAdapter** có sẵn trong hộp công cụ (Toolbox). Nếu cửa sổ Toolbox chưa có, bạn click vào biểu tượng  trên thanh công cụ.

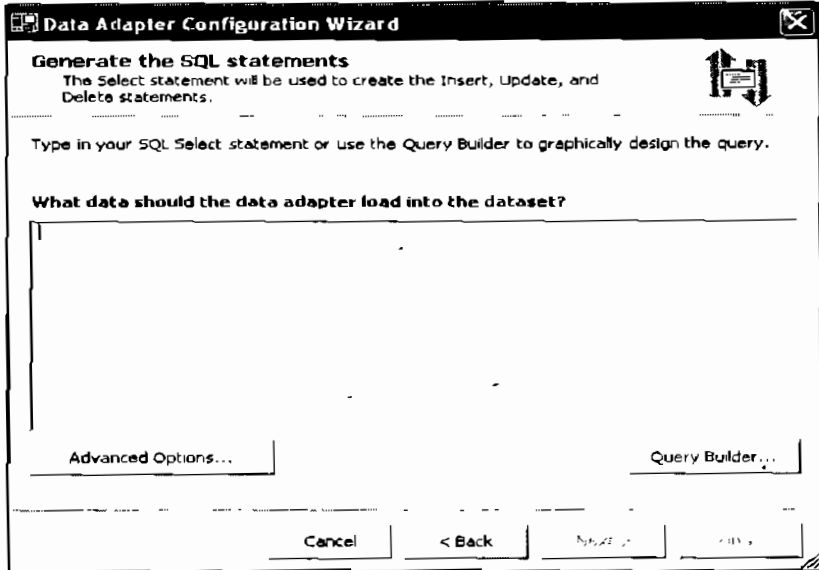
☐ Click chọn tab **Data** nằm phía trên trong hộp công cụ



B4H111 Server Explorer thu nhỏ lại bên trái nhường chỗ cho hộp công cụ

☐ Click chọn và kéo đối tượng **OleDbDataAdapter** từ hộp công cụ vào trong Form. Visual Studio sẽ khởi tạo trình **Data Adapter Configuration Wizard** Bạn thực hiện các thao tác giống như các Form trên cho đến khi hộp thoại nhập câu lệnh SQL hiện ra

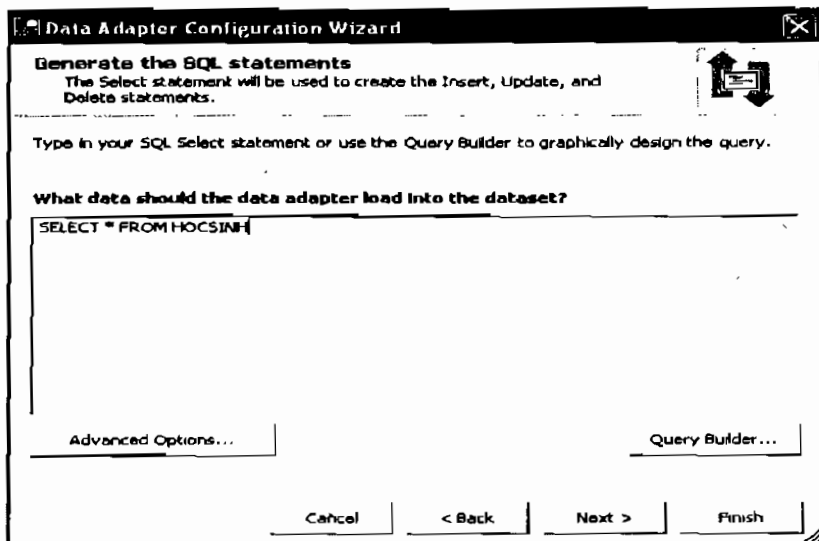
☐ Click nút **Next** sẽ thấy hộp thoại sau



B4H112

☐ Hộp thoại này cho bạn nhập câu lệnh SQL vào, Bạn nhập câu lệnh sau vào nơi dấu nháy:

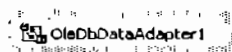
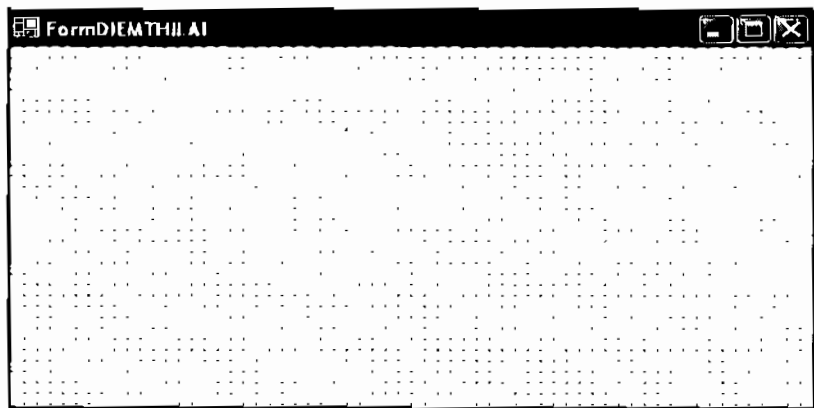
```
SELECT * FROM HOCSINH
```



B4H113

Click nút **Finish** để kết thúc

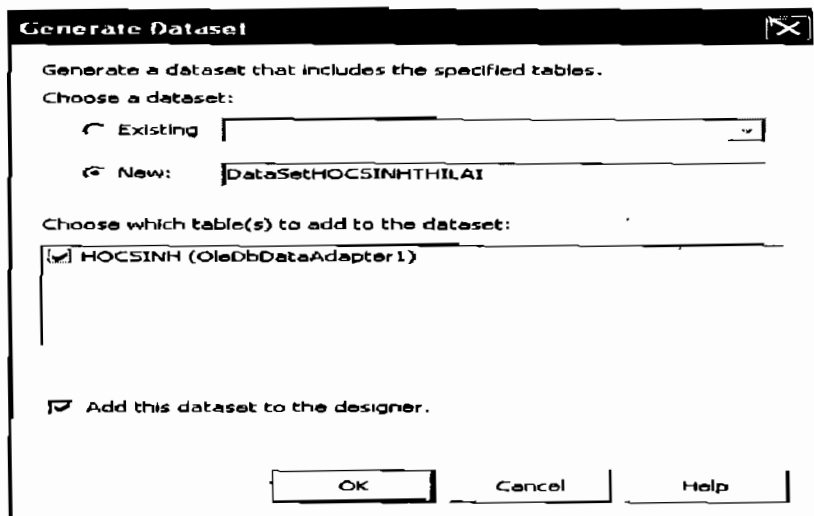
Nhìn vào khay công cụ, bạn sẽ thấy có đối tượng kết nối xuất hiện



B4H114

Click chọn **FormDIEMTHILAI**

Vào menu **Data** chọn **Generate Dataset**, hộp thoại hiện ra như sau

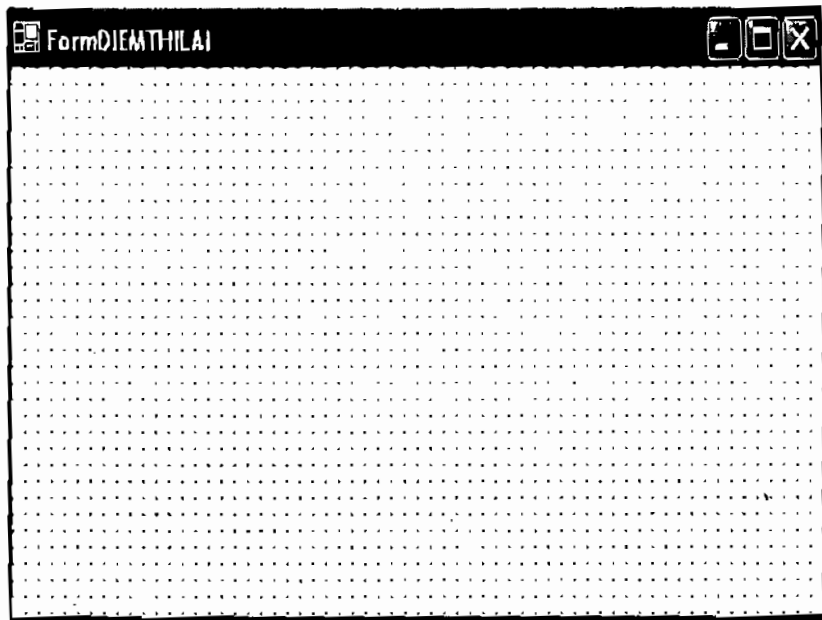


B4H115

☑ Đặt tên cho Dataset trong khung New là DataSetHOCSINHTHILAI

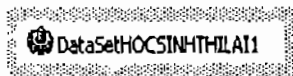
☑ Click chọn **Add this dataset to the designer** để đưa Dataset vào khay công cụ

☑ Click nút **OK**, bạn có thêm đối tượng Dataset trên khay công cụ như hình sau:



OleDbDataAdapter1

OleDbConnection1



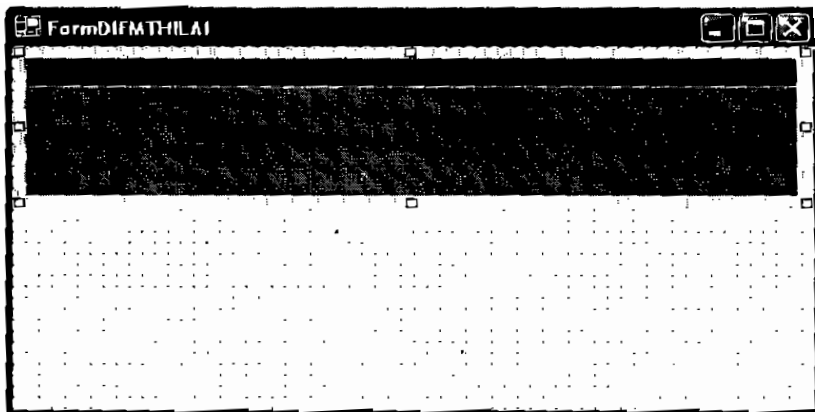
B4H116

☑ Click tab **Windows Forms** trên hộp công cụ

☑ Click chọn điều khiển **DataGrid** và đưa vào Form, bạn sẽ có **FormDIEMTHILAI** như sau:

*Ghi chú:*

Vì trên FormDIEMTHILAI sẽ có hai điều khiển DataGrid nên các bạn vẽ nhỏ như hình sau:



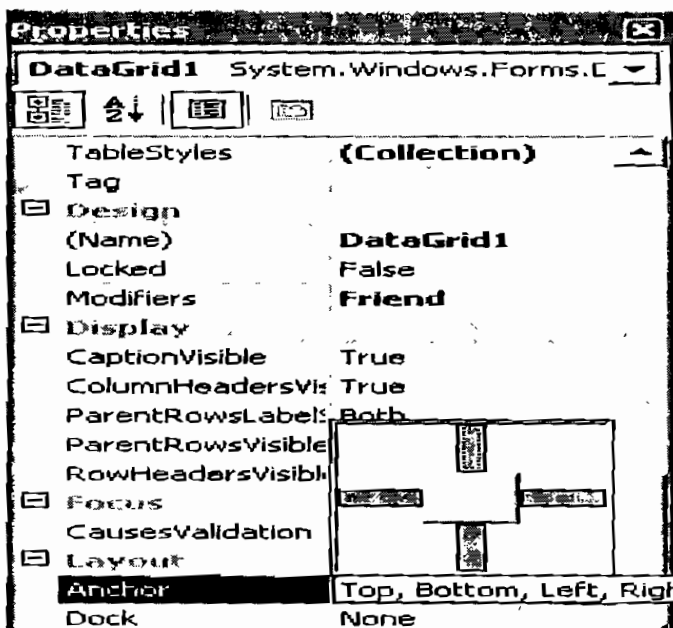
OleDbDataAdapter1

OleDbConnection1

DataSetHOCSINHTHILAI1

B4H117

Click nút *phải chuột* trên điều khiển DataGrid, chọn **Properties** trong menu hiện ra



B4H118 Click chọn 4 cạnh của dấu thập

☑ Chọn 4 cạnh **Top, Left, Right** và **Bottom** để neo **DataGrid** về cả 4 phía.

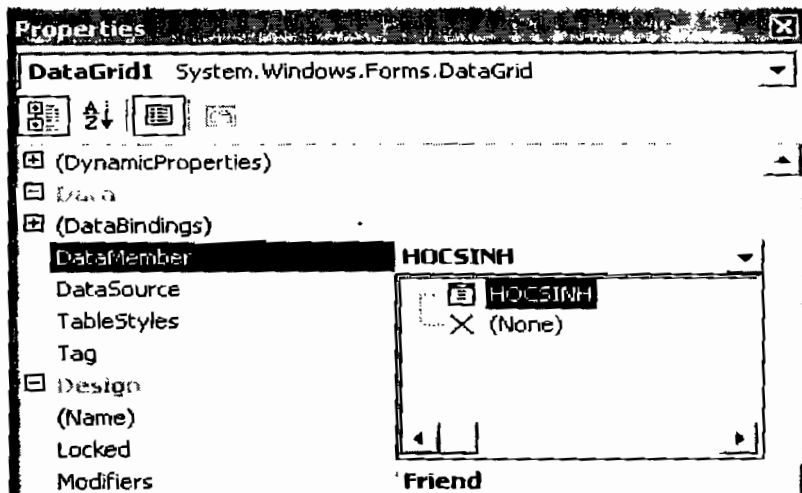
☑ Click chọn *khung bên phải* của thuộc tính **DataSource**, click vào đầu mũi tên quay xuống, chọn **DataSetHOCSINHTHILAI1**

The screenshot shows the Properties window for a **DataGrid1** control. The **DataSource** property is expanded, showing a list of data sources. The selected source is **DataSetHOCSINHTHILAI1**. Other visible properties include **SelectionBackColor**, **SelectionForeColor**, **ActiveCaption**, **ActiveCaptionText**, **Configurations**, **(DynamicProperties)**, **Data**, **(DataBindings)**, **DataMember**, **(Name)**, **Locked**, and **Modifiers**.

SelectionBackColor	■	ActiveCaption	▲
SelectionForeColor	□	ActiveCaptionText	
Configurations			
(DynamicProperties)			
Data			
(DataBindings)			
DataMember			
DataSource		HOCSINHTHILAI1	▼
		DataSetHOCSINHTHILAI1.HOCSINH	
		DataSetHOCSINHTHILAI1	
		(none)	
(Name)		DataGrid1	
Locked		False	
Modifiers		Friend	

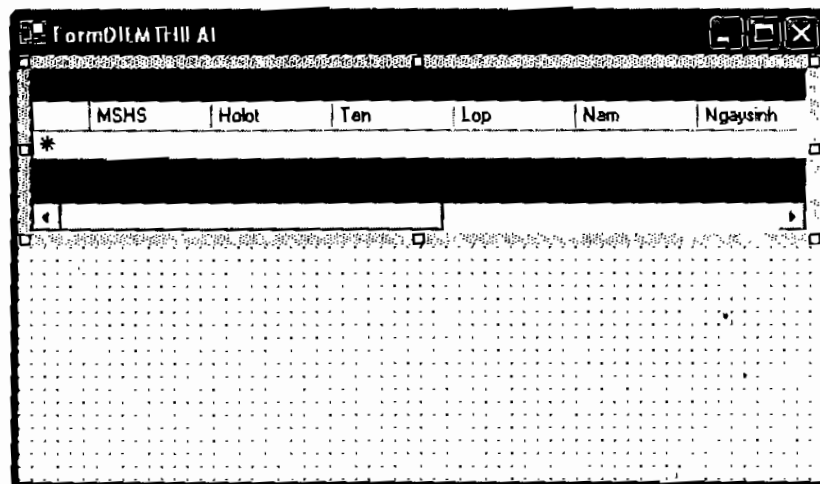
B4H119

☑ Click chọn *khung bên phải* của thuộc tính **DataMember**, click vào đầu mũi tên quay xuống, chọn bảng **HOCSINH**



B4H120

☐ Đóng hộp thoại **Properties**, bạn thấy **FormDIEMTHILAI** lúc này có dạng như sau:



OleDbDataAdapter1

OleDbConnection1

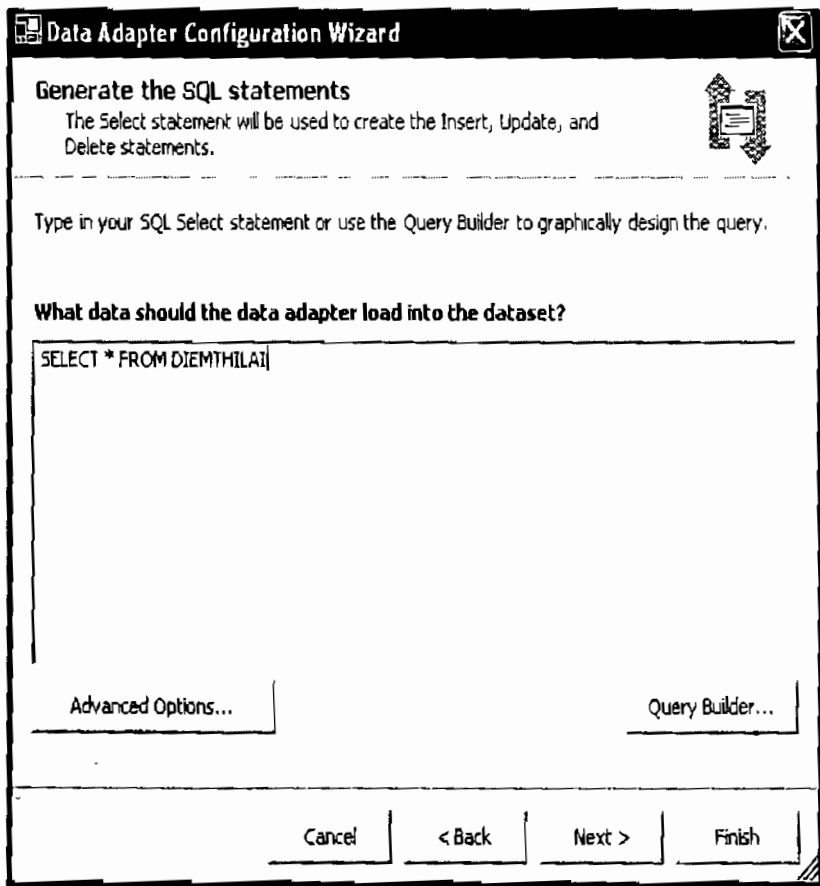
DataSetHOCSINHTHILAI1

B4H121

Bây giờ chúng ta sẽ đưa điều khiển OleDbDataAdapter thứ hai vào khay công cụ. Bạn tiến hành các bước như khi đưa điều khiển này vào khay công cụ cho câu lệnh SQL của bảng HOCSINH. Chúng tôi chỉ dùng những hình chính, các bước khác chúng tôi sẽ lướt qua vì các bạn đã biết.

Bạn nhập vào câu lệnh SQL khi hộp thoại này hiện ra như sau:

**SELECT \* FROM DIEMTHILAI**



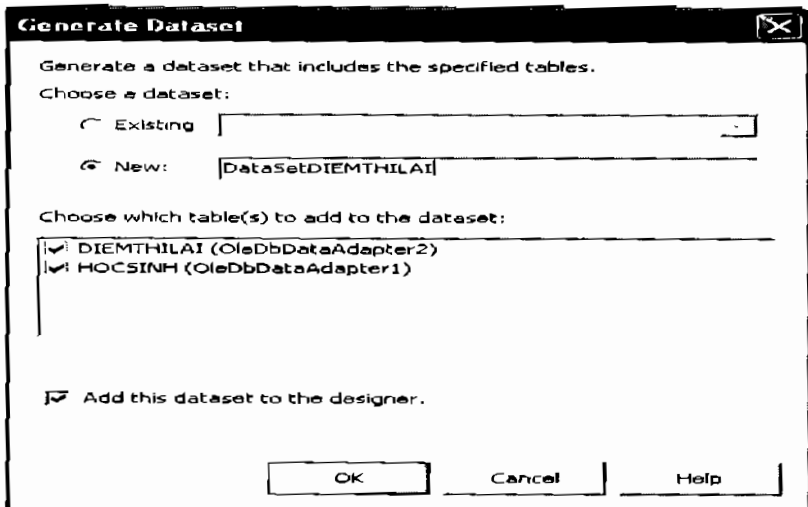
B4H122

☑ Click nút **Finish**

☑ Click chọn FormDIEMTHILAI

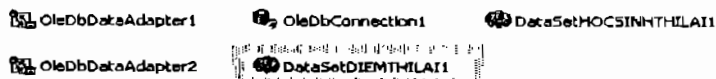
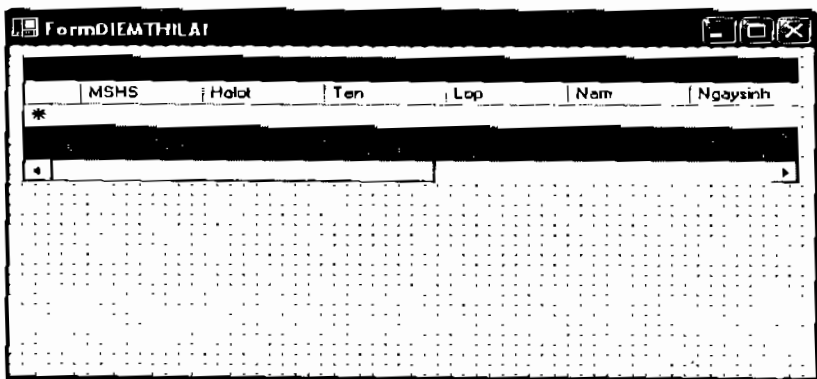
☑ Vào menu Data, chọn Generate Dataset, trong hộp thoại hiện ra, nhập tên DatasetDIEMTHILAI trong khung New





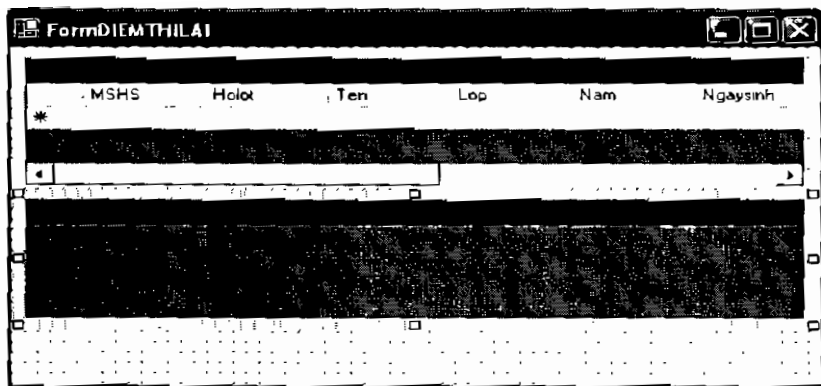
B4H123

☑ Click nút OK, bạn sẽ thấy đối tượng DataSetDIEMTHILAI1 hiện ra trong khay công cụ



B4H124

☑ Click chọn điều khiển DataGrid một lần nữa và đưa vào Form, bạn sẽ có FormDIEMTHILAI như sau:



OleDbDataAdapter1

OleDbConnection1

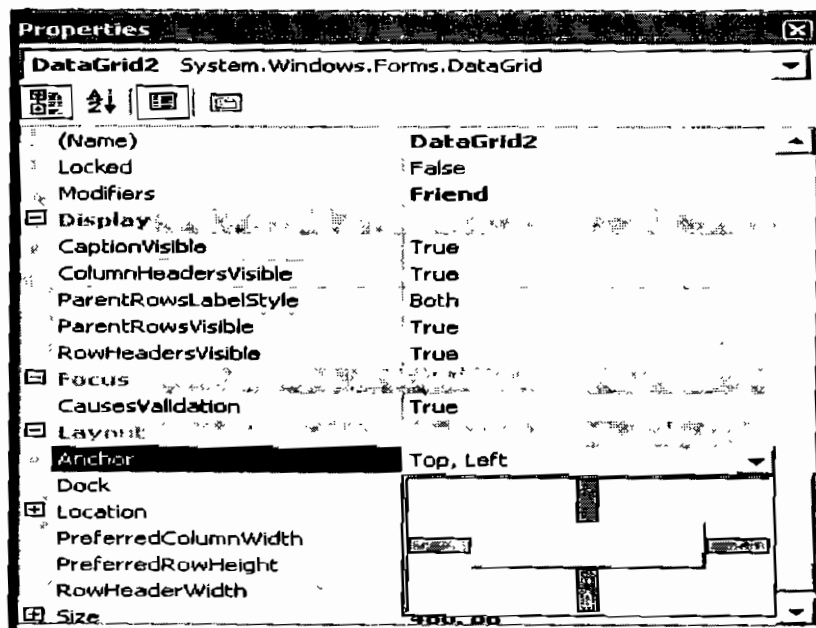
DataSetHOCSINHTHILAI1

OleDbDataAdapter2

DataSetDIEMTHILAI1

B4H125

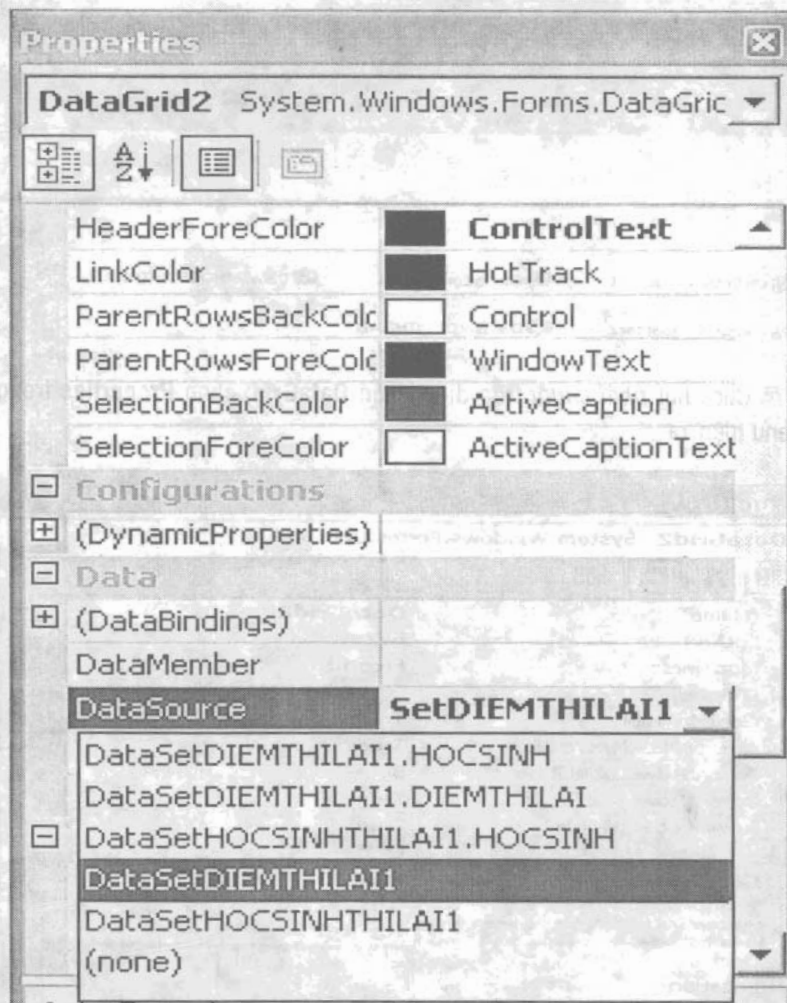
Click nút *phải chuột* trên điều khiển DataGrid, chọn **Properties** trong menu hiện ra



B4H126

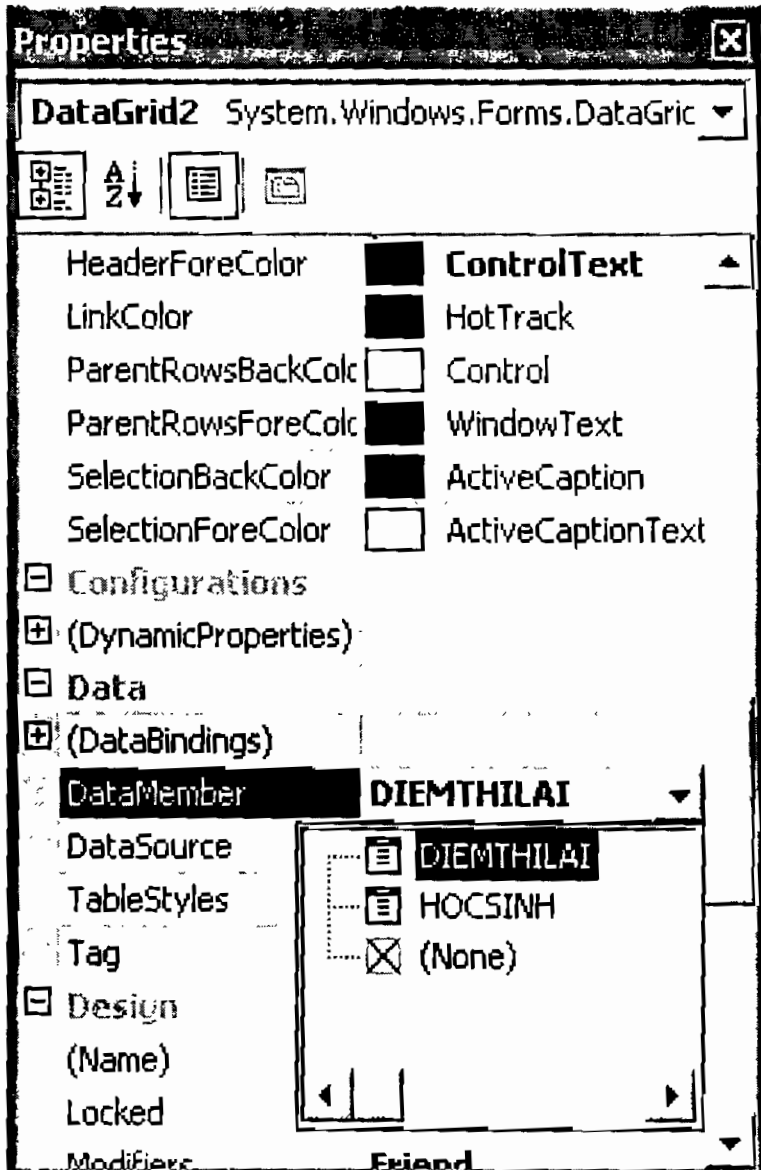
☐ Chọn 4 cạnh **Top**, **Left**, **Right** và **Bottom** để neo **DataGrid** về cả 4 phía.

☐ Click chọn *khung bên phải* của thuộc tính **DataSource**, click vào đầu mũi tên quay xuống, chọn **DataSetDIEMTHILAI1**



B4H127

☐ Click chọn *khung bên phải* của thuộc tính **DataMember**, click vào đầu mũi tên quay xuống, chọn bảng **DIEMTHILAI**



B4H128

☐ Đóng hộp thoại **Properties**, bạn thấy **FormDIEMTHILAI** lúc này có dạng như sau:

FormDIEMTHILAI

MSHS	Holot	Ten	Lop	Nam	Ngaysinh
------	-------	-----	-----	-----	----------

\*

MSTL	VANT	VANS	TOANT	TOANS	NGOAIINGU1
------	------	------	-------	-------	------------

\*

OleDbDataAdapter1 OleDbConnection1 DataSetHOCSINHTHILAI1  
 OleDbDataAdapter2 DataSetDIEMTHILAI1

B4H129

▣ Thêm các **Button** vào cho **Form** và xác lập các thuộc tính cho chúng, bạn sẽ có hình sau:

FormDIEMTHILAI

MSHS	Holot	Ten	Lop	Nam	Ngaysinh
------	-------	-----	-----	-----	----------

\*

MSTL	VANT	VANS	TOANT	TOANS	NGOAI
------	------	------	-------	-------	-------

\*

XEM THÔNG TIN      CẬP NHẬT      THOÁT

OleDbDataAdapter1 OleDbConnection1 DataSetHOCSINHTHILAI1  
 OleDbDataAdapter2 DataSetDIEMTHILAI1

B4H130

☑ Click chọn Form, click nút phải chuột tại chỗ trống trên Form, chọn Properties, xác lập các thuộc tính cho Form như đã cho ở trên, khi thực hiện xong, bạn sẽ thấy như hình sau:

The screenshot shows a window titled "XEM KET QUA THI LAI". It contains two data grids. The first grid has columns: MSHS, Holot, Ten, Lop, Nam, and Ngaysinh. The second grid has columns: MSTL, VanT, VanS, ToanT, ToanS, Ngoaingiu, and Ngo. Below the grids are three buttons: "XEM THÔNG TIN", "CẬP NHẬT", and "THOÁT".

OleDbDataAdapter1

OleDbConnection1

DataSetHOC5INHTHILAI1

OleDbDataAdapter2

DataSetDIEMTHILAI1

B4H131

### Nhận xét:

Trong bốn Form con, bạn thấy trong mỗi Form có hai điều khiển lưới, để trên mỗi điều khiển lưới có tiêu đề để người sử dụng dễ xem, bạn thực hiện như sau:

Vào từng Form, click chọn từng điều khiển lưới, xác lập thêm một thuộc tính nữa cho điều khiển này, đó là thuộc tính Caption Text

#### • Đối với FormKHENTHUONG

##### ◆ Điều khiển lưới trên

Caption text là "THÔNG TIN CỦA BẢNG HỌC SINH"

##### ◆ Điều khiển lưới dưới

Caption text là "THÔNG TIN CỦA BẢNG KHEN THƯỞNG"

#### • Đối với FormKYLUAU

##### ◆ Điều khiển lưới trên

Caption text là "THÔNG TIN CỦA BẢNG HỌC SINH"

- ◆ Điều khiển lưới dưới

Caption text là "THÔNG TIN CỦA BẢNG KỶ LUẬT"

- Đối với FormKETQUA

- ◆ Điều khiển lưới trên

Caption text là "THÔNG TIN CỦA BẢNG HỌC SINH"

- ◆ Điều khiển lưới dưới

Caption text là "THÔNG TIN CỦA BẢNG ĐIỂM TRUNG BÌNH"

- Đối với FormDIEMTHILAI

- ◆ Điều khiển lưới trên

Caption text là "THÔNG TIN CỦA BẢNG HỌC SINH"

- ◆ Điều khiển lưới dưới

Caption text là "THÔNG TIN CỦA BẢNG ĐIỂM THI LẠI"

Thực hiện xong, các bạn sẽ có các hình như sau:

THÔNG TIN CỦA BẢNG HỌC SINH						
MSHS	Holot	Ten	Lop	Nam	Ngaysinh	Noisinh
*						

THÔNG TIN CỦA BẢNG KHEN THƯỞNG				
MSKT	Ndkhen	Ngkhen	Phantho	KTMSH
*				

XEM THÔNG TIN      CẬP NHẬT      THOÁT

OleDbDataAdapter1

OleDbConnection1

DataSetHOC SINH1

OleDbDataAdapter2

DataSetKHEN THUONG1

**XEM HỌC SINH VI PHẠM KỶ LUẬT**

**THÔNG TIN CỦA BẢNG HỌC SINH**

MSHS	Holot	Ten	Lop	Nam	Ngaysinh	Noisinh
*						

**THÔNG TIN CỦA BẢNG KỶ LUẬT**

MSKL	Vipham	Ngvipham	Xuly	KyluatM
*				

XEM THỐNG TIN      CẬP NHẬT      THOÁT

OleDbDataAdapter1      OleDbConnection1      DataSetKYLUIAT1  
 OleDbDataAdapter2      DataSetHOCSINHKYLUIAT1

B4H133

**XEM KẾT QUẢ CỦA HỌC SINH**

**THÔNG TIN CỦA BẢNG HỌC SINH**

MSHS	Holot	Ten	Lop	Nam	Ngaysinh	Noisinh
*						

**THÔNG TIN CỦA BẢNG ĐIỂM TRUNG BÌNH**

MSKQ	Van1	Van2	Vancn	Toan1	Toan2	Toan3
*						

XEM THỐNG TIN      CẬP NHẬT      THOÁT

OleDbDataAdapter1      OleDbConnection1      DataSetHOCSINHKETQUAI  
 OleDbDataAdapter2      DataSetDIEMTB1

B4H134



XEM KẾT QUẢ THI LẠI

THÔNG TIN CỦA BẢNG HỌC SINH						
MSHS	Holot	Ten	Lop	Nam	Ngaysinh	N
*						

THÔNG TIN CỦA BẢNG ĐIỂM THI LẠI						
MSTL	VanT	VauS	ToanT	ToanS	Ngoaingu	Ngo
*						

XEM THÔNG TIN      CẬP NHẬT      THOÁT

OleDbDataAdapter1

OleDbConnection1

DataSetHOC SINH THI LAI1

OleDbDataAdapter2

DataSetDIEM THI LAI1

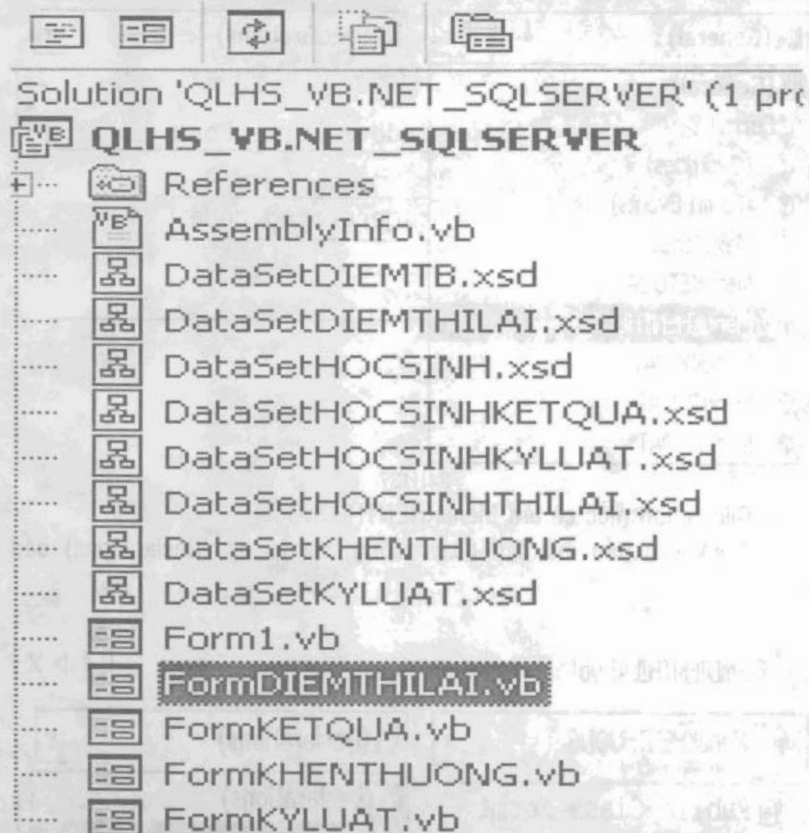
B4H135

Vậy là bạn đã hoàn thành việc thiết kế các Form cho chương trình, thực ra khi làm, bạn sẽ thực hiện rất mau, bạn chỉ cần nắm các nguyên tắc cơ bản như:

- ① Tạo CSDL
- ② Vào Visual Basic .NET
- ③ Đặt tên và địa chỉ cho Project
- ④ Kết nối Project đến CSDL
- ⑤ Chọn đối tượng OleDbDataAdapter đưa vào khay công cụ của Form
- ⑥ Tạo và đặt tên cho Dataset
- ⑦ Đưa các điều khiển để thể hiện thông tin của các bảng trong CSDL, có thể dùng DataGridView, TextBox ... Lưu ý phải kết nối các thuộc tính của các điều khiển với Dataset và bảng.

*Ghi chú:*

Muốn xem cửa sổ thiết kế nào, bạn click icon có tên Solution Explorer trên thanh công cụ, cửa sổ sẽ hiện ra phía bên phải của Form như hình sau:



B4H136

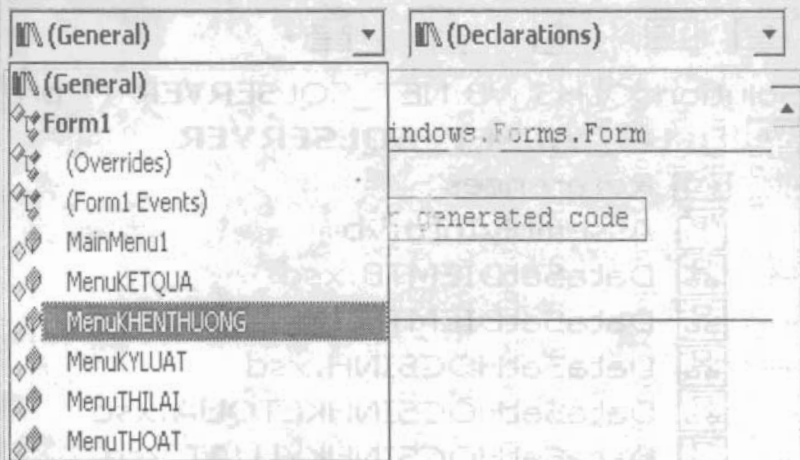
- Chọn Form cần thể hiện
- Click nút View Designer để xem Form thiết kế
- Click nút View Code để vào cửa sổ viết code

## ② Viết và giải thích code của chương trình

■ Viết code cho Form cha (Form1)

● Viết code cho mục MenuKhenthuong

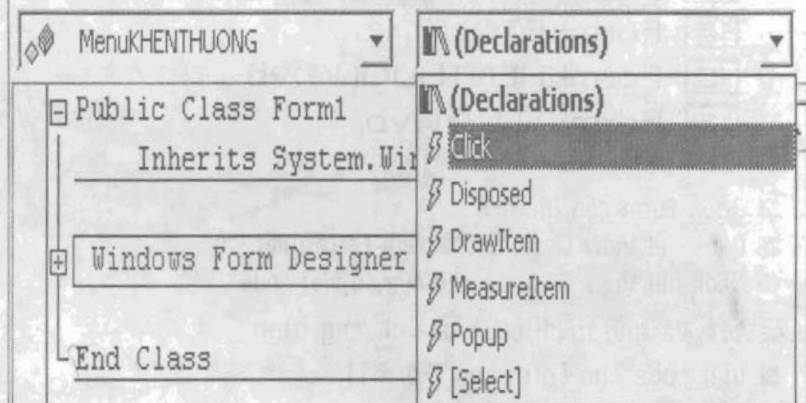
Click nút phải chuột trong Form cha, chọn View Code, trong cửa sổ viết code hiện ra, click đầu mũi tên quay xuống của khung (General) bên trái



B4H137

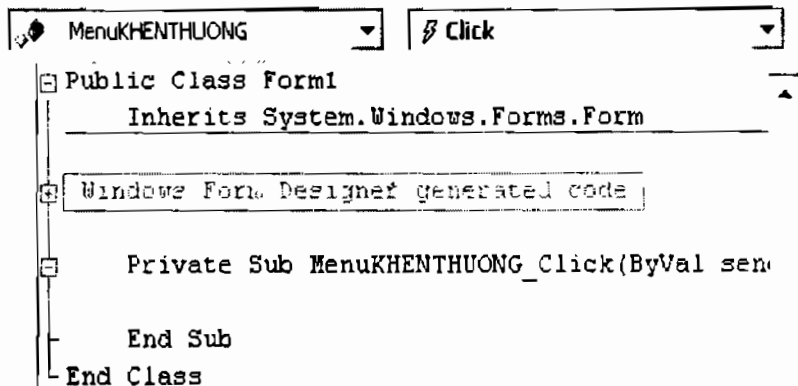
☑ Click chọn mục có tên MenuKHENTHUONG

☑ Click vào đầu mũi tên quay xuống của khung (Declarations) bên phải



B4H138

☑ Click sự kiện có tên Click trong khung hiện ra, chọn xong, bạn sẽ thấy cửa sổ viết code như sau:



B4H139

Bạn viết code cho khoản mục menu này như sau:

```

Private Sub MenuKHENTHUONG_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As System.EventArgs) Handles MenuKHENTHUONG.Click
    Dim Khenthuong As New FormKHENTHUONG
    Khenthuong.ShowDialog()
End Sub

```

☑ Khai báo biến Khenthuong có kiểu FormKhenthuong

☑ Cho FormKhenthuong xuất hiện

● **Viết code cho mục MenuKyluat**

Thực hiện tương tự để xuất hiện thủ tục viết code cho mục MenuKyluat, bạn viết code là hai câu lệnh như sau:

```

Private Sub MenuKYLUA_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As System.EventArgs) Handles MenuKYLUA.Click
    Dim Kyluat As New FormKYLUA
    Kyluat.ShowDialog()
End Sub

```

● **Viết code cho mục MenuKetqua**

Thực hiện tương tự để xuất hiện thủ tục viết code cho mục MenuKetqua, bạn viết code là hai câu lệnh như sau:

```

Private Sub MenuKETQUA_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As System.EventArgs) Handles MenuKETQUA.Click
    Dim Ketqua As New FormKETQUA
    Ketqua.ShowDialog()
End Sub

```

● **Viết code cho mục MenuThilai**

Thực hiện tương tự để xuất hiện thủ tục viết code cho mục MenuThilai, bạn viết code là hai câu lệnh như sau:

```
Private Sub MenuTHILAI_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As  
    System.EventArgs) Handles MenuTHILAI.Click  
    Dim Thilai As New FormDIEMTHILAI  
    Thilai.ShowDialog()  
End Sub
```

● **Viết code cho mục MenuThoat**

Thực hiện tương tự để xuất hiện thủ tục viết code cho mục MenuThoat, bạn viết code là câu lệnh như sau:

```
Private Sub MenuTHOAT_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As  
    System.EventArgs) Handles MenuTHOAT.Click
```

End

End Sub

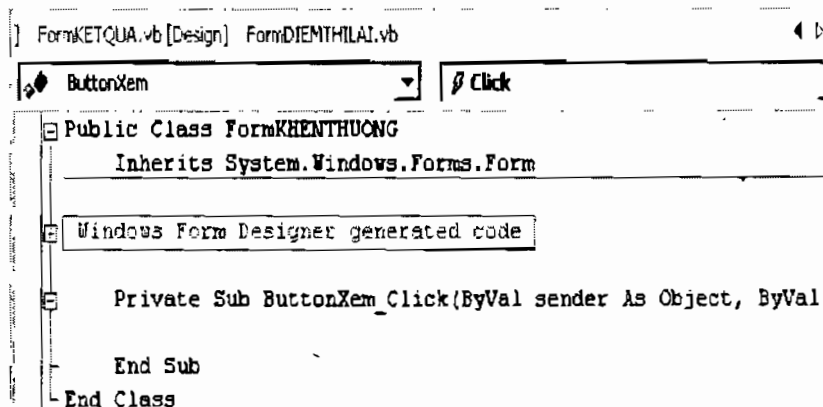
■ **Viết code cho FormKHENTHUONG**

● **Viết code cho button có tên ButtonXem**

☑ Bạn click nút Solution Explorer, chọn FormKHENTHUONG.vb, click nút View Code.

☑ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (General) bên trái, chọn mục ButtonXem

☑ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (Declarations) bên phải, chọn sự kiện Click



☑ Viết hai câu lệnh vào giữa như sau:

```
Private Sub ButtonXem_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As  
System.EventArgs) Handles ButtonXem.Click  
    DataSetHOCSINH1.Clear()  
    DataSetKHENTHUONG1.Clear()  
    OleDbDataAdapter1.Fill(DataSetHOCSINH1)  
    OleDbDataAdapter2.Fill(DataSetKHENTHUONG1)  
End Sub
```

*Giải thích:*

◆ Phương thức Clear() sẽ xóa nội dung dữ liệu trong Dataset mang tên DataSetHOCSINH1 và DataSetKHENTHUONG1

◆ Phương thức Fill() của OleDbDataAdapter1 sẽ đổ dữ liệu vào DataSetHOCSINH1. Phương thức Fill() của OleDbDataAdapter2 sẽ đổ dữ liệu vào DataSetKHENTHUONG1.

● Viết code cho button có tên ButtonCapnhat

☑ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (General) bên trái, chọn mục ButtonCapnhat

☑ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (Declarations) bên phải, chọn sự kiện Click

☑ Viết code vào giữa hai câu lệnh đầu và cuối của thủ tục như sau:

```
Private Sub ButtonCapnhat_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As  
System.EventArgs) Handles ButtonCapnhat.Click  
Try  
    OleDbDataAdapter1.Update(DataSetHOCSINH1)  
    OleDbDataAdapter1.Update(DataSetKHENTHUONG1)  
Catch ex As Exception  
    MsgBox(ex, ToString)  
End Try  
End Sub
```

*Ghi chú:*

*Trong Visual Basic .NET dữ liệu sửa trên điều khiển lưới khi thực hiện chương trình sẽ không tự động thay đổi trên bảng dữ liệu vật lý, muốn lấy những gì thay đổi trên khung lưới sẽ thay đổi trong bảng dữ liệu vật lý, chúng ta phải dùng phương thức Update(). Đây là một phương thức an toàn để dữ liệu của bạn không bị tác động xấu như xóa, thay đổi giá trị, thêm mới dữ liệu khi chưa được phép.*

*Giải thích:*

■ Phương thức **Update()** của **OleDbDataAdapter1** sẽ lấy những thay đổi trong tập **Dataset** mang tên **DatasetHOCSINH1** cập nhật vào bảng dữ liệu vật lý có tên **HOCSINH** thuộc **CSDL** có tên **QUANLYHOCSINH** trong **Microsoft SQL Server 2000**. Các bạn cần ghi nhớ điều này để thực hiện theo đúng yêu cầu và mong muốn của mình. Khi cập nhật dữ liệu, để đề phòng trường hợp xảy ra lỗi khi kết nối bị đứt hoặc không tìm thấy mẫu tin cần cập nhật. Phát biểu **Try ... Catch** bao bọc bên ngoài sẽ thực hiện tác vụ đón bắt lỗi xảy ra nếu có. Trong trường hợp trên hộp thông báo hiện ra thông báo cho bạn biết.

● Viết code cho button có tên **ButtonThoat**

☐ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (General) bên trái, chọn mục **ButtonThoat**

☐ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (Declarations) bên phải, chọn sự kiện **Click**

☐ Viết code vào giữa hai câu lệnh đầu và cuối của thủ tục như sau:  
**Private Sub ButtonThoat\_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As System.EventArgs) Handles ButtonThoat.Click**

**Me.Close()**

**End Sub**

*Giải thích:*

☐ Trong menu bạn phải dùng lệnh **Me.Close()**, **Me** chỉ Form hiện hành, phương thức **Close()** dùng để đóng Form hiện hành lại, khi đóng vẫn ở Form cha, nếu bạn dùng lệnh **End** thì khi nhấn nút thoát nó sẽ về cửa sổ viết code (thoát khỏi Form cha)

■ **Viết code cho FormKYLUA**

● Viết code cho button có tên **ButtonXem**

☐ Bạn click nút **Solution Explorer**, chọn **FormKYLUA.vb**, click nút **View Code**.

☐ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (General) bên trái, chọn mục **ButtonXem**

☐ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (Declarations) bên phải, chọn sự kiện **Click**

☐ Viết hai câu lệnh vào giữa như sau:  
**Private Sub ButtonXem\_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As System.EventArgs) Handles ButtonXem.Click**

```
DataSetHOCSINHKYLUAT1.Clear()
DataSetKYLUAAT1.Clear()
OleDbDataAdapter1.Fill(DataSetHOCSINHKYLUAT1)
OleDbDataAdapter2.Fill(DataSetKYLUAAT1)
```

End Sub

Các câu lệnh này, bạn đã biết, chúng tôi không giải thích nữa

● **Viết code cho button có tên ButtonCapnhat**

☑ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (General) bên trái, chọn mục ButtonCapnhat

☑ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (Declarations) bên phải, chọn sự kiện Click

☑ Viết code vào giữa hai câu lệnh đầu và cuối của thủ tục như sau:

```
Private Sub ButtonCapnhat_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As
System.EventArgs) Handles ButtonCapnhat.Click
```

```
Try
```

```
    OleDbDataAdapter1.Update(DataSetHOCSINHKYLUAT1)
```

```
    OleDbDataAdapter1.Update(DataSetKYLUAAT1)
```

```
Catch ex As Exception
```

```
    MsgBox(ex, ToString)
```

```
End Try
```

End Sub

● **Viết code cho button có tên ButtonThoat**

☑ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (General) bên trái, chọn mục ButtonThoat

☑ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (Declarations) bên phải, chọn sự kiện Click

☑ Viết code vào giữa hai câu lệnh đầu và cuối của thủ tục như sau:

```
Private Sub ButtonThoat_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As
System.EventArgs) Handles ButtonThoat.Click
```

```
    Me.Close()
```

End Sub

■ **Viết code cho FormKETQUA**

● **Viết code cho button có tên ButtonXem**

☑ Bạn click nút Solution Explorer, chọn FormKETQUA.vb, click nút View Code.



☑ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (General) bên trái, chọn mục ButtonXem

☑ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (Declarations) bên phải, chọn sự kiện Click

☑ Viết hai câu lệnh vào giữa như sau:

```
Private Sub ButtonXem_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As
    System.EventArgs) Handles ButtonXem.Click
    DataSetHOCSINHKETQUA1.Clear()
    DataSetDIEMTB1.Clear()
    OleDbDataAdapter1.Fill(DataSetHOCSINHKETQUA1)
    OleDbDataAdapter2.Fill(DataSetDIEMTB1)
```

End Sub

Các câu lệnh này, bạn đã biết, chúng tôi không giải thích nữa

● Viết code cho button có tên ButtonCapnhat

☑ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (General) bên trái, chọn mục ButtonCapnhat

☑ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (Declarations) bên phải, chọn sự kiện Click

☑ Viết code vào giữa hai câu lệnh đầu và cuối của thủ tục như sau:

```
Private Sub ButtonCapnhat_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As
    System.EventArgs) Handles ButtonCapnhat.Click
    Try
        OleDbDataAdapter1.Update(DataSetHOCSINHKETQUA1)
        OleDbDataAdapter1.Update(DataSetDIEMTB1)
    Catch ex As Exception
        MsgBox(ex, ToString)
    End Try
```

End Sub

● Viết code cho button có tên ButtonThoat

☑ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (General) bên trái, chọn mục ButtonThoat

☑ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (Declarations) bên phải, chọn sự kiện Click

☑ Viết code vào giữa hai câu lệnh đầu và cuối của thủ tục như sau:

```
Private Sub ButtonThoat_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As
    System.EventArgs) Handles ButtonThoat.Click
```

```
Me.Close()
```

```
End Sub
```

### ■ Viết code cho FormDIEMTHILAI

#### ● Viết code cho button có tên ButtonXem

☑ Bạn click nút Solution Explorer, chọn FormDIEMTHILAI.vb, click nút View Code.

☑ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (General) bên trái, chọn mục ButtonXem

☑ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (Declarations) bên phải, chọn sự kiện Click

☑ Viết hai câu lệnh vào giữa như sau:

```
Private Sub ButtonXem_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As  
System.EventArgs) Handles ButtonXem.Click
```

```
DataSetHOCSINHTHILAI1.Clear()
```

```
DataSetDIEMTHILAI1.Clear()
```

```
OleDbDataAdapter1.Fill(DataSetHOCSINHTHILAI1)
```

```
OleDbDataAdapter2.Fill(DataSetDIEMTHILAI1)
```

```
End Sub
```

Các câu lệnh này, bạn đã biết, chúng tôi không giải thích nữa

#### ● Viết code cho button có tên ButtonCapnhat

☑ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (General) bên trái, chọn mục ButtonCapnhat

☑ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (Declarations) bên phải, chọn sự kiện Click

☑ Viết code vào giữa hai câu lệnh đầu và cuối của thủ tục như sau:

```
Private Sub ButtonCapnhat_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As  
System.EventArgs) Handles ButtonCapnhat.Click
```

```
Try
```

```
OleDbDataAdapter1.Update(DataSetHOCSINHTHILAI1)
```

```
OleDbDataAdapter1.Update(DataSetDIEMTHILAI1)
```

```
Catch ex As Exception
```

```
MsgBox(ex, ToString)
```

```
End Try
```

```
End Sub
```

#### ● Viết code cho button có tên ButtonThoat

☑ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (General) bên trái, chọn mục ButtonThoat

☑ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (Declarations) bên phải, chọn sự kiện Click

☑ Viết code vào giữa hai câu lệnh đầu và cuối của thủ tục như sau:

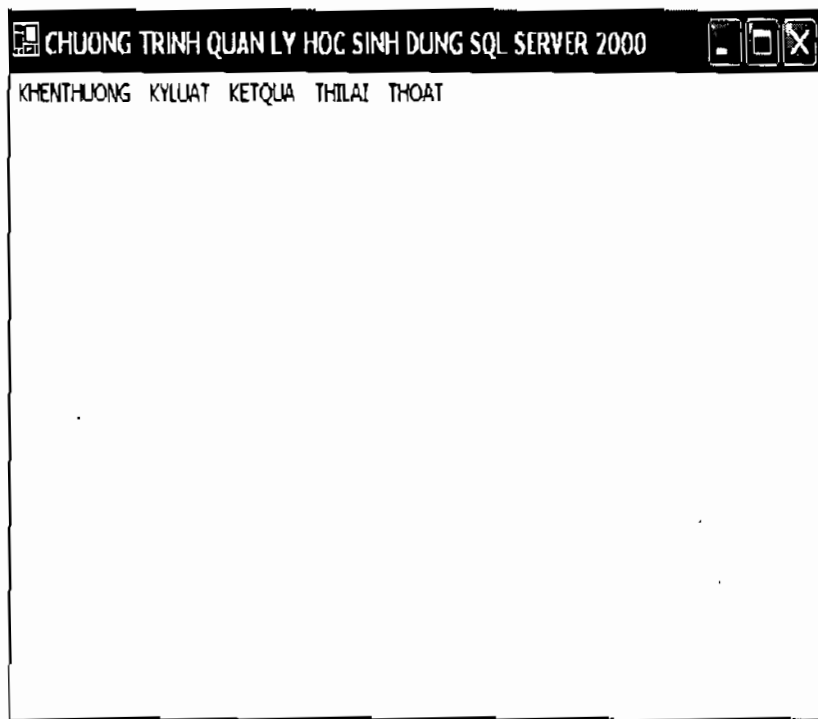
```
Private Sub ButtonThoat_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As  
System.EventArgs) Handles ButtonThoat.Click
```

```
Me.Close()
```

```
End Sub
```

### ③ Chạy thử chương trình

☑ Nhấn phím F5 chạy thử chương trình, bạn sẽ thấy cửa sổ như hình sau:



B4H141

☑ Giả sử bạn click mục KHENTHUONG, bạn có hình như sau:



**THÔNG TIN CỦA BẢNG HỌC SINH**

MSHS	Holot	Ten	Lop	Nam	Ngaysinh	Noiki
(null)	(null)	(null)	(null)	(null)	(null)	(null)

**THÔNG TIN CỦA BẢNG KHEN THƯỞNG**

MSKT	Ndkhen	Ngkhen	Phanthuo	KTMSH
*				

XEM THÔNG TIN

CẬP NHẬT

THOÁT

B4H142

Click nút có tiêu đề "XEM THÔNG TIN", bạn sẽ có kết quả như hình sau:



**THÔNG TIN CỦA BẢNG HỌC SINH**

MSHS	Holot	Ten	Lop	Nam	Ngaysinh	Nc
00001	Trần Mạ	An	10A1	X	12/12/198	Hà

**THÔNG TIN CỦA BẢNG KHEN THƯỞNG**

MSKT	Ndkhen	Ngkhen	Phanthuo	KTMSH
KT001	Học sinh	4/20/2005	Một máy	00001
KT002	Học sinh	4/20/2005	Một máy	00005

XEM THÔNG TIN

CẬP NHẬT

THOÁT

B4H143

Bạn có thể di chuyển con trỏ trên hai điều khiển lưới DataGrid để xem thông tin trong hai bảng HOCSINH và KHENTHUONG.

☐ Click nút “THOÁT” để thoát khỏi FormKHENTHUONG, bạn sẽ trở lại menu cha. Giả sử click mục KYLUAT trên menu, bạn sẽ thấy như hình sau:

XEM HỌC SINH VI PHẠM KỶ LUẬT

**THÔNG TIN CỦA BẢNG HỌC SINH**

MSHS	Holot	Ten	Lop	Nam	Ngaysinh	Noisinh
▶ null	(null)	(null)	(null)	(null)	(null)	(null)

**THÔNG TIN CỦA BẢNG KỶ LUẬT**

MSKL	Vipham	Ngvipham	Xuly	KyluatM
*				

XEM THÔNG TIN      CẬP NHẬT      THOÁT

B4H144

☐ Click nút “XEM THÔNG TIN” bạn sẽ có kết quả như hình sau:

XEM HỌC SINH VI PHẠM KỶ LUẬT

**THÔNG TIN CỦA BẢNG HỌC SINH**

MSHS	Holot	Ten	Lop	Nam	Ngaysinh	Nc
▶ 00001	Trần Mạ	An	10A1	X	12/12/198	Hà

**THÔNG TIN CỦA BẢNG KỶ LUẬT**

MSKL	Vipham	Ngvipham	Xuly	KyluatM
▶ KL001	Đánh nh	2/13/2005	Mời PH	00002

XEM THÔNG TIN      CẬP NHẬT      THOÁT

B4H145

Bạn di chuyển con trỏ để xem thông tin trong các điều khiển lưới

☐ Click nút "THOÁT" để trở về menu chính

☐ Giả sử click mục KETQUA, bạn sẽ có hình như sau:

XEM KET QUÀ CỦA HỌC SINH

THÔNG TIN CỦA BẢNG HỌC SINH						
MSHS	Họot	Ten	Lop	Nam	Ngaysinh	Noisin
(null)	(null)	(null)	(null)	(null)	(null)	(null)

XEM KET QUÀ CỦA HỌC SINH

THÔNG TIN CỦA BẢNG ĐIỂM TRUNG BÌNH						
MSKQ	Van1	Van2	Vancn	Toan1	Toan2	Toa
*						

XEM THÔNG TIN      CẬP NHẬT      THOÁT

B4H146

☐ Click nút "XEM THÔNG TIN", bạn sẽ thấy hình như sau:

XEM KET QUÀ CỦA HỌC SINH

THÔNG TIN CỦA BẢNG HỌC SINH						
MSHS	Họot	Ten	Lop	Nam	Ngaysinh	Noisinh
00001	Trần Mạ	An	10A1	X	12/12/198	Hà

XEM KET QUÀ CỦA HỌC SINH

THÔNG TIN CỦA BẢNG ĐIỂM TRUNG BÌNH						
MSKQ	Van1	Van2	Vancn	Toan1	Toan2	Toan
00001	9	9	9	7	7	7

XEM THÔNG TIN      CẬP NHẬT      THOÁT

B4H147

Bạn có thể xem thông tin trong các điều khiển lưới, xem xong bạn click nút "THOÁT" để trở về menu chính, giả sử bạn chọn mục THILAI

XEM KET QUA THI LAI

**THÔNG TIN CỦA BẢNG HỌC SINH**

MSHS	Hobet	Ten	Lop	Nam	Ngaysinh	N <sup>^</sup>
(null)	(null)	(null)	(null)	(null)	(null)	(null)

**THÔNG TIN CỦA BẢNG ĐIỂM THI LẠI**

MSTL	VanT	VanS	ToanT	ToanS	Ngoaingu	Ngo
*						

XEM THÔNG TIN      CẬP NHẬT      THOÁT

B4H148

☑ Click nút "XEM THÔNG TIN" bạn sẽ thấy kết quả như hình sau:

XEM KET QUA THI LAI

**THÔNG TIN CỦA BẢNG HỌC SINH**

MSHS	Hobet	Ten	Lop	Nam	Ngaysinh	N <sup>^</sup>
00007	Trần	Ma An	10A1	X	12/12/198	H <sup>^</sup>

**THÔNG TIN CỦA BẢNG ĐIỂM THI LẠI**

MSTL	VanT	VanS	ToanT	ToanS	Ngoaingu	Ngo
*						

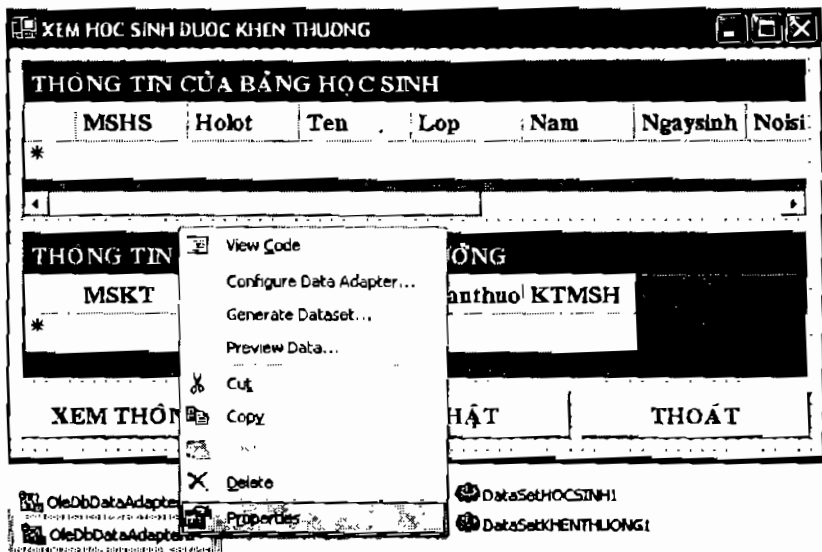
XEM THÔNG TIN      CẬP NHẬT      THOÁT

B4H149

Thực hiện như trên, các bạn thấy các Form hiện ra để chúng ta xem thông tin. Nếu như tập tin có hàng ngàn mẫu tin, việc tìm kiếm một học sinh rất là phức tạp. Nếu có một phụ huynh học sinh đến hỏi con tôi có mã số học sinh là "00007" có được khen thưởng không, bạn sẽ thực hiện như sau:

- ☑ Thoát khỏi chương trình nếu như đang thực hiện
- ☑ Cho FormKHENTHUONG hiện ra ở dạng thiết kế

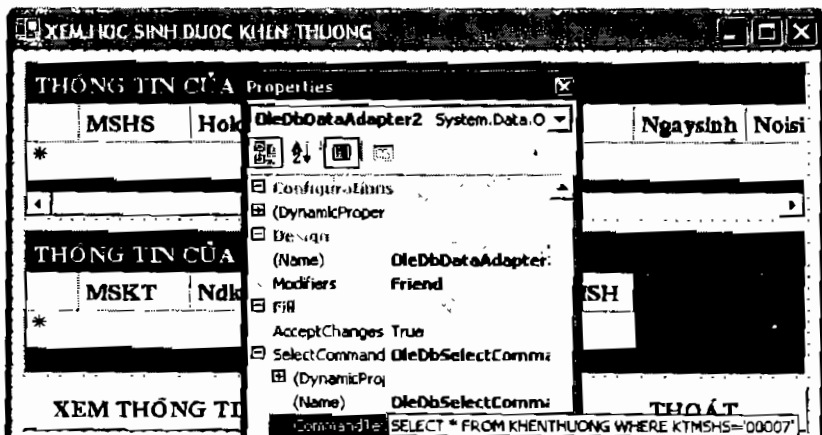
☐ Click nút phải chuột tại đối tượng OleDbDataAdapter2 trên khay công cụ phía dưới Form



B4H150

☐ Chọn Properties trong menu hiện ra, trong bảng Properties, click dấu "+" trước SelectCommand, nhập câu lệnh SQL như sau vào khung bên phải của thuộc tính CommandText

```
SELECT * FROM KHENTHƯƠNG WHERE KTMSHS='00007'
```



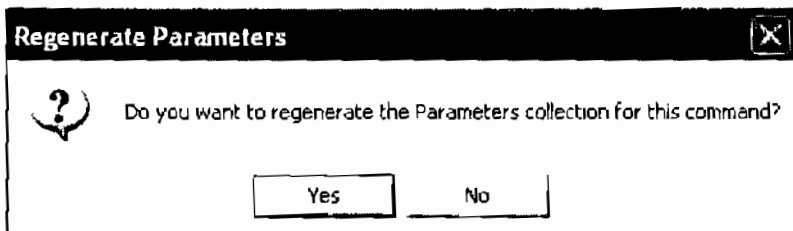
B4H151



*Ghi chú:*

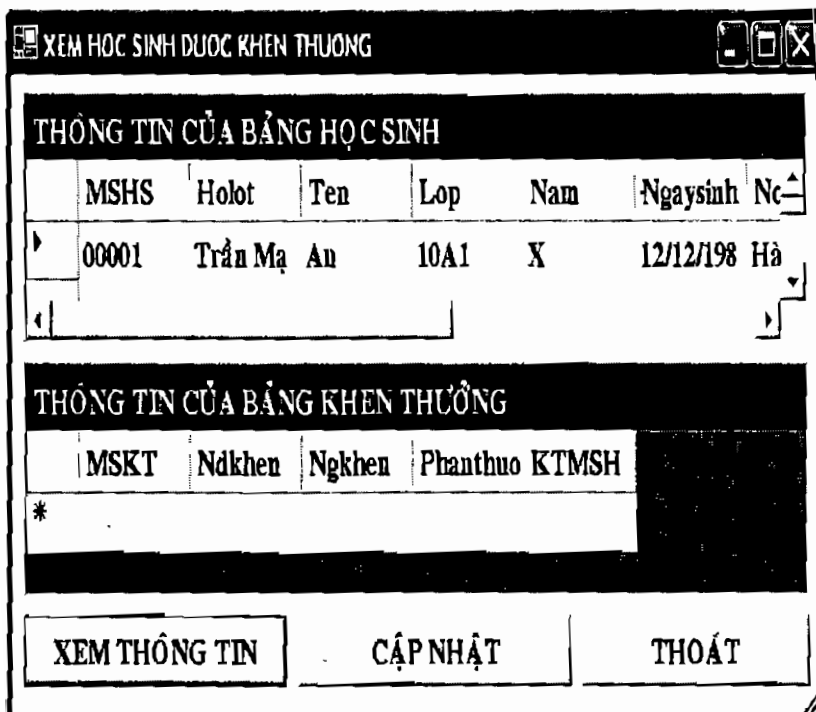
Trong Access, chuỗi được bao bởi cặp nháy kép ("), còn trong SQL Server thì chuỗi được bao trong cặp nháy đơn (')

Nhập xong bạn sẽ thấy hộp thoại hiện ra hỏi bạn có muốn thay thế câu lệnh mới này không, bạn click nút Yes.



B4H152

☑ Nhấn phím F5 chạy thử chương trình, chọn mục KHENTHUONG, click nút "XEM THÔNG TIN" bạn thấy kết quả như hình sau:



Nhìn vào DataGridView bên dưới của bảng khen thưởng, bạn thấy thông tin trống không, nghĩa là học sinh có mã số "00007" không được lãnh thưởng.

Bạn thoát khỏi chương trình, thực hiện lại các bước như trên, nhập vào câu lệnh SQL như sau:

```
SELECT * FROM KHENTHUONG WHERE KTMSHS='00003'
```

☐ Nhấn phím F5 để chạy thử chương trình, click chọn mục KHENTHUONG, click nút "XEM THÔNG TIN", bạn sẽ thấy kết quả như hình sau:

THÔNG TIN CỦA BẢNG HỌC SINH						
MSHS	Holot	Ten	Lop	Nam	Ngaysinh	Nc
00001		Trần Mạ An	10A1	X	12/12/198	Hà

THÔNG TIN CỦA BẢNG KHEN THƯỞNG				
MSKT	Ndkhen	Ngkhen	Phanthuoc	KTMSH
KT003	Học sinh	5/25/2005	Một xe	00003

\*

XEM THÔNG TIN      CẬP NHẬT      THOÁT

B4H154

Bạn thấy trong DataGridView bên dưới chỉ hiện một mẫu tin có mã số học sinh là "00003"

Bây giờ nếu muốn biết học sinh có mã số "00003" có họ tên là gì, lớp mấy ... bạn tiến hành như sau: -

Bạn biết rằng đối tượng OleDbDataAdapter1 kết nối với bảng HOCSINH, do đó, các bạn vào FormKHENTHUONG ở dạng thiết kế, click

nút phải chuột trên đối tượng OleDbDataAdapter1, chọn Properties, click dấu "+" bên trái SelectCommand, nhập câu lệnh SQL ở khung bên phải của thuộc tính CommandText như sau:

```
SELECT * FROM HOCSINH MSHS='00003'
```

☑ Chạy thử chương trình, click chọn mục KHENTHUONG, click nút "XEM THÔNG TIN" bạn sẽ có kết quả như hình sau:

**THÔNG TIN CỦA BẢNG HỌC SINH**

MSHS	Holot	Ten	Lop	Nam	Ngaysinh	Nc
00003	Phan Ho	Kiên	10A1	X	5/12/1989	Bé

**THÔNG TIN CỦA BẢNG KHEN THƯỞNG**

MSKT	Ndkhen	Ngkhen	Phanthuo	KTMSH
KT003	Học sinh	5/25/2005	Một xe	00003

XEM THÔNG TIN      CẬP NHẬT      THOÁT

B4H155

Nhìn vào kết quả trên, bạn thấy lúc này trong điều khiển lưới trên và dưới chỉ có một mẫu tin, bạn có thể tham khảo.

Tương tự như vậy, các bạn có thể tìm kiếm thông tin trong các bảng khác câu lệnh SQL, để thực hiện đúng và chính xác, bạn cần xác định đối tượng OleDbDataAdapter nối với bảng để viết câu lệnh SQL.

Trong các ví dụ trên, chúng tôi chưa đề cập đến nút "CẬP NHẬT", bạn tham khảo ví dụ sau:

☑ Nếu chương trình chưa chạy, nhấn phím F5 để chạy thử chương trình, click chọn mục KYLUAT trên menu, click nút "XEM THÔNG TIN" bạn có kết quả như hình sau:



## THÔNG TIN CỦA BẢNG HỌC SINH

MSHS	Holot	Ten	Lop	Nam	Ngaysinh	Nc
00001	Trần Mạ	Au	10A1	X	12/12/198	Hà

## THÔNG TIN CỦA BẢNG KỶ LUẬT

MSKL	Vipham	Ngvipha	Xuly	Ky luatM
KL001	Đánh nh	2/13/2005	Mời PH	00002

XEM THÔNG TIN

CẬP NHẬT

THOÁT

B4H156

Bạn di chuyển con trỏ dọc trong DataGrid bên trên đến mẫu tin cuối cùng, nhập vào một học sinh mới



## THÔNG TIN CỦA BẢNG HỌC SINH

MSHS	Holot	Ten	Lop	Nam	Ngaysinh	Nc
00008	Trần	Hùng	12A1	Nam	4/24/1987	TP

## THÔNG TIN CỦA BẢNG KỶ LUẬT

MSKL	Vipham	Ngvipha	Xuly	Ky luatM
KL001	Đánh nh	2/13/2005	Mời PH	00002

XEM THÔNG TIN

CẬP NHẬT

THOÁT

B4H157

Chúng tôi nhập thêm một học sinh mới có mã số 00008 như trên, nhập xong. Nếu click nút "THOÁT" để trở về Form cha, các bạn thấy thông tin vừa nhập không được lưu vào bảng HOCSINH trong cơ sở dữ liệu QUANLYHOCSINH. Để kiểm tra, bạn vào Enterprise Manager của SQL Server 2000, click các dấu "+" trước các mục cho đến khi thấy tên tập tin HOCSINH bên khung bên phải như hình sau:

The screenshot shows the SQL Server Enterprise Manager interface. The left pane displays the server hierarchy: Console Root > Microsoft SQL Servers > SQL Server Group > COMPUTER\DAUQUANGTUAN (Windows NT) > Databases > QUANLYHOCSINH. The right pane shows a table list for the selected database. The table HOCSINH is highlighted. The table details pane shows the following information:

Name	Owner	Type	Create Date
DIEMTB	dbo	User	4/28/2005 6:29:20 PM
DIEMTHUONG	dbo	User	4/26/2005 5:32:03 PM
diroperties	dbo	System	4/22/2005 5:23:55 PM
HOCSINH	dbo	User	4/22/2005 6:11:40 PM
IGIENTHUONG	dbo	User	4/26/2005 11:48:07 AM
KHULAT	dbo	User	4/26/2005 11:52:06 AM
syscolumns	dbo	System	8/6/2000 1:29:12 AM
syscomments	dbo	System	8/6/2000 1:29:12 AM
sysdepends	dbo	System	8/6/2000 1:29:12 AM
sysfilegroups	dbo	System	8/6/2000 1:29:12 AM
sysfiles	dbo	System	8/6/2000 1:29:12 AM
sysfiles1	dbo	System	8/6/2000 1:29:12 AM
sysforeignkeys	dbo	System	8/6/2000 1:29:12 AM
sysfulltextcatalogs	dbo	System	8/6/2000 1:29:12 AM
sysfulltextmodify	dbo	System	8/6/2000 1:29:12 AM
sysindexes	dbo	System	8/6/2000 1:29:12 AM
sysindexkeys	dbo	System	8/6/2000 1:29:12 AM
sysmembers	dbo	System	8/6/2000 1:29:12 AM
sysobjects	dbo	System	8/6/2000 1:29:12 AM
syspermissions	dbo	System	8/6/2000 1:29:12 AM
sysproperties	dbo	System	8/6/2000 1:29:12 AM
sysprotects	dbo	System	8/6/2000 1:29:12 AM
sysreferences	dbo	System	8/6/2000 1:29:12 AM
sysstypes	dbo	System	8/6/2000 1:29:12 AM
sysusers	dbo	System	8/6/2000 1:29:12 AM

B4H15B

Click nút phải chuột tại tên HOCSINH, di chuyển vệt sáng đến Open Table, chọn Return all rows, bạn thấy thông tin trong bảng như hình sau:



MSHS	Họot	Ten	Lop	Nam	Ngaysinh	Noisinh
00001	Traân Mãnh	An	10A1	X	12/12/1989	Hải Nội
00002	Hoàng Minh	Hương	10A1	X	4/23/1989	TP.HCM
00003	Phan Hoàng	Kiến	10A1	X	5/12/1989	Biển Tre
00004	Nguyễn Minh	Khanh	10A2	X	12/24/1989	Kiên Giang
00005	Lê Hoàng	Phi	10A2	X	4/13/1989	TP.HCM
00006	Phan Hoàng	Thi	10A2	0	12/12/1989	TP.HCM
00007	Nguyễn Thảo	Thanh	10A2	0	4/24/1988	Biển Tre

B4H159

Bạn thấy học sinh có mã số "00008" không có trong bảng vật lý HOCSINH. Bạn biết tại sao không, đó là cơ chế an toàn của Visual Basic .NET mà chúng tôi đã đề cập khi viết code, muốn cập nhật thông tin mới hoặc các thông tin sửa đổi khi chạy chương trình, các bạn phải click nút có tên "CẬP NHẬT" trước khi thoát.

Chúng ta thử thực hiện lại, nhập vào một học sinh khác có mã số "00008" như hình sau:

XEM HỌC SINH VI PHẠM KỶ LUẬT

**THÔNG TIN CỦA BẢNG HỌC SINH**

MSHS	Họot	Ten	Lop	Nam	Ngaysinh	Nc
00008	Lê	Hành	11A1	Nam	12/24/198	TP

**THÔNG TIN CỦA BẢNG KỶ LUẬT**

MSKL	Vipham	Ngvipham	Xuly	KyluatM
KL001	Đánh nh	2/13/2005	Mời PH	00002

XEM THÔNG TIN

CẬP NHẬT

THOÁT

B4H160

☐ Click nút "CẬP NHẬT"

☐ Mở lại bảng HOCSINH trong CSDL QUANLYHOCSINH, bạn sẽ thấy thông tin như sau:

Data in Table 'HOCSINH' in 'QUANLYHOCSINH' on 'COMPUTERDAILIQUANGTRIAN'

MSHS	Hoket	Ten	Lop	Nam	Ngaysinh	Noisinh
00001	Traàn Mãnh	An	10A1	X	12/12/1989	Hàg Ngãi
00002	Hoàng Minh	Huàng	10A1	X	4/23/1989	TP.HCM
00003	Phan Hoàng	Kiến	10A1	X	5/12/1989	Biển Tre
00004	Nguyễn Minh	Khanh	10A2	X	12/24/1989	Kiến Giang
00005	Leã Hoàng	Phi	10A2	X	4/13/1989	TP.HCM
00006	Phan Hoàng	Thi	10A2	0	12/12/1989	TP.HCM
00007	Nguyễn Thò	Thanh	10A2	0	4/24/1988	Biển Tre
00008	Leã	Hạnh	11A1	Nam	12/24/1988	TP.HCM
*						

B4H161

# Bài 5

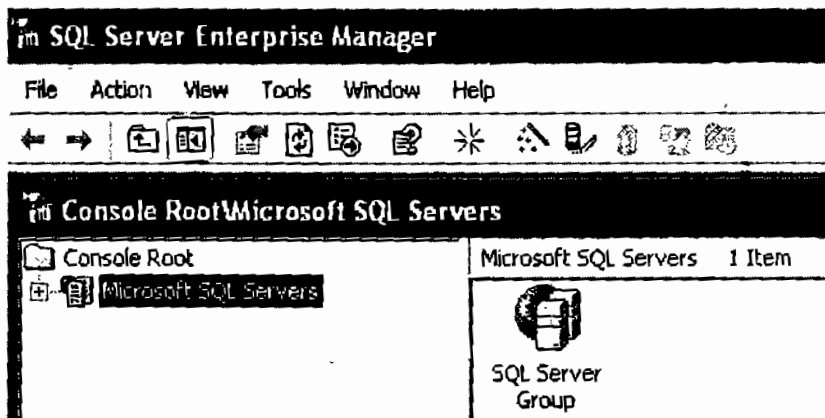
## Chương trình Quản lý tác giả dùng SQL Server 2000 và Visual Basic .NET

Bài này giới thiệu đến các bạn cách viết một chương trình quản lý sách của các tác giả biên soạn, quản lý nhà xuất bản.

☐ Trước hết các bạn phải tạo một cơ sở dữ liệu trong đó gồm một số bảng, thực hiện các mối liên hệ giữa chúng, sau đó mới vào Visual Basic .NET để thiết kế và viết code cho chương trình.

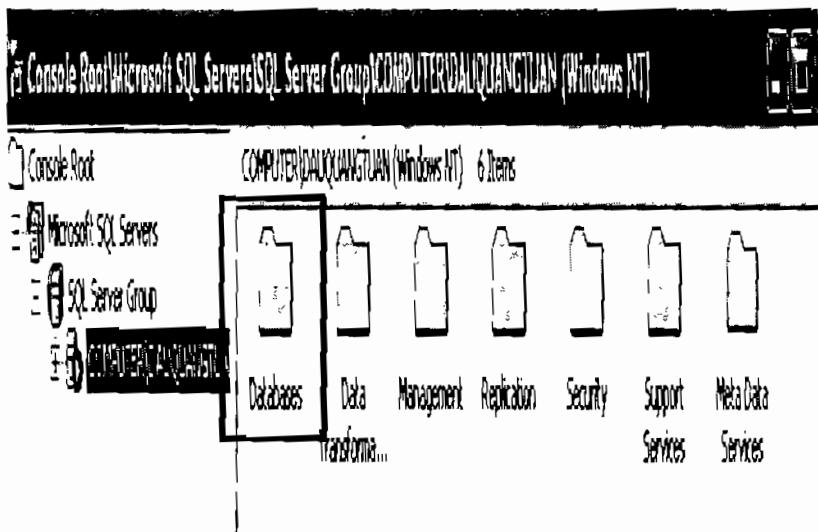
☐ Bạn vào **SQL Server 2000** để tạo một cơ sở dữ liệu có tên **QUANLYTACGIA**.

◆ Vào menu Start, di chuyển vệt sáng đến Programs, đến Microsoft Server 2000, click chọn EnterPrise Manager



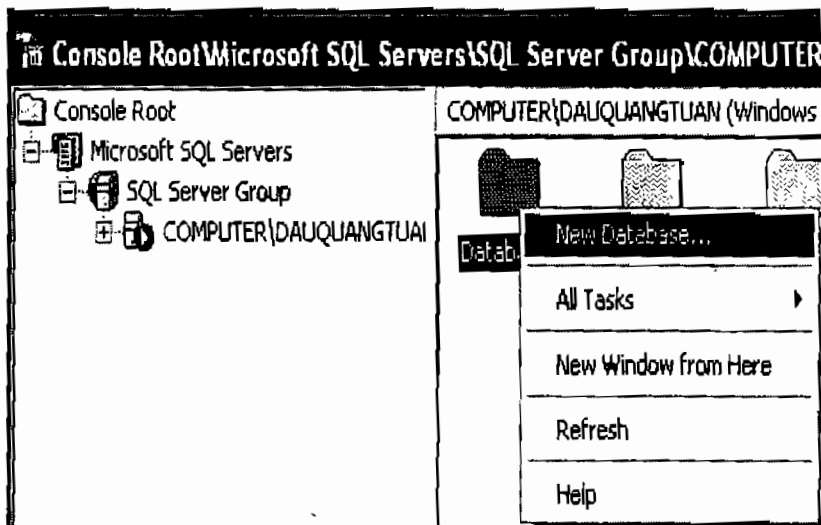


◆ Click dấu cộng (+) trước Microsoft SQL Server, click chọn Tên COMPUTER\DAUQUANGTUAN, bạn thấy hình như sau:



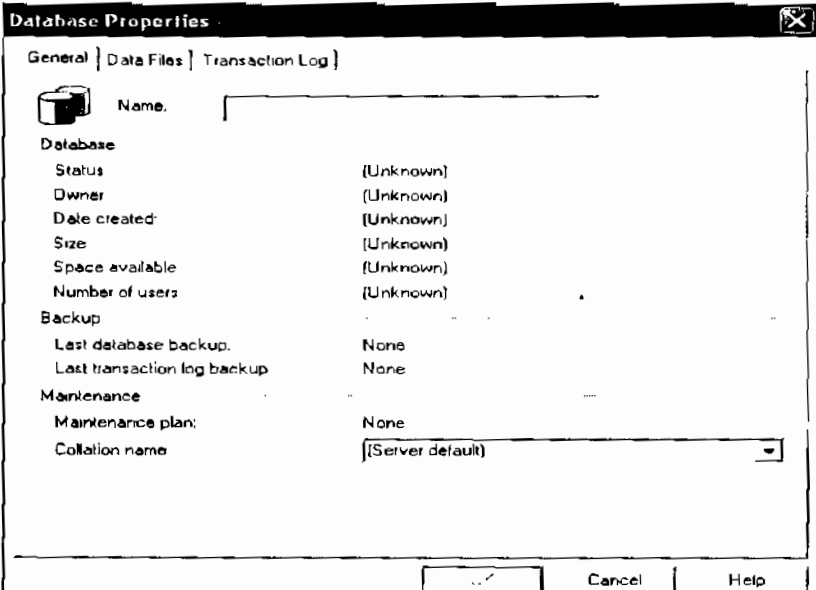
B5H2

◆ Click nút phải chuột tại Databases



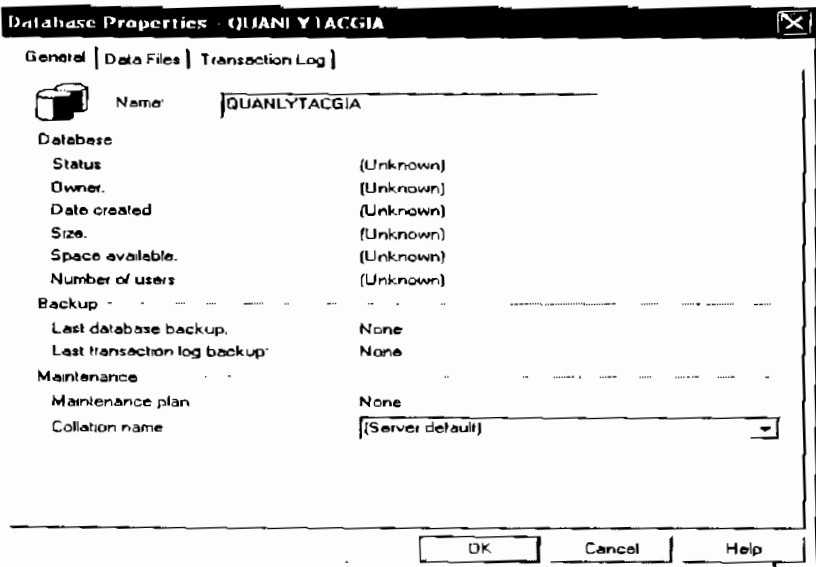
B5H3

◆ Chọn New Database bạn sẽ thấy hình như sau:



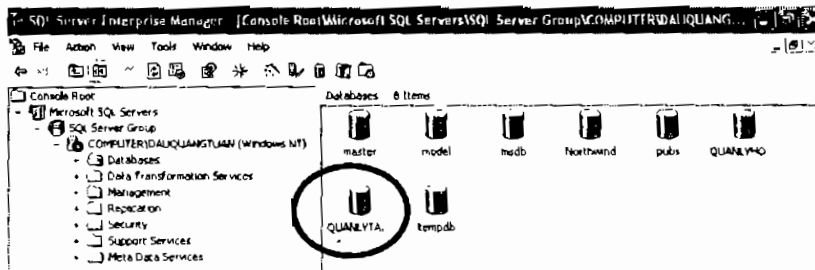
B5H4

◆ Nhập tên QUANLYTACGIA trong khung Name như hình sau:



B5H5

◆ Click OK bạn thấy hình như sau:



B5H6

Bạn thấy có CSDL QUANLYTACGIA như hình trên.

☒ Sau đó lần lượt tạo các bảng với nội dung như sau:

### Cấu trúc của bảng TACGIA

Column Name	Data type	Length	Allow Nulls
<b>MSTG</b>	Char	6	
Holot	Varchar	30	
Ten	Char	7	
Nam	Char	3	
Ngaysinh	Datetime	8	
Noisinh	Varchar	40	
Diachi	Varchar	40	
DT	Varchar	15	

### Cấu trúc của bảng SACH

Column Name	Data type	Length	Allow Nulls
<b>MASACH</b>	Char	6	
Tensach	Varchar	40	
Giatien	int	4	
NamXB	Datetime	8	
Sotrang	int	4	
Loaigiay	Varchar	40	
SMSNXB	Char	6	
SMSTG	Char	6	

## Cấu trúc của bảng NHAXUATBAN

Column Name	Data type	Length	Allow Nulls
<b>MSNXB</b>	Char	6	
TenNXB	Varchar	50	
Diachi	Varchar	50	
Giamdoc	Varchar	50	

## Cấu trúc của bảng VIPHAM

Column Name	Data type	Length	Allow Nulls
<b>MSVP</b>	Char	6	
Ndvipham	Varchar	50	
NgayVP	Datetime	8	
Htphat	Varchar	50	
MSTG	Char	6	
MSNXB	Char	6	
MASACH	Char	6	

## Cấu trúc của bảng KHENTHUONG

Column Name	Data type	Length	Allow Nulls
<b>MSKT</b>	Char	6	
NdKhen	Varchar	50	
NgKhen	DateTime	8	
Htkhen	Varchar	50	
MSTG	Char	6	
MSNXB	Char	6	
MASACH	Char	6	

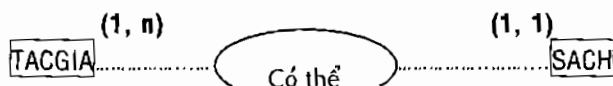
### ☐ Xét hai bảng TACGIA và SACH



Một tác giả có thể viết một hoặc nhiều cuốn sách.

☞ Một cuốn sách nào đó thì chỉ thuộc một tác giả nào đó mà thôi.

Bạn sẽ thấy có mối liên hệ giữa hai Table như sau:



Vậy giữa hai table trên sẽ có một mối liên kết. Liên kết là  $n-1$  từ SACH qua TACGIA.

Khi có mối liên hệ một nhiều giữa hai table thì bạn nhớ là khoá ngoại sẽ nằm trong table có giá trị là (0, 1) hoặc (1, 1).

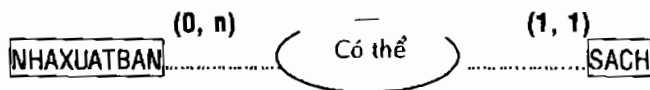
Trong hai Table trên, bạn thấy khoá ngoại sẽ nằm trong table SACH, đó là field SMSTG.

#### ☐ Xét hai bảng SACH và NHAXUATBAN

☞ Một nhà xuất bản có thể có một hoặc nhiều tựa sách xin phép xuất bản.

☞ Một cuốn sách nào đó thì chỉ thuộc một nhà xuất bản nào đó thôi.

Bạn sẽ thấy có mối liên hệ giữa hai Table như sau:



Vậy giữa hai table trên sẽ có một mối liên kết. Liên kết là  $n-1$  từ SACH qua NHAXUATBAN.

Khi có mối liên hệ một nhiều giữa hai table thì bạn nhớ là khoá ngoại sẽ nằm trong table có giá trị là (0, 1) hoặc (1, 1).

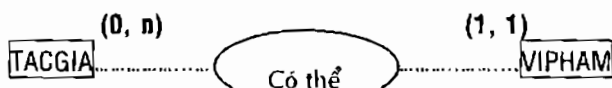
Trong hai Table trên, bạn thấy khoá ngoại sẽ nằm trong table SACH, đó là field SMSHS.

#### ☐ Xét hai bảng TACGIA và VIPHAM

☞ Một tác giả có thể không vi phạm lần nào hoặc có nhiều lần vi phạm.

☞ Một vi phạm nào đó thì chỉ thuộc một tác giả nào đó mà thôi.

Bạn sẽ thấy có mối liên hệ giữa hai Table như sau:



Vậy giữa hai table trên sẽ có một mối liên kết. Liên kết là  $n-1$  từ VIPHAM qua TACGIA .

Khi có mối liên hệ một nhiều giữa hai table thì bạn nhớ là khoá ngoại sẽ nằm trong table có giá trị là (0, 1) hoặc (1, 1).

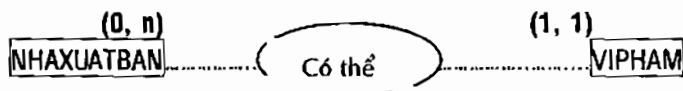
Trong hai Table trên, bạn thấy khoá ngoại sẽ nằm trong table VIPHAM, đó là field MSTG.

#### ☐ Xét hai bảng NHAXUATBAN và VIPHAM

☞ Một nhà xuất bản có thể không vi phạm lần nào hoặc có nhiều lần vi phạm.

☞ Một vi phạm nào đó thì chỉ thuộc một nhà xuất bản nào đó mà thôi.

Bạn sẽ thấy có mối liên hệ giữa hai Table như sau:



Vậy giữa hai table trên sẽ có một mối liên kết. Liên kết là  $n-1$  từ VIPHAM qua NHAXUATBAN .

Khi có mối liên hệ một nhiều giữa hai table thì bạn nhớ là khoá ngoại sẽ nằm trong table có giá trị là (0, 1) hoặc (1, 1).

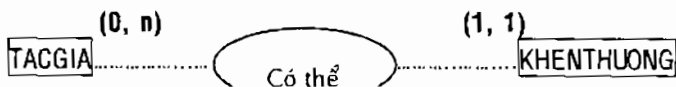
Trong hai Table trên, bạn thấy khoá ngoại sẽ nằm trong table VIPHAM, đó là field MSNXB.

## □ Xét hai bảng TACGIA và KHENTHUONG

☞ Một tác giả có thể không được khen thưởng lần nào hoặc có nhiều lần được khen thưởng.

☞ Một khen thưởng nào đó thì chỉ thuộc một tác giả nào đó mà thôi.

Bạn sẽ thấy có mối liên hệ giữa hai Table như sau:



Vậy giữa hai table trên sẽ có một mối liên kết. Liên kết là  $n-1$  từ KHENTHUONG qua TACGIA .

Khi có mối liên hệ một nhiều giữa hai table thì bạn nhớ là khoá ngoại sẽ nằm trong table có giá trị là (0, 1) hoặc (1, 1).

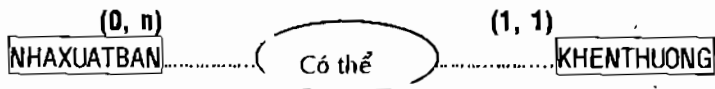
Trong hai Table trên, bạn thấy khoá ngoại sẽ nằm trong table KHENTHUONG, đó là field MSTG.

## □ Xét hai bảng NHAXUATBAN và KHENTHUONG

☞ Một nhà xuất bản có thể không được khen thưởng lần nào hoặc có nhiều lần được khen thưởng.

☞ Một khen thưởng nào đó thì chỉ thuộc một nhà xuất bản nào đó mà thôi.

Bạn sẽ thấy có mối liên hệ giữa hai Table như sau:



Vậy giữa hai table trên sẽ có một mối liên kết. Liên kết là  $n-1$  từ KHENTHUONG qua NHAXUATBAN .

Khi có mối liên hệ một nhiều giữa hai table thì bạn nhớ là khoá ngoại sẽ nằm trong table có giá trị là (0, 1) hoặc (1, 1).

Trong hai Table trên, bạn thấy khoá ngoại sẽ nằm trong table KHENTHUONG, đó là field MSNXB.

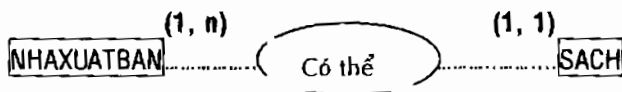
Khi tạo xong, trong CSDL QLTACGIA, chúng ta sẽ thấy trong DataBase có năm bảng như hình sau:

#### ☐ Xét hai bảng SACH và NHAXUATBAN

☞ Một nhà xuất bản có thể có một hoặc có nhiều tựa sách.

☞ Một bla sách nào đó thì chỉ thuộc một nhà xuất bản nào đó mà thôi.

Bạn sẽ thấy có mối liên hệ giữa hai Table như sau:



Vậy giữa hai table trên sẽ có một mối liên kết. Liên kết là  $n-1$  từ SACH qua NHAXUATBAN .

Khi có mối liên hệ một nhiều giữa hai table thì bạn nhớ là khoá ngoại sẽ nằm trong table có giá trị là (0, 1) hoặc (1, 1).

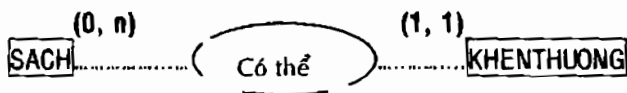
Trong hai Table trên, bạn thấy khoá ngoại sẽ nằm trong table SACH, đó là field SMSNXB.

#### ☐ Xét hai bảng SACH và KHENTHUONG

☞ Một cuốn sách có thể không được khen thưởng hoặc được khen thưởng nhiều lần.

☞ Một khen thưởng nào đó thì chỉ thuộc một cuốn sách nào đó mà thôi.

Bạn sẽ thấy có mối liên hệ giữa hai Table như sau:



Vậy giữa hai table trên sẽ có một mối liên kết. Liên kết là  $n-1$  từ KHENTHUONG qua SACH .



Khi có mối liên hệ một nhiều giữa hai table thì bạn nhớ là khoá ngoại sẽ nằm trong table có giá trị là (0, 1) hoặc (1, 1).

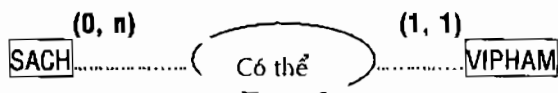
Trong hai Table trên, bạn thấy khoá ngoại sẽ nằm trong table KHENTHUONG, đó là field MASACH.

#### ☐ Xét hai bảng SACH và VIPHAM

☞ Một cuốn sách có thể không bị vi phạm hoặc bị vi phạm nhiều lần nhiều lần.

☞ Một vi phạm nào đó thì chỉ thuộc một cuốn sách nào đó mà thôi.

Bạn sẽ thấy có mối liên hệ giữa hai Table như sau:



Vậy giữa hai table trên sẽ có một mối liên kết. Liên kết là n-1 từ VIPHAM qua SACH .

Khi có mối liên hệ một nhiều giữa hai table thì bạn nhớ là khoá ngoại sẽ nằm trong table có giá trị là (0, 1) hoặc (1, 1).

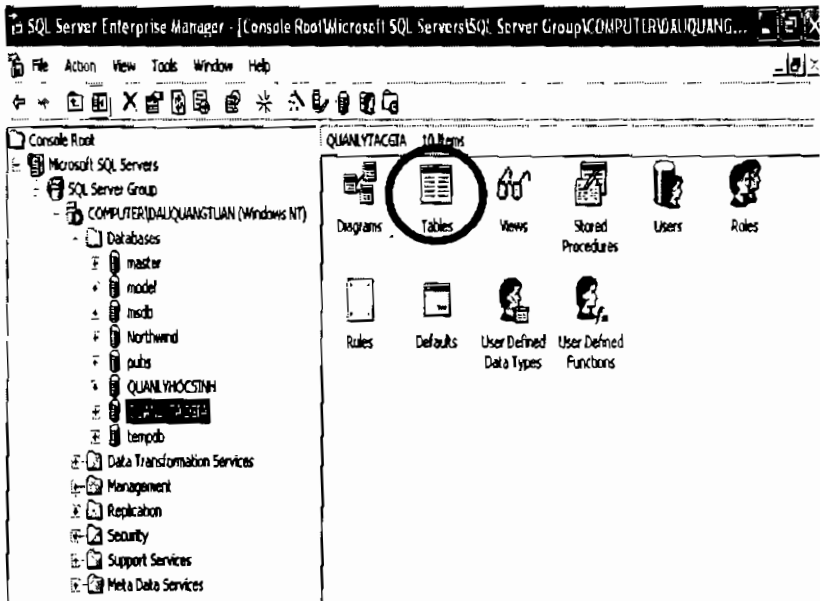
Trong hai Table trên, bạn thấy khoá ngoại sẽ nằm trong table VIPHAM, đó là field MASACH.

Đến đây bạn có thể bắt tay vào tạo bảng dữ liệu, bạn thực hiện như sau:

☑ Vào menu Start, di chuyển vệt sáng đến Programs, di chuyển vệt sáng đến Microsoft SQL Server 2000, click chọn Enterprise Manager.

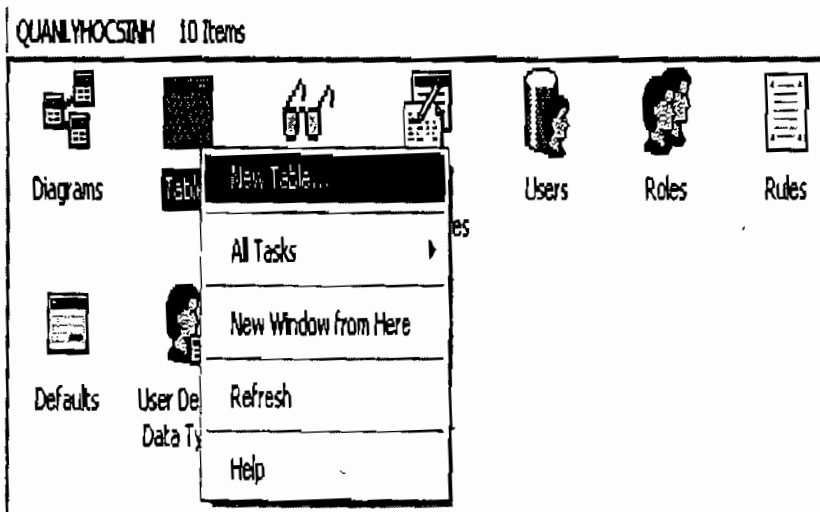
☑ Trong cửa sổ hiện ra, nhìn phía bên trái, bạn click dấu "+" lần lượt trước các mục có dấu "-" như hình bên (các mục có dấu "-" khi chưa click sẽ là dấu "+") cho đến khi thấy tên cơ sở dữ liệu QUANLYTACGIA mà bạn đã tạo ở trên.

☑ Click chọn tên SCDL QUANLYTACGIA, bạn thấy thông tin có sẵn như hình sau:



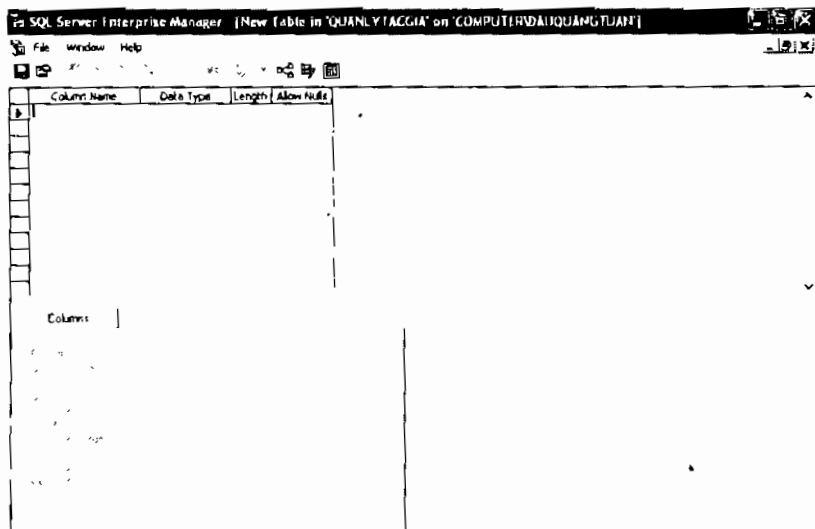
B5H7

☑ Trong các đối tượng có bên trong CSDL QUANLYTAGGIA, có Tables. Click nút phải chuột trên đối tượng này



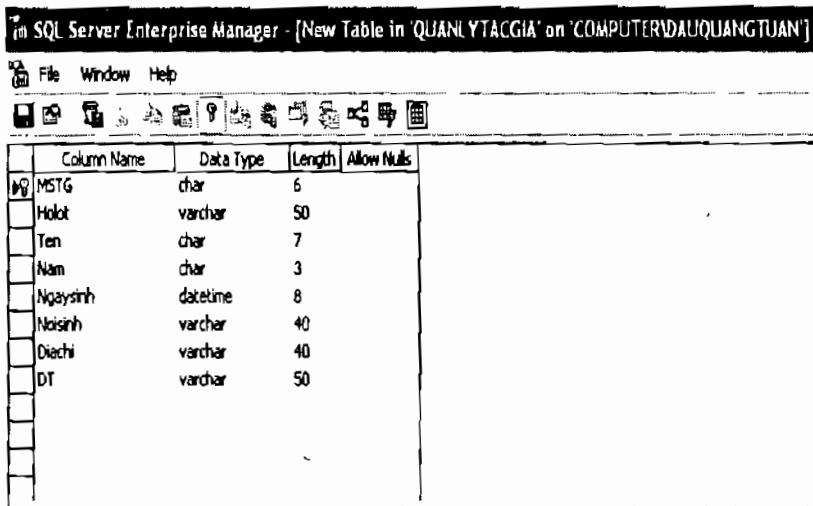
B5H8

Ⓜ Click chọn New Table, các bạn sẽ thấy cửa sổ thiết kế bảng như hình sau:



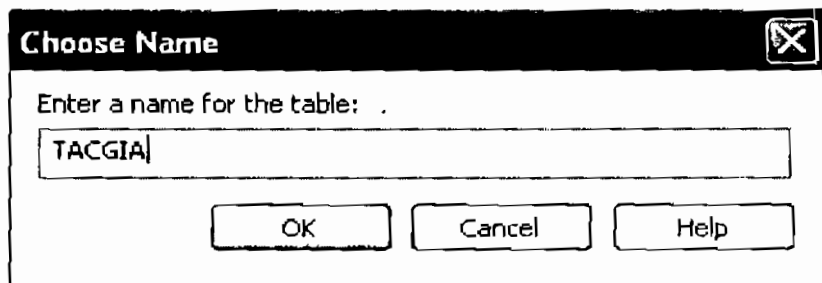
B5H9

◆ Bạn bắt đầu thiết kế cho bảng TACGIA và tạo khóa chính cho bảng để được như hình sau:



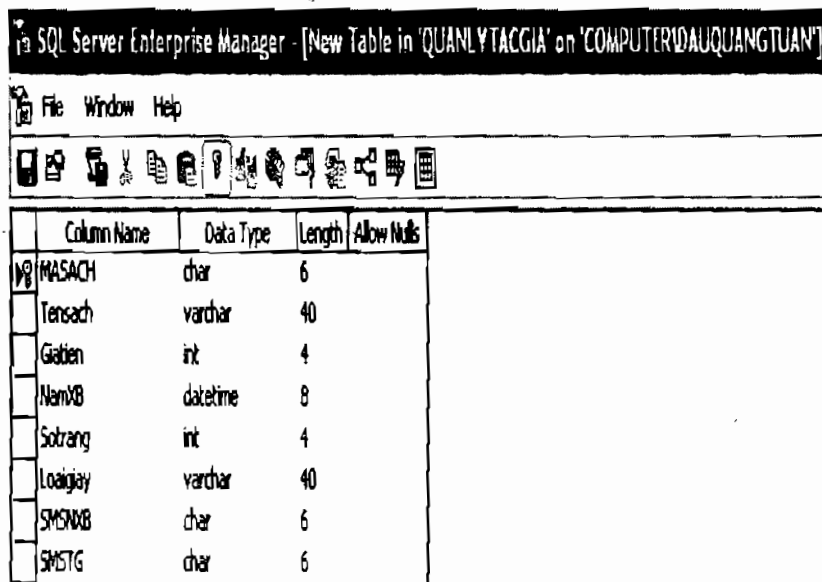
B5H10

◆ Click dấu X để đóng cửa sổ thiết kế bảng, hộp thoại hiện ra hỏi, bạn click nút Yes, hộp thoại đặt tên hiện ra, bạn lưu với tên TACGIA như hình sau:



B5H11

- ◆ Click nút OK
- ◆ Tiếp theo là thiết kế cho bảng SACH và tạo khóa chính cho bảng để được như hình sau:



B5H12

◆ Click dấu X để đóng cửa sổ thiết kế bảng, hộp thoại hiện ra hỏi, bạn click nút Yes, hộp thoại đặt tên hiện ra, bạn lưu với tên SACH như hình sau:

## Choose Name



Enter a name for the table:

SACH|

OK

Cancel

Help

B5H13

- ◆ Click nút OK
- ◆ Tiếp theo là thiết kế cho bảng NHAXUATBAN và tạo khóa chính cho bảng để được như hình sau:

SQL Server Enterprise Manager - [New Table in 'QUANLYTACGIA' on 'COMPUTERIDAUQUANGTUAN']

File Window Help



	Column Name	Data Type	Length	Allow Nulls
	MSNVB	char	6	
	TenNVB	varchar	50	
	Diachi	varchar	50	
	Giamdoc	varchar	50	

B5H14

- ◆ Click dấu X để đóng cửa sổ thiết kế bảng, hộp thoại hiện ra hỏi, bạn click nút Yes, hộp thoại đặt tên hiện ra, bạn lưu với tên NHAXUATBAN như hình sau:

## Choose Name



Enter a name for the table:

NHAXUATBAN

OK

Cancel

Help

B5H15

- ◆ Click nút OK
- ◆ Tiếp theo là thiết kế cho bảng VIPHAM và tạo khóa chính cho bảng để được như hình sau:

SQL Server Enterprise Manager - [New Table in 'QUANLYTACGIA' on 'COMPUTERIDAUQUANGTUAN']

File Window Help



	Column Name	Data Type	Length	Allow Nulls
MSVP	MSVP	char	6	
Nhivpham	Nhivpham	varchar	50	
NgayVP	NgayVP	datetime	8	
Htphat	Htphat	varchar	50	
MSTG	MSTG	char	6	
MSNMB	MSNMB	char	6	
MASACH	MASACH	char	6	

B5H16

- ◆ Click dấu X để đóng cửa sổ thiết kế bảng, hộp thoại hiện ra hỏi, bạn click nút Yes, hộp thoại đặt tên hiện ra, bạn lưu với tên VIPHAM như hình sau:

## Choose Name



Enter a name for the table:

VIPHAM

OK

Cancel

Help

B5H17

- ◆ Click nút OK
- ◆ Tiếp theo là thiết kế cho bảng KHENTHUONG và tạo khóa chính cho bảng để được như hình sau:

## SQL Server Enterprise Manager - [New Table in 'QUANLYTACGIA' on 'COMPUTERDAUQUANGTRUAN']

File Window Help



	Column Name	Data Type	Length	Allow Nulls
<input checked="" type="checkbox"/>	MSKT	char	6	
<input type="checkbox"/>	Ndkhen	varchar	50	
<input type="checkbox"/>	Nghken	datetime	8	
<input type="checkbox"/>	Htkhen	varchar	50	
<input type="checkbox"/>	MSTG	char	6	
<input type="checkbox"/>	MSNVB	char	6	
<input type="checkbox"/>	MASACH	char	6	

B5H18

- ◆ Click dấu X để đóng cửa sổ thiết kế bảng, hộp thoại hiện ra hỏi, bạn click nút Yes, hộp thoại đặt tên hiện ra, bạn lưu với tên KHENTHUONG như hình sau:

## Choose Name



Enter a name for the table:

KHENTHUONG

OK

Cancel

Help

B5H19

◆ Click nút OK

Khi tạo xong, trong CSDL QUANLYTACGIA, chúng ta sẽ thấy có năm bảng như hình sau:

Microsoft SQL Server Enterprise Manager - [Console Root\Microsoft SQL Servers\SQL Server Group\COMPUTER\DAUQUANG...

File Action View Tools Window Help

Console Root

- Microsoft SQL Servers
  - SQL Server Group
    - COMPUTER\DAUQUANGTUAN (Windows NT)
      - Databases
        - master
        - model
        - msdb
        - Northwind
        - pubs
        - QUANLYHOCSINH
        - QUANLYTACGIA
          - Diagrams
          - Tables
            - KHENTHUONG
            - NHAXUATBAN
            - SACH
          - Views
          - Stored Procedures
          - Users
          - Roles
          - Rules
          - Defaults
          - User Defined Data Types
          - User Defined Functions
        - tempdb
      - Data Transformation Services
      - Management
      - Replication
      - Security
      - Support Services
      - Meta Data Services

Name	Owner	Type	Create Date
KHENTHUONG	dbo	User	4/30/2005 9:58:41 PM
NHAXUATBAN	dbo	User	4/30/2005 9:37:16 PM
SACH	dbo	User	4/30/2005 9:34:28 PM
syscolumns	dbo	System	8/6/2000 1:29:12 AM
syscomments	dbo	System	8/6/2000 1:29:12 AM
sysdepends	dbo	System	8/6/2000 1:29:12 AM
sysfilegroups	dbo	System	8/6/2000 1:29:12 AM
sysfiles	dbo	System	8/6/2000 1:29:12 AM
sysfiles1	dbo	System	8/6/2000 1:29:12 AM
sysforeignkeys	dbo	System	8/6/2000 1:29:12 AM
sysfulltextcatalogs	dbo	System	8/6/2000 1:29:12 AM
sysfulltextnotify	dbo	System	8/6/2000 1:29:12 AM
sysindexes	dbo	System	8/6/2000 1:29:12 AM
sysindexkeys	dbo	System	8/6/2000 1:29:12 AM
systemmembers	dbo	System	8/6/2000 1:29:12 AM
sysobjects	dbo	System	8/6/2000 1:29:12 AM
syspermissions	dbo	System	8/6/2000 1:29:12 AM
sysproperties	dbo	System	8/6/2000 1:29:12 AM
sysprotects	dbo	System	8/6/2000 1:29:12 AM
sysreferences	dbo	System	8/6/2000 1:29:12 AM
sysstypes	dbo	System	8/6/2000 1:29:12 AM
sysusers	dbo	System	8/6/2000 1:29:12 AM
TACGIA	dbo	User	4/30/2005 9:26:50 PM
VIPHAM	dbo	User	4/30/2005 9:40:25 PM

B5H20



## Tạo mối liên hệ giữa các bảng

Bây giờ chúng ta bắt đầu vào Diagram như sau:

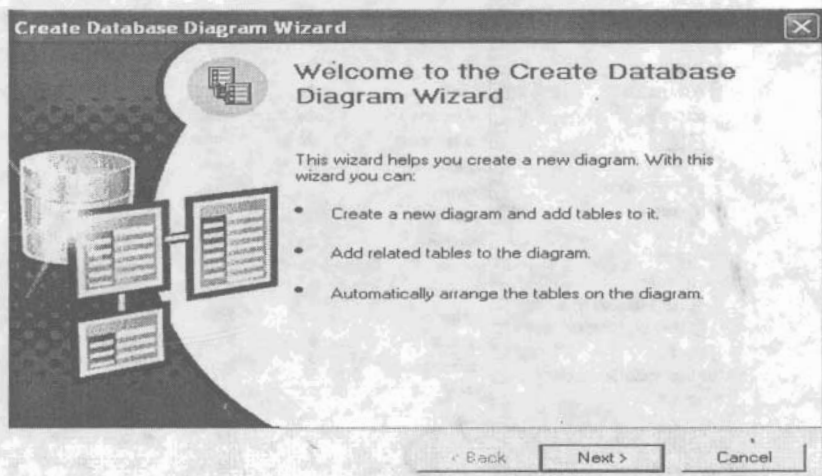
☐ Click chọn tên CSDL QUANLYTACGIA

☐ Trong các đối tượng của CSDL có đối tượng Diagram, click nút phải chuột trên đối tượng này



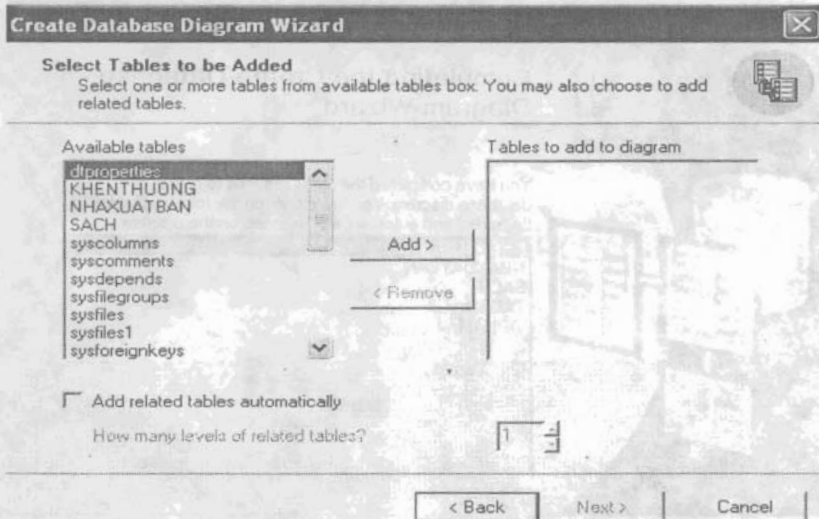
B5H21

◆ Chọn mục New Database Diagram trong menu hiện ra, bạn sẽ có hình như sau:



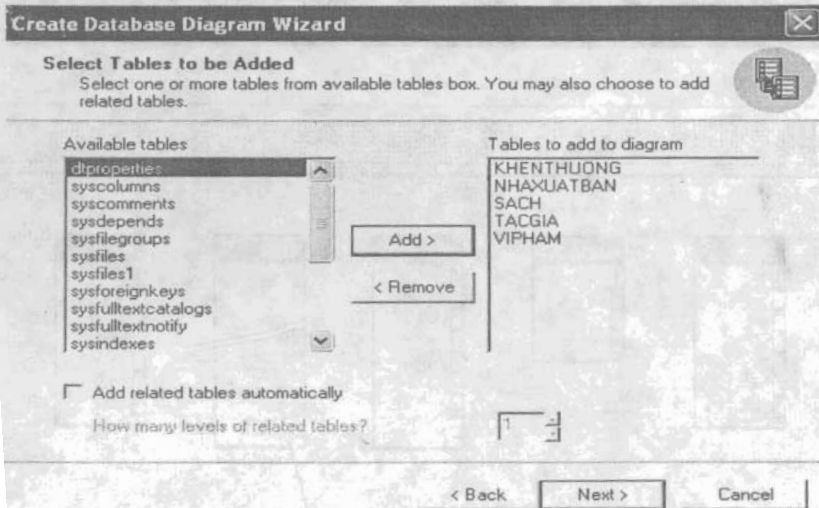
B5H22

◆ Click nút Next, ta có cửa sổ sau hiện ra



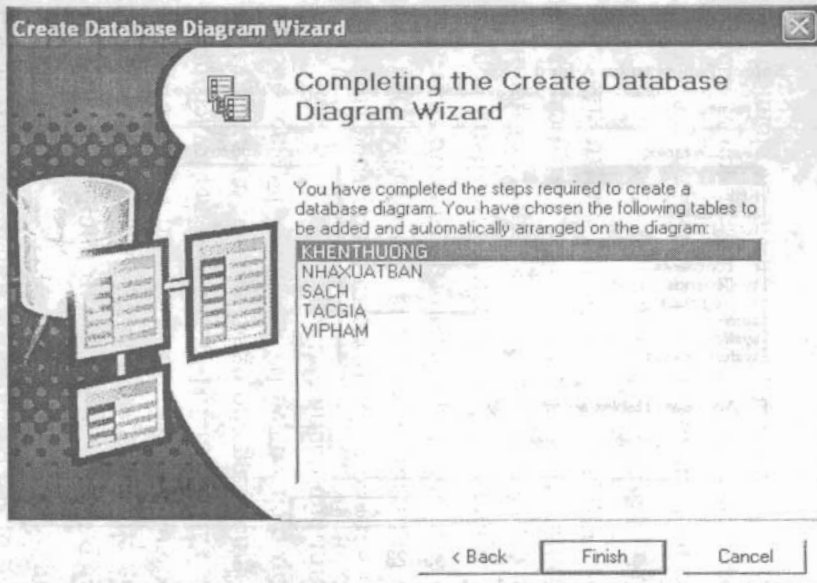
B5H23

◆ Bạn click chọn từng bảng và nhấn nút Add, nếu muốn bỏ bảng ra khỏi khung vừa đưa qua, bạn click chọn tên bảng và click nút Remove, khi đưa năm bảng qua khung bên phải, bạn sẽ có hình như sau:



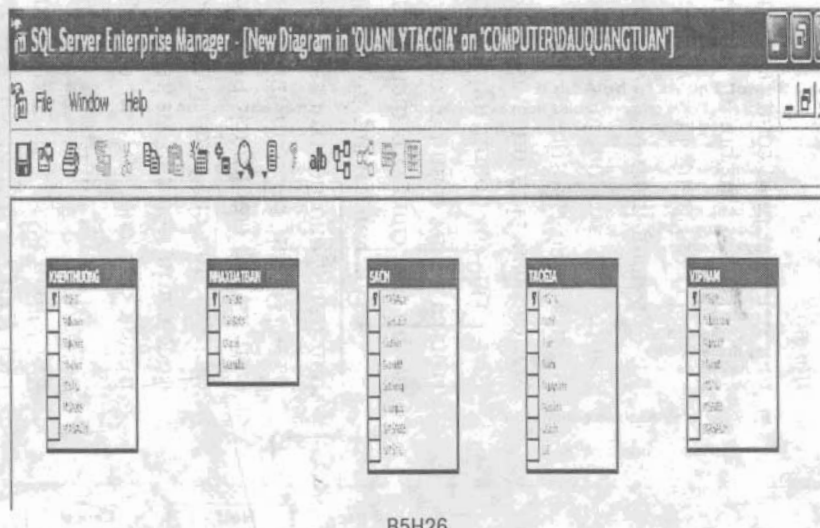
B5H24

◆ Click nút Next, bạn sẽ có hình như sau:



B5H25

◆ Click nút Finish để kết thúc, bạn sẽ có kết quả như sau:



B5H26

◆ Click và drag chuột tại tiêu đề của mỗi bảng để kéo đến vị trí thích hợp

**Chú ý:**

Khi vùng khóa của các bảng đang được chọn trong cửa sổ Diagram, nếu click chuột trong bảng, bạn sẽ thấy vùng này biến mất, bạn click bên ngoài bảng thì không mất.

Khi tạo mối liên hệ từ vùng của bảng này đến một vùng của bảng khác, các bạn phải làm sao để thấy được vùng này. Khi thực hiện, các bạn phải kéo cửa sổ Diagram lớn ra, kéo các bảng dài ra về phía bên dưới để thấy được vùng cần liên kết. Trong thực tế, bạn có thể tạo mục cần liên kết lên phía trên để thuận tiện cho công việc này.

### ① Tạo mối liên hệ cho hai bảng TACGIA và VIPHAM

Bạn cho thấy cả hai vùng cần liên hệ. Trong bảng TACGIA là vùng MSTG, trong bảng VIPHAM là vùng MSTG. Thực hiện như sau:

◆ Bạn click chọn vùng MSTG là khóa chính của bảng TACGIA, Drag và kéo sang vùng MSTG của bảng VIPHAM khi biến thành hình chữ nhật nhỏ, thả nút chuột, bạn sẽ có bảng sau:

**Create Relationship**

Relationship name:

Primary key table:  Foreign key table:

Check existing data on creation

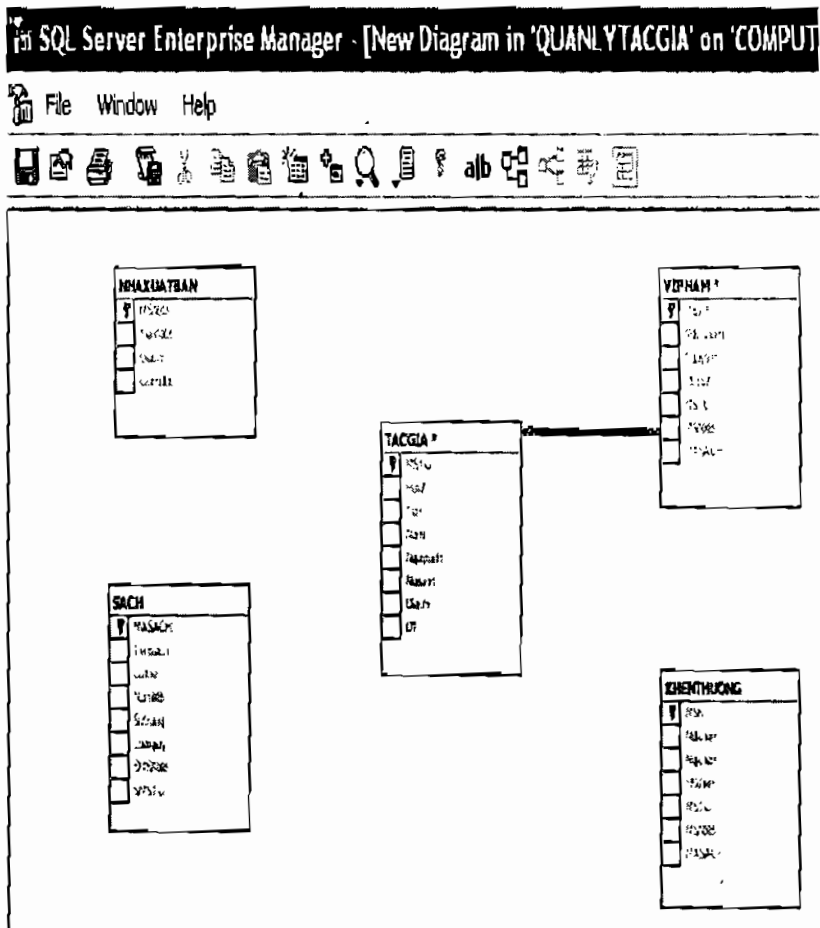
Enforce relationship for replication

Enforce relationship for INSERTs and UPDATEs

Cascade Update Related Fields

Cascade Delete Related Records

Click nút OK, bạn thấy hình kết nối hai bảng TACGIA và VIPHAM như sau:



B5H28

## ② Tạo mối liên hệ cho hai bảng TACGIA và KHENTHUONG

Bạn cho thấy cả hai vùng cần liên hệ. Trong bảng TACGIA là vùng MSTG, trong bảng KHENTHUONG là vùng MSTG. Thực hiện như sau:

◆ Bạn click chọn vùng MSTG là khóa chính của bảng TACGIA, Drag và kéo sang vùng MSTG của bảng KHENTHUONG khi biến thành hình chữ nhật nhỏ, thả nút chuột, bạn sẽ có bảng sau:

## Create Relationship



Relationship name:

FK\_KHENTHUONG\_TACGIA

Primary key table

TACGIA

Foreign key table

KHENTHUONG

MSTG	MSTG
------	------

- Check existing data on creation
- Enforce relationship for replication
- Enforce relationship for INSERTs and UPDATEs
  - Cascade Update Related Fields
  - Cascade Delete Related Records

OK

Cancel

Help

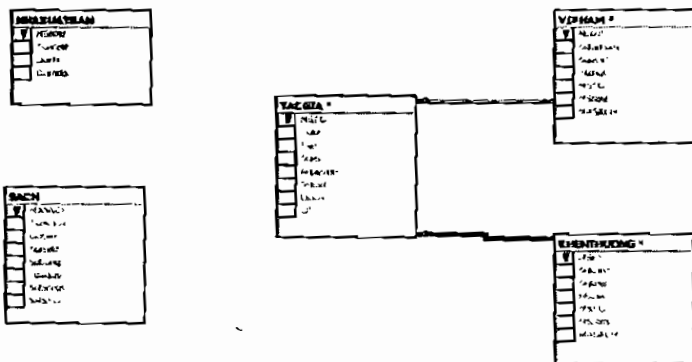
B5H29

◆ Các thành phần trong hộp thoại này cũng có ý nghĩa như hộp thoại trên.

◆ Click nút OK, chúng ta có mối quan hệ giữa hai bảng TACGIA và KHENTHUONG như hình sau:

SQL Server Enterprise Manager - [New Diagram in 'QUANLY TACGIA' on 'COMPUTER']

File Window Help



B5H30

### ③ Tạo mối liên hệ cho hai bảng NHAXUATBAN và VIPHAM

Bạn cho thấy cả hai vùng cần liên hệ. Trong bảng NHAXUATBAN là vùng MSNXB, trong bảng VIPHAM là vùng MSNXB. Thực hiện như sau:

◆ Bạn click chọn vùng MSNXB là khóa chính của bảng NHAXUATBAN, Drag và kéo sang vùng MSNXB trong bảng VIPHAM. Khi biến thành hình chữ nhật nhỏ, thả nút chuột, bạn sẽ có hộp thoại sau:

**Create Relationship**

Relationship name:  
FK\_VIPHAM\_NHAXUATBAN

Primary key table: NHAXUATBAN      Foreign key table: VIPHAM

MSNXB      MSNXB

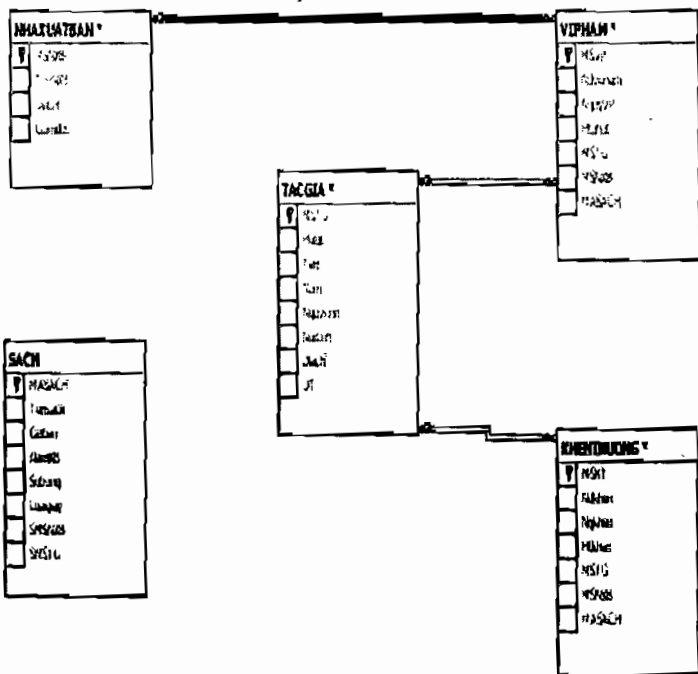
Check existing data on creation  
 Enforce relationship for replication  
 Enforce relationship for INSERTs and UPDATEs  
 Cascade Update Related Fields  
 Cascade Delete Related Records

OK      Cancel      Help

B5H31

◆ Các thành phần trong hộp thoại này cũng có ý nghĩa như hộp thoại trên.

◆ Click nút OK, chúng ta có mối quan hệ giữa hai bảng NHAXUATBAN và VIPHAM như hình sau:



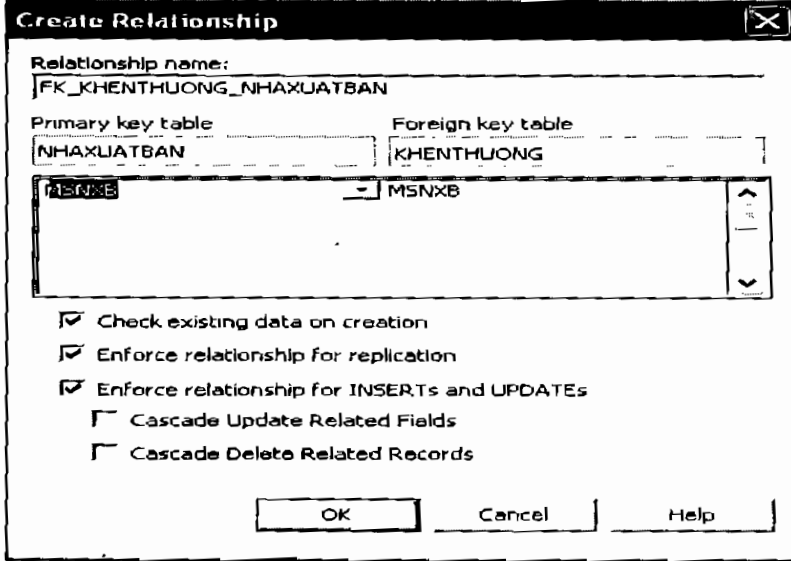
B5H32

④ Tạo mối liên hệ cho hai bảng NHAXUATBAN và KHENTHUONG

Bạn cho thấy cả hai vùng cần liên hệ. Trong bảng NHAXUATBAN là vùng MSNXB, trong bảng KHENTHUONG là vùng MSNXB. Thực hiện như sau:

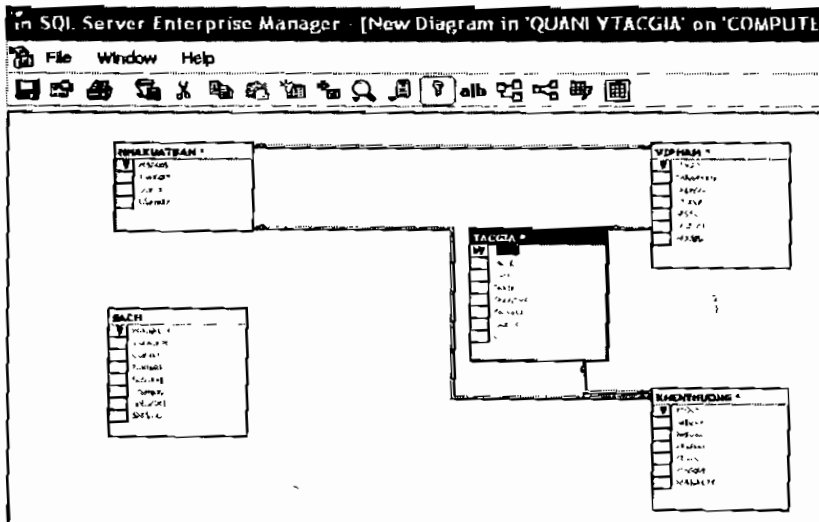
Bạn click chọn vùng MSNXB là khóa chính của bảng NHAXUATBAN, Drag và kéo sang vùng MSNXB trong bảng KHENTHUONG. Khi biến thành hình chữ nhật nhỏ, thả nút chuột, bạn sẽ có bảng sau:





B5H33

- ◆ Các thành phần trong hộp thoại này cũng có ý nghĩa như hộp thoại trên.
- ◆ Click nút OK, chúng ta có mối quan hệ giữa hai bảng NHAXUATBAN và KHENTHUONG



B5H34

## ⑤ Tạo mối liên hệ cho hai bảng NHAXUATBAN và SACH

Bạn cho thấy cả hai vùng cần liên hệ. Trong bảng NHAXUATBAN là vùng MSNXB, trong bảng SACH là vùng SMSNXB. Thực hiện như sau:

Bạn click chọn vùng MSNXB là khóa chính của bảng NHAXUATBAN, Drag và kéo sang vùng SMSNXB trong bảng SACH. Khi biến thành hình chữ nhật nhỏ, thả nút chuột, bạn sẽ có bảng sau:

**Create Relationship**

Relationship name:  
FK\_SACH\_NHAXUATBAN

Primary key table: NHAXUATBAN  
Foreign key table: SACH

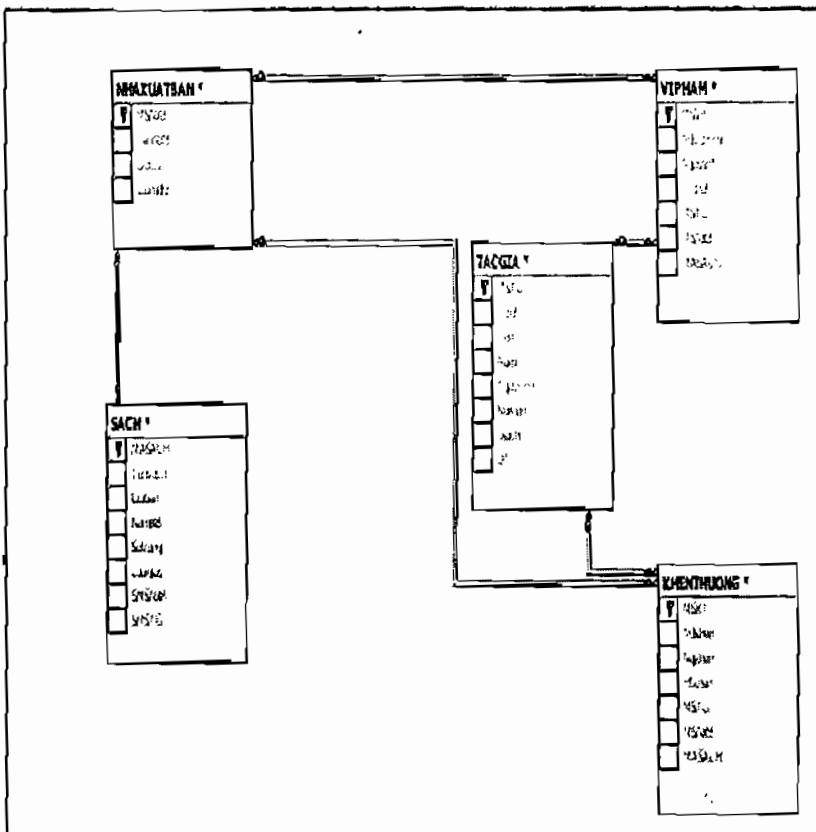
MSNXB SMSNXB

Check existing data on creation  
 Enforce relationship for replication  
 Enforce relationship for INSERTs and UPDATES  
 Cascade Update Related Fields  
 Cascade Delete Related Records

OK Cancel Help

B5H35

◆ Click nút OK, chúng ta sẽ thấy kết nối của hai bảng NHAXUATBAN và SACH như hình sau:



B5H36

⑥ Tạo mối liên hệ cho hai bảng TACGIA và SACH

Bạn cho thấy cả hai vùng cần liên hệ. Trong bảng TACGIA là vùng MSTG, trong bảng SACH là vùng SMSTG. Thực hiện như sau:

Bạn click chọn vùng MSTG là khóa chính của bảng NHAXUATBAN, Drag và kéo sang vùng SMSTG trong bảng SACH. Khi biến thành hình chữ nhật nhỏ, thả nút chuột, bạn sẽ có bảng sau:

## Create Relationship



Relationship name:

FK\_SACH\_TACGIA1

Primary key table

TACGIA

Foreign key table

SACH

MS1G	▼	SMSTG	▲
			☰
			▼

- Check existing data on creation
- Enforce relationship for replication
- Enforce relationship for INSERTs and UPDATEs
  - Cascade Update Related Fields
  - Cascade Delete Related Records

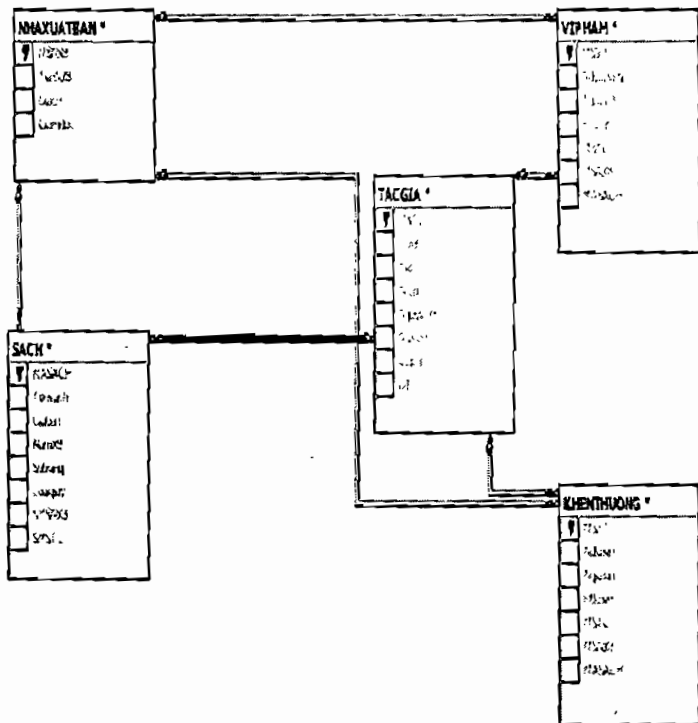
OK

Cancel

Help

B5H37

◆ Click nút OK, chúng ta sẽ thấy kết nối của hai bảng TACGIA và SACH như hình sau:



B5H38

⑦ Tạo mối liên hệ cho hai bảng SACH và KHENTHUONG

Bạn cho thấy cả hai vùng cần liên hệ. Trong bảng SACH là vùng MASACH, trong bảng KHENTHUONG là vùng MASACH. Thực hiện như sau:

Bạn click chọn vùng MASACH là khóa chính của bảng SACH, Drag và kéo sang vùng MASACH trong bảng KHENTHUONG. Khi biến thành hình chữ nhật nhỏ, thả nút chuột, bạn sẽ có bảng sau:

## Create Relationship



Relationship name:

FK\_KHENTHUONG\_SACH

Primary key table

SACH

Foreign key table

KHENTHUONG

MASACH	▼	MASACH	▲
			☰
			▼

- Check existing data on creation
- Enforce relationship for replication
- Enforce relationship for INSERTs and UPDATEs
  - Cascade Update Related Fields
  - Cascade Delete Related Records

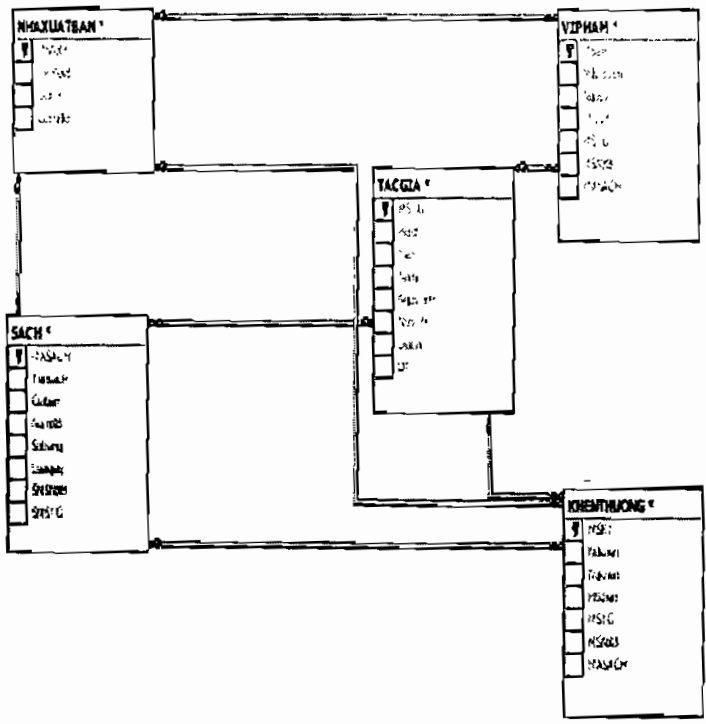
OK

Cancel

Help

B5H39

◆ Click nút OK, chúng ta sẽ thấy kết nối của hai bảng SACH và KHENTHUONG như hình sau:



B5H40

⑧ Tạo mối liên hệ cho hai bảng SACH và VIPHAM

Bạn cho thấy cả hai vùng cần liên hệ. Trong bảng SACH là vùng MASACH, trong bảng VIPHAM là vùng MASACH. Thực hiện như sau:

Bạn click chọn vùng MASACH là khóa chính của bảng SACH, Drag và kéo sang vùng MASACH trong bảng VIPHAM. Khi biến thành hình chữ nhật nhỏ, thả nút chuột, bạn sẽ có bảng sau:

**Create Relationship**

Relationship name:  
FK\_VIPHAM\_SACH

Primary key table: SACH Foreign key table: VIPHAM

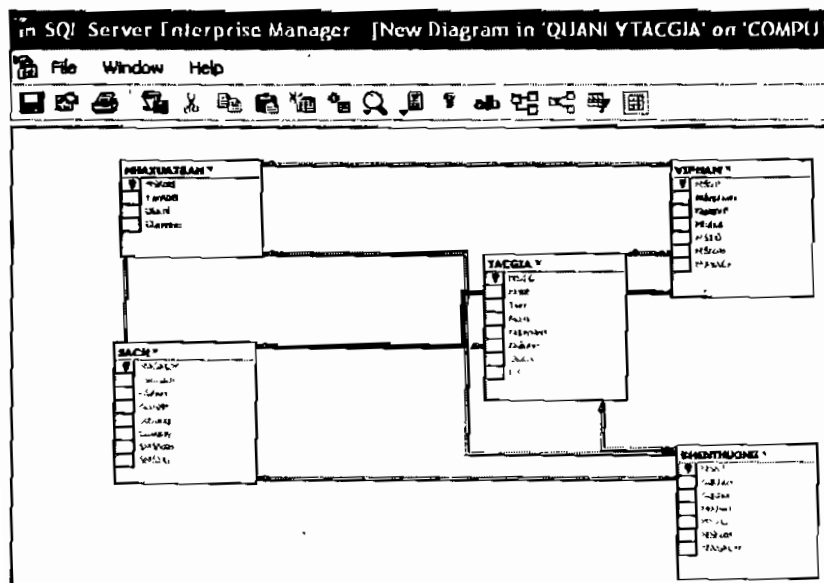
MASACH MASACH

Check existing data on creation  
 Enforce relationship for replication  
 Enforce relationship for INSERTs and UPDATEs  
 Cascade Update Related Fields  
 Cascade Delete Related Records

OK Cancel Help

B5H41

◆ Click nút OK, chúng ta sẽ thấy kết nối của hai bảng SACH và VIPHAM như hình sau:



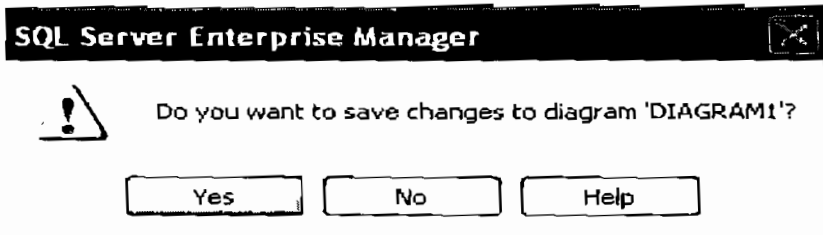
B5H42



### Ghi chú:

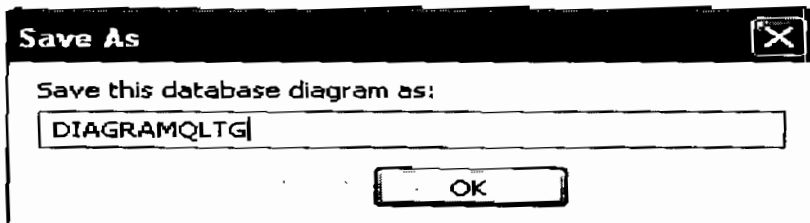
Nếu tạo mối liên hệ sai, cần xóa, bạn click nút chuột phải trên đường liên kết, click Delete... trên menu hiện ra.

Vậy là bạn đã hoàn thành việc tạo mối liên hệ cho các bảng, click dấu X để đóng cửa sổ Diagram, bạn sẽ thấy hộp thoại hiện ra như sau:



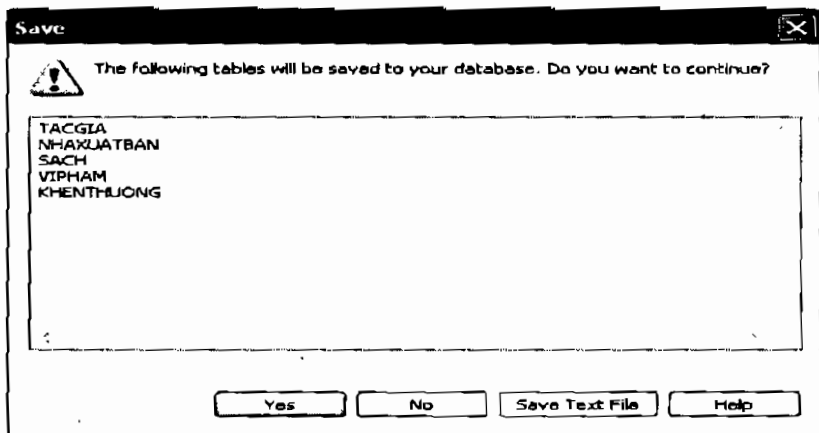
B5H43

◆ Click nút Yes, hộp thoại tiếp theo hiện ra như sau:



B5H44

◆ Click nút OK các bạn sẽ thấy hộp thoại sau:



B5H45

◆ Click nút Yes để kết thúc phần này.

## ➤ Nhập thông tin cho các bảng

◆ Đối với bảng SACH

Trong bảng SACH, **MASACH** là khóa và có kiểu Text (chiều dài tối đa là 6 kí tự), hai kí tự đầu tiên là kí hiệu của loại sách, bốn ký tự tiếp theo là số thứ tự (các bạn có thể đặt khác theo ý của mình)

Kí hiệu tắt	Loại sách
TH	Tin học
GK	Sách giáo khoa
KT	Kiến trúc
XD	Xây dựng
TR	Truyện
DN	Danh nhân thế giới
...	

◆ Đối với bảng TACGIA

Trong bảng TACGIA, **MSTG** sẽ là khóa và có kiểu Text (chiều dài tối đa là 6 kí tự). Người đầu tiên sẽ là TG0001, người thứ hai sẽ là TG0002...

◆ Đối với bảng NHAXUATBAN

Trong bảng NHAXUATBAN, **MSNXB** sẽ là khóa và có kiểu Text (chiều dài tối đa là 6 kí tự). Là tên ghi tắt của các nhà xuất bản

Ví dụ:

Viết tắt	Ý nghĩa
NXBTRE	Nhà xuất bản Trẻ
NXBTKÉ	Nhà xuất bản Thống kê
NXBGTV	Nhà xuất bản Giao thông vận tải
NXBTNI	Nhà xuất bản Thanh niên
NXBKHX	Nhà xuất bản Khoa học xã hội
...	

Ghi chú: Các bạn có thể đặt theo cách chọn của mình

◆ Đối với bảng VIPHAM

Trong bảng VIPHAM, **MSVP** sẽ là khóa và có kiểu **Text** (chiều dài tối đa là 6 kí tự), tác giả hoặc nhà xuất bản vì phạm đầu tiên sẽ là **VP0001**, kế tiếp là **VP0002** ... và cứ tiếp tục như vậy cho đến hết.

#### ◆ Đối với bảng KHENTHUONG

Trong bảng KHENTHUONG, **MSKT** sẽ là khóa và có kiểu **Text** (chiều dài tối đa là 6 kí tự), tác giả hoặc nhà xuất bản được khen thưởng đầu tiên sẽ là **KT0001**, kế tiếp là **KT0002** ... và cứ tiếp tục như vậy cho đến hết.

Chúng tôi sẽ nhập một số thông tin cho các bảng, khi thực tập bài này, các bạn đọc kỹ các kiểu của vùng, kích thước của vùng, nhất là lưu ý vùng mã số để nhập cho đúng. Khi thực hiện, các bạn có thể nhập thông tin theo ý của mình, lưu ý nhập đúng và theo trình tự các bảng cho phù hợp. Mỗi bảng các bạn chỉ cần nhập một vài mẫu tin tượng trưng

Trước tiên chúng ta nhập thông tin cho bảng TACGIA, sau đó nhập cho bảng NHAXUATBAN, kế tiếp là bảng SACH, tiếp theo là bảng KHENTHUONG và cuối cùng là bảng VIPHAM

Trong bài này, chúng ta phải dùng nhiều Form, một Form cha sẽ có menu

Có 8 Form con như sau:

① Form con thứ nhất có tên **FormSACH.vb** sẽ dùng các Textbox để thể hiện thông tin của bảng **SACH**, mỗi TextBox thể hiện một vùng của bảng. Trên khay công cụ của Form này sẽ có 3 đối tượng

◆ Đối tượng **OleDbDataAdapter1**, đối tượng **DatasetSACH1** và đối tượng **OleDbConnection1**.

② Form con thứ hai có tên **FormTACGIA.vb** sẽ dùng các Textbox để thể hiện thông tin của bảng **TACGIA**, mỗi TextBox thể hiện một vùng của bảng. Trên khay công cụ của Form này sẽ có 3 đối tượng

◆ Đối tượng **OleDbDataAdapter1**, đối tượng **DatasetTACGIA1** và đối tượng **OleDbConnection1**.

③ Form con thứ ba có tên **FormNHAXUATBAN.vb** sẽ dùng các Textbox để thể hiện thông tin của bảng **NHAXUATBAN**, mỗi TextBox thể hiện một vùng của bảng. Trên khay công cụ của Form này sẽ có 3 đối tượng

◆ Đối tượng **OleDbDataAdapter1**, đối tượng **DatasetNHAXUATBAN1** và đối tượng **OleDbConnection1**.

④ Form con thứ tư có tên **FormVIPHAM.vb** sẽ dùng các Textbox để thể hiện thông tin của bảng **VIPHAM**, mỗi TextBox thể hiện một vùng của bảng. Trên khay công cụ của Form này sẽ có 3 đối tượng

◆ Đối tượng **OleDbDataAdapter1**, đối tượng **DatasetVIPHAM1** và đối tượng **OleDbConnection1**.

⑤ Form con thứ năm có tên **FormKHENTHUONG.vb** sẽ dùng các Textbox để thể hiện thông tin của bảng **KHENTHUONG**, mỗi TextBox thể hiện một vùng của bảng. Trên khay công cụ của Form này sẽ có 3 đối tượng

◆ Đối tượng **OleDbDataAdapter1**, đối tượng **DatasetKHENTHUONG1** và đối tượng **OleDbConnection1**.

⑥ Form con thứ sáu có tên **FormNXBTACGIASACH.vb** sẽ chứa ba điều khiển **DataGrid**, mỗi **DataGrid** sẽ thể hiện thông tin của từng bảng **NHAXUATBAN**, **TACGIA** và **SACH**. Trên khay công cụ của Form này sẽ có 7 đối tượng

◆ Các đối tượng **OleDbDataAdapter1** và **DatasetNXB1** dùng cho bảng **NHAXUATBAN**.

◆ Các đối tượng **OleDbDataAdapter2** và **DatasetNXBTACGIA1** dùng cho bảng **TACGIA**.

◆ Các đối tượng **OleDbDataAdapter3** và **DatasetNXBTACGIASACH1** dùng cho bảng **SACH**.

◆ Đối tượng **OleDbConnection1** dùng chung cho cả ba bảng.

⑦ Form con thứ bảy có tên **FormNXBTACGIAKHENTHUONG.vb** sẽ chứa ba điều khiển **DataGrid**, mỗi **DataGrid** sẽ thể hiện thông tin của từng bảng **NHAXUATBAN**, **TACGIA** và **KHENTHUONG**. Trên khay công cụ của Form này sẽ có 7 đối tượng

◆ Các đối tượng **OleDbDataAdapter1** và **DatasetNXB21** dùng cho bảng **NHAXUATBAN**.

◆ Các đối tượng **OleDbDataAdapter2** và **DatasetNXBTACGIA21** dùng cho bảng **TACGIA**.

◆ **OleDbDataAdapter3** và **DatasetNXBTACGIAKHENTHUONG21** dùng cho bảng **KHENTHUONG**.

◆ Đối tượng **OleDbConnection1** dùng chung cho cả ba bảng.

⑧ Form con thứ tám có tên **FormNXBTACGIAVIPHAM.vb** sẽ chứa ba điều khiển **DataGrid**, mỗi **DataGrid** sẽ thể hiện thông tin của từng bảng **NHAXUATBAN**, **TACGIA** và **VIPHAM**. Trên khay công cụ của Form này sẽ có 7 đối tượng

◆ Các đối tượng **OleDbDataAdapter1** và **DatasetNXB31** dùng cho bảng **NHAXUATBAN**.

◆ Các đối tượng **OleDbDataAdapter2** và **DatasetNXBTACGIA31** dùng cho bảng **TACGIA**.

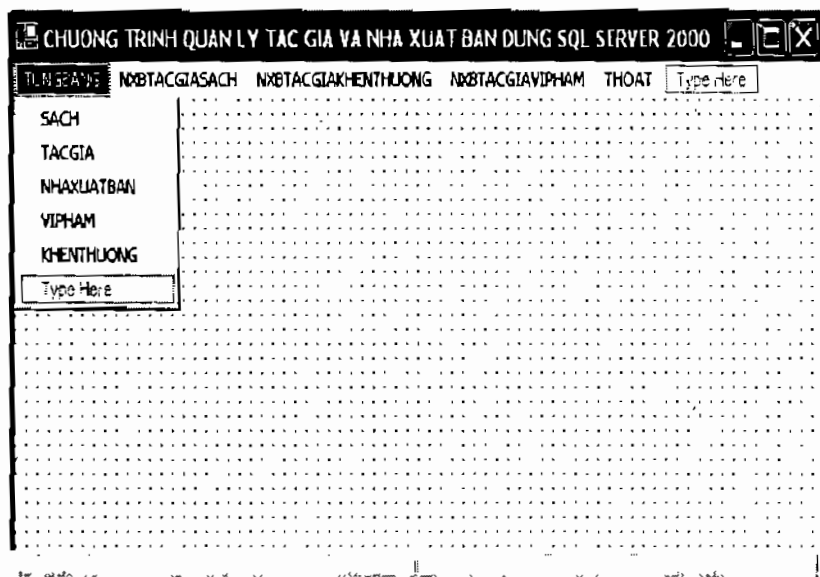
◆ **OleDbDataAdapter3** và **DatasetNXBTACGIAVIPHAM31** dùng cho bảng **VIPHAM**.

◆ Đối tượng **OleDbConnection1** dùng chung cho cả ba bảng.

\* Yêu cầu

\* Các Form cần thiết kế

☐ Form cha cần thiết kế



MainMenu1

B5H46

☐ Phần Form cha

**Bảng các thuộc tính của Form cha**

TT	Đối tượng	Các thuộc tính	Giá trị
1	Form MDI	Name BackColor Caption  IsMdiContainer WindowState	Form1 Màu hồng CHUONG TRINH QUAN LY TAC GIA VA NHA XUAT BAN DUNG SQL SERVER 2000 True Maximized

+ Menu

Ghi chú:

Name : MainMenu 1

Thuộc tính IsMdiContainer phải đặt là True.

**Hệ thống menu của Form cha**

Caption	Name
TUNGBANG	MenuTUNGBANG
SACH	MenuSACH
TACGIA	MenuTACGIA
NHAXUATBAN	MenuNHAXUATBAN
VIPHAM	MenuVIPHAM
KHENTHUONG	MenuKHENTHUONG
NXBTACGIASACH	MenuNXBTACGIASACH
NXBTACGIAKHENTHUONG	MenuNXBTACGIAKHENTHUONG
NXBTACGIAVIPHAM	MenuNXBTACGIAVIPHAM
THOAT	MenuTHOAT

☐ Phần Form con của mục TUNGBANG

\* FormSACH



Mã sách		XEM
Tên sách		TRƯỚC
Giá bìa		SAU
Năm xuất bản		ĐẦU TIÊN
Số trang		CUỐI CÙNG
Loại giấy		
Mã số nhà xuất bản		
Mã số tác giả		THOÁT

B5H47

**BẢNG CÁC THUỘC TÍNH CỦA NHỮNG ĐIỀU KHIỂN TRONG FORMSACH**

STT	Đối tượng	Thuộc tính	Giá trị thiết đặt
1	Form	Name BackColor Text  WindowState	FormSACH Màu xanh XEM THÔNG TIN CỦA BẢNG SÁCH  Maximized
2	Label	Name BackColor Font Text	LabelMasach Màu nâu VNI-Times, size 12, Bold Mã sách
3	Label	Name BackColor Font Text	LabelTensach Màu nâu VNI-Times, size 12, Bold Tên sách

4	Label	Name BackColor Font Text	LabelGiabia Màu dẫu VNI-Times, size 12, Bold Giá bia
5	Label	Name BackColor Font Text	LabelNamXB Màu dẫu VNI-Times, size 12, Bold Năm xuất bản
6	Label	Name BackColor Font Text	LabelSotrang Màu dẫu VNI-Times, size 12, Bold Số trang
7	Label	Name BackColor Font Text	LabelLoaigiay Màu dẫu VNI-Times, size 12, Bold Loại giấy
8	Label	Name BackColor Font Text	LabelSMsnxb Màu dẫu VNI-Times, size 12, Bold Mã số nhà xuất bản
9	Label	Name BackColor Font Text	LabelSmstg Màu dẫu VNI-Times, size 12, Bold Mã số tác giả
10	TextBox	Name Font Text + DataBindings	TextMasach VNI-Times, size 10, Bold Trống (xóa thông tin có sẵn) Click dẫu + trước chữ DataBindings. Click chọn ô trống bên phải thuộc tính Text của mục này, click dẫu mũi tên bên phải mới hiện ra, click dẫu + trước DatasetSACH1, click dẫu + trước SACH, click chọn vùng MASACH
11	TextBox	Name	TextTensach



		Font Text + DataBindings	VNI-Times, size 10, Bold Trống (xóa thông tin có sẵn) Click dấu + trước chữ DataBindings. Click chọn ô trống bên phải thuộc tính Text của mục này, click dấu mũi tên bên phải mới hiện ra, click dấu + trước DatasetSACH1, click dấu + trước SACH, click chọn vùng TENSACH
12	TextBox	Name Font Text + DataBindings	TextGiabia VNI-Times, size 10, Bold Trống (xóa thông tin có sẵn) Click dấu + trước chữ DataBindings. Click chọn ô trống bên phải thuộc tính Text của mục này, click dấu mũi tên bên phải mới hiện ra, click dấu + trước DatasetSACH1, click dấu + trước SACH, click chọn vùng GIABIA
13	TextBox	Name Font Text + DataBindings	TextNamXB VNI-Times, size 10, Bold Trống (xóa thông tin có sẵn) Click dấu + trước chữ DataBindings. Click chọn ô trống bên phải thuộc tính Text của mục này, click dấu mũi tên bên phải mới hiện ra, click dấu + trước DatasetSACH1, click dấu + trước SACH, click chọn vùng NAMXB
14	TextBox	Name Font	TextSotrang VNI-Times, size 10, Bold

		Text + DataBindings	Trống (xóa thông tin có sẵn) Click dấu + trước chữ DataBindings. Click chọn ô trống bên phải thuộc tính Text của mục này, click dấu mũi tên bên phải mới hiện ra, click dấu + trước DatasetSACH1, click dấu + trước SACH, click chọn vùng SOTRANG
15	TextBox	Name Font Text + DataBindings	TextLoaigiy VNI-Times, size 10, Bold Trống (xóa thông tin có sẵn) Click dấu + trước chữ DataBindings. Click chọn ô trống bên phải thuộc tính Text của mục này, click dấu mũi tên bên phải mới hiện ra, click dấu + trước DatasetSACH1, click dấu + trước SACH, click chọn vùng LOAIGIAY
16	TextBox	Name Font Text + DataBindings	TextSMSnxb VNI-Times, size 10, Bold Trống (xóa thông tin có sẵn) Click dấu + trước chữ DataBindings. Click chọn ô trống bên phải thuộc tính Text của mục này, click dấu mũi tên bên phải mới hiện ra, click dấu + trước DatasetSACH1, click dấu + trước SACH, click chọn vùng SMSNXB
17	TextBox	Name Font Text	TextSMstg VNI-Times, size 10, Bold Trống (xóa thông tin có sẵn)

		+ DataBindings	Click dấu + trước chữ DataBindings. Click chọn ô trống bên phải thuộc tính Text của mục này, click dấu mũi tên bên phải mới hiện ra, click dấu + trước DatasetSACH1, click dấu + trước SACH, click chọn vùng SMSTG
18	Button	Name BackColor Font Text	ButtonXem Màu xám VNI-Times, size 12, Bold Xem
19	Button	Name BackColor Font Text	ButtonTruc Màu xám VNI-Times, size 12, Bold Trước
20	Button	Name BackColor Font Text	ButtonSau Màu xám VNI-Times, size 12, Bold Sau
21	Button	Name BackColor Font Text	ButtonDautien Màu xám VNI-Times, size 12, Bold Đầu tiên
22	Button	Name BackColor Font Text	ButtonCuoicong Màu xám VNI-Times, size 12, Bold Cuối cùng
23 -	Button	Name BackColor Font Text	Thoat Màu xám VNI-Times, size 12, Bold Thoát

\* FormTACGIA

XEM THÔNG TIN BẢNG TÁC GIẢ		
Mã số tác giả	<input type="text"/>	XEM
Họ lót	<input type="text"/>	TRƯỚC
Tên	<input type="text"/>	SAU
Nam/Nữ	<input type="text"/>	ĐẦU TIÊN
Ngày sinh	<input type="text"/>	CUỐI CÙNG
Nơi sinh	<input type="text"/>	THOÁT
Địa chỉ	<input type="text"/>	
Số điện thoại	<input type="text"/>	

OleDbDataAdapter1

OleDbConnection1

DataSetTACGIA1

B5H48

## BẢNG CÁC THUỘC TÍNH CỦA NHỮNG ĐIỀU KHIỂN TRONG FORMTACGIA

STT	Đối tượng	Thuộc tính	Giá trị thiết đặt
1	Form	Name BackColor Text  WindowState	FormTACGIA Màu xanh XEM THÔNG TIN BẢNG TACGIA Maximized
2	Label	Name BackColor Font Text	LabelMSTG Màu nâu VNI-Times, size 12, Bold Mã số tác giả
3	Label	Name BackColor Font Text	LabelHolot Màu nâu VNI-Times, size 12, Bold Họ lót
4	Label	Name	LabelTen

		BackColor Font Text	Màu dấu VNI-Times, size 12, Bold Tên
5	Label	Name BackColor Font Text	LabelNam Màu dấu VNI-Times, size 12, Bold Nam/Nữ
6	Label	Name BackColor Font Text	LabelNgsinh Màu dấu VNI-Times, size 12, Bold Ngày sinh
7	Label	Name BackColor Font Text	LabelNoisinh Màu dấu VNI-Times, size 12, Bold Nơi sinh
8	Label	Name BackColor Font Text	LabelDiachi Màu dấu VNI-Times, size 12, Bold Địa chỉ
9	Label	Name BackColor Font Text	LabelDT Màu dấu VNI-Times, size 12, Bold Số điện thoại
10	TextBox	Name Font Text + DataBindings	TextMSTG VNI-Times, size 10, Bold Trống (xóa thông tin có sẵn) Click dấu + trước chữ DataBindings. Click chọn ô trống bên phải thuộc tính Text của mục này, click dấu mũi tên bên phải mới hiện ra, click dấu + trước DatasetTACGIA1, click dấu + trước TACGIA, click chọn vùng MSTG
11	TextBox	Name Font	TextHolot VNI-Times, size 10, Bold

		Text + DataBindings	Trống (xóa thông tin có sẵn) Click dấu + trước chữ DataBindings. Click chọn ô trống bên phải thuộc tính Text của mục này, click dấu mũi tên bên phải mới hiện ra, click dấu + trước DatasetTACGIA1, click dấu + trước TACGIA, click chọn vùng HOLOT
12	TextBox	Name Font Text + DataBindings	TextTen VNI-Times, size 10, Bold Trống (xóa thông tin có sẵn) Click dấu + trước chữ DataBindings. Click chọn ô trống bên phải thuộc tính Text của mục này, click dấu mũi tên bên phải mới hiện ra, click dấu + trước DatasetTACGIA1, click dấu + trước TACGIA, click chọn vùng TEN
13	TextBox	Name Font Text + DataBindings	TextNam VNI-Times, size 10, Bold Trống (xóa thông tin có sẵn) Click dấu + trước chữ DataBindings. Click chọn ô trống bên phải thuộc tính Text của mục này, click dấu mũi tên bên phải mới hiện ra, click dấu + trước DatasetTACGIA1, click dấu + trước TACGIA, click chọn vùng NAM
14	TextBox	Name Font Text	TextNgsinh VNI-Times, size 10, Bold Trống (xóa thông tin có sẵn)

15	TextBox	Name Font Text + DataBindings	TextNoisinh VNI-Times, size 10, Bold Trống (xóa thông tin có sẵn) Click dấu + trước chữ DataBindings. Click chọn ô trống bên phải thuộc tính Text của mục này, click dấu mũi tên bên phải mới hiện ra, click dấu + trước DatasetTACGIA1, click dấu + trước TACGIA, click chọn vùng NOISINH
16	TextBox	Name Font Text + DataBindings	TextDiachi VNI-Times, size 10, Bold Trống (xóa thông tin có sẵn) Click dấu + trước chữ DataBindings. Click chọn ô trống bên phải thuộc tính Text của mục này, click dấu mũi tên bên phải mới hiện ra, click dấu + trước DatasetTACGIA, click dấu + trước TACGIA, click chọn vùng DIACHI
17	TextBox	Name Font Text + DataBindings	TextDT VNI-Times, size 10, Bold Trống (xóa thông tin có sẵn) Click dấu + trước chữ

			DataBindings. Click chọn ô trống bên phải thuộc tính Text của mục này, click dấu mũi tên bên phải mới hiện ra, click dấu + trước DatasetTACGIA1, click dấu + trước TACGIA, click chọn vùng DT
18	Button	Name BackColor Font Text	ButtonXem Màu xám VNI-Times, size 12, Bold Xem
19	Button	Name BackColor Font Text	ButtonTruoc Màu xám VNI-Times, size 12, Bold Trước
20	Button	Name BackColor Font Text	ButtonSau Màu xám VNI-Times, size 12, Bold Sau
21	Button	Name BackColor Font Text	ButtonDautien Màu xám VNI-Times, size 12, Bold Đầu tiên
22	Button	Name BackColor Font Text	ButtonCuoicong Màu xám VNI-Times, size 12, Bold Cuối cùng
23	Button	Name BackColor Font Text	Thoat Màu xám VNI-Times, size 12, Bold Thoát

\* FormNHAXUATBAN



**XEM THÔNG TIN BẢNG NHÀ XUẤT BẢN**

Mã số nhà xuất bản

Tên nhà xuất bản

Địa chỉ

Họ tên giám đốc

XEM

TRƯỚC SAU

ĐẦU TIÊN CUỐI CÙNG

THOÁT

OleDbDataAdapter1

OleDbConnection1

DataSetNHAXUATBAN1

B5H49

## BẢNG CÁC THUỘC TÍNH CỦA NHỮNG ĐIỀU KHIỂN TRONG FORMNHAXUATBAN

STT	Đối tượng	Thuộc tính	Giá trị thiết đặt
1	Form	Name BackColor Text WindowState	FormNHAXUATBAN Màu xanh XEM THÔNG TIN BẢNG NHÀ XUẤT BẢN Maximized
2	Label	Name BackColor Font Text	LabelMSNXB Màu nâu VNI-Times, size 12, Bold Mã số nhà xuất bản
3	Label	Name BackColor Font Text	LabelTenNXB Màu nâu VNI-Times, size 12, Bold Tên nhà xuất bản
4	Label	Name	LabelDiachi

		BackColor Font Text	Màu đầu VNI-Times, size 12, Bold Địa chỉ
5	Label	Name BackColor Font Text	LabelGiamdoc Màu đầu VNI-Times, size 12, Bold Họ tên giám đốc
6	TextBox	Name Font Text + DataBindings	TextMSNXB VNI-Times, size 10, Bold Trống (xóa thông tin có sẵn) Click đầu + trước chữ DataBindings. Click chọn ô trống bên phải thuộc tính Text của mục này, click đầu mũi tên bên phải mới hiện ra, click đầu + trước DatasetNHAXUATBAN1, click đầu + trước NHAXUATBAN, click chọn vùng MSNXB
7	TextBox	Name Font Text + DataBindings	TextTenNXB VNI-Times, size 10, Bold Trống (xóa thông tin có sẵn) Click đầu + trước chữ DataBindings. Click chọn ô trống bên phải thuộc tính Text của mục này, click đầu mũi tên bên phải mới hiện ra, click đầu + trước DatasetNHAXUATBAN1, click đầu + trước NHAXUATBAN, click chọn vùng TENNXB
8	TextBox	Name Font Text + DataBindings	TextDiachi VNI-Times, size 10, Bold Trống (xóa thông tin có sẵn) Click đầu + trước chữ DataBindings. Click chọn ô trống bên phải thuộc tính Text

9	TextBox	Name Font Text + DataBindings	TextGiamdoc VNI-Times, size 10, Bold Trống (xóa thông tin có sẵn) Click dấu + trước chữ DataBindings. Click chọn ô trống bên phải thuộc tính Text của mục này, click dấu mũ tên bên phải mới hiện ra, click dấu + trước DatasetNHAXUATBAN1, click dấu + trước NHAXUATBAN, click chọn vùng GIAMDOC
10	Button	Name BackColor Font Text	ButtonXem Màu xám VNI-Times, size 12, Bold Xem
11	Button	Name BackColor Font Text	ButtonTruoc Màu xám VNI-Times, size 12, Bold Trước
12	Button	Name BackColor Font Text	ButtonSau Màu xám VNI-Times, size 12, Bold Sau
13	Button	Name BackColor Font Text	ButtonDautien Màu xám VNI-Times, size 12, Bold Đầu tiên
14	Button	Name BackColor Font	ButtonCuocung Màu xám VNI-Times, size 12, Bold

		Text	Cuối cùng
15	Button	Name BackColor Font Text	Thoát Màu xám VNI-Times, size 12, Bold Thoát

### \* FormVIPHAM

OleDbDataAdapter1

OleDbConnection1

DataSetVIPHAM1

B5H50

## BẢNG CÁC THUỘC TÍNH CỦA NHỮNG ĐIỀU KHIỂN TRONG FORMVIPHAM

STT	Đối tượng	Thuộc tính	Giá trị thiết đặt
1	Form	Name BackColor Text  WindowState	FormVIPHAM Màu xanh XEM THÔNG TIN BẢNG VI PHẠM Maximized
2	Label	Name BackColor Font	LabelMSVP Màu nâu VNI-Times, size 12, Bold

3	Label	Name BackColor Font Text	LabelNdvipham Màu dẫu VNI-Times, size 12, Bold Nội dung vi phạm
4	Label	Name BackColor. Font Text	LabelNgayvp Màu dẫu VNI-Times, size 12, Bold Ngày vi phạm
5	Label	Name BackColor Font Text	LabelHtphat Màu dẫu VNI-Times, size 12, Bold Hình thức phạt
6	Label	Name BackColor Font Text	LabelMstg Màu dẫu VNI-Times, size 12, Bold Mã số tác giả
7	Label	Name BackColor Font Text	LabelMsnxb Màu dẫu VNI-Times, size 12, Bold Mã số nhà xuất bản
8	Label	Name BackColor Font Text	LabelMasach Màu dẫu VNI-Times, size 12, Bold Mã sách
9	TextBox	Name Font Text + DataBindings	TextMSVP VNI-Times, size 10, Bold Trống (xóa thông tin có sẵn) Click dẫu + trước chữ DataBindings. Click chọn ô trống bên phải thuộc tính Text của mục này, click dẫu mũi tên bên phải mới hiện ra, click dẫu + trước DatasetVIPHAM1, click dẫu + trước VIPHAM, click chọn vùng MSVP

10	TextBox	Name Font Text + DataBindings	TextNdvipham VNI-Times, size 10, Bold Trống (xóa thông tin có sẵn) Click dấu + trước chữ DataBindings. Click chọn ô trống bên phải thuộc tính Text của mục này, click dấu mũi tên bên phải mới hiện ra, click dấu + trước DatasetVIPHAM1, click dấu + trước VIPHAM, click chọn vùng NDVIPHAM
11	TextBox	Name Font Text + DataBindings	TextNgayvp VNI-Times, size 10, Bold Trống (xóa thông tin có sẵn) Click dấu + trước chữ DataBindings. Click chọn ô trống bên phải thuộc tính Text của mục này, click dấu mũi tên bên phải mới hiện ra, click dấu + trước DatasetVIPHAM1, click dấu + trước VIPHAM, click chọn vùng NGAYVP
12	TextBox	Name Font Text + DataBindings	TextHtphat VNI-Times, size 10, Bold Trống (xóa thông tin có sẵn) Click dấu + trước chữ DataBindings. Click chọn ô trống bên phải thuộc tính Text của mục này, click dấu mũi tên bên phải mới hiện ra, click dấu + trước DatasetVIPHAM1, click dấu + trước VIPHAM, click chọn vùng HTPHAT
13	TextBox	Name	TextMSTG

		Font Text + DataBindings	VNI-Times, size 10, Bold Trống (xóa thông tin có sẵn) Click dấu + trước chữ DataBindings. Click chọn ô trống bên phải thuộc tính Text của mục này, click dấu mũi tên bên phải mới hiện ra, click dấu + trước DatasetVIPHAM1, click dấu + trước VIPHAM, click chọn vùng MSTG
14	TextBox	Name Font Text + DataBindings	TextMsnxb VNI-Times, size 10, Bold Trống (xóa thông tin có sẵn) Click dấu + trước chữ DataBindings. Click chọn ô trống bên phải thuộc tính Text của mục này, click dấu mũi tên bên phải mới hiện ra, click dấu + trước DatasetVIPHAM1, click dấu + trước VIPHAM, click chọn vùng MSNxb
15	Button	Name BackColor Font Text	ButtonTruc Màu xám VNI-Times, size 12, Bold Trước
16	Button	Name BackColor Font Text	ButtonSau Màu xám VNI-Times, size 12, Bold Sau
17	Button	Name BackColor Font Text	ButtonDautien Màu xám VNI-Times, size 12, Bold Đầu tiên
18	Button	Name BackColor	ButtonCuoicong Màu xám

		Font Text	VNI-Times, size 12, Bold Cuối cùng
19	Button	Name BackColor Font Text	ButtonXem Màu xám VNI-Times, size 12, Bold Xem
20	Button	Name BackColor Font Text	Thoat Màu xám VNI-Times, size 12, Bold Thoát

\* FormKHENTHUONG

OleDbDataAdapter1

OleDbConnection1

DataSetKHENTHUONG1

B5H51

**BẢNG CÁC THUỘC TÍNH CỦA NHỮNG ĐIỀU KHIỂN  
TRONG FORMKHENTHUONG**

STT	Đối tượng	Thuộc tính	Giá trị thiết đặt
1	Form	Name BackColor	FormKHENTHUONG Màu xanh



2	Label	Name BackColor Font Text	LabelMSKT Màu dấu VNI-Times, size 12, Bold Mã số khen thưởng
3	Label	Name BackColor Font Text	LabelNdkhen Màu dấu VNI-Times, size 12, Bold Nội dung khen
4	Label	Name BackColor Font Text	LabelNgkhen Màu dấu VNI-Times, size 12, Bold Ngày khen
5	Label	Name BackColor Font Text	LabelHtkhen Màu dấu VNI-Times, size 12, Bold Hình thức khen
6	Label	Name BackColor Font Text	LabelMstg Màu dấu VNI-Times, size 12, Bold Mã số tác giả
7	Label	Name BackColor Font Text	LabelMsnxb Màu dấu VNI-Times, size 12, Bold Mã số nhà xuất bản
8	Label	Name BackColor Font Text	LabelMasach Màu dấu VNI-Times, size 12, Bold Mã sách
9	TextBox	Name Font Text + DataBindings	TextMSKT VNI-Times, size 10, Bold Trống (xóa thông tin có sẵn) Click dấu + trước chữ DataBindings. Click chọn ô trống bên phải thuộc tính Text của mục này, click dấu mũi

			tên bên phải mới hiện ra, click dấu + trước DatasetKHENTHUONG1, click dấu + trước KHENTHUONG, click chọn vùng MSKT
10	TextBox	Name Font Text + DataBindings	TextNdKhen VNI-Times, size 10, Bold Trống (xóa thông tin có sẵn) Click dấu + trước chữ DataBindings. Click chọn ô trống bên phải thuộc tính Text của mục này, click dấu mũi tên bên phải mới hiện ra, click dấu + trước DatasetKHENTHUONG1, click dấu + trước KHENTHUONG, click chọn vùng NDKHEN
11	TextBox	Name Font Text + DataBindings	TextNgKhen VNI-Times, size 10, Bold Trống (xóa thông tin có sẵn) Click dấu + trước chữ DataBindings. Click chọn ô trống bên phải thuộc tính Text của mục này, click dấu mũi tên bên phải mới hiện ra, click dấu + trước DatasetKHENTHUONG1, click dấu + trước KHENTHUONG, click chọn vùng NGKHEN
2	TextBox	Name Font Text + DataBindings	TextHtkhen VNI-Times, size 10, Bold Trống (xóa thông tin có sẵn) Click dấu + trước chữ DataBindings. Click chọn ô trống bên phải thuộc tính Text của mục này, click dấu mũi tên bên phải mới hiện ra,

13	TextBox	Name Font Text + DataBindings	TextMSTG VNI-Times, size 10, Bold Trống (xóa thông tin có sẵn) Click dấu + trước chữ DataBindings. Click chọn ô trống bên phải thuộc tính Text của mục này, click dấu mũi tên bên phải mới hiện ra, click dấu + trước DatasetKHENTHUONG1, click dấu + trước KHENTHUONG, click chọn vùng MSTG
14	TextBox	Name Font Text + DataBindings	TextMSNXB VNI-Times, size 10, Bold Trống (xóa thông tin có sẵn) Click dấu + trước chữ DataBindings. Click chọn ô trống bên phải thuộc tính Text của mục này, click dấu mũi tên bên phải mới hiện ra, click dấu + trước DatasetKHENTHUONG1, click dấu + trước KHENTHUONG, click chọn vùng MSNXB
15	Button	Name BackColor Font Text	ButtonTruoc Màu xám VNI-Times, size 12, Bold Trước
16	Button	Name BackColor Font Text	ButtonSau Màu xám VNI-Times, size 12, Bold Sau
17	Button	Name	ButtonDautien

		BackColor Font Text	Màu xám VNI-Times, size 12, Bold Đầu tiên
18	Button	Name BackColor Font Text	ButtonCuoiCung Màu xám VNI-Times, size 12, Bold Cuối cùng
19	Button	Name BackColor Font Text	ButtonXem Màu xám VNI-Times, size 12, Bold Xem
20	Button	Name BackColor Font Text	Thoat Màu xám VNI-Times, size 12, Bold Thoát

\* FormNXBTACGIASACH

XEM THÔNG TIN BẢNG NHÀ XUẤT BẢN · TÁC GIẢ · SÁCH

**DATAGRID HIỆN THÔNG TIN CỦA BẢNG NHÀ XUẤT BẢN**

MSNXB	TenNXB	Địa chỉ	Giamdoc
*			

**DATAGRID HIỆN THÔNG TIN CỦA BẢNG TÁC GIẢ**

MSTG	Holot	Ten	Nam	Ngaysinh	Noisinh	Địa chỉ
*						

**DATAGRID HIỆN THÔNG TIN CỦA BẢNG SÁCH**

MASAC	Tensach	Giatiền	NamXB	Sotrang	Loaiglay	SMSNXB
*						

XEM THÔNG TIN      CẬP NHẬT      THOÁT

OleDbDataAdapter1   OleDbConnection1   DataSetNXB1   DataSetNXBTACGIASACH1  
OleDbDataAdapter2   OleDbConnection2   DataSetNXB2   DataSetNXBTACGIASACH2  
OleDbDataAdapter3   OleDbConnection3   DataSetNXB3   DataSetNXBTACGIASACH3

**Bảng thuộc tính của những điều khiển trong  
FormNXBTACGIASACH**

<b>STT</b>	<b>Đối tượng</b>	<b>Thuộc tính</b>	<b>Giá trị thiết đặt</b>
1	Form	Name BackColor Text  WindowState	FormNXBTACGIASACH Màu vàng XEM THONG TIN BANG NHA XUAT BAN - TAC GIA - SACH Maximized
2	DataGrid	Name CaptionText  BackColor BackgroundColor ForeColor GridLineColor Font Anchor Datasource Datamember	DataGrid1 DATAGRID HIEN THONG TIN CUA BANG NHAXUATBAN Màu cam nhạt Màu hồng nhạt Màu xanh dương Màu đỏ VNI-Times, size 12, bold Top, Left, Right, Bottom DatasetNXB1 NHAXUATBAN
3	DataGrid	Name CaptionText  BackColor BackgroundColor ForeColor GridLineColor Font Anchor Datasource Datamember	DataGrid2 DATAGRID HIEN THONG TIN CUA BANG TACGIA Màu xanh nhạt Màu cam nhạt Màu xanh dương Màu đỏ VNI-Times, size 12, bold Top, Left, Right, Bottom DatasetNXBTACGIA1 TACGIA
4	DataGrid	Name CaptionText  BackColor BackgroundColor	DataGrid3 DATAGRID HIEN THONG TIN CUA BANG SACH Màu xanh nhạt Màu cam nhạt

		ForeColor GridLineColor Font Anchor Datasource Datamember	Màu xanh dương Màu đỏ VNI-Times, size 12, bold Top, Left, Right, Bottom DatasetNXBTACGIASACH1 SACH
5	Button	Name BackColor Font Text	ButtonXem Màu xám VNI-Times, size 12, Bold XEM THÔNG TIN
6	Button	Name BackColor Font Text	ButtonCapnhat Màu xám VNI-Times, size 12, Bold CẬP NHẬT
7	Button	Name BackColor Font Text	ButtonThoat Màu xám VNI-Times, size 12, Bold THOÁT

\* FormNXBTACGIAKHENTHUONG

XEM THÔNG TIN BẢNG NHÃ XUẤT BẢN - TÁC GIẢ - KHEN THƯỞNG

**DATAGRID HIỂN THÔNG TIN CỦA BẢNG NHÃ XUẤT BẢN**

MSNXB	TenNXB	Địa chỉ	Giámdoc
*			

**DATAGRID HIỂN THÔNG TIN CỦA BẢNG TÁC GIẢ**

MSTG	Họtên	Tên	Nam	Ngàysinh	Noisinh	Địa chỉ
*						

**DATAGRID HIỂN THÔNG TIN CỦA BẢNG KHEN THƯỞNG**

MSKT	Ndkhen	Ngkhen	Htkhen	MSTG	MSNXB	MAS
*						

XEM THÔNG TIN      CẬP NHẬT      THOÁT

OleDbDataAdapter1   OleDbConnection1   DataSetNXBTACGIA21   DataSetNXB21  
OleDbDataAdapter2   OleDbDataAdapter3   DataSetNXBTACGIAKHENTHUONG21

**Bảng thuộc tính của những điều khiển trong  
FormNXBTACGIAKHENTHUONG**

STT	Đối tượng	Thuộc tính	Giá trị thiết đặt
1	Form	Name BackColor Text  WindowState	FormNXBTACGIAKHENTHUONG Màu vàng XEM THONG TIN NHA XUAT BAN – TAC GIA – KHEN THUONG Maximized
2	DataGrid	Name CaptionText  BackColor BackgroundColor ForeColor GridLineColor Font Anchor Datasource Datamember	DataGrid1 DATAGRID HIEN THONG TIN CUA BANG NHAXUATBAN Màu cam nhạt Màu hồng nhạt Màu xanh dương Màu đỏ VNI-Times, size 12, bold Top, Left, Right, Bottom DatasetNXB21 NHAXUATBAN
3	DataGrid	Name CaptionText  BackColor BackgroundColor ForeColor GridLineColor Font Anchor Datasource Datamember	DataGrid2 DATAGRID HIEN THONG TIN CUA BANG TACGIA Màu xanh nhạt Màu cam nhạt Màu xanh dương Màu đỏ VNI-Times, size 12, bold Top, Left, Right, Bottom DatasetNXBTACGIA21 TACGIA
4	DataGrid	Name CaptionText  BackColor	DataGrid3 DATAGRID HIEN THONG TIN CUA BANG KHENTHUONG Màu xanh nhạt

		BackColor	Màu cam nhạt
		ForeColor	Màu xanh dương
		GridLineColor	Màu đỏ
		Font	VNI-Times, size 12, bold
		Anchor	Top, Left, Right, Bottom
		Datasource	DatasetNXBTACGIAKHENTHUONG21
		Datamember	KHENTHUONG
5	Button	Name	ButtonXem
		BackColor	Màu xám
		Font	VNI-Times, size 12, Bold
		Text	XEM THÔNG TIN
6	Button	Name	ButtonCapnhat
		BackColor	Màu xám
		Font	VNI-Times, size 12, Bold
		Text	CẬP NHẬT
7	Button	Name	ButtonThoat
		BackColor	Màu xám
		Font	VNI-Times, size 12, Bold
		Text	THOÁT

### \* FormNXBTACGIAVIPHAM

**XEM THÔNG TIN CỦA HÀNG NHẢ XUẤT BẢN - TÁC GIẢ - VIPHAM**

**DATAGRID HIỆN THÔNG TIN CỦA BẢNG NHAXUATBAN**

MSNXB	TenNXB	Dichl	Glamdoc
*			

**DATAGRID HIỆN THÔNG TIN CỦA BẢNG TACGIA**

MSTG	Holot	Ten	Nam	Ngaysinh	Noisinh	Dichh
*						

**DATAGRID HIỆN THÔNG TIN CỦA BẢNG VIPHAM**

MSVP	Ndvipha	NgayVP	Htphat	MSTG	MSNXB	MAS
*						

**XEM THÔNG TIN      CẬP NHẬT      THOÁT**

OleDbDataAdapter1   OleDbConnection1   DataSetNXB31   OleDbDataAdapter2  
 DataSetNXBTACGIA31   OleDbDataAdapter3   DataSetNXBTACGIAVIPHAM31



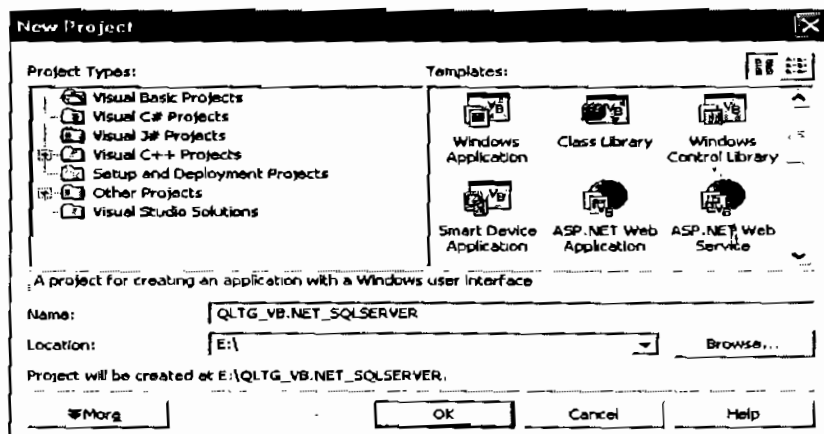
**Bảng thuộc tính của những điều khiển trong  
FormNXBTACGIAKHENTHUONG**

<b>STT</b>	<b>Đối tượng</b>	<b>Thuộc tính</b>	<b>Giá trị thiết đặt</b>
1	Form	Name BackColor Text  WindowState	FormNXBTACGIVIPHAM Màu vàng XEM THONG TIN CUA BANG NHA XUAT BAN – TAC GIA – VI PHAM Maximized
2	DataGrid	Name CaptionText  BackColor BackgroundColor ForeColor GridLineColor Font Anchor Datasource Datamember	DataGrid1 DATAGRID HIEN THONG TIN CUA BANG NHAXUATBAN Màu cam nhạt Màu hồng nhạt Màu xanh dương Màu đỏ VNI-Times, size 12, bold Top, Left, Right, Bottom DatasetNXB31 NHAXUATBAN
3	DataGrid	Name CaptionText  BackColor BackgroundColor ForeColor GridLineColor Font Anchor Datasource Datamember	DataGrid2 DATAGRID HIEN THONG TIN CUA BANG TACGIA Màu xanh nhạt Màu cam nhạt Màu xanh dương Màu đỏ VNI-Times, size 12, bold Top, Left, Right, Bottom DatasetNXBTACGIA31 TACGIA
4	DataGrid	Name CaptionText  BackColor	DataGrid3 DATAGRID HIEN THONG TIN CUA BANG KHENTHUONG Màu xanh nhạt

		BackColor ForeColor GridLineColor Font Anchor Datasource Datamember	Màu cam nhạt Màu xanh dương Màu đỏ VNI-Times, size 12, bold Top, Left, Right, Bottom DatasetNXBTACGIAVIPHAM31 VIPHAM
5	Button	Name BackColor Font Text	ButtonXem Màu xám VNI-Times, size 12, Bold XEM THÔNG TIN
6	Button	Name BackColor Font Text	ButtonCapnhat Màu xám VNI-Times, size 12, Bold CẬP NHẬT
7	Button	Name BackColor Font Text	ButtonThoat Màu xám VNI-Times, size 12, Bold THOÁT

### ① Thiết kế các Form của chương trình

◆ Đầu tiên bạn vào Visual Basic .NET, tạo Project có tên QLTG\_VB.NET\_SQLSERVER và lưu tại thư mục gốc của ổ đĩa E:\



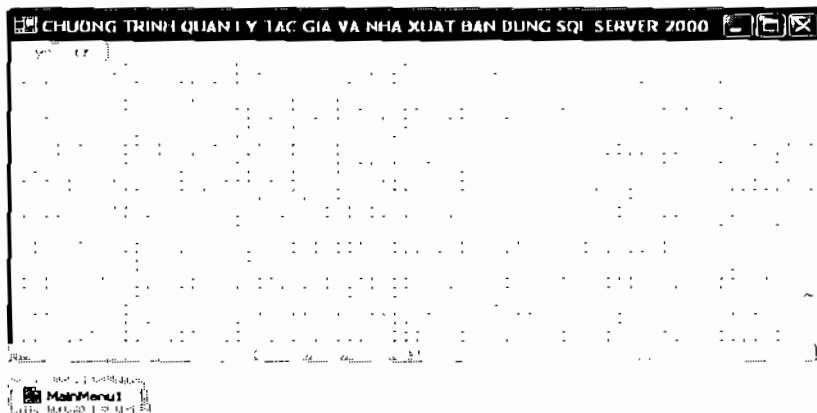
B5H55

◆ Click nút OK, Form thiết kế hiện ra.

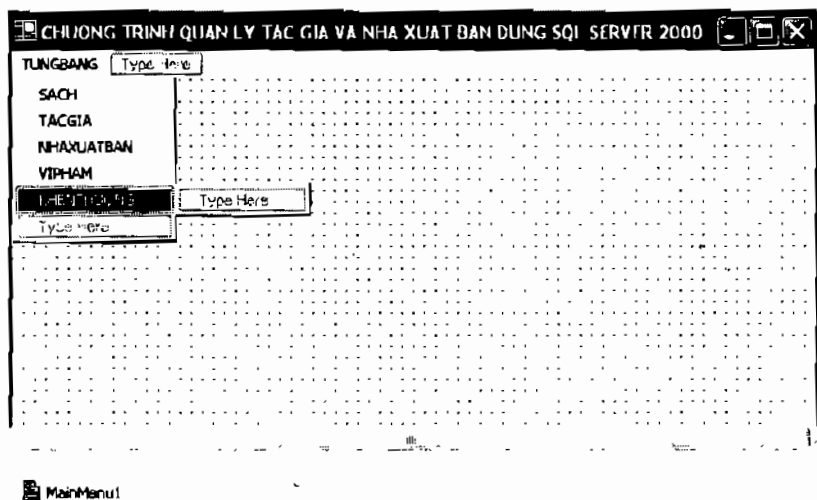
## ■ Tạo Form cha

Các bạn tiến hành tạo menu và xác lập các thuộc tính cho Form cha như các bảng thuộc tính và hệ thống menu đã cho ở trên.

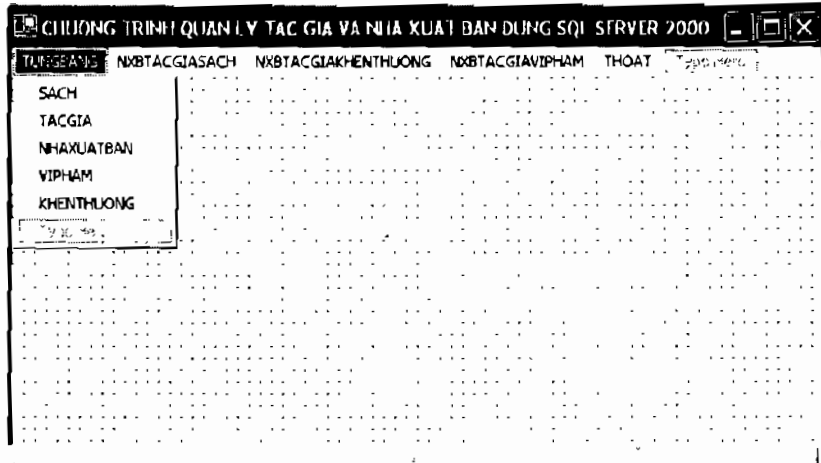
◆ Muốn tạo menu cho Form cha, bạn click điều khiển Main menu trong hộp công cụ, vẽ vào Form, nhập tên các mục vào, sau khi nhập xong, click nút phải trên các mục, chọn Properties, xác lập các thuộc tính name cho các mục.



B5H56

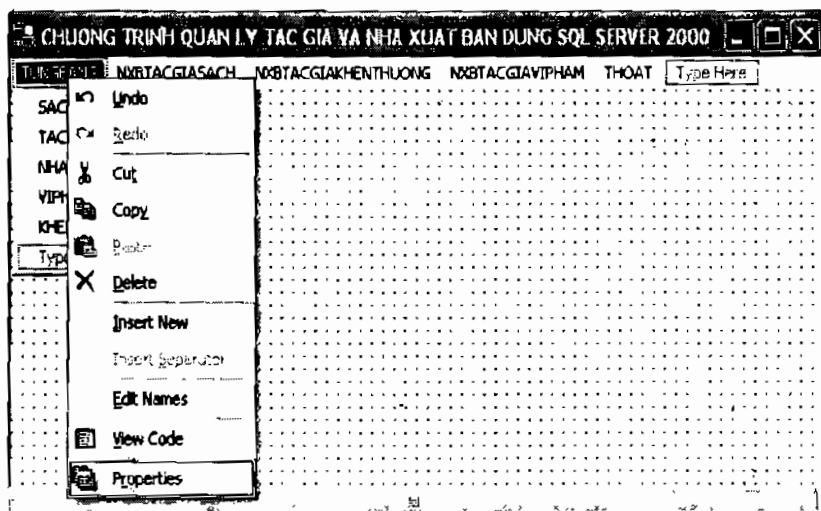


B5H57



MainMenu!

B5H58

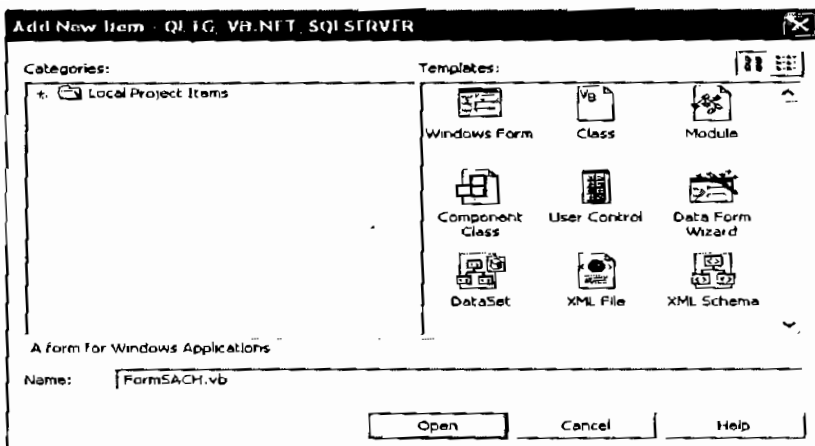


MainMenu!

B5H59

■ Tạo Form con có tên FormSACH

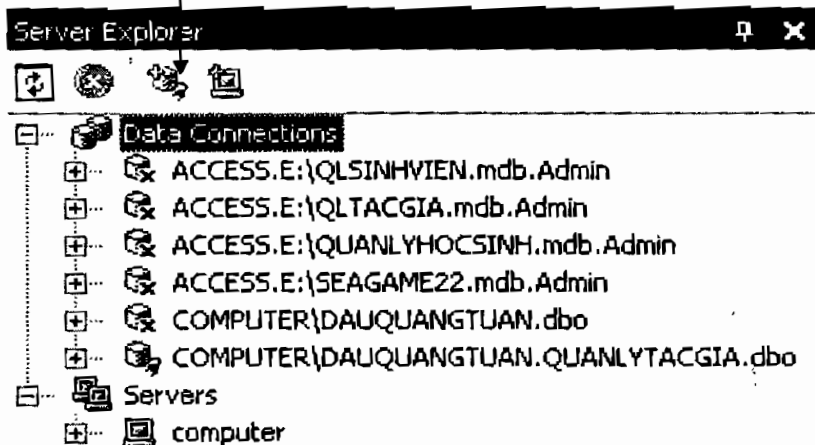
◆ Tại Form cha, vào menu Project, chọn Add Windows Form để tạo một Form con mới đầu tiên, đó là FormSACH



B5H60

◆ Click nút Open, bạn sẽ có FormSACH hiện ra để bạn thiết kế. Bạn thực hiện các bước như sau:

- ☛ Thực hiện việc kết nối với CSDL có tên QUANLYTACGIA
- ◆ Vào menu View, chọn Server Explorer



B5H61

◆ Click nút Connect to Database trên thanh công cụ của cửa sổ Server Explorer, trong hộp thoại hiện ra, chọn tab có tên Provider, chọn Microsoft OLE DB Provider for SQL Server như hình sau:



Provider | Connection | **Advanced** | All |

Select the data you want to connect to:

- OLE DB Provider(s) ...
- Connectivity Service Provider
- MediaCatalogDB OLE DB Provider
- MediaCatalogMergedDB OLE DB Provider
- MediaCatalogWebDB OLE DB Provider
- Microsoft ISAM 1.1 OLE DB Provider
- Microsoft Jet 3.51 OLE DB Provider
- Microsoft Jet 4.0 OLE DB Provider
- Microsoft OLE DB Provider For Data Mining Services
- Microsoft OLE DB Provider for DTS Packages
- Microsoft OLE DB Provider for Indexing Service
- Microsoft OLE DB Provider for Internet Publishing
- Microsoft OLE DB Provider for ODBC Drivers
- Microsoft OLE DB Provider for Olap Services 8.0
- Microsoft OLE DB Provider for Oracle
- Microsoft OLE DB Provider for Outlook Search
- Microsoft OLE DB Provider for SQL Server**
- Microsoft OLE DB Simple Provider

Next >>

OK | Cancel | Help

B5H62

◆ Click nút Next, nó sẽ sang Tab Connection



Provider | Connection | **Advanced** | All |

Specify the following to connect to SQL Server data:

1. Select or enter a server name:  
 Refresh
2. Enter information to log on to the server:
  - Use Windows NT Integrated security
  - Use a specific user name and password:
  - User name:
  - Password:
  - Blank password     Allow saving password
3.  Select the database on the server:  

  - Attach a database file as a database name:  
  
 Using the filename:

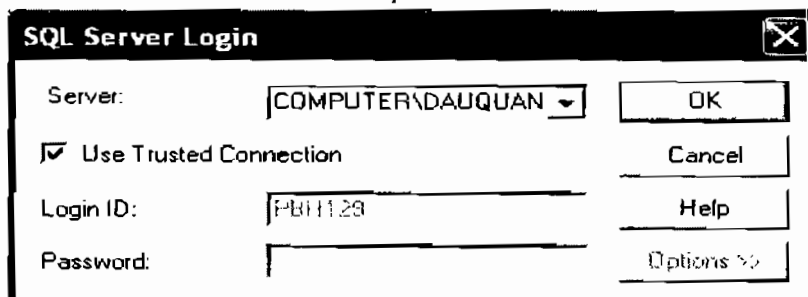
Test Connection

OK | Cancel | Help

B5H63

◆ Nhập COMPUTER\DAUQUANGTUAN trong khung Select or enter a server name

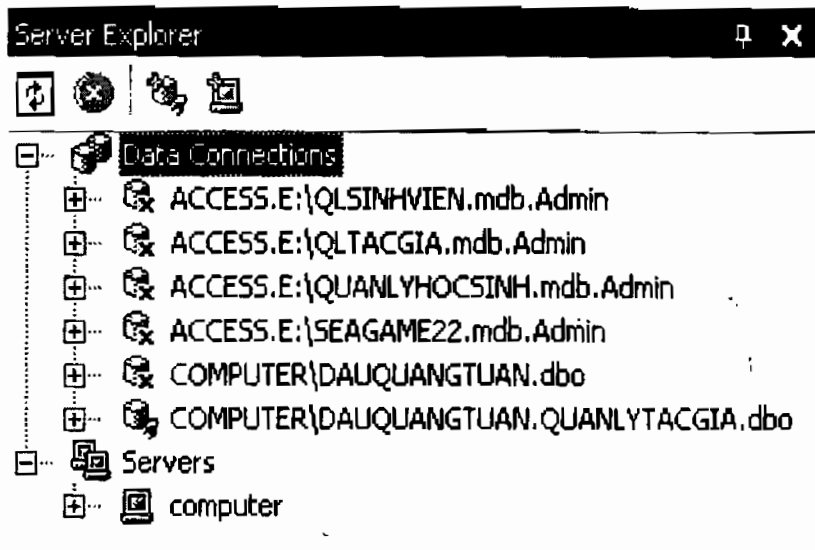
- ◆ Click chọn ô Blank password
- ◆ Click chọn Attach a database file as a database name
- ◆ Nhập QUANLYTACGIA trong khung bên dưới
- ◆ Click nút OK hộp thoại sau hiện ra



B5H64

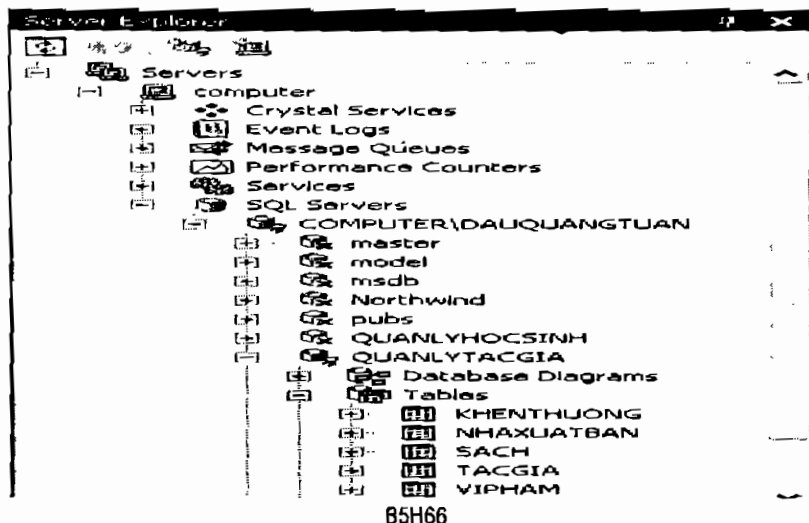
- ◆ Click chọn Use Trusted Connection
- ◆ Click nút OK để hoàn tất việc kết nối

Nhìn vào cửa sổ Server Explorer bạn thấy như hình sau:



B5H65

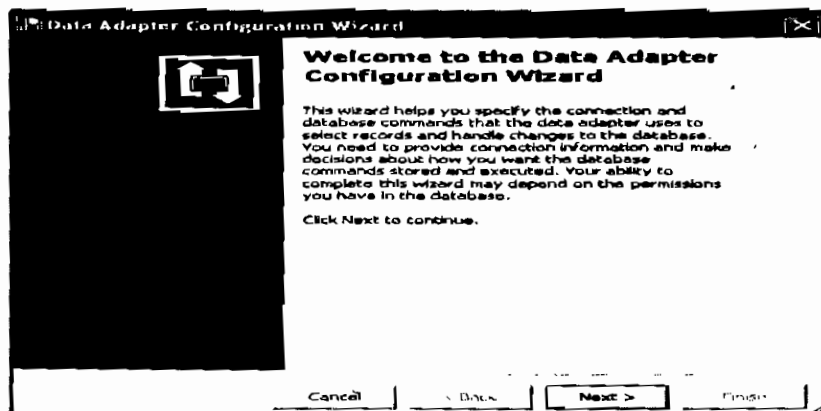
◆ Click dấu cộng trước computer và các dấu cộng liên quan, bạn thấy hình như sau:



Thực hiện việc đưa đối tượng OleDbDataAdapter vào khay công cụ

◆ Click icon để hiện hộp công cụ

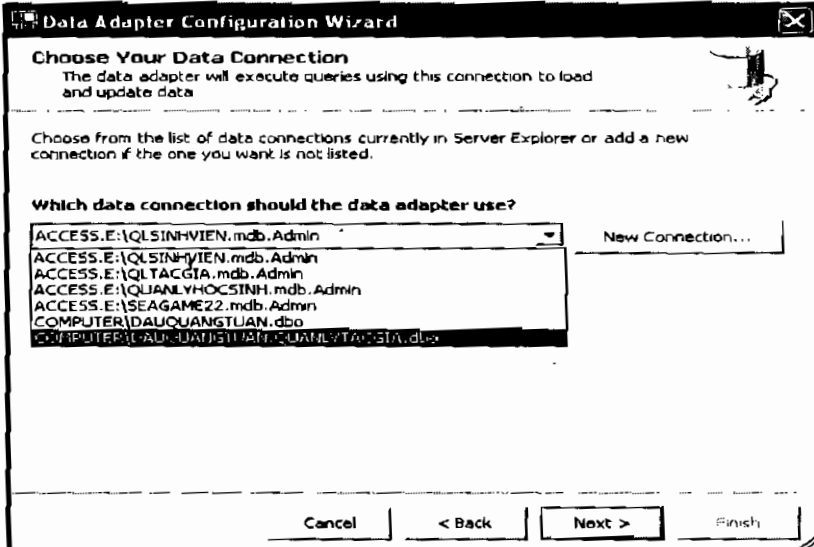
◆ Click tab Data, chọn đối tượng OleDbDataAdapter, vẽ vào vị trí bất kỳ của Form, ta sẽ có hộp thoại hiện ra như hình sau:



B5H67

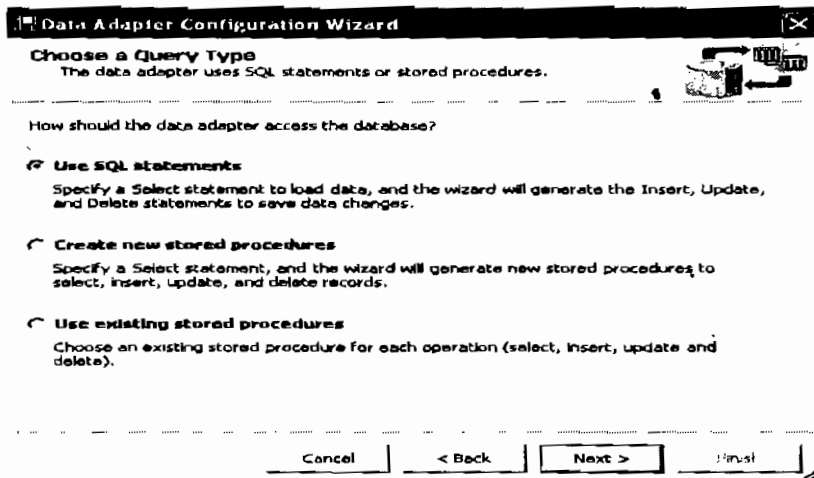
◆ Click nút Next, bạn có hộp thoại sau:





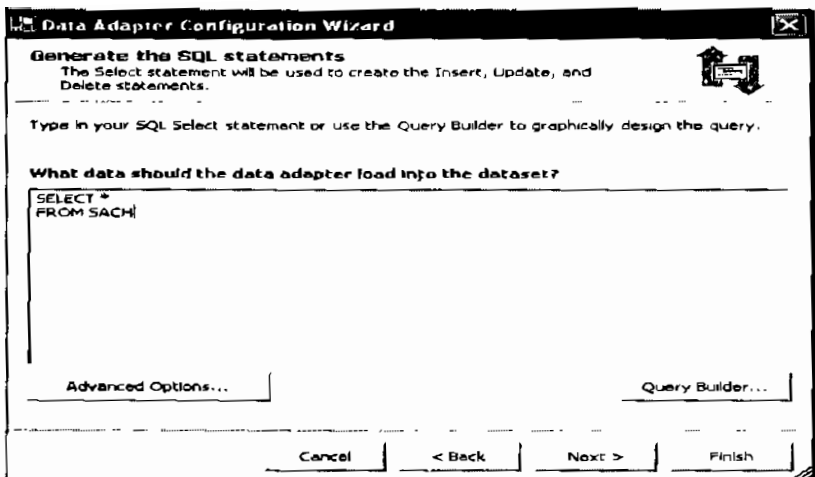
B5H68

- ◆ Click đầu mũi tên quay xuống
- ◆ Chọn COMPUTER\DAUQUANGTUAN.QUANLYTACGIA.dbo
- ◆ Click nút Next



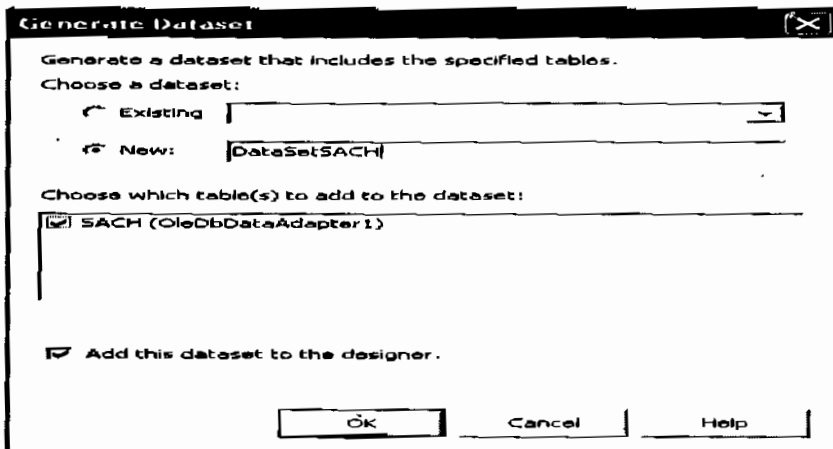
B5H69

- ◆ Click nút Next
- ◆ Click nút Next hộp thoại nhập câu lệnh SQL hiện ra, bạn nhập vào câu lệnh sau:



B5H70

- ◆ Click nút Finish để kết thúc
- ☛ Thực hiện việc đưa đối tượng Dataset vào khay công cụ
- ◆ Click chọn FormSACH
- ◆ Vào menu Data, click chọn Generate Dataset
- ◆ Click chọn nút New trong hộp thoại hiện ra, nhập vào khung bên phải DataSetSACH

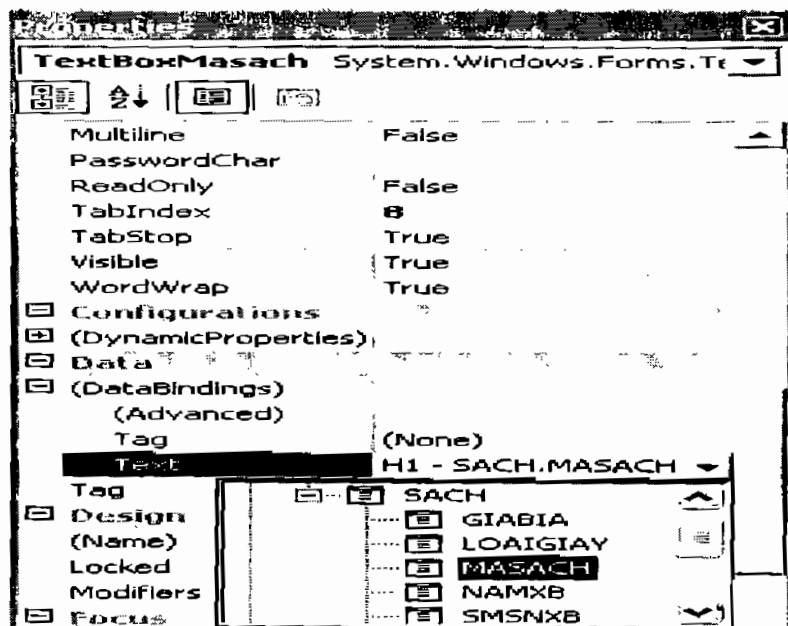


B5H71

◆ Click nút OK, hoàn tất việc đưa đối tượng DatasetSACH1 vào khay công cụ.

◆ Trong hộp công cụ, click tab Windows Forms để hiện các điều khiển. Bạn lần lượt click chọn các điều khiển TextBox, Label, Button để đưa vào FormSACH và xác lập các thuộc tính cho chúng như trong bảng các thuộc tính của FormSACH đã cho ở trên (bạn có thể tham khảo thêm ở cuốn "Tự học lập trình Visual Basic .Net" của cùng tác giả để biết chi tiết hơn về các điều khiển)

Trong các điều khiển TextBox, các bạn cần thực hiện theo đúng chỉ dẫn ở thuộc tính Databindings



B5H72

◆ Click nút phải chuột trên TextBox trên cùng của Mã sách, chọn Properties trong menu hiện ra

◆ Click dấu "+" trước DataBindings

◆ Click khung bên phải của thuộc tính Text, click đầu mũi tên, chọn vùng MASACH

◆ Bạn thực hiện tương tự như vậy cho các TextBox tiếp theo, nhớ chọn cho đúng vùng cho từng TextBox.

Thiết kế xong, bạn sẽ có hình như sau:

XEM THÔNG TIN CỦA BẢNG SÁCH		
Mã sách		XEM
Tên sách		TRƯỚC
Giá bìa		SAU
Năm xuất bản		ĐẦU TIÊN
Số trang		CUỐI CÙNG
Loại giấy		
Mã số nhà xuất bản		
Mã số tác giả		THOÁT

B5H73

*Ghi chú:*

Các số 1 phía sau các đối tượng là Visual Basic .NET tự động thêm vào, nếu bạn nhập DatasetSACH1, thì khi đưa ra khay công cụ, bạn sẽ được DatasetSACH11.

■ Tạo Form con có tên FormTACGIA

Bạn thêm một Form mới vào giống như FormSACH ở trên, đặt tên cho form này là FormTACGIA.vb

Add New Item QUIT: VB.NET, SQL SERVER

Categories:	Templates:
Local Project Items	Windows Form
	Class
	Module
	Component Class
	User Control
	Data Form Wizard
	DataSet
	XML File
	XML Schema

A Form For Windows Applications

Name: FormTACGIA.vb

Open Cancel Help

B5H74

◆ Click **Open**, FormTACGIA xuất hiện

Vì đã kết nối với CSDL QUANLYTACGIA nên bây giờ chúng ta sẽ thông qua bước này.

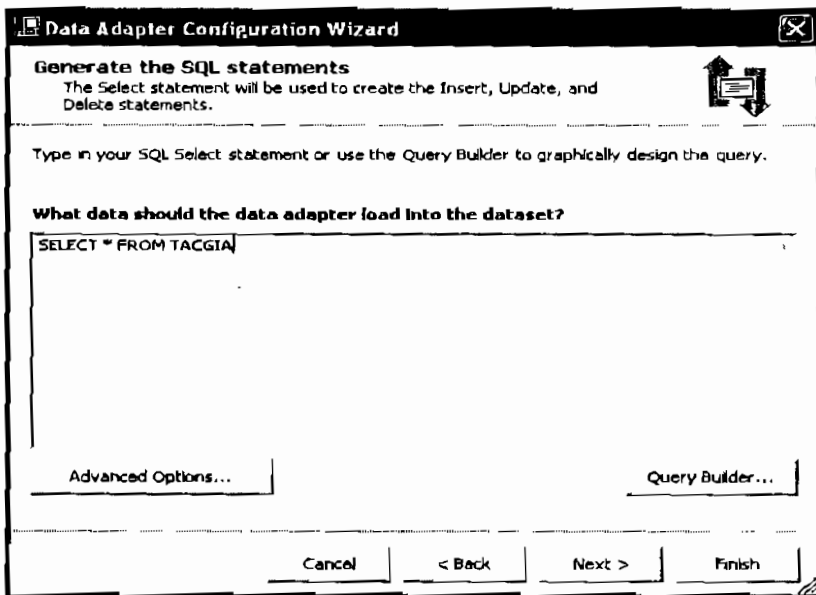
☛ Thực hiện việc đưa đối tượng OleDbDataAdapter vào khay công cụ

Thực hiện các thao tác tương tự để đưa đối tượng OleDbDataAdapter vào khay công cụ, lưu ý chọn

COMPUTER\DAUQUANGTUAN.QUANLYTACGIA.Dbo

◆ Click nút **Next** đến khi hộp thoại nhập câu lệnh SQL hiện ra, bạn nhập vào câu lệnh sau:

**SELECT \* FROM TACGIA**



B5H75

◆ Click nút **Finish** để kết thúc

☛ Thực hiện việc đưa đối tượng Dataset vào khay công cụ

◆ Click chọn FormTACGIA

◆ Vào menu **Data**, click chọn **Generate Dataset**

◆ Click chọn nút **New** trong hộp thoại hiện ra, nhập vào khung bên phải DatasetTACGIA

## Generate Dataset



Generate a dataset that includes the specified tables.

Choose a dataset:

Existing

New:

Choose which table(s) to add to the dataset:

TACGIA (OleDbDataAdapter1)

Add this dataset to the designer.

OK

Cancel

Help

B5H76

◆ Click nút OK để hoàn tất việc đưa DataSetTACGIA1 vào khay công cụ

Trong hộp công cụ, click tab Windows Forms để hiện các điều khiển. Bạn lần lượt click chọn các điều khiển TextBox, Label, Button để đưa vào FormTACGIA và xác lập các thuộc tính cho chúng như trong bảng các thuộc tính của FormTACGIA đã cho ở trên. Thiết kế xong, bạn sẽ có hình như sau:

XEM THÔNG TIN BẢNG TÁC GIẢ		
Mã số tác giả		XEM
Họ lót		TRƯỚC
Tên		SAU
Nam/Nữ		ĐẦU TIÊN
Ngày sinh		CUỐI CÙNG
Nơi sinh		
Địa chỉ		
Số điện thoại		THOÁT

OleDbDataAdapter1

OleDbConnection1

DataSetTACGIA1

B5H77

### ■ Tạo Form con có tên FormNHAXUATBAN

Bạn thêm một Form mới vào giống như FormTACGIA ở trên, đặt tên cho form này là FormNHAXUATBAN.vb

Add New Item QUANI ▼ TACGIA

Categories:	Templates:
Local Project Items	Windows Form
	Class
	Module
	Component Class
	User Control
	Data Form Wizard
	DataSet
	XML File
	XML Schema

A Form for Windows Applications

Name: FormNHAXUATBAN.vb

Open Cancel Help

B5H78

◆ Click Open, FormNHAXUATBAN xuất hiện

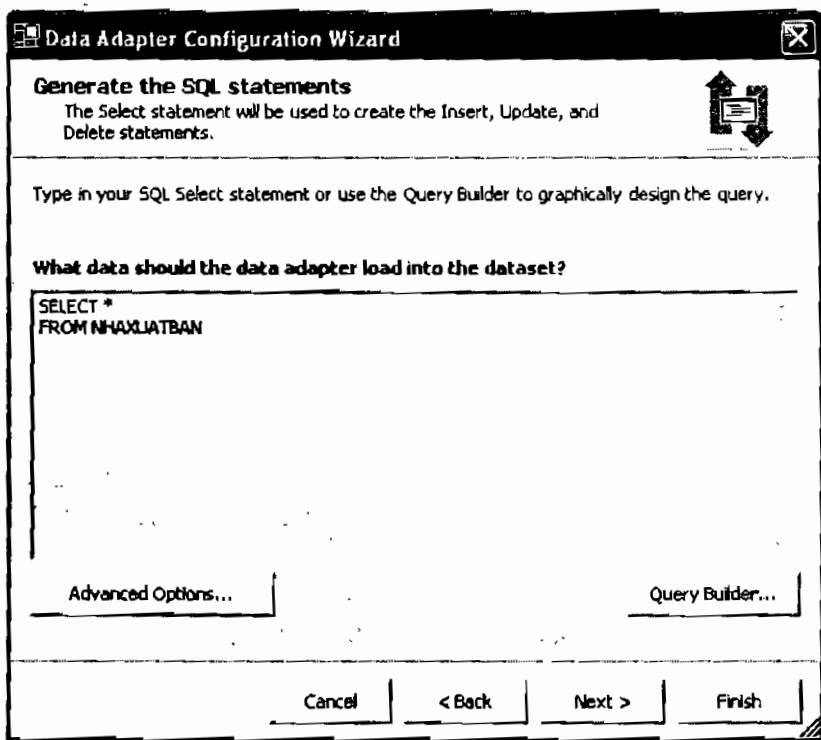
☛ Thực hiện việc đưa đối tượng OleDbDataAdapter vào khay công cụ

Thực hiện các thao tác tương tự để đưa đối tượng OleDbDataAdapter vào khay công cụ, lưu ý chọn

COMPUTER\DAUQUANGTUAN.QUANLYTACGIA.Dbo

◆ Click nút Next đến khi hộp thoại nhập câu lệnh SQL hiện ra, bạn nhập vào câu lệnh sau:

**SELECT \* FROM NHAXUATBAN**



B5H79

◆ Click nút Finish để kết thúc, click nút Don't Include Password nếu hộp thoại này hiện ra.

☛ Thực hiện việc đưa đối tượng Dataset vào khay công cụ



- ◆ Click chọn FormNHAXUATBAN
- ◆ Vào menu Data, click chọn Generate Dataset
- ◆ Click chọn nút New trong hộp thoại hiện ra, nhập vào khung bên phải DataSetNHAXUATBAN

**Generate Dataset** X

Generate a dataset that includes the specified tables.

Choose a dataset:

Existing

New: DataSetNHAXUATBAN

Choose which table(s) to add to the dataset:

NHAXUATBAN (OleDbDataAdapter1)

Add this dataset to the designer.

OK
Cancel
Help

B5H80

- ◆ Click nút OK để hoàn tất việc đưa DataSetNHAXUATBAN1 vào khay công cụ

Trong hộp công cụ, click tab Windows Forms để hiện các điều khiển. Bạn lần lượt click chọn các điều khiển TextBox, Label, Button để đưa vào FormNHAXUATBAN và xác lập các thuộc tính cho chúng như trong bảng các thuộc tính của FormNHAXUATBAN đã cho ở trên. Thiết kế xong, bạn sẽ có hình như sau:

**XEM THÔNG TIN BẢNG NHÀ XUẤT BẢN**

Mã số nhà xuất bản	
Tên nhà xuất bản	
Địa chỉ	
Họ tên giám đốc	
<b>XEM</b>	
<b>TRƯỚC</b>	<b>SAU</b>
<b>ĐỊA CHỈ</b>	<b>HỌ TÊN GIÁM ĐỐC</b>
<b>THOÁT</b>	

OleDbDataAdapter1

OleDbConnection1

DataSetNHAXUATBAN1

B5H81

■ Tạo Form con có tên FormVIPHAM

Bạn thêm một Form mới vào giống như FormNHAXUATBAN ở trên, đặt tên cho form này là FormVIPHAM.vb

**Add New Item - Q1.TG\_VB.NET\_SQLSERVER**

Categories:	Templates:																		
Local Project Items	<table border="1"> <tr> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>Windows Form</td> <td>Class</td> <td>Module</td> </tr> <tr> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>Component Class</td> <td>User Control</td> <td>Data Form Wizard</td> </tr> <tr> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>DataSet</td> <td>XML File</td> <td>XML Schema</td> </tr> </table>				Windows Form	Class	Module				Component Class	User Control	Data Form Wizard				DataSet	XML File	XML Schema
Windows Form	Class	Module																	
Component Class	User Control	Data Form Wizard																	
DataSet	XML File	XML Schema																	
A Form For Windows Applications																			
Name:	FormVIPHAM.vb																		
<input type="button" value="Open"/> <input type="button" value="Cancel"/> <input type="button" value="Help"/>																			

B5H82

◆ Click Open, FormVIPHAM xuất hiện

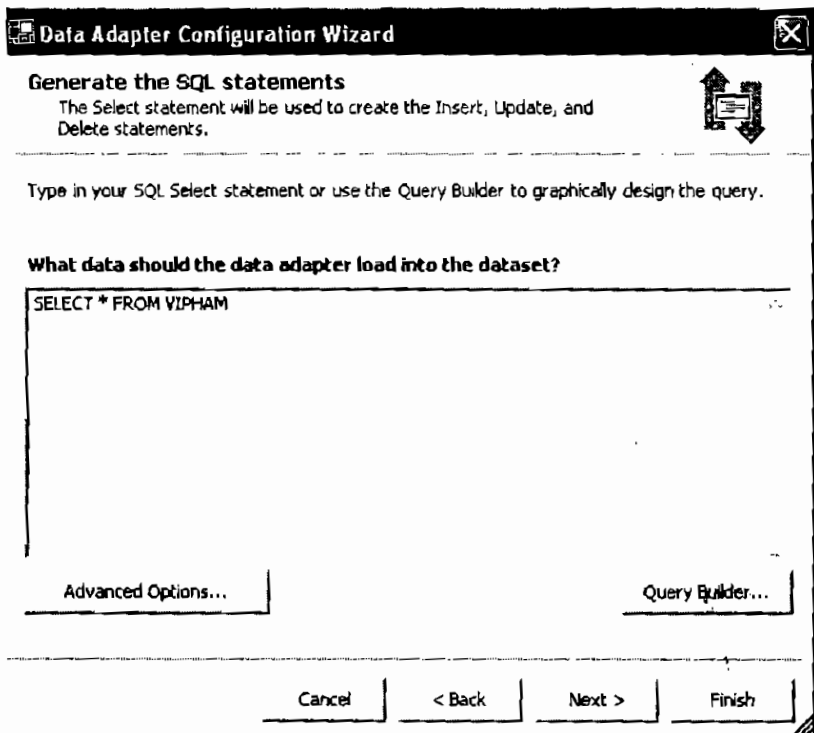
☛ Thực hiện việc đưa đối tượng OleDbDataAdapter vào khay công cụ

Thực hiện các thao tác tương tự để đưa đối tượng OleDbDataAdapter vào khay công cụ, lưu ý chọn

COMPUTER\DAUQUANGTUAN\QUANLYTACGIA.Dbo

◆ Click nút Next đến khi hộp thoại nhập câu lệnh SQL hiện ra, bạn nhập vào câu lệnh sau:

**SELECT \* FROM VIPHAM**



B5H83

◆ Click nút Finish để kết thúc, click nút Don't Include Password nếu hộp thoại này hiện ra.

☛ Thực hiện việc đưa đối tượng Dataset vào khay công cụ

◆ Click chọn FormVIPHAM

- ◆ Vào menu Data, click chọn Generate Dataset
- ◆ Click chọn nút New trong hộp thoại hiện ra, nhập vào khung bên phải DataSetVIPHAM

**Generate Dataset**

Generate a dataset that includes the specified tables.

Choose a dataset:

Existing

New: DataSetVIPHAM

Choose which table(s) to add to the dataset:

VIPHAM (OleDbDataAdapter1)

Add this dataset to the designer.

OK Cancel Help

B5H84

- ◆ Click nút OK để hoàn tất việc đưa DataSetVIPHAM1 vào khay công cụ

Trong hộp công cụ, click tab Windows Forms để hiện các điều khiển. Bạn lần lượt click chọn các điều khiển TextBox, Label, Button để đưa vào FormVIPHAM và xác lập các thuộc tính cho chúng như trong bảng các thuộc tính của FormVIPHAM đã cho ở trên. Thiết kế xong, bạn sẽ có hình như sau:

**XEM THÔNG TIN BẢNG VI PHẠM**

Mã số vi phạm	
Nội dung vi phạm	
Ngày vi phạm	
Hình thức phạt	
Mã số tác giả	
Mã số nhà xuất bản	
Mã sách	

TRƯỚC SAU ĐẦU TIÊN CUỐI CÙNG

XEM THOÁT

OleDbDataAdapter1

OleDbConnection1

DataSetVIPHAM1

B5H85

■ Tạo Form con có tên FormKHENTHUONG

Bạn thêm một Form mới vào giống như FormVIPHAM ở trên, đặt tên cho form này là FormKHENTHUONG.vb

**Add New Item - QL.TG.VB.NET.SQL.SERVER**

Categories: Local Project Items

Templates:

Windows Form	Class	Module
Component Class	User Control	Data Form Wizard
DataSet	XML File	XML Schema

A form for Windows Applications

Name: FormKHENTHUONG.vb

Open Cancel Help

B5H86

◆ Click Open, FormKHENTHUONG xuất hiện

☛ Thực hiện việc đưa đối tượng OleDbDataAdapter vào khay công cụ

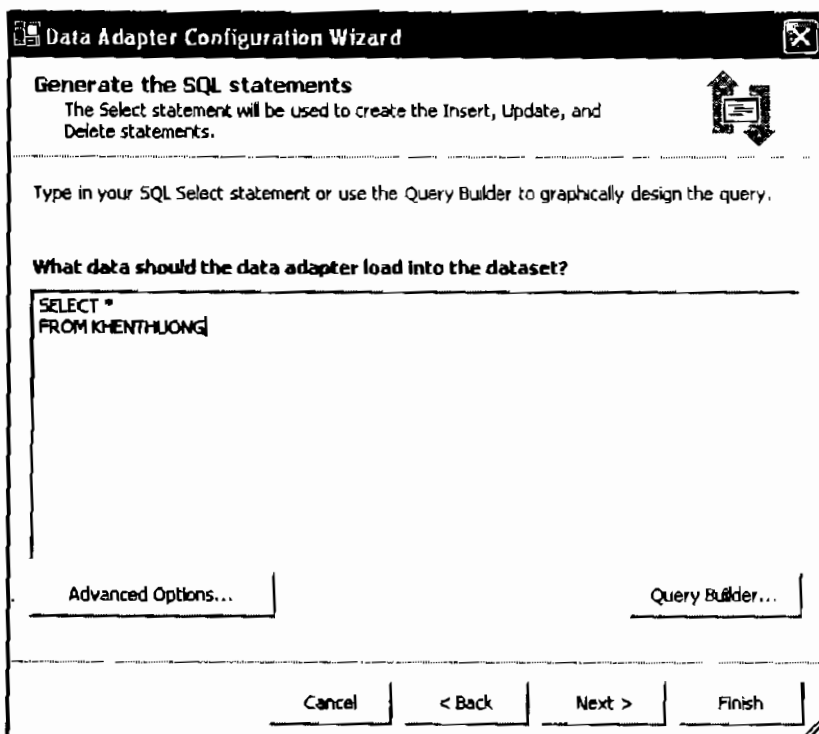
Thực hiện các thao tác tương tự để đưa đối tượng OleDbDataAdapter vào khay công cụ, lưu ý chọn

COMPUTER\DAUQUANGTUAN\QUANLYTACGIA.Dbo

◆ Click nút Next đến khi hộp thoại nhập câu lệnh SQL hiện ra, bạn nhập vào câu lệnh sau:

**SELECT \***

**FROM KHENTHUONG**



B5H87

◆ Click nút Finish để kết thúc, click nút Don't Include Password nếu hộp thoại này hiện ra.

☛ Thực hiện việc đưa đối tượng Dataset vào khay công cụ

◆ Click chọn FormKHENTHUONG

- ◆ Vào menu Data, click chọn Generate Dataset
- ◆ Click chọn nút New trong hộp thoại hiện ra, nhập vào khung bên phải DataSetKHENTHUONG

## Generate Dataset



Generate a dataset that includes the specified tables.

Choose a dataset:

Existing

New:

Choose which table(s) to add to the dataset:

KHENTHUONG (OleDbDataAdapter1)

Add this dataset to the designer.

B5H88

- ◆ Click nút OK để hoàn tất việc đưa DataSetKHENTHUONG1 vào khay công cụ

Trong hộp công cụ, click tab Windows Forms để hiện các điều khiển. Bạn lần lượt click chọn các điều khiển TextBox, Label, Button để đưa vào FormKHENTHUONG và xác lập các thuộc tính cho chúng như trong bảng

các thuộc tính của FormKHENTHUONG đã cho ở trên. Thiết kế xong, bạn sẽ có hình như sau:

The screenshot shows a form window titled "XEM THÔNG TIN BẢNG KHEN THƯỞNG". It contains several text input fields for data entry:

- Mã số khen thưởng
- Nội dung khen
- Ngày khen
- Hình thức khen
- Mã số tác giả
- Mã số nhà xuất bản
- Mã sách

At the bottom, there are navigation buttons: "TRƯỚC", "SAU", "ĐẦU TIÊN", "CUỐI CÙNG", "XEM", and "THOÁT".

OleDbDataAdapter1

OleDbConnection1

DataSetKHENTHUONG1

B5H89

#### ■ Tạo Form con có tên FormNXBTACGIASACH

Bạn thêm một Form mới vào giống như các Form trên, đặt tên cho form này là FormNXBTACGIASACH.vb

The screenshot shows the "Add New Item" dialog box with the title "Add New Item - QUANI Y TAC GIA". It is divided into "Categories" and "Templates" sections.

- Categories:** Local Project Items
- Templates:** Windows Form, Class, Module, Component Class, User Control, Data Form Wizard, DataSet, XML File, XML Schema

The "Name" field is filled with "FormNXBTACGIASACH.vb". At the bottom, there are "Open", "Cancel", and "Help" buttons.

B5H90

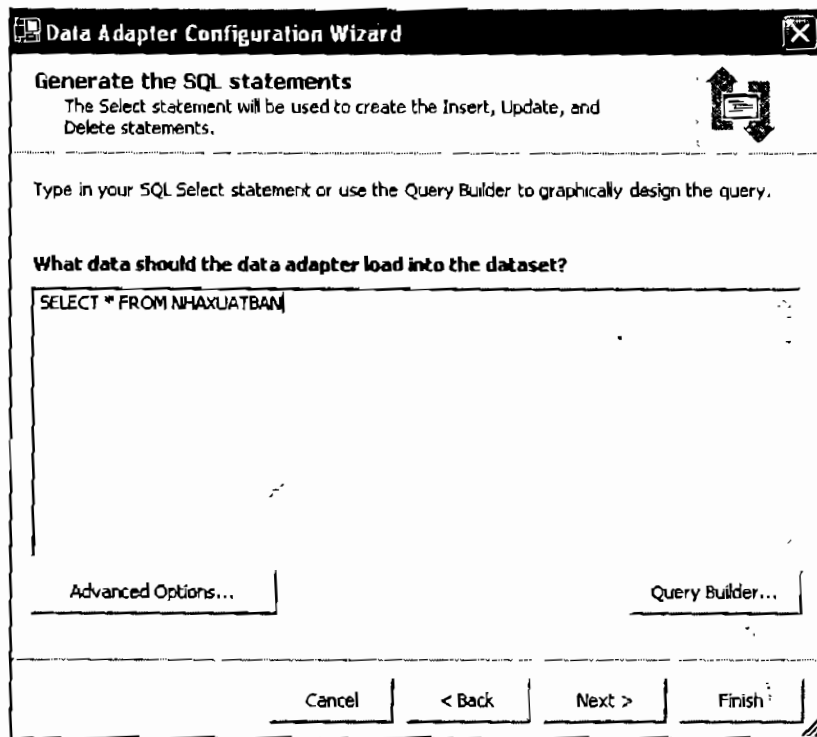


Trong FormNXBTACGIASACH có tất cả là 7 đối tượng trong khay công cụ, trong Form dùng các điều khiển DataGridView thể hiện thông tin thay cho các TextBox. Bỏ qua việc kết nối với CSDL QUANLYTACGIA, vì chúng ta đã kết nối rồi.

### ➤ Đưa đối tượng OleDbDataAdapter1

Bạn thực hiện đưa đối tượng này vào khay công cụ giống như các Form ở trên, cho đến khi hộp thoại hiện ra để nhập câu lệnh SQL

```
SELECT *  
FROM NHAXUATBAN
```



B5H91

◆ Click nút Finish để kết thúc, click nút Don't Include Password nếu hộp thoại này hiện ra.

### ➤ Thực hiện việc đưa đối tượng Dataset vào khay công cụ

◆ Click chọn FormNXBTACGIASACH

- ◆ Vào menu Data, click chọn Generate Dataset
- ◆ Click chọn nút New trong hộp thoại hiện ra, nhập vào khung bên phải DataSetNXB

**Generate Dataset** [X]

Generate a dataset that includes the specified tables.

Choose a dataset:

Existing [ ]

New: DataSetNXB

Choose which table(s) to add to the dataset:

- NHAXUATBAN (OleDbDataAdapter1)
- TACGIA (OleDbDataAdapter2)

Add this dataset to the designer.

OK Cancel Help

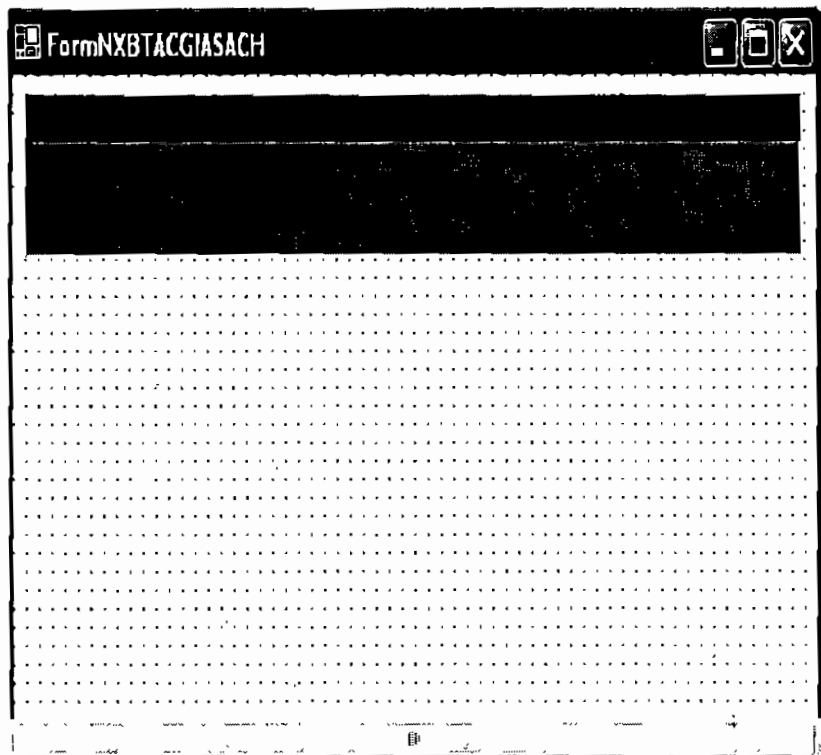
B5H92

- ◆ Click nút OK để hoàn tất việc đưa DataSetNXB1 vào khay công cụ
- Vậy là bạn đã có ba đối tượng OleDbDataAdapter1, OleDbConnection1 và DataSetNXB1 trên khay công cụ, ba đối tượng này sẽ thể hiện thông tin của bảng NHAXUATBAN trên DataGrid thứ nhất.

Bạn chọn tab Windows Forms trong hộp công cụ, click chọn điều khiển DataGrid và đưa vào FormNXBTACGIASACH như hình sau:

*Ghi chú:*

Các Form có ba điều khiển lưới DataGrid, nên chiếm chỗ hơi nhiều trên Form. Để cho các bạn thấy các đối tượng nằm bên dưới Form trên khay công cụ, nên chúng tôi thiết kế các DataGrid hơi nhỏ, trong khi thực hành, các bạn nhớ kéo Form lớn ra theo chiều rộng cũng như theo chiều ngang để thấy được thông tin khi chạy chương trình. Tương tự như vậy với các FormNXBTACGIAKHENTHUONG và FormNXBTACGIAVIPHAM



OleDbDataAdapter1

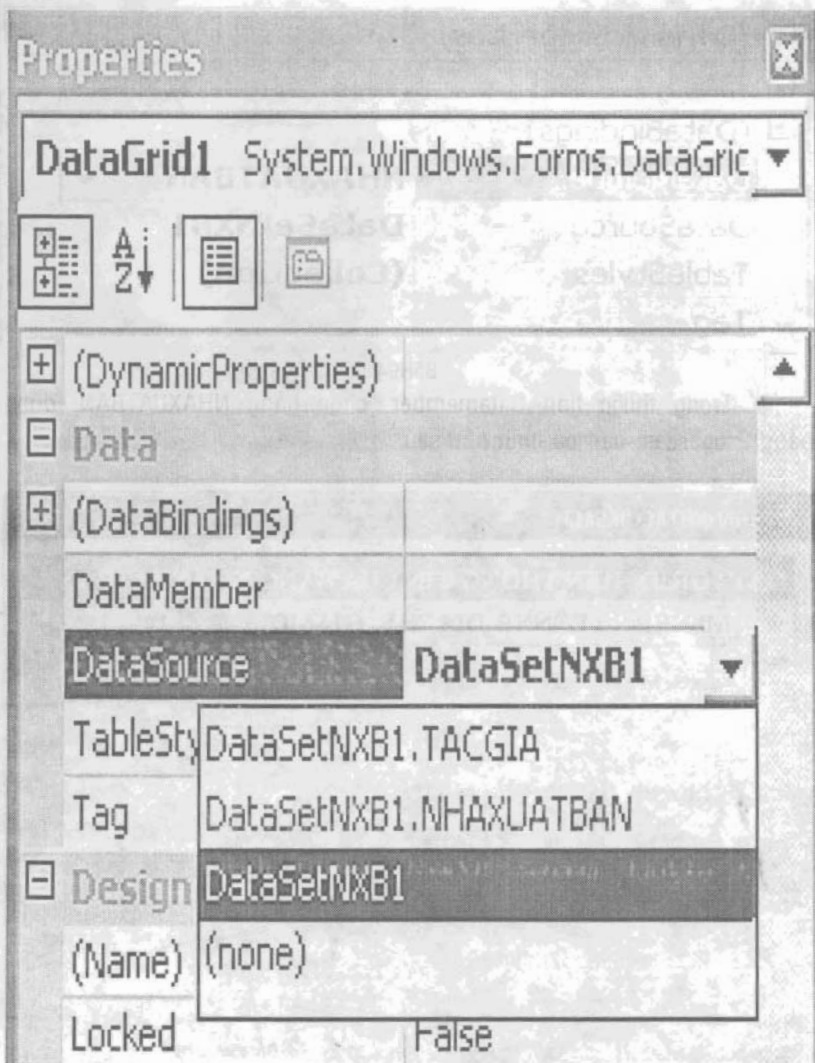
OleDbConnection1

DataSetNXB1

B5H93

◆ Click nút phải chuột trên DataGrid, chọn Properties, xác lập các thuộc tính cho điều khiển này như trong bảng các thuộc tính của điều khiển DataGrid1 tương ứng đã cho ở trên.

◆ Trong thuộc tính DataSource, click chọn đầu mũi tên quay xuống, chọn DataSetNXB1



**Properties**

**DataGrid1** System.Windows.Forms.DataGrid

(DynamicProperties)

Data

(DataBindings)

DataMember

**DataSource** **DataSetNXB1**

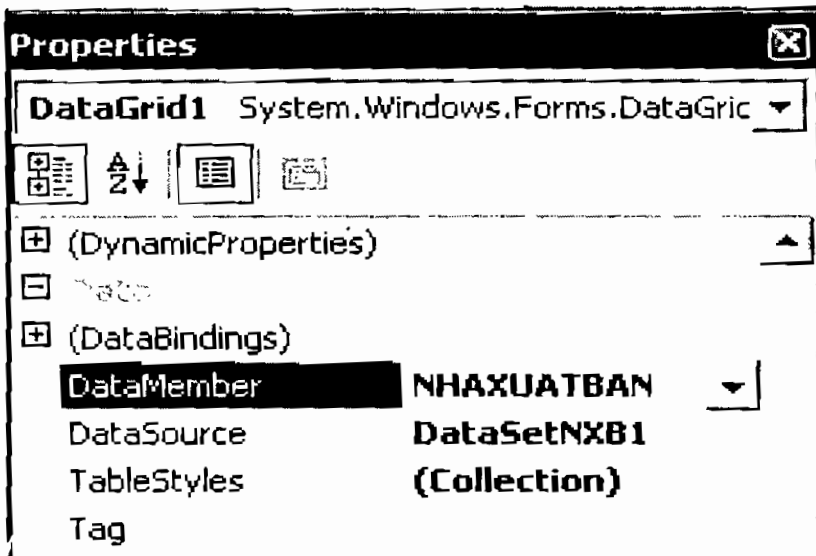
TableSty DataSetNXB1.TACGIA

Tag DataSetNXB1.NHAXUATBAN

Design DataSetNXB1

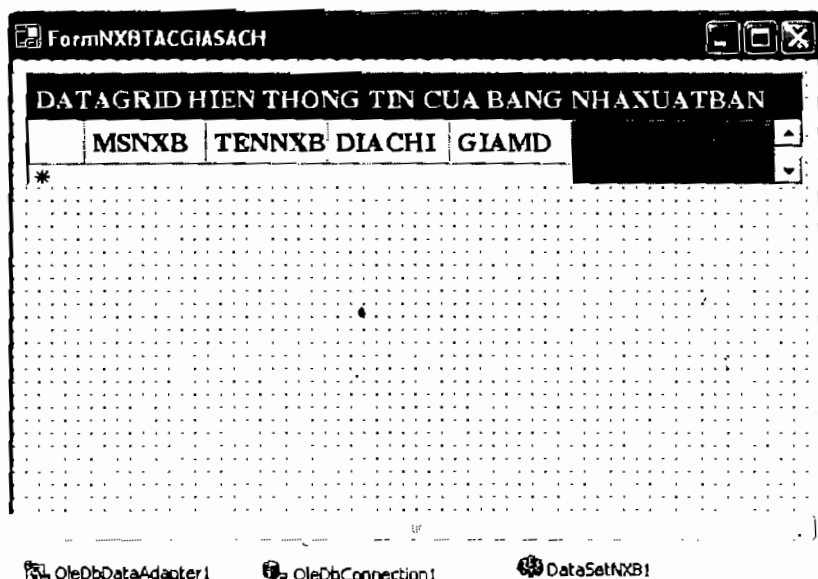
(Name) (none)

Locked False



B5H94

◆ Trong thuộc tính Datamember, chọn bảng NHAXUATBAN, đóng bảng Properties, bạn có hình như sau:



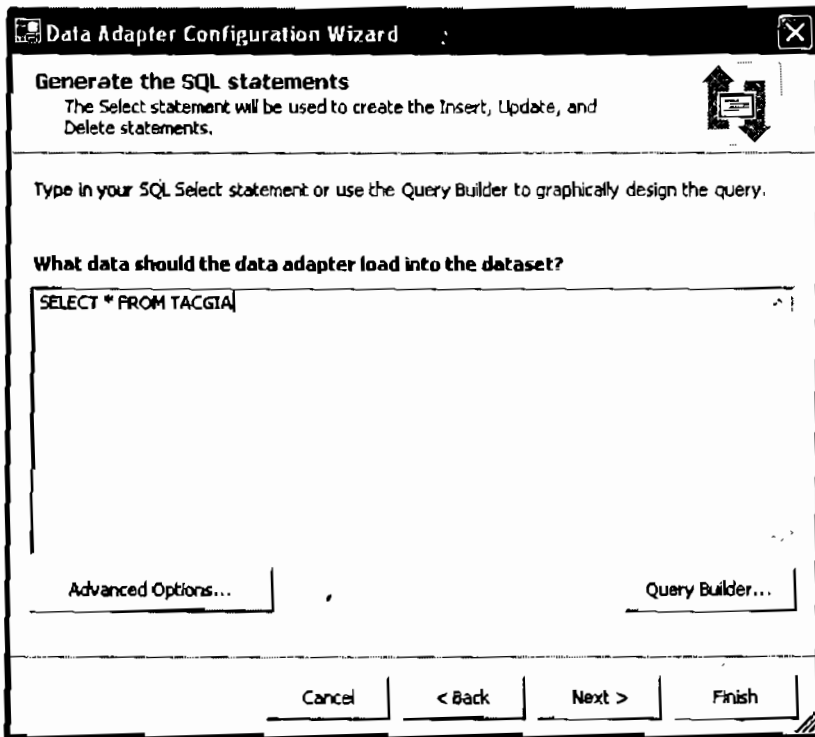
B5H95

## ➤ Đưa đối tượng OleDbDataAdapter2

Bạn thực hiện đưa đối tượng này vào khay công cụ giống như Form ở trên

Khi đưa đối tượng OleDbDataAdapter vào, nhớ chọn CSDL QUANLYTACGIA, và khi hộp thoại hiện ra để nhập câu lệnh SQL, bạn nhập câu lệnh sau:

```
SELECT *  
FROM TACGIA
```



B5H96

◆ Click nút Finish để kết thúc, click nút Don't Include Password nếu hộp thoại này hiện ra.

## ➤ Thực hiện việc đưa đối tượng Dataset vào khay công cụ

- ◆ Click chọn FormNXBTACGIASACH
- ◆ Vào menu Data, click chọn Generate Dataset

◆ Click chọn nút New trong hộp thoại hiện ra, nhập vào khung bên phải DatasetNXBTACGIA

## Generate Dataset



Generate a dataset that includes the specified tables.

Choose a dataset:

Existing

New:

Choose which table(s) to add to the dataset:

NHAXUATBAN (OleDbDataAdapter1)

TACGIA (OleDbDataAdapter2)

Add this dataset to the designer.

OK

Cancel

Help

B5H97

◆ Click nút OK để hoàn tất việc đưa DatasetNXBTACGIA1 vào khay công cụ

Vậy là bạn đã có năm đối tượng trên khay công cụ, trong đó ba đối tượng OleDbDataAdapter2, OleDbConnection1 và DataSetNXBTACGIA1 trên khay công cụ, ba đối tượng này sẽ thể hiện thông tin của bảng TACGIA trên DataGridView thứ hai.

\* Bạn chọn tab Windows Forms trong hộp công cụ, click chọn điều khiển DataGridView và đưa vào FormNXNTACGIASACH như hình sau:



## DATAGRID HIEN THONG TIN CUA BANG NHAXUATBAN

MSNXB	TENNXB	DIACHI	GIAMD
*			



B5H98





◆ Click nút phải chuột trên DataGrid, chọn Properties, xác lập các thuộc tính cho điều khiển này như trong bảng các thuộc tính của điều khiển DataGrid2 tương ứng đã cho ở trên.










◆ Trong thuộc tính DataSource, click chọn đầu mũi tên quay xuống, chọn DataSetNXBTACGIA1



**Properties** [X]

**DataGrid2** System.Windows.Forms.DataGrid ▾

ForeColor		WindowText	▲
GridLineColor		Control	
HeaderBackColor		Control	
HeaderForeColor		<b>ControlText</b>	
LinkColor		HotTrack	
ParentRowsBackColor		Control	
ParentRowsForeColor		WindowText	
SelectionBackColor		ActiveCaption	
SelectionForeColor		ActiveCaptionText	

**Configurations**  
 (DynamicProperties)  
 **Data**  
 (DataBindings)

DataMember

**DataSource** **aSetNXBTACGIA1** ▾

- DataSetNXB1.NHAXUATBAN
- DataSetNXBTACGIA1.TACGIA
- DataSetNXBTACGIA1.NHAXUATBAN
- DataSetNXB1.TACGIA
- DataSetNXB1
- DataSetNXBTACGIA1**

AU

# Properties



DataGrid2 System.Windows.Forms.DataGrid



ForeColor



WindowText

GridLineColor



Control

HeaderBackColor



Control

HeaderForeColor



**ControlText**

LinkColor



HotTrack

ParentRowsBackCol



Control

ParentRowsForeCol



WindowText

SelectionBackColor



ActiveCaption

SelectionForeColor



ActiveCaptionText

Configurations

(DynamicProperties)

Data

(DataBindings)

DataMember

TACGIA

DataSource



NHAXUATBAN

TableStyles



**TACGIA**

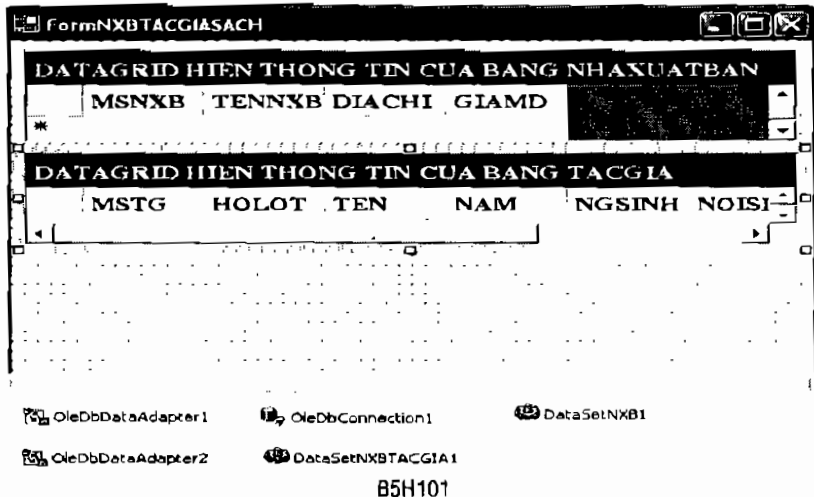
Tag



(None)

B5H100

◆ Trong thuộc tính Datasource, chọn bảng TACGIA, đóng bảng Properties, bạn có hình như sau:

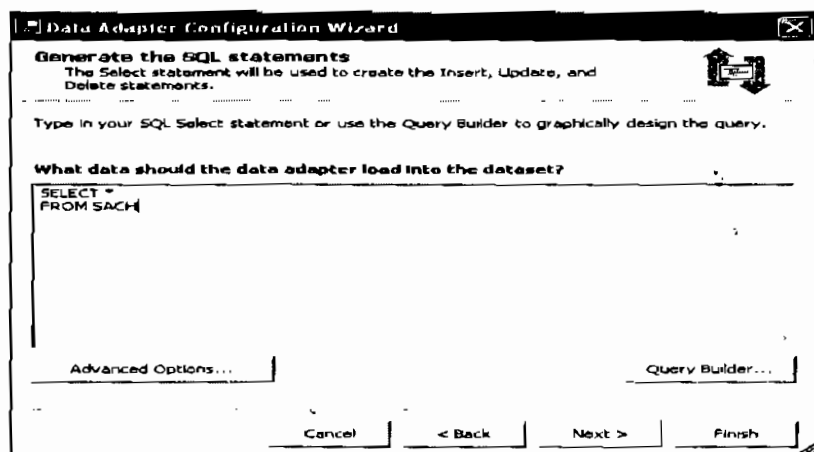


### Đưa đối tượng OleDbDataAdapter3

Bạn thực hiện đưa đối tượng này vào khay công cụ giống như Form ở trên

Khi đưa đối tượng OleDbDataAdapter vào, nhớ chọn CSDL QUANLYTACGIA, và khi hộp thoại hiện ra để nhập câu lệnh SQL, bạn nhập câu lệnh sau:

```
SELECT *
FROM SACH
```



B5H102

◆ Click nút Finish để kết thúc, click nút Don't Include Password nếu hộp thoại này hiện ra.

➤ Thực hiện việc đưa đối tượng Dataset vào khay công cụ

◆ Click chọn FormNXBTACGIASACH

◆ Vào menu Data, click chọn Generate Dataset

◆ Click chọn nút New trong hộp thoại hiện ra, nhập vào khung bên phải DataSetNXBTACGIASACH

**Generate Dataset** [X]

Generate a dataset that includes the specified tables.

Choose a dataset:

Existing [ ]

New: DataSetNXBTACGIASACH

Choose which table(s) to add to the dataset:

- NHAXUATBAN (OleDbDataAdapter1)
- SACH (OleDbDataAdapter3)
- TACGIA (OleDbDataAdapter2)

Add this dataset to the designer.

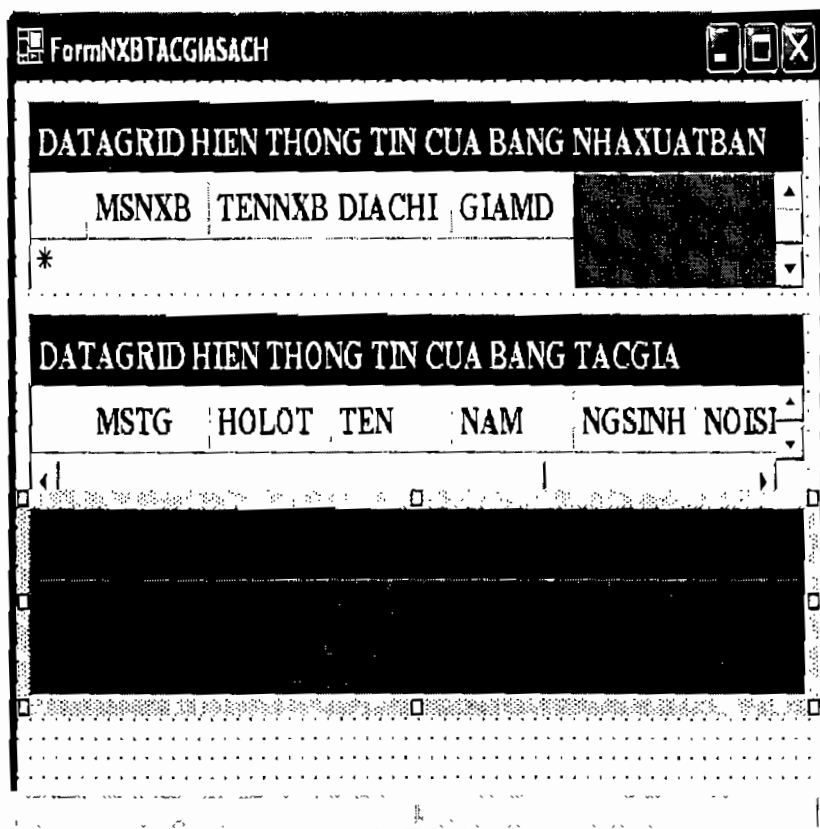
OK Cancel Help

B5H103

◆ Click nút OK để hoàn tất việc đưa DataSetNXBTACGIASACH1 vào khay công cụ

Vậy là bạn đã có bảy đối tượng trên khay công cụ, trong đó ba đối tượng OleDbDataAdapter3, OleDbConnection1 và DataSetNXBTACGIASACH1 trên khay công cụ, ba đối tượng này sẽ thể hiện thông tin của bảng SACH trên DataGridView thứ ba.

Bạn chọn tab Windows Forms trong hộp công cụ, click chọn điều khiển DataGrid và đưa vào FormNXNTACGIASACH như hình sau:



B5H104

◆ Click nút phải chuột trên DataGrid, chọn Properties, xác lập các thuộc tính cho điều khiển này như trong bảng các thuộc tính của điều khiển DataGrid3 tương ứng đã cho ở trên.

◆ Trong thuộc tính DataSource, click chọn đầu mũi tên quay xuống, chọn DataSetNXBTACGIASACH1

# Properties



**DataGrid3** System.Windows.Forms.DataGrid ▾



A ↓  
2 ↓



ForeColor



WindowText ▲

GridLineColor



Control

HeaderBackColor



Control

DataSetNXBTACGIA1.NHAXUATBAN

DataSetNXBTACGIA1.TACGIA

DataSetNXBTACGIASACH1.SACH

DataSetNXBTACGIASACH1.NHAXUATBAN

DataSetNXBTACGIASACH1.TACGIA

DataSetNXB1.NHAXUATBAN

DataSetNXB1.TACGIA

DataSetNXB1

DataSetNXBTACGIA1

DataSetNXBTACGIASACH1

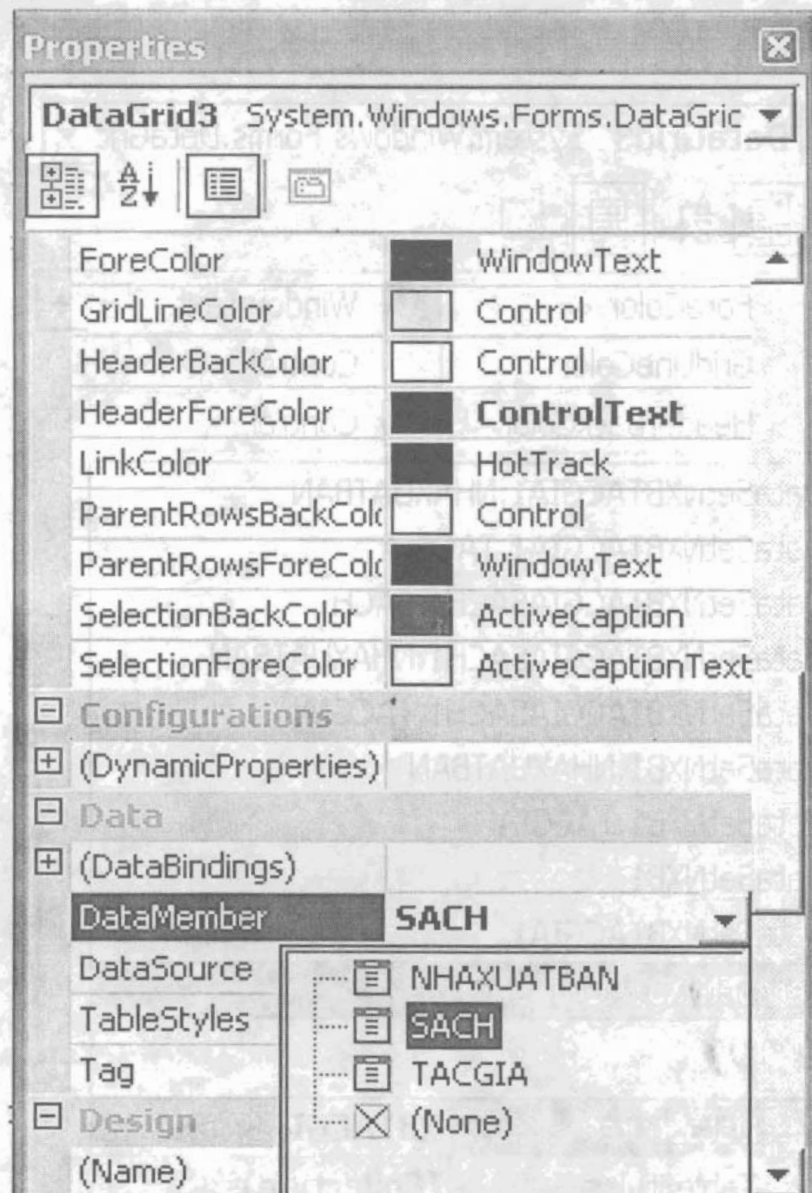
(none)

DataSource

**XBTACGIASACH1** ▾

TableStyles

**(Collection)**



B5H106

Trong thuộc tính `Datamember`, chọn bảng `SACH`, đóng bảng Properties, bạn có hình như sau:

FormNXBTACGIASACH

**DATAGRID HIEN THONG TIN CUA BANG NHAXUATBAN**

MSNXB	TENNXB	DIACHI	GIAMD
*			

**DATAGRID HIEN THONG TIN CUA BANG TACGIA**

MSTG	HOLOT	TEN	NAM	NGSINH	NOISIN
*					

**DATAGRID HIEN THONG TIN CUA BANG SACH**

MASAC	TENSAC	GIABIA	NAMXB	SOTRAN	LOAIGI
*					

OleDbDataAdapter1   OleDbConnection1   DataSetNXB1  
 OleDbDataAdapter2   DataSetNXBTACGIA1  
 OleDbDataAdapter3   DataSetNXBTACGIASACH1

B5H107

Bạn tiếp tục đưa các Button vào Form, xác lập các thuộc tính như trong bảng đã cho ở trên, cuối cùng bạn sẽ có FormNXBTACGIASACH như hình sau:

FormNXBTACGIASACH

**DATAGRID HIEN THONG TIN CUA BANG NHAXUATBAN**

MSNXB	TENNXB	DIACHI	GIAMD
*			

**DATAGRID HIEN THONG TIN CUA BANG TACGIA**

MSTG	HOLOT	TEN	NAM	NGSINH	NOISIN
*					

**DATAGRID HIEN THONG TIN CUA BANG SACH**

MASAC	TENSAC	GIABIA	NAMXB	SOTRAN	LOAIGI
*					

XEM THÔNG TIN   CẬP NHẬT   THOÁT

B5H108



Xác lập thuộc tính cho Form, kéo các đối tượng trên khay công cụ, bạn sẽ có hình như sau:

XEM THÔNG TIN BẢNG NHÀ XUẤT BẢN - TÁC GIẢ - SÁCH

DATAGRID HIỆN THÔNG TIN CỦA BẢNG NHAXUATBAN

MSNXB	TenNXB	Địachi	Giamdac
*			

DATAGRID HIỆN THÔNG TIN CỦA BẢNG TACGIA

MSTG	Holot	Ten	Nam	Ngaysinh	Noisinh	Địachi
*						

DATAGRID HIỆN THÔNG TIN CỦA BẢNG SÁCH

MASAC	Tensach	Giatien	NamXB	Sotrang	Loaignay	SMSNXB
*						

XEM THÔNG TIN      CẬP NHẬT      THOÁT

OleDbDataAdapter1   OleDbConnection1   DataSetNXB1   DataSetNXBTACGIASACH1  
OleDbDataAdapter2   OleDbDataAdapter3   DataSetNXBTACGIA1

B5H109

#### ■ Tạo Form con có tên FormNXBTACGIAKHENTHUONG

Bạn thêm một Form mới vào giống như các Form trên, đặt tên cho form này là FormNXBTACGIAKHENTHUONG.vb

Add New Item - QL.TG\_VB.NET\_SQLSERVER

Categories: Local Project Items

Templates: Windows Form, Class, Module, Component Class, User Control, Data Form Wizard, DataSet, XML File, XML Schema

A Form For Windows Applications

Name: FormNXBTACGIAKHENTHUONG.vb

Open      Cancel      Help

B5H110

Trong FormNXBTACGIAKHENTHUONG có tất cả là 7 đối tượng trong khay công cụ, trong Form dùng các điều khiển DataGrid thể hiện thông tin thay cho các TextBox. Bỏ qua việc kết nối với CSDL QUANLYTACGIA, vì chúng ta đã kết nối rồi.

### ➤ Đưa đối tượng OleDbDataAdapter1

Bạn thực hiện đưa đối tượng này vào khay công cụ giống như các Form ở trên

Khi đưa đối tượng OleDbDataAdapter1 vào, nhớ chọn CSDL QUANLYTACGIA, và khi hộp thoại hiện ra để nhập câu lệnh SQL, bạn nhập câu lệnh sau:

```
SELECT * FROM NHAXUATBAN
```

**Data Adapter Configuration Wizard**

**Generate the SQL statements**  
The Select statement will be used to create the Insert, Update, and Delete statements.

Type in your SQL Select statement or use the Query Builder to graphically design the query.

**What data should the data adapter load into the dataset?**

```
SELECT * FROM NHAXUATBAN
```

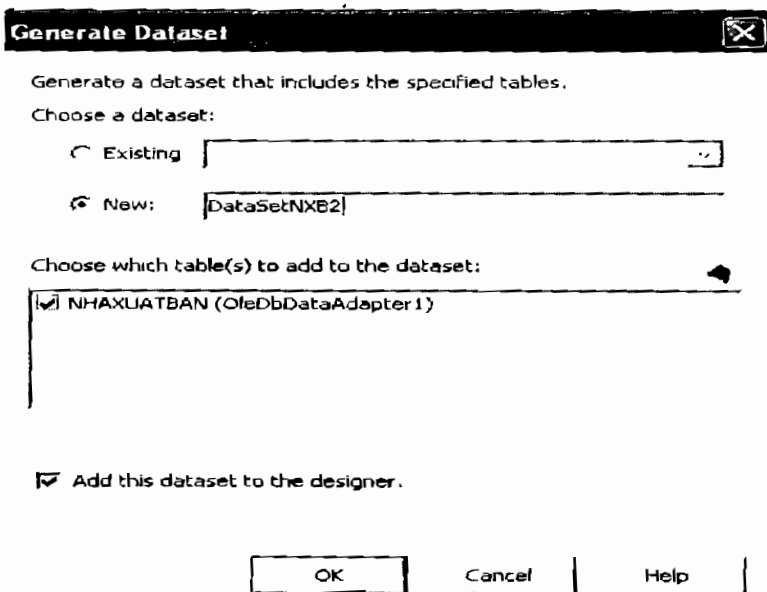
Advanced Options... Query Builder...

Cancel < Back Next > Finish

B5H111

◆ Click nút Finish để kết thúc, click nút Don't Include Password nếu hộp thoại này hiện ra.

- Thực hiện việc đưa đối tượng Dataset vào khay công cụ
  - Click chọn FormNXBTACGIAKHENTHUONG
  - Vào menu Data, click chọn Generate Dataset
  - Click chọn nút New trong hộp thoại hiện ra, nhập vào khung bên phải DatasetNXB2



B5H112

Click nút OK để hoàn tất việc đưa DatasetNXB21 vào khay công cụ. Vậy là bạn đã có ba đối tượng OleDbDataAdapter1, OleDbConnection1 và DatasetNXB21 trên khay công cụ, ba đối tượng này sẽ thể hiện thông tin của bảng NHAXUATBAN trên DataGridView thứ nhất.

Bạn chọn tab Windows Forms trong hộp công cụ, click chọn điều khiển DataGridView và đưa vào FormNXNTACGIAKHENTHUONG

Click nút phải chuột trên DataGridView, chọn Properties, xác lập các thuộc tính cho điều khiển này như trong bảng các thuộc tính của điều khiển DataGridView2 tương ứng đã cho ở trên.

Trong thuộc tính DataSource, click chọn dấu mũi tên quay xuống, chọn DatasetNXB21

Trong thuộc tính DataMember, chọn bảng NHAXUATBAN, như hình sau:

Trong FormNXBTACGIAKHENTHUONG có tất cả là 7 đối tượng trong khay công cụ, trong Form dùng các điều khiển DataGridView thể hiện thông tin thay cho các TextBox. Bỏ qua việc kết nối với CSDL QUANLYTACGIA, vì chúng ta đã kết nối rồi.

### Đưa đối tượng OleDbDataAdapter1

Bạn thực hiện đưa đối tượng này vào khay công cụ giống như các Form ở trên

Khi đưa đối tượng OleDbDataAdapter1 vào, nhớ chọn CSDL QUANLYTACGIA, và khi hộp thoại hiện ra để nhập câu lệnh SQL, bạn nhập câu lệnh sau:

```
SELECT * FROM NHAXUATBAN
```

**Data Adapter Configuration Wizard**

**Generate the SQL statements**  
The Select statement will be used to create the Insert, Update, and Delete statements.

Type in your SQL Select statement or use the Query Builder to graphically design the query.

**What data should the data adapter load into the dataset?**

```
SELECT * FROM NHAXUATBAN
```

Advanced Options... Query Builder...

Cancel < Back Next > Finish

B5H111

◆ Click nút Finish để kết thúc, click nút Don't Include Password nếu hộp thoại này hiện ra.

Thực hiện việc đưa đối tượng Dataset vào khay công cụ

- Click chọn FormNXBTACGIAKHENTHUONG
- Vào menu Data, click chọn Generate Dataset
- Click chọn nút New trong hộp thoại hiện ra, nhập vào khung bên phải DatasetNXB2

**Generate Dataset** ✕

Generate a dataset that includes the specified tables.

Choose a dataset:

Existing

New:

Choose which table(s) to add to the dataset:

NHAXUATBAN (OleDbDataAdapter1)

Add this dataset to the designer.

B5H112

Click nút OK để hoàn tất việc đưa DatasetNXB21 vào khay công cụ. Vậy là bạn đã có ba đối tượng OleDbDataAdapter1, OleDbConnection1 và DatasetNXB21 trên khay công cụ, ba đối tượng này sẽ thể hiện thông tin của bảng NHAXUATBAN trên DataGridView thứ nhất.

Bạn chọn tab Windows Forms trong hộp công cụ, click chọn điều khiển DataGridView và đưa vào FormNXNTACGIAKHENTHUONG

Click nút phải chuột trên DataGridView, chọn Properties, xác lập các thuộc tính cho điều khiển này như trong bảng các thuộc tính của điều khiển DataGridView2 tương ứng đã cho ở trên.

Trong thuộc tính DataSource, click chọn dấu mũi tên quay xuống, chọn DatasetNXB21

Trong thuộc tính DataMember, chọn bảng NHAXUATBAN, như hình sau:

◆ Click nút OK để hoàn tất việc đưa DatasetNXBTACGIA21 vào khay công cụ

Vậy là bạn đã có năm đối tượng trên khay công cụ, trong đó ba đối tượng OleDbDataAdapter2, OleDbConnection1 và DatasetNXBTACGIA21 trên khay công cụ, ba đối tượng này sẽ thể hiện thông tin của bảng TACGIA trên DataGrid thứ hai.

Bạn chọn tab Windows Forms trong hộp công cụ, click chọn điều khiển DataGrid và đưa vào FormNXNTACGIAKHENTHUONG

◆ Click nút phải chuột trên DataGrid, chọn Properties, xác lập các thuộc tính cho điều khiển này như trong bảng các thuộc tính của điều khiển DataGrid2 tương ứng đã cho ở trên.

◆ Trong thuộc tính DataSource, click chọn dấu mũi tên quay xuống, chọn DatasetNXBTACGIA21

◆ Trong thuộc tính DataMember, chọn bảng TACGIA, như hình sau:

SelectionForeColor	ActiveCaptionText
[-] Configurations	
[+] (DynamicProperties)	
[-] Data	
[+] (DataBindings)	
DataMember	TACGIA
DataSource	DataSetNXBTACGIA21
TableStyles	(Collection)

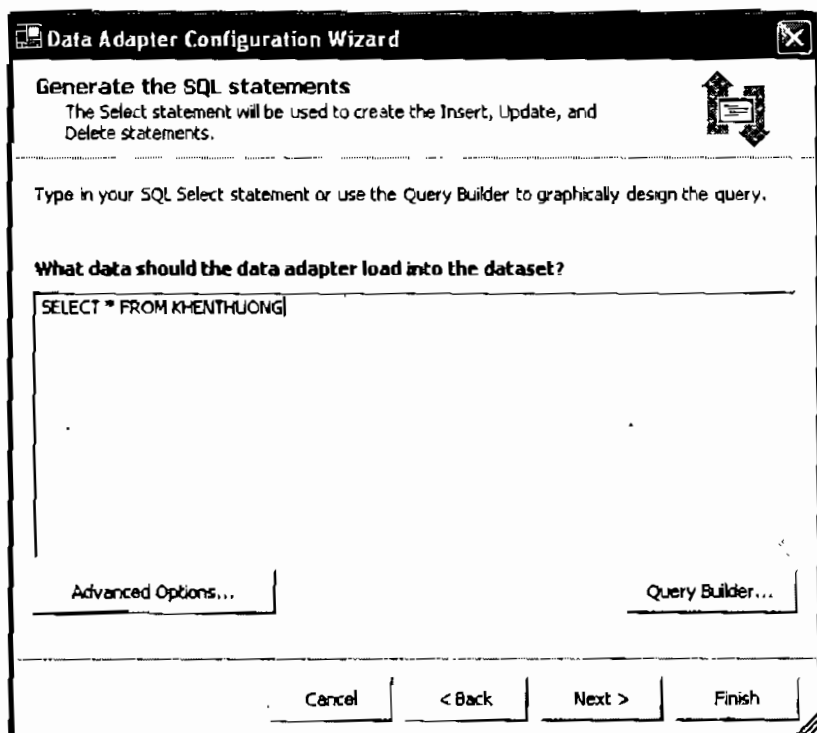
B5H116

## ➤ Đưa đối tượng OleDbDataAdapter3

Bạn thực hiện đưa đối tượng này vào khay công cụ giống như các Form ở trên

Khi đưa đối tượng OleDbDataAdapter3 vào, nhớ chọn CSDL QUANLYTACGIA, và khi hộp thoại hiện ra để nhập câu lệnh SQL, bạn nhập câu lệnh sau:

```
SELECT * FROM KHENTHUONG
```



B5H117

◆ Click nút Finish để kết thúc, click nút Don't Include Password nếu hộp thoại này hiện ra.

## ➤ Thực hiện việc đưa đối tượng Dataset vào khay công cụ

- ◆ Click chọn FormNXBTACGIAKHENTHUONG
- ◆ Vào menu Data, click chọn Generate Dataset
- ◆ Click chọn nút New trong hộp thoại hiện ra, nhập vào khung bên phải DatasetNXBTACGIAKHENTHUONG2

## Generate Dataset



Generate a dataset that includes the specified tables.

Choose a dataset:

- Existing [ ]
- New: [DataSetNXBTACGIAKHENTHUONG2]

Choose which table(s) to add to the dataset:

- KHENTHUONG (OleDbDataAdapter3)
- NHAXUATBAN (OleDbDataAdapter1)
- TACGIA (OleDbDataAdapter2)

Add this dataset to the designer.

OK

Cancel

Help

B5H118

◆ Click nút OK để hoàn tất việc đưa DatasetNXBTACGIAKHENTHUONG21 vào khay công cụ

Vậy là bạn đã có bảy đối tượng trên khay công cụ, trong đó ba đối tượng OleDbDataAdapter3, OleDbConnection1 và DatasetNXBTACGIAKHENTHUONG21 trên khay công cụ, ba đối tượng này sẽ thể hiện thông tin của bảng KHENTHUONG trên DataGridView thứ hai.

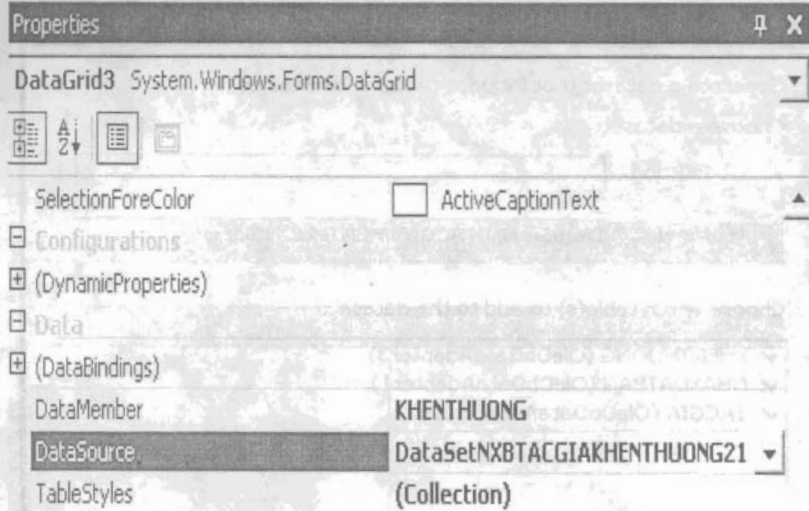
◆ Bạn chọn tab Windows Forms trong hộp công cụ, click chọn điều khiển DataGridView và đưa vào FormNXNTACGIAKHENTHUONG

◆ Click nút phải chuột trên DataGridView, chọn Properties, xác lập các thuộc tính cho điều khiển này như trong bảng các thuộc tính của điều khiển DataGridView3 tương ứng đã cho ở trên.

◆ Trong thuộc tính DataSource, click chọn dấu mũi tên quay xuống, chọn DatasetNXBTACGIAKHENTHUONG21

◆ Trong thuộc tính DataMember, chọn bảng KHENTHUONG, như hình sau:





B5H119

Đưa các Button vào FormNXBTACGIAKHENTHUONG và xác lập các thuộc tính cho nó như bảng đã cho ở trên, các bạn sẽ có hình như sau:



B5H120

◆ Click nút phải chuột trên Form, xác lập các thuộc tính cho Form, bạn sẽ có kết quả như hình sau:

XEM THÔNG TIN BẢNG NHẢ XUẤT BAN · TÁC GIẢ · KHEN THƯỞNG

**DATAGRID HIỆN THÔNG TIN CỦA BẢNG NHAXUATBAN**

MSNXB	TenNXB	Diachi	Giamdac
*			

**DATAGRID HIỆN THÔNG TIN CỦA BẢNG TACGIA**

MSTG	Holot	Ten	Nam	Ngaysinh	Noisinh	Diachi
*						

**DATAGRID HIỆN THÔNG TIN CỦA BẢNG KHENTHUONG**

MSKT	Ndkhen	Ngkhen	Htkhen	MSTG	MSNXB	MAS
4						

XEM THÔNG TIN      CẬP NHẬT      THOÁT

OleDbDataAdapter1   OleDbConnection1   DataSetNXBTACGIA21   DataSetNXB21  
 OleDbDataAdapter2   OleDbDataAdapter3   DataSetNXBTACGIAKHENTHUONG21

B5H121

■ Tạo Form con có tên FormNXBTACGIAVIPHAM

Bạn thêm một Form mới vào giống như các Form trên, đặt tên cho form này là FormNXBTACGIAVIPHAM.vb

Add New Item · QLTG\_VB.NET\_SQLSERVER

Categories: Local Project Items

Templates:

Windows Form	Class	Module
Component Class	User Control	Data Form Wizard
DataSet	XML File	XML Schema

A form for Windows Applications

Name: FormNXBTACGIAVIPHAM.vb

Open      Cancel      Help

B5H122

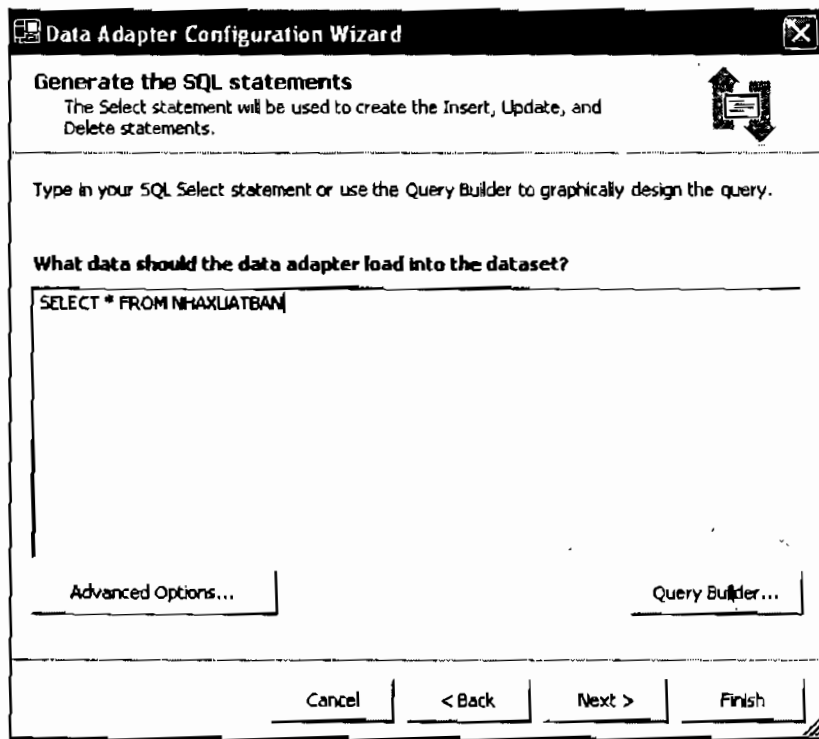
Trong FormNXBTACGIAVIPHAM có tất cả là 7 đối tượng trong khay công cụ, trong Form dùng các điều khiển DataGridView thể hiện thông tin thay cho các TextBox. Bỏ qua việc kết nối với CSDL QUANLYTACGIA, vì chúng ta đã kết nối rồi.

### Đưa đối tượng OleDbDataAdapter1

Bạn thực hiện đưa đối tượng này vào khay công cụ giống như các Form ở trên

Khi đưa đối tượng OleDbDataAdapter1 vào, nhớ chọn CSDL QLTACGIA.mdb, và khi hộp thoại hiện ra để nhập câu lệnh SQL, bạn nhập câu lệnh sau:

```
SELECT MSNXB, TENNXB, DIACHI, GIAMDOC  
FROM NHAXUATBAN
```



B5H123

◆ Click nút Finish để kết thúc, click nút Don't Include Password nếu hộp thoại này hiện ra.

- Thực hiện việc đưa đối tượng Dataset vào khay công cụ
- Click chọn FormNXBTACGIAVIPHAM
- Vào menu Data, click chọn Generate Dataset
- Click chọn nút New trong hộp thoại hiện ra, nhập vào khung bên phải DataSetNXB3

**Generate Dataset** ✕

Generate a dataset that includes the specified tables.

Choose a dataset:

Existing

New:

Choose which table(s) to add to the dataset:

VIPHAM (OleDbDataAdapter1)

Add this dataset to the designer.

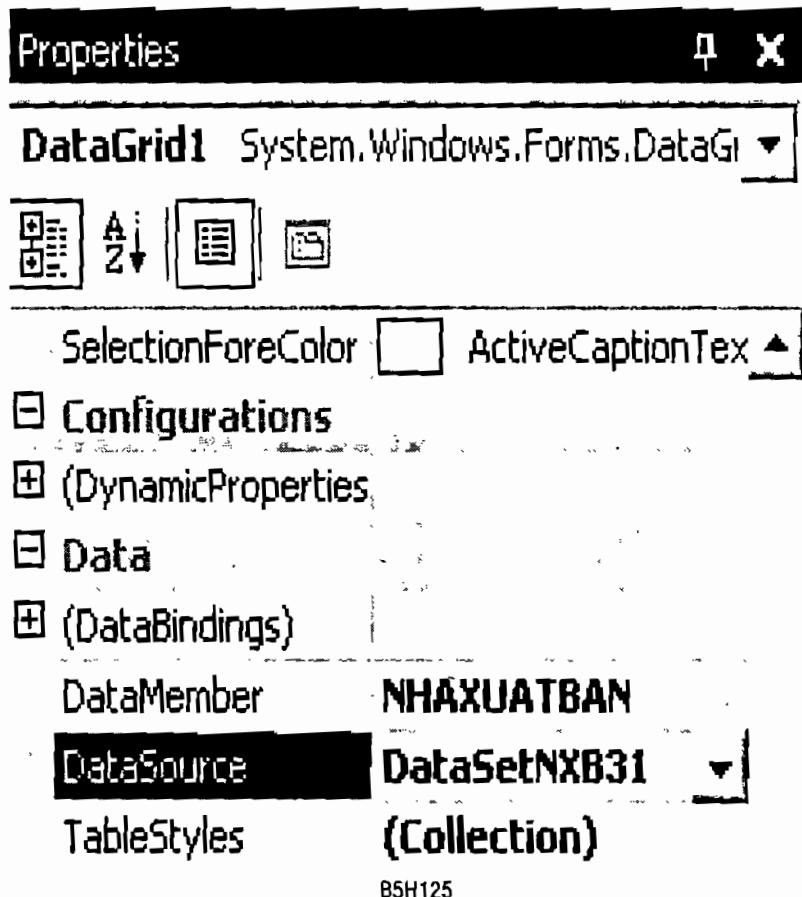
B5H124

- Click nút OK để hoàn tất việc đưa DataSetNXB31 vào khay công cụ
- Vậy là bạn đã có ba đối tượng OleDbDataAdapter1, OleDbConnection1 và DataSetNXB31 trên khay công cụ, ba đối tượng này sẽ thể hiện thông tin của bảng NHAXUATBAN trên DataGrid thứ nhất.
- Bạn chọn tab Windows Forms trong hộp công cụ, click chọn điều khiển DataGrid và đưa vào FormNXNTACGIAVIPHAM

◆ Click nút phải chuột trên DataGrid, chọn Properties, xác lập các thuộc tính cho điều khiển này như trong bảng các thuộc tính của điều khiển DataGrid1 tương ứng đã cho ở trên.

◆ Trong thuộc tính DataSource, click chọn đầu mũi tên quay xuống, chọn DataSetNXB31

◆ Trong thuộc tính Datamember, chọn bảng NHAXUATBAN, như hình sau:

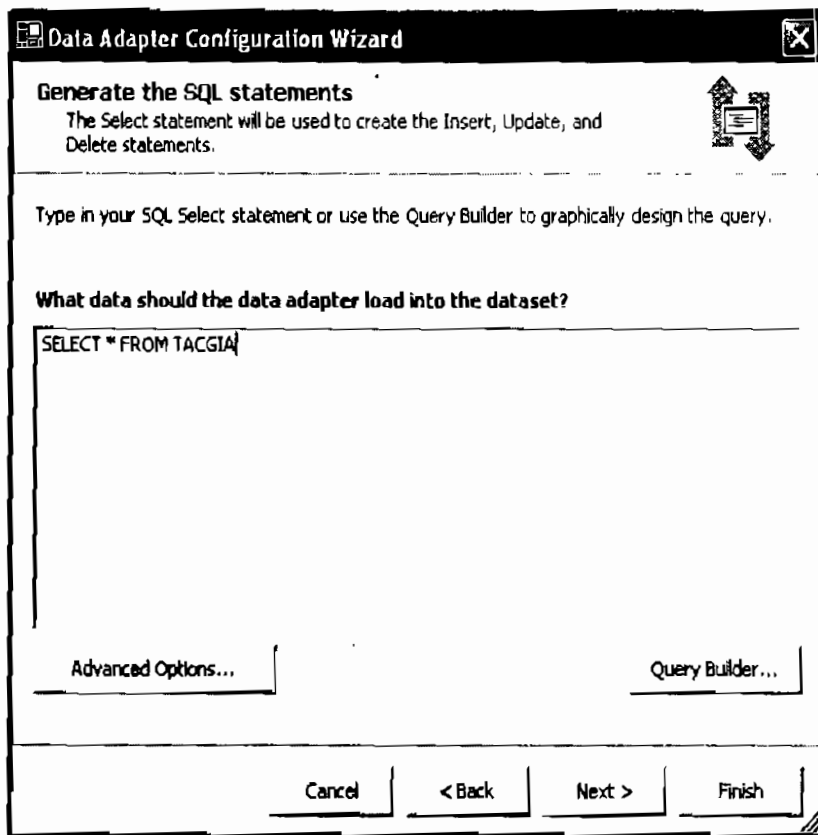


➤ Đưa đối tượng OleDbDataAdapter2

Bạn thực hiện đưa đối tượng này vào khay công cụ giống như các Form ở trên

Khi đưa đối tượng OleDbDataAdapter2 vào, nhớ chọn CSDL QUANLYTACGIA, và khi hộp thoại hiện ra để nhập câu lệnh SQL, bạn nhập câu lệnh sau:

**SELECT \* FROM TACGIA**



B5H126

◆ Click nút Finish để kết thúc, click nút Don't Include Password nếu hộp thoại này hiện ra.

☛ Thực hiện việc đưa đối tượng Dataset vào khay công cụ

- ◆ Click chọn FormNXBTACGIAVIPHAM
- ◆ Vào menu Data, click chọn Generate Dataset
- ◆ Click chọn nút New trong hộp thoại hiện ra, nhập vào khung bên phải DatasetNXBTACGIA3



Generate a dataset that includes the specified tables.

Choose a dataset:

Existing

New:

Choose which table(s) to add to the dataset:

TACGIA (OleDbDataAdapter2)

VIPHAM (OleDbDataAdapter1)

Add this dataset to the designer.

B5H127

◆ Click nút OK để hoàn tất việc đưa DataSetNXBTACGIA31 vào khay công cụ

Vậy là bạn đã có năm đối tượng trên khay công cụ, trong đó ba đối tượng OleDbDataAdapter2, OleDbConnection1 và DataSetNXBTACGIA31 trên khay công cụ, ba đối tượng này sẽ thể hiện thông tin của bảng TACGIA trên DataGridView thứ hai.

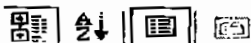
◆ Bạn chọn tab Windows Forms trong hộp công cụ, click chọn điều khiển DataGridView và đưa vào FormNXNTACGIAVIPHAM

◆ Click nút phải chuột trên DataGridView, chọn Properties, xác lập các thuộc tính cho điều khiển này như trong bảng các thuộc tính của điều khiển DataGridView2 tương ứng đã cho ở trên.

◆ Trong thuộc tính DataSource, click chọn dấu mũi tên quay xuống, chọn DataSetNXBTACGIA31

◆ Trong thuộc tính DataMember, chọn bảng TACGIA, như hình sau:

DataGrid2 System.Windows.Forms.DataGrid



SelectionForeColor



ActiveCaptionText

 Configuration

 (DynamicProperties)

 Data

 (DataBindings)

 DataMember

TACGIA

 DataSource

DataSetNXBTACGIA31


 TableStyles

(Collection)

B5H128

### ➤ Đưa đối tượng OleDbDataAdapter3

Bạn thực hiện đưa đối tượng này vào khay công cụ giống như các Form ở trên

Khi đưa đối tượng OleDbDataAdapter3 vào, nhớ chọn CSDL QUANLYTACGIA, và khi hộp thoại hiện ra để nhập câu lệnh SQL, bạn nhập câu lệnh sau:

```
SELECT * FROM VIPHAM
```

Data Adapter Configuration Wizard

**Generate the SQL statements**  
The Select statement will be used to create the Insert, Update, and Delete statements.

Type in your SQL Select statement or use the Query Builder to graphically design the query.

What data should the data adapter load into the dataset?

```
SELECT * FROM VIPHAM
```

Advanced Options...
Query Builder...

Cancel    < Back    Next >    Finish

B5H129



◆ Click nút Finish để kết thúc, click nút Don't Include Password nếu hộp thoại này hiện ra.

➤ Thực hiện việc đưa đối tượng Dataset vào khay công cụ

◆ Click chọn FormNXBTACGIAVIPHAM

◆ Vào menu Data, click chọn Generate Dataset

◆ Click chọn nút New trong hộp thoại hiện ra, nhập vào khung bên phải DataSetNXBTACGIAVIPHAM3

## Generate Dataset

Generate a dataset that includes the specified tables.

Choose a dataset:

Existing

New:

Choose which table(s) to add to the dataset:

NHAXUATBAN (OleDbDataAdapter1)

TACGIA (OleDbDataAdapter2)

VIPHAM (OleDbDataAdapter3)

Add this dataset to the designer.

OK

Cancel

Help

B5H130

◆ Click nút OK để hoàn tất việc đưa DataSetNXBTACGIAVIPHAM31 vào khay công cụ

Vậy là bạn đã có bảy đối tượng trên khay công cụ, trong đó ba đối tượng OleDbDataAdapter3, OleDbConnection1 và DataSetNXBTACGIAVIPHAM31 trên khay công cụ, ba đối tượng này sẽ thể hiện thông tin của bảng VIPHAM trên DataGridView thứ ba.

◆ Bạn chọn tab Windows Forms trong hộp công cụ, click chọn điều khiển DataGrid và đưa vào FormNXNTACGIAVIPHAM

◆ Click nút phải chuột trên DataGrid, chọn Properties, xác lập các thuộc tính cho điều khiển này như trong bảng các thuộc tính của điều khiển DataGrid3 tương ứng đã cho ở trên.

◆ Trong thuộc tính DataSource, click chọn đầu mũi tên quay xuống, chọn DataSetNXBTACGIAVIPHAM31.

◆ Trong thuộc tính Datamember, chọn bảng VIPHAM, như hình sau:

Properties

DataGrid3 System.Windows.Forms.DataGrid

HeaderForeColor	ControlText
LinkColor	HotTrack
ParentRowsBackColor	Control
ParentRowsForeColor	WindowText
SelectionBackColor	ActiveCaption
SelectionForeColor	ActiveCaptionText
Configurations	
(DynamicProperties)	
Data	
(DataBindings)	
<b>DataMember</b>	<b>VIPHAM</b>
DataSource	DataSetNXBTACGIAVIPHAM31
TableStyles	(Collection)

Đưa các Button vào FormNXBTACGIAVIPHAM và xác lập các thuộc tính cho nó như bảng đã cho ở trên, các bạn sẽ có hình như sau:

**FormNXBTACGIAVIPHAM**

**DATAGRID HIEN THONG TIN CUA BANG NHAXUATBAN**

MSNXB	TENNXB	DIACHI	GIAMD
*			

**DATAGRID HIEN THONG TIN CUA BANG TACGIA**

MSTG	HOLOT	TEN	NAM	NGSINH	NOISIN
*					

**DATAGRID HIEN THONG TIN CUA BANG VIPHAM**

MSVP	NDVIPH	NGAYV	HTPHA	MSTG	MSNXB
*					

XEM THÔNG TIN      CẬP NHẬT      THOÁT

OleDbDataAdapter1

OleDbConnection1

DataSetNXB31

OleDbDataAdapter2

DataSetNXBTACGIA31

OleDbDataAdapter3

DataSetNXBTACGIAVIPHAM31

B5H132

◆ Click nút phải chuột trên Form xác lập các thuộc tính cho Form bạn sẽ có kết quả như hình sau:



**DATAGRID HIỆN THÔNG TIN CỦA BẢNG NHÀ XUẤT BẢN**

MSNXB	TenNXB	Diachi	Giamdac
*			

**DATAGRID HIỆN THÔNG TIN CỦA BẢNG TÁC GIẢ**

MSTG	Holot	Ten	Nam	Ngaysinh	Noisinh	Diach
*						

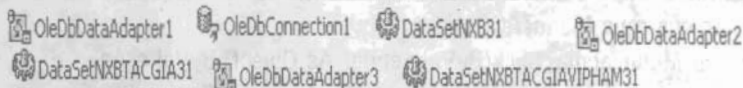
**DATAGRID HIỆN THÔNG TIN CỦA BẢNG VI PHẠM**

MSVP	Ndvipha	NgayVP	Htphat	MSTG	MSNXB	MAS
*						

XEM THÔNG TIN

CẬP NHẬT

THOÁT



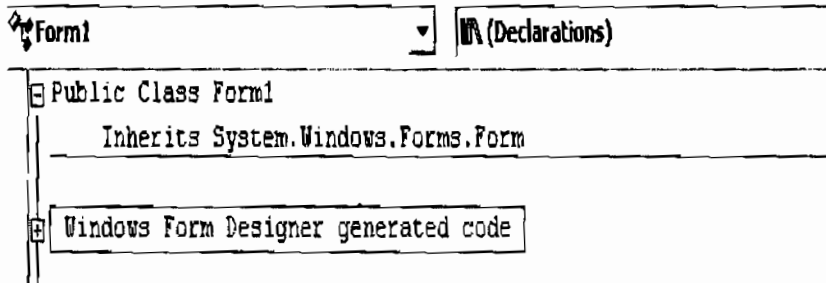
B5H133

② **Viết và giải thích code cho chương trình**

➤ **Viết code cho Form cha**

Bạn vào cửa sổ thiết kế của Form cha, click nút phải chuột tại vị trí bất kỳ trong Form, chọn View Code. Trong cửa sổ viết code, click đầu mũi tên quay xuống của khung trên bên trái, chọn tên một mục của menu, click vào đầu mũi tên quay xuống của khung bên phải, chọn sự kiện Click. Câu lệnh đầu và cuối của thủ tục hiện ra, bạn viết code vào giữa hai cặp lệnh này. Thực hiện xong, tiếp tục để chọn cho mục khác và sự kiện Click, tiếp tục như vậy cho đến hết các mục của menu.

Sau đây là code của các mục menu trong Form cha



B5H134

Trên là cửa sổ viết code

● Thủ tục của mục MenuSACH

```
Private Sub MenuSach_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As
                        System.EventArgs) Handles MenuSach.Click
    Dim Sachcon As New FormSACH
    Sachcon.ShowDialog()
End Sub
```

End Sub

◆ Khai báo biến Sachcon có kiểu FormSACH (Sachcon là tên biến, FormSACH là tên của thuộc tính Name) và được khởi tạo bằng phát biểu New FormSACH.

◆ Sau khi biến được khởi tạo, ta gọi phương thức ShowDialog(). Khi đó người dùng có thể hoán chuyển dễ dàng giữa các Form trong chương trình với nhau thay vì phải chờ-Form Nam đóng lại.

● Thủ tục của mục MenuTACGIA

```
Private Sub MenuTaccia_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As
                        System.EventArgs) Handles MenuTaccia.Click
    Dim Tacciacon As New FormTACGIA
    Tacciacon.ShowDialog()
End Sub
```

End Sub

◆ Ý nghĩa tương tự như trên

● Thủ tục của mục MenuVIPHAM

```
Private Sub MenuVipham_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As
                        System.EventArgs) Handles MenuVipham.Click
    Dim Viphamcon As New FormVIPHAM
    Viphamcon.ShowDialog()
End Sub
```

End Sub

● Thủ tục của mục MenuNHAXUATBAN

```
Private Sub MenuNhaxuatban_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As
    System.EventArgs) Handles MenuNhaxuatban.Click
    Dim nxbcon As New FormNHAXUATBAN
    nxbcon.ShowDialog()
End Sub
```

● Thủ tục của mục MenuKHENTHUONG

```
Private Sub MenuKhenthuong_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As
    System.EventArgs) Handles MenuKhenthuong.Click
    Dim KTcon As New FormKHENTHUONG
    KTcon.ShowDialog()
End Sub
```

● Thủ tục của mục MenuNXBTACGIASACH

```
Private Sub MenuNXBTACGIASACH_Click(ByVal sender As Object, ByVal e
    As System.EventArgs) Handles MenuNXBTACGIASACH.Click
    Dim NXBTscon As New FormNXBTACGIASACH
    NXBTscon.ShowDialog()
End Sub
```

● Thủ tục của mục MenuNXBTACGIAKHENTHUONG

```
Private Sub MenuNXBTACGIAKHENTHUONG_Click(ByVal sender As Object,
    ByVal e As System.EventArgs) Handles
    MenuNXBTACGIAKHENTHUONG.Click
    Dim NXBTKcon As New FormNXBTACGIAKHENTHUONG
    NXBTKcon.ShowDialog()
End Sub
```

● Thủ tục của mục MenuNXBTACGIVIPHAM

```
Private Sub MenuNXBTACGIVIPHAM_Click(ByVal sender As Object, ByVal
    e As System.EventArgs) Handles MenuNXBTACGIVIPHAM.Click
    Dim NXBTVcon As New FormNXBTACGIVIPHAM
    NXBTVcon.ShowDialog()
End Sub
```

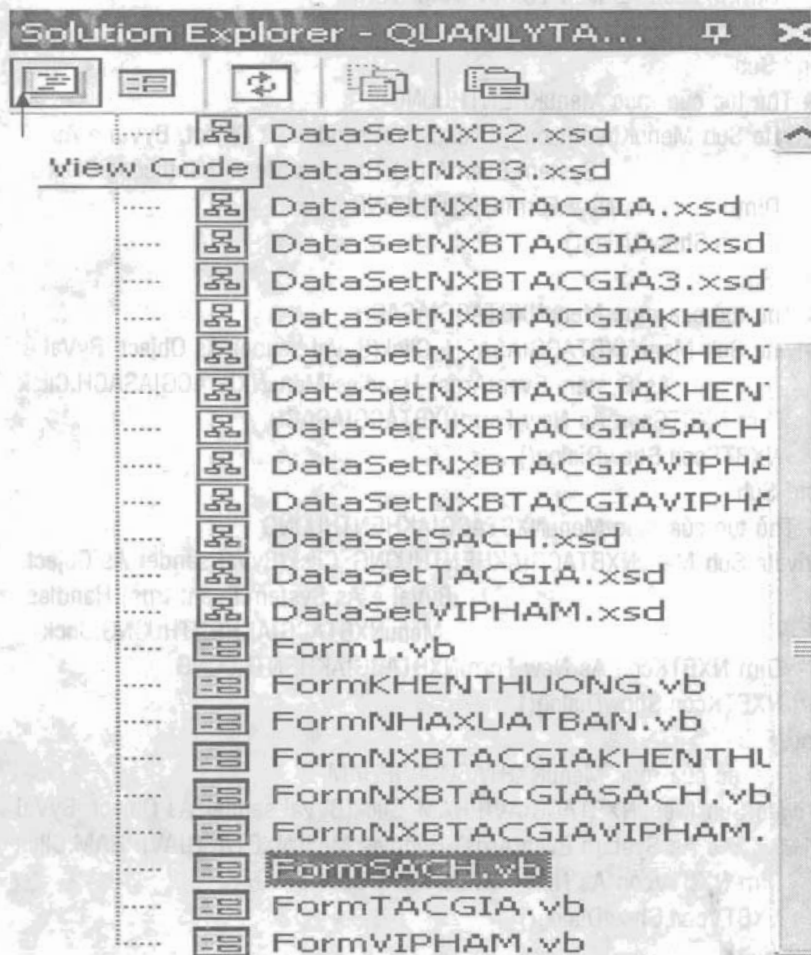
● Thủ tục của mục MenuThoat

```
Private Sub MenuThoat_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As
    System.EventArgs) Handles MenuThoat.Click

    End
End Sub
```

☛ Viết code cho FormSACH

Bạn vào cửa sổ Solution Explorer, click chọn FormSACH.vb, click nút View Code phía trên trong cửa sổ này.



B5H135

● **Viết code cho ButtonXem**

Trong cửa sổ viết code, click chọn ButtonXem bên khung bên trái, sự kiện Click bên khung bên phải, thủ tục hiện ra với câu lệnh đầu và cuối, bạn viết hai câu lệnh vào giữa cặp lệnh này.

```
Private Sub ButtonXem_Click(ByVal sender As System.Object, ByVal e As
```

System.EventArgs) Handles ButtonXem.Click

```
DataSetSACH1.Clear()
```

```
OleDbDataAdapter1.Fill(DataSetSACH1)
```

End Sub

Hai câu lệnh này bạn đã biết.

● **Viết code cho ButtonTruoc**

Trong cửa sổ viết code, click chọn ButtonTruoc bên khung bên trái, sự kiện Click bên khung bên phải, thủ tục hiện ra với câu lệnh đầu và cuối, bạn viết hai câu lệnh vào giữa cặp lệnh này.

```
Private Sub ButtonTruoc_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As  
System.EventArgs) Handles ButtonTruoc.Click
```

```
Me.BindingContext(DataSetSACH1, "SACH").Position -= 1
```

End Sub

*Giải thích:*

Phát biểu này sẽ dời con trỏ dữ liệu về vị trí trước đó bằng cách trừ vị trí hiện tại của Position. Bạn không cần phải lo việc Position bị trừ vượt đi giá trị <0. ADO.NET sẽ kiểm tra phép trừ này và nếu Position đã bằng 0 thì nó sẽ không thay đổi giá trị.

● **Viết code cho ButtonSau**

Trong cửa sổ viết code, click chọn ButtonSau bên khung bên trái, sự kiện Click bên khung bên phải, thủ tục hiện ra với câu lệnh đầu và cuối, bạn viết hai câu lệnh vào giữa cặp lệnh này.

```
Private Sub ButtonSau_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As  
System.EventArgs) Handles ButtonSau.Click
```

```
Me.BindingContext(DataSetSACH1,"SACH").Position += 1
```

End Sub

*Giải thích:*

Di chuyển con trỏ tới trước một Record bằng cách lấy giá trị Position hiện hành cộng thêm 1.

● **Viết code cho ButtonDautien**

Trong cửa sổ viết code, click chọn ButtonDautien bên khung bên trái, sự kiện Click bên khung bên phải, thủ tục hiện ra với câu lệnh đầu và cuối, bạn viết hai câu lệnh vào giữa cặp lệnh này.

```
Private Sub Buttondautien_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As  
System.EventArgs) Handles Buttondautien.Click
```

```
Me.BindingContext(DataSetSACH1, "SACH").Position = 0
```

End Sub



### **Giải thích:**

Sử dụng đối tượng BindingContext của Form hiển thị mẫu tin đầu tiên trong DataSetSACH1 của bảng SACH, phát biểu gán vị trí 0 cho thuộc tính Position, nó sẽ khiến cho con trỏ hiện hành của dữ liệu di chuyển đến vị trí đầu tiên. Từ khóa Me dùng để chỉ Form hiện hành.

#### ● **Viết code cho ButtonCuoicong**

Trong cửa sổ viết code, click chọn ButtonCuoicong bên khung bên trái, sự kiện Click bên khung bên phải, thủ tục hiện ra với câu lệnh đầu và cuối, bạn viết hai câu lệnh vào giữa cặp lệnh này.

```
Private Sub ButtonCuoicong_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As  
System.EventArgs) Handles ButtonCuoicong.Click  
Me.BindingContext(DataSetSACH1, "SACH").Position =  
Me.BindingContext(DataSetSACH1, "SACH").Count - 1
```

```
End Sub
```

### **Giải thích:**

Dòng lệnh trên viết trên một dòng, Sử dụng thuộc tính Count từ tập dữ liệu do đối tượng BindingContext trả về để đếm tổng số Record hiện có. Giá trị này được trừ cho 1 vì Record được đếm số thứ tự từ 0. Cuối cùng với giá trị này, ta gán cho thuộc tính Position sẽ khiến con trỏ trong bảng dữ liệu di chuyển xuống dưới cùng của tập dữ liệu.

#### ● **Viết code cho ButtonThoat**

Trong cửa sổ viết code, click chọn ButtonThoat bên khung bên trái, sự kiện Click bên khung bên phải, thủ tục hiện ra với câu lệnh đầu và cuối, bạn viết hai câu lệnh vào giữa cặp lệnh này.

```
Private Sub ButtonThoat_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As  
System.EventArgs) Handles ButtonThoat.Click  
Me.Close()  
End Sub
```

#### ● **Viết code cho FormTACGIA**

Tương tự như trong FormSACH, bạn viết code cho các Button như sau:

#### ● **Viết code cho ButtonXem**

```
DataSetTACGIA1.Clear()  
OleDbDataAdapter1.Fill(DataSetTACGIA1)
```

#### ● **Viết code cho ButtonTruoc**

```
Me.BindingContext(DataSetTACGIA1, "TACGIA").Position -= 1
```

#### ● **Viết code cho ButtonSau**

```
Me.BindingContext(DataSetTACGIA1, "TACGIA").Position += 1
```

- Viết code cho ButtonDautien  
Me.BindingContext(DataSetTACGIA1, "TACGIA").Position = 0
- Viết code cho ButtonCuoicong  
Me.BindingContext(DataSetTACGIA1, "TACGIA").Position =  
Me.BindingContext(DataSetTACGIA1, "TACGIA").Count - 1  
Dòng lệnh trên được viết trên một dòng.
- Viết code cho ButtonThoat  
Me.Close()

#### ✎ Viết code cho FormNHAXUATBAN

Tương tự như trong các Form trên, bạn viết code cho các Button như sau:

- Viết code cho ButtonXem  
DataSetNHAXUATBAN1.Clear()  
OleDbDataAdapter1.Fill(DataSetNHAXUATBAN1)
- Viết code cho ButtonTruoc  
Me.BindingContext(DataSetNHAXUATBAN1, "NHAXUATBAN").Position -= 1
- Viết code cho ButtonSau  
Me.BindingContext(DataSetNHAXUATBAN1, "NHAXUATBAN").Position += 1
- Viết code cho ButtonDautien  
Me.BindingContext(DataSetNHAXUATBAN1, "NHAXUATBAN").Position = 0
- Viết code cho ButtonCuoicong  
Me.BindingContext(DataSetNHAXUATBAN1, "NHAXUATBAN").Position =  
Me.BindingContext(DataSetNHAXUATBAN1, "NHAXUATBAN").Count - 1  
Dòng lệnh trên được viết trên một dòng.
- Viết code cho ButtonThoat  
Me.Close()

#### ✎ Viết code cho FormKHENTHUONG

Tương tự như trong các Form trên, bạn viết code cho các Button như sau:

- Viết code cho ButtonXem  
DataSetKHENTHUONG1.Clear()  
OleDbDataAdapter1.Fill(DataSetKHENTHUONG1)
- Viết code cho ButtonTruoc  
Me.BindingContext(DataSetKHENTHUONG1, "KHENTHUONG").Position -= 1
- Viết code cho ButtonSau  
Me.BindingContext(DataSetKHENTHUONG1, "KHENTHUONG").Position += 1

● **Viết code cho ButtonDautien**

```
Me.BindingContext(DataSetKHENTHUONG1, "KHENTHUONG").Position = 0
```

● **Viết code cho ButtonCuoicong**

```
Me.BindingContext(DataSetKHENTHUONG1, "KHENTHUONG").Position =  
Me.BindingContext(DataSetKHENTHUONG1, "KHENTHUONG").Count - 1  
Dòng lệnh trên được viết trên một dòng.
```

● **Viết code cho ButtonThoat**

```
Me.Close()
```

☛ **Viết code cho FormVIPHAM**

Tương tự như trong các Form trên, bạn viết code cho các Button như sau:

● **Viết code cho ButtonXem**

```
DataSetVIPHAM1.Clear()  
OleDbDataAdapter1.Fill(DataSetVIPHAM1)
```

● **Viết code cho ButtonTruc**

```
Me.BindingContext(DataSetVIPHAM1, "VIPHAM").Position -- 1
```

● **Viết code cho ButtonSau**

```
Me.BindingContext(DataSetVIPHAM1, "VIPHAM").Position += 1
```

● **Viết code cho ButtonDautien**

```
Me.BindingContext(DataSetVIPHAM1, "VIPHAM").Position = 0
```

● **Viết code cho ButtonCuoicong**

```
Me.BindingContext(DataSetVIPHAM1, "VIPHAM").Position =  
Me.BindingContext(DataSetVIPHAM1, "VIPHAM").Count - 1  
Dòng lệnh trên được viết trên một dòng.
```

● **Viết code cho ButtonThoat**

```
Me.Close()
```

☛ **Viết code cho FormNXBTACGIASACH**

● **Viết code cho ButtonXem**

Trong cửa sổ viết code, click chọn ButtonXem bên khung bên trái, sự kiện Click bên khung bên phải, thủ tục hiện ra với câu lệnh đầu và cuối, bạn viết hai câu lệnh vào giữa cặp lệnh này.

```
Private Sub ButtonXem_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As  
System.EventArgs) Handles ButtonXem.Click  
DataSetNXB1.Clear()  
DataSetNXBTACGIA1.Clear()  
DataSetNXBTACGIASACH1.Clear()
```

```
OleDbDataAdapter1.Fill(DataSetNXB1)
OleDbDataAdapter2.Fill(DataSetNXBTACGIA1)
OleDbDataAdapter3.Fill(DataSetNXBTACGIASACH1)
```

End Sub

*Giải thích:*

Các câu lệnh trên bạn đã biết, ở đây có ba Dataset và ba OleDbDataAdapter nên chúng tôi dùng sáu câu lệnh như trên.

● **Viết code cho ButtonCapnhat**

Trong cửa sổ viết code, click chọn ButtonCapnhat bên khung bên trái, sự kiện Click bên khung bên phải, thủ tục hiện ra với câu lệnh đầu và cuối, bạn viết hai câu lệnh vào giữa cặp lệnh này.

```
Private Sub ButtonCapnhat_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As
System.EventArgs) Handles ButtonCapnhat.Click
```

```
Try
```

```
OleDbDataAdapter1.Update(DataSetNXB1)
OleDbDataAdapter2.Update(DataSetNXBTACGIA1)
OleDbDataAdapter3.Update(DataSetNXBTACGIASACH1)
```

```
Catch ex As Exception
```

```
MsgBox(ex, ToString)
```

```
End Try
```

End Sub

● **Viết code cho ButtonThoat**

Trong cửa sổ viết code, click chọn ButtonCapnhat bên khung bên trái, sự kiện Click bên khung bên phải, thủ tục hiện ra với câu lệnh đầu và cuối, bạn viết hai câu lệnh vào giữa cặp lệnh này.

```
Private Sub ButtonThoat_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As
System.EventArgs) Handles ButtonThoat.Click
```

```
Me.Close()
```

End Sub

☛ **Viết code cho FormNXBTACGIAKHENTHUONG**

● **Viết code cho ButtonXem**

Trong cửa sổ viết code, click chọn ButtonXem bên khung bên trái, sự kiện Click bên khung bên phải, thủ tục hiện ra với câu lệnh đầu và cuối, bạn viết hai câu lệnh vào giữa cặp lệnh này.

```
Private Sub ButtonXem_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As
System.EventArgs) Handles ButtonXem.Click
```

```
DataSetNXB21.Clear()
```

```
DataSetNXBTACGIA21.Clear()
DataSetNXBTACGIAKHENTHUONG21.Clear()
OleDbDataAdapter1.Fill(DataSetNXB21)
OleDbDataAdapter2.Fill(DataSetNXBTACGIA21)
OleDbDataAdapter3.Fill(DataSetNXBTACGIAKHENTHUONG21)
```

End Sub

*Giải thích:*

Các câu lệnh trên bạn đã biết, ở đây có ba Dataset và ba OleDbDataAdapter nên chúng tôi dùng sáu câu lệnh như trên.

● **Viết code cho ButtonCapnhat**

Trong cửa sổ viết code, click chọn ButtonCapnhat bên khung bên trái, sự kiện Click bên khung bên phải, thủ tục hiện ra với câu lệnh đầu và cuối, bạn viết hai câu lệnh vào giữa cặp lệnh này.

```
Private Sub ButtonCapnhat_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As
    System.EventArgs) Handles ButtonCapnhat.Click
```

```
Try
```

```
    OleDbDataAdapter1.Update(DataSetNXB21)
    OleDbDataAdapter2.Update(DataSetNXBTACGIA21)
    OleDbDataAdapter3.Update(DataSetNXBTACGIAKHENTHUONG21)
```

```
Catch ex As Exception
```

```
    MsgBox(ex, ToString)
```

```
End Try
```

End Sub

● **Viết code cho ButtonThoat**

Trong cửa sổ viết code, click chọn ButtonCapnhat bên khung bên trái, sự kiện Click bên khung bên phải, thủ tục hiện ra với câu lệnh đầu và cuối, bạn viết hai câu lệnh vào giữa cặp lệnh này.

```
Private Sub ButtonThoat_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As
    System.EventArgs) Handles ButtonThoat.Click
```

```
Me.Close()
```

End Sub

● **Viết code cho FormNXBTACGIAVIPHAM**

● **Viết code cho ButtonXem**

Trong cửa sổ viết code, click chọn ButtonXem bên khung bên trái, sự kiện Click bên khung bên phải, thủ tục hiện ra với câu lệnh đầu và cuối, bạn viết hai câu lệnh vào giữa cặp lệnh này.

```
Private Sub ButtonXem_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As
```

System.EventArgs) Handles ButtonXem.Click

DataSetNXB31.Clear()

DataSetNXBTACGIA31.Clear()

DataSetNXBTACGIAVIPHAM31.Clear()

OleDbDataAdapter1.Fill(DataSetNXB31)

OleDbDataAdapter2.Fill(DataSetNXBTACGIA31)

OleDbDataAdapter3.Fill(DataSetNXBTACGIAVIPHAM31)

End Sub

*Giải thích:*

Các câu lệnh trên bạn đã biết, ở đây có ba Dataset và ba OleDbDataAdapter nên chúng tôi dùng sáu câu lệnh như trên.

● **Viết code cho ButtonCapnhat**

Trong cửa sổ viết code, click chọn ButtonCapnhat bên khung bên trái, sự kiện Click bên khung bên phải, thủ tục hiện ra với câu lệnh đầu và cuối, bạn viết hai câu lệnh vào giữa cặp lệnh này.

```
Private Sub ButtonCapnhat_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As  
System.EventArgs) Handles ButtonCapnhat.Click
```

```
Try
```

```
    OleDbDataAdapter1.Update(DataSetNXB31)
```

```
    OleDbDataAdapter2.Update(DataSetNXBTACGIA31)
```

```
    OleDbDataAdapter3.Update(DataSetNXBTACGIAVIPHAM31)
```

```
Catch ex As Exception
```

```
    MsgBox(ex, ToString)
```

```
End Try
```

```
End Sub
```

● **Viết code cho ButtonThoat**

Trong cửa sổ viết code, click chọn ButtonCapnhat bên khung bên trái, sự kiện Click bên khung bên phải, thủ tục hiện ra với câu lệnh đầu và cuối, bạn viết hai câu lệnh vào giữa cặp lệnh này.

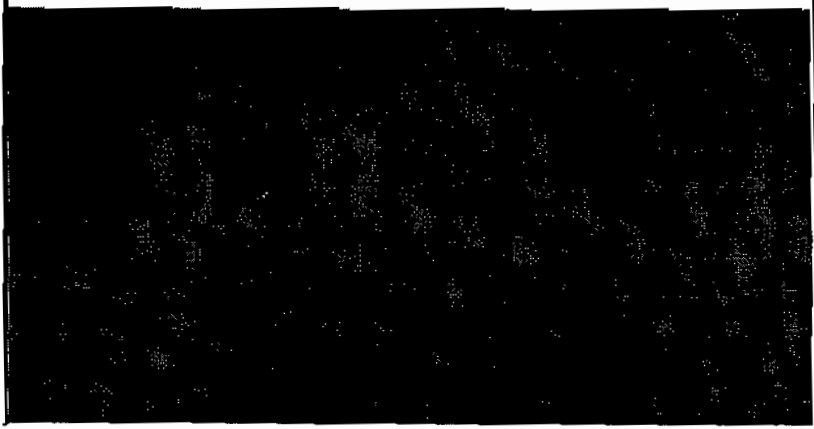
```
Private Sub ButtonThoat_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As  
System.EventArgs) Handles ButtonThoat.Click
```

```
    Me.Close()
```

```
End Sub
```

③ **Chạy thử chương trình**

☑ Nhấn phím F5 chạy thử chương trình, bạn có hình như sau:



B5H136

Click mục có tên TUNGBANG, chọn mục con SACH, click nút có tiêu đề "Xem", bạn có hình như sau:

XEM THÔNG TIN CỦA BẢNG SÁCH		
Mã sách	KT0007	XEM
Tên sách	Kiến trúc nhà rong	TRƯỚC
Giá bìa	39000	SAU
Năm xuất bản	12/12/2004 12:00:00 AM	ĐẦU TIÊN
Số trang	138	CUỐI CÙNG
Loại giấy	Bản in trắng	THOÁT
Mã số nhà xuất bản	NXBTKE	
Mã số tác giả	TG0004	

B5H137

☐ Giả sử bạn click nút có tiêu đề "Sau", bạn sẽ có kết quả như sau:

XEM THÔNG TIN CỦA BẢNG SÁCH		
Mã sách	TH0001	XEM
Tên sách	Tin học ứng dụng	TRƯỚC
Giá bìa	30000	SAU
Năm xuất bản	12/12/2004 12:00:00 AM	ĐẦU TIÊN
Số trang	300	CUỐI CÙNG
Loại giấy	Bãi bìa ng	THOÁT
Mã số nhà xuất bản	NXBTHO	
Mã số tác giả	TG0001	

B5H138

☐ Giả sử bạn click nút có tiêu đề "Cuối cùng", bạn sẽ có kết quả như sau:

XEM THÔNG TIN CỦA BẢNG SÁCH		
Mã sách	TR0008	XEM
Tên sách	Câu chuyện thú tiên	TRƯỚC
Giá bìa	20000	SAU
Năm xuất bản	12/12/2005 12:00:00 AM	ĐẦU TIÊN
Số trang	245	CUỐI CÙNG
Loại giấy	Bãi bìa ng	THOÁT
Mã số nhà xuất bản	NXBTRE	
Mã số tác giả	TG0005	

B5H139



☐ Giả sử bạn click nút có tiêu đề "Trước", bạn sẽ có kết quả như sau:

XEM THÔNG TIN CỦA BẢNG SÁCH		
Mã sách	TH0006	XEM
Tên sách	Lập trình hướng đối tượng	TRƯỚC
Giá bìa	50000	SAU
Năm xuất bản	12/12/2005 12:00:00 AM	ĐẦU TIÊN
Số trang	512	CUỐI CÙNG
Loại giấy	Bìa bìa ng	THOÁT
Mã số nhà xuất bản	NXBTKÉ	
Mã số tác giả	TG0003	

B5H140

☐ Giả sử bạn click nút có tiêu đề "Đầu tiên", bạn sẽ có kết quả như sau:

XEM THÔNG TIN CỦA BẢNG SÁCH		
Mã sách	KT0007	XEM
Tên sách	Kiểm tra khi xong	TRƯỚC
Giá bìa	38000	SAU
Năm xuất bản	12/12/2004 12:00:00 AM	ĐẦU TIÊN
Số trang	358	CUỐI CÙNG
Loại giấy	Bìa bìa ng	THOÁT
Mã số nhà xuất bản	NXBTKÉ	
Mã số tác giả	TG0004	

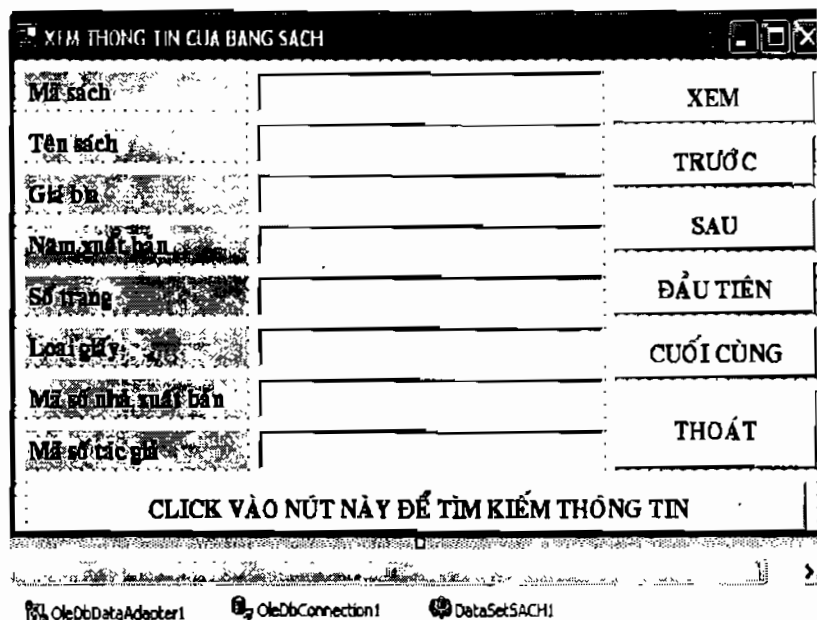
B5H141

☐ Giả sử bây giờ bạn thêm vào FormSACH một Button để tìm thông tin gì đó qua câu lệnh SQL

## BẢNG CÁC THUỘC TÍNH CỦA ĐIỀU KHIỂN BUTTON TRONG FORMSACH MỚI THÊM VÀO

STT	Đối tượng	Thuộc tính	Giá trị thiết đặt
1	Buton	Name BackColor Text	ButtonTim Màu xanh CLICK VÀO NÚT NÀY ĐỂ TÌM KIẾM THÔNG TIN

Sau khi thêm vào, bạn sẽ có hình như sau:



B5H142

☐ Nhấp đúp vào Button mới thêm vào, viết code như sau:

```
Private Sub ButtonTim_Click(ByVal sender As System.Object, ByVal e As
System.EventArgs) Handles ButtonTim.Click
Dim Bien As String
```

```
Bien = InputBox("BAN NHAP CAU LENH SQL DE TIM KIEM THONG TIN CAN XEM")
```

```
DataSetSACH1.Clear()
```

```
OleDbDataAdapter1.SelectCommand.CommandText = Bien
```

```
OleDbDataAdapter1.Fill(DataSetSACH1)
```

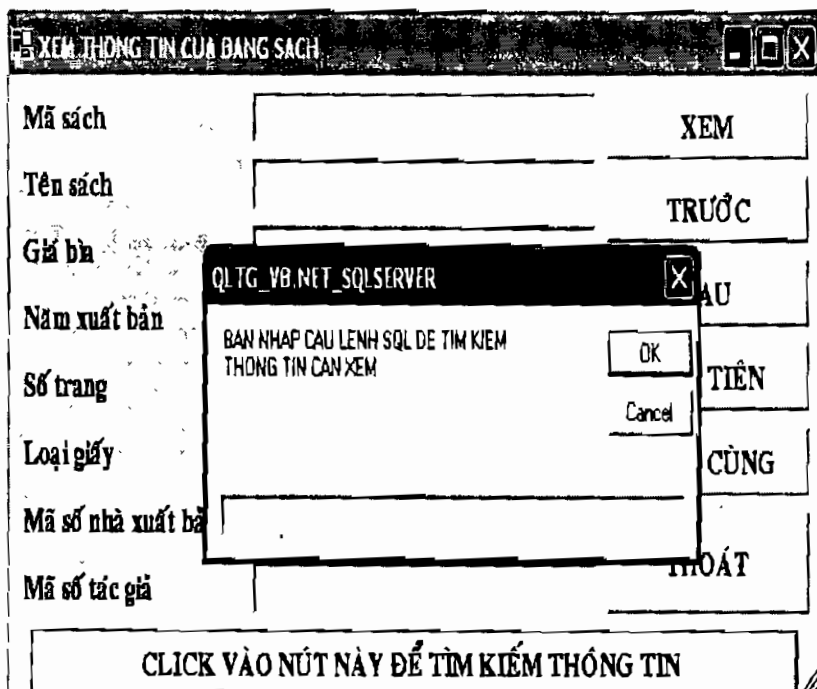
```
End Sub
```

ⓐ Khai báo Bien có kiểu String

ⓑ Gán Bien cho thông tin nhập trong hộp thoại InputBox

ⓒ Gán cho thuộc tính CommandText trong SelectCommand của đối tượng OleDbDataAdapter1 giá trị của Bien

ⓓ Nhấn phím F5 chạy thử chương trình, click vào button có tiêu đề "CLICK VÀO NÚT NÀY ĐỂ TÌM KIẾM THÔNG TIN", bạn thấy hộp thoại InputBox hiện ra như sau:



B5H143

ⓔ Giả sử các bạn cần tìm mã sách là TH0003

```
SELECT * FROM Sach WHERE Masach='TH0003'
```

## QLTG\_VB.NET\_SQLSERVER



BẠN NHẬP CÂU LỆNH SQL ĐỂ TÌM KIẾM  
THÔNG TIN CẦN XEM

OK

Cancel

```
SELECT * FROM SACH WHERE MASACH='TH0003'
```

B5H144

Click nút OK, bạn sẽ thấy kết quả như hình sau:

## XEM THÔNG TIN CỦA BẢNG SÁCH



Mã sách	TH0003	XEM
Tên sách	Lập trình Visual Basic .NET	TRƯỚC
Giá bán	55000	SAU
Năm xuất bản	12/12/2005 12:00:00 AM	ĐẦU TIÊN
Số trang	534	CUỐI CÙNG
Loại giấy	Bãi hàng	THOÁT
Mã số nhà xuất bản	NXBTHO	
Mã số tác giả	TG0001	

CLICK VÀO NÚT NÀY ĐỂ TÌM KIẾM THÔNG TIN

B5H145

Nếu bạn chỉ muốn xem thông tin của nhà xuất bản Tổng hợp Thành phố, bạn nhập câu lệnh sau trong hộp thoại InputBox  
SELECT \* FROM SACH WHERE SMSNXB='NXBTHO'



BẠN NHẬP CÂU LỆNH SQL ĐỂ TÌM KIẾM  
THÔNG TIN CẦN XEM

OK

Cancel

```
SELECT * FROM SACH WHERE SMSNXB='NXBTHO'
```

B5H146

Click nút OK, bạn sẽ có hình như sau:

XEM THÔNG TIN CỦA BẢNG SÁCH		
Mã sách	TH0001	XEM
Tên sách	Tin học ứng dụng	TRƯỚC
Giá bán	30000	SAU
Năm xuất bản	12/12/2004 12:00:00 AM	ĐẦU TIÊN
Số trang	300	CUỐI CÙNG
Loại giấy	Bìa bìa ng	THOÁT
Mã số nhà xuất bản	NXBTHO	
Mã số tác giả	TG0001	

CLICK VÀO NÚT NÀY ĐỂ TÌM KIẾM THÔNG TIN

B5H147

Bây giờ nếu bạn click vào nút, "Sau", "Đầu tiên" hay "Cuối cùng" bạn thấy chỉ xuất hiện những mẫu tin có nhà xuất bản Tổng hợp Thành phố (NXBTHO)

*Ghi chú:*

Chúng tôi chỉ thực hiện thử trên một Form, các Form khác nếu muốn có chức năng tìm kiếm này, các bạn tự thêm vào.

☐ Click nút "Thoát" để trở về Form cha. Giả sử click mục TUNGBANG, chọn mục con "TACGIA", click nút "Xem" trên Form này, bạn thấy hình như sau:

XEM THÔNG TIN BANG TAC GIA		
Mã số tác giả	TG0001	XEM
Họ lót	Nguyễn Hùng	TRƯỚC
Tên	Lâu	SAU
Nam/Nữ	Nam	ĐẦU TIÊN
Ngày sinh	12/24/1960 12:00:00 AM	CUỐI CÙNG
Nơi sinh	TP.HCM	THOÁT
Địa chỉ	P.26 Q.BT	
Số điện thoại	9908765	

B5H148

☐ Click nút "Thoát" để trở về Form cha. Giả sử click mục TUNGBANG, chọn mục con "NHAXUATBAN", click nút "Xem" trên Form này, bạn thấy hình như sau:

XEM THÔNG TIN BANG NHÀ XUẤT BẢN	
Mã số nhà xuất bản	NXBGTV
Tên nhà xuất bản	Nhà xuất bản Giao thông vận tải
Địa chỉ	98 Nam kỳ khởi nghĩa
Họ tên giám đốc	CCCCC
<b>XEM</b>	
<b>TRƯỚC</b>	<b>SAU</b>
<b>ĐẦU TIÊN</b>	<b>CUỐI CÙNG</b>
<b>THOÁT</b>	

B5H149

☐ Click nút "Thoát" để trở về Form cha. Giả sử click mục TUNGBANG, chọn mục con "VIPHAM", click nút "Xem" trên Form này, bạn thấy hình như sau:

XEM THÔNG TIN BANG VI PHAM	
Mã số vi phạm	VP0001
Nội dung vi phạm	Sách có nội dung lầy của người khác
Ngày vi phạm	12/23/2005 12:00:00 AM
Hình thức phạt	Thu hồi sách
Mã số tác giả	TG0004
Mã số nhà xuất bản	NXBTKE
Mã sách	KT0007
<input type="button" value="TRƯỚC"/> <input type="button" value="SAU"/> <input type="button" value="ĐẦU TIÊN"/> <input type="button" value="CUỐI CÙNG"/>	
<input type="button" value="XEM"/> <input type="button" value="THOÁT"/>	

B5H150

☐ Click nút "Thoát" để trở về Form cha. Giả sử click mục TUNGBANG, chọn mục con "KHENTHUONG", click nút "Xem" trên Form này, bạn thấy hình như sau:

XEM THÔNG TIN ĐĂNG KHIỂN THƯƠNG	
Mã số khen thưởng	KT0001
Nội dung khen	Sách hay
Ngày khen	12/23/2006 12:00:00 AM
Hình thức khen	Tặng giấy khen
Mã số tác giả	TG0001
Mã số nhà xuất bản	NXBTHO
Mã sách	TH0001
<input type="button" value="TRƯỚC"/> <input type="button" value="SAU"/> <input type="button" value="ĐẦU TIÊN"/> <input type="button" value="CUỐI CÙNG"/>	
<input type="button" value="XEM"/> <input type="button" value="THOÁT"/>	

B5H151

☐ Click nút "Thoát" để trở về Form cha. Giả sử click mục NXBTACGIASACH. Click nút "XEM THÔNG TIN" trên Form này, bạn thấy hình như sau:

XEM THÔNG TIN BẢNG NHÀ XUẤT BẢN - TÁC GIẢ - SÁCH							
DATAGRID HIỆN THÔNG TIN CỦA BẢNG NHAXUATBAN							
MSNXB	TenNXB	Diachi	Giaindoc				
▶	NXBGT	Nhà xuất	98 Nam k	CCCCC			
DATAGRID HIỆN THÔNG TIN CỦA BẢNG TACGIA							
MSTG	Holot	Ten	Nam	Ngaysinh	Noisinh	Diachi	
▶	TG0001	Nguyễn	Lân	Nam	12/24/196	TP.HCM	P26 Q.1
DATAGRID HIỆN THÔNG TIN CỦA BẢNG SACH							
MASAC	Tensach	Giatiền	NamXB	Sotrang	Loaigay	SMSN	
▶	KT0007	Kiến trú	38000	12/12/200	358	Bảng bảng NXBT	
XEM THÔNG TIN			CẬP NHẬT			THOÁT	

B6H123

Đối với điều khiển lưới chứa thông tin của bảng NHAXUATBAN, vì các vùng đều thấy trên điều khiển, nên không có thanh trượt ngang, chỉ có thanh trượt dọc, còn hai điều khiển lưới bên dưới thì có đủ.

Bạn có thể di chuyển con trượt trong từng điều khiển lưới để xem thông tin, có thể sửa, nhưng phải sửa đúng, khi thực hiện xong có thể click nút cập nhật.

Trong Form này vì không đủ chỗ thể hiện để giới thiệu cho các bạn, chúng tôi dùng nút CẬP NHẬT chung cho cả ba điều khiển (dùng 3 câu lệnh trong thủ tục). Các bạn có thể tạo nút cập nhật cho từng điều khiển lưới (dùng 1 câu lệnh).

Muốn tìm thông tin gì, thuộc bảng nào, bạn click nút phải chuột trên đối tượng OleDbDataAdapter tương ứng trên khay công cụ, vào SelectCommand, trong thuộc tính CommandText viết câu lệnh SQL với mệnh đề WHERE có điều kiện cần tìm. Bạn có thể thực hiện các câu lệnh SQL trên cả ba đối tượng OleDbDataAdapter để tìm các dữ liệu có liên quan với nhau trong ba bảng. Hoặc các bạn có thể thêm vào một nút tìm kiếm như trong FormSACH ở trên.



☐ Giả sử trong hình trên, bạn sửa lại tên giám đốc của Nhà xuất bản Giao thông vận tải là WWW. Click nút “CẬP NHẬT” bạn sẽ thấy thông tin trong bảng NHAXUATBAN của CSDL cũng thay đổi theo

XEM THÔNG TIN BẢNG NHÀ XUẤT BẢN - TÁC GIẢ - SÁCH

**DATAGRID HIỆN THÔNG TIN CỦA BẢNG NHAXUATBAN**

MSNXB	TenNXB	Diachi	Giamdgc
NXBGT	Nhà xuất	98 Nam k	WWW

**DATAGRID HIỆN THÔNG TIN CỦA BẢNG TACGIA**

MSTG	Holot	Ten	Nam	Ngaysinh	Noisinh	Diachi
TG0001	Nguyễn	Lân	Nam	12/24/196	TP.HCM	P26 Q.I

**DATAGRID HIỆN THÔNG TIN CỦA BẢNG SACH**

MASAC	Tensach	Giatiền	NamXB	Sotrang	Loaigiay	SMSN
KT0007	Kiến trú	38000	12/12/200	358	Bãi bằng	NXBTH

XEM THÔNG TIN      CẬP NHẬT      THOÁT

B6H124

☐ Mở CSDL QUANLYTACGIA, mở bảng NHAXUATBAN, bạn thấy như hình sau:

SQL Server Enterprise Manager - [Data in Table 'NHAXUATBAN']

File Window Help

SQL

MSNXB	TenNXB	Diachi	Giamdgc
NXBGTV	Nhà xuất bản G	98 Nam kyê	khôu WWW
NXBKHX	Nhà xuất bản K	123 Nguyễn Thò	EEEE
NXBTHO	Nhà xuất bản T	91 Nguyễn Thò	Mi FFFFF
NXBTKÉ	Nhà xuất bản T	12 Nguyễn Huế	(BBBBB
NXBTNI	Nhà xuất bản T	213 Nguyễn Ninh	DDDDD
NXBTRE	Nhà xuất bản t	20 Lyù Chính Thá	AAAAA

B6H125

☐ Click nút “THOÁT” để trở về Form cha. Giả sử click mục NXBTACGIAKHENTHUONG. Click nút “XEM THÔNG TIN” trên Form này, bạn thấy hình như sau:

**XEM THÔNG TIN BẢNG NHÀ XUẤT BẢN - TÁC GIẢ - KHEN THƯỞNG**

**DATAGRID HIỆN THÔNG TIN CỦA BẢNG NHAXUATBAN**

MSNXB	TenNXB	Diachi	Giamdac
NXBG	Nhà xuất	98 Nam k	WWW

**DATAGRID HIỆN THÔNG TIN CỦA BẢNG TACGIA**

MSTG	Holot	Ten	Nam	Ngaysinh	Noisinh	Diach
TG0001	Nguyễn	Lân	Nam	12/24/196	TP.HCM	P26 Q

**DATAGRID HIỆN THÔNG TIN CỦA BẢNG KHENTHUONG**

MSKT	Ndkhen	Ngkhen	Htkhen	MSTG	MSNXB	MAS
------	--------	--------	--------	------	-------	-----

**XEM THÔNG TIN**      **CẬP NHẬT**      **THOÁT**

B6H126

Bạn thử thực hiện một số thao tác trên Form này trước khi qua Form cuối cùng, đó là FormNXBTACGIVIPHAM

☐ Click nút “THOÁT” để trở về Form cha. Giả sử click mục NXBTACGIVIPHAM. Click nút “XEM THÔNG TIN” trên Form này, bạn thấy hình như sau:



**DATAGRID HIỆN THÔNG TIN CỦA BẢNG NHÀ XUẤT BẢN**

MSNXB	TenNXB	Địa chỉ	Giám đốc	
▶	NXBGT	Nhà xuất	98 Nam k	WWW

**DATAGRID HIỆN THÔNG TIN CỦA BẢNG TÁC GIẢ**

MSTG	Họ tên	Tên	Nam	Ngày sinh	Nơi sinh	Địa chỉ
▶	TG0001	Nguyễn	Lân	Nam	12/24/196	TP.HCM P26 Q

**DATAGRID HIỆN THÔNG TIN CỦA BẢNG VI PHẠM**

MSVP	Nđ vi phạm	Ngày VP	Ht phạt	MSTG	MSNXB	MAS
▶	VP0001	Sách có	12/23/200	Thu hồi s	TG0004	NXBTK KT00

<b>XEM THÔNG TIN</b>	<b>CẬP NHẬT</b>	<b>THOÁT</b>
----------------------	-----------------	--------------

# Bài 6

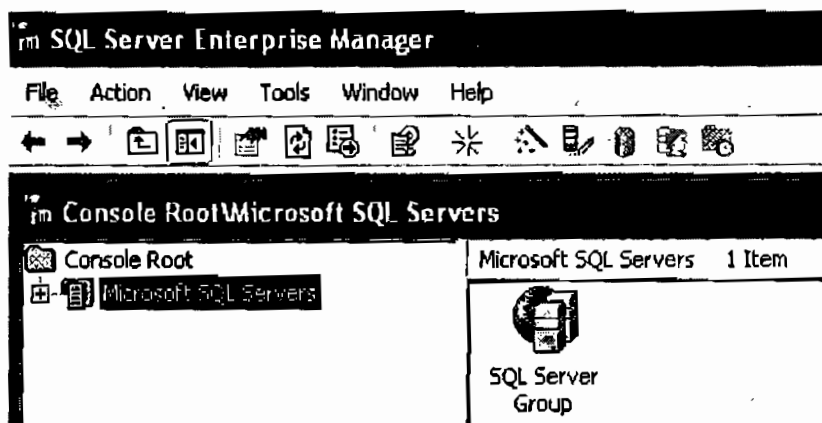
## Chương trình

### QUẢN LÝ NHÂN VIÊN VÀ KHÁCH HÀNG

▣ Trước hết các bạn phải tạo một cơ sở dữ liệu trong đó gồm một số bảng, thực hiện các mối liên hệ giữa chúng, sau đó mới vào Visual Basic.NET để thiết kế và viết code cho chương trình.

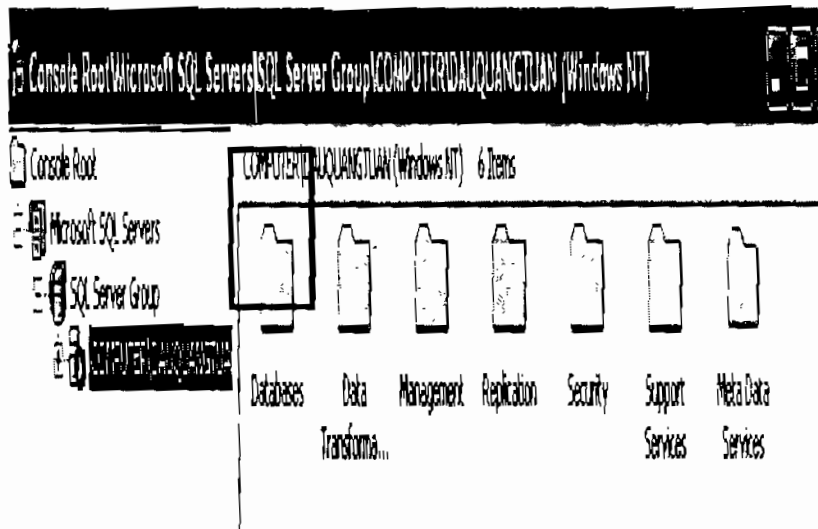
▣ Bạn vào **SQL Server 2000** để tạo một cơ sở dữ liệu có tên **QUANLYKHACHHANG**

◆ Vào menu Start, di chuyển vệt sáng đến Programs, đến Microsoft Server 2000, click chọn EnterPrise Manager



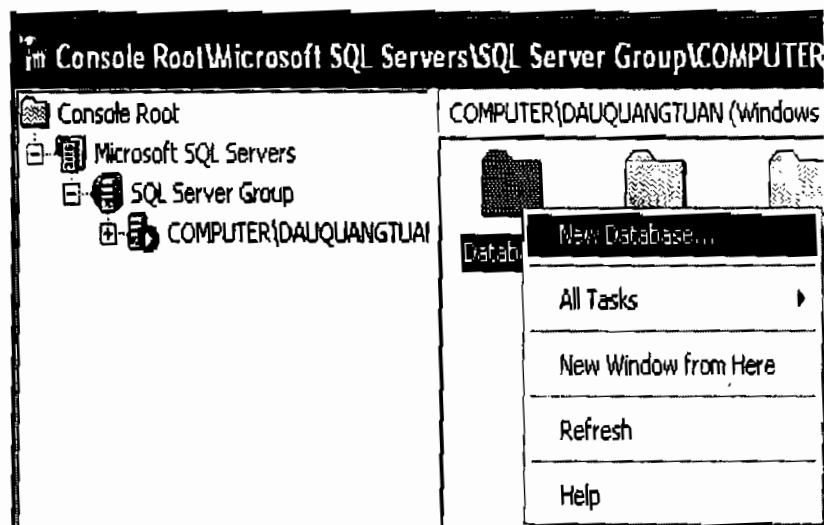
B6H1

◆ Click dấu cộng (+) trước Microsoft SQL Server, click chọn Tên **COMPUTER\DAUQUANGTUAN**, bạn thấy hình như sau:



B6H2

- ◆ Click nút phải chuột tại Databases



B6H3

- ◆ Chọn New Database bạn sẽ thấy hình như sau:

General | Data Files | Transaction Log



Name: \_\_\_\_\_

## Database

Status: (Unknown)  
 Owner: (Unknown)  
 Date created: (Unknown)  
 Size: (Unknown)  
 Space available: (Unknown)  
 Number of users: (Unknown)

## Backup

Last database backup: None  
 Last transaction log backup: None

## Maintenance

Maintenance plan: None  
 Collation name: (Server default) ▾

OK

Cancel

Help

B6H4

- ◆ Nhập tên QUANLYKHACHHANG trong khung Name như hình sau:

General | Data Files | Transaction Log



Name: |QUANLYKHACHHANG|

## Database

Status: (Unknown)  
 Owner: (Unknown)  
 Date created: (Unknown)  
 Size: (Unknown)  
 Space available: (Unknown)  
 Number of users: (Unknown)

## Backup

Last database backup: None  
 Last transaction log backup: None

## Maintenance

Maintenance plan: None  
 Collation name: (Server default) ▾

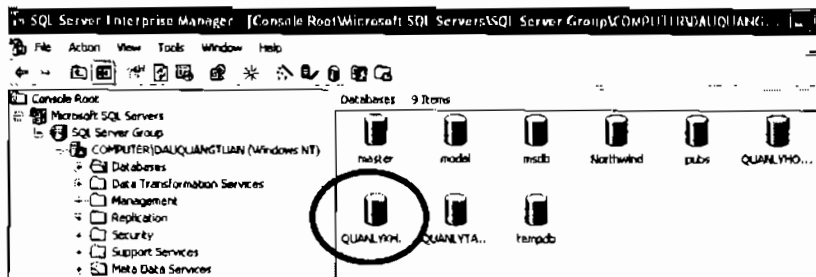
OK

Cancel

Help

B6H5

Click OK bạn thấy hình như sau:



B6H6

Bạn thấy có CSDL QUANLYKHACHHANG như hình trên.

Sau đó lần lượt tạo các bảng với nội dung như sau:

### Cấu trúc của bảng NHANVIEN

Column Name	Data type	Length	Allow Nulls
<b>MSNV</b>	Char	6	
Holot	Varchar	30	
Ten	Char	7	
Phai	Char	3	✓
Ngaysinh	Datetime	8	✓
Noisinh	Varchar	40	✓
Diachi	Varchar	40	✓
DT	Varchar	15	✓
SOHD_VIET	Int	4	

### Cấu trúc của bảng KHACHHANG

Column Name	Data type	Length	Allow Nulls
<b>MAKH</b>	Char	6	
TenKH	Varchar	40	
Phai	Char	3	✓
Diachi	Varchar	40	
DT	Varchar	15	✓

## Cấu trúc của bảng MATHANG

Column Name	Data type	Length	Allow Nulls
<u>MAMH</u>	Char	6	
TenMH	Varchar	50	
SLCON	Int	4	
Dongia	Real	4	
Donvithinh	Varchar	25	

## Cấu trúc của bảng HOADON

Column Name	Data type	Length	Allow Nulls
<u>MSHD</u>	Char	6	
NGHOADON	Datetime	8	
Tongtien	Money	8	
MSNV	Char	6	
MAKH	Char	6	

## Cấu trúc của bảng CHITHET

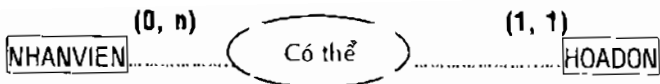
Column Name	Data type	Length	Allow Nulls
<u>MSHD</u>	Char	6	
<u>MAMH</u>	Char	6	
Soluong	Int	4	
Thanh tien	Money	8	

### ☐ Xét hai bảng NHANVIEN và HOADON

- ☞ Một nhân viên có thể không viết hoặc viết nhiều hóa đơn.
- ☞ Một hóa đơn nào đó thì chỉ thuộc một nhân viên nào đó viết mà thôi.

Bạn sẽ thấy có mối liên hệ giữa hai Table như sau:





Vậy giữa hai table trên sẽ có một mối liên kết. Liên kết là  $n-1$  từ HOADON qua NHANVIEN.

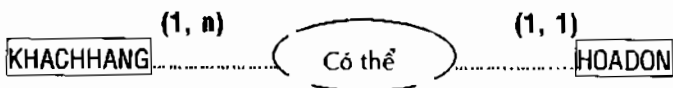
Khi có mối liên hệ một nhiều giữa hai table thì bạn nhớ là khoá ngoại sẽ nằm trong table có giá trị là  $(0, 1)$  hoặc  $(1, 1)$ .

Trong hai Table trên, bạn thấy khoá ngoại sẽ nằm trong table HOADON, đó là field MSNV.

### ☐ Xét hai bảng KHACHHANG và HOADON

- ☞ Một khách hàng có thể có một hoặc nhiều hóa đơn.
- ☞ Một hóa đơn nào đó thì chỉ thuộc một khách hàng nào đó thôi.

Bạn sẽ thấy có mối liên hệ giữa hai Table như sau:



Vậy giữa hai table trên sẽ có một mối liên kết. Liên kết là  $n-1$  từ HOADON qua KHACHHANG.

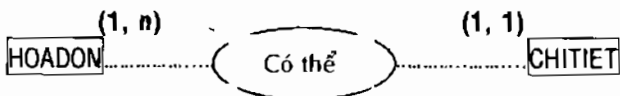
Khi có mối liên hệ một nhiều giữa hai table thì bạn nhớ là khoá ngoại sẽ nằm trong table có giá trị là  $(0, 1)$  hoặc  $(1, 1)$ .

Trong hai Table trên, bạn thấy khoá ngoại sẽ nằm trong table HOADON, đó là field MAKH.

### ☐ Xét hai bảng HOADON và CHITIET

- ☞ Một hóa đơn thì có thể có một hoặc nhiều chi tiết.
- ☞ Một chi tiết nào đó thì chỉ thuộc một hóa đơn nào đó mà thôi.

Bạn sẽ thấy có mối liên hệ giữa hai Table như sau:



Vậy giữa hai table trên sẽ có một mối liên kết. Liên kết là  $n-1$  từ CHITIET qua HOADON .

Khi có mối liên hệ một nhiều giữa hai table thì bạn nhớ là khoá ngoại sẽ nằm trong table có giá trị là (0, 1) hoặc (1, 1).

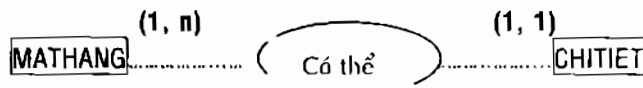
Trong hai Table trên, bạn thấy khoá ngoại sẽ nằm trong table CHITIET, đó là field MAHD và đây cũng là một thành phần khóa chính của bảng CHITIET.

### ☐ Xét hai bảng MATHANG và CHITIET

☞ Một mặt hàng có thể có một hoặc nhiều chi tiết.

☞ Một chi tiết nào đó thì chỉ thuộc một mặt hàng nào đó mà thôi.

Bạn sẽ thấy có mối liên hệ giữa hai Table như sau:



Vậy giữa hai table trên sẽ có một mối liên kết. Liên kết là  $n-1$  từ CHITIET qua MATHANG.

Khi có mối liên hệ một nhiều giữa hai table thì bạn nhớ là khoá ngoại sẽ nằm trong table có giá trị là (0, 1) hoặc (1, 1).

Trong hai Table trên, bạn thấy khoá ngoại sẽ nằm trong table CHITIET, đó là field MAMH và đây cũng là một thành phần khóa chính của bảng CHITIET.

Đến đây bạn có thể bắt tay vào tạo bảng dữ liệu, bạn thực hiện như sau:

☑ Vào menu Start, di chuyển vệt sáng đến Programs, di chuyển vệt sáng đến Microsoft SQL Server 2000, click chọn Enterprise Manager.

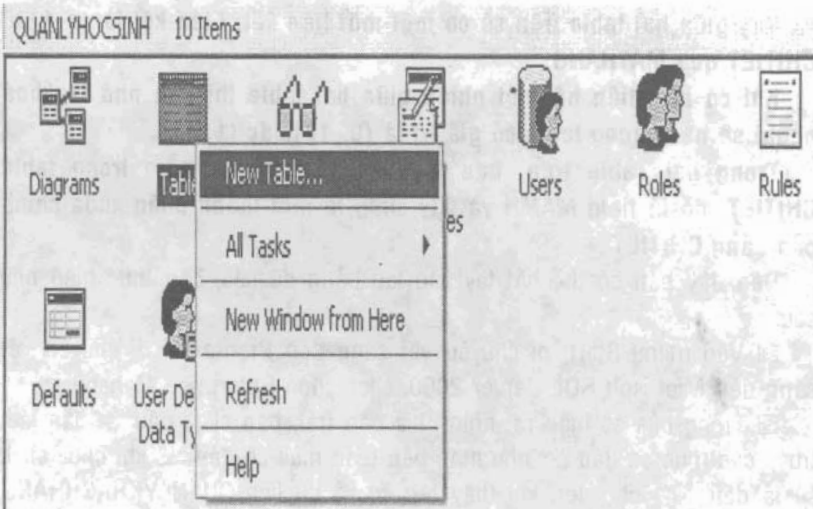
☑ Trong cửa sổ hiện ra, nhìn phía bên trái, bạn click dấu "+" lần lượt trước các mục có dấu "-" như hình bên (các mục có dấu "-" khi chưa click sẽ là dấu "+") cho đến khi thấy tên cơ sở dữ liệu QUANLYKHACHHANG mà bạn đã tạo ở trên.

☑ Click chọn tên SCDL QUANLYKHACHHANG, bạn thấy thông tin có sẵn như hình sau:



B6H7

☑ Trong các đối tượng có bên trong CSDL QUANLYKHACHANG, có Tables. Click nút phải chuột trên đối tượng này

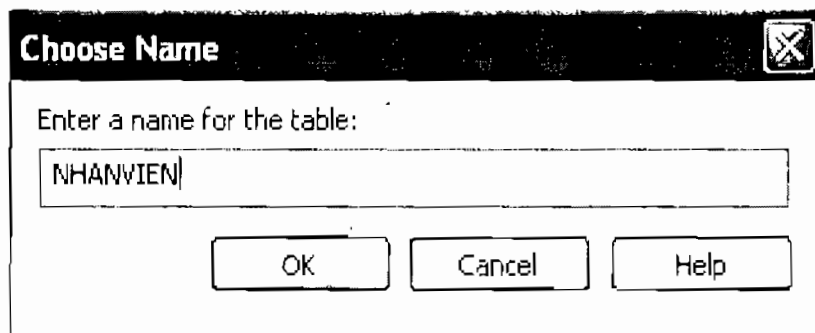


B6H8

☑ Click chọn New Table, các bạn sẽ thấy cửa sổ thiết kế bảng như hình sau:

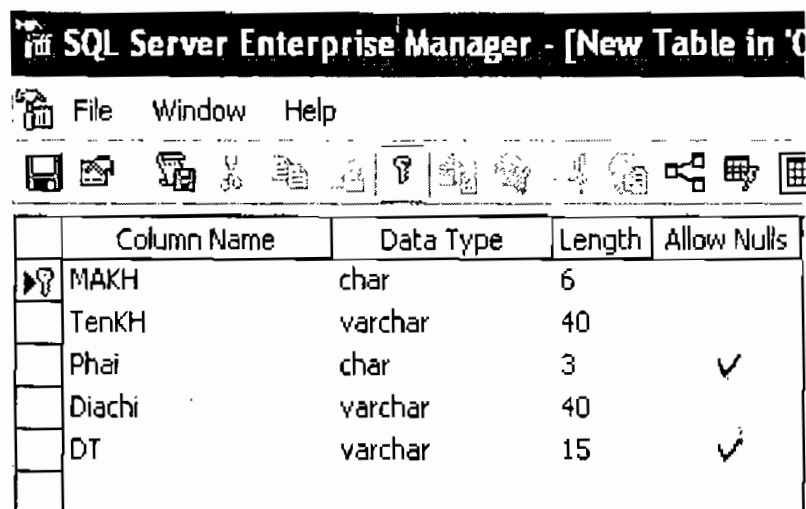


◆ Click dấu X để đóng cửa sổ thiết kế bảng, hộp thoại hiện ra hỏi, bạn click nút Yes, hộp thoại đặt tên hiện ra, bạn lưu với tên NHANVIEN như hình sau:



B6H11

◆ Click nút OK  
◆ Tiếp theo là thiết kế cho bảng KHACHHANG và tạo khóa chính cho bảng để được như hình sau:



B6H12

◆ Click dấu X để đóng cửa sổ thiết kế bảng, hộp thoại hiện ra hỏi, bạn click nút Yes, hộp thoại đặt tên hiện ra, bạn lưu với tên SACH như hình sau:

## Choose Name



Enter a name for the table:

KHACHHANG

OK

Cancel

Help

B6H13

◆ Click nút OK

◆ Tiếp theo là thiết kế cho bảng MATHANG và tạo khóa chính cho bảng để được như hình sau:

## SQL Server Enterprise Manager - [New Table in 'Q

File Window Help



	Column Name	Data Type	Length	Allow Nulls
	MAMH	char	6	
	TenMH	varchar	50	
	SLCon	int	4	
	Dongia	real	4	
	Donvitinh	varchar	25	

B6H14

◆ Click dấu X để đóng cửa sổ thiết kế bảng, hộp thoại hiện ra hỏi, bạn click nút Yes, hộp thoại đặt tên hiện ra, bạn lưu với tên MATHANG như hình sau:

## Choose Name



Enter a name for the table:

MATHANG

OK

Cancel

Help

B6H15

- ◆ Click nút OK
- ◆ Tiếp theo là thiết kế cho bảng HOADON và tạo khóa chính cho bảng để được như hình sau:

	Column Name	Data Type	Length	Allow Nulls
	MSHD	char	6	
	NGHoadon	datetime	8	
	Tongtien	money	8	
	MSNV	char	6	
	MAKH	char	6	

B6H16

- ◆ Click dấu X để đóng cửa sổ thiết kế bảng, hộp thoại hiện ra hỏi, bạn click nút Yes, hộp thoại đặt tên hiện ra, bạn lưu với tên HOADON như hình sau:

**Choose Name** X

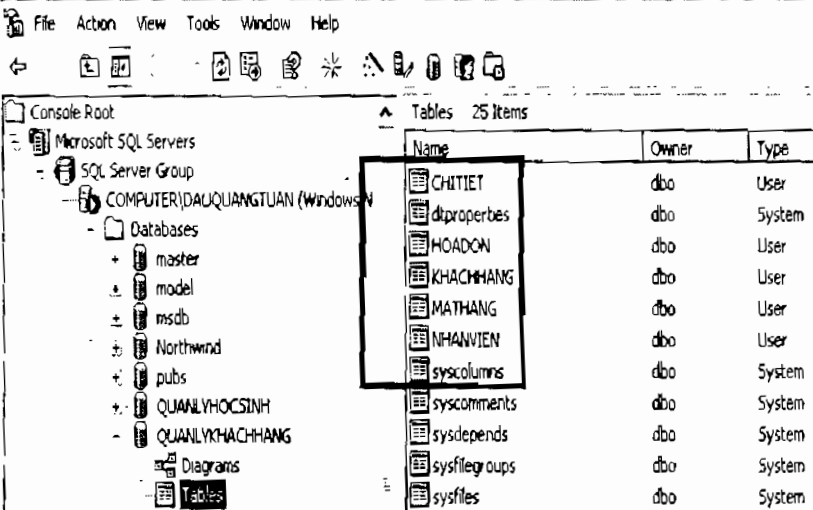
Enter a name for the table:

HOADON

OK Cancel Help

B6H17

- ◆ Click nút OK
- ◆ Tiếp theo là thiết kế cho bảng CHITIET và tạo khóa chính cho bảng để được như hình sau:



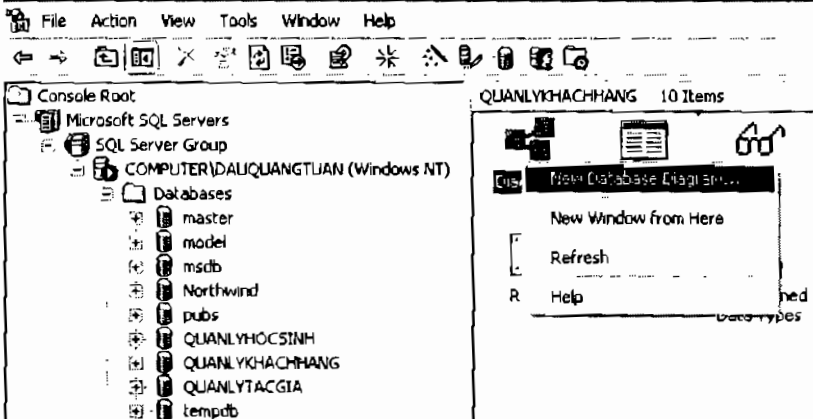
B6H20

### Tạo mối liên hệ giữa các bảng

Bây giờ chúng ta bắt đầu vào Diagram như sau:

☑ Click chọn tên CSDL QUANLYKHACHHANG

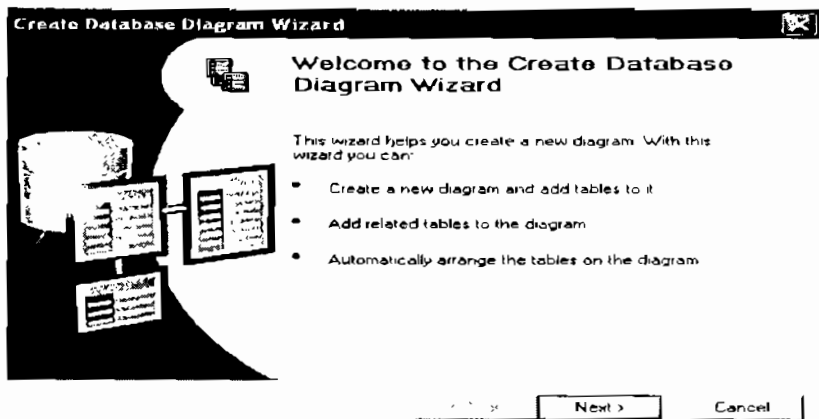
☑ Trong các đối tượng của CSDL có đối tượng Diagram, click nút phải chuột trên đối tượng này



B6H21

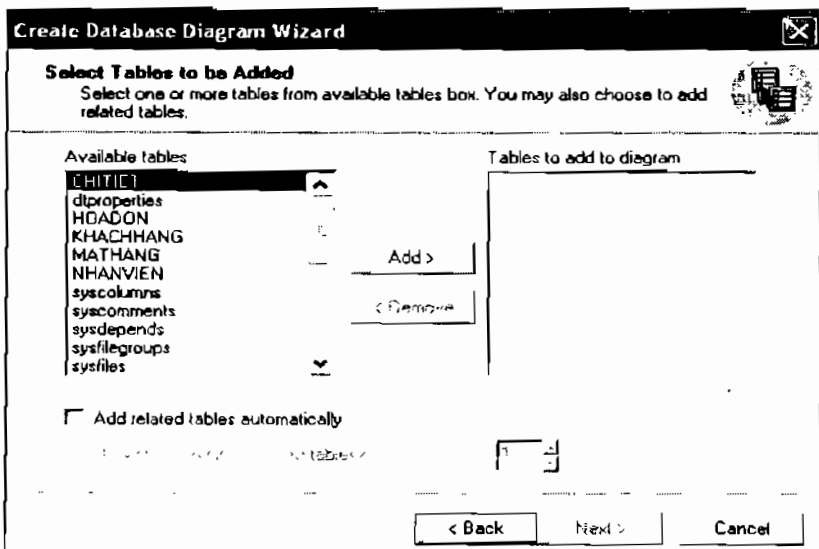


◆ Chọn mục New Database Diagram trong menu hiện ra, bạn sẽ có hình như sau:



B6H22

◆ Click nút Next, ta có cửa sổ sau hiện ra



B6H23

◆ Bạn click chọn từng bảng và nhấn nút Add, nếu muốn bỏ bảng ra khỏi khung vừa đưa qua, bạn click chọn tên bảng và click nút Remove, khi đưa năm bảng qua khung bên phải, bạn sẽ có hình như sau:

**Select Tables to be Added**

Select one or more tables from available tables box. You may also choose to add related tables.



## Available tables

dlproperties  
 syscolumns  
 syscomments  
 sysdepends  
 sysfilegroups  
 sysfiles  
 sysfiles1  
 sysforeignkeys  
 sysfulltextcatalogs  
 sysfulltextnotify  
 sysindexes

Add &gt;

&lt; Remove

## Tables to add to diagram

CHITIET  
 HOADON  
 KHACHHANG  
 MATHANG  
 NHANVIEN

 Add related tables automatically

How many levels of related tables?



&lt; Back

Next &gt;

Cancel

B6H24

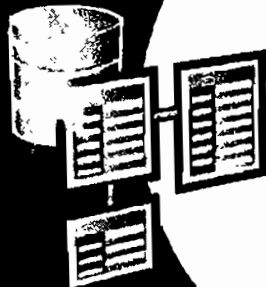
◆ Click nút Next, bạn sẽ có hình như sau:



## Completing the Create Database Diagram Wizard

You have completed the steps required to create a database diagram. You have chosen the following tables to be added and automatically arranged on the diagram:

CHITIET  
 HOADON  
 KHACHHANG  
 MATHANG  
 NHANVIEN



&lt; Back

Finish

Cancel

B6H25

◆ Click nút Finish để kết thúc, bạn sẽ có kết quả như sau:



B6H26

◆ Click và drag chuột tại tiêu đề của mỗi bảng để kéo đến vị trí thích hợp

**Chú ý:**

Khi vùng khóa của các bảng đang được chọn trong cửa sổ Diagram, nếu click chuột trong bảng, bạn sẽ thấy vùng này biến mất, bạn click bên ngoài bảng thì không mất.

Khi tạo mối liên hệ từ vùng của bảng này đến một vùng của bảng khác, các bạn phải làm sao để thấy được vùng này. Khi thực hiện, các bạn phải kéo cửa sổ Diagram lớn ra, kéo các bảng dài ra về phía bên dưới để thấy được vùng cần liên kết. Trong thực tế, bạn có thể tạo mục cần liên kết lên phía trên để thuận tiện cho công việc này.

### ① Tạo mối liên hệ cho hai bảng NHANVIEN và HOADON

Bạn cho thấy cả hai vùng cần liên hệ. Trong bảng NHANVIEN là vùng MSNV, trong bảng HOADON là vùng MSNV. Thực hiện như sau:

◆ Bạn click chọn vùng MSNV là khóa chính của bảng NHANVIEN, Drag và kéo sang vùng MSNV của bảng HOADON khi biến thành hình chữ nhật nhỏ, thả nút chuột, bạn sẽ có bảng sau:

## Create Relationship

Relationship name:

FK\_HOADON\_NHANVIEN

Primary key table

NHANVIEN

Foreign key table

HOADON

MSNV	MSNV
------	------

- Check existing data on creation
- Enforce relationship for replication
- Enforce relationship for INSERTs and UPDATEs
  - Cascade Update Related Fields
  - Cascade Delete Related Records

OK

Cancel

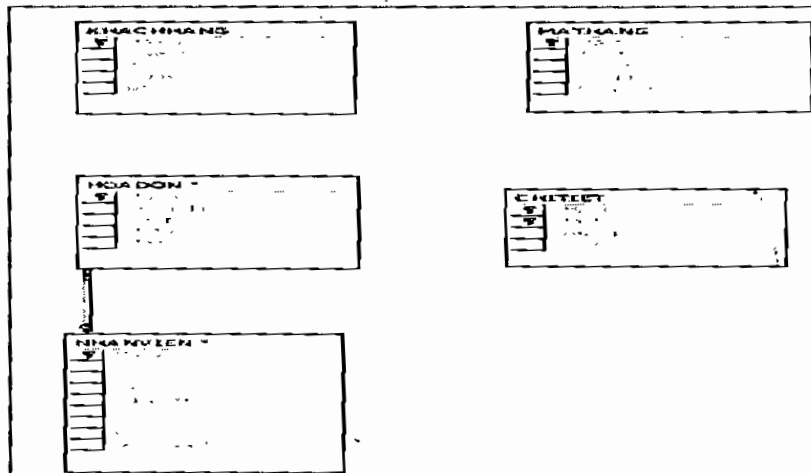
Help

B6H27

◆ Click nút OK, bạn thấy hình kết nối hai bảng NHANVIEN và HOADON như sau:

## SQL Server Enterprise Manager - [New]

File Window Help



B6H28

## ② Tạo mối liên hệ cho hai bảng KHACHHANG và HOADON

Bạn cho thấy cả hai vùng cần liên hệ. Trong bảng KHACHHANG là vùng MAKH, trong bảng HOADON là vùng MAKH. Thực hiện như sau:

◆ Bạn click chọn vùng MAKH là khóa chính của bảng KHACHHANG, Drag và kéo sang vùng MAKH của bảng HOADON khi biến thành hình chữ nhật nhỏ, thả nút chuột, bạn sẽ có bảng sau:

**Create Relationship**

Relationship name:  
FK\_HOADON\_KHACHHANG

Primary key table: KHACHHANG  
Foreign key table: HOADON

MAKH MAKH

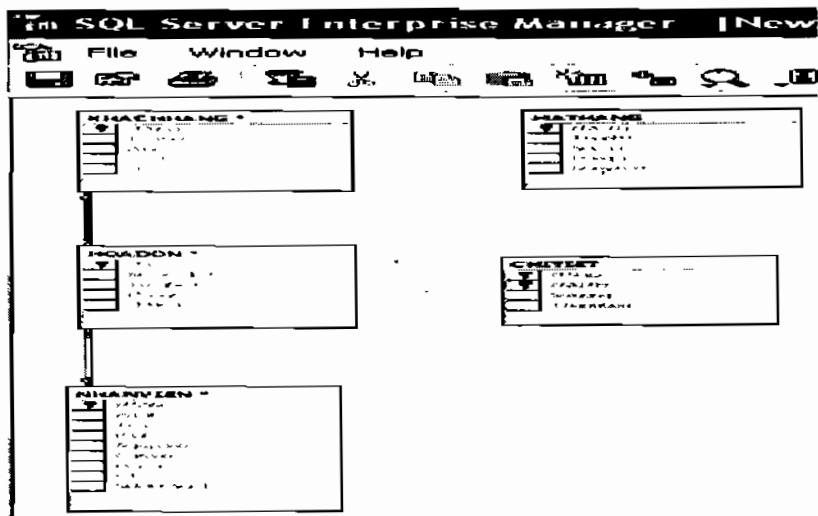
Check existing data on creation  
 Enforce relationship for replication  
 Enforce relationship for INSERTs and UPDATEs  
 Cascade Update Related Fields  
 Cascade Delete Related Records

OK Cancel Help

B6H29

◆ Các thành phần trong hộp thoại này cũng có ý nghĩa như hộp thoại trên.

◆ Click nút OK, chúng ta có mối quan hệ giữa hai bảng KHACHHANG và HOADON như hình sau:

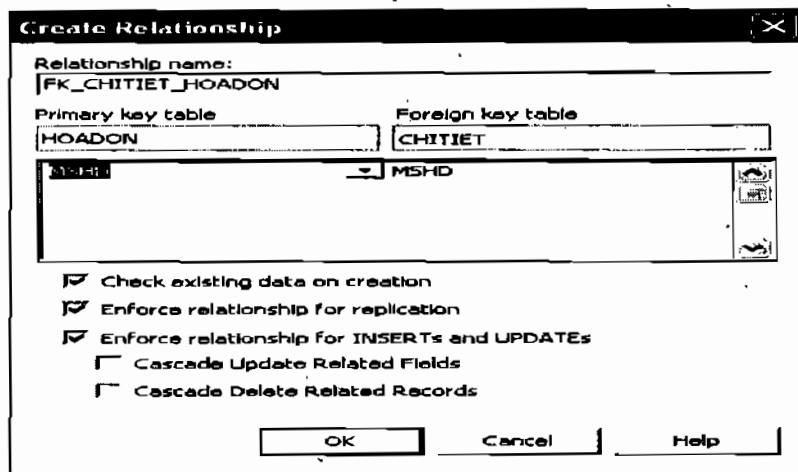


B6H30

③ Tạo mối liên hệ cho hai bảng HOADON và CHITIET

Bạn cho thấy cả hai vùng cần liên hệ. Trong bảng HOADON là vùng MSHD, trong bảng CHITIET là vùng MSHD. Thực hiện như sau:

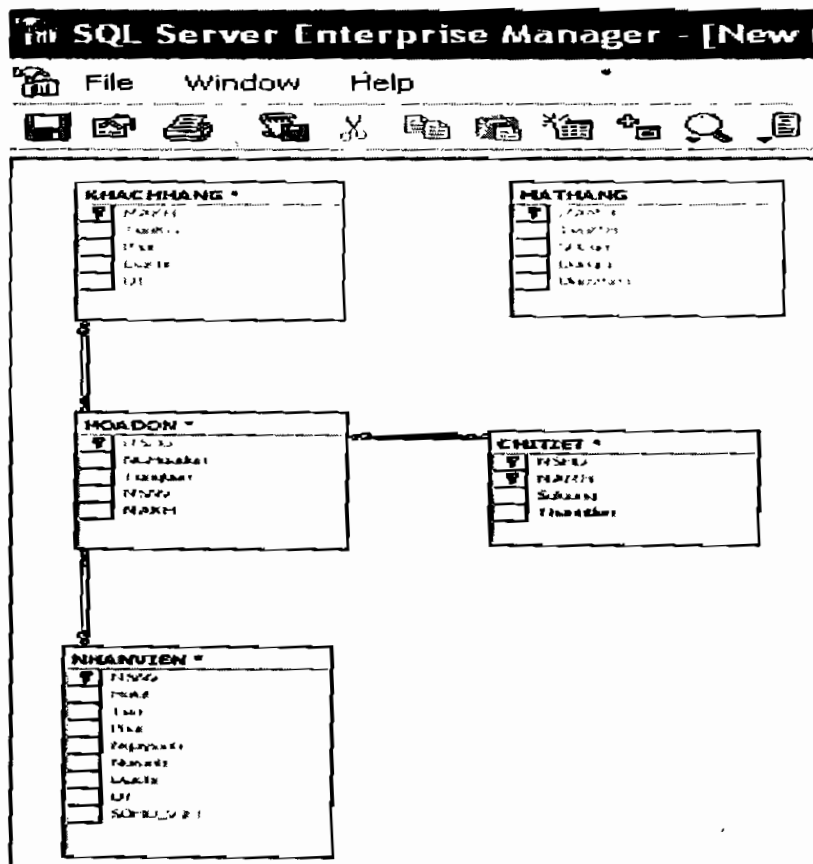
◆ Bạn click chọn vùng MSHD là khóa chính của bảng HOADON, Drag và kéo sang vùng MSHD trong bảng CHITIET. Khi biến thành hình chữ nhật nhỏ, thả nút chuột, bạn sẽ có hộp thoại sau:



B6H31

◆ Các thành phần trong hộp thoại này cũng có ý nghĩa như hộp thoại trên.

◆ Click nút OK, chúng ta có mối quan hệ giữa hai bảng HOADON và CHITIET như hình sau:



B6H32

#### ④ Tạo mối liên hệ cho hai bảng MATHANG và CHITIET

Bạn chọ thấy cả hai vùng cần liên hệ. Trong bảng MATHANG là vùng MAMH, trong bảng CHITIET là vùng MAMH. Thực hiện như sau:

Bạn click chọn vùng MAMH là khóa chính của bảng MATHANG, Drag và kéo sang vùng MAMH trong bảng CHITIET. Khi biến thành hình chữ nhật nhỏ, thả nút chuột, bạn sẽ có bảng sau:

## Create Relationship



Relationship name:

FK\_CHITIET\_MATHANG

Primary key table

MATHANG

Foreign key table

CHITIEU

MATH	MAMH
------	------

- Check existing data on creation
- Enforce relationship for replication
- Enforce relationship for INSERTs and UPDATEs
  - Cascade Update Related Fields
  - Cascade Delete Related Records

OK

Cancel

Help

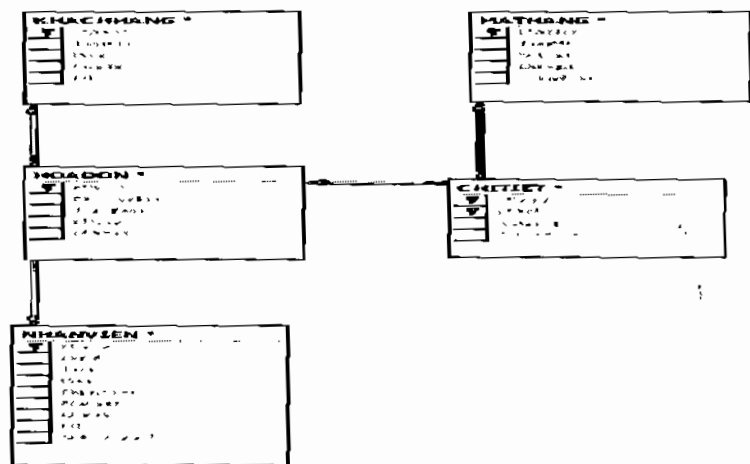
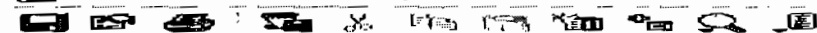
B6H33

◆ Các thành phần trong hộp thoại này cũng có ý nghĩa như hộp thoại trên.

◆ Click nút OK, chúng ta có mối quan hệ giữa hai bảng MATHANG và HOADON

## SQL Server Enterprise Manager - [New]

File Window Help



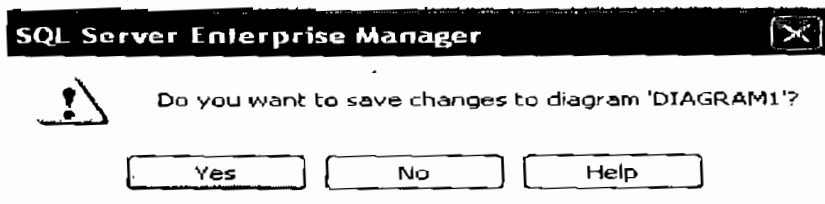
B6H34

Ghi chú:



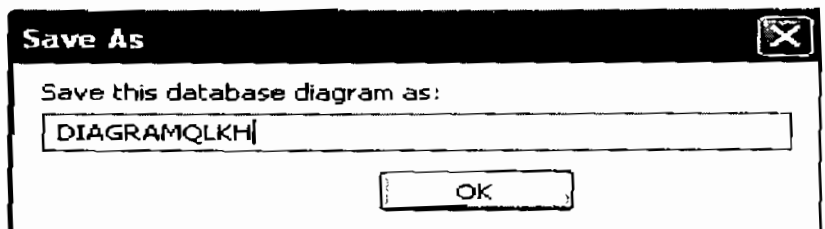
Nếu tạo mối liên hệ sai, cần xóa, bạn click nút chuột phải trên đường liên kết, click Delete... trên menu hiện ra.

Vậy là bạn đã hoàn thành việc tạo mối liên hệ cho các bảng, click dấu X để đóng cửa sổ Diagram, bạn sẽ thấy hộp thoại hiện ra như sau:



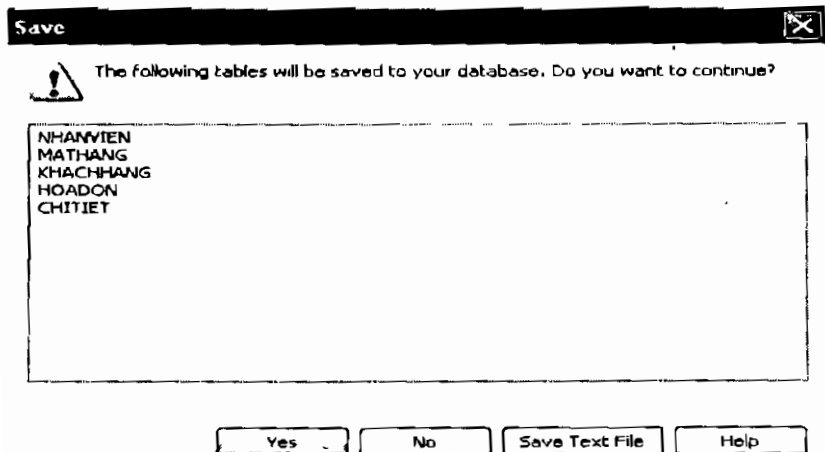
B6H35

◆ Bạn click nút Yes, hộp thoại tiếp theo hiện ra như sau:



B6H36

◆ Click nút OK các bạn sẽ thấy hộp thoại sau:



B6H37

◆ Click nút Yes để kết thúc phần này.

## ☛ Nhập thông tin cho các bảng

### ◆ Đối với bảng NHANVIEN

Trong bảng NHANVIEN, **MSNV** là khóa và có kiểu **Text** (chiều dài tối đa là 6 kí tự), người đầu tiên sẽ là NV0001, người thứ hai sẽ là NV0002...

### ◆ Đối với bảng KHACHHANG

Trong bảng KHACHHANG, **MAKH** sẽ là khóa và có kiểu **Text** (chiều dài tối đa là 6 kí tự). Người đầu tiên sẽ là KH0001, người thứ hai sẽ là KH0002...

### ◆ Đối với bảng MATHANG

Trong bảng MATHANG, **MAMH** sẽ là khóa và có kiểu **Text** (chiều dài tối đa là 6 kí tự). Bạn dùng hai kí tự đầu là kí hiệu của mặt hàng, bốn kí tự tiếp theo là số thứ tự

Ví dụ:

Viết tắt	Ý nghĩa
Mo0001	Màn hình
Ke0001	Bàn phím
Mu0001	Chuột
MA0001	Mainboard
RA0001	RAM
...	

### ◆ Đối với bảng HOADON

Trong bảng HOADON, **MSHD** sẽ là khóa và có kiểu **Text** (chiều dài tối đa là 6 kí tự), hóa đơn đầu tiên sẽ là HD0001, kế tiếp là HD0002 ... và cứ tiếp tục như vậy cho đến hết.

### ◆ Đối với bảng CHITIET

Trong bảng CHITIET, **MSHD** và **MAMH** sẽ là khóa và có kiểu **Text** (chiều dài tối đa là 6 kí tự), giống như **MSHD** trong bảng HOADON và **MAMH** trong bảng MATHANG

Chúng tôi sẽ nhập một số thông tin cho các bảng, khi thực tập bài này, các bạn đọc kỹ các kiểu của vùng, kích thước của vùng, nhất là lưu ý vùng mã số để nhập cho đúng. Khi thực hiện, các bạn có thể nhập thông

tin theo ý của mình, lưu ý nhập đúng và theo trình tự các bảng cho phù hợp. Mỗi bảng các bạn chỉ cần nhập một vài mẫu tin tượng trưng

Trước tiên chúng ta nhập thông tin cho bảng NHANVIEN, sau đó nhập cho bảng KHACHHANG, kế tiếp là bảng MATHANG, tiếp theo là bảng HOADON và cuối cùng là bảng CHITIET

Trong bài này, chúng ta phải dùng nhiều Form, một Form cha sẽ có menu

Có 8 Form con như sau:

① Form con thứ nhất có tên **FormNHANVIEN.vb** để thể hiện thông tin của bảng NHANVIEN. Trên khay công cụ của Form này sẽ có 3 đối tượng

◆ Đối tượng **OleDbDataAdapter1**, đối tượng **DatasetNHANVIEN1** và đối tượng **OleDbConnection1**.

② Form con thứ hai có tên **FormKHACHHANG.vb** để thể hiện thông tin của bảng KHACHHANG. Trên khay công cụ của Form này sẽ có 3 đối tượng

◆ Đối tượng **OleDbDataAdapter1**, đối tượng **DatasetKHACHHANG1** và đối tượng **OleDbConnection1**.

③ Form con thứ ba có tên **FormMATHANG.vb** để thể hiện thông tin của bảng MATHANG. Trên khay công cụ của Form này sẽ có 3 đối tượng

◆ Đối tượng **OleDbDataAdapter1**, đối tượng **DatasetMATHANG1** và đối tượng **OleDbConnection1**.

④ Form con thứ tư có tên **FormHOADON.vb** để thể hiện thông tin của bảng HOADON. Trên khay công cụ của Form này sẽ có 3 đối tượng

◆ Đối tượng **OleDbDataAdapter1**, đối tượng **DatasetHOADON1** và đối tượng **OleDbConnection1**.

⑤ Form con thứ năm có tên **FormCHITIET.vb** để thể hiện thông tin của bảng CHITIET. Trên khay công cụ của Form này sẽ có 3 đối tượng

◆ Đối tượng **OleDbDataAdapter1**, đối tượng **DatasetCHITIET1** và đối tượng **OleDbConnection1**.

⑥ Form con thứ sáu có tên **FormNVHOKH.vb** sẽ chứa ba điều khiển **DataGrid**, mỗi **DataGrid** sẽ thể hiện thông tin của từng bảng **NHANVIEN**, **HOADON** và **KHACHHANG**. Trên khay công cụ của Form này sẽ có 7 đối tượng

◆ Các đối tượng **OleDbDataAdapter1** và **DatasetNV1** dùng cho bảng **NHANVIEN**.

◆ Các đối tượng **OleDbDataAdapter2** và **DatasetHD1** dùng cho bảng **HOADON**.

◆ Các đối tượng **OleDbDataAdapter3** và **DatasetKH1** dùng cho bảng **KHACHHANG**.

◆ Đối tượng **OleDbConnection1** dùng chung cho cả ba bảng.

⑦ Form con thứ bảy có tên **FormKHHDCCTMH.vb** sẽ chứa *bốn điều* hiển **DataGrid**, mỗi **DataGrid** sẽ thể hiện thông tin của từng bảng **KHACHHANG**, **HOADON**, **CHITIENT** và **MATHANG**. Trên khay công cụ của Form này sẽ có 9 đối tượng

◆ Các đối tượng **OleDbDataAdapter1** và **DatasetKH21** dùng cho bảng **KHACHHANG**.

◆ Các đối tượng **OleDbDataAdapter2** và **DatasetHD21** dùng cho bảng **HOADON**.

◆ **OleDbDataAdapter3** và **DatasetCT21** dùng cho bảng **CHITIENT**.

◆ **OleDbDataAdapter4** và **DatasetMH21** dùng cho bảng **MATHANG**.

◆ Đối tượng **OleDbConnection1** dùng chung cho cả ba bảng.

⑧ Form con thứ tám có tên **FormNVHDCCTMH.vb** sẽ chứa *bốn điều* hiển **DataGrid**, mỗi **DataGrid** sẽ thể hiện thông tin của từng bảng **NHANVIEN**, **HOADON**, **CHITIENT** và **MATHANG**. Trên khay công cụ của Form này sẽ có 9 đối tượng

◆ Các đối tượng **OleDbDataAdapter1** và **DatasetNV31** dùng cho bảng **NHANVIEN**.

◆ Các đối tượng **OleDbDataAdapter2** và **DatasetHOADON31** dùng cho bảng **HOADON**.

◆ **OleDbDataAdapter3** và **DatasetCT31** dùng cho bảng **CHITIENT**.

◆ **OleDbDataAdapter4** và **DatasetMH31** dùng cho bảng **MATHANG**.

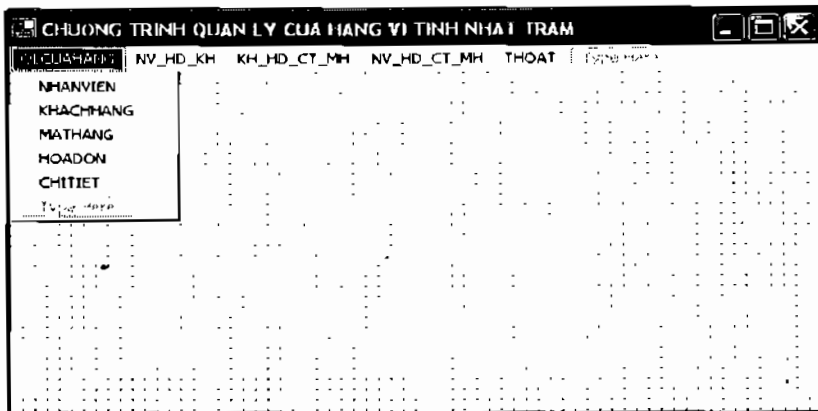
◆ Đối tượng **OleDbConnection1** dùng chung cho cả ba bảng.

◆ **OleDbDataAdapter4** và **DatasetMH21** dùng cho bảng **MATHANG**.

\* Yêu cầu

\* Các Form cần thiết kế

☐ Form cha cần thiết kế



MainMenu1

B6H38

## ▣ Phần Form cha

### Bảng các thuộc tính của Form cha

TT	Đối tượng	Các thuộc tính	Giá trị
1	Form MDI	Name BackColor Caption  IsMdiContainer WindowState	Form1 Màu hồng CHƯƠNG TRÌNH QUẢN LÝ CỬA HÀNG VI TÍNH NHẬT TRAM True Maximized

#### Ghi chú:

Thuộc tính `IsMdiContainer` phải đặt là `True`.

### Hệ thống menu của Form cha

Caption	Name
QLCUAHANG	MenuQLCUAHANG
NHANVIEN	MenuNHANVIEN
KHACHHANG	MenuKHACHHANG
MATHANG	MenuMATHANG

HOADON CHITJET	MenuHOADON MenuCHITJET
NV_HD_KH	MenuNVHDKH
KH_HD_CT_MH	MenuKHHDCSTMH
NV_HD_CT_MH	MenuNVHDCSTMH
THOAT	MenuTHOAT

☐ Phần Form con của mục TUNGBANG

\* FormNHANVIEN

OleDbDataAdapter1

OleDbConnection1

DataSetNHANVIEN1

86H39

### BẢNG CÁC THUỘC TÍNH CỦA NHỮNG ĐIỀU KHIỂN TRONG FORMNHANVIEN

STT	Đối tượng	Thuộc tính	Giá trị thiết đặt
1	Form	Name BackColor Text WindowState	FormNHANVIEN Màu xanh QUAN LY NHAN VIEN Maximized
2	DataGrid	Name CaptionText BackColor	DataGrid1 DATAGRID HIEN THONG TIN CUA BANG NHANVIEN Màu xanh nhạt

		BackgroundColor ForeColor GridLineColor Font Anchor Datasource Datamember	Màu cam nhạt Màu xanh dương Màu đỏ VNI-Times, size 12, bold Top, Left, Right, Bottom DatasetNHANVIEN1 NHANVIEN
3	Button	Name BackColor Font Text	ButtonXem Màu xám VNI-Times, size 12, Bold XEM THÔNG TIN
4	Button	Name BackColor Font Text	ButtonCapnhat Màu xám VNI-Times, size 12, Bold CẬP NHẬT
5	Button	Name BackColor Font Text	ButtonThoat Màu xám VNI-Times, size 12, Bold THOÁT

### \* FormKHACHHANG

QUAN LY KHACHHANG

DATA KIỂU HIỆN THÔNG TIN CỦA BẢNG KHACHHANG

MAKH	TenKH	Phai	Diachi	DT
*				

XEM THÔNG TIN      CẬP NHẬT      THOÁT

OLEDBDataSource1

OLEDBConnection1

DataSetKHACHHANG1

B6H40

**BẢNG CÁC THUỘC TÍNH CỦA NHỮNG ĐIỀU KHIỂN  
TRONG FORMKHACHHANG**

<b>STT</b>	<b>Đối tượng</b>	<b>Thuộc tính</b>	<b>Giá trị thiết đặt</b>
1	Form	Name BackColor Text WindowState	FormKHACHHANG Màu hồng QUAN LY KHACH HANG Maximized
2	DataGrid	Name CaptionText  BackColor BackgroundColor ForeColor GridLineColor Font Anchor Datasource Datamember	DataGrid1 DATAGRID HIEN THONG TIN CUA BANG KHACHHANG Màu xanh nhạt Màu cam nhạt Màu xanh dương Màu đỏ VNI-Times, size 12, bold Top, Left, Right, Bottom DatasetKHACHHANG1 KHACHHANG
3	Button	Name BackColor Font Text	ButtonXem Màu xám VNI-Times, size 12, Bold XEM THÔNG TIN
4	Button	Name BackColor Font Text	ButtonCapnhat Màu xám VNI-Times, size 12, Bold CẬP NHẬT
5	Button	Name BackColor Font Text	ButtonThoat Màu xám VNI-Times, size 12, Bold THOÁT

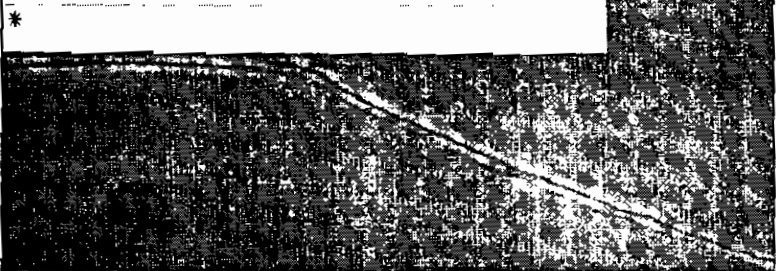
\* FormMATHANG





**DATAGRID HIEN THONG TIN CUA BANG MATHANG**

MAMH TenMH SLCon Dongia Donvitin



XEM THONG TIN

CẬP NHẬT

THOÁT

OleDbDataAdapter1

OleDbConnection1

DataSetMATHANG1

B6H41

**BẢNG CÁC THUỘC TÍNH CỦA NHỮNG ĐIỀU KHIỂN TRONG FORMMATHANG**

STT	Đối tượng	Thuộc tính	Giá trị thiết đặt
1	Form	Name BackColor Text WindowState	FormMATHANG Màu cam QUAN LY MAT HANG Maximized
2	DataGrid	Name CaptionText  BackColor BackgroundColor ForeColor GridLineColor Font Anchor	DataGrid1 DATAGRID HIEN THONG TIN CUA BANG MATHANG  Màu xanh nhạt Màu cam nhạt Màu xanh dương Màu đỏ VNI-Times, size 12, bold Top, Left, Right, Bottom

		Datasource Datamember	DatasetMATHANG1 MATHANG
3	Button	Name BackColor Font Text	ButtonXem Màu xám VNI-Times, size 12, Bold XEM THÔNG TIN
4	Button	Name BackColor Font Text	ButtonCapnhat Màu xám VNI-Times, size 12, Bold CẬP NHẬT
5	Button	Name BackColor Font Text	ButtonThoat Màu xám VNI-Times, size 12, Bold THOÁT

\* FormHOADON

QUAN LY HOA DON

DATAGRID HIEN THONG TIN CUA BANG HOADON

MSHD	NGHoad	Tongtien	MSNV	MAKH
*				

XEM THÔNG TIN      CẬP NHẬT      THOÁT

OleDbDataAdapter1

OleDbConnection1

DataSetHOADON1

B6H42

## BẢNG CÁC THUỘC TÍNH CỦA NHỮNG ĐIỀU KHIỂN TRONG FORMHOADON

STT	Đối tượng	Thuộc tính	Giá trị thiết đặt
1	Form	Name BackColor Text WindowState	FormHOADON Màu vàng QUAN LY HOA DON Maximized
2	DataGrid	Name CaptionText  BackColor BackgroundColor ForeColor GridLineColor Font Anchor Datasource Datamember	DataGrid1 DATAGRID HIEN THONG TIN CUA BANG HOADON Màu xanh nhạt Màu cam nhạt Màu xanh dương Màu đỏ VNI-Times, size 12, bold Top, Left, Right, Bottom DatasetHOADON1 HOADON
3	Button	Name BackColor Font Text	ButtonXem Màu xám VNI-Times, size 12, Bold XEM THÔNG TIN
4	Button	Name BackColor Font Text	ButtonCapnhat Màu xám VNI-Times, size 12, Bold CẬP NHẬT
5	Button	Name BackColor Font Text	ButtonThoat Màu xám VNI-Times, size 12, Bold THOÁT

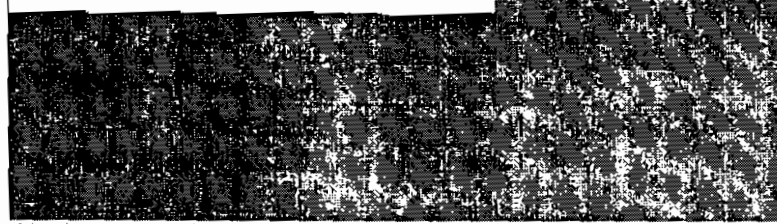
\* FormCHITIEU



**DATAGRID HIEN THONG TIN CUA BANG CHITJET**

MSHD MAMH Soluong Thanhlie

\*



NEM THONG TIN

CAP NHAT

THOAT

OleDbDataAdapter1

OleDbConnection1

DataSetCHITJET1

B6H43

**BẢNG CÁC THUỘC TÍNH CỦA NHỮNG ĐIỀU KHIỂN TRONG FORMCHITJET**

STT	Đối tượng	Thuộc tính	Giá trị thiết đặt
1	Form	Name BackColor Text WindowState	FormCHITJET Màu đỏ QUAN LY CHI TIET HOA DON Maximized
2	DataGrid	Name CaptionText  BackColor BackgroundColor ForeColor GridLineColor Font Anchor	DataGrid1 DATAGRID HIEN THONG TIN CUA BANG CHITJET  Màu xanh nhạt Màu cam nhạt Màu xanh dương Màu đỏ VNI-Times, size 12, bold Top, Left, Right, Bottom

		Datasource Datamember	DatasetCHITIE1 CHITIE1
3	Button	Name BackColor Font Text	ButtonXem Màu xám VNI-Times, size 12, Bold XEM THÔNG TIN
4	Button	Name BackColor Font Text	ButtonCapnhap Màu xám VNI-Times, size 12, Bold CẬP NHẬT
5	Button	Name BackColor Font Text	ButtonThoat Màu xám VNI-Times, size 12, Bold THOÁT

\* FormNVHDKH

QUẢN LÝ NHÂN VIÊN - HOA ĐƠN - KHÁCH HÀNG

**DATAGRID HIỆN THÔNG TIN CỦA BẢNG NHÂNVIEN**

MSNV	Hokot	Ten	Phai	Ngaysinh	Nobsinh	Diach
*						

**DATAGRID HIỆN THÔNG TIN CỦA BẢNG HOADON**

MSHD	NGHoad	Tongtien	MSNV	MAKH
*				

**DATAGRID HIỆN THÔNG TIN CỦA BẢNG KHACHHANG**

MAKH	TenKH	Phai	Diachi	DT
*				

XEM THÔNG TIN | CẬP NHẬT | THOÁT

OleDbDataAdapter1 OleDbConnection1 DataSetNV1 OleDbDataAdapter2  
 DataSetHD1 OleDbDataAdapter3 DataSetKH1

B6H44

## Bảng thuộc tính của những điều khiển trong FormNVHDKH

STT	Đối tượng	Thuộc tính	Giá trị thiết đặt
1	Form	Name BackColor Text  WindowState	FormNVHDKH Màu vàng QUAN LY NHAN VIEN - HOA DON - KHACH HANG Maximized
2	DataGrid	Name CaptionText  BackColor BackgroundColor ForeColor GridLineColor Font Anchor Datasource Datamember	DataGrid1 DATAGRID HIEN THONG TIN CUA BANG NHANVIEN Màu cam nhạt Màu hồng nhạt Màu xanh dương Màu đỏ VNI-Times, size 12, bold Top, Left, Right, Bottom DatasetNV1 NHANVIEN
3	DataGrid	Name CaptionText  BackColor BackgroundColor ForeColor GridLineColor Font Anchor Datasource Datamember	DataGrid2 DATAGRID HIEN THONG TIN CUA BANG HOADON Màu xanh nhạt Màu cam nhạt Màu xanh dương Màu đỏ VNI-Times, size 12, bold Top, Left, Right, Bottom DatasetHD1 HOADON
4	DataGrid	Name CaptionText  BackColor BackgroundColor ForeColor	DataGrid3 DATAGRID HIEN THONG TIN CUA BANG KHACHHANG Màu xanh nhạt Màu cam nhạt Màu xanh dương

		GridLineColor Font Anchor Datasource Datamember	Màu đỏ VNI-Times, size 12, bold Top, Left, Right, Bottom DatasetKH1 KHACHHANG
5	Button	Name BackColor Font Text	ButtonXem Màu xám VNI-Times, size 12, Bold XEM THÔNG TIN
6	Button	Name BackColor Font Text	ButtonCapnhat Màu xám VNI-Times, size 12, Bold CẬP NHẬT
7	Button	Name BackColor Font Text	ButtonThoat Màu xám VNI-Times, size 12, Bold THOÁT

\* FormKHHDC TMH

QUẢN LÝ KHÁCH HÀNG - HOA ĐƠN - CHI TIẾT - MÃ HÀNG

DATAGRID HIỆN THÔNG TIN			DATAGRID HIỆN THÔNG TIN		
MAKH	TenKH	Phai	MSHD	NGHoad	Tongtien
*			*		
[Navigation]			[Navigation]		
DATAGRID HIỆN THÔNG TIN			DATAGRID HIỆN THÔNG TIN C		
MSHD	MAMH	Soluong	MAMH	TenMH	SLCon
*			*		
[Navigation]			[Navigation]		
XEM THÔNG TIN		CẬP NHẬT		THOÁT	

OleDbDataAdapter1  
 OleDbConnection1  
 DataSetKH21  
 OleDbDataAdapter2  
 DataSetHD21  
 OleDbDataAdapter3  
 DataSetCT21  
 OleDbDataAdapter4  
 DataSetMH21

## Bảng thuộc tính của những điều khiển trong FormKHHDCSTMH

STT	Đối tượng	Thuộc tính	Giá trị thiết đặt
1	Form	Name BackColor Text  WindowState	FormKHHDCSTMH Màu vàng QUAN LY KHACH HANG – HOA DON – CHI TIET – MAT HANG Maximized
2	DataGrid	Name CaptionText  BackColor BackgroundColor ForeColor GridLineColor Font Anchor Datasource Datamember	DataGrid1 DATAGRID HIEN THONG TIN CUA BANG KHACHHANG Màu cam nhạt Màu hồng nhạt Màu xanh dương Màu đỏ VNI-Times, size 12, bold Top, Left, Right, Bottom DatasetKH21 KHACHHANG
3	DataGrid	Name CaptionText  BackColor BackgroundColor ForeColor GridLineColor Font Anchor Datasource Datamember	DataGrid2 DATAGRID HIEN THONG TIN CUA BANG HOADON Màu xanh nhạt Màu cam nhạt Màu xanh dương Màu đỏ VNI-Times, size 12, bold Top, Left, Right, Bottom DatasetHD21 HOADON
4	DataGrid	Name CaptionText  BackColor BackgroundColor	DataGrid3 DATAGRID HIEN THONG TIN CUA BANG CHITIET Màu xanh nhạt Màu cam nhạt



		ForeColor GridLineColor Font Anchor Datasource Datamember	Màu xanh dương Màu đỏ VNI-Times, size 12, bold Top, Left, Right, Bottom DatasetCT21 CHITIEU
5	DataGrid	Name CaptionText  BackColor BackgroundColor ForeColor GridLineColor Font Anchor Datasource Datamember	DataGrid4 DATAGRID HIEN THONG TIN CUA BANG MATHANG Màu xanh nhạt Màu cam nhạt Màu xanh dương Màu đỏ VNI-Times, size 12, bold Top, Left, Right, Bottom DatasetMH21 MATHANG
6	Button	Name BackColor Font Text	ButtonXem Màu xám VNI-Times, size 12, Bold XEM THÔNG TIN
7	Button	Name BackColor Font Text	ButtonCapnhat Màu xám VNI-Times, size 12, Bold CẬP NHẬT
8	Button	Name BackColor Font Text	ButtonThoat Màu xám VNI-Times, size 12, Bold THOÁT

\* FormNVHDCTMH

<b>DATAGRID HIEN THONG TIN CU</b>						
MSNV	Hotot	Ten	Ph	MSHD	NGHoad	Toungtien
*				*		
<input type="text"/>				<input type="text"/>		
<b>DATAGRID HIEN THONG TIN CU</b>				<b>DATAGRID HIEN THONG TIN</b>		
MSHD	MAMH	Sohuong	Th	MAMH	TenMH	SLCou
*				*		
<input type="text"/>				<input type="text"/>		
<b>XEM THONG TIN</b>		<b>CAP NHAT</b>		<b>THOAT</b>		

OleDbDataAdapter1  
 OleDbConnection1  
 DataSetNV31  
 OleDbDataAdapter2  
 DataSetHD31  
 OleDbDataAdapter3  
 DataSetCT31  
 OleDbDataAdapter4  
 DataSetMH31

B6H46

### Bảng thuộc tính của những điều khiển trong FormNVHDCTMH

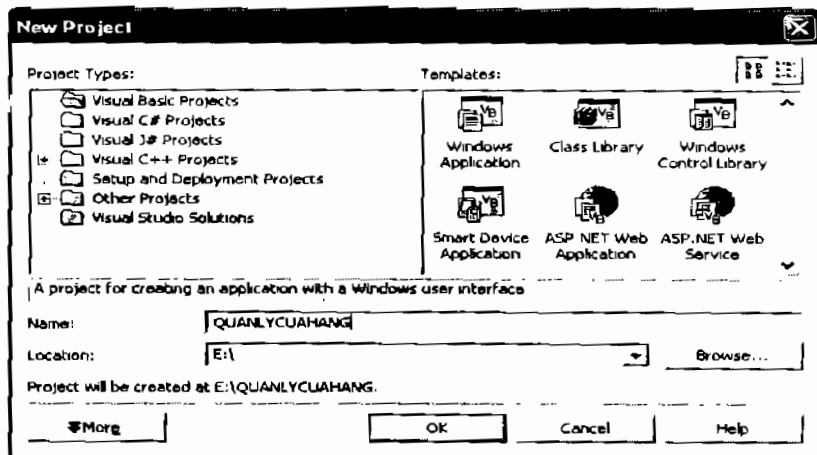
STT	Đối tượng	Thuộc tính	Giá trị thiết đặt
1	Form	Name BackColor Text  WindowState	FormNVHDCTMH Màu vàng QUAN LY NHAN VIEN – HOA DON – CHI TIET – MAT HANG Maximized
2	DataGrid	Name CaptionText  BackColor BackgroundColor ForeColor GridLineColor Font Anchor Datasource Datamember	DataGrid1 DATAGRID HIEN THONG TIN CUA BANG NHANVIEN  Màu cam nhạt Màu hồng nhạt Màu xanh dương Màu đỏ VNI-Times, size 12, bold Top, Left, Right, Bottom DatasetNV31 NHANVIEN
3	DataGrid	Name	DataGrid2

		CaptionText BackColor BackgroundColor ForeColor GridLineColor Font Anchor Datasource Datamember	DATAGRID HIEN THONG TIN CUA BANG HOADON Màu xanh nhạt Màu cam nhạt Màu xanh dương Màu đỏ VNI-Times, size 12, bold Top, Left, Right, Bottom DatasetHD31 HOADON
4	DataGrid	Name CaptionText BackColor BackgroundColor ForeColor GridLineColor Font Anchor Datasource Datamember	DataGrid3 DATAGRID HIEN THONG TIN CUA BANG CHITIET Màu xanh nhạt Màu cam nhạt Màu xanh dương Màu đỏ VNI-Times, size 12, bold Top, Left, Right, Bottom DatasetCT31 CHITIET
5	DataGrid	Name CaptionText BackColor BackgroundColor ForeColor GridLineColor Font Anchor Datasource Datamember	DataGrid4 DATAGRID HIEN THONG TIN CUA BANG MATHANG Màu xanh nhạt Màu cam nhạt Màu xanh dương Màu đỏ VNI-Times, size 12, bold Top, Left, Right, Bottom DatasetMH31 MATHANG
6	Button	Name BackColor Font Text	ButtonXem Màu xám VNI-Times, size 12, Bold XEM THÔNG TIN
7	Button	Name	ButtonCapnhạt

8	Button	Name BackColor Font Text	ButtonThoat Màu xám VNI-Times, size 12, Bold THOÁT

## ① Thiết kế các Form của chương trình

◆ Đầu tiên bạn vào Visual Basic .NET, tạo Project có tên QUANLYCUAHANG và lưu tại thư mục gốc của ổ đĩa E:\



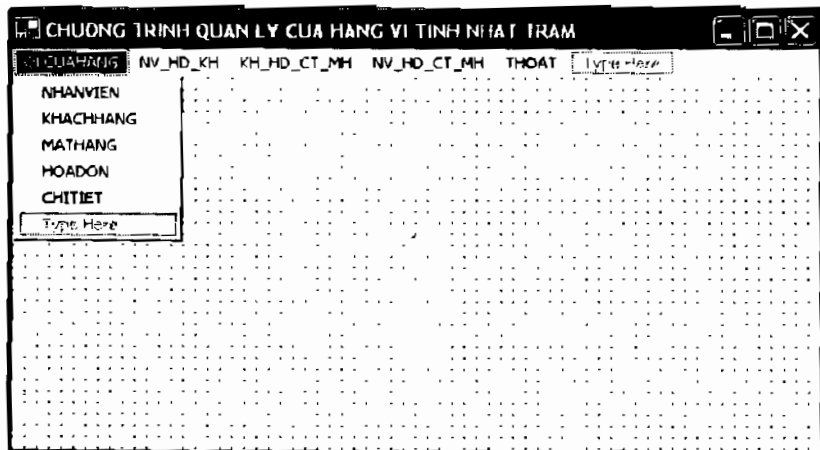
B6H47

◆ Click nút OK, Form thiết kế hiện ra.

### ■ Tạo Form cha

Các bạn tiến hành tạo menu và xác lập các thuộc tính cho Form cha như các bảng thuộc tính và hệ thống menu đã cho ở trên.

◆ Muốn tạo menu cho Form cha, bạn click điều khiển Main menu trong hộp công cụ, vẽ vào Form, nhập tên các mục vào, sau khi nhập xong, click nút phải trên các mục, chọn Properties, xác lập các thuộc tính name cho các mục. Khi tạo xong, bạn sẽ có hình như sau:



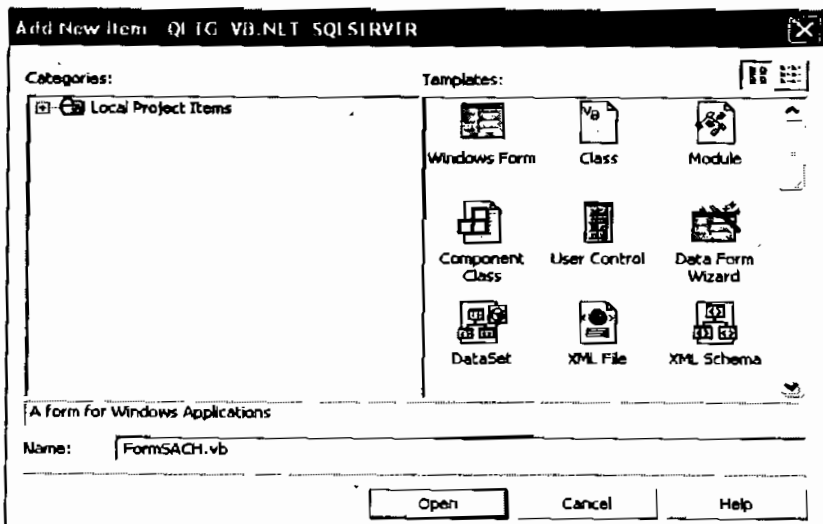
MenuMenu1

B6H48

Click nút phải chuột trên từng mục, chọn Properties để xác lập thuộc tính name cho chúng như đã cho ở bảng trên.

- Tạo Form con có tên FormNHANVIEN

- ◆ Tại Form cha, vào menu Project, chọn Add Windows Form để tạo một Form con mới đầu tiên, đó là FormNHANVIEN

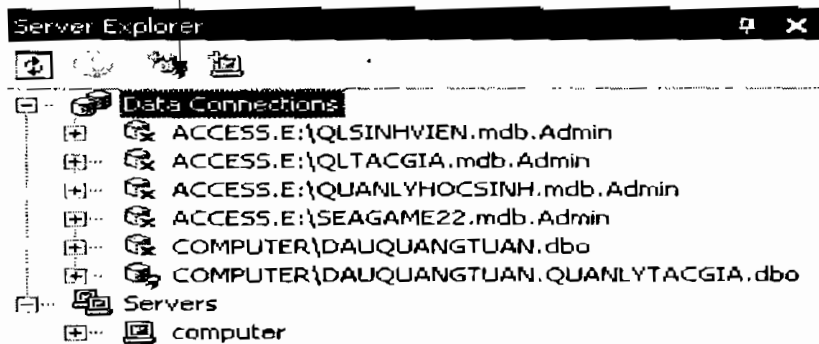


B6H49

◆ Click nút Open, bạn sẽ có FormSACH hiện ra để bạn thiết kế. Bạn thực hiện các bước như sau:

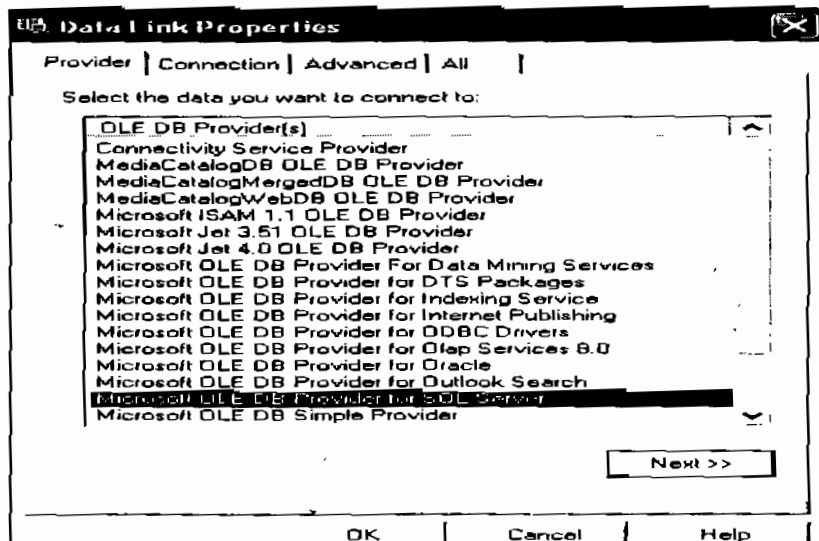
Thực hiện việc kết nối với CSDL có tên QUANLYTACGIA

◆ Vào menu View, chọn Server Explorer



B6H50

◆ Click nút Connect to Database trên thanh công cụ của cửa sổ Server Explorer, trong hộp thoại hiện ra, chọn tab có tên Provider, chọn Microsoft OLE DB Provider for SQL Server như hình sau:



B6H51

- ◆ Click nút Next, nó sẽ sang Tab Connection

**Data Link Properties**

Provider Connection | **Advanced** | All

Specify the following to connect to SQL Server data

1. Select or enter a server name  
COMPUTER\DAUQUANGTUAN Refresh
2. Enter information to log on to the server:  
 Use Windows NT Integrated security  
 Use a specific user name and password:  
User name: \_\_\_\_\_  
Password: \_\_\_\_\_  
 Blank password  Allow saving password
3.  Select the database on the server: \_\_\_\_\_  
 Attach a database file as a database name:  
QUANLYKHACHHANG  
Using the filename \_\_\_\_\_

Test Connection

OK Cancel Help

B6H52

- ◆ Nhập COMPUTER\DAUQUANGTUAN trong khung Select or enter a server name
- ◆ Click chọn ô Blank password
- ◆ Click chọn Attach a database file as a database name
- ◆ Nhập QUANLYKHACHHANG trong khung bên dưới
- ◆ Click nút OK hộp thoại sau hiện ra

**SQL Server Login**

Server: COMPUTER\DAUQUAN OK

Use Trusted Connection Cancel

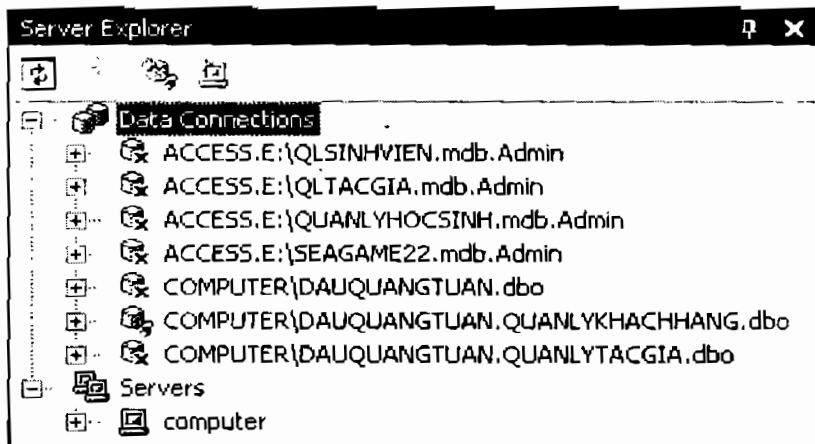
Login ID: PBH129 Help

Password: Options >>

B6H53

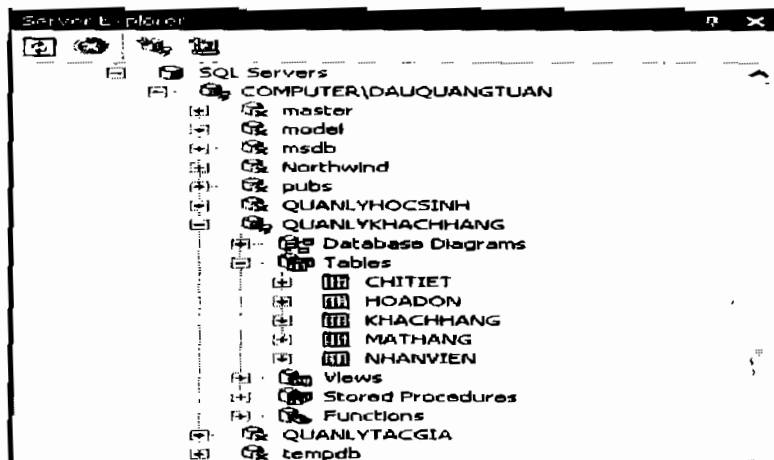
- ◆ Click chọn Use Trusted Connection

- ◆ Click nút OK để hoàn tất việc kết nối
- Nhìn vào cửa sổ Server Explorer bạn thấy như hình sau:



B6H54

- ◆ Click dấu cộng trước computer và các dấu cộng liên quan, bạn thấy hình như sau:



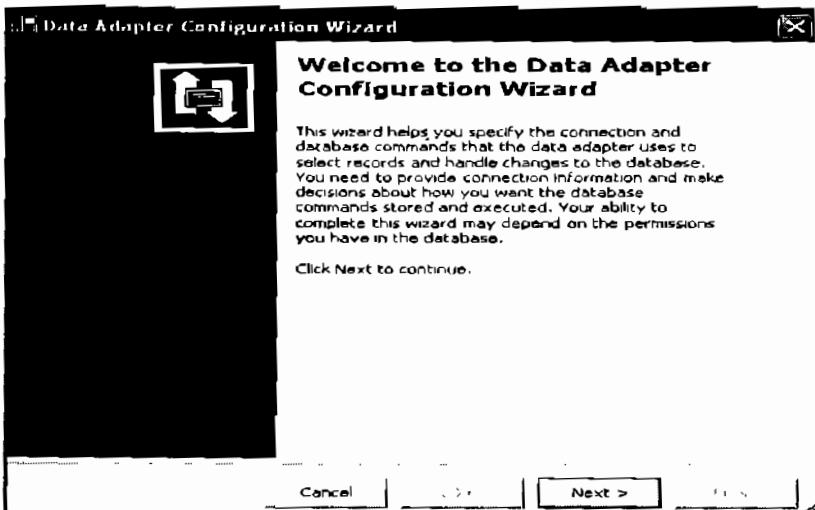
B6H55

- ◆ Thực hiện việc đưa đối tượng OleDbDataAdapter vào khay công cụ

- ◆ Click icon để hiện hộp công cụ

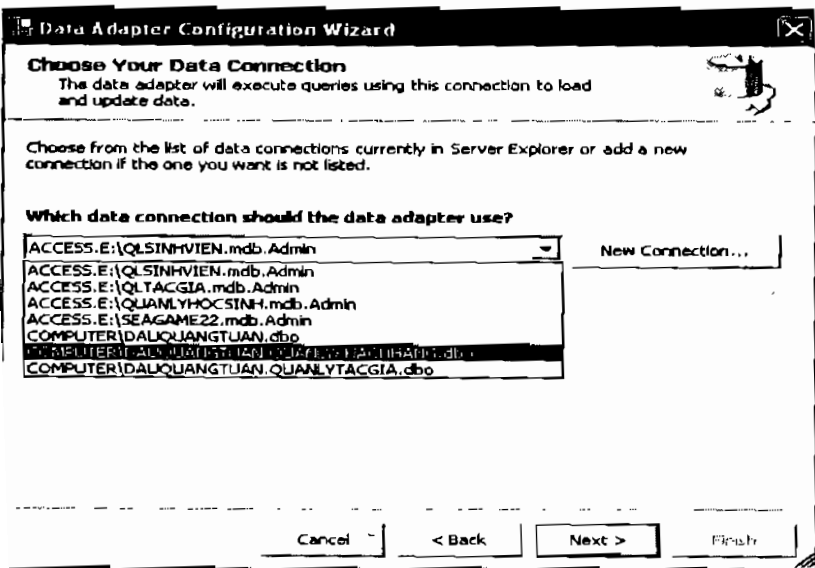


◆ Click tab Data, chọn đối tượng OleDbDataAdapter, vẽ vào vị trí bất kỳ của Form, ta sẽ có hộp thoại hiện ra như hình sau:



B6H56

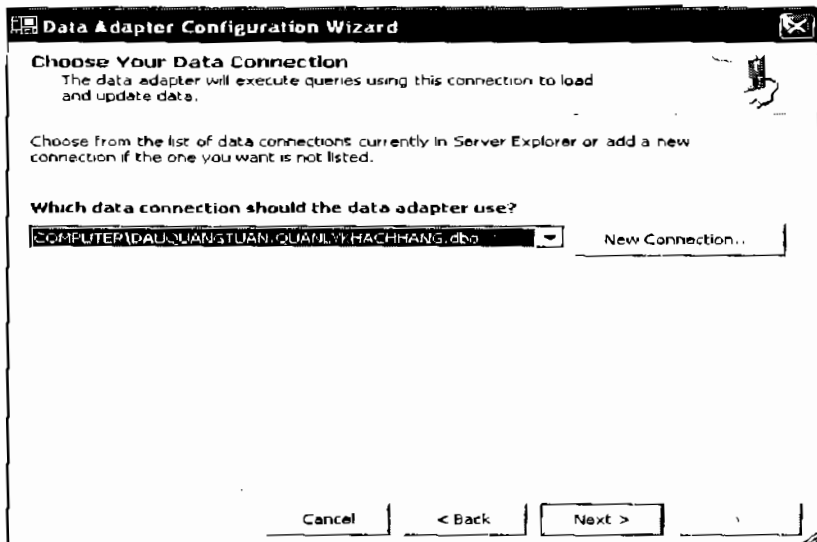
◆ Click nút Next, bạn có hộp thoại sau:



B6H57

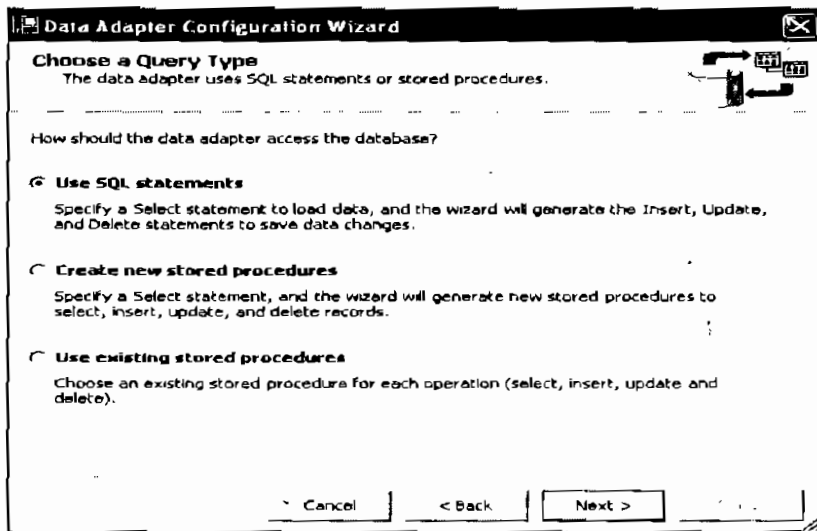
◆ Click đầu mũi tên quay xuống

◆ Chọn COMPUTER\DAUQUANGTUAN.QUANLYKHACHHANG.dbo



B6H58

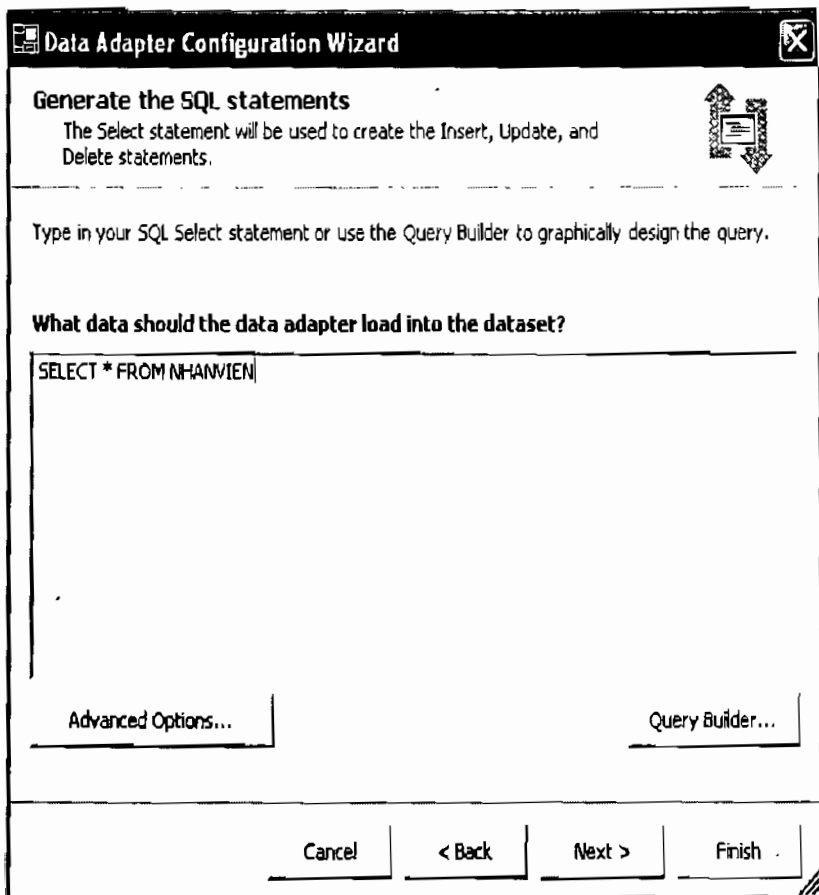
◆ Click nút Next, hộp thoại sau hiện ra



B6H59

- Click chọn mục Use SQL statements nếu như chưa được chọn
- Click nút Next, nhập vào câu lệnh SQL sau trong khung của hộp

thoại như hình sau:



#### B6H60

- Click nút Finish để kết thúc, lúc này trên khay công cụ sẽ có hai đối tượng OleDbDataAdapter1 và OleDbConnection1.
- Click chọn FormNHANVIEN
- Vào menu Data, chọn Generate Dataset
- Click chọn mục New
- Nhập vào DatasetNHANVIEN trong khung như hình sau:

## Generate Dataset



Generate a dataset that includes the specified tables.

Choose a dataset:

Existing

New:

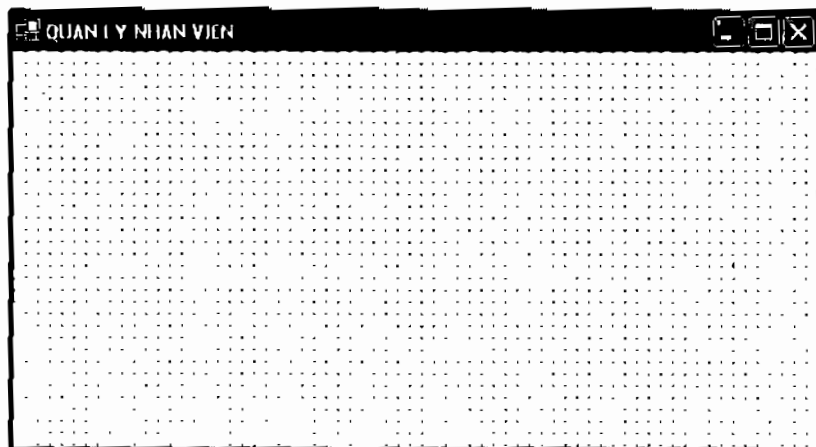
Choose which table(s) to add to the dataset:

NHANVIEN (OleDbDataAdapter1)

Add this dataset to the designer.

B6H61

◆ Click nút OK, bạn thấy trong khay công cụ bên dưới có thêm đối tượng DataSetNHANVIEN1



OleDbDataAdapter1

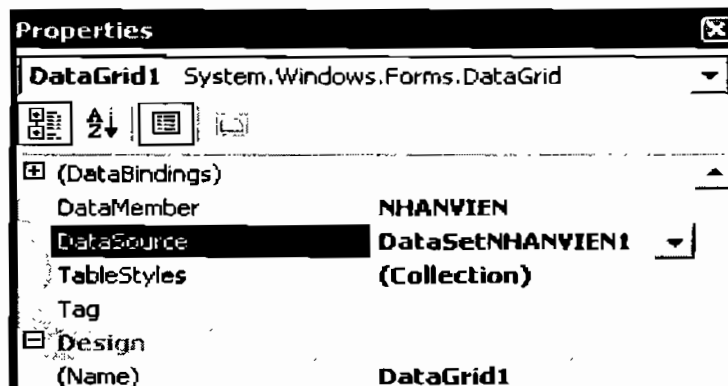
OleDbConnection1

DataSetNHANVIEN1

B6H62

Để đưa điều khiển DataGrid vào trong Form, bạn thực hiện như sau:

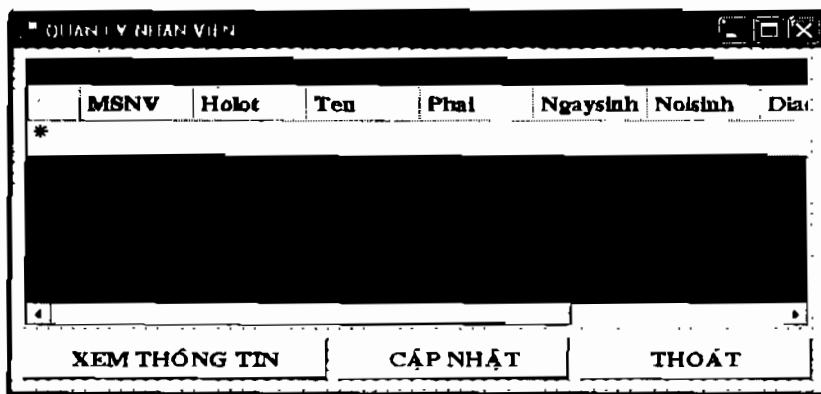
- ◆ Click chọn tab Windows Forms trong hộp công cụ
- ◆ Đưa điều khiển DataGrid vào trong Form
- ◆ Click nút phải chuột trên DataGrid, chọn Properties, xác lập các thuộc tính cho điều khiển này như bảng cho ở trên



B6H63

**Ghi chú:**

Cần chú ý hai thuộc tính Datasource và DataMember, chọn cho đúng  
Đưa các Button vào Form và xác lập các thuộc tính cho chúng để được như hình sau:



OleDbDataAdapter1

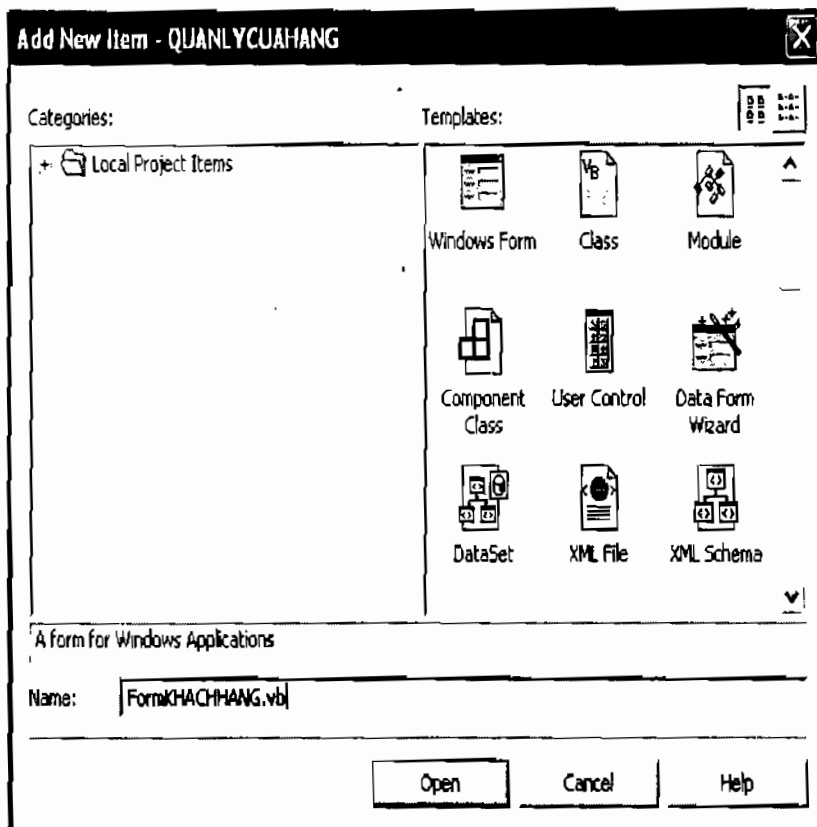
OleDbConnection1

DataSetNHANVIEN1

B6H64

## ■ Tạo Form con có tên FormKHACHHANG

◆ Vào menu Project, chọn Add Windows Form để tạo một Form con thứ hai, đó là FormKHACHHANG



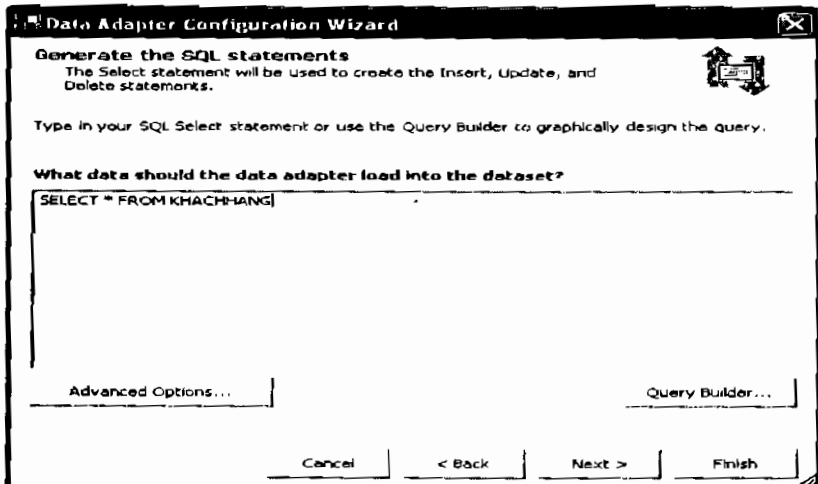
B6H65

☛ Thực hiện việc đưa đối tượng OleDbDataAdapter vào khay công cụ

◆ Click icon để hiện hộp công cụ

◆ Click tab Data, chọn đối tượng OleDbDataAdapter, vẽ vào vị trí bất kỳ của Form, trong hộp thoại hiện ra, click một vài lần nút Next, lưu ý chọn tên CSDL cho đúng, khi hộp thoại nhập câu lệnh SQL hiện ra, bạn nhập câu lệnh sau:

```
SELECT * FROM KHACHHANG
```



B6H66

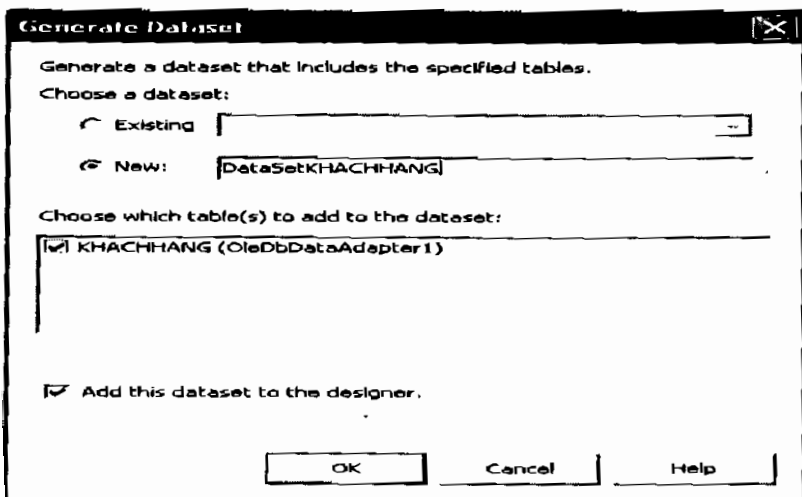
◆ Click nút Finish để kết thúc, lúc này trên khay công cụ sẽ có hai đối tượng OleDbDataAdapter1 và OleDbConnection1.

◆ Click chọn FormKHACHHANG

◆ Vào menu Data, chọn Generate Dataset

◆ Click chọn mục New

◆ Nhập vào DataSetKHACHHANG trong khung như hình sau:

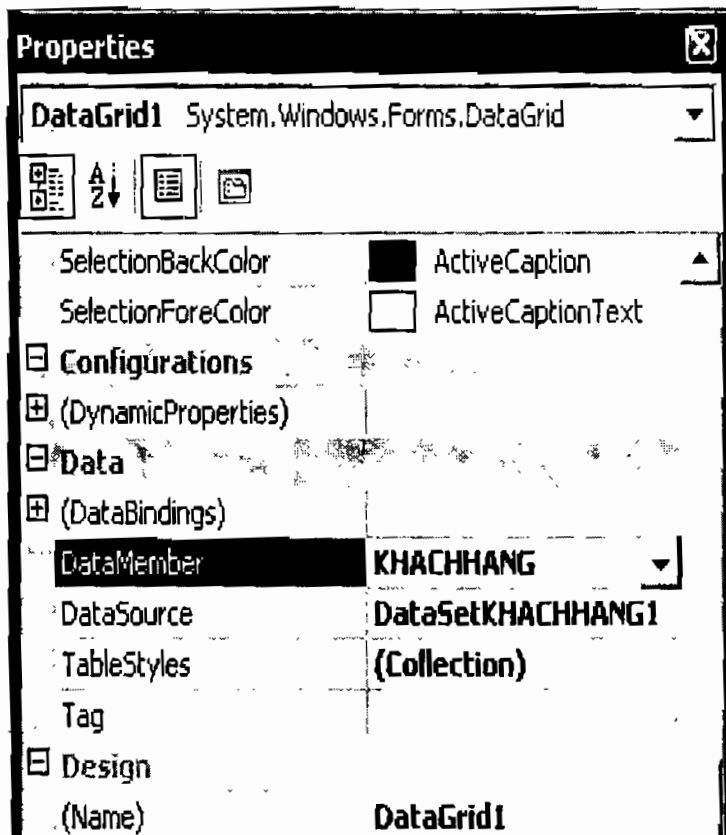


B6H67

◆ Click nút OK, bạn thấy trong khay công cụ bên dưới có thêm đối tượng DatasetKHACHHANG1

Để đưa điều khiển DataGridView vào trong Form, bạn thực hiện như sau:

- ◆ Click chọn tab Windows Forms trong hộp công cụ
- ◆ Đưa điều khiển DataGridView vào trong Form
- ◆ Click nút phải chuột trên DataGridView, chọn Properties, xác lập các thuộc tính cho điều khiển này như bảng cho ở trên



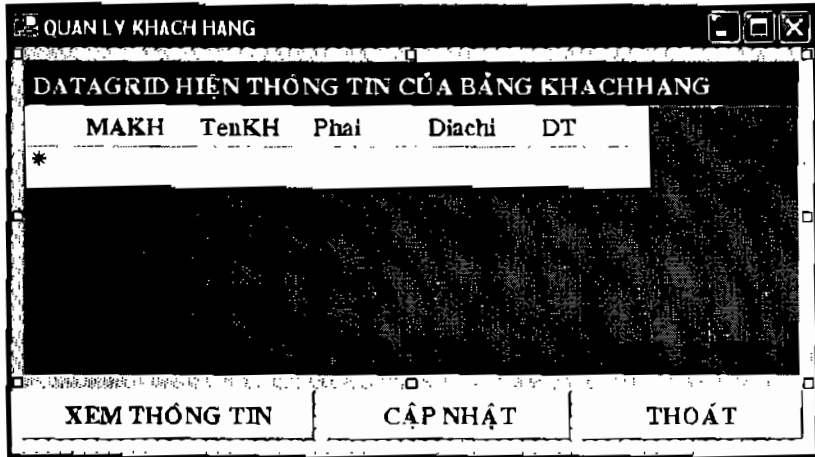
B6H68

*Ghi chú:*

Cần chú ý hai thuộc tính Datasource và DataMember, chọn cho đúng

Đưa các Button vào Form và xác lập các thuộc tính cho chúng để được như hình sau:





OleDbDataAdapter1

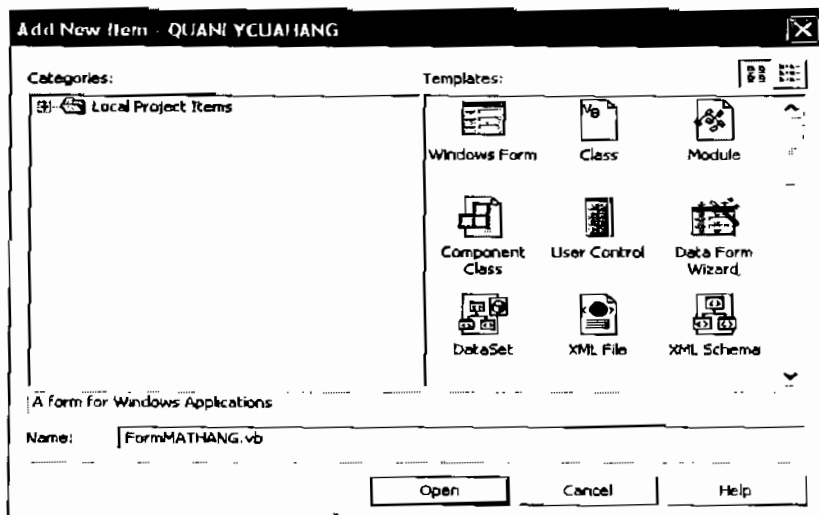
OleDbConnection1

DataSetKHACHHANG1

B6H69

### ■ Tạo Form con có tên FormMATHANG

- ◆ Vào menu Project, chọn Add Windows Form để tạo một Form con thứ hai, đó là FormMATHANG



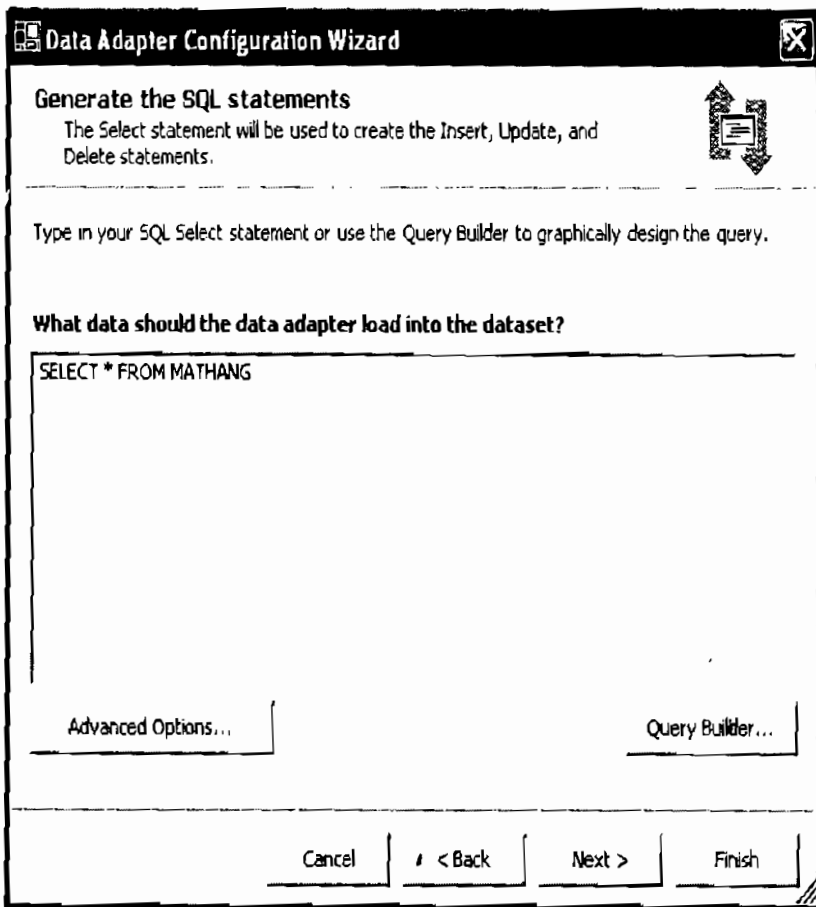
B6H70

Thực hiện việc đưa đối tượng OleDbDataAdapter vào khay công cụ

◆ Click Icon để hiện hộp công cụ

◆ Click tab Data, chọn đối tượng OleDbDataAdapter, vẽ vào vị trí bất kỳ của Form, trong hộp thoại hiện ra, click một vài lần nút Next, lưu ý chọn tên CSDL cho đúng, khi hộp thoại nhập câu lệnh SQL hiện ra, bạn nhập câu lệnh sau:

```
SELECT * FROM MATHANG
```



B6H71

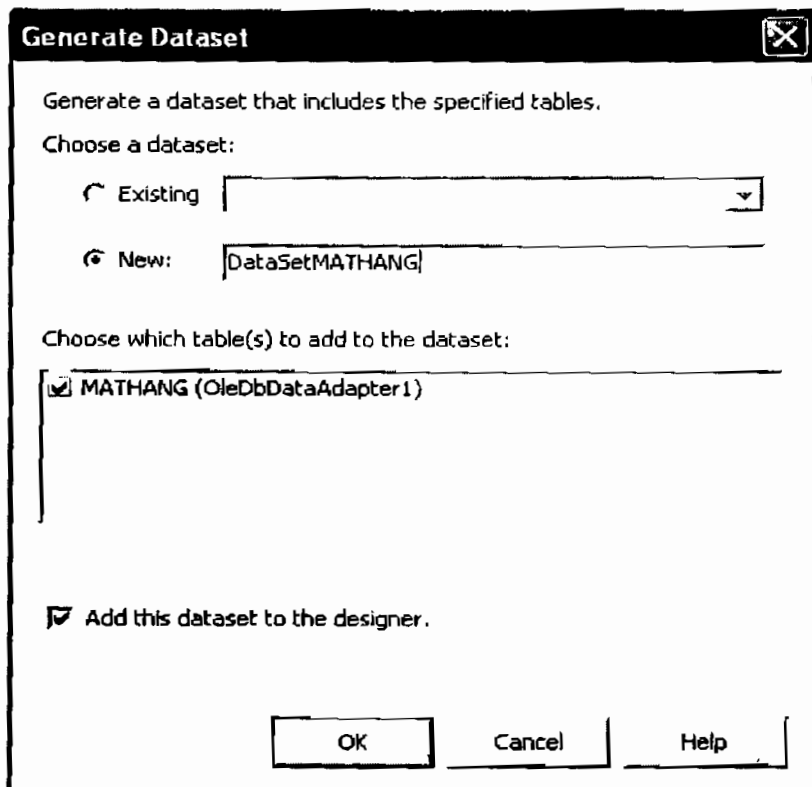
◆ Click nút Finish để kết thúc, lúc này trên khay công cụ sẽ có hai đối tượng OleDbDataAdapter1 và OleDbConnection1.

◆ Click chọn FormMATHANG

◆ Vào menu Data, chọn Generate Dataset

◆ Click chọn mục New

Nhập vào DataSetMATHANG trong khung như hình sau:



B6H72

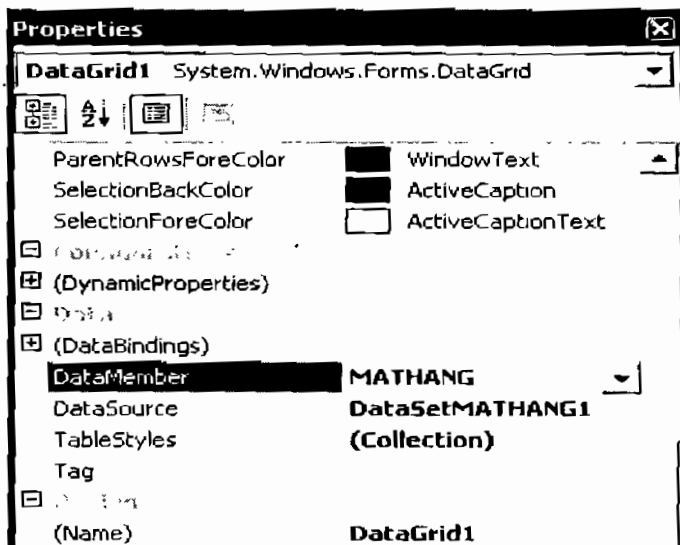
◆ Click nút OK, bạn thấy trong khay công cụ bên dưới có thêm đối tượng DataSetMATHANG1

Để đưa điều khiển DataGrid vào trong Form, bạn thực hiện như sau:

◆ Click chọn tab Windows Forms trong hộp công cụ

◆ Đưa điều khiển DataGrid vào trong Form

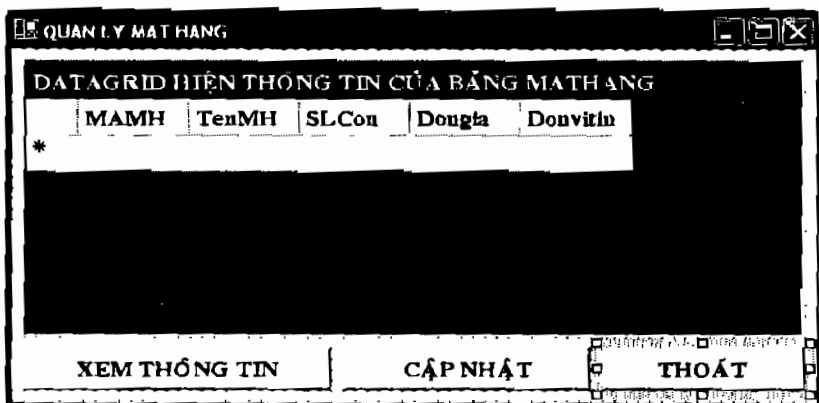
◆ Click nút phải chuột trên DataGrid, chọn Properties, xác lập các thuộc tính cho điều khiển này như bảng cho ở trên



B6H73

*Ghi chú:*

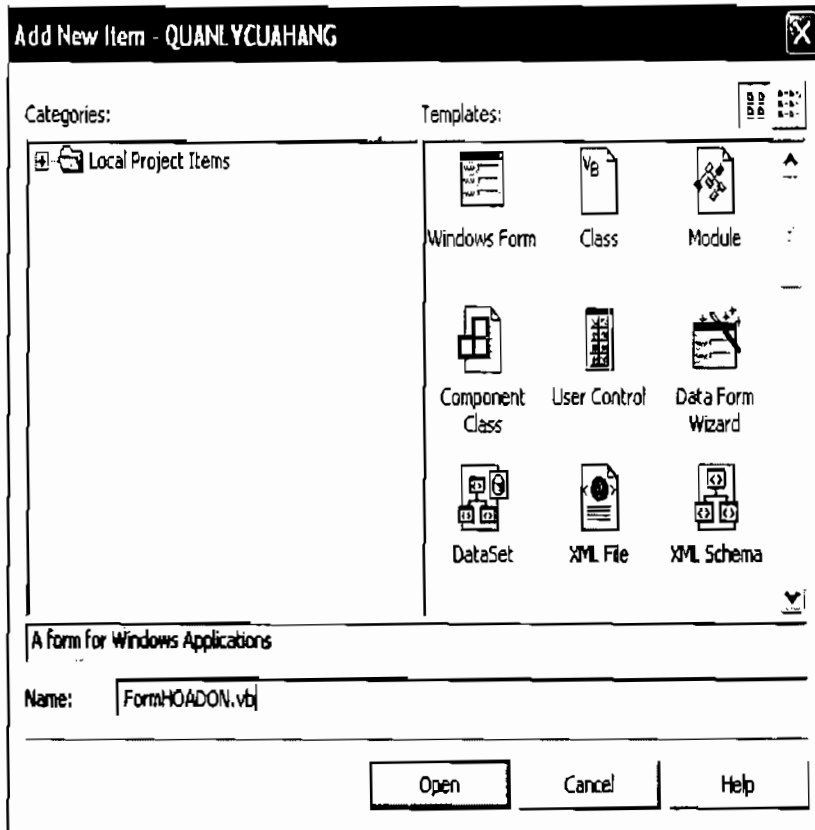
Cần chú ý hai thuộc tính Datasource và DataMember, chọn cho đúng  
Đưa các Button vào Form và xác lập các thuộc tính cho chúng để được  
như hình sau:



B6H74

■ Tạo Form con có tên FormHOADON

◆ Vào menu Project, chọn Add Windows Form để tạo một Form con thứ hai, đó là FormHOADON



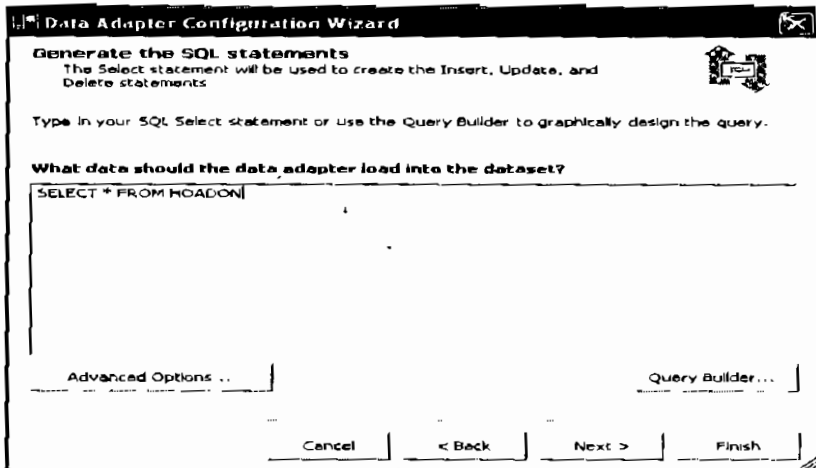
B6H75

☛ Thực hiện việc đưa đối tượng OleDbDataAdapter vào khay công cụ

◆ Click icon để hiện hộp công cụ

◆ Click tab Data, chọn đối tượng OleDbDataAdapter, vẽ vào vị trí bất kỳ của Form, trong hộp thoại hiện ra, click một vài lần nút Next, lưu ý chọn tên CSDL cho đúng, khi hộp thoại nhập câu lệnh SQL hiện ra, bạn nhập câu lệnh sau:

```
SELECT * FROM HOADON
```



B6H76

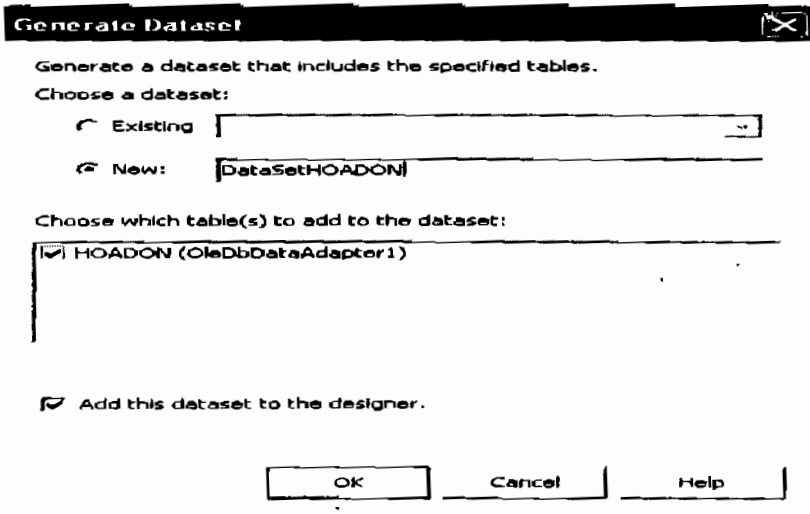
◆ Click nút Finish để kết thúc, lúc này trên khay công cụ sẽ có hai đối tượng OleDbDataAdapter1 và OleDbConnection1.

◆ Click chọn FormHOADON

◆ Vào menu Data, chọn Generate Dataset

◆ Click chọn mục New

Nhập vào DataSetHOADON trong khung như hình sau:

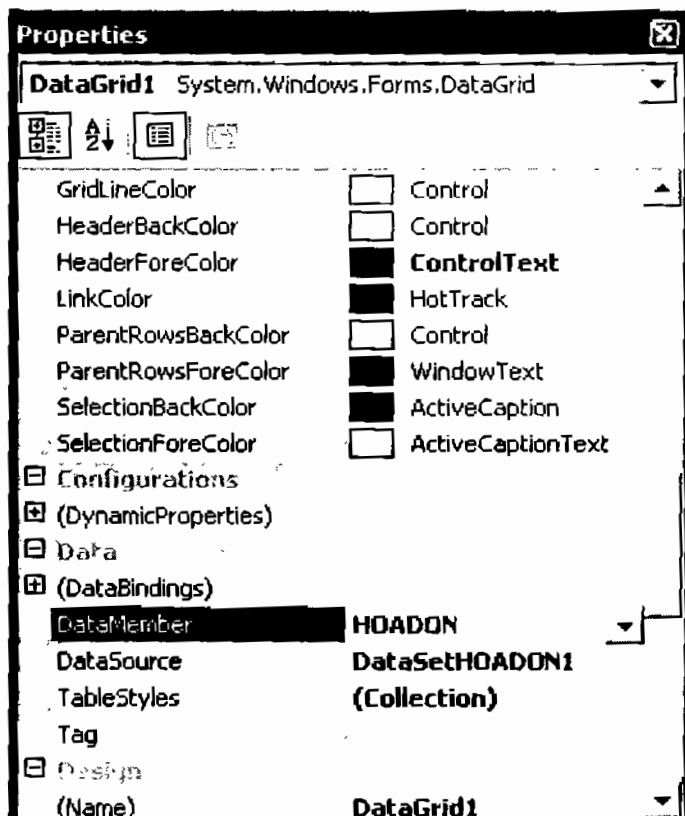


B6H77

◆ Click nút OK, bạn thấy trong khay công cụ bên dưới có thêm đối tượng DatasetHOADON1

Để đưa điều khiển DataGridView vào trong Form, bạn thực hiện như sau:

- ◆ Click chọn tab Windows Forms trong hộp công cụ
- ◆ Đưa điều khiển DataGridView vào trong Form
- ◆ Click nút phải chuột trên DataGridView, chọn Properties, xác lập các thuộc tính cho điều khiển này như bảng cho ở trên

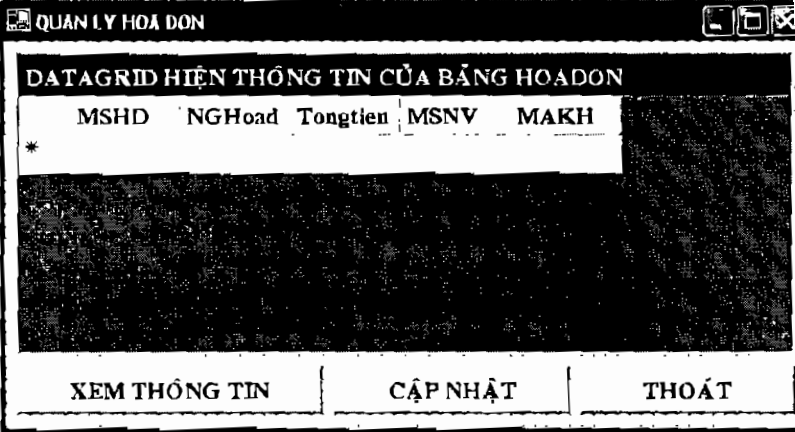


B6H78

*Ghi chú:*

Cần chú ý hai thuộc tính Datasource và DataMember, chọn cho đúng

Đưa các Button vào Form và xác lập các thuộc tính cho chúng để được như hình sau:

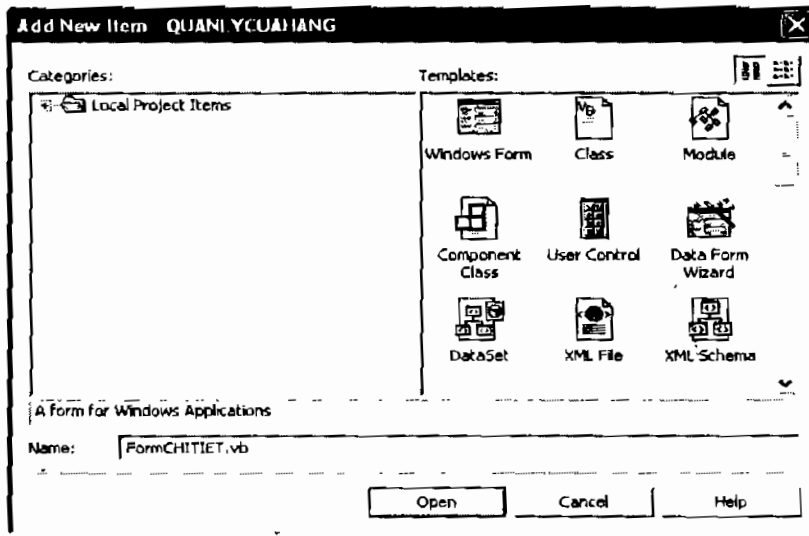


OleDbDataAdapter1      OleDbConnection1      DataSetHOADON1

B6H79

■ Tạo Form con có tên FormCHITIET

- ◆ Vào menu Project, chọn Add Windows Form để tạo một Form con thứ hai, đó là FormCHITIET



B6H80

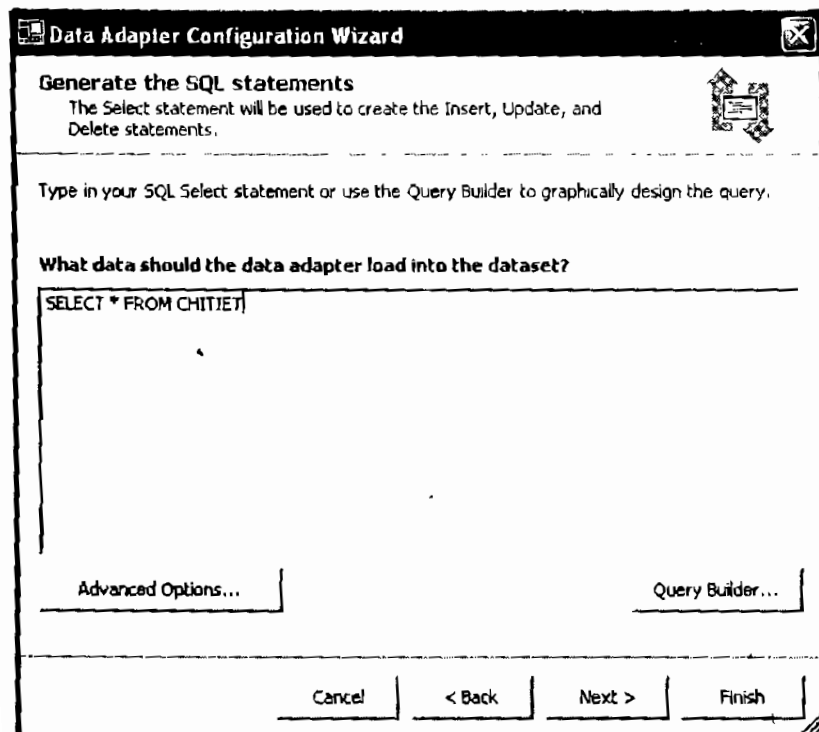


Thực hiện việc đưa đối tượng OleDbDataAdapter vào khay công cụ

◆ Click Icon để hiện hộp công cụ

◆ Click tab Data, chọn đối tượng OleDbDataAdapter, vẽ vào vị trí bất kỳ của Form, trong hộp thoại hiện ra, click một vài lần nút Next, lưu ý chọn tên CSDL cho đúng, khi hộp thoại nhập câu lệnh SQL hiện ra, bạn nhập câu lệnh sau:

SELECT \* FROM CHITIET



B6H81

◆ Click nút Finish để kết thúc, lúc này trên khay công cụ sẽ có hai đối tượng OleDbDataAdapter1 và OleDbConnection1.

◆ Click chọn FormCHITIET

◆ Vào menu Data, chọn Generate Dataset

◆ Click chọn mục New

◆ Nhập vào DatasetCHITIET trong khung như hình sau:



Generate a dataset that includes the specified tables.

Choose a dataset:

- Existing [ ]
- New: [DataSetCHITIET]

Choose which table(s) to add to the dataset:

CHITIET (OleDbDataAdapter1)

Add this dataset to the designer.

OK Cancel Help

B6H82

◆ Click nút OK, bạn thấy trong khay công cụ bên dưới có thêm đối tượng DatasetCHITIET1

Để đưa điều khiển DataGridView vào trong Form, bạn thực hiện như sau:

- ◆ Click chọn tab Windows Forms trong hộp công cụ
- ◆ Đưa điều khiển DataGridView vào trong Form
- ◆ Click nút phải chuột trên DataGridView, chọn Properties, xác lập các thuộc tính cho điều khiển này như bảng cho ở trên

**Properties** System.Windows.Forms.DataGridView

HeaderForeColor █████ ControlText ▲

LinkColor █████ HotTrack

ParentRowsBackColor □ Control

ParentRowsForeColor █████ WindowText

SelectionBackColor █████ ActiveCaption

SelectionForeColor □ ActiveCaptionText

[-] Group Properties

[+] (DynamicProperties)

[-] ...

[+] (DataBindings)

DataMember █████ CHITIET ▼

DataSource DataSetCHITIET1

TableStyles (Collection)

Tag

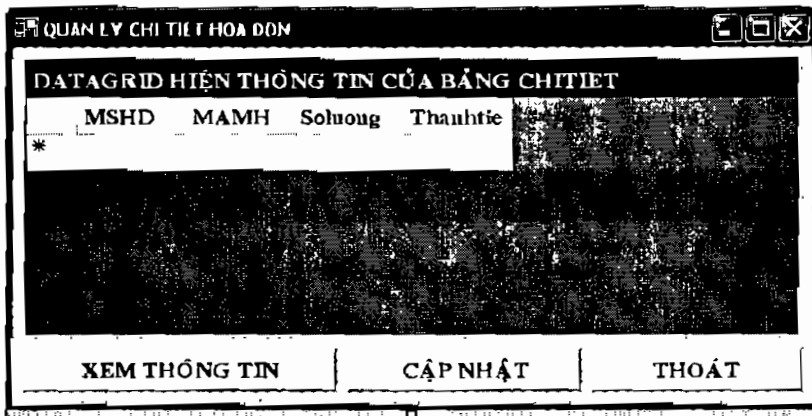
[-] ...

(Name) DataGridView

B6H83

### Ghi chú:

Cần chú ý hai thuộc tính DataSource và DataMember, chọn cho đúng  
Đưa các Button vào Form và xác lập các thuộc tính cho chúng để được  
như hình sau:

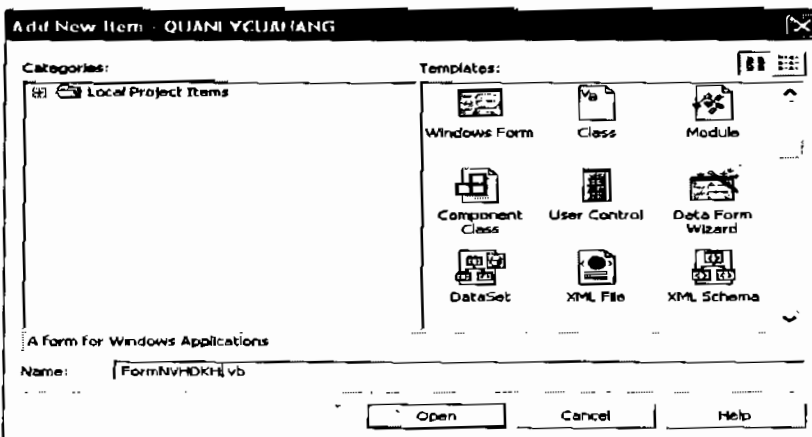


OleDbDataAdapter1 OleDbConnection1 DataSetCHI TIET1

B6H84

### ■ Tạo Form con có tên FormNVHDKH

◆ Vào menu Project, chọn Add Windows Form để tạo một Form con  
thứ hai, đó là FormNVHDKH



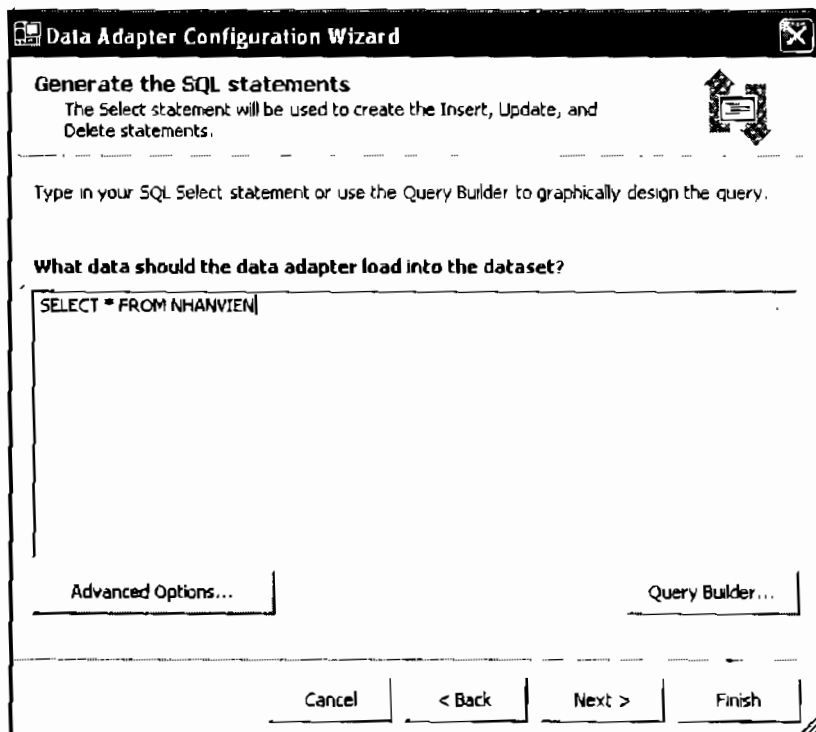
B6H85

Thực hiện việc đưa đối tượng OleDbDataAdapter1 vào khay công cụ

- Click Icon để hiện hộp công cụ

- Click tab Data, chọn đối tượng OleDbDataAdapter, vẽ vào vị trí bất kỳ của Form, trong hộp thoại hiện ra, click một vài lần nút Next, lưu ý chọn tên CSDL cho đúng, khi hộp thoại nhập câu lệnh SQL hiện ra, bạn nhập câu lệnh sau:

```
SELECT * FROM NHANVIEN
```



B6H86

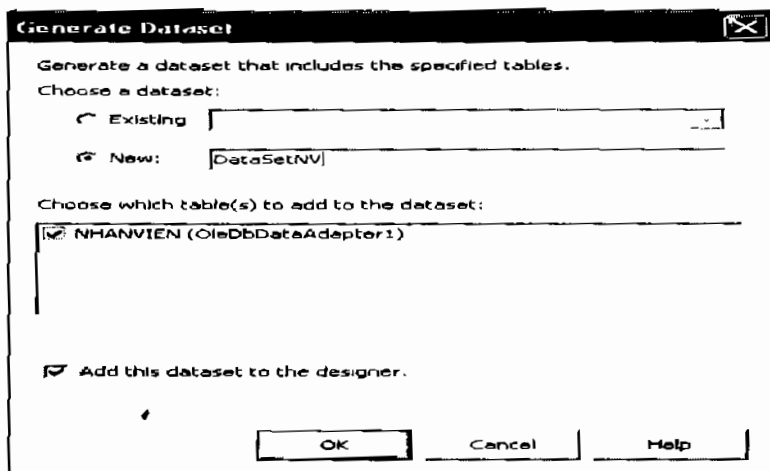
- Click nút Finish để kết thúc, lúc này trên khay công cụ sẽ có hai đối tượng OleDbDataAdapter1 và OleDbConnection1.

- Click chọn FormNVHDKH

- Vào menu Data, chọn Generate Dataset

- Click chọn mục New

- Nhập vào DatasetNV trong khung như hình sau:

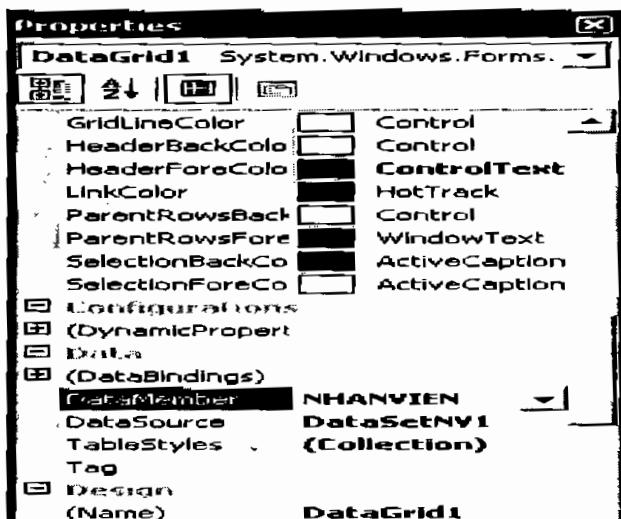


B6H87

◆ Click nút OK, bạn thấy trong khay công cụ bên dưới có thêm đối tượng DataSetNV1

Để đưa điều khiển DataGridView vào trong Form, bạn thực hiện như sau:

- ◆ Click chọn tab Windows Forms trong hộp công cụ
- ◆ Đưa điều khiển DataGridView vào trong Form
- ◆ Click nút phải chuột trên DataGridView, chọn Properties, xác lập các thuộc tính cho điều khiển này như bảng cho ở trên



B6H88

### Ghi chú:

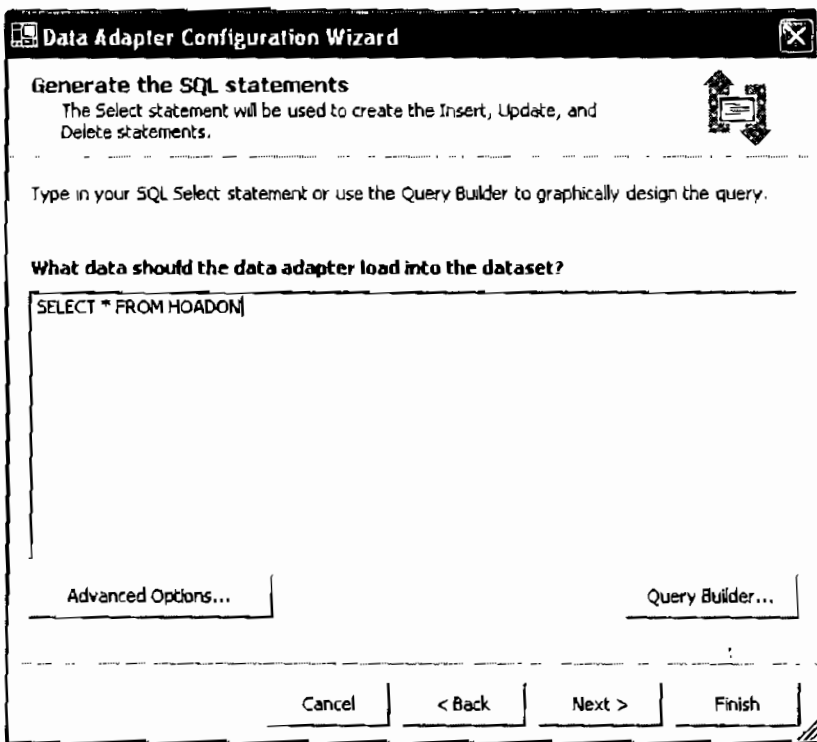
Cần chú ý hai thuộc tính Datasource và DataMember, chọn cho đúng

Thực hiện việc đưa đối tượng OleDbDataAdapter2 vào khay công cụ

◆ Click Icon để hiện hộp công cụ

◆ Click tab Data, chọn đối tượng OleDbDataAdapter, vẽ vào vị trí bất kỳ của Form, trong hộp thoại hiện ra, click một vài lần nút Next, lưu ý chọn tên CSDL cho đúng, khi hộp thoại nhập câu lệnh SQL hiện ra, bạn nhập câu lệnh sau:

```
SELECT * FROM HOADON
```



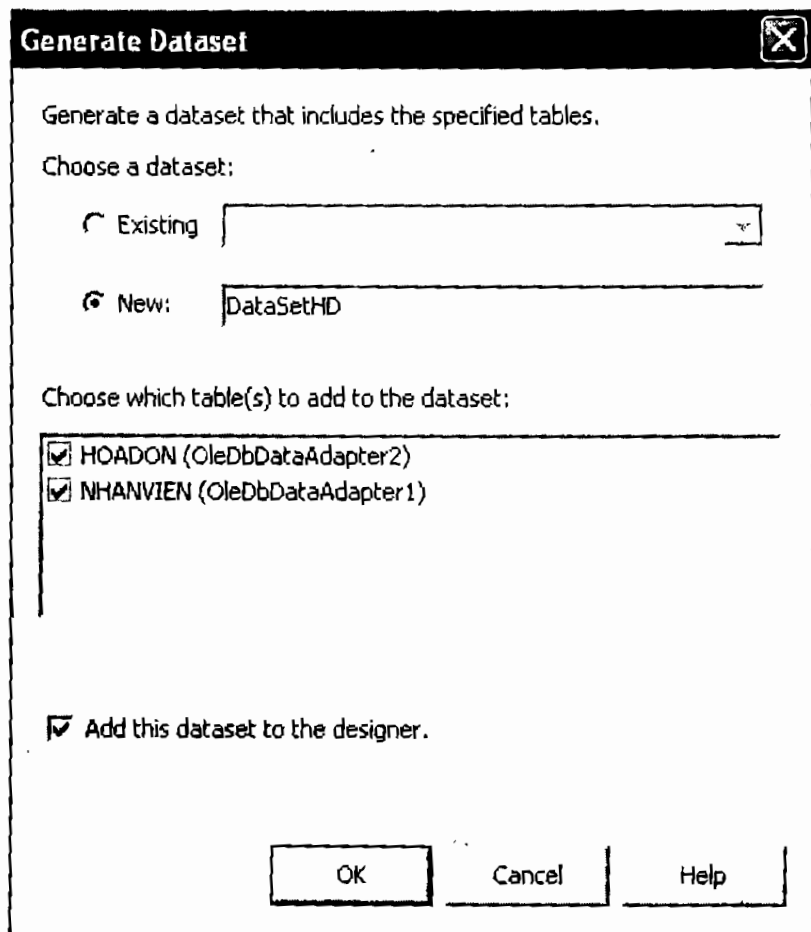
B6H89

◆ Click nút Finish để kết thúc, lúc này trên khay công cụ sẽ có thêm đối tượng OleDbDataAdapter2.

◆ Click chọn FormNVHDKH

◆ Vào menu Data, chọn Generate Dataset

- ◆ Click chọn mục New
- ◆ Nhập vào DataSetHD trong khung như hình sau:

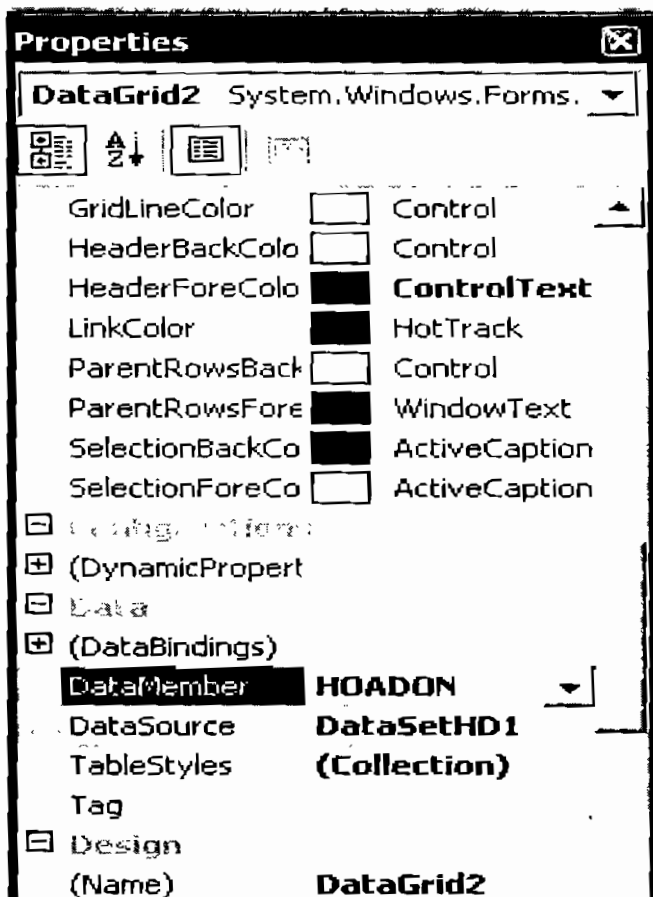


B6H90

◆ Click nút OK, bạn thấy trong khay công cụ bên dưới có thêm đối tượng DataSetHD1

Để đưa điều khiển DataGridView vào trong Form, bạn thực hiện như sau:

- ◆ Click chọn tab Windows Forms trong hộp công cụ
- ◆ Đưa điều khiển DataGridView vào trong Form
- ◆ Click nút phải chuột trên DataGridView, chọn Properties, xác lập các thuộc tính cho điều khiển này như bảng cho ở trên



B6H91

**Ghi chú:**

Cần chú ý hai thuộc tính Datasource và DataMember, chọn cho đúng

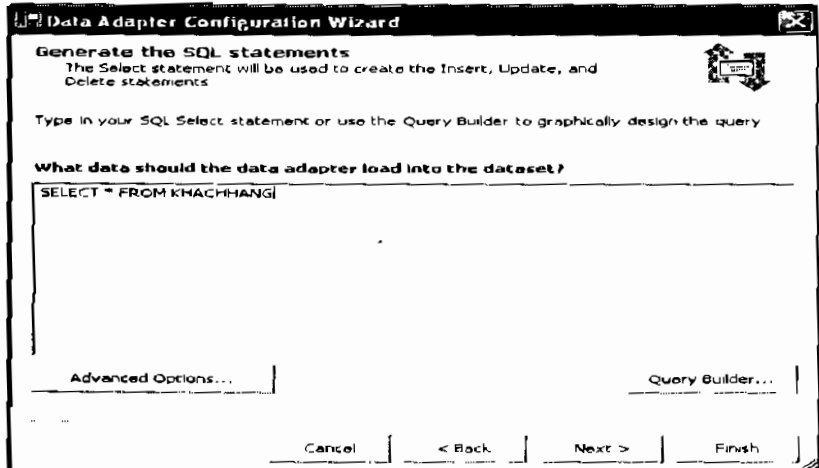
➤ Thực hiện việc đưa đối tượng OleDbDataAdapter3 vào khay công cụ

- ◆ Click icon để hiện hộp công cụ

- ◆ Click tab Data, chọn đối tượng OleDbDataAdapter, vẽ vào vị trí bất kỳ của Form, trong hộp thoại hiện ra, click một vài lần nút Next, lưu ý chọn tên CSDL cho đúng, khi hộp thoại nhập câu lệnh SQL hiện ra, bạn nhập câu lệnh sau:

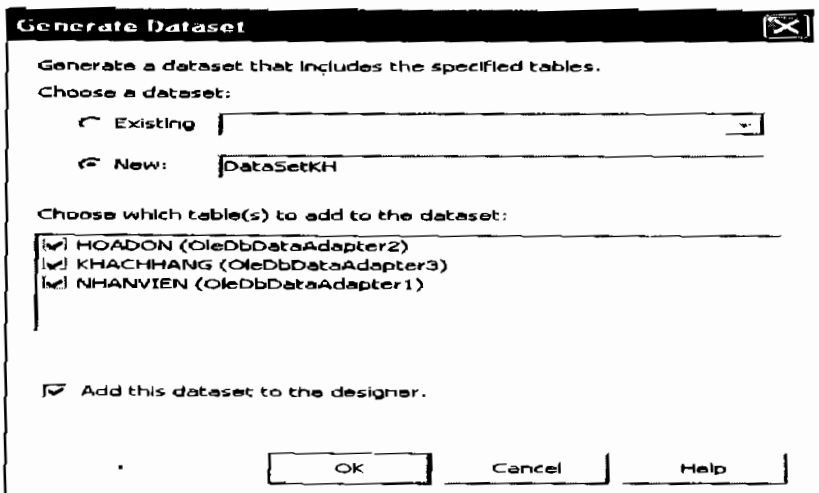
```
SELECT * FROM KHACHHANG
```





B6H92

- ◆ Click nút Finish để kết thúc, lúc này trên khay công cụ sẽ có thêm đối tượng OleDbDataAdapter3.
- ◆ Click chọn FormNVHDKH
- ◆ Vào menu Data, chọn Generate Dataset
- ◆ Click chọn mục New
- ◆ Nhập vào DataSetKH trong khung như hình sau:



B6H93

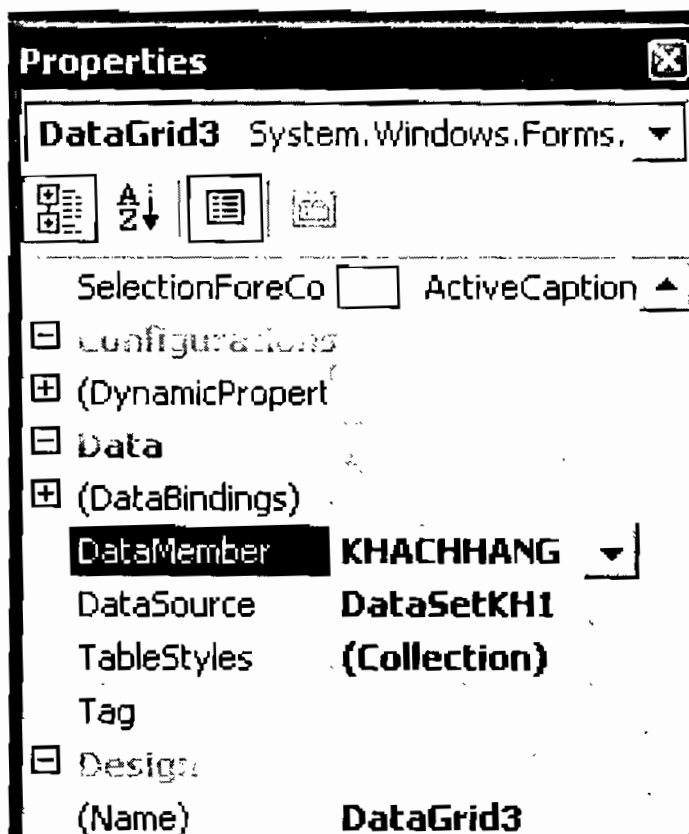
◆ Click nút OK, bạn thấy trong khay công cụ bên dưới có thêm đối tượng DatasetKH1

Để đưa điều khiển DataGrid vào trong Form, bạn thực hiện như sau:

◆ Click chọn tab Windows Forms trong hộp công cụ

◆ Đưa điều khiển DataGrid vào trong Form

◆ Click nút phải chuột trên DataGrid, chọn Properties, xác lập các thuộc tính cho điều khiển này như bảng cho ở trên



B6H94

*Ghi chú:*

Cần chú ý hai thuộc tính DataSource và DataMember, chọn cho đúng

Đưa các Button vào Form, xác lập các thuộc tính cho chúng như đã cho ở trên, các bạn sẽ có hình như sau:

**DATAGRID HIỆN THÔNG TIN CỦA BẢNG NHÂNVIEN**

MSNV Holot Ten Phai Ngaysinh Noisinh Diacl

**DATAGRID HIỆN THÔNG TIN CỦA BẢNG HOADON**

MSHD NGHoad Tongtien MSNV MAKH

**DATAGRID HIỆN THÔNG TIN CỦA BẢNG KHACHHANG**

MAKH TenKH Phai Diachi DT

XEM THÔNG TIN

CẬP NHẬT

THOÁT

OleDbDataAdapter1

OleDbConnection1

DataSetNV1

OleDbDataAdapter2

DataSet01

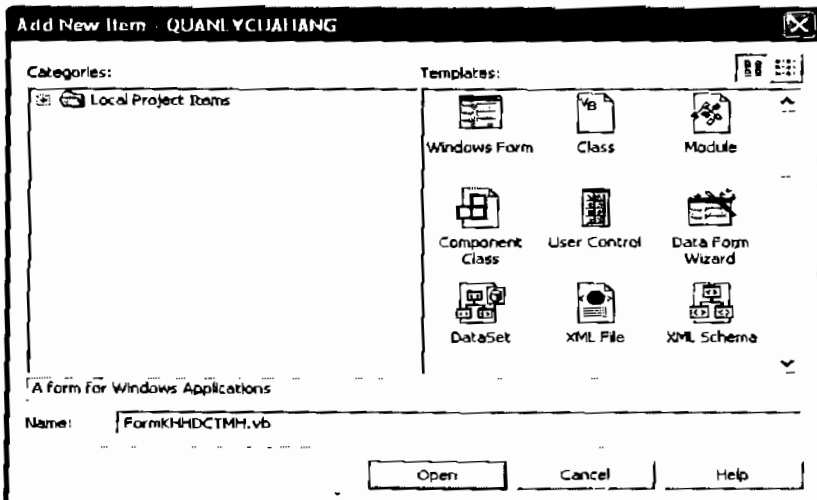
OleDbDataAdapter3

DataSetKH1

B6H95

■ Tạo Form con có tên FormKHHDCSTMH

- ◆ Vào menu Project, chọn Add Windows Form để tạo một Form con thứ hai, đó là FormKHHDCSTMH

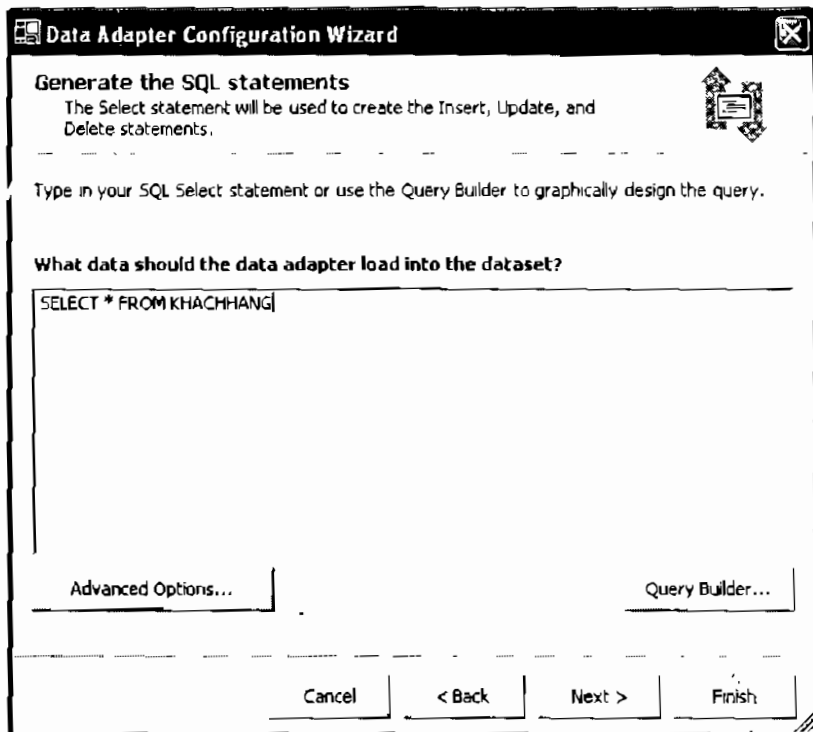


B6H96

Thực hiện việc đưa đối tượng OleDbDataAdapter1 vào khay công cụ

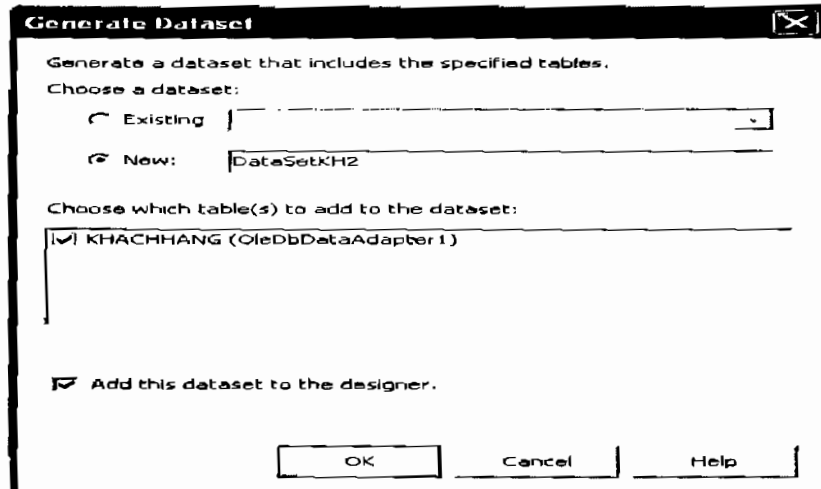
- ◆ Click Icon để hiện hộp công cụ
- ◆ Click tab Data, chọn đối tượng OleDbDataAdapter, vẽ vào vị trí bất kỳ của Form, trong hộp thoại hiện ra, click một vài lần nút Next, lưu ý chọn tên CSDL cho đúng, khi hộp thoại nhập câu lệnh SQL hiện ra, bạn nhập câu lệnh sau:

```
SELECT * FROM KHACHHANG
```



B6H97

- ◆ Click nút Finish để kết thúc, lúc này trên khay công cụ sẽ có hai đối tượng OleDbDataAdapter1 và OleDbConnection1.
- ◆ Click chọn FormKHHDC TMH
- ◆ Vào menu Data, chọn Generate Dataset
- ◆ Click chọn mục New
- ◆ Nhập vào DatasetKH2 trong khung như hình sau:

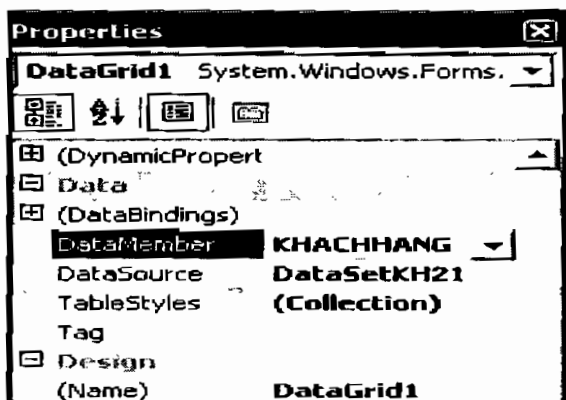


B6H98

◆ Click nút OK, bạn thấy trong khay công cụ bên dưới có thêm đối tượng DataSetKH21

Để đưa điều khiển DataGridView vào trong Form, bạn thực hiện như sau:

- ◆ Click chọn tab Windows Forms trong hộp công cụ
- ◆ Đưa điều khiển DataGridView vào trong Form
- ◆ Click nút phải chuột trên DataGridView, chọn Properties, xác lập các thuộc tính cho điều khiển này như bảng cho ở trên



B6H99

*Ghi chú:*

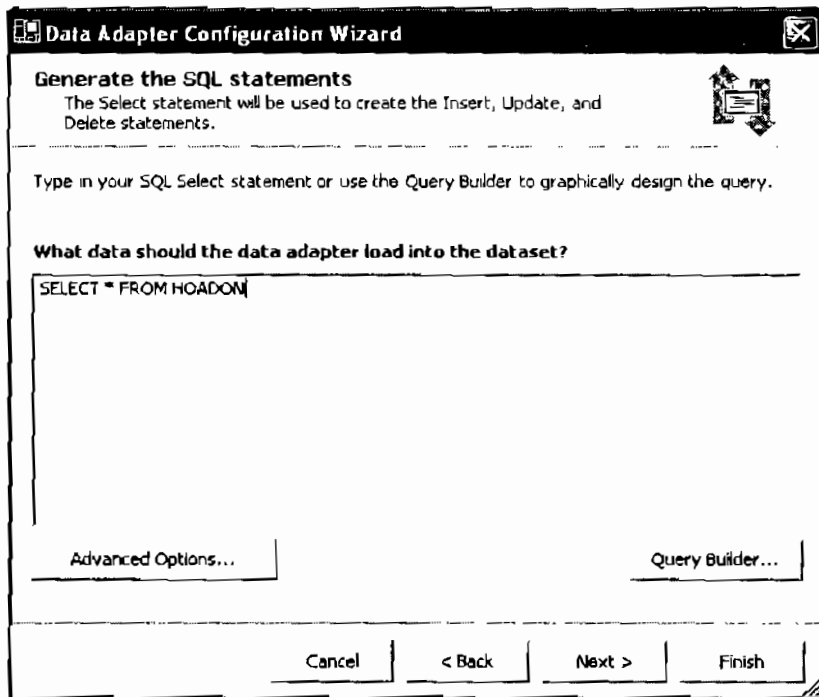
Cần chú ý hai thuộc tính DataSource và DataMember, chọn cho đúng

Thực hiện việc đưa đối tượng OleDbDataAdapter2 vào khay công cụ

◆ Click Icon để hiện hộp công cụ

◆ Click tab Data, chọn đối tượng OleDbDataAdapter, vẽ vào vị trí bất kỳ của Form, trong hộp thoại hiện ra, click một vài lần nút Next, lưu ý chọn tên CSDL cho đúng, khi hộp thoại nhập câu lệnh SQL hiện ra, bạn nhập câu lệnh sau:

```
SELECT * FROM HOADON
```



B6H100

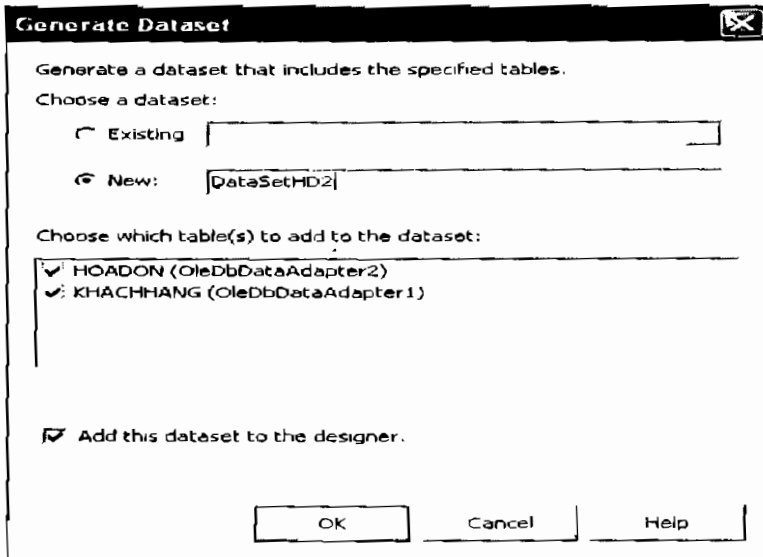
◆ Click nút Finish để kết thúc, lúc này trên khay công cụ sẽ có thêm đối tượng OleDbDataAdapter2.

◆ Click chọn FormKHHDCSTMH

◆ Vào menu Data, chọn Generate Dataset

◆ Click chọn mục New

◆ Nhập vào DatasetHD2 trong khung như hình sau:

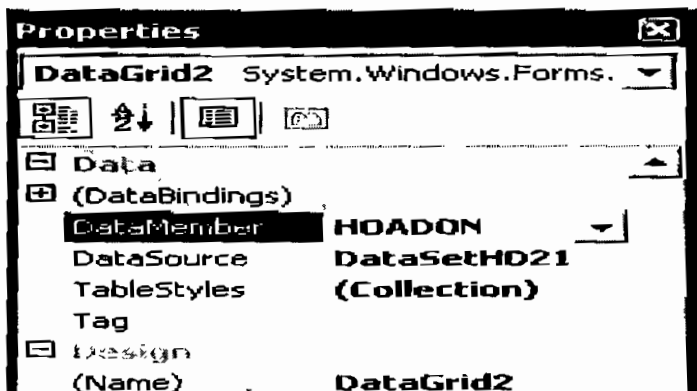


B6H101

◆ Click nút OK, bạn thấy trong khay công cụ bên dưới có thêm đối tượng DatasetHD21

Để đưa điều khiển DataGridView vào trong Form, bạn thực hiện như sau:

- ◆ Click chọn tab Windows Forms trong hộp công cụ
- ◆ Đưa điều khiển DataGridView vào trong Form
- ◆ Click nút phải chuột trên DataGridView, chọn Properties, xác lập các thuộc tính cho điều khiển này như bảng cho ở trên



B6H102

Ghi chú:

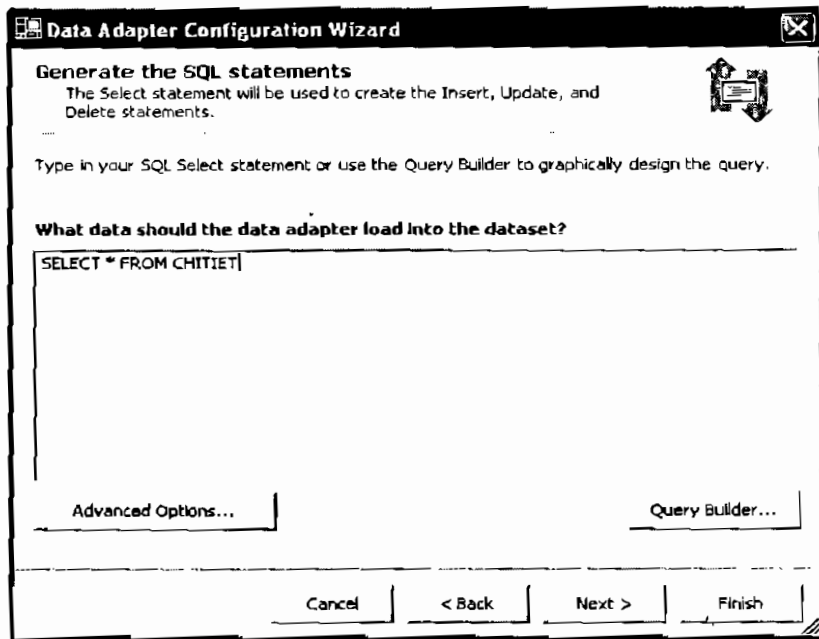
Cần chú ý hai thuộc tính Datasource và DataMember, chọn cho đúng

Thực hiện việc đưa đối tượng OleDbDataAdapter3 vào khay công cụ

- Click Icon để hiện hộp công cụ

- Click tab Data, chọn đối tượng OleDbDataAdapter, vẽ vào vị trí bất kỳ của Form, trong hộp thoại hiện ra, click một vài lần nút Next, lưu ý chọn tên CSDL cho đúng, khi hộp thoại nhập câu lệnh SQL hiện ra, bạn nhập câu lệnh sau:

```
SELECT * FROM CHITIET
```



B6H103

- Click nút Finish để kết thúc, lúc này trên khay công cụ sẽ có thêm đối tượng OleDbDataAdapter3.

- Click chọn FormKHHDC TMH

- Vào menu Data, chọn Generate Dataset

- Click chọn mục New

- Nhập vào DatasetCT2 trong khung như hình sau:



## Generate Dataset



Generate a dataset that includes the specified tables.

Choose a dataset:

Existing

New:

Choose which table(s) to add to the dataset:

- CHITIET (OleDbDataAdapter3)
- HOADON (OleDbDataAdapter2)
- KHACHHANG (OleDbDataAdapter1)

Add this dataset to the designer.

B6H104

◆ Click nút OK, bạn thấy trong khay công cụ bên dưới có thêm đối tượng DataSetCT21

Để đưa điều khiển DataGrid vào trong Form, bạn thực hiện như sau:

- ◆ Click chọn tab Windows Forms trong hộp công cụ
- ◆ Đưa điều khiển DataGrid vào trong Form
- ◆ Click nút phải chuột trên DataGrid, chọn Properties, xác lập các thuộc tính cho điều khiển này như bảng cho ở trên

**Properties**

**DataGrid3** System.Windows.Forms.

(DataBindings)

**DataMember** CHITIET

**DataSource** DataSetCT21

**TableStyles** (Collection)

Tag

Design

**(Name)** DataGrid3

B6H105

Ghi chú:

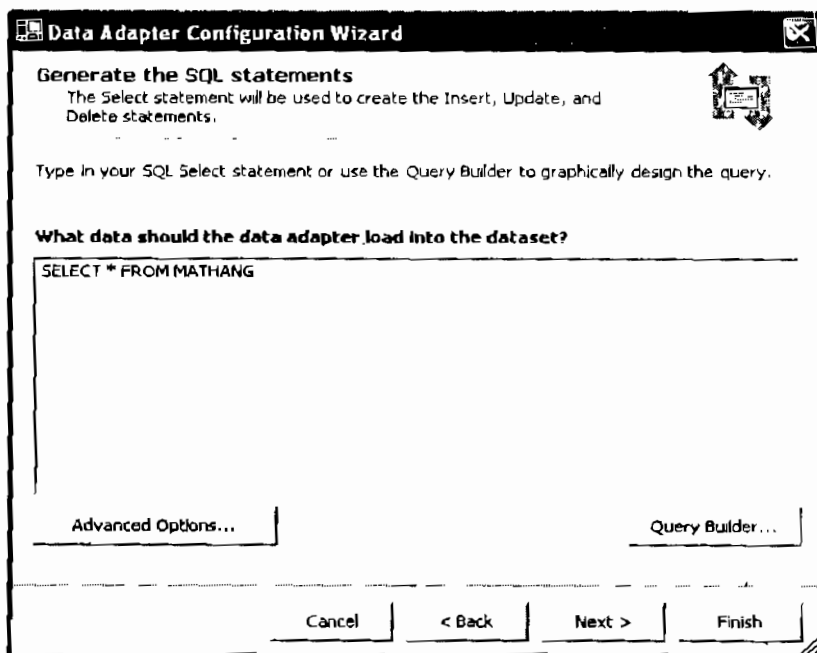
Cần chú ý hai thuộc tính Datasource và DataMember, chọn cho đúng

Thực hiện việc đưa đối tượng OleDbDataAdapter4 vào khay công cụ

- Click Icon để hiện hộp công cụ

- Click tab Data, chọn đối tượng OleDbDataAdapter, vẽ vào vị trí bất kỳ của Form, trong hộp thoại hiện ra, click một vài lần nút Next, lưu ý chọn tên CSDL cho đúng, khi hộp thoại nhập câu lệnh SQL hiện ra, bạn nhập câu lệnh sau:

```
SELECT * FROM MATHANG
```



B6H106

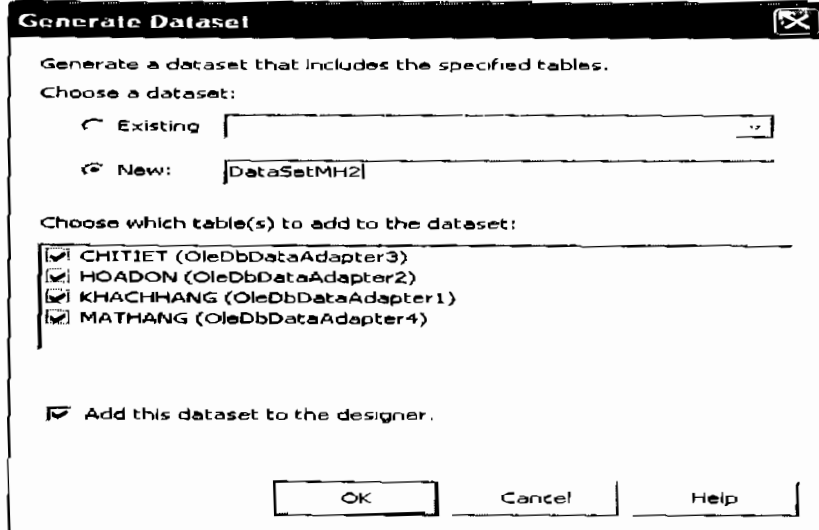
- Click nút Finish để kết thúc, lúc này trên khay công cụ sẽ có thêm đối tượng OleDbDataAdapter4.

- Click chọn FormKHHDCSTMH

- Vào menu Data, chọn Generate Dataset

- Click chọn mục New

- Nhập vào DatasetMH2 trong khung như hình sau:

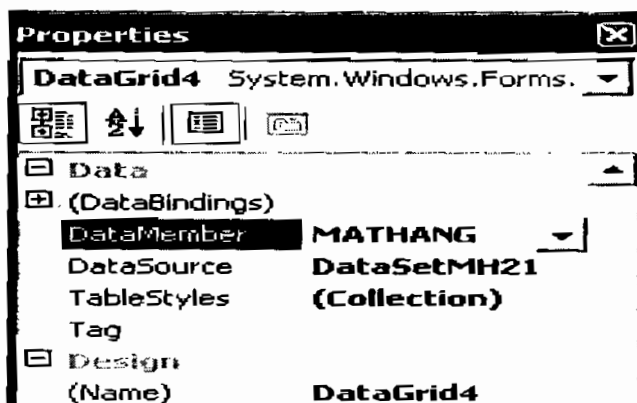


B6H107

◆ Click nút OK, bạn thấy trong khay công cụ bên dưới có thêm đối tượng DataSetMH21

Để đưa điều khiển DataGridView vào trong Form, bạn thực hiện như sau:

- ◆ Click chọn tab Windows Forms trong hộp công cụ
- ◆ Đưa điều khiển DataGridView vào trong Form
- ◆ Click nút phải chuột trên DataGridView, chọn Properties, xác lập các thuộc tính cho điều khiển này như bảng cho ở trên



B6H108

Ghi chú:

Cần chú ý hai thuộc tính Datasource và DataMember, chọn cho đúng

*Ghi chú:*

Cần chú ý hai thuộc tính Datasource và DataMember, chọn cho đúng  
Khi thực hiện xong chúng ta sẽ có hình như sau:

QUAN LY KHACH HANG - HOA DON - CHI TIET - MAT HANG

DATAGRID HIEN THONG TIN			DATAGRID HIEN THONG TIN		
MAKH	TenKH	Phai	MSHD	NGHoad	Tongtien
*			*		
◀ ▶			◀ ▶		

DATAGRID HIEN THONG TIN			DATAGRID HIEN THONG TIN C		
MSHD	MAMH	Soluong	MAMH	TenMH	SLCon
*			*		
◀ ▶			◀ ▶		

XEM THONG TIN      CAP NHAT      THOAT

OleDbDataAdapter1

OleDbConnection1

DataSetKH21

OleDbDataAdapter2

DataSetHD21

OleDbDataAdapter3

DataSetCT21

OleDbDataAdapter4

DataSetMH21

B6H109

#### ■ Tạo Form con có tên FormNVHDCTMH

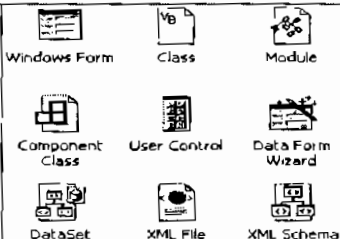
◆ Vào menu Project, chọn Add Windows Form để tạo một Form con thứ hai, đó là FormNVHDCTMH



Categories:

Local Project Items

Templates:



A Form for Windows Applications

Name: FormNVHDCTMH.vb

Open

Cancel

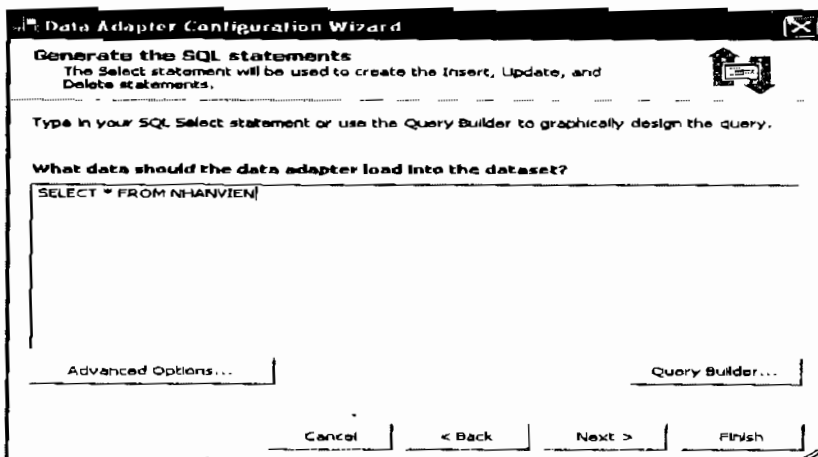
Help

B6H110

Thực hiện việc đưa đối tượng OleDbDataAdapter1 vào khay công cụ

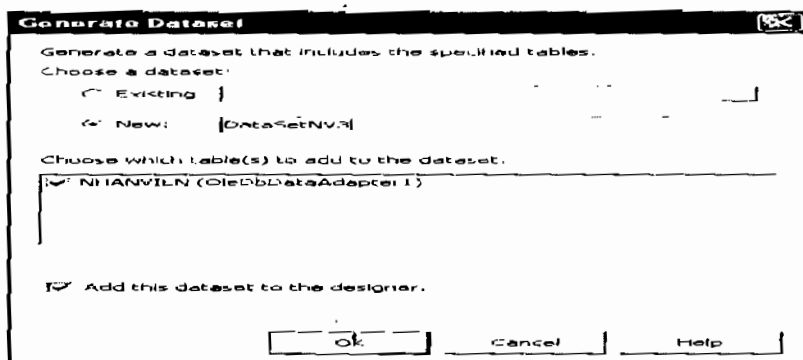
- ◆ Click icon để hiện hộp công cụ
- ◆ Click tab Data, chọn đối tượng OleDbDataAdapter, vẽ vào vị trí bất kỳ của Form, trong hộp thoại hiện ra, click một vài lần nút Next, lưu ý chọn tên CSDL cho đúng, khi hộp thoại nhập câu lệnh SQL hiện ra, bạn nhập câu lệnh sau:

```
SELECT * FROM NHANVIEN
```



B6H111

- ◆ Click nút Finish để kết thúc, lúc này trên khay công cụ sẽ có hai đối tượng OleDbDataAdapter1 và OleDbConnection1.
- ◆ Click chọn FormNVHDCMH
- ◆ Vào menu Data, chọn Generate Dataset
- ◆ Click chọn mục New
- ◆ Nhập vào DataSetNV3 trong khung như hình sau:

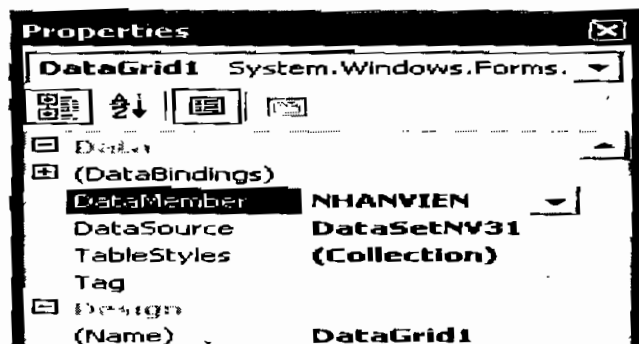


B6H112

- ◆ Click nút OK, bạn thấy trong khay công cụ bên dưới có thêm đối tượng DataSetNV31

Để đưa điều khiển DataGridView vào trong Form, bạn thực hiện như sau:

- ◆ Click chọn tab Windows Forms trong hộp công cụ
- ◆ Đưa điều khiển DataGridView vào trong Form
- ◆ Click nút phải chuột trên DataGridView, chọn Properties, xác lập các thuộc tính cho điều khiển này như bảng cho ở trên



B6H113

*Ghi chú:*

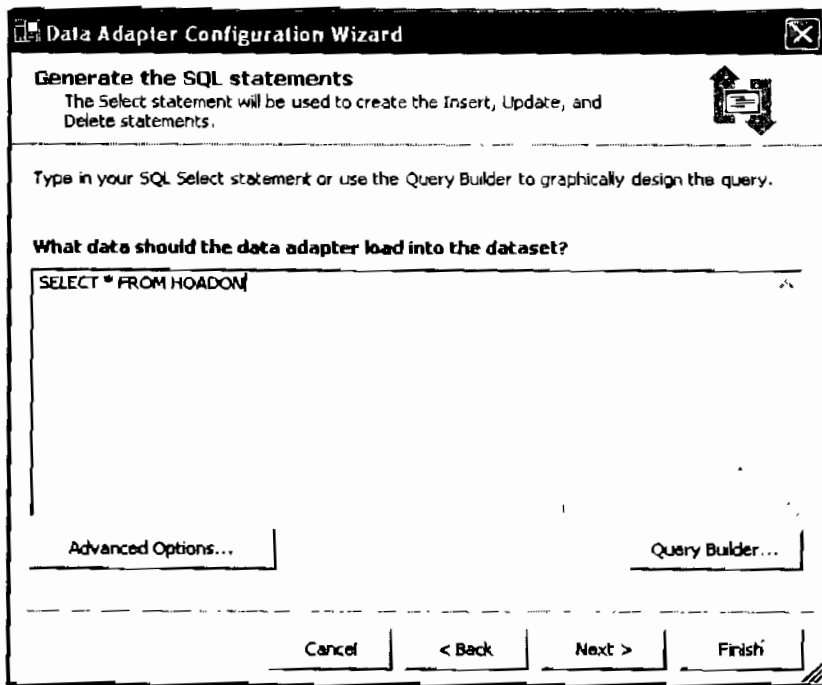
Cần chú ý hai thuộc tính Datasource và DataMember, chọn cho đúng

Thực hiện việc đưa đối tượng OleDbDataAdapter2 vào khay công cụ

- Click Icon để hiện hộp công cụ

- Click tab Data, chọn đối tượng OleDbDataAdapter, vẽ vào vị trí bất kỳ của Form, trong hộp thoại hiện ra, click một vài lần nút Next, lưu ý chọn tên CSDL cho đúng, khi hộp thoại nhập câu lệnh SQL hiện ra, bạn nhập câu lệnh sau:

```
SELECT * FROM HOADON
```



B6H114

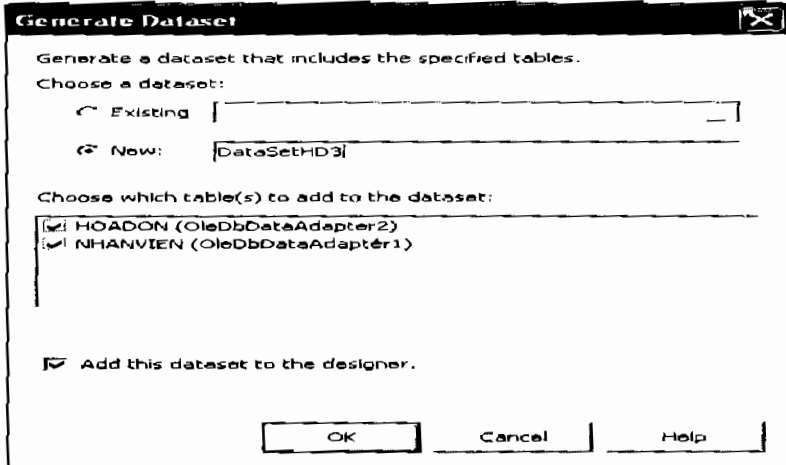
- Click nút Finish để kết thúc, lúc này trên khay công cụ sẽ có thêm đối tượng OleDbDataAdapter2.

- Click chọn FormNVHDCTMH

- Vào menu Data, chọn Generate Dataset

- Click chọn mục New

- Nhập vào DatasetHD3 trong khung như hình sau:

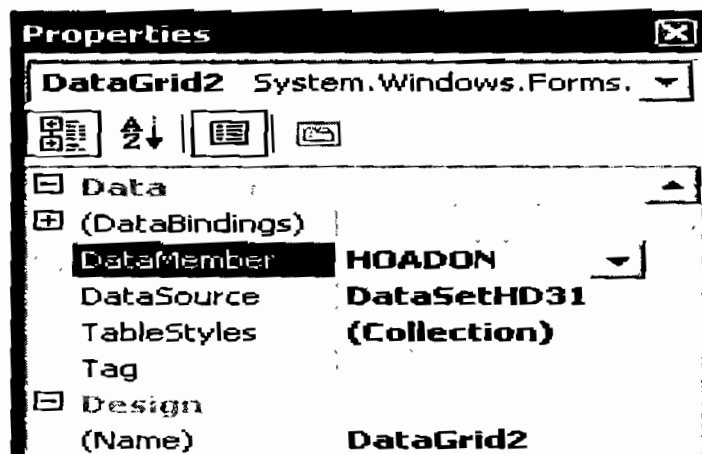


B6H115

◆ Click nút OK, bạn thấy trong khay công cụ bên dưới có thêm đối tượng DataSetHD31

Để đưa điều khiển DataGridView vào trong Form, bạn thực hiện như sau:

- ◆ Click chọn tab Windows Forms trong hộp công cụ
- ◆ Đưa điều khiển DataGridView vào trong Form
- ◆ Click nút phải chuột trên DataGridView, chọn Properties, xác lập các thuộc tính cho điều khiển này như bảng cho ở trên



B6H116



### Ghi chú:

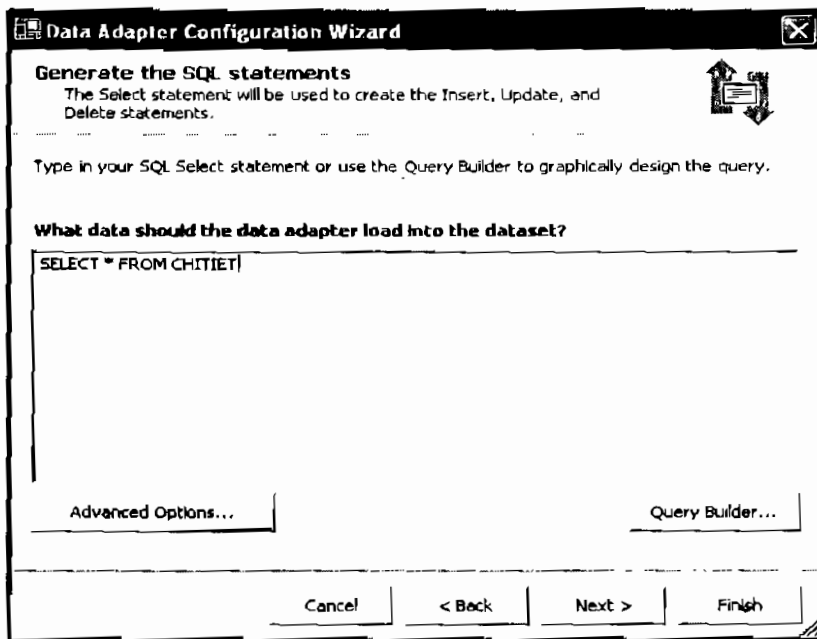
Cần chú ý hai thuộc tính Datasource và DataMember, chọn cho đúng

➤ Thực hiện việc đưa đối tượng OleDbDataAdapter3 vào khay công cụ

◆ Click Icon để hiện hộp công cụ

◆ Click tab Data, chọn đối tượng OleDbDataAdapter, vẽ vào vị trí bất kỳ của Form, trong hộp thoại hiện ra, click một vài lần nút Next, lưu ý chọn tên CSDL cho đúng, khi hộp thoại nhập câu lệnh SQL hiện ra, bạn nhập câu lệnh sau:

```
SELECT * FROM CHITIET
```



B6H117

◆ Click nút Finish để kết thúc, lúc này trên khay công cụ sẽ có thêm đối tượng OleDbDataAdapter3.

◆ Click chọn FormNVHDCTMH

◆ Vào menu Data, chọn Generate Dataset

◆ Click chọn mục New

◆ Nhập vào DatasetCT3 trong khung như hình sau:



Generate a dataset that includes the specified tables.

Choose a dataset:

- Existing
- New:

Choose which table(s) to add to the dataset:

- CHITIET (OleDbDataAdapter3)  
 HOADON (OleDbDataAdapter2)  
 NHANVIEN (OleDbDataAdapter1)

Add this dataset to the designer.

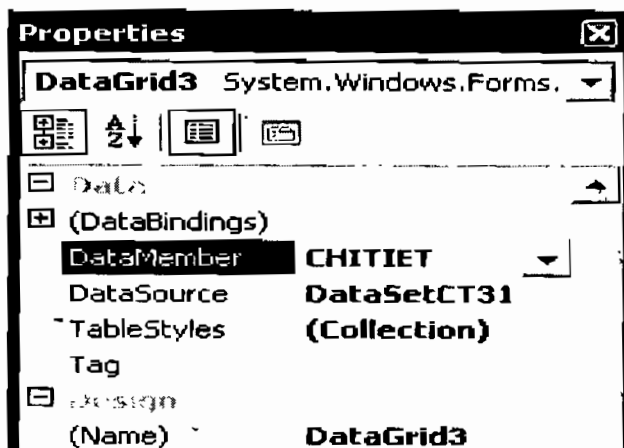


B6H118

◆ Click nút OK, bạn thấy trong khay công cụ bên dưới có thêm đối tượng DataSetCT31

Để đưa điều khiển DataGridView vào trong Form, bạn thực hiện như sau:

- ◆ Click chọn tab Windows Forms trong hộp công cụ
- ◆ Đưa điều khiển DataGridView vào trong Form
- ◆ Click nút phải chuột trên DataGridView, chọn Properties, xác lập các thuộc tính cho điều khiển này như bảng cho ở trên



B6H119

### Ghi chú:

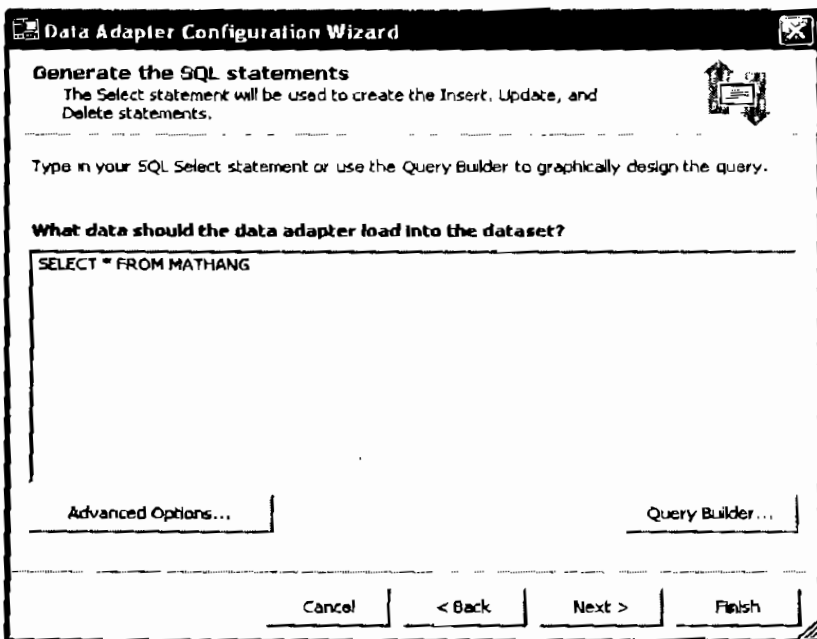
Cần chú ý hai thuộc tính Datasource và DataMember, chọn cho đúng

Thực hiện việc đưa đối tượng OleDbDataAdapter4 vào khay công cụ

- Click Icon để hiện hộp công cụ

- Click tab Data, chọn đối tượng OleDbDataAdapter, vẽ vào vị trí bất kỳ của Form, trong hộp thoại hiện ra, click một vài lần nút Next, lưu ý chọn tên CSDL cho đúng, khi hộp thoại nhập câu lệnh SQL hiện ra, bạn nhập câu lệnh sau:

```
SELECT * FROM MATHANG
```



B6H120

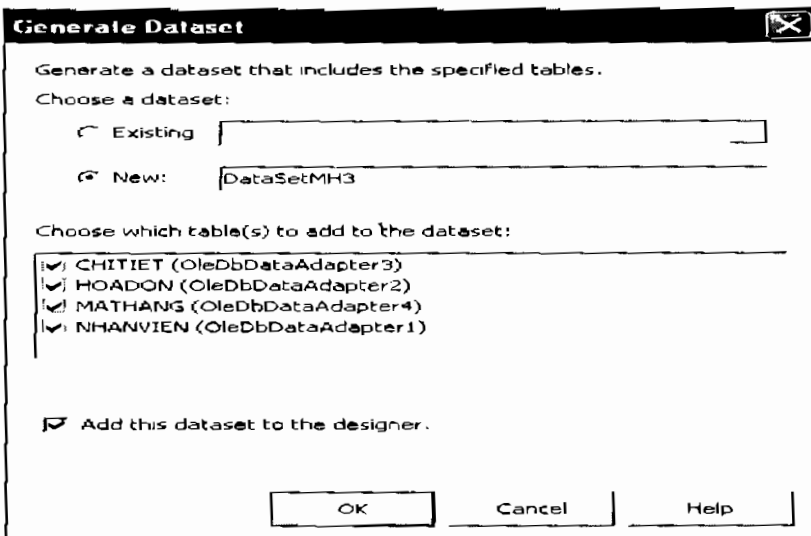
- Click nút Finish để kết thúc, lúc này trên khay công cụ sẽ có thêm đối tượng OleDbDataAdapter4.

- Click chọn FormNVHDCTMH

- Vào menu Data, chọn Generate Dataset

- Click chọn mục New

- Nhập vào DatasetMH3 trong khung như hình sau:

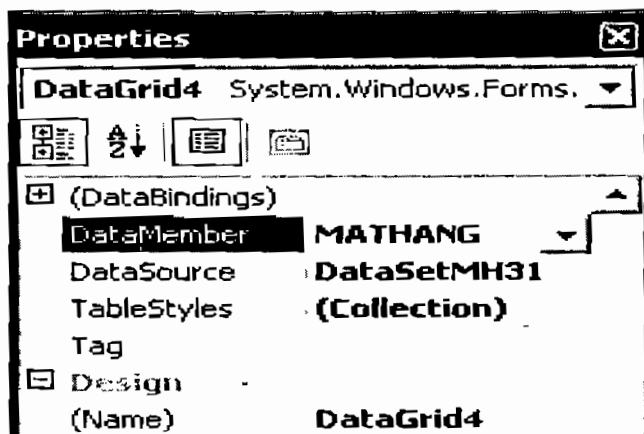


B6H121

◆ Click nút OK, bạn thấy trong khay công cụ bên dưới có thêm đối tượng DataSetMH31

Để đưa điều khiển DataGridView vào trong Form, bạn thực hiện như sau:

- ◆ Click chọn tab Windows Forms trong hộp công cụ
- ◆ Đưa điều khiển DataGridView vào trong Form
- ◆ Click nút phải chuột trên DataGridView, chọn Properties, xác lập các thuộc tính cho điều khiển này như bảng cho ở trên



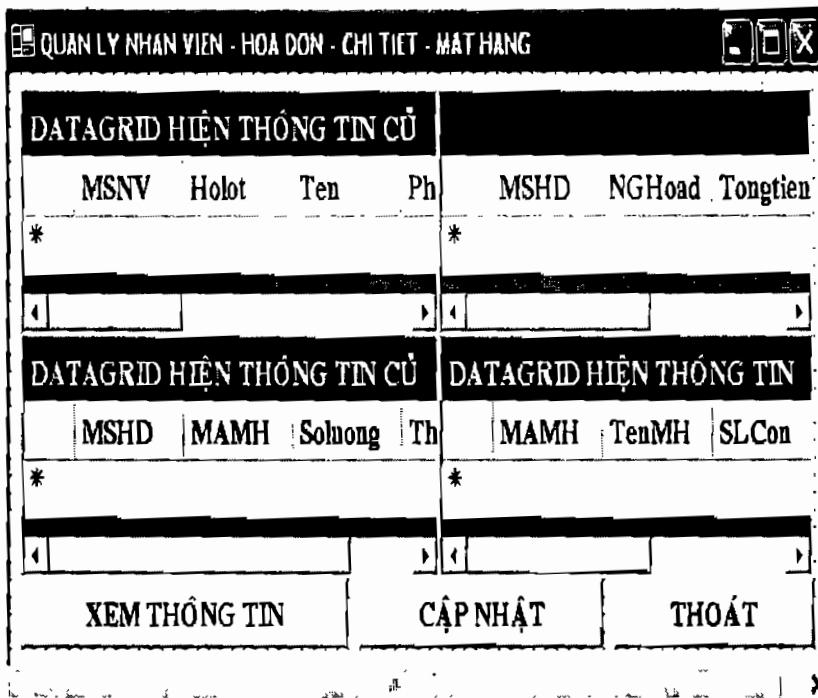
B6H122

**Ghi chú:**

Cần chú ý hai thuộc tính Datasource và DataMember, chọn cho đúng

**Ghi chú:**

Cần chú ý hai thuộc tính Datasource và DataMember, chọn cho đúng  
Khi thực hiện xong chúng ta sẽ có hình như sau:



② **Viết và giải thích code của chương trình**

■ **Viết code cho Form cha (Form1)**

● **Viết code cho mục MenuNHANVIEN**

☑ Click nút phải chuột trong Form cha, chọn View Code, trong cửa sổ viết code hiện ra, click đầu mũi tên quay xuống của khung (General) bên

trái, chọn MenuNHANVIEN, trong khung bên phải chọn Click, sẽ có hình sau:

```
MenuNHANVIEN Click
Public Class Form1
    Inherits System.Windows.Forms.Form
    Windows Form Designer generated code
    Private Sub MenuNHANVIEN_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As EventArgs) Handles MenuNHANVIEN.Click
        Dim Nhanvien As New FormNHANVIEN
        Nhanvien.ShowDialog()
    End Sub
End Class
```

B6H124

Bạn viết code cho khoản mục menu này như sau:

```
Private Sub MenuNHANVIEN_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As
    System.EventArgs) Handles MenuNHANVIEN.Click
    Dim Nhanvien As New FormNHANVIEN
    Nhanvien.ShowDialog()
End Sub
```

☐ Khai báo biến Nhanvien có kiểu FormNhanvien

☐ Cho FormNhanvien xuất hiện. Tương tự như trên để viết cho các mục còn lại

● Viết code cho mục MenuKHACHHANG

Thực hiện tương tự để xuất hiện thủ tục viết code cho mục MenuKHACHHANG, bạn viết code là hai câu lệnh như sau:

```
Private Sub MenuKHACHHANG_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As
    System.EventArgs) Handles MenuKHACHHANG.Click
    Dim Khachhang As New FormKHACHHANG
    Khachhang.ShowDialog()
End Sub
```

● Viết code cho mục MenuMATHANG

```
Private Sub MenuMATHANG_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As
    System.EventArgs) Handles MenuMATHANG.Click
    Dim Mathang As New FormMATHANG
    Mathang.ShowDialog()
```

End Sub

● **Viết code cho mục MenuHOADON**

```
Private Sub MenuHOADON_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As
    System.EventArgs) Handles MenuHOADON.Click
    Dim Hoadon As New FormHOADON
    Hoadon.ShowDialog()
```

End Sub

● **Viết code cho mục MenuCHITIET**

```
Private Sub MenuCHITIET_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As
    System.EventArgs) Handles MenuCHITIET.Click
    Dim Chitiet As New FormCHITIET
    Chitiet.ShowDialog()
```

End Sub

● **Viết code cho mục MenuNVHDKH**

```
Private Sub MenuNVHDKH_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As
    System.EventArgs) Handles MenuNVHDKH.Click
    Dim NvHdKh As New FormNVHDKH
    NvHdKh.ShowDialog()
```

End Sub

● **Viết code cho mục MenuKHHDC TMH**

```
Private Sub MenuKHHDC TMH_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As
    System.EventArgs) Handles MenuKHHDC TMH.Click
    Dim KhHdCtMh As New FormKHHDC TMH
    KhHdCtMh.ShowDialog()
```

End Sub

● **Viết code cho mục MenuNVHDCTMH**

```
Private Sub MenuNVHDCTMH_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As
    System.EventArgs) Handles MenuNVHDCTMH.Click
    Dim NvHdCtMh As New FormNVHDCTMH
    NvHdCtMh.ShowDialog()
```

End Sub

● **Viết code cho mục MenuThoat**

```
Private Sub MenuTHOAT_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As
    System.EventArgs) Handles MenuTHOAT.Click
```

End

End Sub

■ **Viết code cho FormNHANVIEN**

- Viết code cho button có tên ButtonXem

- ☑ Bấm click nút Solution Explorer, chọn FormNHANVIEN.vb, click nút View Code.

- ☑ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (General) bên trái, chọn mục ButtonXem

- ☑ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (Declarations) bên phải, chọn sự kiện Click

```

ButtonXem
Click
Public Class FormNHANVIEN
    Inherits System.Windows.Forms.Form
    Windows Form Designer generated code
    Private Sub ButtonXem_Click(ByVal sender
        End Sub
End Class

```

B6H125

- ☑ Viết hai câu lệnh vào giữa như sau:

```

Private Sub ButtonXem_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As
    System.EventArgs) Handles ButtonXem.Click
    DataSetNHANVIEN1.Clear()
    OleDbDataAdapter1.Fill(DataSetNHANVIEN1)
End Sub

```

*Giải thích:*

- ◆ Phương thức Clear() sẽ xóa nội dung dữ liệu trong Dataset mang tên DataSetNHANVIEN1

- ◆ Phương thức Fill() của OleDbDataAdapter1 sẽ đổ dữ liệu vào DataSetNHANVIEN1.

- Viết code cho button có tên ButtonCapnhat

- ☑ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (General) bên trái, chọn mục ButtonCapnhat

- ☑ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (Declarations) bên phải, chọn sự kiện Click

- ☑ Viết code vào giữa hai câu lệnh đầu và cuối của thủ tục như sau:

```

Private Sub ButtonCapnhat_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As

```



System.EventArgs) Handles ButtonCapnhat.Click

Try

OleDbDataAdapter1.Update(DataSetNHANVIEN1)

Catch ex As Exception

MsgBox(ex, ToString)

End Try

End Sub

*Ghi chú:*

Trong **Visual Basic .NET** dữ liệu sửa trên điều khiển lưới khi thực hiện chương trình sẽ không tự động thay đổi trên bảng dữ liệu vật lý, muốn lấy những gì thay đổi trên khung lưới sẽ thay đổi trong bảng dữ liệu vật lý, chúng ta phải dùng phương thức **Update()**. Đây là một phương thức an toàn để dữ liệu của bạn không bị tác động xấu như xóa, thay đổi giá trị, thêm mới dữ liệu khi chưa được phép.

*Giải thích:*

☐ Phương thức **Update()** của **OleDbDataAdapter1** sẽ lấy những thay đổi trong tập **Dataset** mang tên **DatasetNHANVIEN1** cập nhật vào bảng dữ liệu vật lý có tên **NHANVIEN** thuộc **CSDL** có tên **QUANLYKHACHHANG** trong **Microsoft SQL Server 2000**. Các bạn cần ghi nhớ điều này để thực hiện theo đúng yêu cầu và mong muốn của mình. Khi cập nhật dữ liệu, để đề phòng trường hợp xảy ra lỗi khi kết nối bị đứt hoặc không tìm thấy mẫu tin cần cập nhật. Phát biểu **Try ... Catch** bao bọc bên ngoài sẽ thực hiện tác vụ đón bắt lỗi xảy ra nếu có. Trong trường hợp trên hộp thông báo hiện ra thông báo cho bạn biết.

● Viết code cho button có tên **ButtonThoat**

☐ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (General) bên trái, chọn mục **ButtonThoat**

☐ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (Declarations) bên phải, chọn sự kiện **Click**

☐ Viết code vào giữa hai câu lệnh đầu và cuối của thủ tục như sau:

```
Private Sub ButtonThoat_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As  
System.EventArgs) Handles ButtonThoat.Click
```

```
Me.Close()
```

```
End Sub
```

*Giải thích:*

☐ Trong menu bạn phải dùng lệnh Me.Close(), Me chỉ Form hiện hành, phương thức Close() dùng để đóng Form hiện hành lại, khi đóng vẫn ở Form cha, nếu bạn dùng lệnh End thì khi nhấn nút thoát nó sẽ về cửa sổ viết code (thoát khỏi Form cha)

### ■ Viết code cho FormKHACHHANG

#### ● Viết code cho button có tên ButtonXem

☐ Bạn click nút Solution Explorer, chọn FormKHACHHANG.vb, click nút View Code.

☐ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (General) bên trái, chọn mục ButtonXem

☐ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (Declarations) bên phải, chọn sự kiện Click

☐ Viết hai câu lệnh vào giữa như sau:

```
Private Sub ButtonXem_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As
    System.EventArgs) Handles ButtonXem.Click
    DataSetKHACHHANG1.Clear()
    OleDbDataAdapter1.Fill(DataSetKHACHHANG1)
```

End Sub

#### ● Viết code cho button có tên ButtonCapnhat

☐ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (General) bên trái, chọn mục ButtonCapnhat

☐ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (Declarations) bên phải, chọn sự kiện Click

☐ Viết code vào giữa hai câu lệnh đầu và cuối của thủ tục như sau:

```
Private Sub ButtonCapnhat_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As
    System.EventArgs) Handles ButtonCapnhat.Click
```

```
Try
```

```
    OleDbDataAdapter1.Update(DataSetKHACHHANG1)
```

```
Catch ex As Exception
```

```
    MsgBox(ex, ToString)
```

```
End Try
```

End Sub

#### ● Viết code cho button có tên ButtonThoat

☐ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (General) bên trái, chọn mục ButtonThoat

☑ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (Declarations) bên phải, chọn sự kiện Click

☑ Viết code vào giữa hai câu lệnh đầu và cuối của thủ tục như sau:  
Private Sub ButtonThoat\_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As  
System.EventArgs) Handles ButtonThoat.Click

```
Me.Close()  
End Sub
```

#### ■ Viết code cho FormMATHANG

● Viết code cho button có tên ButtonXem

☑ Bạn click nút Solution Explorer, chọn FormMATHANG.vb, click nút View Code.

☑ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (General) bên trái, chọn mục ButtonXem

☑ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (Declarations) bên phải, chọn sự kiện Click

☑ Viết hai câu lệnh vào giữa như sau:

```
Private Sub ButtonXem_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As  
System.EventArgs) Handles ButtonXem.Click  
DataSetMATHANG1.Clear()  
OleDbDataAdapter1.Fill(DataSetMATHANG1)
```

```
End Sub
```

● Viết code cho button có tên ButtonCapnhat

☑ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (General) bên trái, chọn mục ButtonCapnhat

☑ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (Declarations) bên phải, chọn sự kiện Click

☑ Viết code vào giữa hai câu lệnh đầu và cuối của thủ tục như sau:

```
Private Sub ButtonCapnhat_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As  
System.EventArgs) Handles ButtonCapnhat.Click
```

```
Try  
OleDbDataAdapter1.Update(DataSetMATHANG1)  
Catch ex As Exception  
MsgBox(ex, ToString)  
End Try
```

```
End Sub
```

● Viết code cho button có tên ButtonThoat

☒ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (General) bên trái, chọn mục ButtonThoat

☒ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (Declarations) bên phải, chọn sự kiện Click

☒ Viết code vào giữa hai câu lệnh đầu và cuối của thủ tục như sau:  
Private Sub ButtonThoat\_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As System.EventArgs) Handles ButtonThoat.Click

```
Me.Close()
```

```
End Sub
```

### ■ Viết code cho FormHOADON

● Viết code cho button có tên ButtonXem

☒ BẠN click nút Solution Explorer, chọn FormHOADON.vb, click nút View Code.

☒ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (General) bên trái, chọn mục ButtonXem

☒ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (Declarations) bên phải, chọn sự kiện Click

☒ Viết hai câu lệnh vào giữa như sau:

```
Private Sub ButtonXem_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As System.EventArgs) Handles ButtonXem.Click
```

```
DataSetHOADON1.Clear()
```

```
OleDbDataAdapter1.Fill(DataSetHOADON1)
```

```
End Sub
```

● Viết code cho button có tên ButtonCapnhat

☒ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (General) bên trái, chọn mục ButtonCapnhat

☒ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (Declarations) bên phải, chọn sự kiện Click

☒ Viết code vào giữa hai câu lệnh đầu và cuối của thủ tục như sau:

```
Private Sub ButtonCapnhat_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As System.EventArgs) Handles ButtonCapnhat.Click
```

```
Try
```

```
OleDbDataAdapter1.Update(DataSetHOADON1)
```

```
Catch ex As Exception
```

```
MsgBox(ex, ToString)
```

```
End Try
```

End Sub

- Viết code cho button có tên ButtonThoat

☑ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (General) bên trái, chọn mục ButtonThoat

☑ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (Declarations) bên phải, chọn sự kiện Click

☑ Viết code vào giữa hai câu lệnh đầu và cuối của thủ tục như sau:  
Private Sub ButtonThoat\_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As  
System.EventArgs) Handles ButtonThoat.Click

Me.Close()

End Sub

- Viết code cho FormCHITIET

- Viết code cho button có tên ButtonXem

☑ Bạn click nút Solution Explorer, chọn FormCHITIET.vb, click nút View Code.

☑ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (General) bên trái, chọn mục ButtonXem

☑ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (Declarations) bên phải, chọn sự kiện Click

☑ Viết hai câu lệnh vào giữa như sau:  
Private Sub ButtonXem\_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As  
System.EventArgs) Handles ButtonXem.Click

DataSetCHITIET1.Clear()

OleDbDataAdapter1.Fill(DataSetCHITIET1)

End Sub

- Viết code cho button có tên ButtonCapnhat

☑ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (General) bên trái, chọn mục ButtonCapnhat

☑ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (Declarations) bên phải, chọn sự kiện Click

☑ Viết code vào giữa hai câu lệnh đầu và cuối của thủ tục như sau:  
Private Sub ButtonCapnhat\_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As  
System.EventArgs) Handles ButtonCapnhat.Click

Try

OleDbDataAdapter1.Update(DataSetCHITIET1)

Catch ex As Exception

MsgBox(ex, ToString)

End Try

End Sub

● Viết code cho button có tên ButtonThoat

☑ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (General) bên trái, chọn mục ButtonThoat

☑ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (Declarations) bên phải, chọn sự kiện Click

☑ Viết code vào giữa hai câu lệnh đầu và cuối của thủ tục như sau:

```
Private Sub ButtonThoat_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As  
    System.EventArgs) Handles ButtonThoat.Click  
    Me.Close()
```

End Sub

■ Viết code cho FormNVHDKH

● Viết code cho button có tên ButtonXem

☑ Bạn click nút Solution Explorer, chọn FormNVHDKH.vb, click nút View Code.

☑ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (General) bên trái, chọn mục ButtonXem

☑ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (Declarations) bên phải, chọn sự kiện Click

☑ Viết hai câu lệnh vào giữa như sau:

```
Private Sub ButtonXem_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As  
    System.EventArgs) Handles ButtonXem.Click
```

```
    DataSetNV1.Clear()
```

```
    DataSetHD1.Clear()
```

```
    DataSetKH1.Clear()
```

```
    OleDbDataAdapter1.Fill(DataSetNV1)
```

```
    OleDbDataAdapter2.Fill(DataSetHD1)
```

```
    OleDbDataAdapter3.Fill(DataSetKH1)
```

End Sub

Các câu lệnh này, bạn đã biết, chúng tôi không giải thích nữa

● Viết code cho button có tên ButtonCapnhat

☑ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (General) bên trái, chọn mục ButtonCapnhat

☑ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (Declarations) bên phải, chọn sự kiện Click

☑ Viết code vào giữa hai câu lệnh đầu và cuối của thủ tục như sau:  
Private Sub ButtonCapnhat\_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As System.EventArgs) Handles ButtonCapnhat.Click

Try

OleDbDataAdapter1.Update(DataSetNV1)

OleDbDataAdapter2.Update(DataSetHD1)

OleDbDataAdapter3.Update(DataSetKH1)

Catch ex As Exception

MsgBox(ex, ToString)

End Try

End Sub

● Viết code cho button có tên ButtonThoat

☑ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (General) bên trái, chọn mục ButtonThoat

☑ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (Declarations) bên phải, chọn sự kiện Click

☑ Viết code vào giữa hai câu lệnh đầu và cuối của thủ tục như sau:  
Private Sub ButtonThoat\_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As System.EventArgs) Handles ButtonThoat.Click

Me.Close()

End Sub

■ Viết code cho FormKHHDCSTMH

● Viết code cho button có tên ButtonXem

☑ Bạn click nút Solution Explorer, chọn FormKHHDCSTMH.vb, click nút View Code.

☑ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (General) bên trái, chọn mục ButtonXem

☑ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (Declarations) bên phải, chọn sự kiện Click

☑ Viết hai câu lệnh vào giữa như sau:  
Private Sub ButtonXem\_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As System.EventArgs) Handles ButtonXem.Click

DataSetKH21.Clear()

DataSetHD21.Clear()

```
DataSetCT21.Clear()
DataSetMH21.Clear()
OleDbDataAdapter1.Fill(DataSetKH21)
OleDbDataAdapter2.Fill(DataSetHD21)
OleDbDataAdapter3.Fill(DataSetCT21)
OleDbDataAdapter4.Fill(DataSetMH21)
```

End Sub

Các câu lệnh này, bạn đã biết, chúng tôi không giải thích nữa

● Viết code cho button có tên ButtonCapnhạt

☑ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (General) bên trái, chọn mục ButtonCapnhạt

☑ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (Declarations) bên phải, chọn sự kiện Click

☑ Viết code vào giữa hai câu lệnh đầu và cuối của thủ tục như sau:

```
Private Sub ButtonCapnhạt_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As
System.EventArgs) Handles ButtonCapnhạt.Click
```

Try

```
OleDbDataAdapter1.Update(DataSetKH21)
OleDbDataAdapter2.Update(DataSetHD21)
OleDbDataAdapter3.Update(DataSetCT21)
OleDbDataAdapter4.Update(DataSetMH21)
```

Catch ex As Exception

```
MsgBox(ex, ToString)
```

End Try

End Sub

● Viết code cho button có tên ButtonThoạt

☑ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (General) bên trái, chọn mục ButtonThoạt

☑ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (Declarations) bên phải, chọn sự kiện Click

☑ Viết code vào giữa hai câu lệnh đầu và cuối của thủ tục như sau:

```
Private Sub ButtonThoạt_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As
System.EventArgs) Handles ButtonThoạt.Click
```

```
Me.Close()
```

End Sub

■ Viết code cho FormNVHDCTMH



● Viết code cho button có tên ButtonXem

☑ Bạn click nút Solution Explorer, chọn FormNVHDCTMH.vb, click nút View Code.

☑ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (General) bên trái, chọn mục ButtonXem

☑ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (Declarations) bên phải, chọn sự kiện Click

☑ Viết hai câu lệnh vào giữa như sau:

```
Private Sub ButtonXem_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As
    System.EventArgs) Handles ButtonXem.Click
    DataSetNV31.Clear()
    DataSetHD31.Clear()
    DataSetCT31.Clear()
    DataSetMH31.Clear()
    OleDbDataAdapter1.Fill(DataSetNV31)
    OleDbDataAdapter2.Fill(DataSetHD31)
    OleDbDataAdapter3.Fill(DataSetCT31)
    OleDbDataAdapter4.Fill(DataSetMH31)
```

End Sub

Các câu lệnh này, bạn đã biết, chúng tôi không giải thích nữa

● Viết code cho button có tên ButtonCapnhat

☑ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (General) bên trái, chọn mục ButtonCapnhat

☑ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (Declarations) bên phải, chọn sự kiện Click

☑ Viết code vào giữa hai câu lệnh đầu và cuối của thủ tục như sau:

```
Private Sub ButtonCapnhat_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As
    System.EventArgs) Handles ButtonCapnhat.Click
    Try
        OleDbDataAdapter1.Update(DataSetNV31)
        OleDbDataAdapter2.Update(DataSetHD31)
        OleDbDataAdapter3.Update(DataSetCT31)
        OleDbDataAdapter4.Update(DataSetMH31)
    Catch ex As Exception
        MsgBox(ex, ToString)
    End Try
```

End Sub

● Viết code cho button có tên ButtonThoat

☑ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (General) bên trái, chọn mục ButtonThoat

☑ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (Declarations) bên phải, chọn sự kiện Click

☑ Viết code vào giữa hai câu lệnh đầu và cuối của thủ tục như sau:  
Private Sub ButtonThoat\_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As System.EventArgs) Handles ButtonThoat.Click

Me.Close()

End Sub

### ③ Chạy thử chương trình

Bạn nhập thông tin cho các bảng, nhấn phím F5 để chạy thử chương trình, bạn thấy hình như sau:



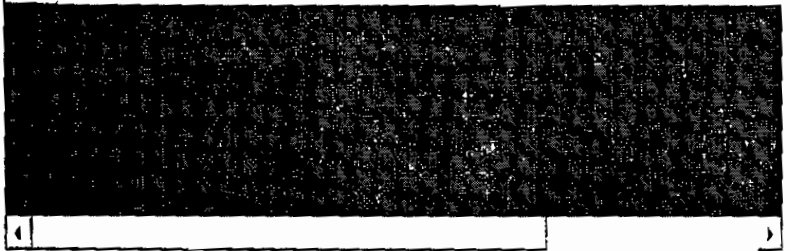
B6H126

◆ Click chọn mục QLCUAHANG, trong menu hiện ra, click chọn lần lượt từng mục, bạn thấy hình như sau:



**DATAGRID HIEN THONG TIN CUA BANG NHANVIEN**

MSNV	Họt	Ten	Phai	Ngaysinh	Noisinh	Diach
(null)	(null)	(null)	(null)	(null)	(null)	(null)



XEM THÔNG TIN

CẬP NHẬT

THOÁT

B6H127



**DATAGRID HIEN THONG TIN CUA BANG KHACHHANG**

MAKH	TenKH	Phai	Diachi	DT
(null)	(null)	(null)	(null)	(null)



XEM THÔNG TIN

CẬP NHẬT

THOÁT

B6H128



DATAGRID HIEN THONG TIN CUA BANG MATHANG

MAMH	TenMH	SLCon	Dongia	Douvitin
(null)	(null)	(null)	(null)	(null)

XEM THONG TIN

CẬP NHẬT

THOÁT

B6H129



DATAGRID HIEN THONG TIN CUA BANG HOADON

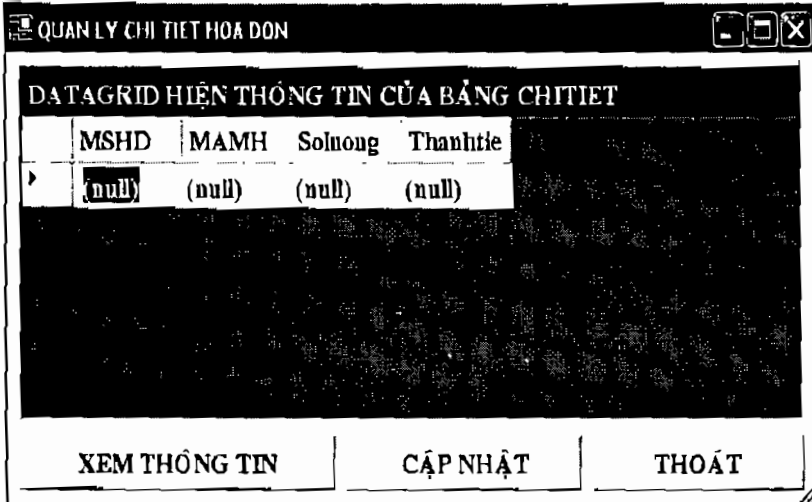
MSHD	NGHoad	Tongtien	MSNV	MAKH
(null)	(null)	(null)	(null)	(null)

XEM THONG TIN

CẬP NHẬT

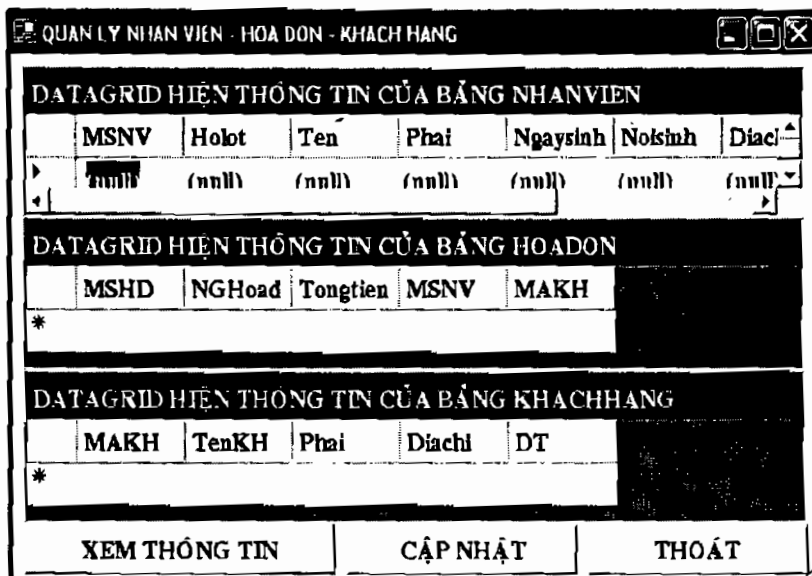
THOÁT

B6H130



B6H131

◆ Click nút "THOÁT", click chọn mục NV\_HD\_KH, bạn thấy hình sau:



B6H132

◆ Click nút "THOÁT", click chọn mục KH\_HD\_CT\_MH, bạn thấy hình sau:



DATAGRID HIEN THONG TIN			DATAGRID HIEN THONG TIN		
MAKH	TenKH	Phai	MSHD	NGHoad	Tongtien
(null)	(null)	(null)	*		
<input type="text"/>			<input type="text"/>		
DATAGRID HIEN THONG TIN			DATAGRID HIEN THONG TIN C		
MSHD	MAMH	Soluong	MAMH	TenMH	SLCon
*			*		
<input type="text"/>			<input type="text"/>		
XEM THONG TIN		CAP NHAT		THOAT	

B6H133

◆ Click nút "THOÁT", click chọn mục NV\_HD\_CT\_MH, bạn thấy hình sau:



DATAGRID HIEN THONG TIN CU				DATAGRID HIEN THONG TIN		
MSNV	Holot	Ten	Ph	MSHD	NGHoad	Tongtien
(null)	(null)	(null)	(null)	*		
<input type="text"/>				<input type="text"/>		
DATAGRID HIEN THONG TIN CU				DATAGRID HIEN THONG TIN		
MSHD	MAMH	Soluong	Th	MAMH	TenMH	SLCon
*				*		
<input type="text"/>				<input type="text"/>		
XEM THONG TIN			CAP NHAT		THOAT	

B6H134

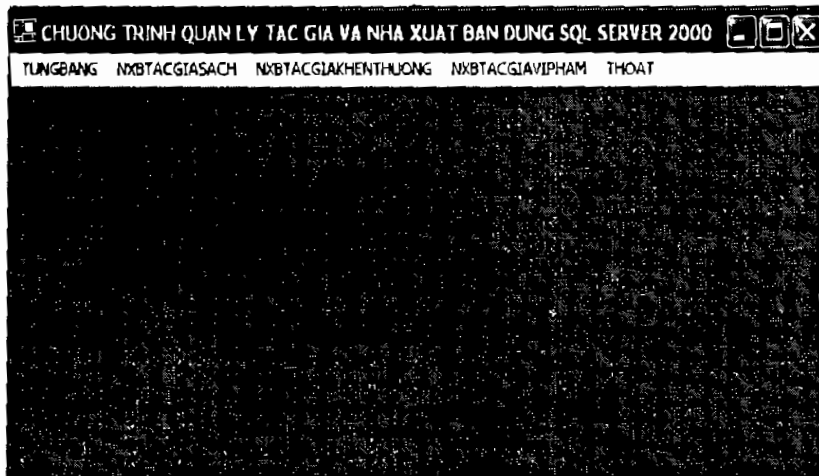
# Bài 7

## ĐÓNG GÓI VÀ PHÂN PHỐI ỨNG DỤNG VISUAL BASIC .NET

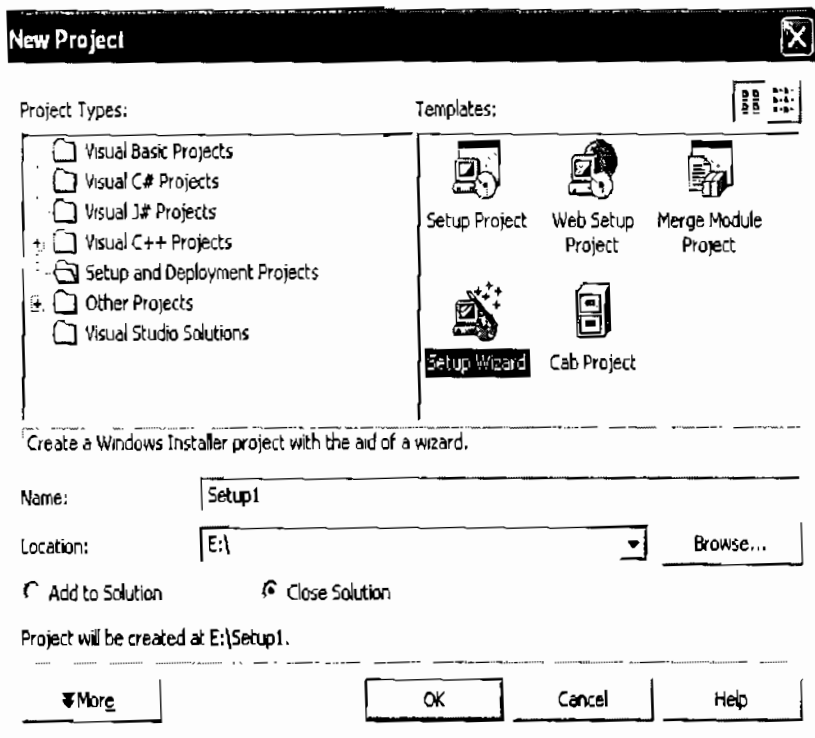
Khi đã hoàn tất chương trình viết trên Visual Basic .NET, để phân phối ứng dụng đến tay người sử dụng hoặc tải lên Internet để mọi người cùng dùng, hoặc đóng gói thành một sản phẩm hoàn chỉnh. Visual basic .NET cung cấp cho ta nhiều cách để đóng gói, trong bài này, chúng tôi hướng dẫn bạn cách đóng gói dựa vào Setup Wizard.

Muốn đóng gói chương trình nào, bạn mở chương trình đó trong Visual Studio .NET, trong bài này chúng ta thử đóng gói chương trình có tên QUANLYTACGIA vừa hoàn thành ở trên

☉ Mở Project có tên QUANLYTACGIA



© Vào menu **File**, chọn **New**, chọn **Project** hộp thoại hiện ra như hình sau:



B7H2

Bước này ta sẽ tạo dự án thứ hai cho Solution, dự án này sẽ tự động tạo bộ đóng gói cho chương trình QUANLYTACGIA.

© Chọn **Setup and Deployment Project** trong khung **Project Types** bên trái của hộp thoại.

© Chọn **Setup Wizard** trong khung **Templates** bên phải của hộp thoại.  
*Ghi chú:*

Khi chọn xong, nhìn trong khung Name, bạn sẽ thấy Visual Basic .NET tự động điền tên Setup1.

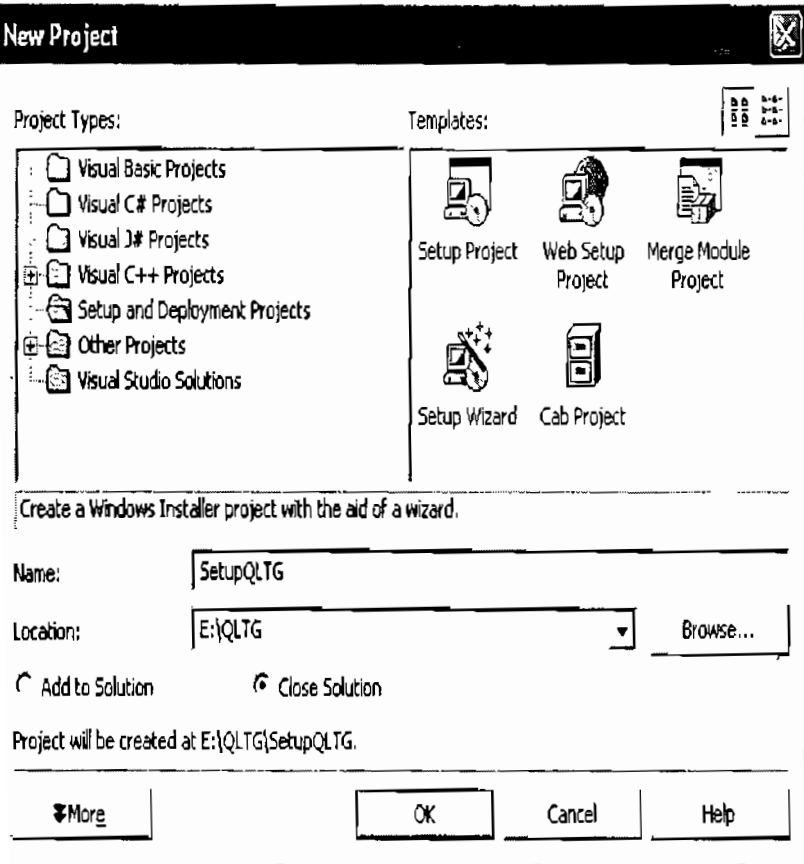
Trong khung Templates có 5 mẫu cho bạn chọn để đóng gói. Nếu chọn Setup Project sẽ tạo bộ đóng gói cài đặt bởi Windows Installer. Nếu chọn Web Setup Project sẽ tạo trình Setup cho phép Windows Intaller cài đặt chương trình từ một Web Server. Nếu chọn Merge Module Project được



thiết kế cho mục đích đóng gói chung các dự án Visual Basic khác nhau. Nếu dùng Cab Project cho phép đóng gói chương trình cài đặt thành một hoặc nhiều file nén .cab, dùng mẫu này nếu bạn muốn người dùng có thể download bộ cài đặt của bạn từ Internet. Mẫu cuối cùng Setup Wizard có lẽ là thông dụng nhất, mẫu này sẽ đóng gói chương trình của bạn thông qua một số câu hỏi và yêu cầu bạn thực hiện một số bước cấu hình đơn giản.

☉ Bạn gõ **SetupQLTG** vào khung **Name**

☉ Gõ **E:\QLTG** trong khung **Location**



B7H3 Nhập thông tin vào ô Name và ô Location

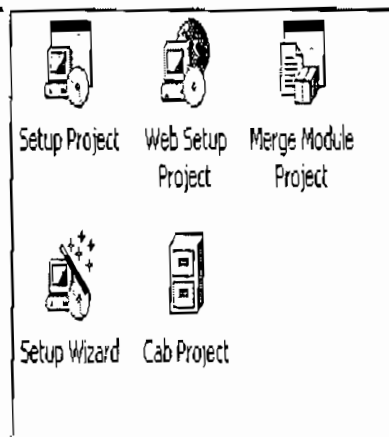
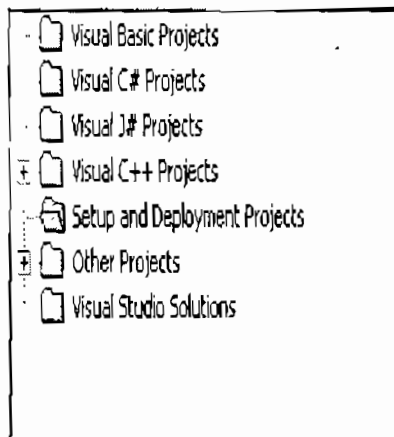
☉ Click nút chọn có tên **Add to Solution**, bạn sẽ có hình như sau:

# New Project



Project Types:

Templates:



Create a Windows Installer project with the aid of a wizard.

Name:

Location:

Add to Solution       Close Solution

Project will be created at E:\SetupQLTG.

B7H4 Khi chọn mục Add to Solution

Khi chọn xong, bạn thấy ở ô **Location** sẽ thay đổi chỉ còn E:\ bạn cần lưu ý nút chọn này, nó có ý nghĩa quan trọng, nếu bạn không chọn nút này Visual Studio sẽ đóng dự án hiện hành tức là đóng dự án QLTG\_VB.NET\_SQLSERVER án mới và cũng không thể kết hợp hai dự án cùng một lúc vào Solution.

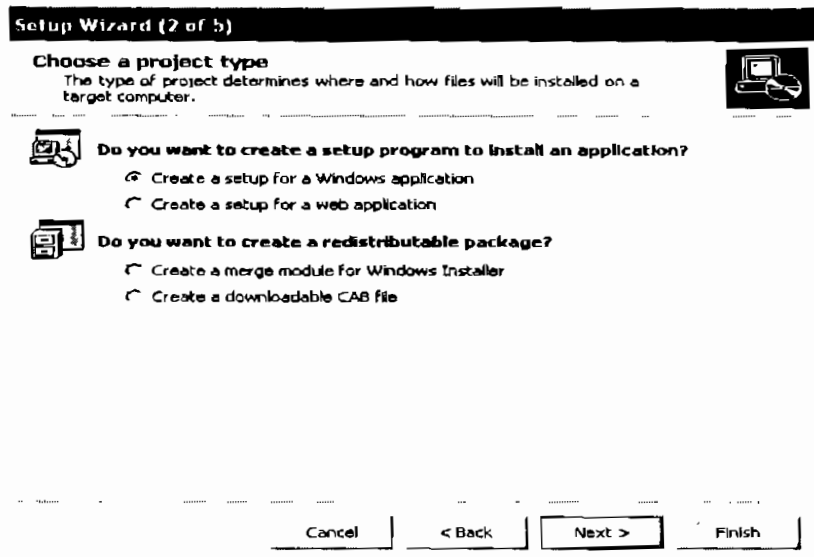
Ⓞ Click nút **OK** trên hộp thoại. Trình **Setup Wizard** sẽ hiện lần lượt năm hộp thoại để chúng ta xác lập. Đầu tiên chúng ta sẽ có hộp thoại như sau:



B7H5 Hộp thoại thứ nhất

Đây là hộp thoại giới thiệu

Ⓞ Click nút **Next** để tiếp qua hộp thoại thứ hai



B7H6 Hộp thoại thứ hai

Hộp thoại này cho phép bạn kiểm soát cách đóng gói và phân phối ứng dụng, các tùy chọn này giống với các mẫu trong khung Template mà bạn đã thấy trong hộp thoại New Project trước đây.

- Ⓒ Click chọn mục **Create a setup for a Windows application**
- Ⓒ Click nút **Next** để qua hộp thoại thứ ba

## Setup Wizard (3 of 5)

### Choose project outputs to include

You can include outputs from other projects in your solution.



### Which project output groups do you want to include?

- Primary output from QLTG\_VB.NET\_SQLSERVER
- Localized resources from QLTG\_VB.NET\_SQLSERVER
- Debug Symbols from QLTG\_VB.NET\_SQLSERVER
- Content Files from QLTG\_VB.NET\_SQLSERVER
- Source Files from QLTG\_VB.NET\_SQLSERVER

### Description:

Contains the DLL or EXE built by the project.

Cancel

< Back

Next >

Finish

B7H7 Hộp thoại thứ ba

Ⓒ Bạn chọn mục **Primary output from QLTG\_VB.NET\_SQLSERVER** thường sẽ được chọn để đưa các file .exe hoặc .dll của mình vào trình đóng gói.

### Setup Wizard (3 of 5)

#### Choose project outputs to include

You can include outputs from other projects in your solution.



#### Which project output groups do you want to include?

- Primary output from QLTG\_VB.NET\_SQLSERVER
- Localized resources from QLTG\_VB.NET\_SQLSERVER
- Debug Symbols from QLTG\_VB.NET\_SQLSERVER
- Content Files from QLTG\_VB.NET\_SQLSERVER
- Source Files from QLTG\_VB.NET\_SQLSERVER

#### Description:

Contains the DLL or EXE built by the project.

Cancel

< Back

Next >

Finish

B7H8

© Click nút Next để qua hộp thoại thứ tư

### Setup Wizard (4 of 5)

#### Choose files to include

You can add files such as ReadMe files or HTML pages to the setup.



#### Which additional files do you want to include?

Add...

Remove

Cancel

< Back

Next >

Finish

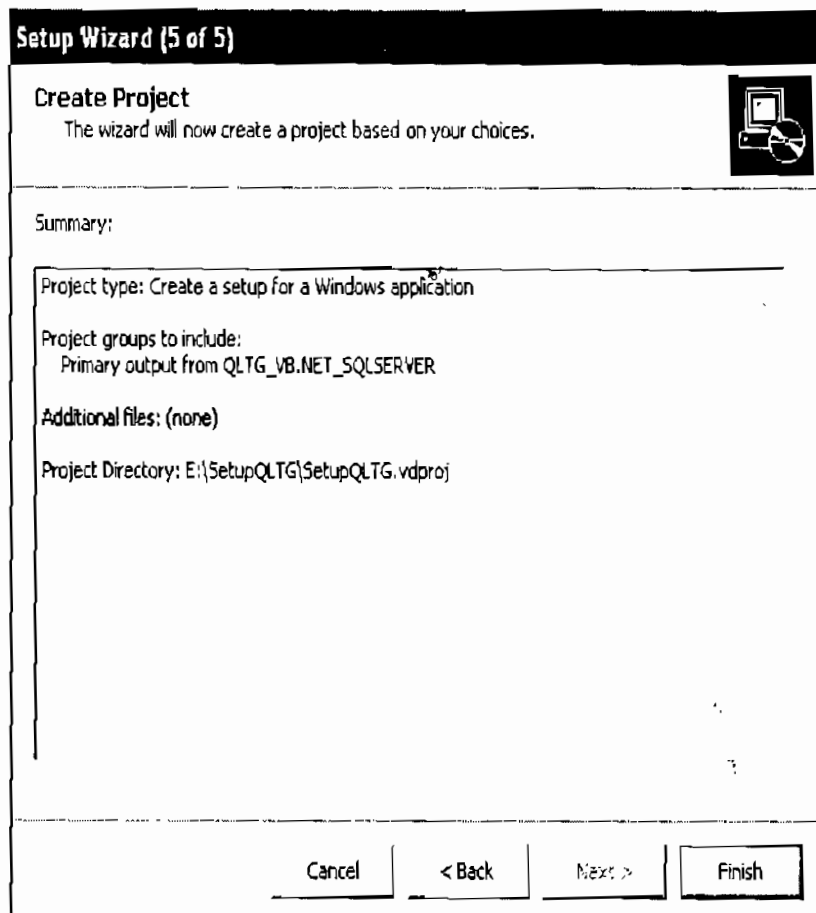
B7H9 Hộp thoại thứ tư

Trong hộp thoại này, các bạn có thể đưa thêm các file dữ liệu, các file để hướng dẫn bổ sung cho chương trình lúc thực thi, các tài liệu quảng cáo... Trong bài này chúng ta không cần phải đưa vào tập tin nào.

*Ghi chú:*

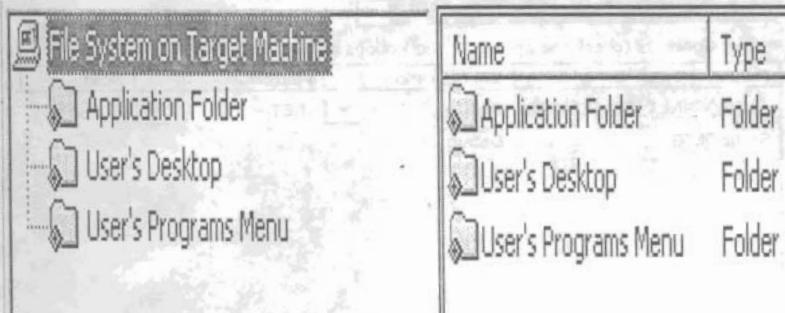
.NET Framework là thành phần chính giúp cho chương trình có thể chạy, nhưng chúng ta không được nhúng kèm theo .NET Framework trong bộ Setup. Các bạn phải cài đặt riêng độc lập với chương trình

☉ Click nút **Next** để qua hộp thoại cuối cùng, hộp thoại thứ năm



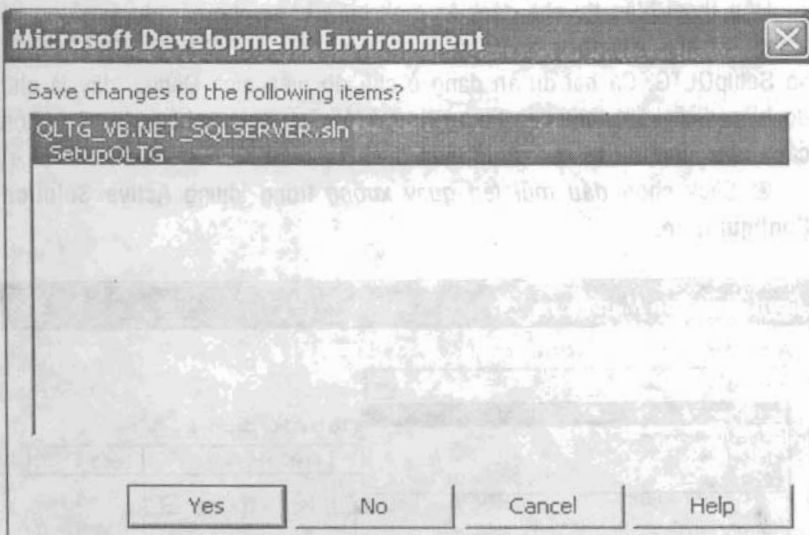
BZH10 Hộp thoại thứ năm

☉ Click nút **Finish** để kết thúc quá trình **Setup Wizard**.



B7H11

Lúc này, nếu click nút X để đóng Project, bạn sẽ thấy hộp thoại sau



B7H12

⊙ Hộp thoại hỏi chúng ta các lưu không, các bạn click nút Yes

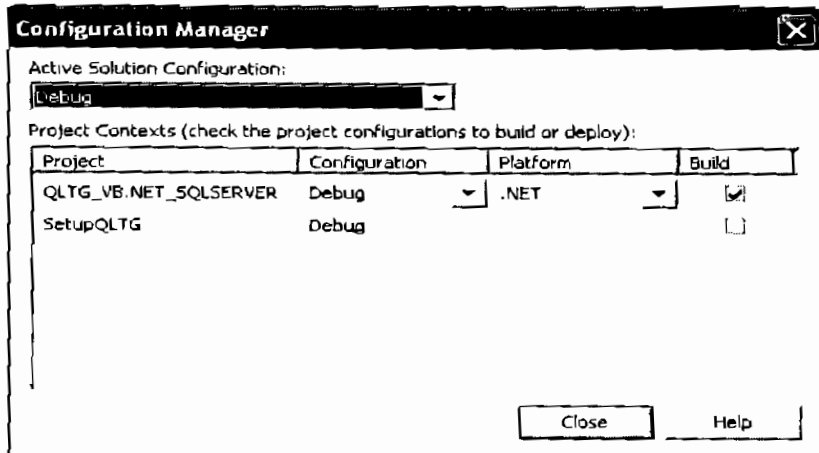
Nếu đóng rồi, các bạn mở lại Project có tên

QLTG\_VB.NET\_SQLSERVER để thiết lập tiếp các cấu hình như sau:

### ☛ Thiết lập các cấu hình

⊙ Vào menu **Build**, chọn **Configuration Manager**, hộp thoại sau hiện

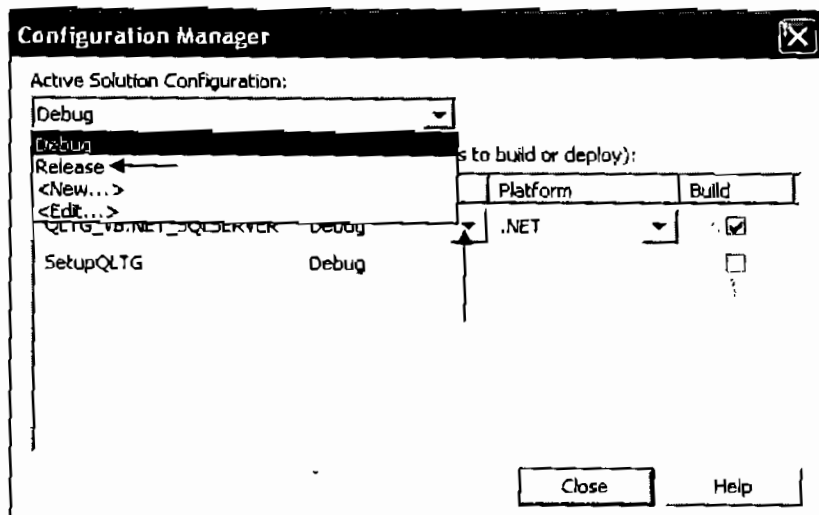
ra



B7H13

Hộp thoại hiển thị chế độ biên dịch hiện hành cho các dự án đang có trong Solution. Chúng ta đang có hai dự án là QLTG\_VB.NET\_SQLSERVER và SetupQLTG. Cả hai dự án đang ở chế độ biên dịch Debug, đây là chế độ biên dịch kèm theo các thông tin gỡ lỗi. Tuy nhiên chúng ta nên chọn cách biên dịch tối ưu hơn đó là biên dịch **Release**.

© Click chọn *đầu mũi tên quay xuống* trong khung **Active Solution Configuration**.

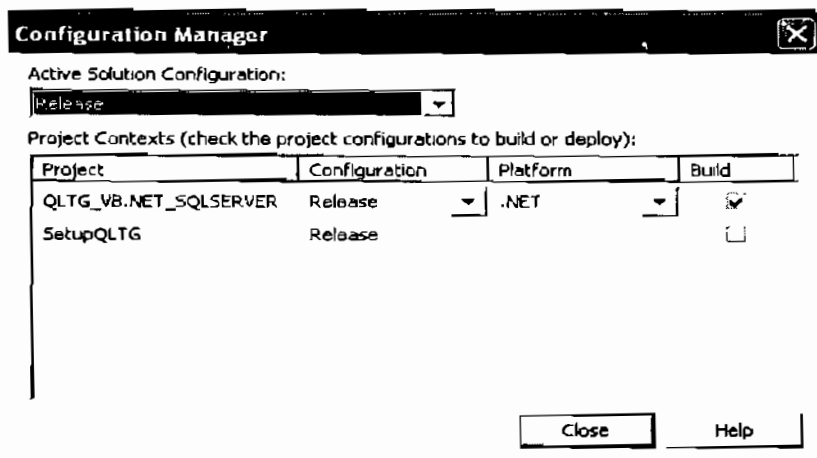


B7H14



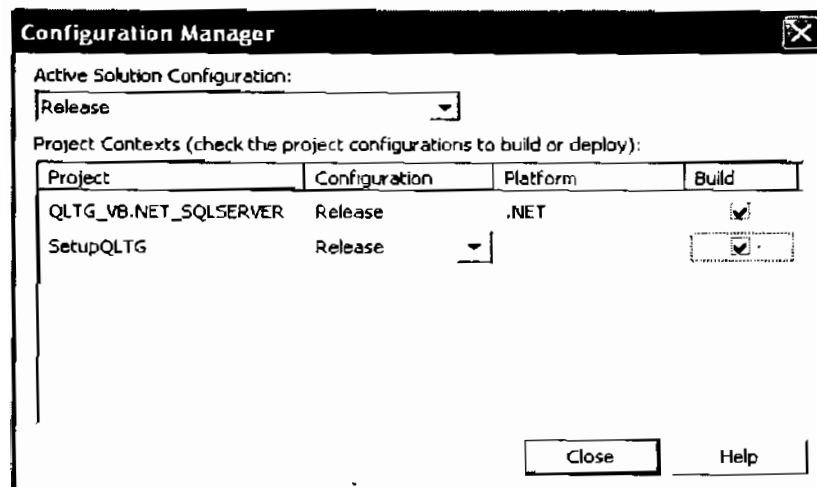
⊙ Click chọn **Release** trong khung hiện ra.

Khi chọn mục này, các bạn thấy trong cột **Configuration** của hai dự án QLTG\_VB.NET\_SQLSERVER và **SetupQLTG** cũng đổi từ **Debug** sang **Release**. Nếu không thấy đổi, bạn click vào *đầu mũi tên quay xuống* của những mục này để đổi sang **Release**.



B7H15 Đã đổi sang Release

⊙ Click chọn vào cột **Build** cho cả hai dự án



B7H16 Đã chọn mục Build cho cả hai dự án

⊙ Click nút **Close** để đóng hộp thoại lại

Tiếp theo các bạn phải tiến hành biên dịch và đóng gói dự án, bạn tiến hành như sau

## ➤ Biên dịch và đóng gói dự án – Kiểm tra việc cài đặt

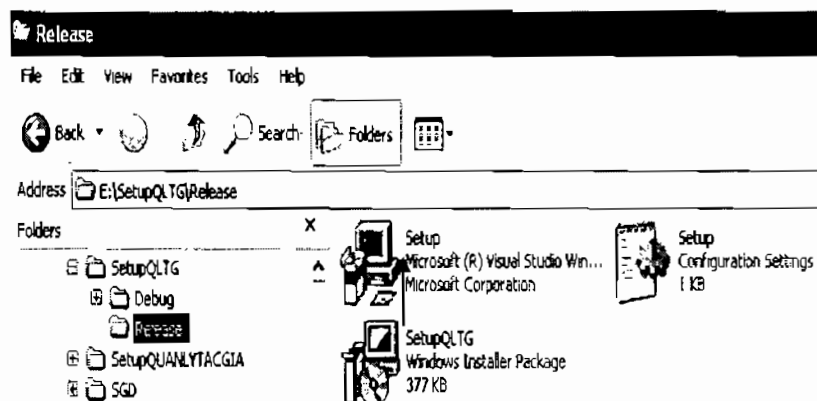
⊙ Vào menu Build, chọn Build Solution. Visual Studio sẽ biên dịch cả hai dự án QLTG\_VB.NET\_SQLSERVER và SetupQLTG. Quá trình biên dịch đóng gói diễn ra nếu chú ý phía dưới Form, bạn sẽ thấy thanh tiến trình xuất hiện như hình dưới (nó xuất hiện phía dưới Form)



B7H17 Thanh tiến trình biên dịch

Nếu biên dịch thành công, bạn thấy câu "Build Succeeded" xuất hiện phía tận cùng bên trái nằm cùng với thanh tiến trình.

- ⊙ Click nút phải chuột trên menu Start, chọn Explorer
- ⊙ Vào thư mục E:\SetupQLTG\Release



B7H18 Chọn E:\SetupQUANLYTACGIA\Release

⊙ Nhấp đúp vào tập tin **Setup** được chọn trong hình hoặc click nút phải chuột trên tập tin này và chọn **Open** trong menu hiện ra. Bạn sẽ thấy hộp thoại như hình dưới

*Ghi chú:*

Nếu muốn có bản cài đặt trên đĩa CD, bạn chép toàn bộ nội dung thư mục Release này sang đĩa CD.

## Welcome to the SetupQLTG Setup Wizard



The installer will guide you through the steps required to install SetupQLTG on your computer.

**WARNING.** This computer program is protected by copyright law and international treaties. Unauthorized duplication or distribution of this program, or any portion of it, may result in severe civil or criminal penalties, and will be prosecuted to the maximum extent possible under the law.




B7H19 Hộp thoại giới thiệu

☉ Click nút **Next** để tiếp tục, hộp thoại chọn thư mục để yêu cầu xác định thư mục cài đặt cho chương trình cùng một vài tùy chọn cần thiết như hình sau:

## Select Installation Folder



The installer will install SetupQLTG to the following folder.

To install in this folder, click "Next". To install to a different folder, enter it below or click "Browse".

Folder.




Install SetupQLTG for yourself, or for anyone who uses this computer

Everyone

Just me




B7H20

Trong bài này chúng tôi chọn thư mục C:\Program Files\129 CachMangThang8\_Q3\SetupQLTG (nếu thích bạn có thể nhập trực tiếp thư mục khác trong khung này, hoặc nhấn nút Browse để chọn)

☉ Click chọn mục **Everyone**



## Select Installation Folder



The installer will install SetupQLTG to the following folder.

To install in this folder, click "Next". To install to a different folder, enter it below or click "Browse".

Folder:

C:\Program Files\129 Cach Mang Thang 8 \_ Q-3\SetupQLTG\

Browse...

Disk Cost...

Install SetupQLTG for yourself, or for anyone who uses this computer:

☉ Everyone

○ Just me

Cancel

< Back

Next >

B7H21 Chọn mục Everyone

☉ Click nút **Next** để bắt đầu cài đặt.



## Confirm Installation



The installer is ready to install SetupQLTG on your computer.

Click "Next" to start the installation.

Cancel

< Back

Next >

B7H22

Click nút **Next**



## Installation Complete



SetupQLTG has been successfully installed.

Click "Close" to exit.

Please use Windows Update to check for any critical updates to the .NET Framework.

Cancel

< Back

Close

B7H23

Quá trình cài đặt sẽ chép các tập tin vào thư mục dành cho chương trình. Sau khi hoàn tất, trình Setup sẽ đăng ký ứng dụng QLTG\_VB.NET\_SQLSERVER với Windows Registry.

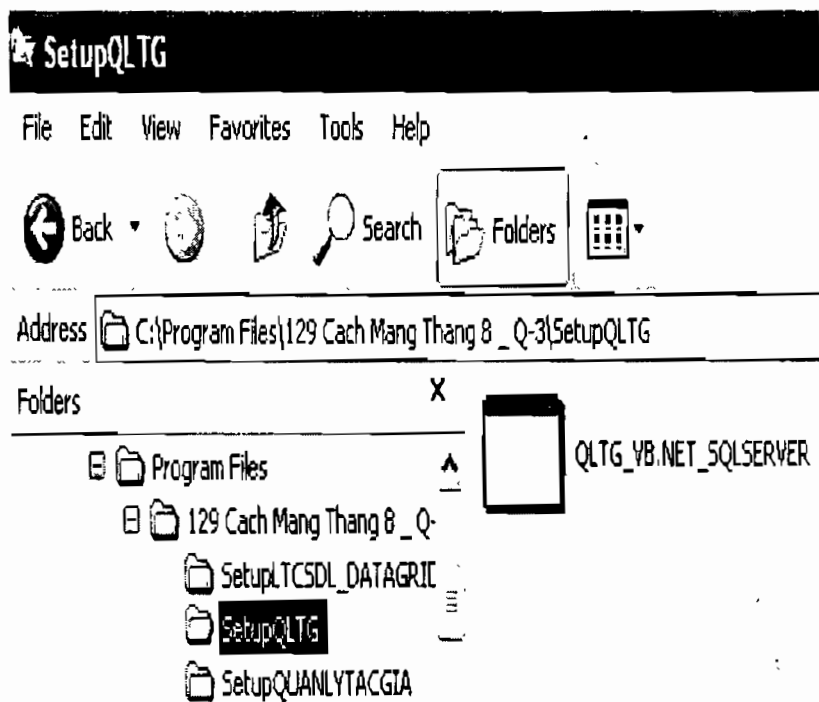
*Ghi chú:*

Sau này muốn xóa, các bạn vào Control Panel, chọn Add/Remove Program để gỡ bỏ

⊙ Click nút **Close** khi quá trình cài đặt đã hoàn tất.

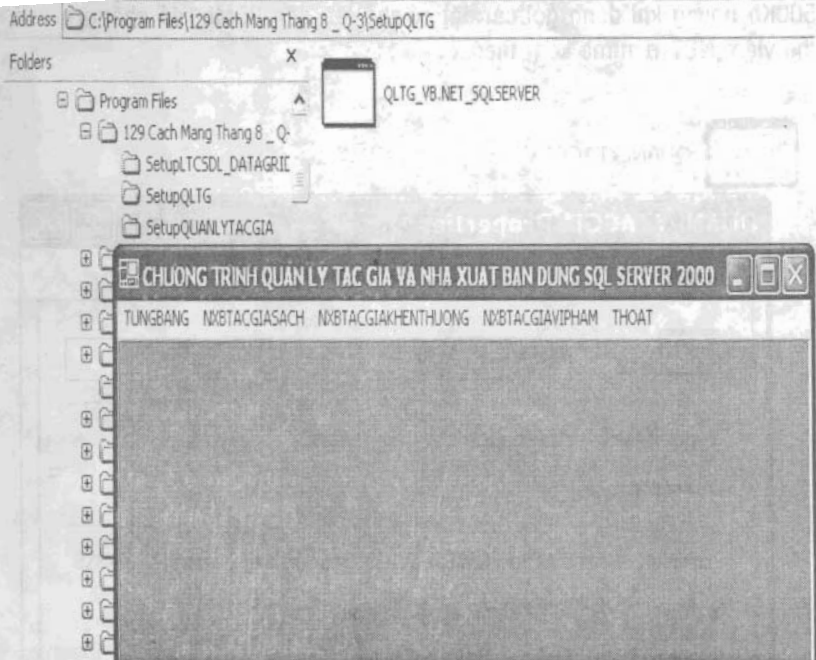
➤ **Chạy thử chương trình LTCSĐL\_DATAGRID vừa cài đặt**

Click nút phải chuột trên menu Start, chọn Explorer. Chọn thư mục C:\Program Files\129CachMangThang8\_Q3\SetupQLTG. Bạn thấy tập tin QLTG\_VB.NET.SQLSERVER như hình sau:



B7H24

⊙ Click nút phải chuột trên tập tin này, chọn **Open** trong menu hiện ra, bạn sẽ thấy chương trình QLTG\_VB.NET\_SQLSERVER hiện ra không cần mở Visual Studio .NET



☐ Lúc này các bạn có thể thao tác giống như khi chạy chương trình.

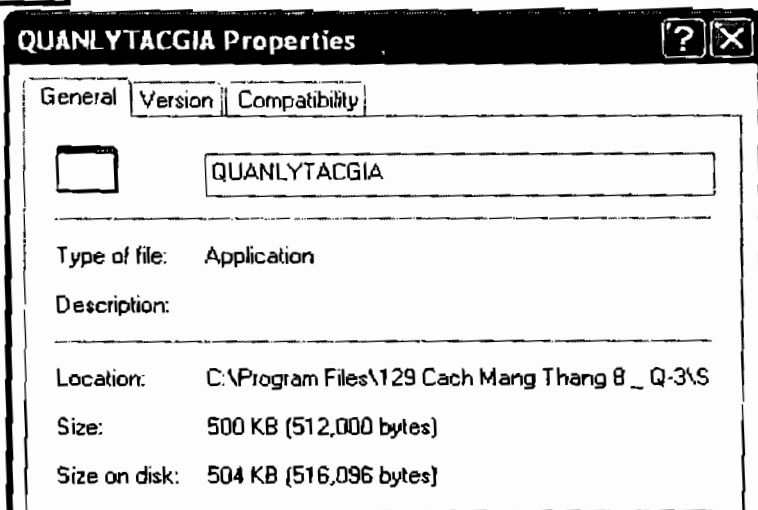
#### Ghi chú:

Trên mỗi máy chạy chương trình .NET cần phải có thư viện hay bộ khung .NET Framework cài đặt sẵn. Microsoft cung cấp cho bạn bộ cài đặt .NET runtime (file Dotnetfx.exe) trên đĩa CD Windows Component Update. Bạn cũng có thể lấy trên mạng từ Site Microsoft (kích thước khoảng 20Mb), sau khi cài đặt, thư viện này chiếm khoảng 30Mb trên đĩa, do đó chúng ta không còn dùng được đĩa mềm để sao chép cài đặt. Tuy nhiên sắp tới Microsoft cam kết sẽ kèm theo bộ .NET runtime trong tất cả các phiên bản của Windows sau này. Nếu máy tính bạn định cài chương trình đã có sẵn .NET Framework runtime, bạn chỉ cần copy chương trình sang máy mới và chạy. Tuy nhiên để có một bộ cài đặt hoàn chỉnh, trình Setup Wizard thường nhúng luôn thư viện .NET runtime kèm theo chương trình để người dùng khỏi cần download hay chép từ nơi khác. Vì vậy không có gì ngạc nhiên nếu chương trình của bạn biên dịch chỉ có khoảng

500Kb nhưng khi đóng gói cài đặt có thể lên đến 25Mb, đó chẳng qua là thư viện .NET runtime kèm theo.



QUANLYTACGIA



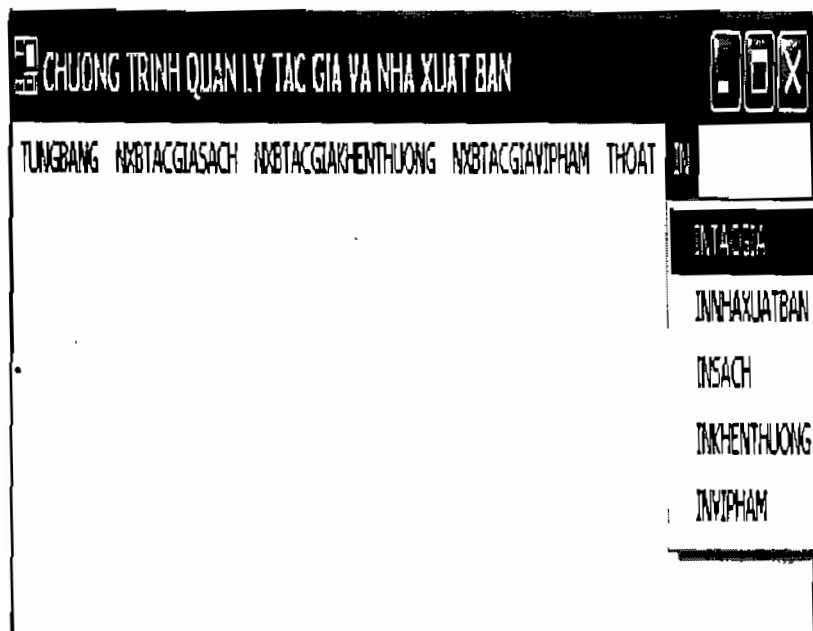
86H26



# Bài 8

## IN NỘI DUNG CỦA CÁC BẢNG DÙNG CRYSTAL REPORT

Trong bài này giả sử chúng ta dùng cơ sở dữ liệu QUANLYTACGIA để thực hành, bạn mở chương trình QUANLYTACGIA, tạo thêm menu IN và các mục con của nó trên form cha như hình sau:



B8H1

- ◆ Vào menu **Project**, chọn **Add Windows Form**
- ◆ Trong cửa sổ hiện ra, di chuyển con trỏ dọc, chọn **Crystal report** trong khung bên phải, đặt tên cho tập tin là **CrystalReportINTACGIA.rpt** trong khung Name như hình sau:



Categories:

+ Local Project Items

Templates:



Text File



Frameset



XSLT File



Style Sheet



Installer Class



Crystal Report



Bitmap File



Cursor File



Icon File

A Crystal Report file that publishes data to a Windows or Web form

Name: CrystalReportINTACGIA.rpt

Open

Cancel

Help

B8H2

◆ Click nút **Open**, hộp thoại sau hiện ra

Crystal Decisions Registration Wizard



crystal decisions

## Experience the Power of Crystal Reports

Register now to access these additional resources

- Award winning Technical Support
- Valuable product updates
- Helpful Samples, Tutorials and Technical Briefs
- Information on Crystal Analysis and Crystal Enterprise

Please Note: Registration is required in order to access some of the benefits listed above. Registration is not a requirement of use.

Back

Next &gt;

Register Later

B8H3

◆ Click nút **Next**, hình sau hiện ra

**Crystal Decisions Registration Wizard**

**Registration Options**  
Choose how you would like to register or enter your Registration Number in the space below

I want to register by

I want to enter the registration number and keycode for this product now

Please enter the 10 digit registration number and the key code in the spaces provided below

Registration Number.

Key Code.

[Click here to read Crystal Decisions' privacy policy](#)

B8H4

◆ Click nút **Next**, hình sau hiện ra

**Crystal Decisions Registration Wizard**

**User Profile Information**  
Please complete all fields to confirm your user profile information.

I want to register by

I want to enter the registration number and keycode for this product now

Please enter the 10 digit registration number and the key code in the spaces provided below

Registration Number.

Key Code.

[Click here to read Crystal Decisions' privacy policy](#)

**User Profile Information**  
Please complete all fields to confirm your user profile information.

First Name:  Last Name:

Company:

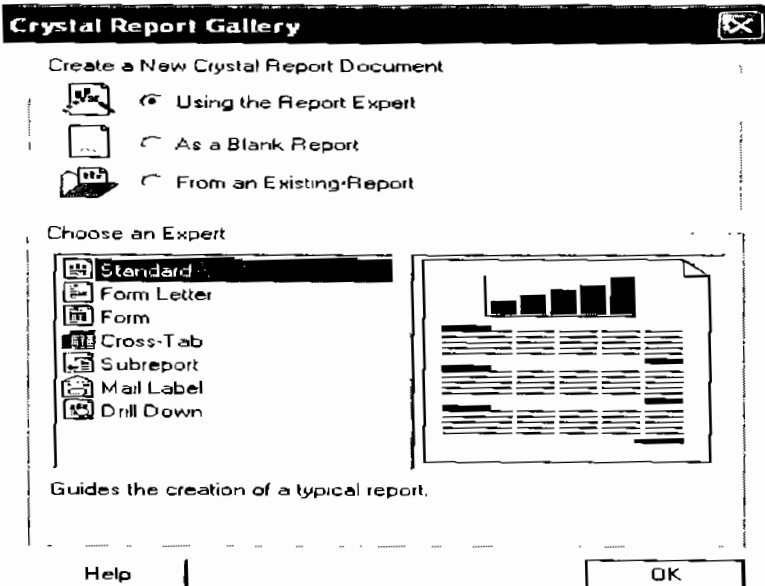
Country/Region:

E-mail:

All fields must be completed to continue

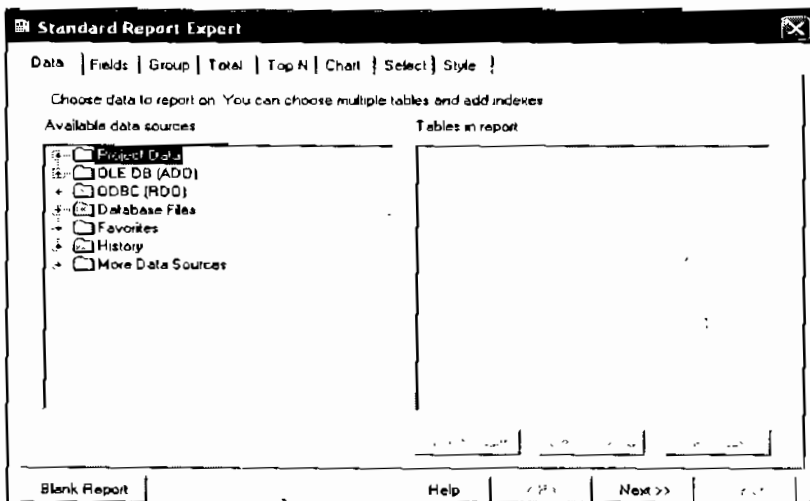
B8H5

◆ Click dấu X để đóng hộp thoại, hộp thoại sau hiện ra



B8H6

◆ Chọn như trong hình, click nút OK, hộp thoại sau hiện ra



B8H7

◆ Click vào dấu "+" trước OLE DB (ADO), bạn thấy hình sau hiện ra

## OLE DB (ADO)



## OLE DB Provider

Select a provider from the list or select a data link file

Provider:

- Microsoft OLE DB Provider for Indexing Serv ▲
- Microsoft OLE DB Provider for Internet Publi
- Microsoft OLE DB Provider for ODBC Driver:
- Microsoft OLE DB Provider for Oracle
- Microsoft OLE DB Provider for Outlook Sear
- Microsoft OLE DB Provider for SQL Server**
- Microsoft OLE DB Simple Provider
- MSDataShape
- OLE DB Provider for Microsoft Directory Ser
- SQL Server Replication OLE DB Provider fo

Use Data Link File: Microsoft Data Link File: 

&lt; Back

Next &gt;

Finish

Cancel

Help

B8H8

◆ Chọn Microsoft OLE DB Provider for SQL Server, click nút Next

## OLE DB (ADO)



## Connection Information

Provide necessary information to log on to the chosen data source.

Server:

COMPUTER\DAUQUANGTUAN

User ID:

Password:

Database:

QUANLYTACGIA

Integrated Security: 

&lt; Back

Next &gt;

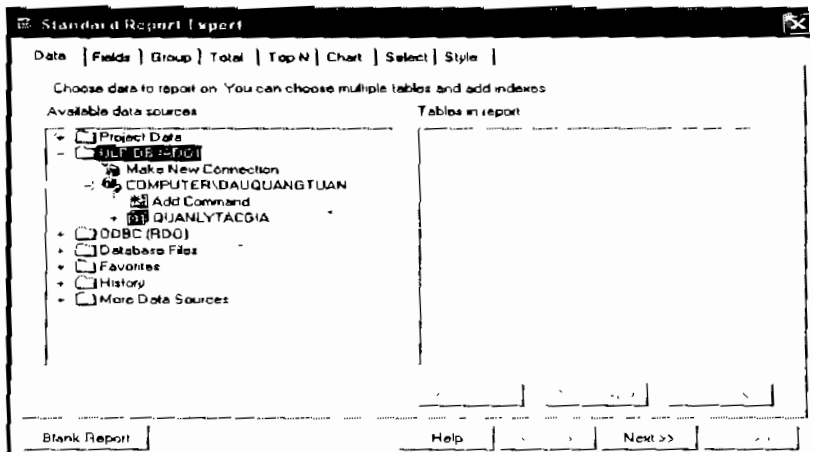
Finish

Cancel

Help

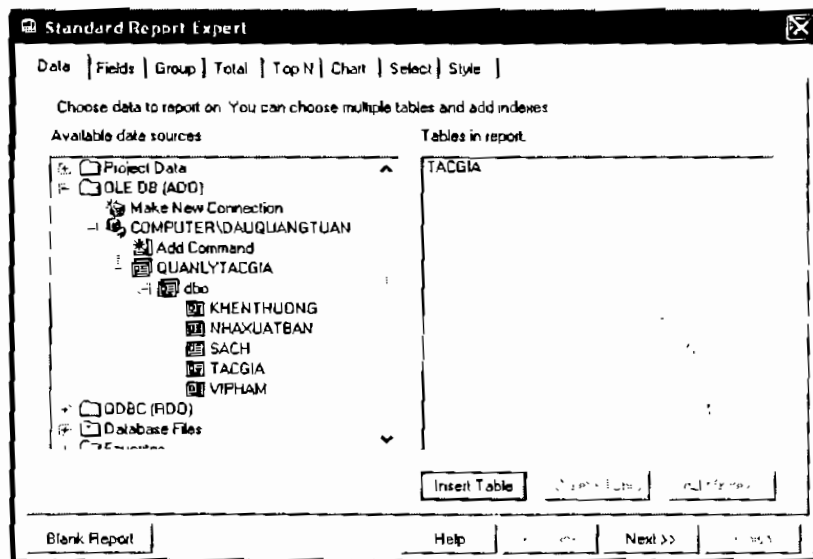
B8H9

◆ Gõ tên Server, Database, và click dấu chọn Integrated Security, click nút Next



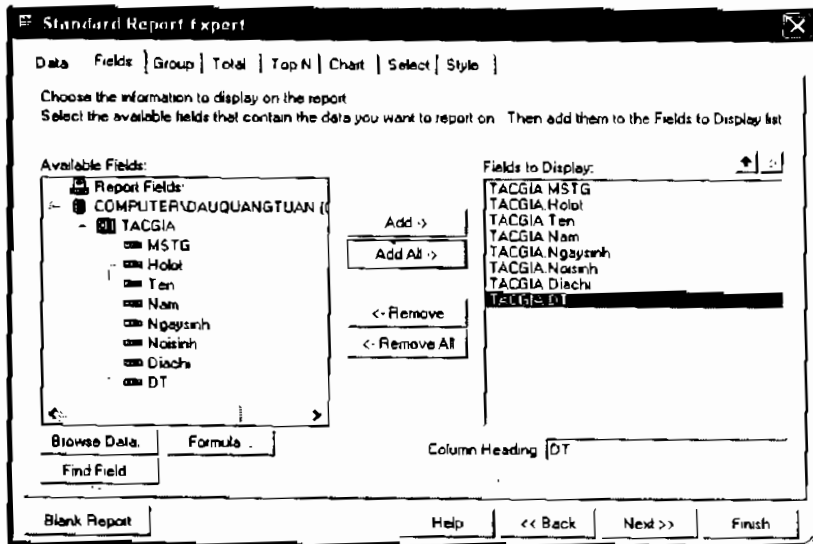
B8H10

◆ Click dấu "+" trước **QUANLYTACGIA**, các bảng của CSDL này hiện ra, chọn bảng **TACGIA**, click nút có tên **Insert Table**, bạn thấy hình như sau:



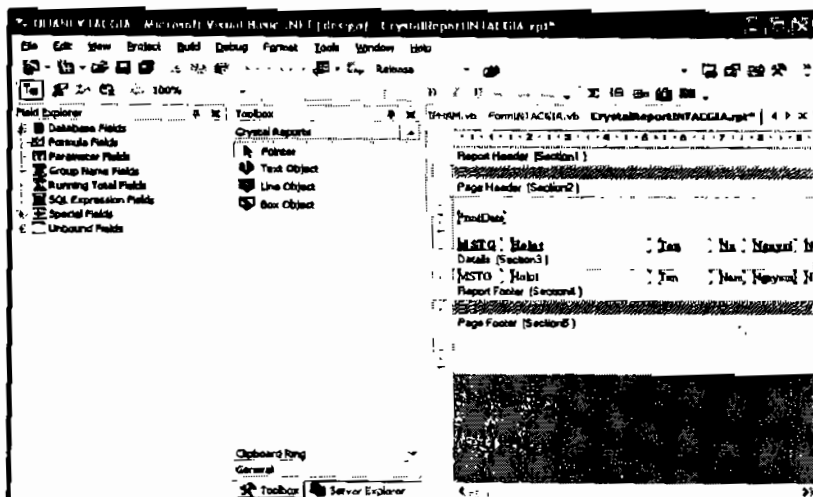
B8H11

◆ Click nút **Next** hộp thoại sau hiện ra



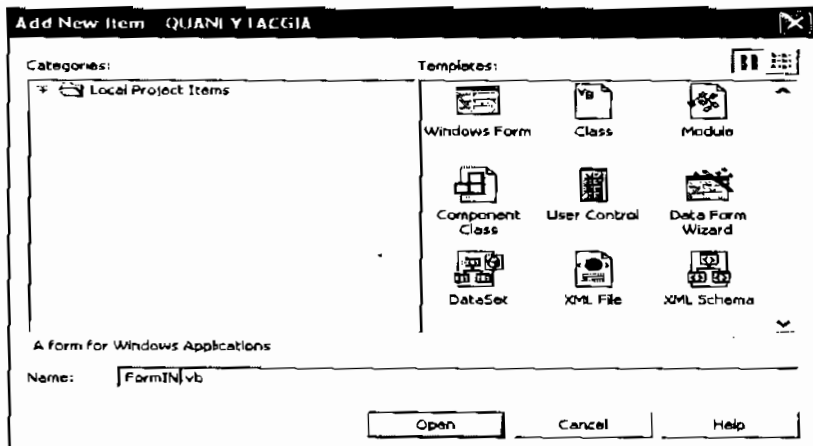
B8H12

◆ Click nút **Add All** cho tất cả các vùng nhảy qua khung bên phải, click nút **Finish**



B8H13

◆ Vào menu **File**, chọn **Save CrystalReportINTACGIA.rpt**  
 ◆ Vào menu **Project**, chọn **Add Windows Form**, đặt tên cho Form là **FormIN.vb** như hình sau:

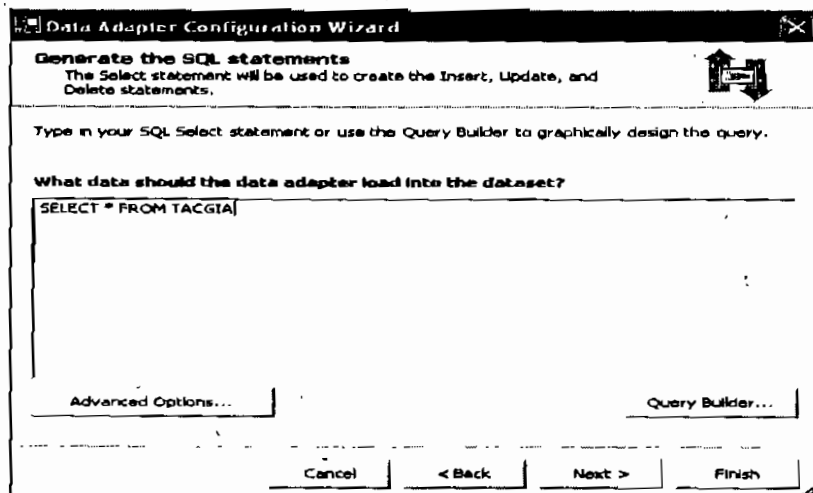


B8H14

◆ Click nút **Open**, Form thiết kế hiện ra, Click nút phải chuột trên Form, chọn **Properties**, xác lập thuộc tính **Font** là VNI-Times, 12, bold và thuộc tính **Text** là "IN THÔNG TIN CUA FORM TAC GIA".

◆ Click tab có tên **Data** trong hộp công cụ, đưa điều khiển **OleDbDataAdapter** vào Form, click nút **Next**, chọn CSDL có tên **QUANLYTACGIA.dbo**, click nút **Next** cho đến khi hiện ra hộp thoại cho bạn nhập câu lệnh SQL, bạn nhập câu lệnh sau:

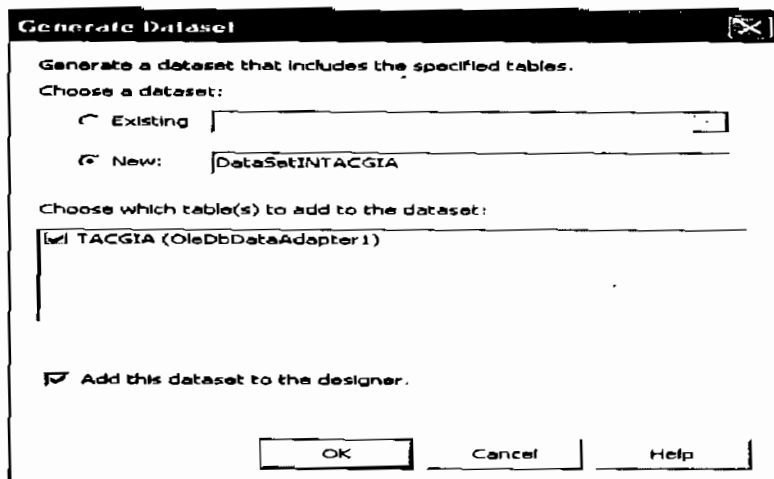
**SELECT \* FROM TACGIA**



B8H15

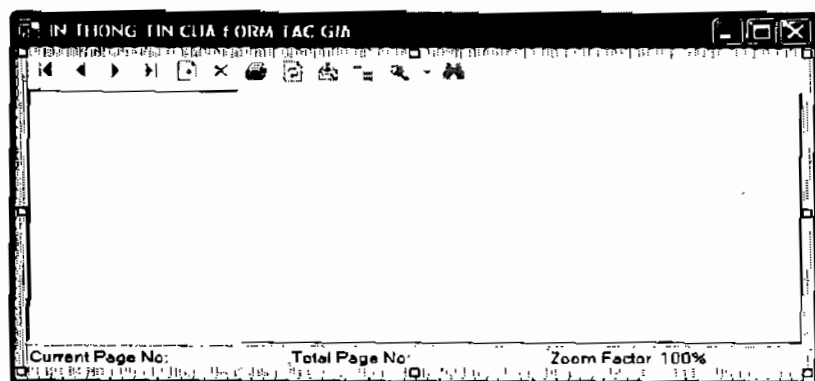


- ◆ Click nút **Finish**
- ◆ Click chọn **FormIN.vb**
- ◆ Vào menu **Data**, chọn **Generate Dataset**
- ◆ Click nút **New**, nhập **DataSetINTACGIA**



B8H16

- ◆ Click nút **OK**
- ◆ Click tab có tên **Windows Forms**, chọn điều khiển có tên **CrystalReportViewer** và đưa vào Form để có hình như sau:



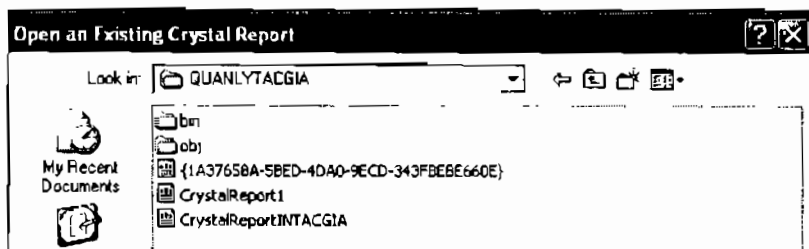
OleDbDataAdapter1

OleDbConnection1

DataSetINTACGIA1

B8H17

◆ Click nút **phải chuột** trên điều khiển **CrystalReportViewer**, chọn **Properties**, xác lập thuộc tính **Font** là VNI-Times, 12, Bold, xác lập thuộc tính **ReportSource** là đường dẫn chứa tập tin **CrystalReportINTACGIA.rpt** (click đầu mũi tên của khung bên phải, click nút **Browse** để tìm đến tập tin **.rpt** ở trên, tập tin này sẽ nằm trong thư mục **QUANLYTACGIA**)



B8H18

◆ Bạn vào cửa sổ viết code của Form cha, click mục **MenuINTACGIA** ở khung bên trái, chọn sự kiện **Click** trong khung bên phải, viết code cho mục này như sau:

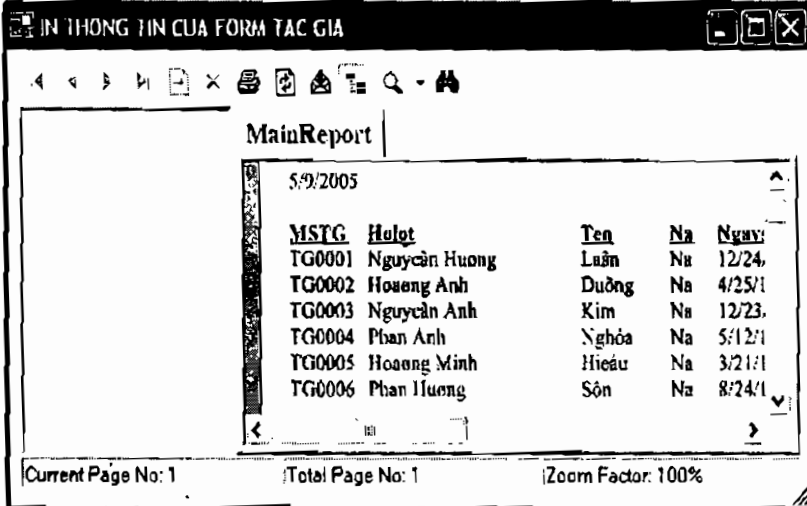
```
Private Sub MenuINTACGIA_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As  
System.EventArgs) Handles MenuINTACGIA.Click  
Dim INTACGIA As New FormIN  
INTACGIA.ShowDialog()
```

End Sub

*Giải thích:*

Cho hiện FormIN khi click chọn mục INTACGIA khi chạy chương trình

◆ Nhấn phím **F5** chạy thử chương trình, click chọn mục **INTACGIA**, bạn sẽ thấy hình như sau:

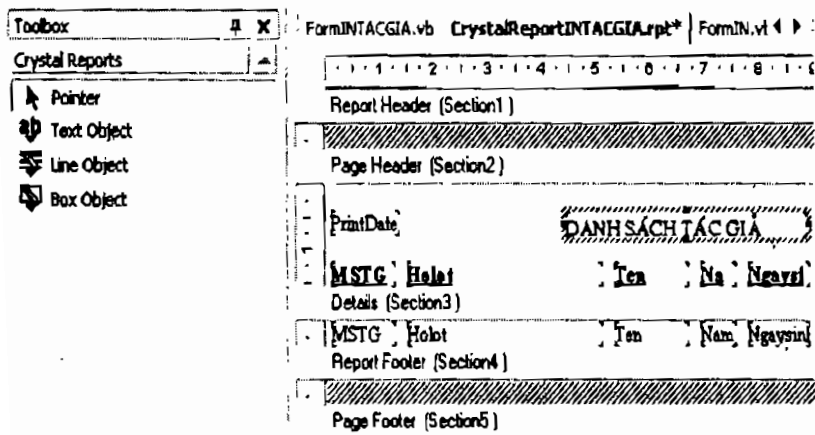


B8H19

◆ Click hình chiếc máy in trên thanh công cụ, sẽ in bảng TACGIA cho chúng ta.

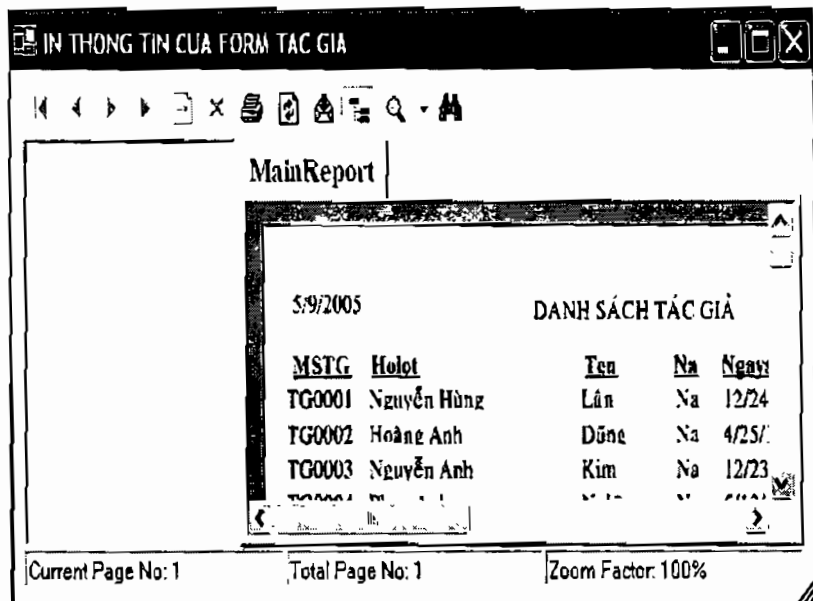
*Ghi chú:*

Chúng tôi chỉ giới thiệu cách in một bảng, các bạn có thể in thông tin của hai hay nhiều bảng, nó sẽ thể hiện khi bạn chọn các bảng, chọn các vùng của bảng... trong phần thiết kế tập tin .rpt, các bạn thử tìm tòi và thiết kế thử, không có gì là khó cả.



B8H20

◆ Bạn chọn tập tin **CrystalReportINTACGIA.rpt** để cho nó hiện trên màn hình, chọn điều khiển **Text Object** trong hộp công cụ, vẽ và nhập **"DANH SÁCH TÁC GIẢ"** như hình trên, nhấn phím **Ctrl** đồng thời click chọn tên các vùng **MSTG, Holot, Ten ...** trong dòng của mục **Details (Section3)**, chọn Font **VNI-Times, 10, bold**. Lưu tập tin .rpt này, chạy lại chương trình, bạn sẽ có hình như sau:



B8H21

Bạn thấy có tựa đề **"DANH SÁCH TÁC GIẢ"** và chữ trong các vùng bây giờ là tiếng Việt theo font **VNI-Times, size 10**.

Tập sách này xin được dừng ở đây. Các bạn cùng đón đọc tựa sách mà chúng tôi phát hành cùng với cuốn sách này đó là:

**Lập trình cơ sở dữ liệu**  
**ACCESS 2003 và Visual Basic .NET**

## Mục lục

Bài 1: Cách cài đặt SQL SERVER 2000	1
Bài 2: Tạo cơ sở dữ liệu, bảng và mối liên hệ giữa các bảng trong SQL SERVER 2000	12
Bài 3: Cách vào để viết chương trình trong VISUAL BASIC.NET	61
Bài 4: Chương trình QUẢN LÝ HỌC SINH Dùng SQL SERVER 2000 và VISUAL BASIC.NET	86
Bài 5: Chương trình QUẢN LÝ TÁC GIẢ Dùng SQL SERVER 2000 và VISUAL BASIC.NET	197
Bài 6: Chương trình QUẢN LÝ NHÂN VIÊN VÀ KHÁCH HÀNG Dùng SQL SERVER 2000 và VISUAL BASIC.NET	345
Bài 7: Đóng gói và phân phối ứng dụng chương trình Visual Basic .NET	453
Bài 8: In nội dung các bảng dùng Crystal Report	471

**TỰ HỌC LẬP TRÌNH CƠ SỞ DỮ LIỆU :  
SQL SERVER & VISUAL BASIC.NET**

**ĐẬU QUANG TUẤN**



*Chịu trách nhiệm xuất bản :*

**HOÀNG CHÍ DŨNG**

*Biên tập :* **NGUYỄN BẢO THÙY**

*Sửa bản in :* **NGUYỄN ĐẠI THẮNG**

*Trình bày :* **ĐẬU MINH NHẬT - ĐẬU THUY QUỲNH TRÂM**

*Bìa :* **THIÊN Ý**

Thực hiện liên doanh: **ĐẬU QUANG TUẤN**

---

In 1.000 cuốn, khổ 14,5 x 20,5 cm. Tại Xí Nghiệp IN SỐ 5, 2 Tân Thành, Q.5, Tp.HCM. Số ĐKKHXB: 72-230/XB-QLXB. Giấy TNKHXB số: 24/XB cấp ngày 07.05.2005. In xong và nộp lưu chiểu tháng 6 - 2005.

